



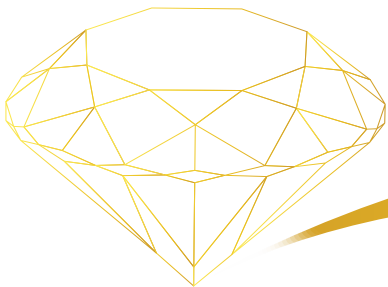
2014

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TÍCH HỢP
NỬA THẾ KỶ VÌ NHỮNG NIỀM TIN CỦA BẠN**

Bảo Việt chọn kim cương là hình ảnh chủ đạo và xuyên suốt trong Báo cáo thường niên tích hợp năm 2014 vì kim cương là vĩnh cửu, kim cương là mãi mãi.

Kim cương tựa như niềm tin mà hàng triệu khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng trao gửi ở Bảo Việt trong suốt nửa thế kỷ qua.

Vì những niềm tin bền vững, trong sáng, thuần khiết như kim cương của khách hàng gửi gắm, Bảo Việt sẽ phát triển hơn và vươn tới những tầm cao mới.



*“ Các bạn đã trao và chúng tôi đã nhận
Mang niềm tin ấy, xuyên thiên niên kỷ chúng tôi đi
Thông điệp chúng tôi, vì niềm tin các bạn
Bảo Việt chúng tôi - vì hạnh phúc con người ”*

Trích lời bài hát “Bảo Việt – Vì niềm tin các Bạn” – Nhạc sỹ Nguyễn Cường



Mục Lục

01 THÔNG ĐIỆP

Bảo Việt - Nửa thế kỷ Vì những niềm tin của bạn

• Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị	14
• Thông điệp Tổng Giám đốc	18
• Thông điệp cổ đông chiến lược Sumitomo Life	22
• Điểm nhấn đầu tư	24
• Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản 2009-2014	26
• Các hoạt động tiêu biểu 2014	30
• Các danh hiệu, giải thưởng tiêu biểu 2014	32
• Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu 2014	34

02 TỔNG QUAN

*Trần trọng quá khứ
Vững tin hiện tại
Bền vững tương lai*

• Nửa thế kỷ giữ vững niềm tin	42
• Văn hóa doanh nghiệp	50
• Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh	52
• Cơ cấu quản trị Tập đoàn Bảo Việt	54
• Giới thiệu thành viên Ban Lãnh đạo	56
• Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông	68
• Đánh giá thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2015	70
• Định hướng chiến lược giai đoạn 2016 - 2020	77
• Định hướng chiến lược phát triển bền vững	83

03 KẾT QUẢ KINH DOANH 2014

Khơi thông mọi nguồn lực

• Kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính - bảo hiểm năm 2014	90
• Kết quả kinh doanh năm 2014 và kế hoạch năm 2015	102
• Hoạt động kinh doanh theo các đơn vị thành viên	116

04 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Phát huy sức mạnh tổng thể

• Quản trị doanh nghiệp	148
• Báo cáo của Hội đồng Quản trị	154
• Báo cáo của Ban Kiểm soát	162
• Báo cáo của các Ủy ban - Hội đồng	164
• Báo cáo Quản trị công ty 2014	170
• Quản lý rủi ro	180
• Kiểm toán nội bộ	194
• Quản trị nguồn nhân lực	204
• Quan hệ nhà đầu tư	210

05 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Niềm tin vững bền - Hướng tới tương lai

• Bảo Việt - Đối diện thách thức, nắm bắt cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững	218
• Gắn kết các bên liên quan trong hoạt động phát triển bền vững	222
• Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững	229
• Đầu tư phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ	236
• Đầu tư cho sự phát triển của xã hội	242
• Gắn kết người lao động trong các hoạt động của doanh nghiệp	244
• Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động	250

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giữ vững niềm tin bằng sự minh bạch

• Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)	264
• Báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)	366
• Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS)	415



2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TÍCH HỢP
BẢO VIỆT - NỬA THẾ KỶ VÌ NHỮNG NIỀM TIN CỦA BẠN



2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TÍCH HỢP TRÊN NỀN TẢNG DI ĐỘNG



2014

BẢO VIỆT NỬA THẾ KỶ VÌ NHỮNG NIỀM TIN CỦA BẠN

Thể hiện sự trân trọng, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp mà bao lớp thế hệ cán bộ, nhân viên, tư vấn viên của Bảo Việt đã xây dựng, gìn giữ và bồi đắp nên trong suốt nửa thế kỷ qua.

Những giá trị ấy là kết tinh từ niềm tin vững chắc của hàng triệu khách hàng, cổ đông, đối tác và cam kết vững bền của cán bộ, nhân viên Bảo Việt trên mọi nẻo đường đất nước.

Nhìn lại chặng đường đã qua, niềm tin chính là yếu tố tạo nên sức mạnh giúp Bảo Việt vượt qua khó khăn, nắm bắt cơ hội trong nửa thế kỷ với những thành quả đáng tự hào.



2015

KHOI THÔNG MỌI NGUỒN LỰC PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG THỂ

Nhằm nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm của Bảo Việt là khơi thông và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực tiềm ẩn và sẵn có trong toàn hệ thống đã được kiến tạo, dựng xây và bồi đắp bởi bao lớp thế hệ cán bộ, nhân viên, tư vấn viên Bảo Việt trong suốt nửa thế kỷ qua.

Từ đó tạo đà phát huy sức mạnh tổng thể để khởi đầu cho nửa thế kỷ phát triển tiếp theo của Bảo Việt – Nửa thế kỷ với những bước chuyển mình mạnh mẽ, lớn lao, vươn tới tầm cao mới, thực hiện sứ mệnh bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.

Bảo Việt tin rằng với sự đoàn kết, thống nhất của toàn thể đội ngũ cán bộ, nhân viên, tư vấn viên trên toàn hệ thống và sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ lãnh đạo, Bảo Việt sẽ đạt được nhiều thành công và phát triển bền vững cùng thị trường tài chính - bảo hiểm Việt Nam trong tương lai.

“

*Các bạn đã trao và chúng tôi đã nhận
Mang niềm tin ấy, xuyên thiên niên kỷ chúng tôi đi
Thông điệp chúng tôi-vì niềm tin các bạn
Bảo Việt chúng tôi-vì hạnh phúc con người* ”

Trích lời bài hát “Bảo Việt, Vì niềm tin các bạn”- Nhạc sĩ Nguyễn Cường
dành tặng cho các thế hệ cán bộ, nhân viên, tư vấn viên của Bảo Việt nhân
dịp kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt (15/01/1965-15/01/2015)

TẦM NHÌN ĐẾN 2025 CỦA BẢO VIỆT

Giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính vững mạnh, tăng trưởng hiệu quả và bền vững.





SỨ MỆNH

Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

+ TINH THẦN TRÁCH NHIỆM
Có tinh thần trách nhiệm với khách hàng, cộng đồng, đồng nghiệp và trung thực trong công việc.

+ TINH THẦN HỢP TÁC
Thể hiện tinh thần hợp tác và tôn trọng đồng nghiệp.



+ NĂNG ĐỘNG
Luôn năng động và sẵn sàng tiếp nhận các ý tưởng, cơ hội mới.

+ CHẤT LƯỢNG
Tăng cường chất lượng hiệu quả công việc và hướng tới chuẩn mực cao hơn.

+ DỄ TIẾP CẬN
Tạo phong cách làm việc gần gũi, dễ tiếp cận và phục vụ khách hàng chu đáo như phục vụ chính mình.



2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TÍCH HỢP TRÊN NỀN TẢNG DI ĐỘNG



01

THÔNG ĐIỆP

BẢO VIỆT
NỬA THẾ KỶ VÌ NHỮNG NIỀM TIN CỦA BẠN

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC
THÔNG ĐIỆP CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC SUMITOMO LIFE
ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ
CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN 2009 - 2014
CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU NĂM 2014
CÁC DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2014
CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ TIÊU BIỂU NĂM 2014

THÔNG ĐIỆP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Bảo Việt - Nửa thế kỷ Vì những niềm tin của bạn



“Nửa thế kỷ Vì những niềm tin của bạn” là thông điệp, là lời tri ân, là cam kết của Bảo Việt với khách hàng, quý cổ đông và toàn thể đội ngũ cán bộ, nhân viên, tư vấn viên của Bảo Việt tới mọi miền của tổ quốc - những người đã quan tâm, đồng hành và đặt niềm tin nơi Bảo Việt trong suốt nửa thế kỷ xây dựng, hình thành và phát triển tại Việt Nam.

ÔNG ĐÀO ĐÌNH THI
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

Trong những năm vừa qua, Tập đoàn Bảo Việt đã thể hiện quyết tâm cao trong hoạt động quản trị và điều hành doanh nghiệp và đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, đảm bảo lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông, đồng thời thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quyền lợi cho khách hàng, nhà đầu tư và người lao động, tạo nền tảng thực hiện chiến lược phát triển bền vững trong tương lai.

TRẦN TRỌNG QUÁ KHỨ

Hành trình nửa thế kỷ Bảo Việt - Vì những niềm tin của bạn!

Nửa thế kỷ trước, ngày 15/01/1965, Công ty Bảo hiểm Việt Nam (gọi tắt là Bảo Việt) - tiền thân của Tập đoàn Bảo Việt - đã chính thức đi vào hoạt động và ngày này mãi mãi là dấu mốc lịch sử đối với các thế hệ lãnh đạo và cán bộ nhân viên Bảo Việt.

50 năm xây dựng và phát triển của Bảo Việt với biết bao thăng trầm và đầy ắp những sự kiện, cột mốc đáng nhớ. Từ một công ty bảo hiểm với quy mô nhỏ, Bảo Việt đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để phát triển và từng bước khẳng định vị trí dẫn đầu của mình trên thị trường tài chính - bảo hiểm Việt Nam. Bảo Việt khẳng định vai trò đầu tàu và thiết lập thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam, tự hào là doanh nghiệp tiên phong khai mở thị trường bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam (thành lập Bảo Việt Nhân thọ năm 1996), thành lập công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam (năm 1999), và thành lập Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bảo Việt (năm 2005 - tiền thân của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt).

Tháng 10/2007, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa và thành lập Tập đoàn kinh tế, Bảo Việt là doanh nghiệp đầu tiên cổ phần hóa thành công với sự tham gia của đối tác chiến lược nước ngoài. Sau 50 năm xây dựng và phát triển, đến nay Bảo Việt đã trở thành một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm vững mạnh với ba trụ cột chính là bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính, góp phần tạo lập và phát triển thị trường tài chính - bảo hiểm Việt Nam, đồng thời đóng góp vào công cuộc đổi mới xây dựng và phát triển nền kinh tế đất nước.

Những thành công ấy là thành quả của sự lao động, sáng tạo của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, tư vấn viên Bảo Việt và đặc biệt là niềm tin, sự ủng hộ quý báu của quý vị khách hàng, của cổ đông và các đối tác.

Nhìn lại từng bước đi trong quá trình phát triển, niềm tin chính là yếu tố tạo nên sức mạnh giúp Bảo Việt vượt qua khó khăn, nắm bắt cơ hội để phát triển tới ngày hôm nay. Tôi tin rằng, những nền tảng và thành quả trong nửa thế kỷ qua sẽ giúp Bảo Việt khẳng định vị thế của doanh nghiệp hàng đầu trong thị trường tài chính - bảo hiểm Việt Nam, giữ được niềm tin vững chắc của khách hàng, cổ đông, đối tác và cam kết vững bền của cán bộ Bảo Việt.

VỮNG TIN HIỆN TẠI

Năm 2015 – Khởi thông mọi nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể

Xác định tầm nhìn chiến lược đến năm 2015 của Bảo Việt là trở thành Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, có tiềm lực tài chính vững mạnh, từng bước hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới dựa trên ba trụ cột: bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính, trong giai đoạn 2011 – 2015, Bảo Việt đã tập trung thực hiện ba nhóm giải pháp chiến lược tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên, cụ thể như sau:

Thứ nhất, tạo nền tảng phát triển bền vững thông qua hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế; phát triển hệ thống công nghệ thông tin; đầu tư phát triển nguồn nhân lực; phát triển thương hiệu;

Thứ hai, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của các hoạt động kinh doanh cốt lõi, trong đó tập trung duy trì vị thế dẫn đầu, củng cố lợi thế cạnh tranh và phát triển lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, tiếp tục mở rộng hoạt động đầu tư, kinh doanh các dịch vụ tài chính;

Thứ ba, phát huy sức mạnh tổng thể thông qua tăng cường hợp tác nội bộ, cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ tài chính trọn gói; phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới trong lĩnh vực bảo hiểm y tế, giáo dục, hưu trí...

Đến thời điểm hiện tại, Bảo Việt đã triển khai thực hiện và cơ bản hoàn thành các giải pháp chiến lược đã đề ra. Những nỗ lực này đã góp phần từng bước hoàn thiện mục tiêu phát triển Bảo Việt trở thành một định chế tài chính - bảo hiểm hàng đầu Việt Nam thông qua khả năng cung cấp dịch vụ kết hợp trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính như chứng khoán, đầu tư, quản lý quỹ, ngân hàng.

Năm 2014, tổng doanh thu hợp nhất của toàn Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện là 19.050 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 12,5% giai đoạn 2009 - 2014; Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.331 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 5,6% giai đoạn 2009 - 2014. Tổng doanh thu của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt đạt 1.340 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2009 - 2014 đạt 7,8%; Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt đạt 1.121 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2009 - 2014 đạt 6,8%. Năm 2014 Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đóng góp vào ngân sách nhà nước 1.626 tỷ đồng.

Năm 2015, Hội đồng Quản trị định hướng nhiệm vụ trọng tâm là tăng cường hợp tác nội bộ, phát huy sức mạnh tổng thể trên toàn hệ thống Bảo Việt, hướng tới hoàn thành mục tiêu chiến lược kinh doanh 05 năm 2011 - 2015 của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, tạo đà phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn 2016 - 2020.

BỀN VỮNG TƯƠNG LAI

Tầm nhìn 2025 và định hướng chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020

Với vị thế là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm quy mô hàng đầu thị trường, Bảo Việt có lợi thế về thương hiệu uy tín, mạng lưới rộng khắp, cơ sở khách hàng lớn, và sản phẩm đa dạng. Để phát huy những lợi thế cạnh tranh này, Bảo Việt luôn chú trọng công tác nghiên cứu và xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn để phân bổ và khai thác các nguồn lực một cách hiệu quả và bền vững. Trên tinh thần đó, Hội đồng Quản trị xác định tầm nhìn đến năm 2025 là **“Giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng hiệu quả và bền vững”**.

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi, khó khăn của nền kinh tế và các lợi thế cạnh tranh, chiến lược đến năm 2020 của Tập đoàn Bảo Việt hướng đến 3 mục tiêu:

- **Tăng trưởng hiệu quả và bền vững** trong đó đẩy mạnh hợp tác nội bộ, tập trung phát huy sức mạnh hợp lực trên toàn Tập đoàn giữa lĩnh vực truyền thống bảo hiểm và các lĩnh vực dịch vụ tài chính khác;
- **Tăng cường tiềm lực tài chính** thông qua đa dạng hóa các phương thức huy động vốn và kiểm soát chặt chẽ hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo cổ tức cho cổ đông;
- **Củng cố năng lực quản trị và quản lý kinh doanh trên nền tảng Một Bảo Việt**, áp dụng thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

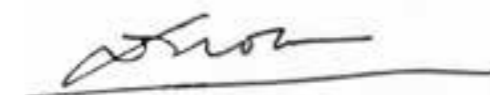
Kính thưa quý vị,

Năm mươi năm qua là một chặng đường vẻ vang và rất đáng tự hào của Bảo Việt. Thay mặt Ban lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Bộ Tài chính và các Bộ, Ngành liên quan; các đồng chí nguyên là lãnh đạo, cán bộ nhân viên và tư vấn viên qua các thời kỳ của Bảo Việt; các quý khách hàng, các đối tác và các cổ đông đã luôn đồng hành, hỗ trợ và đóng góp tích cực vào quá trình xây dựng và phát triển của Bảo Việt.

Chúng tôi tin tưởng và cam kết sẽ nỗ lực thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh theo chiến lược phát triển đã đặt ra để xứng đáng với niềm tin mà quý khách hàng, đối tác và quý vị cổ đông đã và sẽ tiếp tục dành cho Bảo Việt.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt, tôi xin chúc các quý vị cổ đông, quý khách hàng và đối tác An khang - Thịnh vượng.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt



ĐÀO ĐÌNH THI

THÔNG ĐIỆP

TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Khởi thông mọi nguồn lực để phát huy sức mạnh tổng thể

Để khởi đầu cho một nửa thế kỷ phát triển sắp tới, năm 2015 Bảo Việt chọn là năm khởi thông mọi nguồn lực nhằm phát huy sức mạnh tổng thể trên toàn hệ thống Bảo Việt. Chính niềm tin, sự đồng lòng, đoàn kết của 16 người tiên phong đã khởi tạo và xây dựng Bảo Việt được như ngày hôm nay, và chúng tôi tin rằng, cũng với niềm tin, ý chí, sự đồng lòng, đoàn kết đó, với sức mạnh hợp lực của gần 70.000 cán bộ nhân viên, đại lý tư vấn viên bảo hiểm và môi giới chứng khoán trên toàn hệ thống, Bảo Việt sẽ phát triển hơn nữa, để trong nửa thế kỷ tới, hình ảnh của Bảo Việt sẽ vươn tới một tầm cao mới.

Năm 2014, nền kinh tế vĩ mô đã có nhiều dấu hiệu khởi sắc khi đà phục hồi tăng trưởng được cải thiện, GDP đạt 5,98%, tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều rủi ro khi số lượng doanh nghiệp phá sản vẫn gia tăng, tổng cầu yếu, vấn đề nợ xấu ngân hàng vẫn chưa được giải quyết. Tuy nhiên, đối với Tập đoàn Bảo Việt, năm 2014 là năm bản lề của giai đoạn thực hiện đề án tái cấu trúc (2013 – 2015), là năm tăng tốc để hoàn thiện chiến lược kinh doanh giai đoạn 5 năm (2011 – 2015), nhờ vào sự kiên trì và tuân thủ chặt chẽ việc thực hiện các giải pháp chiến lược đã đề ra, Bảo Việt đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ so với giai đoạn trước, đạt được tăng trưởng toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực hoạt động.

Phát triển bền vững, ổn định

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2014 toàn Tập đoàn đạt 19.050 tỷ đồng, hoàn thành 110% kế hoạch, tăng trưởng 11,5% so với năm 2013. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.627 tỷ đồng, hoàn thành 119,1% so với kế hoạch 2014.

Công ty Mẹ đạt doanh thu 1.340 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1.175 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.121 tỷ đồng, tăng trưởng 1,5% so với năm 2013, hoàn thành kế hoạch đặt ra, tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ đạt 16,5%.

Song song với đó, năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục hưởng ứng các chủ trương tiết giảm chi phí của Bộ Tài chính, riêng trong năm 2014, Tập đoàn đã ký cam kết, triển khai các biện pháp trong toàn hệ thống và hoàn thành mục tiêu tiết giảm 155 tỷ đồng.

Tăng trưởng mạnh mẽ trong lĩnh vực kinh doanh nòng cốt

Đối với lĩnh vực bảo hiểm, đặc biệt là lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ – một trong những lĩnh vực kinh doanh nòng cốt của Bảo Việt, năm 2014 là một năm vô cùng khởi sắc.

Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ: tổng doanh thu đạt 10.765 tỷ đồng, tăng trưởng 26,9% so với năm 2013, đặc biệt doanh thu khai thác mới thực thu đạt 1.873 tỷ đồng, tăng trưởng 28,4% so với năm 2013. Quá trình phát triển và tăng trưởng mạnh của mảng bảo hiểm nhân thọ gắn liền với sự chuyển biến mạnh mẽ trong mô hình quản lý kinh doanh, tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ và yếu tố thuận lợi đến từ thị trường.

Trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ: năm 2014, Bảo hiểm Bảo Việt đạt 6.510 tỷ đồng về tổng doanh thu, lợi nhuận trước thuế đạt 320 tỷ đồng. Trong năm 2014, nhận định được các yếu tố thị trường và đặt trọng tâm vào quá trình chuyển đổi mô hình quản trị, mô hình kinh doanh; nâng cấp sản phẩm và cải thiện chất lượng dịch vụ, tập trung cho công tác phát triển các sản phẩm bán lẻ và củng cố hệ thống đại lý để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững.

Năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt hướng nhiệm vụ trọng tâm là phát huy sức mạnh tổng thể trên cơ sở khởi thông mọi nguồn lực, tăng cường hợp tác nội bộ trên toàn hệ thống Bảo Việt, hướng tới hoàn thành mục tiêu chiến lược kinh doanh 05 năm 2011 - 2015 của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, tạo đà phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn 2016 - 2020.



ÔNG NGUYỄN QUANG PHI
Thành viên Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Giữ vững đà phát triển đối với mảng dịch vụ tài chính

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán có nhiều diễn biến phức tạp, đà phục hồi thị trường không khởi sắc được như những dự báo từ đầu năm, Công ty Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) tiếp tục đạt kết quả kinh doanh đáng ghi nhận khi tổng doanh thu cả năm đạt 306 tỷ đồng, tăng 47,5% so với năm 2013, hoàn thành 154,5% kế hoạch đặt ra; lợi nhuận trước thuế đạt 132 tỷ đồng, tăng trưởng 53,4% so với cùng kỳ. Nỗ lực trong tái cơ cấu chiến lược kinh doanh, danh mục đầu tư và sản phẩm dịch vụ đã giúp BVSC từng bước vững chắc vượt qua giai đoạn khó khăn của thị trường nói chung và khó khăn của công ty nói riêng.

Là công ty có tổng tài sản quản lý quỹ lớn thứ hai thị trường, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt mang trọng trách to lớn là quản lý tổng tài sản cho toàn hệ thống Bảo Việt. Năm 2014, Công ty tiếp tục đạt được tăng trưởng lớn trong doanh thu và lợi nhuận khi cả hai chỉ tiêu đều vượt kế hoạch, cụ thể tổng doanh thu đạt 52 tỷ đồng, tăng trưởng 6,1% so với năm 2013, lợi nhuận trước thuế đạt 15 tỷ đồng.

Đối với mảng kinh doanh bất động sản, Công ty Đầu tư Bảo Việt đạt tổng doanh thu năm 2014 là 313 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 22 tỷ đồng, tăng lần lượt là 54% và 6% so với cùng kỳ năm 2013, đóng góp vào bức tranh chung của tổng doanh thu và lợi nhuận hợp nhất toàn Tập đoàn.

Những thành quả gặt hái được trong năm 2014 và trong nửa thế kỷ hình thành phát triển của Bảo Việt vừa qua là nhờ sự cố gắng, là trí tuệ, là tâm huyết của biết bao thế hệ cán bộ, đại lý, tư vấn viên đã gắn bó với Bảo Việt, dù trải qua bao khó khăn và biến động vẫn giữ vững niềm tin vào sự phát triển chung của hệ thống.

Năm 2015 – Khởi thông mọi nguồn lực để phát huy sức mạnh tổng thể

2015 là năm đánh dấu sự hoàn thành của chiến lược giai đoạn 5 năm (2011 – 2015), là năm Tập đoàn Bảo Việt cần tăng tốc để hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đặt ra trong đề án Tái cấu trúc (2013 – 2015) đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Để đạt được những mục tiêu này, Bảo Việt sẽ tập trung thực hiện những nhóm giải pháp để khởi thông các nguồn lực trong toàn hệ thống với niềm tin sâu sắc vào sức mạnh tiềm ẩn nội tại của Bảo Việt, cụ thể như sau:

Mô hình quản trị hiện đại với sự hỗ trợ từ đối tác chiến lược với bề dày kinh nghiệm trên thị trường quốc tế

Trong năm 2015, với sự hỗ trợ đặc lực từ đối tác chiến lược Sumitomo Life, Bảo Việt sẽ tăng cường phát huy hơn nữa vai trò chỉ đạo, định hướng từ Công ty Mẹ để cải thiện chức năng quản trị rủi ro, tuân thủ, thúc đẩy công tác bán chéo, hợp tác nội bộ giữa các đơn vị thành viên, nhằm mang lại tính đồng nhất cao và tăng cường sức mạnh hệ thống, hướng tới phát triển bền vững.

Sản phẩm dịch vụ đa dạng và không ngừng được cải tiến

Với thương hiệu 50 năm, Bảo Việt đã khẳng định vị thế trên thị trường bằng chính chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Năm 2015, Bảo Việt sẽ tiếp tục phát triển sản phẩm mới và những sản phẩm chiến lược có tiềm năng phát triển trong thời gian tới, đặc biệt tập trung vào những sản phẩm tích hợp các tính năng bảo hiểm – tài chính – đầu tư đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Lợi thế mạng lưới trên 63 tỉnh, thành trong cả nước tạo nên thành công của hệ thống kênh phân phối

Với lợi thế mạng lưới phủ kín 63 tỉnh, thành trong cả nước, thêm vào đó là số lượng phòng giao dịch lớn, vào sâu đến từng xã, phường, thị trấn, năm 2015, Bảo Việt sẽ chú trọng đến việc khai thác và tận dụng tối đa nguồn lực kênh phân phối đại lý hiện tại thông qua các cơ chế, chính sách hấp dẫn. Đồng thời, tạo ra cơ chế thúc đẩy kênh bán chéo, và những kênh phân phối mới như telesales, online trading ...

Dịch vụ công nghệ thông tin theo hướng "đồng bộ - hiệu quả - ổn định"

Năm 2015, Bảo Việt sẽ tập trung vào triển khai xây dựng trung tâm dự phòng thảm họa, đầu tư cho những phần mềm quản lý sản phẩm cốt lõi, quản lý kinh doanh và công tác phục vụ cho hoạt động kinh doanh, nhằm hoàn thiện chiến lược 2011 – 2015 và tạo tiền đề vững chắc cho giai đoạn 2016 – 2020.

Trên những chặng đường sắp tới, Bảo Việt sẽ kế thừa, phát huy truyền thống vẻ vang trong nửa thế kỷ qua, nắm bắt cơ hội, đoàn kết đồng lòng vượt qua thách thức để viết tiếp câu chuyện của riêng Bảo Việt – câu chuyện về người tiên phong trên thị trường Bảo hiểm Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn Quý vị đã đồng hành cùng Bảo Việt!

**Thay mặt Ban điều hành
Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt**



NGUYỄN QUANG PHI

THÔNG ĐIỆP

CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC SUMITOMO LIFE

Công ty Bảo hiểm Sumitomo Life (Sumitomo Life)

Thành lập: Tháng 5/1907

Trụ sở chính: Tokyo/Osaka, Nhật Bản

Số lượng nhân viên và đội ngũ bán hàng: 11.172 nhân viên và 30.937 đại lý

Mạng lưới:

Tại Nhật Bản: 73 chi nhánh, 1.441 phòng kinh doanh

Tại các nước khác trên thế giới:

01 công ty liên kết tại Việt Nam, Indonesia và Trung Quốc.

Có văn phòng đại diện tại New York, Luân Đôn, Hà Nội và Bắc Kinh.

Tổng tài sản: 257,2 tỷ USD

Tổng tài sản ròng: 13,1 tỷ USD

Tổng doanh thu phí bảo hiểm: 24,3 tỷ USD

Số lượng hợp đồng: 11,2 triệu hợp đồng

Xếp hạng tín nhiệm: Moody's: A1, S&P: A

Khi tôi nhậm chức Tổng giám đốc Sumitomo Life một năm trước, tôi đã tin tưởng rằng sự hợp tác giữa Bảo Việt và Sumitomo Life sẽ tạo ra những giá trị cốt lõi mới thiết yếu cho cả hai bên. Và cho đến nay, hai công ty đã phối hợp với nhau rất chặt chẽ, hiệu quả và đã cùng nhau xây dựng được mối quan hệ hợp tác ngày càng lớn mạnh.

Sumitomo Life đã mua lại 18% cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt và đã cùng Tập đoàn Bảo Việt ký kết Thỏa thuận Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực (gọi tắt là Dự án TSCTA) vào năm 2012. Trong năm 2013 - năm đầu tiên triển khai Dự án TSCTA (gọi tắt là Giai đoạn 1), Sumitomo Life đã chia sẻ và chuyển giao cho Bảo Việt những kinh nghiệm quý báu tích lũy được trong thời gian dài hoạt động tại thị trường Nhật Bản về phát triển kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm.

Trong Giai đoạn 1, Sumitomo Life tập trung hỗ trợ lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bao gồm hỗ trợ trong lĩnh vực dịch vụ Actuary, Bancassurance, Công nghệ thông tin và Quản lý đại lý thông qua việc phái cử 5 chuyên gia làm việc toàn thời gian tại các phòng ban liên quan tại Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ. Sumitomo Life cũng hỗ trợ Bảo Việt trong lĩnh vực Quản lý rủi ro và Bảo hiểm y tế. Mặc dù mỗi dự án được triển khai ở các giai đoạn khác nhau, nhưng nhìn chung tiến độ công việc của cả dự án đều được triển khai theo kế hoạch và đã góp phần phát triển và nâng cao giá trị của Bảo Việt.

Giai đoạn 2 của Dự án TSCTA đã chính thức bắt đầu từ tháng 10 năm 2014. Trên cơ sở tiếp tục triển khai các hạng mục công việc trong Giai đoạn 1, phạm vi hỗ trợ Giai đoạn 2 đã mở rộng sang lĩnh vực Kiểm soát nội bộ, trong đó bao gồm lĩnh vực Quản lý rủi ro, Kiểm toán nội bộ và Tuân thủ tại Tập đoàn Bảo Việt.

Trong tháng 1 năm nay, tôi đã có vinh dự tham dự Lễ kỷ niệm chào mừng 50 năm thành lập Bảo Việt và đã rất hân hạnh được gặp gỡ Ban lãnh đạo của Bảo Việt. Tôi tin tưởng rằng, dưới sự dẫn dắt của Ban lãnh đạo mới, chỉ trong một thời gian ngắn, Bảo Việt sẽ phát triển mạnh mẽ và vươn cao, vươn xa hơn nữa. Sumitomo Life cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ Bảo Việt thông qua Dự án TSCTA, và mong muốn cùng Bảo Việt tăng cường hơn nữa mối quan hệ hợp tác và cùng phát triển trong tương lai.

Chúng tôi rất tin tưởng và kỳ vọng vào mối quan hệ hợp tác giữa Bảo Việt và Sumitomo Life trong những năm tiếp theo. Chúng ta cùng chúc cho mối quan hệ hợp tác này một năm 2015 thành công rực rỡ.

Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Sumitomo Life

橋本雅博

MASAHIRO HASHIMOTO



Sumitomo Life cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ Bảo Việt thông qua Dự án TSCTA, và mong muốn cùng Bảo Việt tăng cường hơn nữa mối quan hệ hợp tác và cùng phát triển trong tương lai.



ÔNG MASAHIRO HASHIMOTO
Tổng Giám đốc
Công ty Bảo hiểm Sumitomo Life

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ



Vị thế khác biệt và vượt trội

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, Bảo Việt có lịch sử lâu đời với 50 năm phát triển, thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm nhất trên thị trường tài chính bảo hiểm với hơn 70.000 cán bộ, đại lý, tư vấn viên.

Mạng lưới phân phối quy mô lớn, gồm 168 chi nhánh, hơn 700 phòng giao dịch bao phủ rộng khắp các tỉnh thành của Việt Nam mà không một tập đoàn tài chính - bảo hiểm nào tại Việt Nam có thể so sánh được.

Là tập đoàn tài chính - bảo hiểm hỗn hợp dẫn đầu các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác với doanh thu phí gốc bảo hiểm phi nhân thọ đạt 5.655 tỷ đồng và tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt 7.959 tỷ đồng năm 2014.

Tiềm năng tăng trưởng lớn

Bảo Việt đã xây dựng nền tảng tạo đà cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai và chuẩn bị sẵn sàng khai thác các cơ hội to lớn trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam. Kết quả kinh doanh tăng trưởng bền vững, hiệu quả

Bảo Việt đạt kết quả tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định vững chắc qua các năm trên các mảng bảo hiểm - đầu tư - dịch vụ tài chính.

Luôn thuộc nhóm dẫn đầu các tổ chức tài chính có tỷ lệ sinh lời ROE, ROA cao.



Vai trò tạo lập và phát triển thị trường

Bảo Việt tích cực tham gia tạo lập thị trường bảo hiểm và thị trường vốn trên thị trường tài chính Việt Nam.

Bảo Việt là mắt xích quan trọng và thành công điển hình trong tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đã gặt hái nhiều thành quả đổi mới toàn diện và đang tiếp tục đẩy mạnh bước tiếp theo của quá trình cổ phần hóa thông qua giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước, tìm kiếm thêm cổ đông nước ngoài mới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Bảo Việt luôn đi đầu trong các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội, chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm khai thác thủy sản...



LỊCH SỬ

Thành lập ngày
15/01/1965



SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN
(31/12/2014)

6.214

Cán bộ toàn hệ thống Bảo Việt

64.300

Đại lý và tư vấn viên

DANH MỤC SẢN PHẨM

Sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ **80**

Hơn **40** sản phẩm bảo hiểm nhân thọ

Cung cấp đầy đủ các dịch vụ chứng khoán, quản lý quỹ, ngân hàng



SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG

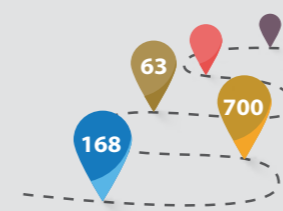
17 TRIỆU Khách hàng



Cổ phiếu BVH hấp dẫn nhà đầu tư

Tập đoàn Bảo Việt là công ty niêm yết có vốn hóa thị trường lớn, cổ phiếu BVH đóng vai trò dẫn dắt trong nhóm ngành tài chính bảo hiểm, thanh khoản cao và luôn nằm trong danh mục sở hữu của các quỹ ETFs nước ngoài tại Việt Nam.

Là doanh nghiệp nhà nước đầu tiên thành công trong việc tìm kiếm cổ đông chiến lược nước ngoài.



MẠNG LƯỚI

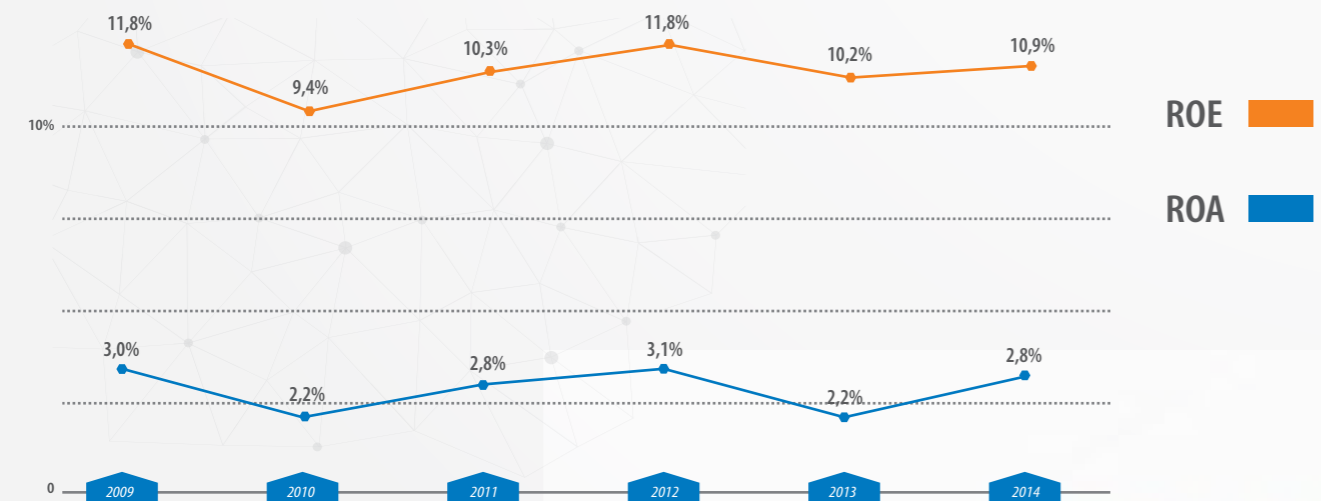
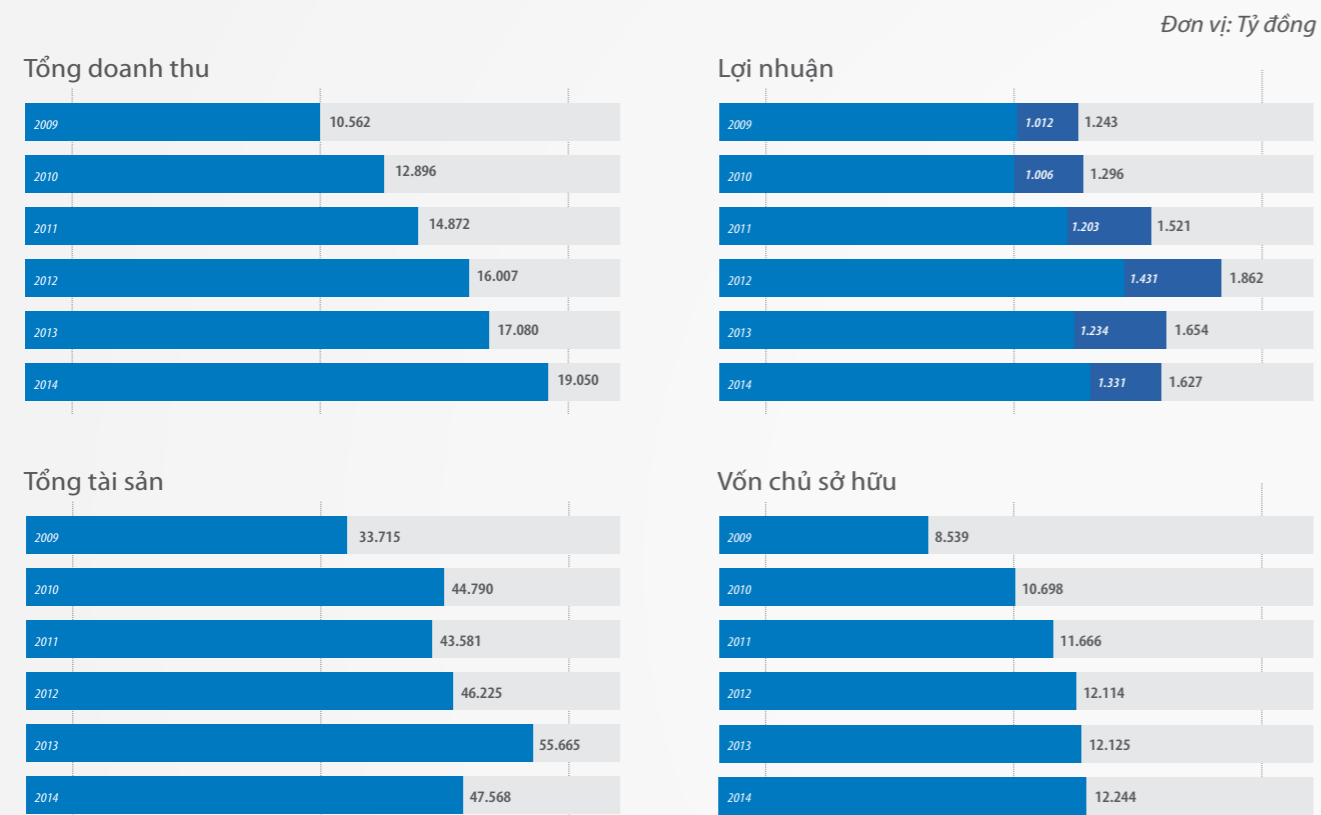
168 chi nhánh
hơn 700 phòng giao dịch
tại 63 tỉnh thành trong cả nước

Tập đoàn bảo hiểm hàng đầu và lâu đời nhất tại Việt Nam

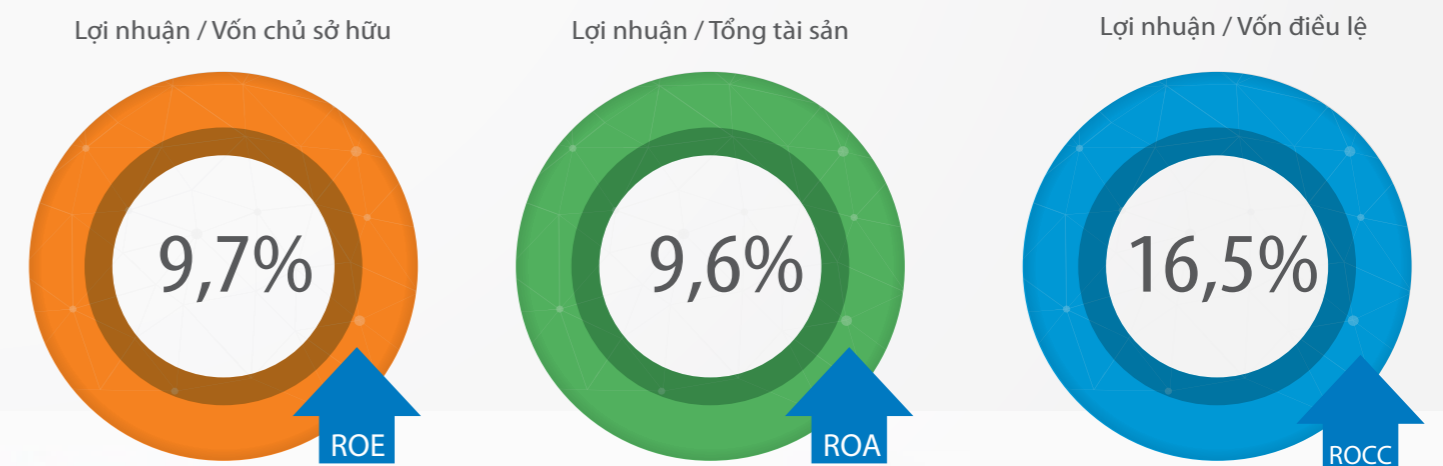
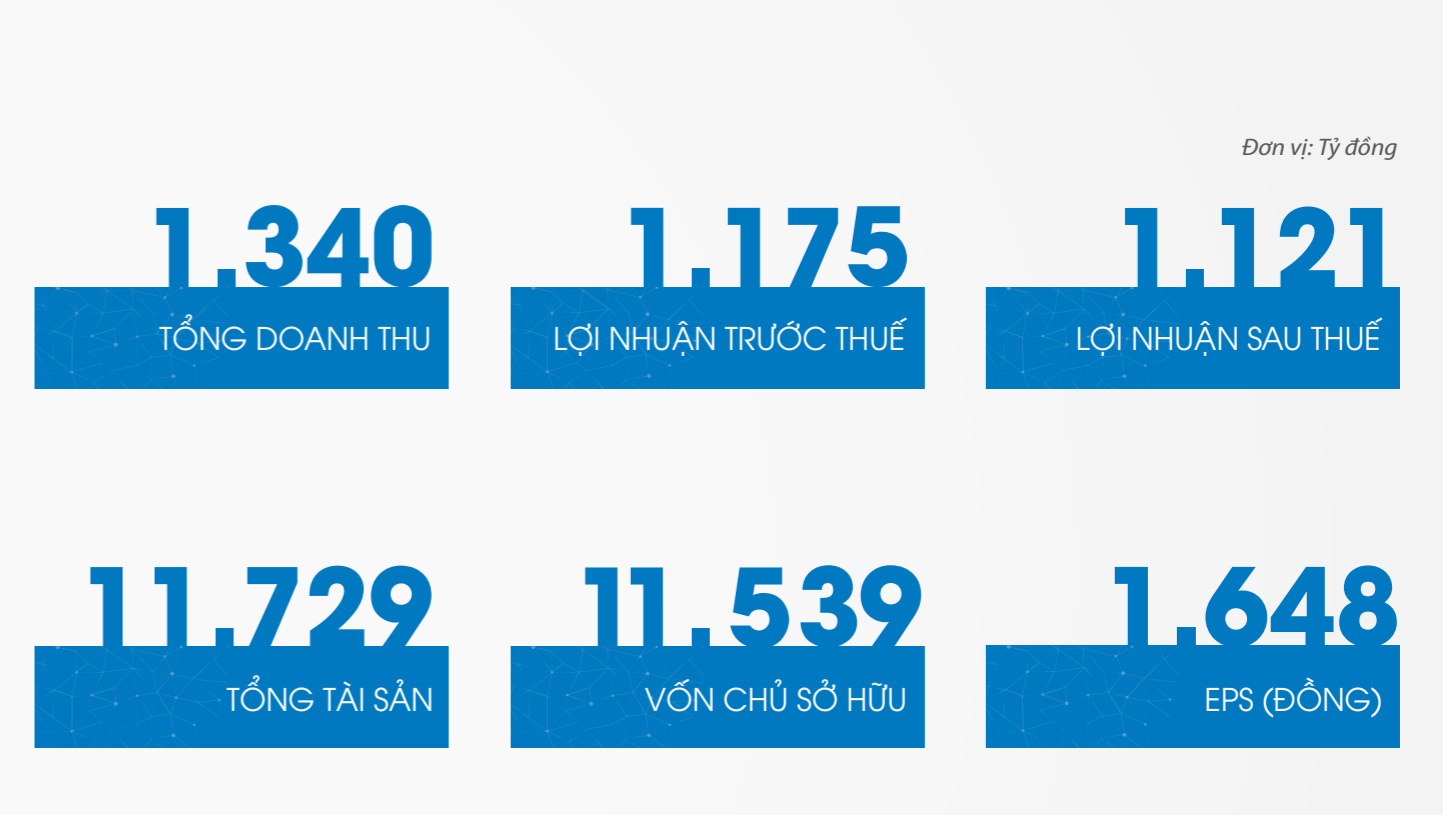
- Tập đoàn bảo hiểm quy mô lớn hàng đầu tại Việt Nam
- Thương hiệu lớn và uy tín, chiếm được lòng tin của khách hàng, và được biết đến rộng rãi khắp cả nước
- Tiềm lực tài chính mạnh, sở hữu quỹ đất lớn, quy mô vốn và tài sản hàng đầu trong các tập đoàn tài chính, bảo hiểm
- Cơ sở khách hàng lớn, phân khúc khách hàng đa dạng
- Năng lực phát triển sản phẩm hàng đầu Việt Nam, có khả năng cung cấp dịch vụ tài chính trọn gói, đa dạng
- Mạng lưới phủ khắp cả nước mà không công ty bảo hiểm nào tại Việt Nam so sánh được

CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN (KPIs) 2009 - 2014

HỢP NHẤT



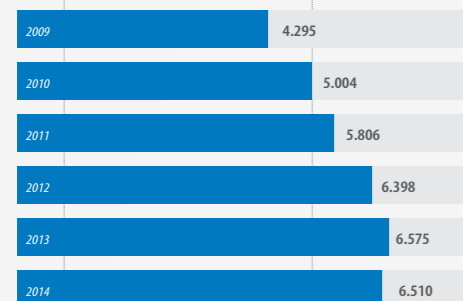
CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



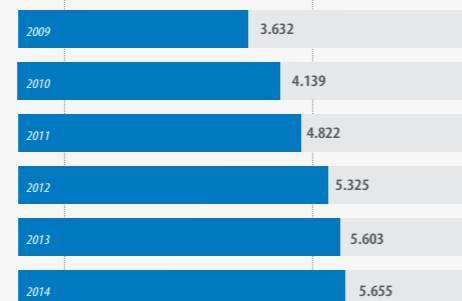
CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN (KPIs) 2009 - 2014

BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Tổng doanh thu



Doanh thu phí Bảo hiểm gốc



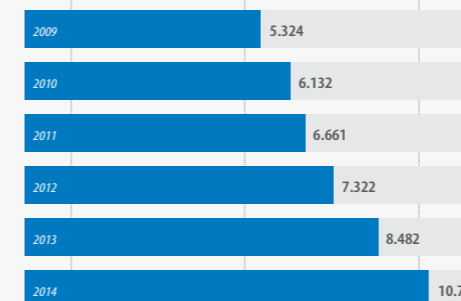
Đơn vị: Tỷ đồng

320
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

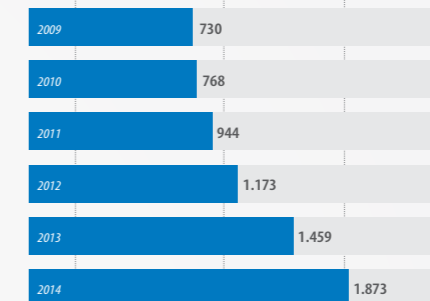
251
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Tổng doanh thu



Doanh thu khai thác mới



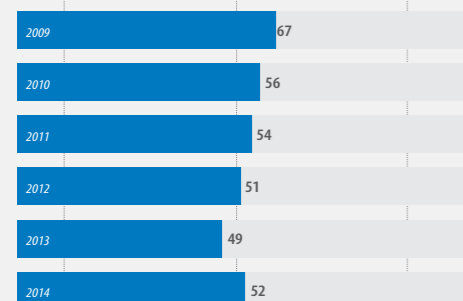
Đơn vị: Tỷ đồng

755
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

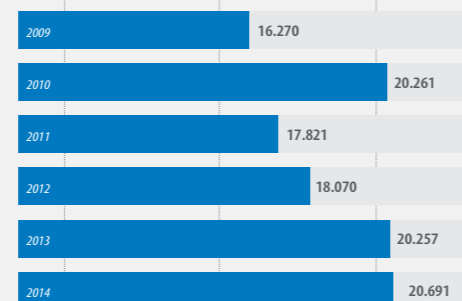
590
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Tổng doanh thu



Tổng tài sản quản lý



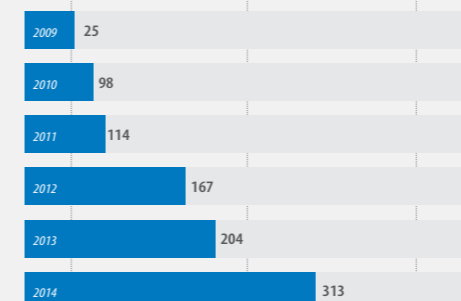
Đơn vị: Tỷ đồng

15
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

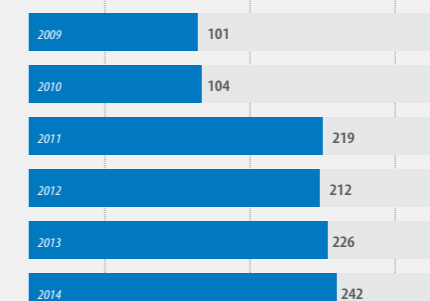
12
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Tổng doanh thu



Vốn chủ sở hữu



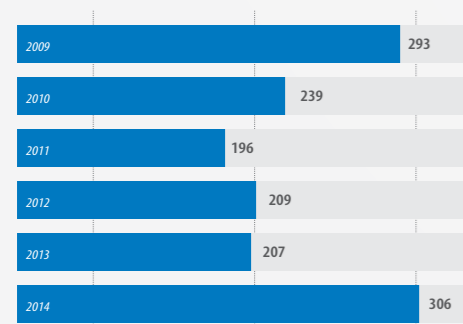
Đơn vị: Tỷ đồng

22
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

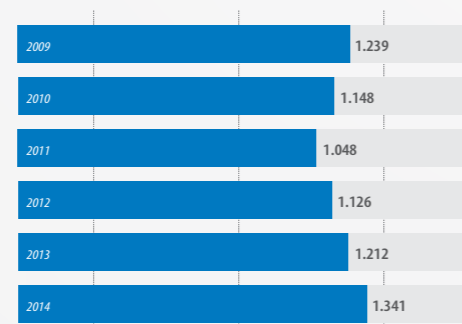
17
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Tổng doanh thu



Vốn chủ sở hữu



Đơn vị: Tỷ đồng

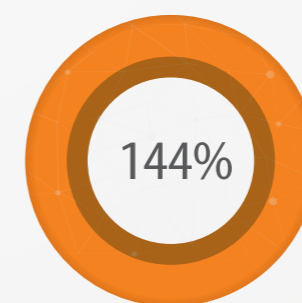
132
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

132
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

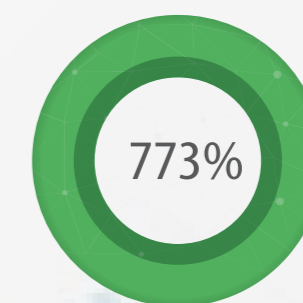
Tỷ lệ an toàn vốn năm 2014



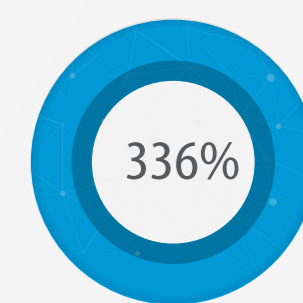
BẢO HIỂM BẢO VIỆT



BẢO VIỆT NHÂN THỌ



CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT



QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU NĂM 2014

KỶ NIỆM 50 NĂM THÀNH LẬP

Ngày 15/01/2015, Tập đoàn Bảo Việt tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt và vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng cho những nỗ lực, đóng góp cho Ngành Tài chính và đất nước trong suốt nửa thế kỷ qua.



TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH, BỀN VỮNG TRÊN BA TRỤ CỘT CHÍNH: BẢO HIỂM - ĐẦU TƯ - DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Lĩnh vực bảo hiểm: duy trì tăng trưởng ổn định đặc biệt trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ. Lĩnh vực chứng khoán: hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu kinh doanh, duy trì vị trí Top 10 thị phần môi giới trên cả hai sàn. Lĩnh vực quản lý quỹ: có tổng tài sản quản lý đạt gần 21.000 tỷ đồng (+2,2%), tương đương 1 tỷ USD.



TIÊN PHONG THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC, GÓP PHẦN ỔN ĐỊNH MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI

Tích cực hưởng ứng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong công tác an sinh xã hội và phát triển bền vững thông qua các chương trình bảo hiểm khai thác thủy sản, hỗ trợ bà con yên tâm bám biển, góp phần bảo vệ an ninh biển đảo; tiên phong trong tạm ứng bồi thường cho doanh nghiệp FDI bị thiệt hại tại Đống Nai, Bình Dương.



DOANH THU KHAI THÁC MỚI CỦA BẢO VIỆT NHÂN THỌ TĂNG TRƯỞNG 31%

Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ tăng trưởng vượt mức bình quân thị trường với tổng doanh thu 2014 đạt trên 10.000 tỷ đồng và doanh thu khai thác mới (AFYP) đạt 2.093 tỷ đồng



RA MẮT CHUỖI SẢN PHẨM DỊCH VỤ MỚI NHÂN KỶ NIỆM 50 NĂM THÀNH LẬP BẢO VIỆT

Nhân kỷ niệm nửa thế kỷ thành lập, Bảo Việt ra mắt nhiều sản phẩm, dịch vụ mới như An Tâm Miễn Phí, An tâm trên mọi nẻo đường, Hệ thống giao dịch điện tử của BVFED, Thẻ Visa,... nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẠT NHIỀU GIẢI THƯỞNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Giải Nhất Báo cáo phát triển bền vững, Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất (do Sở Giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Báo Đầu tư trao); TOP 80 Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; giải Bạc cho Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất trong Ngành; giải Báo cáo phát triển bền vững do doanh nghiệp tự thực hiện tốt nhất; Top 100 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất (do Hiệp hội Truyền thông Chuyên nghiệp Hoa Kỳ (League of American Communication Professional-LACP) trao tặng).



TRIỂN KHAI "HÀNH TRÌNH 365 NGÀY VÌ NHỮNG NIỀM TIN CỦA BẠN"

"Hành trình 365 ngày Vì những niềm tin của bạn" là chuỗi các hoạt động chào mừng 50 năm ngày thành lập Bảo Việt (15/01/1965-15/01/2015), được phát động và triển khai trên toàn hệ thống Bảo Việt gồm chuỗi các chương trình khuyến mãi, tri ân khách hàng và các hoạt động nội bộ gồm Hội thao toàn quốc, Liên hoan văn nghệ, thi viết Sứ ký Bảo Việt, Đi tìm kỷ vật, Sáng tác ca khúc,...



HIỆN THỰC HÓA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THÔNG QUẢ TÀI TRỢ CÁC DỰ ÁN AN SINH XÃ HỘI VÀ CHUỖI CÁC SỰ KIỆN VỀ MÔI TRƯỜNG, CỘNG ĐỒNG

Triển khai chuỗi các hoạt động như: Niềm tin Việt - chung tay hướng về biển đảo quê hương; đầu tư xây dựng trường học, trạm y tế, nhà tình nghĩa tại Quế Phong (Nghệ An), Pắc Nặm (Bắc Kạn); đóng góp công đức xây dựng Khu hành lễ Nghĩa trang Liệt sỹ quốc gia Đường 9, tổ chức chương trình "Khăn áo ấm mùa đông" tặng quà cho các em học sinh nghèo trường tiểu học Tòng Sành, Bát Xát, Lào Cai,...



TẬP TRUNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TÀI CƠ CẤU

Bảo Việt đẩy mạnh triển khai Đề án Tài cơ cấu với 03 trọng tâm tài cơ cấu ngành nghề, tài cơ cấu tài chính và tài cơ cấu quản trị.



BẢO VIỆT ĐẠT NHIỀU GIẢI THƯỞNG UY TÍN

Tập đoàn Bảo Việt vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất, Top 10 doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa tiêu biểu, Top 10 "Thương hiệu phát triển bền vững và sản phẩm chất lượng cao Việt Nam", Top 10 Thương hiệu nổi tiếng; Top 10 Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam, Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn

CÁC DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU 2014

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT

Tại Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt, Tập đoàn Bảo Việt đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất.



GIẢI NHẤT BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giải Nhất Báo cáo phát triển bền vững (do Sở Giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Báo Đầu tư trao); TOP 80 Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; giải Bạc cho Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất trong Ngành; giải Báo cáo phát triển bền vững do doanh nghiệp tự thực hiện tốt nhất (do Hiệp hội Truyền thông Chuyên nghiệp Hoa Kỳ (League of American Communication Professional-LACP) trao tặng).



TOP 10 DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CỔ PHẦN HÓA TIÊU BIỂU

Bảo Việt là một trong 10 doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa tiêu biểu được vinh danh tại Diễn đàn M&A Việt Nam 2014 do Báo Đầu tư và AVM Việt Nam tổ chức



TOP 10 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT

Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất trong cuộc thi Báo cáo thường niên do Sở Giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Báo Đầu tư phối hợp tổ chức;
Top 100 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất do Hiệp hội Truyền thông Chuyên nghiệp Hoa Kỳ (League of American Communication Professional-LACP) trao tặng



TOP 10 "THƯƠNG HIỆU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CAO VIỆT NAM"

Giải thưởng do Báo thương hiệu và Công luận tổ chức nhằm biểu dương và tôn vinh các doanh nhân, doanh nghiệp, chủ cơ sở sản xuất và các thương hiệu tiêu biểu.



THƯƠNG HIỆU, NHÃN HIỆU NỔI TIẾNG VIỆT NAM

Trong nhiều năm liền, Bảo Việt luôn được vinh danh trong Top 10 Thương hiệu nổi tiếng; Top 10 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam; Giải thưởng hiệu mạnh; Sao Vàng đất Việt



TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM

2014 là năm thứ 2 liên tiếp Forbes bình chọn Tập đoàn Bảo Việt là một trong 50 công ty niêm yết tốt nhất tại Việt Nam.



TOP 50 DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN TỐT TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Năm thứ hai liên tiếp Tập đoàn Bảo Việt được vinh danh tại chương trình do Tạp chí Kinh tế và Dự báo – Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức với mục đích nâng cao nhận thức của cộng đồng các doanh nghiệp trong công tác thực hiện an sinh xã hội.



TOP 1.000 DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM 2014

Tập đoàn Bảo Việt, Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt đều được vinh danh trong Top 1.000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2014 do Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam và Tổng cục Thuế, Báo Vietnamnet và các chuyên gia tư vấn độc lập trong và ngoài nước trao tặng.



"CÔNG TY TƯ VẤN M&A TIÊU BIỂU 2013 – 2014", "TỔ CHỨC TƯ VẤN CỔ PHẦN HÓA TIÊU BIỂU NHẤT"

Giải thưởng được trao cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) vì những đóng góp của công ty cho thị trường M&A Việt Nam cũng như những thương vụ cổ phần hóa BVSC đã trực tiếp tư vấn tại Diễn đàn M&A Việt Nam do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Báo Đầu tư và Công ty AVM tổ chức



CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ TIÊU BIỂU NĂM 2014

BẢO HIỂM KHAI THÁC THỦY SẢN

Bảo hiểm Bảo Việt được Bộ Tài chính lựa chọn là một trong bốn doanh nghiệp bảo hiểm triển khai Bảo hiểm khai thác thủy sản, đồng hành cùng ngư dân bám biển.



CHƯƠNG TRÌNH THẺ HỘI VIÊN VINMEC HEALTH

Bảo hiểm Bảo Việt hợp tác với Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec ra mắt "Chương trình Thẻ hội viên Vinmec Health" cung cấp dịch vụ y tế cao cấp với khả năng thanh toán lên đến 1 tỷ đồng/năm.



DỊCH VỤ SMS/EMAIL "AN TÂM TRÊN MỌI NẸO ĐƯỜNG"

Bảo hiểm Bảo Việt chính thức ra mắt dịch vụ SMS/Email "An tâm trên mọi nẻo đường" hỗ trợ khách hàng sử dụng bảo hiểm ô tô và xe máy thông qua hình thức gửi tin nhắn qua điện thoại di động (SMS) và gửi thư qua hộp thư điện tử (Email).



SẢN PHẨM AN TÂM MIỄN PHÍ

Bảo Việt Nhân thọ ra mắt sản phẩm An Tâm Miễn Phí - là sản phẩm bổ trợ mới được kết hợp với Hợp đồng chính để mang lại quyền lợi bảo hiểm miễn phí đặc biệt cho khách hàng khi không may mắc bệnh lý nghiêm trọng trong cuộc sống.



SẢN PHẨM TƯ VẤN ĐẦU TƯ THEO DANH MỤC

Chứng khoán Bảo Việt đưa ra sản phẩm tư vấn đầu tư theo danh mục. Sản phẩm này là các báo cáo phân tích gửi cho khách hàng để tư vấn đầu tư theo đúng mục đích của khách hàng.



HỆ THỐNG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ DÀNH CHO QUỸ BVFED

Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt chính thức ra mắt Hệ thống giao dịch điện tử dành cho Quỹ đầu tư Cổ phiếu năng động Bảo Việt (BVFED) tại địa chỉ www.bvfed.com.vn. Đây là quỹ mở đầu tiên trên thị trường Việt Nam triển khai hình thức giao dịch điện tử, giúp khách hàng thuận tiện hơn khi tham gia đầu tư.



OMGEO - GIẢI PHÁP GIÁ TRỊ GIA TĂNG TỐI ƯU

Chứng khoán Bảo Việt đã đưa vào sử dụng 2 gói dịch vụ từ hệ thống Omgeo. Omgeo là giải pháp giá trị gia tăng tối ưu hàng đầu thế giới hiện nay trong công tác báo cáo thống kê và phân bổ tự động kết quả sau giao dịch dành cho các nhà đầu tư tổ chức quốc tế.



THẺ TÍN DỤNG VISA

Ngân hàng Bảo Việt ra mắt sản phẩm thẻ tín dụng Visa với nhiều tiện ích và ưu đãi vượt trội.





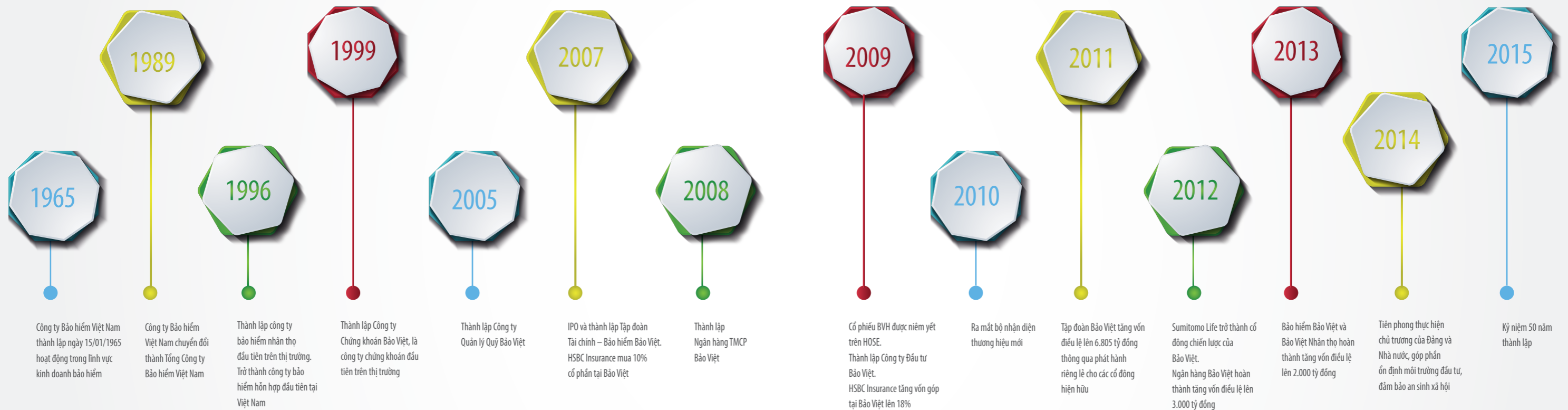
02

TỔNG QUAN

TRÂN TRỌNG QUÁ KHỨ
VỮNG TIN HIỆN TẠI
BỀN VỮNG TƯƠNG LAI

NỬA THẾ KỶ GIỮ VỮNG NIỀM TIN
LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
CƠ CẤU QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT
GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN BAN LÃNH ĐẠO
ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011-2015
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2016 – 2020
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BẢO VIỆT - NỬA THẾ KỶ VÌ NHỮNG NIỀM TIN CỦA BẠN



NỬA THẾ KỶ GIỮ VỮNG NIỀM TIN

Bước đi đầu tiên

Lễ kỷ niệm 1 năm thành lập Bảo Việt
(15/1/1965-15/1/1966)



Lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên Bảo Việt tại trụ sở chính số 7 Lý Thường Kiệt, Hà Nội, năm 1975



Lãnh đạo và tập thể cán bộ nhân viên Bảo Việt tại Chi nhánh TP Hồ Chí Minh - số 26 Tôn Thất Đạm, TP Hồ Chí Minh, năm 1978



Lãnh đạo, cán bộ nhân viên Chi nhánh Bảo Việt Hải Phòng chụp ảnh kỷ niệm với chuyên gia bảo hiểm Liên Xô, năm 1982

Sự ra đời và phát triển của Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt) ban đầu gắn liền với những nhiệm vụ của ngành tài chính cách mạng lúc bấy giờ là đảm bảo an toàn tài sản của Nhà nước, bổ sung phúc lợi cho người lao động, thúc đẩy hoạt động ngoại thương và giao thông vận tải, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, củng cố vững chắc hậu phương, chi viện cho chiến trường miền Nam để nhanh chóng đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 17/12/1964, Chính phủ ban hành Quyết định số 179/CP về việc thành lập Công ty Bảo hiểm Việt Nam (tên giao dịch gọi tắt là Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính và ngày 15/01/1965 trở thành một thời khắc lịch sử khi tổ chức bảo hiểm đầu tiên của nước Việt Nam chính thức đi vào hoạt động. Thửa ban đầu, số vốn danh nghĩa của Công ty Bảo hiểm Việt Nam (không có tiền thật trong tài khoản) là 10 triệu đồng, tương đương 2,4 triệu USD.

Đi vào hoạt động chỉ với 16 cán bộ, Bảo Việt được giao nhiệm vụ tiến hành công tác bảo hiểm cho hàng hóa vận chuyển đường biển và công tác bảo hiểm về tai nạn bất ngờ đối với hành khách đi lại trong nước; đồng thời, đảm đương trọng trách nghiên cứu xây dựng và phát triển Quỹ Bảo hiểm Nhà nước để bù đắp những tổn thất do thiên tai, tai nạn bất ngờ gây ra đối với tài sản và hành khách được bảo hiểm.

Với phương thức vừa làm, vừa tìm tòi, nghiên cứu, học hỏi, ngành bảo hiểm Việt Nam dần có những sản phẩm đầu tiên như bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu và bảo hiểm tàu biển. Tuy các sản phẩm ban đầu còn sơ khai, nhưng đó là những viên gạch vững chắc để xây nên ngôi nhà khang trang của ngành bảo hiểm Việt Nam ngày nay.

NỬA THẾ KỶ GIỮ VỮNG NIỀM TIN

*Tiên phong
trong các lĩnh
vực bảo hiểm
và đầu tư*



Bộ trưởng Bộ Tài chính Hoàng Quy thăm và làm việc tại trụ sở Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, năm 1992

Bảo Việt hiện nay đang phục vụ khoảng 17 triệu khách hàng một năm, tương đương với khoảng 15% dân số của Việt Nam. Đây là một sứ mệnh an sinh có tầm ảnh hưởng quốc gia đang được thực hiện bởi một công ty bảo hiểm. Để thực hiện sứ mệnh này, Bảo Việt đã liên tục có những bước đột phá để phát triển và mở rộng mạng lưới phục vụ, cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ.

Có thể kể đến những bước phát triển đầu tiên khi mở rộng mạng lưới từ việc thành lập chi nhánh đầu tiên tại Hải Phòng (1965), tiếp quản hệ thống bảo hiểm miền Nam (1975), mở rộng phát triển mạng lưới qua việc thành lập Bảo Việt Đà Nẵng (1977), Bảo Việt Vũng Tàu (1978), Bảo Việt Nghĩa Bình (nay là Bình Định, 1979), Bảo Việt Quảng Ninh (1980), Bảo Việt Hà Nội và Bảo Việt Phú Khánh (1980). Việc thành lập "Bảo Việt tại các tỉnh" tiếp tục mở rộng và lan rộng. Đến năm 1995, Bảo Việt đã hiện diện ở hầu hết các tỉnh, thành phố trên cả nước. Việc mở rộng mạng lưới là điều kiện tiên đề cơ bản để Bảo Việt có thể đưa được dịch vụ bảo hiểm với chất lượng bảo đảm tới mọi tỉnh thành phố trên cả nước.

Song song với mở rộng mạng lưới toàn quốc, Bảo Việt cũng tập trung vào phát triển các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm. Bắt đầu từ bảo hiểm hàng hải truyền thống, Bảo Việt đã mở rộng các nghiệp vụ bảo hiểm hàng không (1976), bảo hiểm dầu khí (1979),



Lễ giới thiệu Bảo hiểm nhân thọ ra công chúng, năm 1996



Lễ khai trương Công ty Chứng khoán Bảo Việt, năm 2000



Lễ ra mắt Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt và Quỹ BVF1, năm 2006

bảo hiểm xe tự động (1978), bảo hiểm tai nạn hành khách (1980), bảo hiểm nông nghiệp (1982), bảo hiểm vật chất và trách nhiệm dân sự chủ thuyền (1986), bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới (1988), bảo hiểm vật chất xe cơ giới (1991), bảo hiểm du lịch (1993), bảo hiểm học sinh (1991-1992), bảo hiểm trợ cấp năm viện và phẫu thuật (1993), bảo hiểm công trình xây dựng (1994). Cứ như vậy Bảo Việt đã liên tục là doanh nghiệp tiên phong phát triển các loại sản phẩm đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế xã hội. Tới nay, Bảo Việt đã có danh mục sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ đa dạng nhất với 80 loại sản phẩm và dịch vụ.

Trong giai đoạn từ năm 1965 tới 1993 là giai đoạn Bảo Việt thực hiện vai trò của bảo hiểm nhà nước do Bảo Việt là doanh nghiệp bảo hiểm nhà nước duy nhất của ngành tài chính Việt Nam. Do vậy có thể nói vai trò, hoạt động của Bảo Việt trong giai đoạn này cũng là vai trò, hoạt động của ngành bảo hiểm Việt Nam trong phục vụ đời sống kinh tế quốc dân.

Mặc dù là một doanh nghiệp nhà nước, Bảo Việt đã rất năng động và liên tục đổi mới cơ chế quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh mở rộng mạng lưới phục vụ khách hàng. Đến năm 1993, Bảo Việt đã có tới 53 công ty trực thuộc và mạng lưới đại lý tại các tỉnh thành trên cả nước và phục vụ hơn 10 nghiệp vụ bảo hiểm truyền thống; phát triển các quan hệ tái bảo hiểm. Bảo Việt cũng đã mở rộng liên kết, liên doanh với các công ty nước ngoài như thành lập BAVINA (1992), thành lập InchinBrok, thành lập VIA (1996)

Năm 1996 đánh dấu một bước ngoặt trong sự phát triển của Bảo Việt. Bảo Việt đã nghiên cứu đón đầu và phát triển bảo hiểm nhân thọ, một loại hình bảo hiểm nhiều tiềm năng và hoàn toàn mới mẻ tại Việt Nam. Sự phát triển của bảo hiểm nhân thọ ban đầu còn gắn với hệ thống của bảo hiểm phi nhân thọ nhưng sau đó đã được tách ra hạch toán độc lập (2003) như một doanh nghiệp nhà nước độc lập trực thuộc Tổng công ty với hệ thống 61 đơn vị phụ thuộc chuyên kinh doanh bảo hiểm nhân thọ tại tất cả các tỉnh và thành phố trên toàn quốc.

Không chỉ là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm, Bảo Việt còn xác định sứ mệnh của mình trong phục vụ nhu cầu tài chính đa dạng của khách hàng. Tới năm 1999, khi thị trường tài chính phát triển hơn, Bảo Việt cũng là doanh nghiệp đầu tiên tham gia kiến tạo thị trường đầu tư chứng khoán cùng việc thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt. Tiếp sau đó, Bảo Việt đã tiếp tục thành lập Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt, góp vốn thành lập Ngân hàng Bảo Việt, Công ty Đầu tư Bảo Việt. Các mảng dịch vụ tài chính, đầu tư này của Bảo Việt ngày càng chiếm vai trò quan trọng trong đáp ứng nhu cầu tài chính đa dạng của khách hàng.

NỬA THẾ KỶ GIỮ VỮNG NIỀM TIN

*IPO thành công
thu hút 20.368
nhà đầu tư*



*Toàn cảnh phiên đấu giá cổ phần lần đầu của Bảo Việt
ngày 31/5/2007*

Bảo Việt cũng là một trong những doanh nghiệp đầu tiên tiến hành cổ phần hóa thành công, mời gọi sự tham gia của cổ đông chiến lược nước ngoài, cũng như được hàng chục ngàn nhà đầu tư trong nước đầu tư vào Bảo Việt. Cổ phần hóa như một cú huych giúp cho Bảo Việt tăng vốn, chuyển giao công nghệ với cổ đông chiến lược nước ngoài, đổi mới quản trị, thành lập Tập đoàn tổ chức theo mô hình mẹ - con. Giai đoạn này, Bảo Việt đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ với một diện mạo mới năng động, chuyên nghiệp trong phục vụ khách hàng.

Phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) của Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt) vào ngày 31/5/2007 tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã trở thành một trong những phiên đấu giá ấn tượng nhất trong lịch sử đấu giá cổ phần tại Việt Nam, khi mà việc bán đấu giá công khai 8,74% vốn điều lệ của Bảo Việt đã thu hút 20.368 nhà đầu tư. Mức giá trúng thầu thấp nhất là 67.800 đồng/cổ phần, mức



Lễ ký kết hợp đồng công bố nhà đầu tư chiến lược, năm 2007



Lễ ra mắt Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, năm 2008



*Sumitomo Life trở thành nhà đầu tư chiến lược của
Tập đoàn Bảo Việt, năm 2012*

giá bình quân là 71.918 đồng/cổ phần, cao hơn nhiều so với mức giá khởi điểm 30.500 đồng/cổ phần. Với thành công này, Bảo Việt đã ghi tên vào danh sách một trong những doanh nghiệp tiên phong thực hiện chủ trương cổ phần hóa và thực hiện đấu giá công khai nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong việc bán cổ phần doanh nghiệp khi IPO.

Sau khi IPO, Bảo Việt đã chọn HSBC Insurance (Asia-Pacific) Holdings Limited (HSBC) là nhà đầu tư chiến lược và sự hợp tác này đã thực sự mang lại nhiều thay đổi cho Bảo Việt.

Trong vai trò là cổ đông chiến lược trong giai đoạn 2007 - 2012, HSBC đã phối hợp cùng Bảo Việt thực hiện xây dựng nền tảng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, tiếp cận mô hình quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quốc tế, xây dựng hệ thống quản lý rủi ro xuyên suốt toàn Tập đoàn, minh bạch hóa thông tin, tiên phong trong lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế. Bên cạnh đó, quản trị nguồn nhân lực cũng được từng bước chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế, thống nhất và đổi mới thương hiệu, phát triển sản phẩm và kênh phân phối.

Năm 2012, HSBC có sự thay đổi trong chiến lược toàn cầu - thoái vốn khỏi các ngành kinh doanh không phải cốt lõi tại rất nhiều các quốc gia, trong đó có Việt Nam. HSBC trong vai trò là cổ đông chiến lược cũng đã nỗ lực cùng Bảo Việt tìm kiếm một nhà đầu tư phù hợp để thay thế với các tiêu chí tìm kiếm bao gồm: năng lực tài chính, năng lực trong kinh doanh bảo hiểm, tầm cỡ quốc tế và phù hợp về văn hóa cũng như cam kết đầu tư chiến lược lâu dài tại Việt Nam. Đồng thời, để đảm bảo định hướng chiến lược kinh doanh 5 năm (2011 - 2015) của Bảo Việt, nhà đầu tư phải có đủ năng lực để cung cấp dịch vụ hợp tác kỹ thuật và hỗ trợ cho Bảo Việt. Với những tiêu chí đặt ra, Bảo Việt và HSBC đã thống nhất lựa chọn Sumitomo Life.

Mua lại 18% cổ phần của HSBC với mức giá gấp đôi giá thị trường vào thời điểm ký kết, Sumitomo Life - Công ty Bảo hiểm Nhân thọ hàng đầu Nhật Bản (quốc gia có thị trường bảo hiểm nhân thọ lớn thứ 2 thế giới) đã thể hiện sự kỳ vọng vào tiềm năng phát triển ổn định, hiệu quả của Bảo Việt tại Việt Nam - nơi mà Sumitomo Life đã tích cực triển khai tìm hiểu thị trường từ năm 2007 và xác định là một trong những thị trường quan trọng nhất của doanh nghiệp này trong thời gian tới.

NỬA THẾ KỶ GIỮ VỮNG NIỀM TIN

*Niềm tin
vững chắc,
cam kết vững bền*



Tập đoàn Bảo Việt đạt được sự tăng trưởng ổn định, vững chắc trên ba lĩnh vực: bảo hiểm, đầu tư, dịch vụ tài chính



Bảo Việt tích cực hưởng ứng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác an sinh xã hội và phát triển bền vững



Năm 2015 đánh dấu chặng đường 50 năm xây dựng và phát triển của Bảo Việt

Trong giai đoạn phát triển với thế và lực mới, Bảo Việt đã lựa chọn chiến lược phát triển bền vững làm sợi chỉ đỏ kết nối mọi hoạt động của Tập đoàn, dựa trên 3 trụ cột: tăng trưởng kinh tế vững chắc, dài hạn gắn với việc thực hiện các mục tiêu xã hội - môi trường và đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan. Ba trụ cột đó gắn kết hữu cơ với nhau, tạo ra sức mạnh vật chất và tinh thần của người Bảo Việt. Mục tiêu kinh tế triển khai tốt sẽ tạo ra các nguồn lực, tâm thế cho doanh nghiệp có điều kiện để triển khai các mục tiêu xã hội và môi trường. Bên cạnh đó, hình ảnh một doanh nghiệp nhân văn, vì cộng đồng và cùng phát triển với các đối tác là cầu nối hữu hiệu nhất để các sản phẩm, dịch vụ của Bảo Việt đến với mọi người. Có thể nói, cùng với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới đã đặt ra những vấn đề mới về phát triển bền vững và sự phát triển bền vững này chỉ có thể có được khi Bảo Việt giữ vững được niềm tin không chỉ là cổ đông mà còn là của các bên liên quan, xã hội đối với hoạt động của Bảo Việt.

Chính vì thế, bên cạnh nhiệm vụ kinh doanh, Bảo Việt luôn là một trong số các doanh nghiệp tích cực hưởng ứng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác an sinh xã hội và phát triển bền vững thông qua các chương trình như xóa đói giảm nghèo, bảo hiểm nông nghiệp, chương trình bảo hiểm tín dụng và hỗ trợ bà con yên tâm bám biển, góp phần bảo vệ an ninh biển đảo và chủ quyền quốc gia.

Hoạt động trong bối cảnh kinh tế đầy thách thức song Tập đoàn Bảo Việt luôn duy trì tăng trưởng ổn định, vững chắc trên ba lĩnh vực kinh doanh là bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Tổng doanh thu hợp nhất năm 2014 toàn Tập đoàn đạt 19.050

tỷ đồng, tăng trưởng 11,5% so với cùng kỳ 2013, trong đó: Doanh thu từ lĩnh vực bảo hiểm đạt 14.070 tỷ đồng, tăng trưởng 12,8%, chiếm 73,9% tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.627 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.331 tỷ đồng, tăng 7,9% so với năm 2013. Tổng doanh thu Công ty Mẹ đạt 1.340 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ đạt 1.121 tỷ đồng, tăng trưởng 1,5% so với cùng kỳ. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ đạt 16,5%.

Năm 2015 đánh dấu chặng đường 50 năm xây dựng và phát triển của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, là năm cuối cùng thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2011 - 2015 và cũng là năm bản lề cho xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016 - 2020, toàn Tập đoàn sẽ tập trung kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy, nhân sự, mô hình kinh doanh, cơ chế chính sách; tăng cường năng lực tài chính thông qua thực hiện thành công kế hoạch tăng vốn điều lệ; khơi thông các nguồn lực trong toàn hệ thống thông qua thúc đẩy hoạt động bán chéo sản phẩm giữa các đơn vị thành viên trong Tập đoàn; hoàn thành xây dựng kế hoạch chiến lược của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt giai đoạn 2016 - 2020.

Nhìn lại từng bước đi trong quá trình phát triển, niềm tin chính là yếu tố tạo nên sức mạnh giúp Bảo Việt vượt qua khó khăn, nắm bắt cơ hội để thành công nối tiếp những thành công.

50 năm đã tạo nên thế và lực cho Bảo Việt; và nền tảng ấy sẽ là sức bật đưa Bảo Việt lên tầm cao mới trong những chặng đường tiếp theo.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

VĂN HÓA CỦA NIỀM TIN

Nửa thế kỷ đã qua không chỉ tạo nên cho thế hệ Bảo Việt hôm nay và mai sau một nền tảng Bảo Việt vững mạnh, uy tín mà còn để lại một nền văn hóa doanh nghiệp, một cốt cách với những đặc trưng riêng có và rất đáng tự hào. Những giá trị cốt lõi trong văn hóa Bảo Việt chính là tài sản vô giá, là sợi dây nối kết quá khứ tới hiện tại và tương lai của Bảo Việt, kết nối người của Bảo Việt ở những thời kỳ khác nhau, những lĩnh vực khác nhau, những vùng miền khác nhau... tạo nên niềm tin chung - yếu tố không thể thiếu hình thành nên sức mạnh, giúp Bảo Việt vượt qua những khó khăn, thử thách để đạt được những điều mà chúng ta thật sự trân trọng và tin tưởng.

Chất lượng vượt trội



Đặc trưng văn hóa Bảo Việt là sự tiên phong, dẫn đầu; không chạy theo lợi nhuận, doanh thu bằng mọi giá mà lấy chất lượng dịch vụ làm nền tảng phát triển. Điều đó được thể hiện một cách thống nhất từ khẩu hiệu của doanh nghiệp đến hành động của mỗi cán bộ nhân viên, xuyên suốt từ trụ sở chính tới các đơn vị thành viên.

50 năm đồng hành cùng thị trường, Bảo Việt đang sở hữu mạng lưới rộng khắp toàn quốc, với danh mục sản phẩm phong phú bậc nhất Việt Nam, phục vụ nhu cầu đa dạng của khoảng 15% dân số. Chất lượng sản phẩm dịch vụ, uy tín thương hiệu được khẳng định thông qua nhiều danh hiệu, giải thưởng của các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước dành cho Bảo Việt trong suốt những năm qua. Bảo Việt là thương hiệu bảo hiểm uy tín số 1 trên thị trường không chỉ bởi sự tiên phong trong các lĩnh vực dịch vụ, mà còn bởi tinh thần trách nhiệm với cam kết, thể hiện qua việc nhanh chóng chi trả tiền bảo hiểm, tiên phong trong tạm ứng bồi thường cho các doanh nghiệp FDI tại Đồng Nai, Bình Dương.

Nhân kỷ niệm 50 năm thành lập, Bảo Việt đã triển khai "Hành trình 365 ngày Vì những niềm tin của bạn" khơi dậy khí thế thi đua trong hoạt động kinh doanh, triển khai nhiều chương trình như "Quà tặng mừng sinh nhật", "An tâm trên mọi nẻo đường", "Quý đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt (BVFED) - tri ân khách hàng",...

Kết nối, thân thiện

Trong nửa thế kỷ phát triển, Bảo Việt đã hình thành nên những nề nếp, chuẩn mực về đạo đức kinh doanh, cung cách phục vụ khách hàng. Bảo Việt quan tâm chia sẻ và thấu hiểu nhu cầu đa dạng của khách hàng dựa trên sự thông hiểu thị trường; với mạng lưới phân phối rộng khắp toàn quốc, Bảo Việt góp phần gia tăng các cơ hội tiếp cận với sản phẩm dịch vụ tới mọi đối tượng khách hàng.

Trong năm 2014, cùng với việc đổi mới phát triển thương hiệu theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; ra mắt các sản phẩm dịch vụ mới, Bảo Việt tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ của Trung tâm Dịch vụ Khách hàng; dịch vụ SMS/Email hỗ trợ khách hàng bảo hiểm xe cơ giới; ra mắt Hệ thống giao dịch điện tử dành cho Quý đầu tư Cổ phiếu năng động Bảo Việt (BVFED), trở thành quý mở đầu tiên trên thị trường Việt Nam triển khai hình thức giao dịch điện tử.



Chung bước thành công

Hoạt động khởi đầu từ triết lý tương trợ lẫn nhau trong cuộc sống khi chẳng may gặp rủi ro tổn thất, Bảo Việt đã vững vàng vượt qua khó khăn và từng bước trưởng thành.

Tinh thần đoàn kết thúc đẩy niềm đam mê cống hiến, hăng say lao động của cán bộ nhân viên, giúp Bảo Việt theo đuổi và thực hiện thành công chiến lược trong từng thời kỳ. Chất keo ấy tạo thành động lực, giúp cán bộ nhân viên tìm thấy niềm vui nơi làm việc trong một môi trường chuyên nghiệp, cởi mở, và trung thực. Những hoài bão và đam mê ấy đã giúp Bảo Việt nhanh chóng hội nhập quốc tế, thể hiện qua việc mở chi nhánh tại Bavina (Vương quốc Anh), thành lập Inchinbrok, thành lập VIA; trở thành doanh nghiệp nhà nước đầu tiên thành công trong mời gọi đối tác chiến lược nước ngoài, cũng như khả năng phối hợp hiệu quả với đối tác Sumitomo Life trong triển khai Dự án hỗ trợ và chuyển giao năng lực.

Bảo Việt đang chuyển mình với niềm tin và ước vọng. Sức mạnh niềm tin, sức mạnh của tinh thần đoàn kết gắn bó được thổi bùng lên trong chuỗi hội thao, hội diễn văn nghệ, giải thể thao kỷ niệm 50 năm thành lập, với sự tham gia của hơn 4.000 cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống. Không khí sôi động, hào hứng đã lan tỏa trong toàn hệ thống, người Bảo Việt tin vào nguồn lực được tích lũy trong nửa thế kỷ, và niềm tin ấy sẽ tiếp thêm sức mạnh cho những ước vọng lớn lao, đưa Bảo Việt tiếp tục đạt được những thành công mới.

Năng động sáng tạo

Tinh thần ham học hỏi, tinh thần say mê với nghề nghiệp được kế thừa và phát huy qua các thế hệ người Bảo Việt đã trở thành động lực cốt lõi cho sự phát triển của Bảo Việt suốt nửa thế kỷ qua. Đội ngũ cán bộ Bảo Việt năng động, sáng tạo, sẵn sàng tiếp thu cái mới, vượt qua thử thách để chinh phục đỉnh cao.



Bảo Việt luôn chủ động tìm hướng đi mới, đột phá và dẫn dắt thị trường bằng các sản phẩm và dịch vụ ưu việt để đạt tới đỉnh cao chất lượng, phát triển một cách bền vững. Đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hoá và cạnh tranh gay gắt, Bảo Việt sẵn sàng đổi mới để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu ngày càng cao và liên tục thay đổi của thị trường.

Hướng tới kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt, vào tháng 9/2014, hơn 120 cán bộ Bảo Việt đã chinh phục thành công "nóc nhà Đông Dương" - đỉnh Fansipan. Chương trình "Vươn tới tầm cao mới" thể hiện không chỉ niềm tin vào chiến thắng, lòng kiên trì, bền bỉ vượt qua gian nan thử thách mà còn là hành trình vượt qua khó khăn để giành chiến thắng quan trọng nhất - vượt qua chính mình. Hoạt động này nhằm khích lệ tinh thần khám phá thử thách của mỗi cá nhân cũng như khơi dậy tinh thần đoàn kết, sức mạnh đồng đội của người Bảo Việt.

Thắp lửa niềm tin

Một trong những yếu tố cốt lõi chính là tinh thần trách nhiệm, sự bao dung sẽ chia của người Bảo Việt với cộng đồng xã hội và nó đã góp phần tạo dựng niềm tin, uy tín, sự tôn trọng dành cho thương hiệu Bảo Việt. Bởi hơn ai hết, Bảo Việt hiểu thành công chỉ thực sự trọn vẹn và lâu bền khi song hành cùng lợi ích của xã hội và cộng đồng.



Không chỉ chú trọng xây dựng mối quan hệ gắn gũi và có trách nhiệm với cộng đồng tại địa phương, những việc làm thiết thực và ý nghĩa trong các chương trình như "Khăn áo ấm mùa đông", tri ân những gia đình có công với cách mạng, tài trợ chương trình học bổng An Sinh Giáo Dục, chương trình quyên góp "Bảo Việt: Niềm tin Việt - Chung tay hướng về biển đảo quê hương",... đã thu hút sự tham gia của đông đảo cán bộ Bảo Việt.

50 năm đã qua và cũng đồng thời mở ra một chặng đường mới. Các thế hệ Bảo Việt sẽ đồng lòng nối tiếp nhau bồi đắp giá trị văn hóa Bảo Việt trên nền tảng đã dựng xây, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của Bảo Việt trong nửa thế kỷ qua. Cùng với thời gian, Bảo Việt đã, đang và sẽ phát triển không ngừng, tiếp tục tiến về phía trước với "Sức mạnh niềm tin". Và niềm tin ấy sẽ được lan tỏa với những trang sử mới hào hùng và triển vọng phát triển bền vững của Bảo Việt trong tương lai.

LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

LĨNH VỰC KINH DOANH

Tập đoàn Bảo Việt hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100111761, đăng ký lần đầu ngày 15/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 02/7/2014.

Tập đoàn Bảo Việt cung cấp các dịch vụ tài chính - bảo hiểm toàn diện, trọn gói, bao gồm: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán, đầu tư...

BẢO HIỂM

- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ: Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng không; Bảo hiểm xe cơ giới; Giám định tổn thất
- Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: Bảo hiểm trọn đời; Bảo hiểm sinh kỳ; Bảo hiểm tử kỳ; Bảo hiểm hỗn hợp; Bảo hiểm liên kết chung...
- Kinh doanh tái bảo hiểm

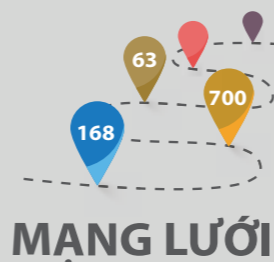
ĐẦU TƯ

- Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết, kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

- Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán
- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán
- Kinh doanh ngân hàng

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Hệ thống mạng lưới chi nhánh tại các vị trí đặc địa và trải dài khắp cả nước, cam kết cung cấp dịch vụ chất lượng hàng đầu trên thị trường.

Năng lực phân phối vượt trội trong lĩnh vực bảo hiểm với 127 công ty thành viên tại 63 tỉnh thành, 700 phòng giao dịch bảo hiểm trên toàn quốc và 41 chi nhánh, phòng giao dịch cung cấp dịch vụ chứng khoán, quản lý quỹ và các dịch vụ tài chính khác.



Cơ sở khách hàng lớn trên khắp các tỉnh/thành trong cả nước.

Phân khúc khách hàng đa dạng (thấp-trung-cao cấp), khách hàng thu nhập trung bình chiếm tỷ lệ lớn.

Vị thế đặc biệt trong khai thác tiềm năng phân khúc khách hàng trung lưu và khách hàng khu vực nông thôn.



Dẫn đầu thị trường về danh mục sản phẩm đa dạng với 80 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ; 40 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ; cung cấp đầy đủ các dịch vụ quản lý quỹ, chứng khoán, ngân hàng.

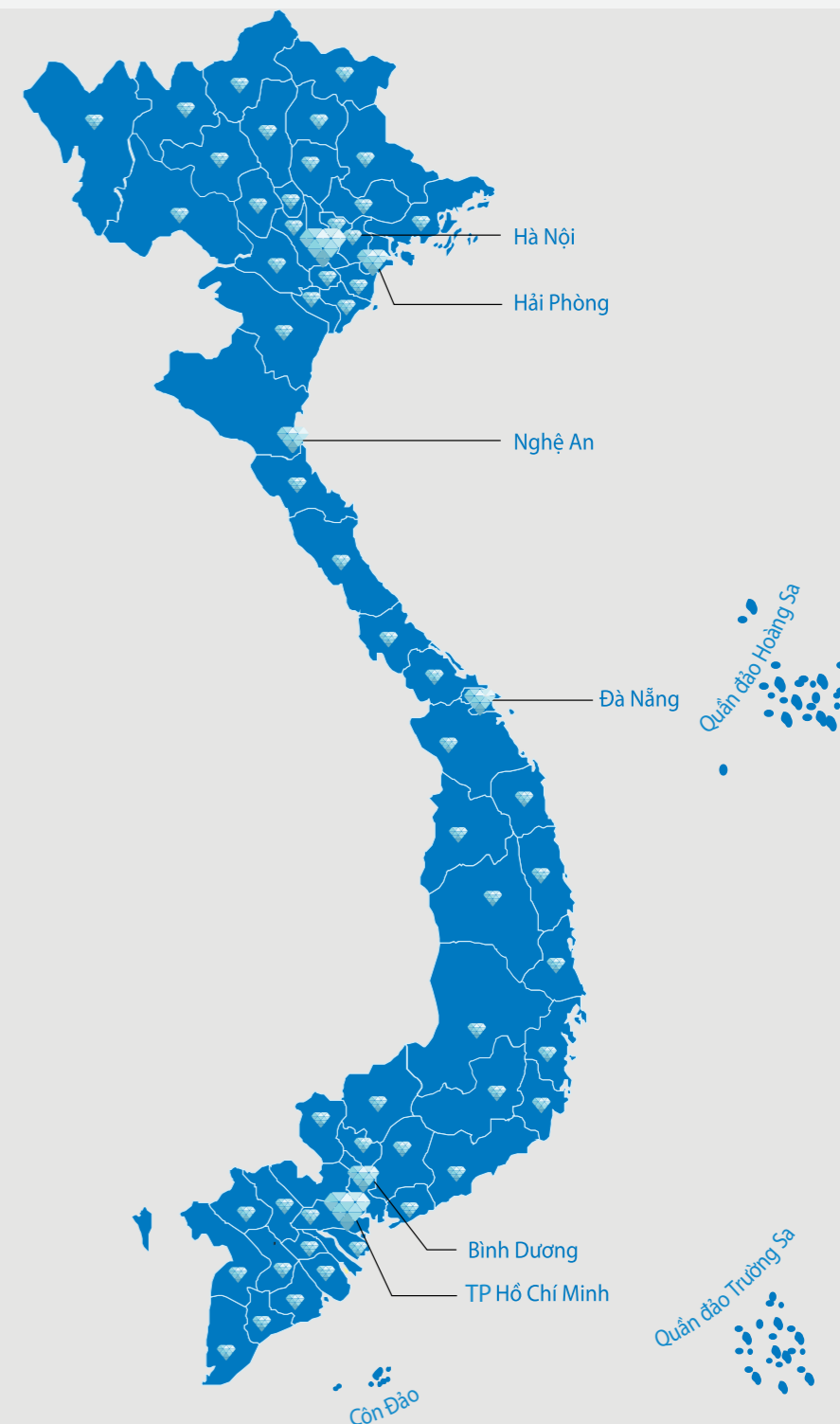
Đi đầu trong phát triển các sản phẩm tài chính, bảo hiểm có tính liên kết giữa bảo vệ, tiết kiệm và đầu tư.

Tích cực nghiên cứu phát triển các sản phẩm đón đầu nhu cầu tiềm năng về y tế, chăm sóc sức khỏe, hưu trí...

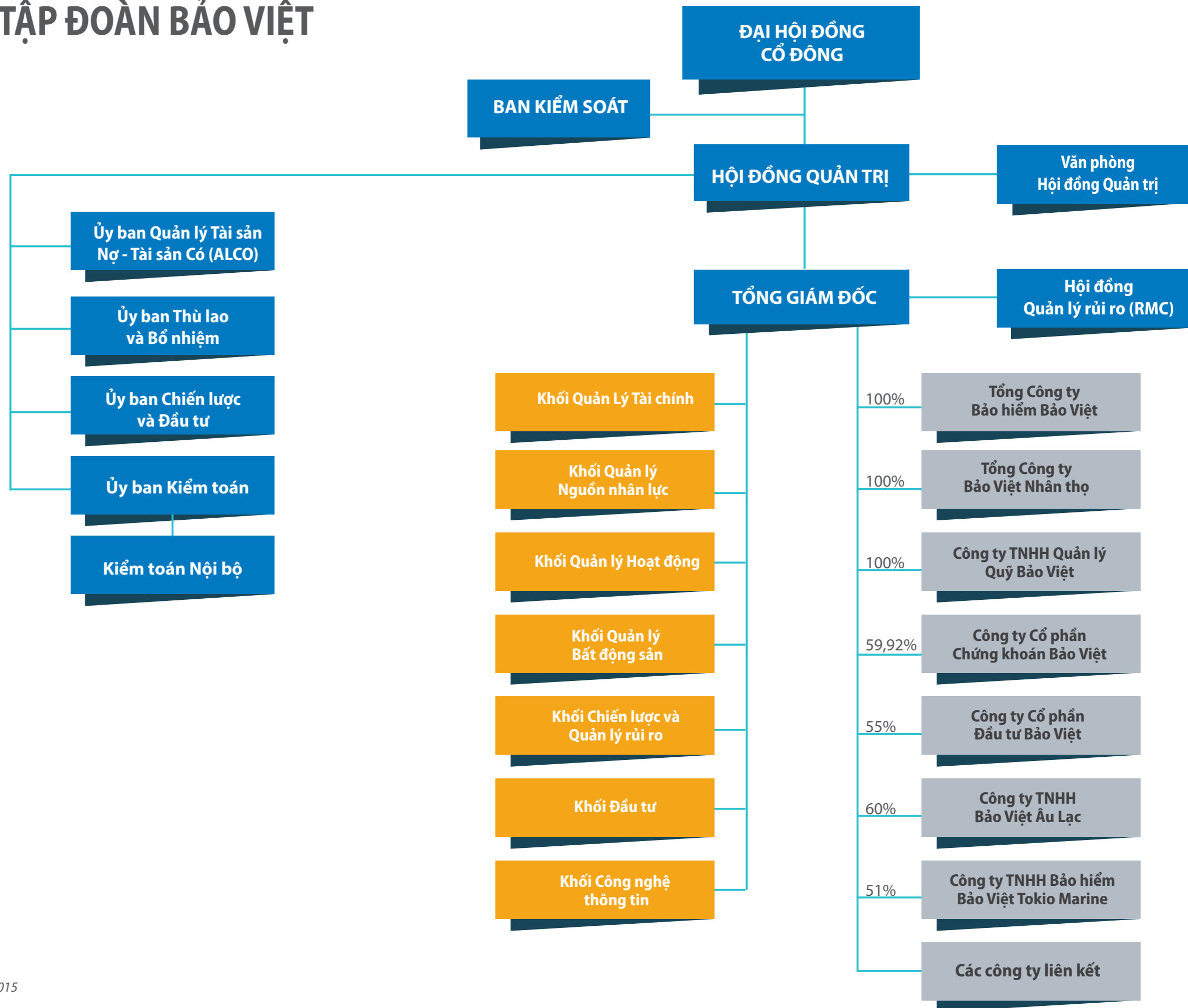
Tiên phong trong triển khai các chương trình bảo hiểm của Chính phủ: Bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm khai thác thủy sản, bảo hiểm y tế, chính sách hưu trí bổ sung.



Các đơn vị thành viên đóng trụ sở tại các địa bàn Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An, Hải Phòng, Bình Dương luôn khẳng định là các đơn vị kinh doanh quan trọng (chiếm trên 10% tổng doanh thu của Bảo Việt).



CƠ CẤU QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



* Tính đến 31/3/2015

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



1

ÔNG ĐÀO ĐÌNH THI

Chủ tịch HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA); Cử nhân kinh tế (tài chính - tín dụng)

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ ngày 23/12/2014)

Chức vụ công tác đã qua:
Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (6/2014 - 22/12/2014)

Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viglacera kiêm Giám đốc Ban Tài chính kế toán, Tổng Công ty Viglacera (4/2009 - 5/2014);

Kế toán trưởng Tổng Công ty Viglacera kiêm Giám đốc Ban Tài chính đầu tư Tổng Công ty kiêm Giám đốc Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera (4/2008 - 3/2009)

Giám đốc Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera (8/2007 - 3/2008)

Phó giám đốc Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng Viglacera (4/2007 - 7/2007)

Trưởng phòng Tài chính Kế toán / Kế toán trưởng Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng Viglacera (1/2000 - 3/2007)

Quốc tịch: Việt Nam



2

ÔNG NGUYỄN QUANG PHI

Thành viên HĐQT,
Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Cử nhân kinh tế bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 6/2014)

Chức vụ công tác đã qua:
Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (3/2011 - 6/2014);

Trưởng phòng Bảo hiểm Tàu thủy, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (5/2006-02/2011);

Phó Trưởng phòng Marketing (sau là Phòng Bảo hiểm Dự án), Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (10/2003-4/2006);

Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện (9/1998-9/2003);

Phó Trưởng phòng, phụ trách phòng Thị trường, Công ty cổ phần Bảo hiểm PJJICO (8/1997-7/1998)

Quốc tịch: Việt Nam



3

NGUYỄN ĐỨC TUẤN

Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 10/2007); Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua:
Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (01/2008-12/2014);

Tổng Giám đốc Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam (12/2006 - 12/2007);

Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam (01/2004 - 11/2006);

Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Hà Nội (7/1996 - 12/2003).

Quốc tịch: Việt Nam



4

ÔNG PHAN KIM BẰNG

Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 12/2014); Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (từ tháng 12/2014).

Chức vụ công tác đã qua:
Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (11/2012-12/2014);

Phó Giám đốc Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt; Trưởng Ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ Tập đoàn Bảo Việt (9/2008-11/2012);

Trưởng phòng Quản lý Đại lý, Phó Trưởng phòng Bảo hiểm Con người, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (6/1999 - 9/2008);

Trưởng phòng Bảo hiểm khu vực, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty Bảo hiểm Hà Nội (02/1988-6/1999)

Quốc tịch: Việt Nam



5

ÔNG ĐẬU MINH LÂM

Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ tài chính - ngân hàng; Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 12/2014); Giám đốc Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 12/2014 đến tháng 4/2015); Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (từ tháng 12/2014).

Chức vụ công tác đã qua:
Giám đốc Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (12/2012 - 12/2014);

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (12/2007 - 12/2012);

Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (11/2006 - 12/2007);

Phó phòng phụ trách phòng Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (01/2006 - 11/2006);

Phó phòng Đầu tư trực tiếp, Trung tâm Đầu tư, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (04/2005 - 12/2005).

Quốc tịch: Việt Nam



6

BÀ THÂN HIỀN ANH

Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Cử nhân ngân hàng; Cử nhân bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 12/2014); Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (từ tháng 12/2014).

Chức vụ công tác đã qua:
Giám đốc Khối Chiến lược và Quản lý rủi ro (9/2013-6/2014 ; 8/2014-02/2015);

Giám đốc Khối Xây dựng chiến lược (7/2012-9/2013);

Giám đốc Dự án Tái cấu trúc Tập đoàn Bảo Việt (01/2012-7/2012);

Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Dự án chuyển đổi chiến lược; Giám đốc Khối Truyền thông kiêm Giám đốc dự án chuyển đổi thương hiệu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) (4/2007-12/2011);

Trưởng phòng Phát triển và Hỗ trợ Kinh doanh, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVFMC) (8/2006-4/2007).

Quốc tịch: Việt Nam



7

ÔNG NGUYỄN QUỐC HUY

Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Cử nhân kế toán.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 4/2013); Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) (từ 2011).

Chức vụ công tác đã qua:
Ủy viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (8/2006 - 2011);

Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng, Phó Giám đốc Công ty Kiểm toán Việt Nam (1992 - 7/2006);

Quốc tịch: Việt Nam



8

ÔNG YOSHIHARU YUKIHIRA

Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 4/2013); Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (từ tháng 4/2013).

Chức vụ công tác đã qua:
Trưởng Văn phòng Đại diện Sumitomo Life tại Hà Nội; Phó Giám đốc, Phòng Quan hệ Khách hàng Tổ chức Tài chính Sumitomo Life; Trưởng phòng, Phòng Xúc tiến bán hàng các chương trình hưu trí đóng góp xác định Sumitomo Life; Phó Chủ tịch điều hành, Sumitomo Life Insurance Agency America; Trợ lý Giám đốc Sumitomo Life, Chi nhánh Sapporo, Nhật Bản.

Quốc tịch: Nhật Bản



9

ÔNG SHINZO KONO

Thành viên HĐQT
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Thương mại

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 4/2013); Thành viên Ban điều hành, Giám đốc Phòng Kế hoạch Chiến lược Sumitomo Life, Nhật Bản.

Chức vụ công tác đã qua:
Giám đốc Chi nhánh Sumitomo Life tại Nagano, Nhật Bản.

Trưởng phòng Nhân sự, Trưởng phòng Đầu tư, Trợ lý Trưởng phòng Đầu tư Chứng khoán Quốc tế, Trợ lý Trưởng phòng, Chi nhánh Sumitomo Life tại New York, Hoa Kỳ.

Quốc tịch: Nhật Bản

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



1

ÔNG NGUYỄN NGỌC THỤYTrưởng Ban Kiểm soát
Tập đoàn Bảo Việt

2

ÔNG ÔNG TIẾN HÙNGThành viên Ban Kiểm soát
Tập đoàn Bảo Việt

3

ÔNG ĐẶNG THÁI QUÝThành viên Ban Kiểm soát
Tập đoàn Bảo Việt

4

ÔNG NOBUYUKI YAGIThành viên Ban Kiểm soát
Tập đoàn Bảo Việt

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



1

ÔNG NGUYỄN NGỌC THỤY

Trưởng Ban Kiểm soát
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 12/2014); Chuyên viên chính phòng Kiểm tra và kiểm soát nội bộ, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Chức vụ công tác đã qua:
Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 10/2007); Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam; cán bộ tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP. Hải Phòng; Trợ lý tín dụng văn phòng Cộng đồng Châu Âu vùng phía Bắc tại Hải Phòng.

Quốc tịch: Việt Nam



2

ÔNG ÔNG TIẾN HÙNG

Thành viên Ban Kiểm soát
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 11/2012); Giám đốc Ban Kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Chức vụ công tác đã qua:
Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt; Phó Trưởng phòng Thanh tra nội bộ ngành; Thanh tra viên chính, Thanh tra Bộ Tài chính.

Quốc tịch: Việt Nam



3

ÔNG ĐẶNG THÁI QUÝ

Thành viên Ban Kiểm soát
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 11/2012); Phó Trưởng phòng Quản lý Tài chính doanh nghiệp giao thông – xây dựng, Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính.

Chức vụ công tác đã qua:
Chuyên viên Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính; Chuyên viên Vụ Giao thông Bưu điện, Tổng cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

Quốc tịch: Việt Nam



4

ÔNG NOBUYUKI YAGI

Thành viên Ban Kiểm soát
Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 4/2013); Giám đốc, Phòng Nhân sự Sumitomo Life, Nhật Bản.

Chức vụ công tác đã qua:
Giám đốc, Phòng Kinh doanh sản phẩm hưu trí; Phó Chủ tịch, Bảo hiểm nhân thọ PICC; Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro; Giám đốc, Phòng Quản lý Rủi ro Hoạt động Đầu tư; Trưởng Bộ phận Pháp chế; Trợ lý Giám đốc, Bộ phận Kế hoạch Đầu tư; Phó giám đốc, Bộ phận Phân tích Rủi ro Tín dụng, Sumitomo Life, Nhật Bản; Phó Chủ tịch, Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo Life tại Hồng Kông; Trợ lý Trưởng phòng, Văn phòng đại diện Sumitomo Life tại London, Vương Quốc Anh.

Quốc tịch: Nhật Bản

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



1

ÔNG NGUYỄN QUANG PHI
Tổng Giám đốc

2

ÔNG ĐẠU MINH LÂM
Giám đốc Khối Đầu tư

3

ÔNG PHAN TIẾN NGUYÊN
Giám đốc Khối Quản lý
Nguồn Nhân lực

4

ÔNG NGUYỄN THANH SƠN
Giám đốc Khối Quản lý
Bất động sản

5

ÔNG NGUYỄN THANH HẢI
Kế toán trưởng

* Tính đến 31/3/2015

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



1

ÔNG NGUYỄN QUANG PHI

Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân kinh tế bảo hiểm

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 6/2014)

Chức vụ công tác đã qua:
Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (3/2011-6/2014);

Trưởng phòng Bảo hiểm Tàu thủy, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (5/2006-02/2011);

Phó Trưởng phòng Marketing (sau là Phòng Bảo hiểm Dự án), Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (10/2003-4/2006);

Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện (9/1998-9/2003);

Phó Trưởng phòng, phụ trách phòng Thị trường, Công ty cổ phần Bảo hiểm PJICO (8/1997-7/1998)

Quốc tịch: Việt Nam



2

ÔNG ĐẶNG MINH LÂM

Giám đốc Khối Đầu tư

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ tài chính - ngân hàng

Chức vụ đang đảm nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 12/2014); Giám đốc Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 12/2014 đến tháng 4/2015); Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (từ tháng 12/2014).

Chức vụ công tác đã qua: Giám đốc Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (12/2012 - 12/2014);

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (12/2007 - 12/2012);

Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (11/2006 - 12/2007);

Phó phòng phụ trách phòng Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (01/2006 - 11/2006);

Phó phòng Đầu tư trực tiếp, Trung tâm Đầu tư, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (04/2005 - 12/2005).

Quốc tịch: Việt Nam



3

ÔNG PHAN TIẾN NGUYÊN

Giám đốc Khối Quản lý Nguồn Nhân lực

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Tài chính,
Cử nhân bảo hiểm.

Chức vụ đang đảm nhiệm:
Giám đốc Khối Quản lý Nguồn nhân lực Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 7/2008).

Chức vụ công tác đã qua:
Trưởng Ban Thư ký HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Trưởng Ban Nghiên cứu và Phát triển thị trường kiêm Giám đốc Quản lý chất lượng Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam; Giám đốc điều hành Công ty Bavina (UK) Ltd. Vương quốc Anh.

Quốc tịch: Việt Nam



4

ÔNG NGUYỄN THANH SƠN

Giám đốc Khối Quản lý Bất động sản

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân Kế toán.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Giám đốc Khối Quản lý Bất động sản Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 7/2012); Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt; Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt; Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế.

Chức vụ công tác đã qua: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam - SSG; Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam; Phó Ban Tài chính kế toán Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

Quốc tịch: Việt Nam



5

ÔNG NGUYỄN THANH HẢI

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân Kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm: Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt (từ tháng 3/2009).

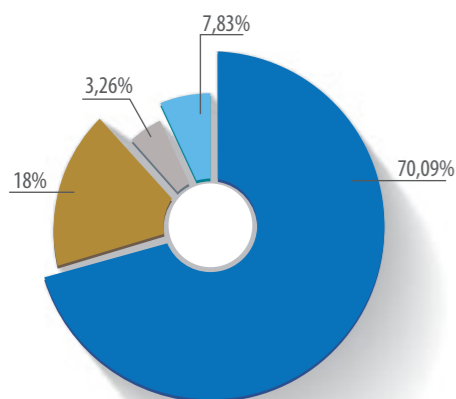
Chức vụ công tác đã qua: Trưởng ban, Phó Trưởng ban Kế hoạch Tài chính Tập đoàn Bảo Việt; Phó Giám đốc, Quyền Giám đốc, Giám đốc Bảo Việt Nhân thọ Quảng Ninh; Trưởng phòng Tài chính kế toán, Bảo Việt Nhân thọ Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

* Tính đến 31/3/2015

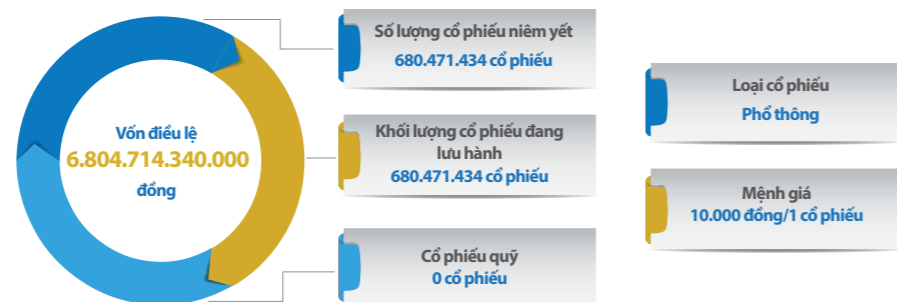
THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

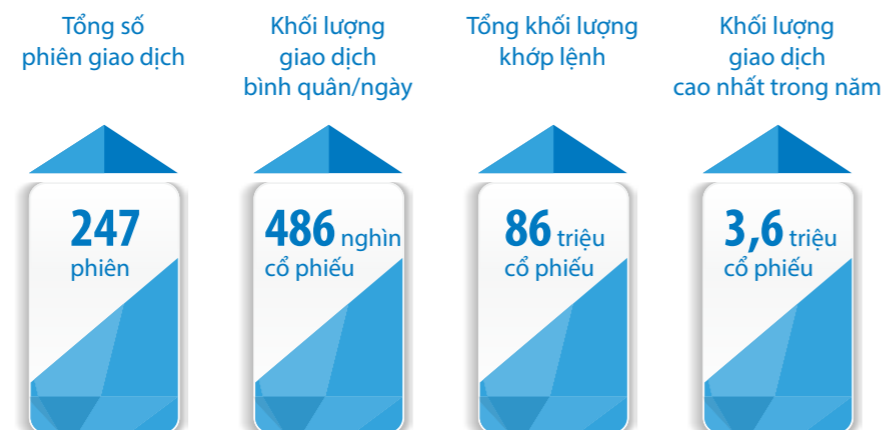


THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tính đến ngày 31/12/2014



THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH NĂM 2014



Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 12/3/2015

LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC

Cổ tức qua các năm	Tỷ lệ thực hiện	Thời gian thực hiện
2013	15% (1.500 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 30/06/2014
2012	15% (1.500 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 17/07/2013
2011	12% (1.200 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 02/07/2012
2010	12% (1.200 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 04/07/2011
2009	11% (1.100 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 10/06/2010
2008	10% (1.000 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 20/05/2009

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	504.664.200	74,16%	02	02	0
2	Cổ đông sáng lập	504.664.200	74,16%	02	02	0
	- Trong nước	504.664.200	74,16%	02	02	0
	- Nước ngoài	0	0%	0	0	0
	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	605.018.891	88,91%	02	02	0
3	- Trong nước	482.509.800	70,91%	01	01	0
	- Nước ngoài	122.509.091	18%	01	01	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	75.452.543	11,09%	6.647	134	6.802
	- Trong nước	33.314.593	4,9%	6.260	50	6.510
	- Nước ngoài	42.137.950	6,19%	384	84	288
	TỔNG CỘNG	680.471.434	100%	6.646	136	6.510

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 12/3/2015)

Danh sách 10 cổ đông lớn nhất

Đối tượng	Đại diện sở hữu	Sở hữu cá nhân	Tổng cộng
1	Bộ Tài chính	482.509.800	70,9%
2	Sumitomo Life Insurance Company	122.509.091	18,0%
3	Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước - Công Ty TNHH	22.154.400	3,3%
4	Market Vectors ETF Trust-Market Vectors-Vietnam ETF	12.707.776	1,9%
5	Deutsche Bank AG London	4.351.990	0,6%
6	Target Value Fund	3.738.500	0,5%
7	Lion Global Vietnam Fund	2.422.570	0,4%
8	TMA Asian Small To Mid Cap Equity Fund	1.393.000	0,2%
9	Seafarer Overseas Growth And Income Fund	1.330.000	0,2%
10	J.P.Morgan Whitefriars Inc.	1.256.080	0,2%

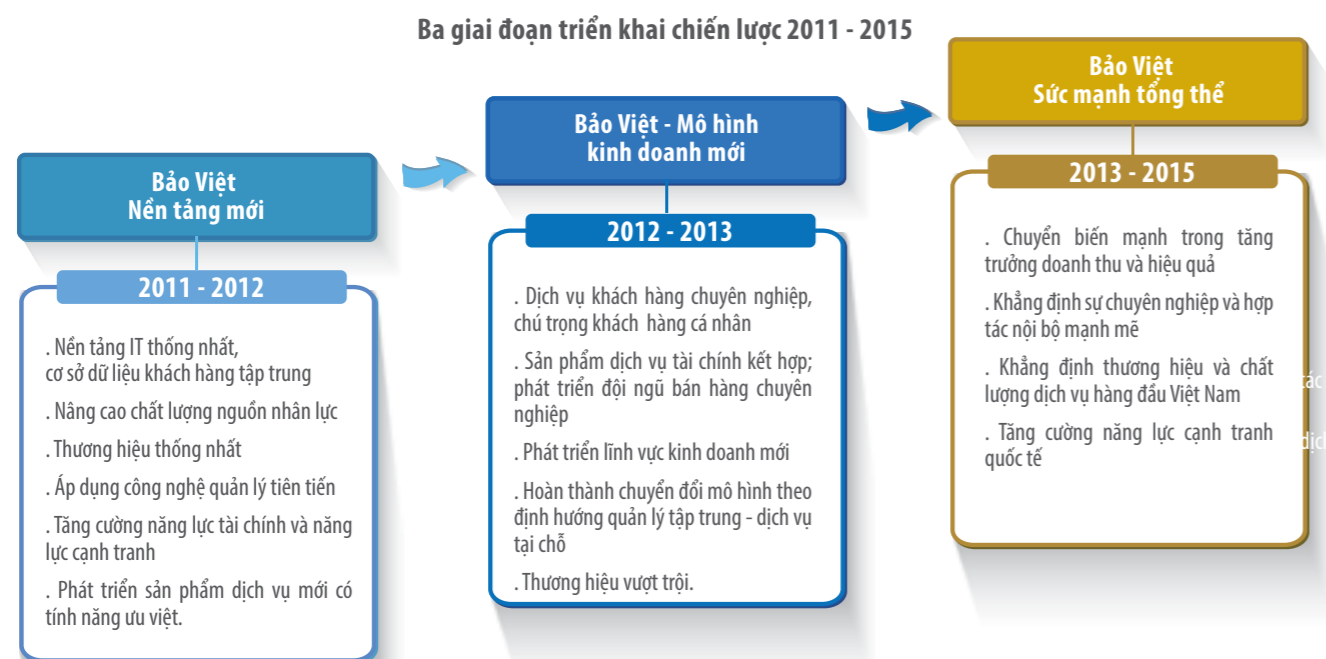
(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 12/3/2015)

BỀN VỮNG TƯƠNG LAI

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2011-2015 CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Chiến lược phát triển giai đoạn 2011 - 2015

Chiến lược phát triển giai đoạn 2011 – 2015 được Đại hội đồng cổ đông năm 2011 thông qua, theo đó Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt triển khai kế hoạch chiến lược đến 2015 theo 3 giai đoạn:



- Giai đoạn 2011-2012 - Xây dựng Một Bảo Việt trên Một nền tảng mới:** tập trung xây dựng nền tảng công nghệ thông tin thống nhất, đầu tư phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đổi mới quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế, hoàn thiện hệ thống thương hiệu thống nhất, phát triển sản phẩm dịch vụ mới, và tăng cường năng lực tài chính.
- Giai đoạn 2012-2013 - Chuyển đổi mô hình kinh doanh,** thực hiện chuyển biến mạnh mẽ trong chất lượng dịch vụ khách hàng, chú trọng khách hàng cá nhân, cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính kết hợp, phát triển lĩnh vực kinh doanh mới, chuyên môn hóa hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Giai đoạn 2013-2015 - Phát huy sức mạnh hợp lực toàn Tập đoàn,** tạo sự chuyển biến mạnh trong tăng trưởng doanh thu, tăng cường hiệu quả và sự chuyên nghiệp của đội ngũ nhân lực, hợp tác nội bộ mạnh mẽ, khẳng định thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, mở rộng hoạt động sang thị trường khu vực.

Kết quả thực hiện chiến lược tổng thể

Trong bối cảnh khó khăn và biến động của môi trường vĩ mô, nền kinh tế Việt Nam bước vào thời kỳ tăng trưởng thấp trong giai đoạn 2011 - 2014. Các vấn đề kinh tế vĩ mô như tổng cầu yếu, cắt giảm đầu tư và chi tiêu công, hàng tồn kho cao, hệ thống ngân hàng bọc lột bất ổn, thị trường chứng khoán biến động bất thường, thị trường bất động sản ảm đạm đã ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường tài chính - bảo hiểm nói chung và các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt nói riêng.

Giai đoạn 2011 – 2014, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Việt Nam trên thực tế đều biến động theo chiều hướng kém lạc quan so với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 theo Nghị quyết 10/2011/QH13 của Quốc hội ban hành cuối năm 2011. Tăng trưởng GDP bình quân 4 năm 2011-2014 chỉ đạt 5,6%/năm, khá thấp so với mục tiêu 7-7,5%/năm Đại hội XI đề ra, thấp hơn mức điều chỉnh 6,5-7%/năm theo Nghị quyết của Quốc hội.

Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và từng lĩnh vực ngành nghề theo Kế hoạch Chính phủ phê duyệt và thực tế trong giai đoạn 2011 - 2014

Môi trường vĩ mô	Kế hoạch KT-XH 2011-2015	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
GDP (%)	6,5-7	5,89	5,25	5,42	5,98
CPI (%)	5,0-7,0	18,13	6,81	6,04	4,09
Tăng trưởng KNXK (%)	12	33,3	15,0	15,4	13,6
FDI thực hiện (tỷ USD)	10	10	10,46	11,5	12,4
Tổng vốn đầu tư toàn XH/GDP (%)	33,5-35	34,6	33,5	30,4	31

Nguồn: Nghị quyết số 10/2011/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 ban hành ngày 8/11/2011, số liệu GSO từ 2011 – 2014.

Thị trường tài chính - bảo hiểm	Kế hoạch 2011-2015	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Tăng trưởng tín dụng (%)	20-30	<11	8,91	12,51	12,62
Tỷ lệ vốn hóa TTCK/GDP (%)	70	34	28	31	31,5
Tăng trưởng Doanh thu phí BHPNT (%)	20-22	21	10,3	7,3	10,5
Tăng trưởng Doanh thu phí BHNT (%)	12-15	16,2	14,8	23,1	17,9
Tổng vốn đầu tư toàn XH/GDP (%)	33,5-35	34,6	33,5	30,4	31

Nguồn: Các giả định trong kế hoạch chiến lược 2011 – 2015 của Tập đoàn Bảo Việt xây dựng năm 2010, Ngân hàng Nhà nước, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Cục Quản lý & Giám sát Bảo hiểm.

Chính phủ hướng đến mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đồng thời thực hiện cắt giảm đầu tư công, thắt chặt chi tiêu công, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn... các yếu tố trên ảnh hưởng lớn đến thị trường bảo hiểm, đặc biệt là bảo hiểm phi nhân thọ.



Trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, cầu bảo hiểm giảm mạnh do Chính phủ giảm đầu tư vào các dự án xây dựng mới, doanh nghiệp cắt giảm chi phí bảo hiểm trong khi tình trạng trục lợi và nợ phí bảo hiểm gia tăng khiến cho doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ gặp rất nhiều khó khăn. Mức tăng trưởng 7,3% của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong năm 2013 là mức tăng trưởng thấp nhất kể từ năm 2006 đến nay. Tốc độ tăng trưởng bình quân của tổng doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ giai đoạn 2011 - 2014 ước tăng 9,3%, thấp hơn khá nhiều so với mức tăng bình quân 27,5% của giai đoạn 2006 - 2010.



Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, sự thành công của Chính phủ Việt Nam trong kiểm soát lạm phát và duy trì mặt bằng lãi suất giảm cùng với xu hướng người dân thắt chặt chi tiêu, gia tăng tiết kiệm đảm bảo tương lai là những yếu tố giúp gia tăng sức cầu về các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, đặc biệt là sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết đầu tư. Tốc độ tăng trưởng bình quân của tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ giai đoạn 2011 - 2014 ước tính tăng trung bình 19,6%, khá cao so với mức bình quân 12,9% của giai đoạn 2006 - 2010. Mặt bằng lãi suất giảm đã tác động thuận lợi cho khai thác bảo hiểm nhân thọ, song ảnh hưởng đến kết quả đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm.



Trên thị trường chứng khoán, bối cảnh kinh tế vĩ mô khó khăn đã tác động đến thị trường nói chung và hoạt động của các thành viên tham gia thị trường nói riêng. Số lượng doanh nghiệp hủy niêm yết tăng, đa số doanh nghiệp niêm yết thông báo hoạt động kinh doanh lỗ hoặc giảm lợi nhuận trong giai đoạn 2011 - 2013. Hoạt động của các công ty chứng khoán và quản lý quỹ trong giai đoạn này cũng gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh chung của thị trường chứng khoán.



Trong lĩnh vực ngân hàng, cùng với chính sách ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước đã áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ, tín dụng giai đoạn 2011 - 2014 tăng trưởng rất thấp so với mục tiêu kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, hệ thống ngân hàng tồn tại nhiều khó khăn, vướng mắc, hàng loạt các vấn đề cần phải xử lý như nợ xấu, tình trạng sở hữu chéo, hoạt động tái cơ cấu hệ thống ngân hàng... Trong môi trường kinh doanh chung không thuận lợi, hoạt động của các ngân hàng đặc biệt là ngân hàng có quy mô vừa và nhỏ gặp nhiều khó khăn.



Đánh giá hoàn thành mục tiêu chiến lược

Mặc dù môi trường kinh doanh có nhiều khó khăn, đem lại thách thức không nhỏ trong việc triển khai kế hoạch chiến lược, song Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã nỗ lực phấn đấu thực hiện các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2011 - 2014. Về cơ bản, Tập đoàn Bảo Việt thành công trong việc đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực, khẳng định và duy trì các lợi thế cạnh tranh trên thị trường Việt Nam về đội ngũ nhân sự với hơn 70.000 nhân cán bộ, đại lý và tư vấn viên, thương hiệu uy tín hàng đầu Việt Nam, cơ sở khách hàng lớn, mạng lưới phân phối rộng khắp với hơn 160 chi nhánh và 700 điểm phục vụ bảo hiểm, cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính về bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán và quản lý quỹ.

Để đạt được các kết quả nêu trên, Bảo Việt đã tập trung, kiên trì thực hiện đồng bộ các giải pháp chiến lược đã đặt ra trong từng giai đoạn.

Giai đoạn 1 (2011 - 2012): Xây dựng "Một Bảo Việt, Một nền tảng mới"

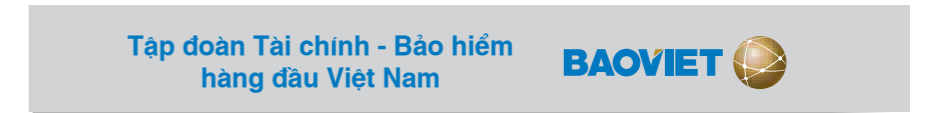
Hai năm đầu tiên khi thực hiện chiến lược giai đoạn 2011 - 2015, Tập đoàn Bảo Việt đã thành công trong việc xây dựng "Một Bảo Việt, Một nền tảng mới": bước đầu xây dựng được mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến theo mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con; hệ thống công nghệ thông tin từng bước được tập trung hóa, hiện đại hóa; hệ thống quản trị nguồn nhân lực được xây dựng theo thông lệ quốc tế; hệ thống thương hiệu được đổi mới theo hướng năng động hơn, hiện đại hơn; lựa chọn được cổ đông chiến lược nước ngoài ngay sau cổ phần hóa năm 2007, đồng thời thực hiện tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực từ đối tác chiến lược nước ngoài HSBC và tiếp đến là Sumitomo Life, sau khi Sumitomo Life mua lại 18% cổ phần của HSBC tại Tập đoàn Bảo Việt năm 2012.

Năng lực tài chính của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên được củng cố và tăng cường sau khi tăng vốn điều lệ từ 5.730 tỷ đồng lên 6.805 tỷ đồng năm 2010-2011, trở thành Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm có tiềm lực tài chính hàng đầu trên thị trường Việt Nam.

Xây dựng Một Bảo Việt - Một nền tảng mới



Hợp tác chiến lược giữa Bảo Việt và HSBC thông qua Dự án Hỗ trợ kỹ thuật và Chuyển giao Năng lực (TSCTA)



Giai đoạn 2 (2012 – 2013): Chuyển đổi mô hình kinh doanh

Nhằm nâng cao hiệu quả lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm, các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt đã tập trung đẩy mạnh và thành công bước đầu trong đổi mới mô hình kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, phát triển đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, bước đầu phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính trọn gói, tận dụng cơ hội mới trên thị trường tài chính.



BẢO HIỂM

Đối với lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ: Giữ vững vị trí doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu thị trường; đẩy mạnh triển khai sắp xếp, đổi mới, bước đầu chuyển đổi sang mô hình quản lý tập trung; tiên phong trong việc phát triển kênh phân phối mới bancassurance, thành lập trung tâm hỗ trợ dịch vụ khách hàng call-center.

Đối với lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ: Củng cố vị trí doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ hàng đầu Việt Nam; đẩy mạnh quá trình chuyển đổi mô hình từ mô hình kinh doanh phân tán sang mô hình kinh doanh tập trung, nhằm cắt giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động; phát triển đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng kênh phân phối mới như kênh telesales, callcenter, bancassurance; tích cực triển khai nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đón đầu nhu cầu tiềm năng của khách hàng như nghiên cứu sản phẩm Bảo hiểm hưu trí tự nguyện.



ĐẦU TƯ

Đối với lĩnh vực quản lý quỹ: Duy trì vị trí thứ hai thị trường về tổng tài sản quản lý, tích cực nghiên cứu triển khai các sản phẩm mới như quỹ mở, quỹ chỉ số, quỹ bất động sản và thành công trong việc đưa ra thị trường sản phẩm quỹ mở BVFED vào cuối năm 2013. Quỹ BVFED là quỹ mở đầu tiên của thị trường lựa chọn chiến lược đầu tư chủ động với danh mục đầu tư có tính thanh khoản cao và chất lượng tốt.

Đối với hoạt động đầu tư ở công ty mẹ và các đơn vị thành viên, đẩy mạnh quản lý rủi ro và phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn chất lượng, đảm bảo tính an toàn và hiệu quả trong giai đoạn biến động của thị trường.



DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Đối với lĩnh vực chứng khoán đạt được một số kết quả đáng khích lệ như (i) duy trì vị trí số 1 về thị phần môi giới trái phiếu trên sàn HoSE, xếp vị trí thứ 4 thị phần môi giới trái phiếu trên sàn HNX và thuộc Top 10 thị phần môi giới cổ phiếu trên sàn HNX trong năm 2012 - 2013, (ii) tăng cường quản trị tập trung các nghiệp vụ có tính rủi ro cao, quản lý danh mục đầu tư với tiêu chí an toàn được ưu tiên hàng đầu và chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp với biến động thị trường.

Đối với lĩnh vực ngân hàng, tuy là ngân hàng trẻ, quy mô nhỏ nhưng hoạt động tài chính lành mạnh với tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu CAR đạt 37,3%, tỷ lệ nợ xấu năm 2013 là 2,2%; hệ thống công nghệ thông tin hiện đại tập trung tại trụ sở chính, mạng lưới kênh phân phối bắt đầu phát triển ra khắp các tỉnh thành trong cả nước (29 chi nhánh và phòng giao dịch).

Đối với lĩnh vực quản lý bất động sản, phát huy tốt vai trò quản lý hiệu quả tài sản bất động sản của Tập đoàn theo đúng định hướng chiến lược phát triển kinh doanh.

Giai đoạn 3 (2013 – 2015): Phát huy sức mạnh tổng thể

Năm 2013, trước bối cảnh nền kinh tế vĩ mô có những biến động trái chiều so với các giả định đã đặt ra khi xây dựng chiến lược 2011-2015, Tập đoàn Bảo Việt đã chủ động rà soát kế hoạch chiến lược để triển khai các giải pháp phù hợp, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Cùng với chủ trương tái cơ cấu nền kinh tế của Chính phủ cuối 2011, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng Đề án tái cơ cấu năm 2012 và bắt đầu triển khai từ tháng 7/2013 theo định hướng tiếp tục phát triển mô hình Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm dựa trên 3 trụ cột: bảo hiểm, đầu tư, dịch vụ tài chính. Đồng thời, chiến lược phát triển đến 2015 có sự điều chỉnh, tập trung hơn vào lĩnh vực kinh doanh truyền thống cốt lõi là bảo hiểm và đẩy mạnh hợp lực Tập đoàn.

Đề án Tái cơ cấu và các giải pháp chiến lược năm 2015

Chiến lược ngành nghề

. Tập đoàn Bảo Việt định hướng tiếp tục phát triển dựa trên mô hình Tập đoàn bảo hiểm - đầu tư và dịch vụ tài chính nhằm tận dụng lợi thế về thương hiệu và tối ưu hóa các nguồn lực về con người, vốn, công nghệ, phát huy sức mạnh hợp lực Tập đoàn.

. Với 3 trụ cột ngành nghề là bảo hiểm, đầu tư, dịch vụ tài chính

Tài chính

. Tăng cường năng lực tài chính, mở rộng hoạt động kinh doanh thông qua các kế hoạch tăng vốn điều lệ cho công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

. Nâng cao hiệu quả đầu tư danh mục tài chính thông qua việc rà soát và phân bổ lại danh mục đầu tư theo nguyên tắc và điều kiện thị trường.

Quản trị

. Mô hình quản trị theo thông lệ quốc tế của các Tập đoàn tài chính trên thế giới, theo mô hình Công ty mẹ nắm vốn - Công ty con.

. Cơ cấu tổ chức quản trị, điều hành thống nhất giữa Công ty Mẹ và Công ty con.

. Hệ thống quy chế và cơ chế quản trị nội bộ xuyên suốt toàn Tập đoàn.

. Tăng cường vai trò của BVH, tăng cường hợp lực giữa các đơn vị thành viên. Công ty Mẹ đóng vai trò điều phối, là hạt nhân của cả hệ thống Tập đoàn, chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành hoạt động của toàn Tập đoàn.

. Kiến toán bộ máy quản lý, hệ thống công nghệ thông tin

. Tăng cường vai trò kiểm soát nội bộ: Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ, Quản lý rủi ro, Tuân thủ.

Bám sát Đề án tái cơ cấu, đến hết năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện được các kết quả cụ thể như sau:

Chiến lược ngành nghề

Bảo hiểm

Tập đoàn Bảo hiểm hỗn hợp dẫn đầu thị trường bảo hiểm với doanh thu phí gốc bảo hiểm phi nhân thọ và tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ hàng đầu thị trường.

Từng bước chuyển dịch cơ cấu sản phẩm sang bán lẻ hướng tới tăng trưởng bền vững trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ.

Định hình và dẫn dắt sự phát triển của thị trường bảo hiểm trong cả lĩnh vực nhân thọ và phi nhân thọ.

Tiền phong trong các chương trình bảo hiểm của Chính phủ (bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm tín dụng xuất nhập khẩu...) và đi đầu trong phát triển các sản phẩm tài chính bảo hiểm có tính liên kết giữa bảo vệ, tiết kiệm và đầu tư.

Đầu tư

Tăng cường năng lực tài chính, mở rộng hoạt động kinh doanh thông qua các kế hoạch tăng vốn điều lệ cho Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên.

Nâng cao hiệu quả đầu tư danh mục tài chính thông qua việc rà soát và phân bổ lại danh mục đầu tư theo nguyên tắc và điều kiện thị trường.

Đã thu hút thêm nguồn vốn bên ngoài, triển khai và vận hành quỹ mở BVFED chuyên nghiệp và hiệu quả.

Tiếp tục đẩy mạnh quản trị rủi ro trong hoạt động đầu tư tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.

Cơ cấu lại danh mục đầu tư cho phù hợp với biến động thị trường.

Dịch vụ tài chính

Lĩnh vực chứng khoán duy trì vị trí hàng đầu trên thị trường chứng khoán, năm 2014 thuộc Top 10 thị phần môi giới trên sàn HoSE, đạt giải thưởng "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2011-2013", đồng thời chuyển dịch thành công cơ cấu nghiệp vụ, chiến lược kinh doanh hướng đến mục tiêu an toàn và phát triển bền vững.

Lĩnh vực ngân hàng phát triển lành mạnh, hiệu quả, tỷ lệ nợ xấu thấp, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định qua các năm.

Lĩnh vực quản lý bất động sản tiếp tục phát huy vai trò quản lý tài sản bất động sản của toàn Tập đoàn.

Bám sát định hướng chiến lược ngành nghề, củng cố và duy trì vị trí hàng đầu trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt

Chiến lược vốn

Bám sát lộ trình tăng vốn cho các đơn vị thành viên trong giai đoạn 2012-2013, Tập đoàn Bảo Việt đã tập trung tăng cường năng lực tài chính cho lĩnh vực bảo hiểm, và đã bổ sung thêm vốn điều lệ cho Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt lên mức 2.000 tỷ đồng vào năm 2013.

Với mức vốn được tăng thêm, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã trở thành hai doanh nghiệp bảo hiểm có mức vốn điều lệ lớn nhất thị trường, giúp Tổng Công ty đảm bảo biên khả năng thanh toán, mở rộng hoạt động kinh doanh, phát triển sản phẩm mới, đầu tư công nghệ thông tin thúc đẩy hoạt động bán hàng và dịch vụ khách hàng.

Các doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ tài chính như quản lý quỹ và chứng khoán cũng có lộ trình và kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2015 nhằm nâng cao năng lực tài chính, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh.

Quản trị doanh nghiệp

Trong hai năm 2013-2014, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, bổ sung hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn, tăng cường vai trò của Công ty Mẹ, tăng cường phối hợp liên kết giữa các đơn vị thành viên, hoàn thiện bộ máy tổ chức và giảm thiểu chồng chéo trong bộ máy quản trị, quản lý trong toàn hệ thống.

Bên cạnh đó, năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã kiện toàn đội ngũ lãnh đạo cấp cao, giàu kinh nghiệm, tâm huyết và năng lực chuyên môn cao, là bước tạo đà cho sự phát triển bền vững của Bảo Việt trong tương lai.

Mô hình kinh doanh

Trên cơ sở định hướng tập trung hóa các hoạt động hỗ trợ kinh doanh và đẩy mạnh các hoạt động khai thác, bán hàng, dịch vụ khách hàng, Tập đoàn Bảo Việt đã chỉ đạo các đơn vị thành viên đẩy mạnh triển khai mô hình tập trung hóa.

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là đơn vị đi đầu, đã triển khai thành công mô hình tập trung hóa, hoàn thiện hệ thống quy trình, sắp xếp và đào tạo nhân sự, xây dựng tổ chức có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi, đồng thời ưu tiên nguồn lực phát triển lực lượng bán hàng và dịch vụ khách hàng tại tất cả các công ty thành viên.

Các yếu tố nền tảng về công nghệ, con người và thương hiệu tiếp tục được hoàn thiện và củng cố. Tốc độ tăng trưởng bình quân của doanh thu phí bảo hiểm của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ giai đoạn 2011 - 2014 đạt 18%; doanh thu khai thác mới quy năm đạt hơn 2.000 tỷ đồng năm 2014, tăng hơn 30% so với 2013 và vượt mục tiêu 1.971 tỷ đồng đã đặt ra trong kế hoạch chiến lược đến năm 2015.

Thị phần doanh thu khai thác mới của Bảo Việt Nhân thọ đạt hơn 23% và ngày càng thu hẹp khoảng cách với doanh nghiệp dẫn đầu thị trường, chỉ tiêu ROE đạt xấp xỉ 30% trong 2014.

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi mô hình theo định hướng tập trung hóa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Môi trường vĩ mô 2016 - 2020:

Giai đoạn 2016 - 2020, dự báo nền kinh tế Việt Nam vẫn trong chu kỳ tăng trưởng thấp, môi trường kinh doanh sẽ ngày càng phức tạp hơn. Các xu hướng lớn như hội nhập khu vực và quốc tế, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, công nghệ số ngày càng phát triển và được ứng dụng phổ biến trong cuộc sống, cũng như xu thế về biến đổi khí hậu, thiếu hụt nguồn lực vốn, tài nguyên và nguồn nhân lực sẽ làm thay đổi cục diện cạnh tranh trên thị trường tài chính - bảo hiểm, đặc biệt là về phân đoạn khách hàng, sản phẩm, kênh phân phối, cách thức tiếp cận và phục vụ khách hàng.

Trong trung và dài hạn, Việt Nam vẫn được đánh giá là thị trường đang phát triển có nhiều tiềm năng với quy mô dân số lớn, lực lượng lao động lớn, tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh chóng, tỷ lệ người dân nhận thức về vai trò bảo hiểm và các công cụ bảo vệ, quản lý tài chính cá nhân ngày càng được cải thiện.

Là một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu thị trường, Bảo Việt có lợi thế về thương hiệu uy tín, mạng lưới rộng khắp, cơ sở khách hàng lớn, sản phẩm đa dạng, tuy nhiên để tiếp tục củng cố những lợi thế cạnh tranh này trong dài hạn Tập đoàn Bảo Việt cần có chiến lược đúng để phân bổ và khai thác các nguồn lực một cách hiệu quả.



Cơ hội và thách thức trong trung và dài hạn đối với Bảo Việt

Hội nhập sâu rộng vào khu vực và thế giới

Tái cơ cấu thị trường tài chính Bảo hiểm



Cơ hội

Tiếp cận thị trường mới rộng lớn hơn, quy mô dân số lớn, các rào cản về kỹ thuật và pháp lý có thể được dỡ bỏ hoặc giảm thiểu ở mức tối đa.

Phạm vi hoạt động không chỉ ở thị trường trong nước mà tiến tới hoạt động trong phạm vi khu vực.

Thách thức

Thách thức về chuẩn hóa và tuân thủ các quy định quốc tế như yêu cầu về vốn tối thiểu, quy định vốn theo RBC, Basel II và đáp ứng được quy chuẩn về minh bạch thông tin tổ chức.

Sức ép cạnh tranh gia tăng. Không chỉ cạnh tranh với các Tập đoàn Tài chính lớn trong nước, các doanh nghiệp bảo hiểm mới gia nhập thị trường và các tổ chức tài chính cá nhân, quỹ đầu tư... mà còn cạnh tranh khốc liệt hơn với các tổ chức tài chính nước ngoài. Sức ép cạnh tranh về nguồn nhân lực cấp cao, vốn, quản trị, áp lực tỉ suất lợi nhuận giảm dần, thách thức duy trì đà tăng trưởng bền vững và tìm kiếm động lực tăng trưởng mới.

Hội nhập gia tăng các rủi ro thị trường, rủi ro danh tiếng và các rủi ro mang tính hiện hữu (thiên tai bệnh dịch) xảy ra ngày càng nhiều đặt ra yêu cầu cần phải xây dựng hệ thống quản lý rủi ro toàn diện để chủ động ứng phó với môi trường kinh doanh nhiều biến động.



Tốc độ phát triển công nghệ

Cơ hội

Công nghệ phát triển mạnh mẽ mang đến nhiều cơ hội mới, thay đổi toàn diện phương thức kinh doanh, tạo cơ hội cho những doanh nghiệp áp dụng hiệu quả công nghệ vào hoạt động kinh doanh, đem lại lợi thế cạnh tranh khác biệt.

Thách thức

Áp lực cạnh tranh về phát triển sản phẩm sáng tạo, thay đổi nhận thức và trải nghiệm của khách hàng.

Ứng dụng công nghệ vào quá trình cung cấp dịch vụ khách hàng thông qua việc phát triển kênh phân phối mới trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao.



Yếu tố dân số xã hội

Cơ hội

Mật độ bảo hiểm cũng như tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm ở Việt Nam khá thấp (mật độ 0,6 USD/ người) so với mức trung bình các nước trong khu vực vào khoảng 3 USD/ người.

Các yếu tố nhân khẩu học với dân số trẻ, lực lượng lao động lớn, cơ cấu dân số vàng, tỷ lệ đô thị hóa và tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh chóng, dự báo sẽ đem lại cơ hội rất lớn cho lĩnh vực dịch vụ tài chính bán lẻ, đặc biệt là ngành bảo hiểm, nhất là lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm y tế, sức khỏe, hưu trí, bảo hiểm tài sản tư nhân và quản lý tài sản cá nhân. Đây sẽ là cơ hội dành cho các tổ chức tài chính quy mô lớn như Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, với khả năng cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ tích hợp với nhau, sẽ có nhiều lợi thế trong khai thác tiềm năng thị trường, đặc biệt là thị trường bán lẻ.

Nhận thức và hiểu biết của người dân về bảo hiểm và rủi ro ngày càng tăng, nhu cầu khách hàng ngày càng đa dạng, phong phú trong từng phân đoạn, đặc biệt là tầng lớp khách hàng trung lưu. Đây là phân khúc quan trọng nhất, đem lại cơ hội phát triển các sản phẩm mới, mở rộng kinh doanh, do đó cần tập trung nguồn lực khai thác tối đa nhóm khách hàng này.

Thách thức

Thách thức đối với doanh nghiệp trong việc nghiên cứu kỹ thị trường, tạo ra các sản phẩm tích hợp để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của tầng lớp dân cư đặc biệt là tầng lớp trung lưu ngày một gia tăng nhanh chóng.

Định hướng chiến lược đến 2020

Với lịch sử 50 năm hình thành và phát triển, Tập đoàn Bảo Việt đã khẳng định vai trò và vị thế trên thị trường Tài chính – Bảo hiểm. Trong bối cảnh hội nhập khu vực, trên cơ sở đánh giá thuận lợi, khó khăn của nền kinh tế và các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, Bảo Việt hướng đến tầm nhìn 2025 là “Giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng hiệu quả và bền vững”.

Để đạt được tầm nhìn 2025, Tập đoàn Bảo Việt sẽ thực hiện chiến lược Một Bảo Việt với 3 định hướng trọng tâm trong giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

Tăng trưởng hiệu quả và bền vững, Củng cố nền tảng Một Bảo Việt:

Ưu tiên nguồn lực tạo bút phá về hiệu quả hoạt động, củng cố lợi thế cạnh tranh và vị trí hàng đầu của lĩnh vực Kinh doanh bảo hiểm, tiếp tục khai thác cơ hội trong các lĩnh vực dịch vụ tài chính khác.

Tăng cường tiềm lực tài chính

Thông qua đa dạng hóa các phương thức huy động vốn, trong đó chính sách chia cổ tức theo hướng dành một phần nguồn lực bổ sung cho quỹ đầu tư phát triển, kiểm soát chặt chẽ hiệu quả sử dụng vốn, gia tăng giá trị doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích lâu dài cho các cổ đông.

Củng cố năng lực quản trị và quản lý kinh doanh trên nền tảng Một Bảo Việt, áp dụng thông lệ và chuẩn mực quốc tế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.



Nhằm hiện thực hóa tầm nhìn 2050, Kế hoạch hành động đến năm 2020 (Action 2020)¹ được xây dựng với 9 lĩnh vực cần được ưu tiên giải quyết, những mục tiêu môi trường và xã hội cần phải đạt được đến năm 2020 và giải pháp cho doanh nghiệp để đạt được mục tiêu cho năm 2020.



9 lĩnh vực cần ưu tiên giải quyết đến năm 2020 nhằm hiện thực hóa tầm nhìn 2050

Hành động năm 2020 tại khu vực Đông Nam Á

Kế hoạch hành động đến năm 2020 của Khu vực Đông Nam Á (Action 2020 in South East Asia) cụ thể hóa tầm nhìn 2050 và Hành động 2020 của WBCSD. Theo đó, tầm nhìn 2050 tại Khu vực Đông Nam Á là 785 triệu người sẽ được sống tốt trong giới hạn của hành tinh. Và để làm được như vậy, hành động 2020 tại khu vực Đông Nam Á đã được xây dựng với mục tiêu đưa ra các giải pháp giải quyết vấn đề môi trường và xã hội trong khu vực.



Action2020

¹ Thông tin chi tiết về Action 2020 có thể tham khảo thêm tại <http://action2020.org/>

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

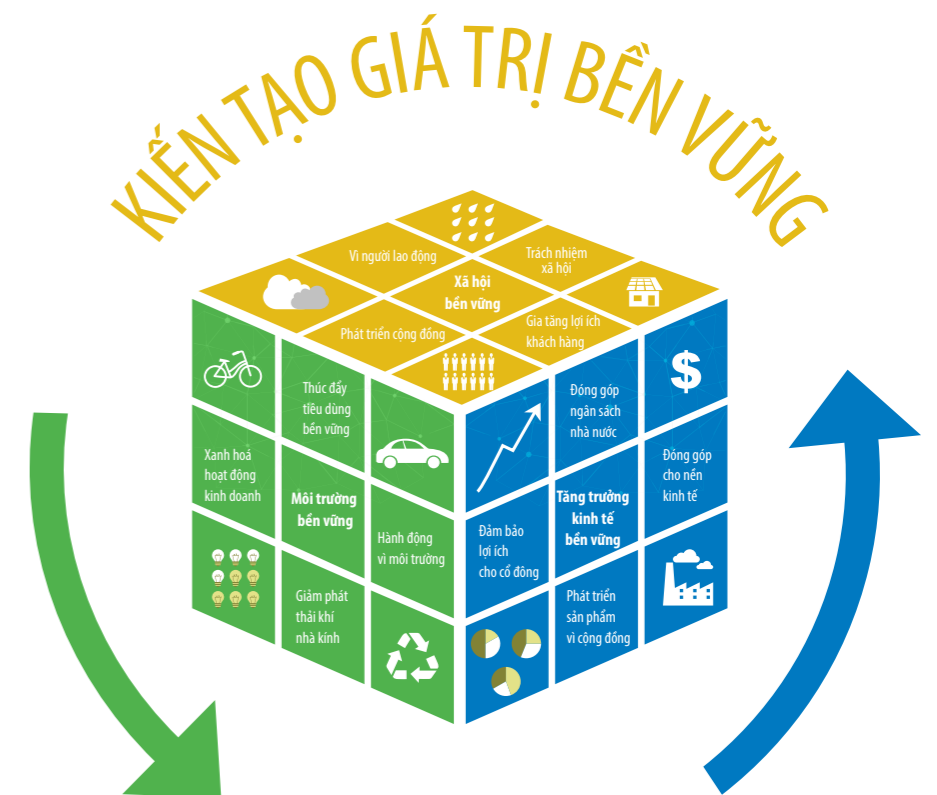
Là một trong những Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, Bảo Việt nhận thức rõ vai trò không chỉ là đầu tàu kinh tế mà còn là doanh nghiệp tiên phong trong việc tuyên bố và hiện thực hóa Chiến lược Phát triển bền vững bằng các hành động cụ thể trong việc ra quyết định kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả về kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo đảm sự bình an và phát triển cộng đồng.

Mục tiêu

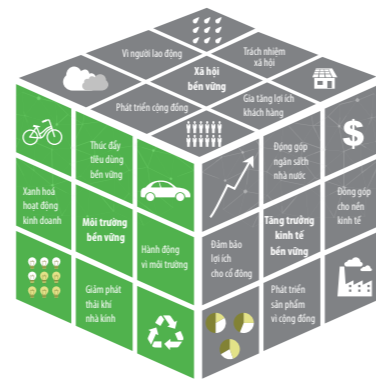
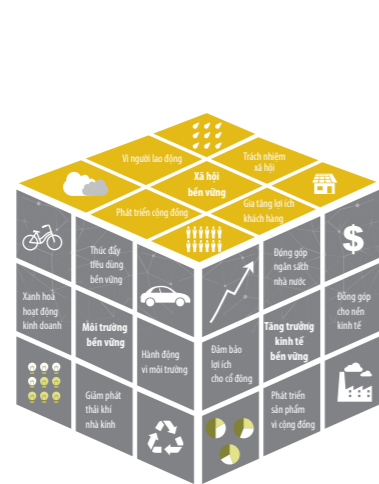
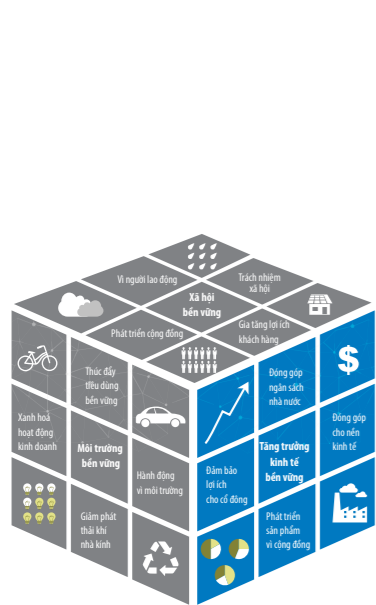
Bảo Việt luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Bảo Việt, là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

Việc thực hiện mục tiêu kinh tế được kết hợp với thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động hiện tại và trong tương lai, nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Bảo Việt.

Mô hình phát triển bền vững của Bảo Việt



Để đạt được tầm nhìn 2025, Tập đoàn Bảo Việt sẽ thực hiện chiến lược Một Bảo Việt với 3 định hướng trọng tâm trong giai đoạn 2016 - 2020 như sau:



Tăng trưởng hiệu quả và bền vững

- Tăng cường tiềm lực tài chính thông qua đa dạng hóa các phương thức huy động vốn, trong đó chính sách chia cổ tức theo hướng dành một phần nguồn lực bổ sung cho quỹ đầu tư phát triển, kiểm soát chặt chẽ hiệu quả sử dụng vốn, gia tăng giá trị doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích lâu dài cho các cổ đông.
- Củng cố năng lực quản trị và quản lý kinh doanh trên nền tảng Một Bảo Việt, áp dụng thông lệ và chuẩn mực quốc tế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

Đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội

- Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến.
- Sử dụng nguồn lực tập trung, đầu tư cho cộng đồng có trọng điểm và phân bổ nguồn lực hợp lý, phù hợp với lĩnh vực kinh doanh của Bảo Việt.
- Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn thông qua việc đầu tư tại các địa bàn khó khăn, tập trung cho các huyện nghèo vùng cao.
- Đầu tư cho công tác giáo dục, phát triển thế hệ trẻ, góp phần xây dựng thể hệ tri thức tương lai của đất nước.

Chung tay bảo vệ môi trường

- Sử dụng năng lượng hiệu quả tại các tòa nhà văn phòng thông qua việc sử dụng hợp lý, có ý thức các nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, tăng cường sử dụng các sản phẩm tái chế và sử dụng các thiết bị "xanh".

Giảm thiểu lượng khí thải và ô nhiễm môi trường, góp phần cải tạo môi trường và sức khỏe của con người.

Tạo sự chuyển biến từ ý thức bảo vệ môi trường đến việc đồng hành cùng Bảo Việt trong các hoạt động vì môi trường của cán bộ nhân viên, khách hàng, đối tác.



Kế hoạch triển khai trong năm 2015

Tăng trưởng Kinh tế bền vững

Mục tiêu

- Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận
- Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông về cổ tức và giá trị cổ phiếu
- Tuân thủ mọi nghĩa vụ về thuế, ngân sách đối với địa phương và quốc gia
- Quản lý chi phí hiệu quả

Giải pháp

- Chú trọng đẩy mạnh đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ tài chính, phù hợp với nhu cầu người dân
- Tập trung triển khai đẩy mạnh bán hàng và thúc đẩy tăng trưởng doanh thu
- Đảm bảo lợi nhuận để chi trả cổ tức cho cổ đông
- Tập trung phát triển 3 lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm - đầu tư - dịch vụ tài chính
- Tăng cường, phát huy sức mạnh hợp lực của Tập đoàn

Xây dựng Xã hội bền vững

Mục tiêu

- Phát triển các sản phẩm bảo hiểm dịch vụ tài chính, đầu tư cho cộng đồng như bảo hiểm vi mô, phục vụ nhu cầu số đông
- Triển khai các gói sản phẩm bền vững
- Cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân các vùng khó khăn
- Đảm bảo lợi ích và môi trường

Giải pháp

- Đầu tư 10% lợi nhuận sau thuế cho các hoạt động cộng đồng như công tác xóa đói giảm nghèo, đầu tư cho thế hệ trẻ, khắc phục hậu quả thiên tai và tri ân anh hùng liệt sỹ
- Triển khai bảo hiểm hưu trí tự nguyện; đẩy mạnh bảo hiểm thủy sản hỗ trợ ngư dân bám biển

Bảo vệ Môi trường bền vững

Mục tiêu

- Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy việc sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo
- Xanh hóa hoạt động kinh doanh: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên
- Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

Giải pháp

Giảm khí thải nhà kính thông qua các dự án trồng cây xanh

Giảm phát khí thải nhà kính từ các tòa nhà văn phòng, điều hòa và tủ lạnh

Giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc





03

KẾT QUẢ KINH DOANH

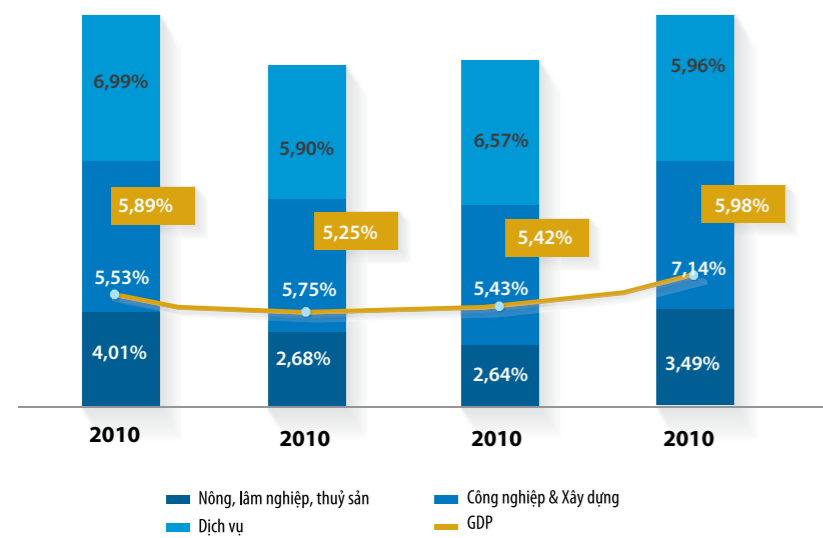
KHOI THÔNG MỌI NGUỒN LỰC

KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH- BẢO HIỂM NĂM 2014
KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2014 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2015
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM NĂM 2014

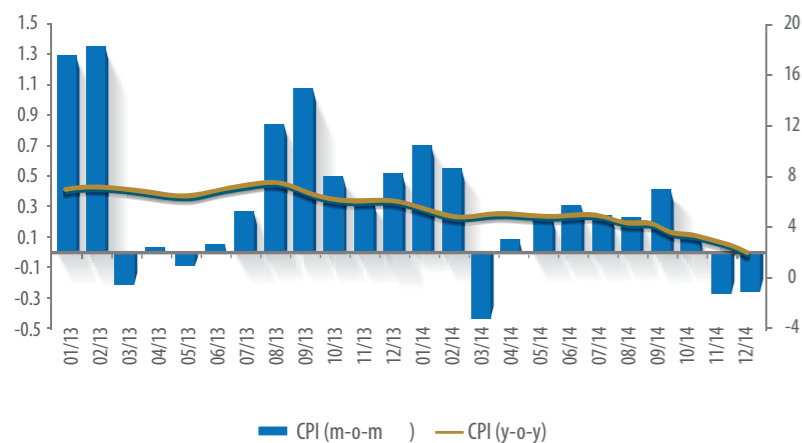
Năm 2014, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận bước tiến thành công trong điều hành kinh tế vĩ mô. Sau 3 năm liên tiếp tăng trưởng thấp, nhờ sự phục hồi của kinh tế thế giới và nỗ lực điều hành của Chính phủ, kinh tế Việt Nam đã có những khởi sắc trong năm 2014. Kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, GDP tăng trưởng 5,98%, cao hơn mục tiêu 5,8% của Chính phủ, nhờ sự hồi phục rõ rệt của khu vực công nghiệp và xây dựng. Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp nhất trong vòng 10 năm. Những kết quả đạt được của nền kinh tế trong năm 2014 được kỳ vọng sẽ tạo đà phục hồi mạnh mẽ hơn cho các năm tiếp theo.

Tăng trưởng GDP giai đoạn 2011-2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Diễn biến chỉ số CPI năm 2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Những thành tựu kinh tế

Lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở mức thấp

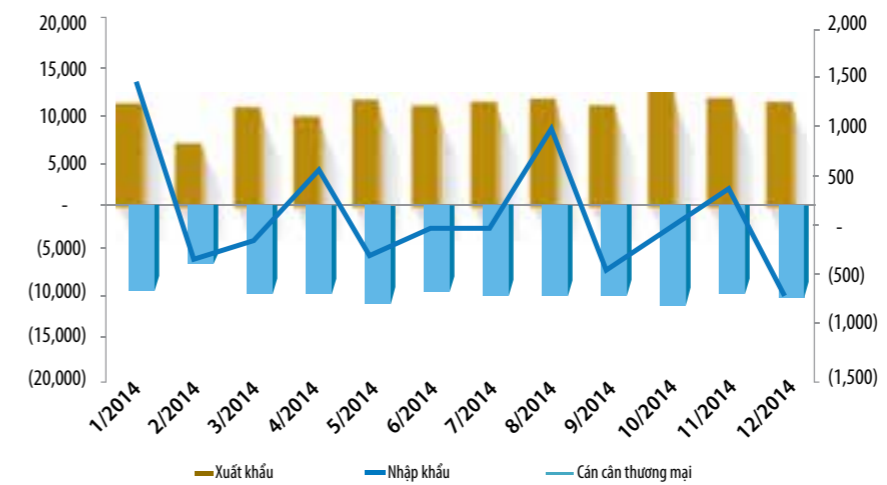
Năm 2014 ghi nhận chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tính bình quân 12 tháng chỉ tăng 4,09% so với năm 2013 - thấp nhất trong vòng 10 năm qua và thấp hơn mục tiêu điều chỉnh của Chính phủ là 5%. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng theo tháng có xu hướng giảm do (i) giá hàng hóa ổn định, nguồn cung lương thực, thực phẩm trong nước dồi dào; (ii) giá năng lượng thế giới giảm, góp phần cắt giảm chi phí đầu vào của sản xuất, giảm thiểu tác động đến lạm phát của yếu tố chi phí đẩy; (iii) công tác quản lý giá thành công của Chính phủ khi thời điểm điều chỉnh không trùng vào các tháng cao điểm đã giảm thiểu được tác động của việc điều chỉnh giá lên CPI.

Lạm phát trong tầm kiểm soát là cơ sở cho việc cắt giảm lãi suất của NHNN. Bên cạnh đó lạm phát giảm còn giúp giảm rủi ro tăng chi phí hoạt động của doanh nghiệp, nhất là chi phí bồi thường bảo hiểm của các doanh nghiệp bảo hiểm.

Xuất siêu năm thứ 3 liên tiếp, dòng vốn FDI duy trì tốc độ tăng trưởng, góp phần ổn định tỷ giá và tăng dự trữ ngoại hối

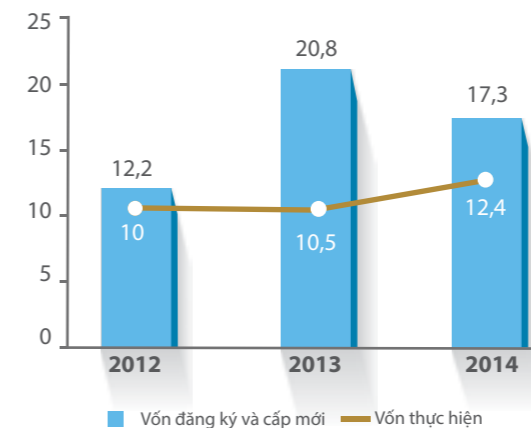
Năm 2014, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tăng 13,6% so với năm 2013, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tăng 12,1% so với năm 2013. Tính chung năm 2014, Việt Nam ghi nhận mức xuất siêu khá cao 2 tỷ USD- mức cao nhất kể từ năm 2012, góp

Tình hình xuất nhập khẩu năm 2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Vốn FDI giai đoạn 2012-2014 (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

phần ổn định tỷ giá và cung cầu ngoại tệ trên thị trường, nâng dự trữ ngoại hối cả năm 2014 lên 35 tỷ USD.

Dòng vốn FDI vào Việt Nam năm 2014 đạt 20,2 tỷ USD, tuy giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2013 nhưng cao hơn 19% so với kế hoạch. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2014 ước tính đạt 12,4 tỷ USD, tăng 7,4% so với năm 2013. Cơ cấu vốn FDI dịch chuyển theo hướng tích cực với dòng vốn đổ vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp, chế biến chế tạo... chiếm 71,6% tổng vốn đăng ký.

Trong thời gian tới, triển vọng ký kết các hiệp định thương mại xuyên Thái Bình Dương TPP, hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU, Việt Nam- Hàn Quốc và các hiệp định khác được kỳ vọng sẽ thúc đẩy dòng vốn FDI vào Việt Nam và hoạt động thương mại của Việt Nam.

Khó khăn và thách thức

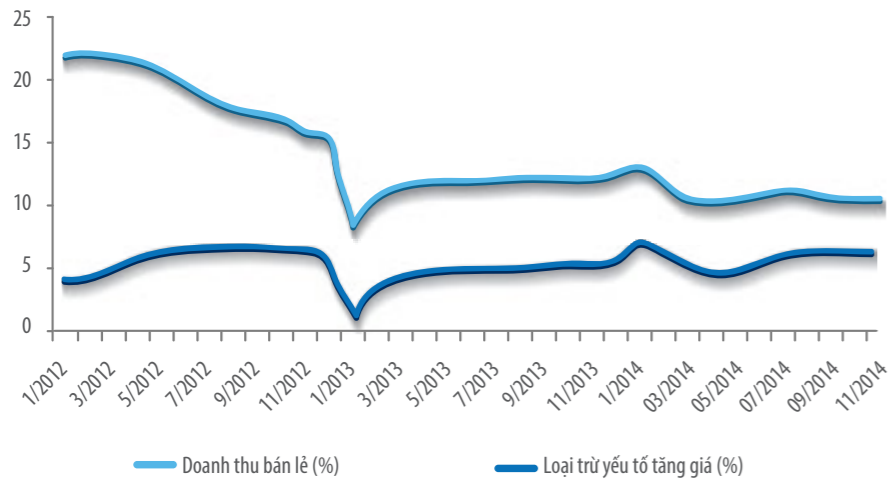
Bên cạnh những thành tựu đạt được, kinh tế Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều yếu tố chưa thực sự khả quan như tổng cầu cải thiện song vẫn ở mức thấp, số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động tăng, rủi ro thâm hụt ngân sách, nợ công có xu hướng tăng cao và có thể chạm trần mức đặt ra của Chính phủ.

Tổng cầu cải thiện chậm, hoạt động của doanh nghiệp còn nhiều khó khăn

Lạm phát cơ bản năm 2014 thấp (3%) cùng với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng cao hơn năm trước song mức cải thiện không lớn (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,3% so với mức tăng 5,5% của năm 2013), phản ánh thực tế là tổng cầu vẫn phục hồi chậm. Ngoài ra, hoạt động đầu tư cũng chưa cải thiện nhiều, đầu tư tư nhân chưa tăng mạnh trong khi đầu tư công đang bị hạn chế bởi giới hạn nợ công.

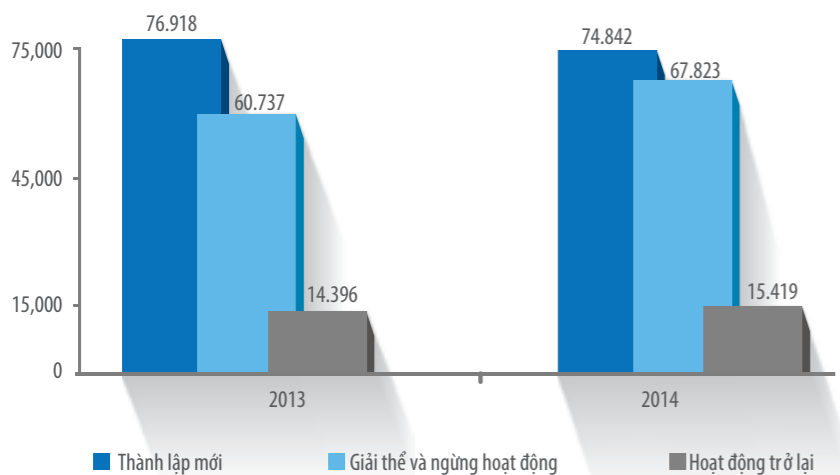
Những khó khăn về nguồn vốn cộng với tổng cầu cải thiện chậm đã gây nhiều trở ngại cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. Tính chung cả năm 2014 có 67.823 doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động, tăng 11,6% so với năm 2013. Tình hình sản xuất kinh

Doanh thu bán lẻ 2013-2014 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Tình hình doanh nghiệp 2013-2014



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn đã tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và hoạt động ngân hàng.

Tái cơ cấu nền kinh tế vẫn còn chậm, rủi ro thâm hụt ngân sách và nợ công gia tăng

Tái cơ cấu nền kinh tế, đặc biệt là tái cơ cấu đầu tư công và tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước nhìn chung triển khai chậm. Trong năm 2014 cả nước đã sắp xếp 167 doanh nghiệp (gấp 1,6 lần năm 2013). Các doanh nghiệp Nhà nước đã thoái 6.076 tỷ đồng/22.500 tỷ đồng cần thoái. Theo kế hoạch, năm 2015 sẽ cần phải cổ phần hóa 365 doanh nghiệp, đây là con số khá thách thức và cần nhiều nỗ lực để hoàn thành.

Rủi ro thâm hụt ngân sách gia tăng do giá dầu thô giảm. Khi giá dầu thô giảm khoảng 20-25% sẽ hụt thu ngân sách khoảng trên dưới 1 tỷ USD/năm (bằng hơn 2% dự toán thu ngân sách năm 2015) là một khoản thu quan trọng trong bối cảnh ngân sách tiếp tục được dự toán ở mức 5% GDP trong năm 2015. Do đó, Chính phủ cần có những kịch bản để đối phó với biến động giá dầu trong thời gian tới.

Ngoài ra con số nợ công đang có xu hướng gia tăng và có thể tiệm cận sát mức trần Chính phủ cho phép là 65% trong năm 2015 sẽ ảnh hưởng tới ngân sách. Nợ công năm 2014 khoảng 60,3% cao hơn nhiều các nước đang phát triển trong khu vực khi bình quân nợ công các nước là khoảng 35,3%.

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Thị trường bảo hiểm và hoạt động kinh doanh bảo hiểm ở Việt Nam trong những năm qua đã có bước phát triển nhanh chóng và từng bước hội nhập với khu vực và thế giới. Giai đoạn năm 1964-1993, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt) là doanh nghiệp bảo hiểm duy nhất có mặt trên thị trường, vừa hoạt động kinh doanh vừa thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Kể từ năm 1994, với sự ra đời của Nghị định 100/NG-CP (18/12/1993), thị trường bảo hiểm Việt Nam đã bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn cạnh tranh phát triển và hội nhập. Số lượng doanh nghiệp tham gia thị trường và quy mô thị trường gia tăng nhanh chóng, sản phẩm bảo hiểm phát triển đa dạng đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội. Đến nay, thị trường bảo hiểm Việt Nam đã có 61 doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ (17), phi nhân thọ (29), chi nhánh DNBH phi nhân thọ (1), tái bảo hiểm (2) và môi giới bảo hiểm (12). Tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường tăng trưởng bình quân giai đoạn 2003-2011 đạt hơn 17%.

55.685
Tỷ đồng



16,7%

Tổng thu doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường năm 2014

Từ năm 2011 Việt Nam đối mặt với suy giảm tăng trưởng do tác động của môi trường bên ngoài và những vấn đề nội tại của nền kinh tế, do đó tác động lớn đến thị trường bảo hiểm, nhất là thị trường bảo hiểm phi nhân thọ. Giai đoạn 2011-2013, tốc độ tăng trưởng bình quân của tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường giảm chỉ còn 14,1%, trong đó, tăng trưởng doanh thu phí gốc thị trường BHPNT Việt Nam giảm mạnh, bình quân tăng 8,9%. Trong bối cảnh đó, thị trường BHNT có sự tăng trưởng bất phá nhờ những yếu tố bền vững về dân số, xã hội với tốc độ tăng trưởng tổng doanh thu phí bình quân đạt 20,5% giai đoạn 2011-2013. Năm 2014, nền kinh tế vĩ mô có nhiều khởi sắc và trên đà hồi phục, là tín hiệu tích cực đối với thị trường bảo hiểm. Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường ước đạt 55.685 tỷ đồng, tăng trưởng 16,7% so với năm 2013, trong đó tổng doanh thu phí gốc của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 27.346 tỷ đồng, tăng 11,8%; tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ ước đạt 28.339 tỷ đồng, tăng 21,9%.

27.346
Tỷ đồng



11,8%

Tổng thu doanh thu phí gốc bảo hiểm phi nhân thọ năm 2014

Các doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) đã đầu tư trở lại nền kinh tế khoảng 131.679 tỷ đồng, tăng 15,8% so với năm 2013, trong đó, các DNBH nhân thọ đạt khoảng 103.276 tỷ đồng (tăng 18,5%); các DNBH phi nhân thọ đạt khoảng 28.403 tỷ đồng (tăng 7%). Năng lực tài chính của thị trường tăng cao với tổng tài sản toàn thị trường ước đạt 153.884 tỷ đồng, tăng 15%. Tổng nguồn vốn chủ sở hữu toàn thị trường năm 2014 ước đạt 40.893 tỷ đồng, tăng 11,17%.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc năm 2014 bắt đầu trên đà hồi phục

Theo ước tính của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tốc độ tăng trưởng của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2014 quay trở lại mức 2 con số (11,8%) so với mức tăng 7,5% của năm 2013 là tín hiệu phản ánh sự phục hồi của thị trường. Tuy nhiên, sự phục hồi chậm của nền kinh tế khiến thị trường vẫn gặp nhiều khó khăn. Do nhu cầu bảo hiểm thương mại chưa cải thiện nhiều nên các nghiệp vụ bán lẻ (bảo hiểm sức khỏe, xe cơ giới) tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của thị trường, dẫn đến cạnh tranh tăng mạnh ở các nghiệp vụ này. Cạnh tranh trên thị trường diễn ra quyết liệt trong nhóm doanh nghiệp dẫn đầu, cũng như giữa nhóm doanh nghiệp dẫn đầu với nhóm các doanh nghiệp nhỏ trong nước và nhóm doanh nghiệp nước ngoài. Đặc biệt, nhóm doanh nghiệp nước ngoài có tốc độ tăng trưởng tích cực nhờ vào sự ổn định của nguồn vốn FDI. Đứng trước áp lực cạnh tranh và yêu cầu tái cơ cấu của Chính phủ, nhiều doanh nghiệp đang chuyển hướng chú trọng hơn đến hiệu quả kinh doanh thay vì tập trung vào tăng trưởng doanh thu, thị phần.

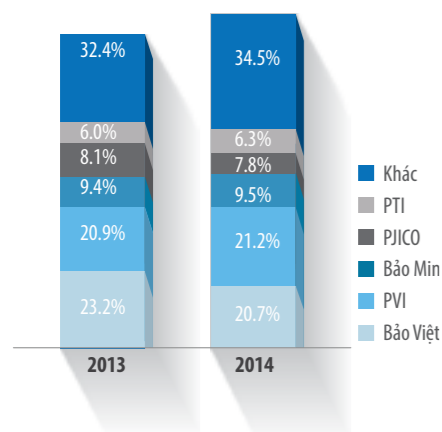
28.339
Tỷ đồng



21,9%

Tổng thu doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ toàn thị trường năm 2014

Thị phần doanh thu phí bảo hiểm gốc



Nguồn: Số liệu ước t in của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Các doanh nghiệp tăng cường kiểm soát bồi thường và phòng chống trục lợi bảo hiểm

Tình trạng nợ phí và trục lợi bảo hiểm vẫn là những vấn đề nan giải của thị trường và ngày càng trở nên phức tạp hơn. Tình hình cạnh tranh thông qua giảm phí cũng phổ biến ở một số nghiệp vụ. Để đối phó với tình trạng này, các doanh nghiệp đã và đang triển khai nhiều biện pháp để kiểm soát bồi thường, hạn chế tình trạng nợ phí và trục lợi bảo hiểm. Nhờ đó, tỷ lệ bồi thường đang dịch chuyển theo hướng tích cực so với các năm trước. Theo ước tính của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc năm 2014 khoảng 40,5%, giảm so với 43,8% của năm 2013. Tỷ lệ bồi thường gốc của Bảo hiểm Bảo Việt cũng đang giảm dần theo xu thế chung thị trường do Bảo Việt chú trọng hơn đến quản lý rủi ro, chính sách khai thác hướng đến hiệu quả và tăng cường kiểm soát bồi thường.

Cạnh tranh trong áp dụng công nghệ

Bên cạnh việc cạnh tranh phát triển kênh phân phối đại lý truyền thống, các DNBH phi nhân thọ bước đầu nghiên cứu và áp dụng công nghệ số vào phát triển sản phẩm, chăm sóc khách hàng và khai thác kênh phân phối mới. Đây được coi là một trong những nhiệm vụ chiến lược của nhiều DNBH, chuẩn bị cho năm 2015 là năm dự báo sẽ có nhiều cạnh tranh trên lĩnh vực công nghệ. Các hình thức bán hàng trực tuyến đa dạng như: bán trên website của công ty, website trung gian, bán hàng qua nền tảng di động... kết hợp với nhiều giải pháp hỗ trợ khách hàng nhanh chóng (truy vấn tiến độ giải quyết hồ sơ bồi thường cho xe ô tô) dự báo về một cuộc đua công nghệ trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ nói riêng và bảo hiểm nói chung.

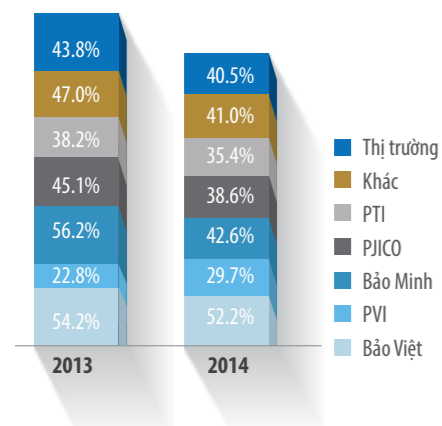
Quá trình tái cấu trúc thị trường bảo hiểm bước đầu đem lại kết quả

Năm 2014 cũng ghi nhận nỗ lực của cơ quan quản lý trong đẩy mạnh tái cấu trúc thị trường bảo hiểm, nhờ đó các doanh nghiệp đã có sự cải thiện nhất định về năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, từ đó từng bước cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh. Trong năm 2014, nhiều doanh nghiệp tiếp tục tăng vốn để tăng cường năng lực tài chính (PVI, PTI, BIC, MIC...), tìm kiếm đối tác chiến lược, thay đổi nhân sự cấp cao (PVI, BIC...). Môi trường pháp lý của ngành tiếp tục được hoàn thiện nhằm phát triển thị trường lành mạnh, tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp như: Nghị định 91/2014/NĐ-CP tháo gỡ khó khăn về thuế cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Thông tư 194/2014/TT-BTC sửa đổi Thông tư 124, Thông tư 125 về nâng cao chế độ quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Thông tư 195/2014/TT-BTC hướng dẫn đánh giá, xếp loại DNBH...

Cơ hội phát triển nhiều sản phẩm mới

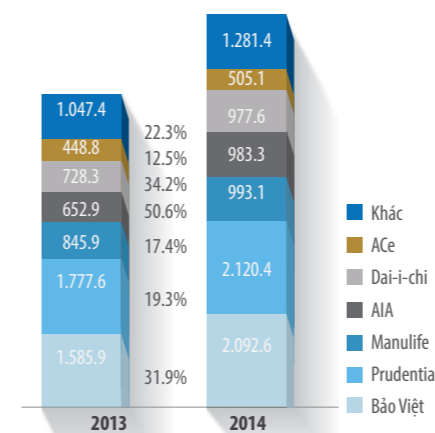
Trong những năm gần đây, định hướng phát triển sản phẩm mới trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ đã được các cơ quan quản lý chú trọng và thúc đẩy. Năm 2014, ngành bảo hiểm đã hoàn thành đúng tiến độ triển khai Đề án thí điểm bảo hiểm nông nghiệp và Đề án thí điểm bảo hiểm tín dụng xuất khẩu. Bên cạnh đó, cơ quan quản lý cũng mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp phát triển sản phẩm mới như bảo hiểm bảo lãnh, bảo hiểm thủy sản, bảo hiểm trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, bảo hiểm rủi ro thiên tai... Bảo Việt là doanh nghiệp điển hình trong việc tích cực, chủ động tham gia triển khai các chương trình bảo hiểm chính sách của Nhà nước phát huy vai trò tiên phong và dẫn đầu thị trường.

Tỷ lệ bồi thường



Nguồn: Số liệu ước tính của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Doanh thu phí khai thác mới



Nguồn: Nhóm chuyên gia định phí của các doanh nghiệp bảo hiểm

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Thị trường bảo hiểm nhân thọ tiếp tục tăng trưởng khả quan

Năm 2014 tiếp tục là một năm thành công về doanh thu của thị trường bảo hiểm nhân thọ nhờ nỗ lực của các doanh nghiệp bảo hiểm trong khai thác nhu cầu thị trường. Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tổng doanh thu phí năm 2014 ước đạt 28.339 tỷ đồng, tăng 21,9% so với năm 2013. Mức tăng này thấp hơn mức tăng 23,1% của năm 2013. Năm 2013 có mức tăng cao do PVI Sunlife ghi nhận doanh thu khai thác mới 1.000 tỷ đồng trong năm đầu hoạt động.

Theo số liệu của AWG, năm 2014, doanh thu phí khai thác mới (KTM) tăng trưởng bứt phá, đạt 26,3% so với năm 2013. Kết quả phát triển khả quan của thị trường bảo hiểm nhân thọ năm 2014 trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn cho thấy sự thay đổi tư duy của khách hàng trong nhận thức về tầm quan trọng của bảo hiểm nhân thọ trong cuộc sống. Sự tăng trưởng này đã tạo niềm tin cho các doanh nghiệp bảo hiểm vào triển vọng của thị trường trong năm 2015. Với chính sách mở cửa Chính phủ, tạo điều kiện gia nhập thị trường cho các doanh nghiệp nước ngoài, áp lực cạnh tranh gia tăng đặc biệt lớn không chỉ từ nhóm các doanh nghiệp dẫn đầu thị trường mà từ các doanh nghiệp bảo hiểm nhỏ liên tục gia tăng thị phần trong các năm gần đây.

Năm 2014 là một năm thành công của Bảo Việt Nhân thọ trong khai thác mới với tốc độ tăng trưởng đạt 31,9%, thị phần của Bảo Việt Nhân Thọ đã tăng thêm 1% so với năm 2013. Trong nhóm 5 DNBH dẫn đầu, Prudential và Manulife giảm thị phần so với năm 2013. Hiện nay, khoảng cách thị phần của 3 doanh nghiệp còn lại trong nhóm các DNBH lớn càng thu hẹp. Điều này phần nào thể hiện tính cạnh tranh cao của thị trường bảo hiểm nhân thọ trong năm 2014. Nhóm DNBH nhỏ có doanh thu KTM đạt cao trong năm 2013 như Prevoir hay PVI Sunlife đều chưa tạo được dấu ấn đặc biệt trong năm 2014.

Tốc độ tăng trưởng khả quan của thị trường bảo hiểm nhân thọ (BHNT) là nhờ nỗ lực của các DNBH phát triển nhiều sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. Trong năm 2014, một số sản phẩm được đánh giá thành công của các DNBH nhân thọ là: Phú An Lộc (Prudential), An Phát Hưng Gia và An Phát Trọn Đời (Bảo Việt Nhân Thọ), Phúc thọ Phu Thê (Manulife), Bảo nhân Khang nghiệp, Bảo an Đăng khoa; Bảo an Toàn diện, Bảo an Thành đạt (Generali).

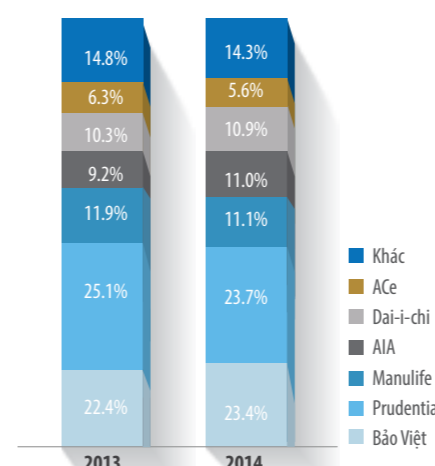
Cơ cấu sản phẩm toàn thị trường tiếp tục chuyển dịch sang sản phẩm liên kết đầu tư

Thị trường bảo hiểm nhân thọ tiếp tục ghi nhận xu hướng dịch chuyển sang sản phẩm liên kết đầu tư (chủ yếu là liên kết chung UVL) nhằm khai thác nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm kết hợp linh hoạt giữa bảo vệ, tích lũy tiết kiệm và đầu tư. Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, doanh thu KTM năm 2014 của các sản phẩm liên kết đầu tư chiếm 41,5% tổng doanh thu KTM toàn thị trường. Bảo Việt Nhân thọ tích cực khẳng định vai trò dẫn dắt thị trường trong phát triển các sản phẩm bảo hiểm mang tính tiết kiệm và đầu tư nhằm khai thác cơ hội của thị trường và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Cạnh tranh về kênh phân phối ngày càng quyết liệt

DNBH nhân thọ vẫn cạnh tranh chủ yếu thông qua kênh truyền thống đại lý, tập trung phát triển và nâng cao chất lượng đại lý. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng tích cực khai thác kênh bancassurance và onlines kết hợp với phát triển sản phẩm, dịch vụ, gia tăng quyền lợi khách hàng. Khung pháp lý cho kênh bancassurance đã chính thức được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và Bộ Tài chính ban hành (Thông tư liên tịch số 86/2014/TTLT-BTC-NHNNVN). Các DNBH đều có kế hoạch tăng cường hợp tác hơn nữa với các ngân hàng trong 2015. Bảo Việt Nhân thọ là một trong 2 doanh nghiệp ký hợp đồng hợp tác với nhiều ngân hàng nhất. Doanh thu khai thác mới qua kênh bancassurance của Bảo Việt Nhân thọ năm 2014 ước đạt 24 tỷ đồng, tăng 2,5 lần so với 2013.

Thị phần doanh thu KTM



Nguồn: Nhóm chuyên gia định phí của các doanh nghiệp bảo hiểm

Bảo hiểm hưu trí tự nguyện có tiềm năng phát triển lớn

Bảo hiểm hưu trí tự nguyện là điểm nhấn của thị trường bảo hiểm nhân thọ trong năm 2014, 4/6 doanh nghiệp bảo hiểm có giấy phép triển khai bảo hiểm hưu trí là Dai-ichi Life, AIA, Manulife và PVI Sunlife đã đưa sản phẩm ra thị trường. Kết quả khai thác của 4 doanh nghiệp này trong năm 2014 ước đạt 12.040 hợp đồng, chiếm tỷ trọng 1% tổng số hợp đồng khai thác mới. Với tiềm năng thị trường lớn, phát triển sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện là xu hướng tất yếu và là một trong những động lực tăng trưởng chính của thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam trong thời gian tới.

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ ngân hàng năm 2014 có những chuyển biến tích cực hơn năm 2013. Thanh khoản hệ thống ổn định, mặt bằng lãi suất tiếp tục giảm, tỷ giá ổn định, rủi ro hệ thống giảm dần. Mặc dù vậy, các ngân hàng vẫn gặp không ít khó khăn trong năm 2014 liên quan đến tăng trưởng tín dụng, xử lý nợ xấu và tái cơ cấu.

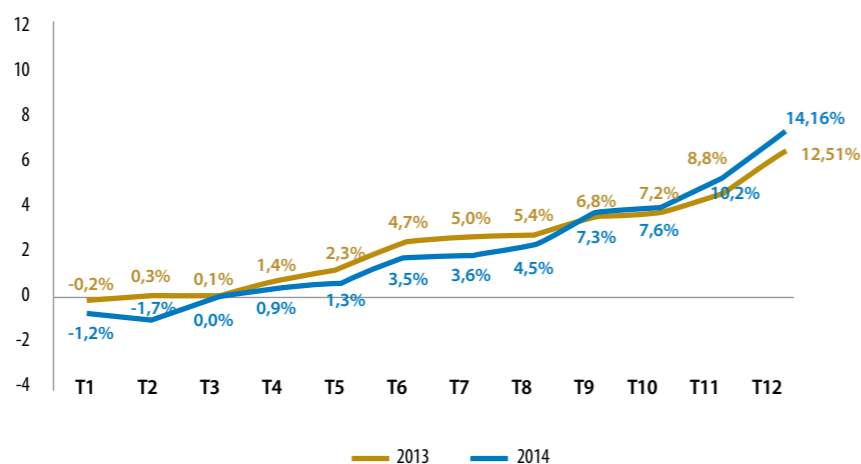
Thị trường tiền tệ - ngân hàng ổn định nhờ chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt

Năm 2014, chính sách tiền tệ đã chuyển từ điều hành "thận trọng, linh hoạt" sang "chủ động, linh hoạt và nhất quán", phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa nhờ đó đã giúp kiềm chế lạm phát ở mức thấp, duy trì tỷ giá ổn định, hỗ trợ doanh nghiệp hồi phục sản xuất, đồng thời đảm bảo ổn định thị trường tiền tệ. Cơ cấu tín dụng chuyển dịch theo hướng tích cực, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên. Những đóng góp quan trọng trong việc điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và tái cấu trúc ngân hàng cùng với tái cơ cấu đầu tư công và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước là cơ sở để các tổ chức quốc tế (Fitch, Moody's...) nâng điểm xếp hạng quốc gia của Việt Nam trong thời gian vừa qua.

Mặt bằng lãi suất ngân hàng tiếp tục giảm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm

Năm 2014, mặt bằng lãi suất đầu vào của các ngân hàng giảm 1,5-2% trong khi lãi suất đầu ra giảm 2% so với cuối 2013. Xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất ngân hàng trong năm 2014 được đánh giá là phù hợp với xu hướng giảm của lạm phát. Mặt bằng lãi suất giảm thấp góp phần hỗ trợ sản xuất kinh doanh, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối. Tuy nhiên, mặt bằng lãi suất sụt giảm tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới kết quả hoạt động đầu tư tài chính của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp bảo hiểm.

Tăng trưởng tín dụng 2013-2014 (%)



Nguồn: NHNN

1,5-2%

Mặt bằng lãi suất đầu vào năm 2014

2%

Mặt bằng lãi suất đầu ra năm 2014

3,25%

Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm cuối tháng 12/2014

545,6

Điểm

VNIndex phiên giao dịch cuối năm 2014



8%

82,9

Điểm

HNX - Index phiên giao dịch cuối năm 2014



22,3%

Các ngân hàng tăng cường trích lập dự phòng để xử lý nợ xấu

Năm 2014, NHNN đã chỉ đạo quyết liệt các tổ chức tín dụng triển khai đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại và xử lý nợ xấu, nhờ đó kiểm soát được tốc độ tăng nợ xấu. Tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống đã giảm đáng kể so với năm 2012-2013, ở mức 3,25% tại thời điểm cuối tháng 12/2014. Do các ngân hàng áp dụng phân loại nợ theo quy định tại Thông tư 09 và trích lập dự phòng cho phần nợ xấu mà VAMC mua hoán đổi bằng trái phiếu đặc biệt nên dự phòng rủi ro tăng mạnh trong năm 2014. Tăng trích lập dự phòng rủi ro nợ xấu đã tác động đến lợi nhuận của các ngân hàng trong năm 2014.

Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng đạt được nhiều kết quả tích cực

Trong năm 2014, NHNN đã quyết liệt triển khai tái cơ cấu toàn diện các tổ chức tín dụng thông qua tăng cường giám sát hoạt động ngân hàng, xử lý nợ xấu, sáp nhập ngân hàng yếu kém, tăng cường năng lực quản trị và năng lực tài chính của các ngân hàng... NHNN cũng tập trung thực hiện mục tiêu nâng cao trật tự, kỷ cương và nguyên tắc thị trường trong hoạt động ngân hàng, quản trị rủi ro ngân hàng (Basel II, Thông tư 36...), nhờ đó thông tin về hoạt động của hệ thống ngân hàng ngày càng minh bạch hơn. Tháng 12/2014, Moody's đã nâng triển vọng của hệ thống ngân hàng Việt Nam từ mức "tiêu cực" lên "ổn định", theo đó đánh giá môi trường hoạt động cho ngành ngân hàng đã bắt đầu ổn định, lạm phát và lãi suất giảm đáng kể, áp lực lên tỷ giá cũng giảm bớt.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Thị trường cổ phiếu 2014 xảy ra nhiều biến động khó đoán định, tuy nhiên nhìn chung thị trường ghi nhận tăng trưởng và thanh khoản thị trường cải thiện đáng kể

Thị trường cổ phiếu năm 2014 chịu tác động của nhiều yếu tố bên ngoài thị trường (sự kiện Biển Đông, giá dầu thế giới giảm mạnh...). Tuy nhiên, đóng cửa phiên giao dịch cuối năm ở mức 545,6 điểm, VNIndex vẫn tăng 8% so với cuối năm 2013, HNX-Index chốt phiên cuối năm ở mức 82,9 điểm, tăng 22,3% so với cuối năm 2013.

Thanh khoản thị trường tăng mạnh trong năm 2014 so với năm 2013. Quy mô giao dịch trên thị trường cổ phiếu năm 2014 đạt mức tăng trưởng 116% so với năm 2013 với giá trị giao dịch trên hai sàn giao dịch xấp xỉ 3.000 tỷ đồng/phiên, trong đó giá trị giao dịch bình quân trên sàn HOSE đạt 2.174 tỷ đồng/phiên, tăng gấp 2 lần so với 2013, giá trị giao dịch bình quân trên sàn HNX đạt 809,5 tỷ đồng/phiên, tăng gần 2,5 lần so với năm 2013. Theo thống kê của UBCKNN, tính đến 8/12, vốn hóa thị trường đạt khoảng 1,128 triệu tỷ đồng, tăng gần 22% so với năm 2013 và tương đương 31,5% GDP.

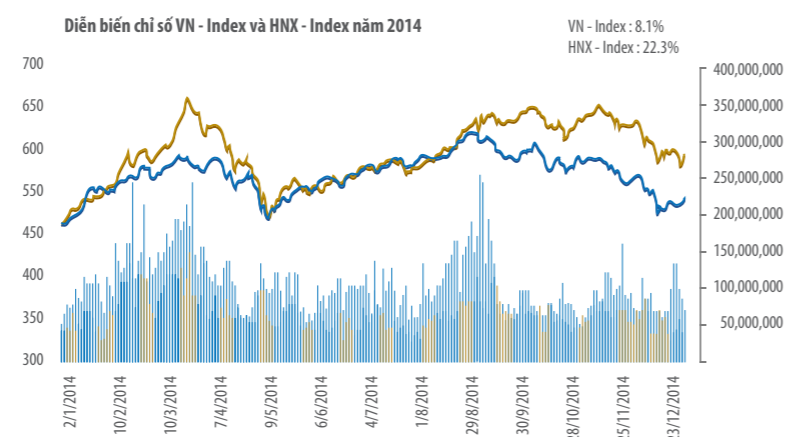
Dòng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục sôi động, tuy nhiên tổng giá trị mua ròng giảm

Sự tích cực của dòng vốn ngoại trong nửa đầu năm 2014 đã trở thành động lực dẫn dắt thị trường. Tuy nhiên, kể từ tháng 8/2014, nhà đầu tư nước ngoài liên tục bán ròng. Tính chung cả năm, khối ngoại tiếp tục duy trì trạng thái mua ròng trên cả hai sàn, với tổng giá trị mua ròng đạt 3.732 tỷ đồng, giảm 45,4% so với năm 2013. Giao dịch khối ngoại chịu tác động đáng kể bởi hoạt động cơ cấu danh mục của 2 quỹ ETF là FTSE và Market Vector Vietnam ETF, trong đó bán mạnh các mã trong ngành dầu khí trước diễn biến lao dốc của giá dầu thế giới.

Hoạt động tái cấu trúc TTCK và hoàn thiện khung pháp lý tiếp tục được đẩy mạnh

Năm 2014, tái cấu trúc TTCK tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực. Tính đến hết năm 2014, số lượng công ty chứng khoán đã giảm khoảng 20%, số lượng công ty chứng khoán thua lỗ cũng giảm mạnh. UBCK cũng đã thực hiện đánh giá, xếp loại các công ty chứng khoán để theo dõi, quản lý, tăng cường kiểm tra và tái cơ cấu trong thời gian tới. Khung pháp lý thị trường tiếp tục được hoàn thiện trong năm 2014, đã góp phần lành mạnh hóa thị trường, đồng thời đẩy nhanh hơn quá trình tái cấu trúc các tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Năm 2014 cũng đánh dấu sự ra đời của các quỹ ETF nội (hai quỹ vận hành trong năm 2014), tuy nhiên hoạt động trong giai đoạn đầu gặp nhiều khó khăn. Cơ quan quản lý cũng đang nghiên cứu để sớm triển khai thí điểm quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ hưu trí bổ sung. Ngoài ra, định hướng triển khai TTCK phải sinh được kỳ vọng sẽ là bước tiến quan trọng tạo ra hành lang pháp lý cho TTCK phát triển sâu hơn về chất trong thời gian tới.

Diễn biến chỉ số VN-Index và HNX-Index năm 2014

(*) Số điểm đóng cửa của VN-Index ngày 2/1/2014 là mức điểm gốc để tính toán dữ liệu HNX Index năm 2014 nhằm thể hiện mức độ tương quan giữa 2 chỉ số.

Nguồn: HOSE, HNX

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Thị trường trái phiếu ghi nhận tăng trưởng khả quan trong năm 2014 nhờ cung cầu trên thị trường tăng mạnh. Nhờ điều kiện phát hành thuận lợi Kho bạc Nhà nước đã 2 lần điều chỉnh tăng khối lượng phát hành trái phiếu lên 262.000 tỷ đồng, tạo nguồn cung trái phiếu lớn trên thị trường. Cầu trái phiếu năm 2014 cũng tăng mạnh do nhu cầu lớn từ các ngân hàng trong bối cảnh kênh tín dụng khó khăn. Tính chung cả năm 2014, Kho bạc Nhà nước đã huy động được hơn 235.000 tỷ đồng trái phiếu, đạt gần 90% kế hoạch điều chỉnh.

Năm 2014 cũng đánh dấu sự chuyển biến tích cực của thị trường trái phiếu Việt Nam theo hướng (i) dịch chuyển cơ cấu phát hành sang kỳ hạn dài với kỳ hạn phát hành bình quân trái phiếu Chính phủ là 4,85 năm (mức trung bình năm 2013 là 3,2 năm), trong đó trái phiếu kỳ hạn từ 5 năm trở lên chiếm 47% tổng khối lượng phát hành năm 2014 và (ii) thay đổi cơ sở nhà đầu tư và tăng uy tín quốc tế thể hiện qua đợt phát hành thành công 1 tỷ USD trái phiếu quốc tế của Bộ Tài chính hồi tháng 11/2014.

Do cầu trái phiếu tăng cao và kỳ vọng về khả năng hạ lãi suất của NHNN nên lãi suất TPCP giảm mạnh trong năm 2014. Lãi suất trái phiếu giảm mạnh trong năm 2014 tác động không nhỏ đến hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH).

TRIỂN VỌNG KINH TẾ NĂM 2015

Triển vọng kinh tế toàn cầu dự báo cải thiện hơn trong năm 2015, song nhìn chung vẫn tiềm ẩn rủi ro khó đoán định. Trong nước, những tín hiệu phục hồi của nền kinh tế được dự báo sẽ rõ nét hơn trong năm 2015. Tuy nhiên, tốc độ hồi phục kinh tế sẽ tiếp tục ở mức khiêm tốn do những khó khăn, thách thức vẫn còn nhiều. Theo dự báo của các tổ chức quốc tế (WB, IMF, ADB...), tăng trưởng GDP Việt Nam trong năm 2015 ở mức từ 5,6-6,2%.

6,2%

Dự báo tăng trưởng GDP năm 2015

Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt nhận diện các cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Bảo Việt như sau:

CƠ HỘI**Kinh tế vĩ mô**

Theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2015 được Chính phủ ban hành, tổng sản phẩm trong nước (GDP) sẽ tăng khoảng 6,2%, kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%, CPI khoảng 5%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm khoảng 30-32% GDP. Với những mục tiêu này, các chính sách vĩ mô sẽ được thực hiện theo hướng chủ động, linh hoạt, có sự phối hợp chặt chẽ để kiểm soát lạm phát, ổn định vĩ mô song song với tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Với những kết quả đạt được trong năm 2014 và kỳ vọng Chính phủ duy trì các chính sách điều hành hiệu quả, môi trường vĩ mô năm 2015 dự báo tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Lạm phát duy trì ở mức thấp. Giá dầu dự báo ở mức thấp giúp giảm chi phí đầu vào sản xuất kinh doanh, nhờ đó thúc đẩy tiêu dùng, cải thiện sức mua của nền kinh tế, góp phần làm tăng tổng cầu. Ngoài ra, khả năng thu hút đầu tư nước ngoài cao hơn với triển vọng hiệp định TPP được ký kết trong năm 2015. Dự báo tăng trưởng GDP năm 2015 ở mức 6,0 - 6,2%, lạm phát giữ ổn định dưới 5%.

Thị trường bảo hiểm

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ: Với triển vọng tích cực hơn của nền kinh tế, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ kỳ vọng năm 2015 sẽ tiếp tục phục hồi. Nhu cầu tiêu dùng và đầu tư tăng góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nhờ đó làm gia tăng nhu cầu bảo hiểm của khu vực doanh nghiệp và hộ gia đình. Doanh thu phí bảo hiểm gốc của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ dự báo tăng trưởng ở mức 10-12%. Các nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm cháy nổ sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của thị trường trong năm 2015.

Các doanh nghiệp bảo hiểm tiếp tục cạnh tranh giành thị phần thông qua đa dạng hóa phân bổ nguồn lực cho các nghiệp vụ khác nhau, đặc biệt với việc phát triển sản phẩm mới ở các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân. Song xu hướng trên thị trường là các DNBH phi nhân thọ chú trọng hơn đến chất lượng tăng trưởng nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động. Tỷ lệ bồi thường toàn ngành được kiểm soát chặt ở mức thấp hơn với lợi thế cạnh tranh thuộc về những doanh nghiệp năng động và có qui trình quản lý chặt chẽ. Kênh Bancassurance tiếp tục được quan tâm trong tổng thể phát triển kênh phân phối của các doanh nghiệp bảo hiểm. Ngoài ra, kênh thương mại điện tử là kênh phân phối tiềm năng cho các sản phẩm bảo hiểm cá nhân.

Thị trường bảo hiểm nhân thọ: Với tiềm năng lớn và động lực bền vững về dân số, xã hội, cơ chế, chính sách... thị trường bảo hiểm nhân thọ năm 2015 dự báo duy trì tăng trưởng khả quan, tổng doanh thu phí ước tăng trưởng ở mức 15-17%. Mặt bằng lãi

5%

Dự báo CPI năm 2015

10%

Dự báo tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu năm 2015

10-12%

Dự báo tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc bảo hiểm phi nhân thọ năm 2015

15-17%



Dự báo tăng trưởng tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ năm 2015

13-15%



Mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2015

250.000

Tỷ đồng

Kế hoạch phát hành TPCP năm 2015

suất duy trì mức thấp tiếp tục kích thích xu hướng khách hàng chuyển sang đầu tư vào các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ để thay thế cho kênh tiết kiệm ngân hàng và các kênh đầu tư khác khiến nhu cầu bảo hiểm nhân thọ tăng cao, đặc biệt là các sản phẩm có tính tiết kiệm, đầu tư. Năm 2015, dự báo tính cạnh tranh của thị trường tiếp tục gia tăng, đặc biệt là cạnh tranh thị phần, doanh thu KTM trong nhóm các doanh nghiệp dẫn đầu và sự tăng trưởng cao của nhóm các doanh nghiệp bảo hiểm mới gia nhập thị trường.

Động lực mới cho tăng trưởng của thị trường bảo hiểm nhân thọ trong năm 2015 tập trung vào các dịch vụ sau bán hàng, sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện, triển khai các sản phẩm bảo hiểm nhóm đối với doanh nghiệp, phát triển thêm các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe và y tế. Về kênh phân phối, các DNBH tiếp tục đẩy mạnh xu thế đa dạng hóa kênh phân phối, trong đó đại lý vẫn là kênh phân phối chủ yếu, vai trò của đại lý sẽ thay đổi theo hướng tập trung hơn, chuyên nghiệp hơn, kênh Bancassurance, kênh online được tập trung phát triển.

Thị trường tiền tệ - ngân hàng

Thị trường tiền tệ - ngân hàng dự báo chuyển dịch theo hướng tích cực trong năm 2015. Mặt bằng lãi suất dự báo tiếp tục giảm theo định hướng của NHNN để hỗ trợ khu vực doanh nghiệp. Tăng trưởng tín dụng năm 2015 cải thiện hơn nhờ nhu cầu về vốn để phát triển kinh doanh đang phục hồi. Đây là những yếu tố chính hỗ trợ tăng trưởng tín dụng trong năm 2015. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2015 là 13-15%, tuy nhiên NHNN cho biết có thể nâng lên 17% để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2015 là tái cơ cấu các TCTD và xử lý nợ xấu. Dự báo hoạt động M&A ngành ngân hàng sẽ sôi động trong 2015, nhờ đó thúc đẩy hoạt động ngân hàng ngày càng lành mạnh. Ngoài ra, với mục tiêu giảm nợ xấu về dưới 3%, gắn xử lý nợ xấu với tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, kỳ vọng năm 2015, công tác xử lý nợ xấu và tái cơ cấu ngân hàng sẽ đem lại những kết quả tích cực. Thị trường tiền tệ - ngân hàng ổn định và lành mạnh hóa tạo điều kiện tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng và của toàn nền kinh tế nói chung.

Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2015 dự báo có nhiều cơ hội tăng trưởng nhờ triển vọng nền kinh tế tiếp tục hồi phục, mặt bằng lãi suất dự báo duy trì ở mức thấp, cam kết mở cửa hội nhập theo TPP, AEC... Dự báo, nguồn cung trên thị trường tăng cao do làn sóng cổ phần hóa DNNN, thoái vốn nhà nước được đẩy mạnh trong năm 2015 theo chủ trương của Chính phủ. Trong năm 2015, các cơ quan quản lý tập trung các giải pháp cải cách, tái cơ cấu thị trường, hoàn thiện Đề án Nghị định về TTCK phái sinh; để án thành lập Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, đặc biệt sẽ tập trung hoàn thiện nền tảng pháp lý để thu hút dòng vốn nước ngoài. Thị trường tăng trưởng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư cổ phiếu và hoạt động của công ty chứng khoán, đồng thời củng cố hơn nữa niềm tin của nhà đầu tư.

Thị trường trái phiếu

Nguồn cung trái phiếu dự báo dồi dào trong năm 2015 do nhu cầu vay trả nợ và nhu cầu đầu tư phát triển lớn. Kho bạc Nhà nước đã chính thức công bố kế hoạch phát hành TPCP năm 2015 với tổng khối lượng phát hành dự kiến là 250.000 tỷ đồng, cao hơn tổng giá trị phát hành TPCP năm 2014 (hơn 235.000 tỷ đồng) và chỉ bao gồm các kỳ hạn 5, 10 và 15 năm. Về cầu trái phiếu, năm 2015 dự báo nhu cầu đối với trái phiếu vẫn ở mức cao do trái phiếu vẫn được coi là kênh đầu tư an toàn của các TCTD và các doanh nghiệp bảo hiểm. Quy định thắt chặt hơn đối với các nhà đầu tư vào TPCP, chủ yếu là các NHTM cộng với xu hướng dịch chuyển sang phát hành trái phiếu kỳ hạn dài làm tăng cơ hội đầu tư cho các DNBH.

THÁCH THỨC

Kinh tế vĩ mô

Mặc dù bức tranh kinh tế 2015 dự báo có nhiều điểm tích cực hơn năm 2014 song khó khăn, thách thức của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2015 vẫn còn nhiều. Theo World Bank, năm 2015 sự phục hồi mong manh của kinh tế toàn cầu với các xu hướng trái chiều vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đồng nghĩa với sức cầu thế giới có thể giảm thêm và tác động đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Trong nước, sự hồi phục của khu vực sản xuất còn nhiều khó khăn, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Áp lực trả nợ công từ ngân sách nhà nước tăng trong khi giá dầu dự báo duy trì ở mức thấp trong năm 2015 tác động làm trầm trọng thêm vấn đề thâm hụt ngân sách.

Thị trường bảo hiểm

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong năm 2015 tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn do nhu cầu bảo hiểm dự báo vẫn tăng chậm. Sức ép cạnh tranh ngày càng gia tăng, các DNBH tập trung khai thác thị trường bán lẻ với nhiều hình thức cạnh tranh, trong đó có cả cạnh tranh không lành mạnh. Trên thị trường bảo hiểm nhân thọ, cạnh tranh về sản phẩm và kênh phân phối gay gắt và tạo áp lực lớn cho các doanh nghiệp. Đặc biệt, mặt bằng lãi suất thấp khiến doanh thu từ hoạt động đầu tư của các DNBH giảm, tạo áp lực lên lợi nhuận. Với lãi suất thấp kỳ vọng duy trì trong nhiều năm tới, nên khả năng duy trì và cải thiện tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ là thách thức lớn.

Cơ quan quản lý sẽ đẩy mạnh chấn chỉnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong năm 2015 hướng đến phát triển thị trường lành mạnh, hiệu quả, bền vững theo xu thế hội nhập. Do đó, các DNBH đối mặt với sức ép phải tiếp tục tái cơ cấu toàn diện, tăng cường hơn nữa năng lực tài chính, năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro... Việc tuân thủ các quy định mới như hoàn thành hệ thống cơ sở dữ liệu khai thác bảo hiểm, quản lý khách hàng, quản lý đối tượng được bảo hiểm, quản lý đại lý, môi giới bảo hiểm, giám định bồi thường kết nối với hệ thống kế toán... là những thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp.

Thị trường tài chính - ngân hàng

Xử lý nợ xấu, tái cơ cấu toàn diện và nâng cao chất lượng tăng trưởng tín dụng là những thách thức lớn đối với ngành ngân hàng trong năm 2015. Mục tiêu giảm nợ xấu về dưới 3% đặt ra yêu cầu ngành ngân hàng phải quyết liệt hơn trong xử lý, sáp nhập các ngân hàng yếu kém. Các ngân hàng cũng chịu sức ép khi phải tuân thủ các quy định mới của Thông tư 36, triển khai Basel II... Ngoài ra, NHNN định hướng các ngân hàng tiếp tục giảm lãi suất cho vay trong năm 2015. Chênh lệch lãi suất cho vay và huy động giảm do mặt bằng lãi suất cho vay giảm tạo áp lực lợi nhuận cho các ngân hàng.

Thị trường cổ phiếu

Xét về tổng thể, thị trường chứng khoán 2014 vẫn tiếp tục chịu những tác động từ các rủi ro vĩ mô của kinh tế thế giới và kinh tế trong nước (nợ xấu cao, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phục hồi chậm...). Dòng tiền khối ngoại có thể sẽ bị co hẹp. Khả năng Fed điều chỉnh tăng lãi suất đồng USD trong thời gian tới có thể ảnh hưởng đến dòng vốn ngoại tại các thị trường chứng khoán mới nổi, trong đó có Việt Nam.

Thị trường trái phiếu

Do áp lực phát hành TPCP để bù đắp thâm hụt ngân sách và trả nợ gốc lớn trong năm 2015 nên lãi suất trái phiếu có thể tăng trở lại, tuy nhiên sẽ khó có khả năng tăng đột biến. Xu hướng lãi suất này sẽ tác động đến cơ hội đầu tư mới của doanh nghiệp bảo hiểm. Việc chuyển dịch sang phát hành trái phiếu kỳ hạn dài là đúng đắn song là thách thức không nhỏ trong điều kiện thị trường hiện nay do cơ cấu nhà đầu tư trên thị trường trái phiếu vẫn chưa phát triển, chủ yếu là các NHTM.



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2014 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2015

Năm 2015 đánh dấu chặng đường 50 năm xây dựng và phát triển của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, toàn Tập đoàn cần tập trung kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy, nhân sự, mô hình kinh doanh, cơ chế chính sách; tăng cường năng lực tài chính thông qua thực hiện thành công kế hoạch tăng vốn điều lệ; khơi thông các nguồn lực trong toàn hệ thống thông qua thúc đẩy hoạt động bán chéo sản phẩm giữa các đơn vị thành viên trong Tập đoàn; hoàn thành xây dựng kế hoạch chiến lược của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt giai đoạn 2016 - 2020.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2014

HỢP NHẤT

Doanh thu hợp nhất tăng trưởng, điểm sáng là hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2014 đạt 19.050 tỷ đồng, vượt mức kế hoạch 9,9%; tăng 11,5% so với năm 2013, trong đó doanh thu bảo hiểm nhân thọ tăng trưởng mạnh. Tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu hợp nhất trong giai đoạn 2009-2014 đạt 12,5%. Cụ thể từng lĩnh vực đạt kết quả như sau:

- Tổng doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ đã cán mức gần 10.800 tỷ đồng trong năm 2014, tăng trưởng 26,9% so với năm 2013, hoàn thành vượt mức kế hoạch 17%. Doanh thu khai thác mới thực thu đạt 1.873 tỷ đồng, tăng trưởng 28,4% so với cùng kỳ.
- Tổng doanh thu trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ là 6.510 tỷ đồng, vượt 2,5% kế hoạch đề ra.
- Tổng doanh thu lĩnh vực kinh doanh chứng khoán đạt 306 tỷ đồng, vượt 54,5% kế hoạch và tăng trưởng 47,5% so với cùng kỳ.
- Tổng doanh thu trong lĩnh vực quản lý quỹ và bất động sản tăng trưởng khá so với cùng kỳ trong điều kiện thị trường đóng băng và việc cắt giảm đầu tư công của Chính phủ, lần lượt đạt 52 tỷ và 313 tỷ đồng, vượt 25,2% và 36,9% so với kế hoạch; tăng trưởng 6,1% và 53,8% so với cùng kỳ năm 2013.

Đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, lợi nhuận hợp nhất hoàn thành vượt mức mục tiêu kế hoạch đề ra

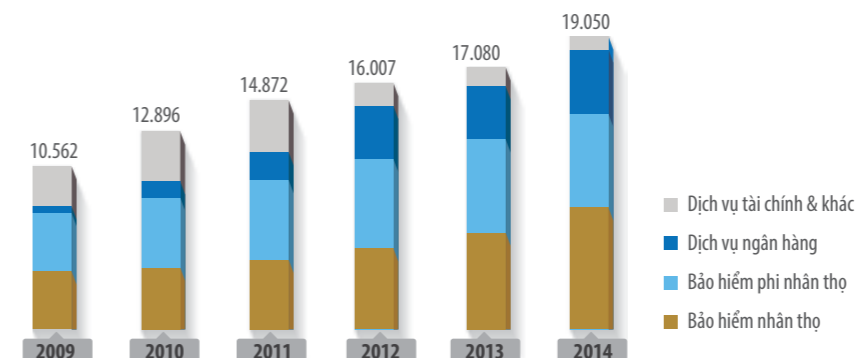
Trước những biến động, khó khăn và thách thức của thị trường năm 2014, lợi nhuận sau thuế hợp nhất toàn Tập đoàn vẫn vượt mục tiêu kế hoạch đề ra và tăng trưởng khá tốt so với cùng kỳ.

Lợi nhuận sau thuế năm 2014 đạt 1.331 tỷ đồng, bằng 123,6% kế hoạch và tăng trưởng 7,9% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó lợi nhuận từ các mảng hoạt động kinh doanh đều hoàn thành kế hoạch đề ra.

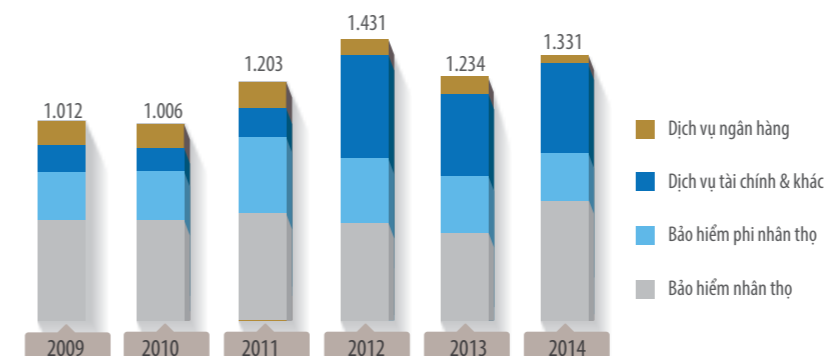
- Trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, lợi nhuận sau thuế bảo hiểm nhân thọ đạt 590 tỷ đồng, bằng 102,3% kế hoạch đề ra;
- Bảo hiểm phi nhân thọ cũng hoàn thành kế hoạch đề ra với 251 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.
- Lợi nhuận sau thuế từ lĩnh vực dịch vụ tài chính & khác (không bao gồm hoạt động ngân hàng) đạt 444 tỷ đồng, bằng 173% kế hoạch trong đó các mảng kinh doanh chứng khoán, quản lý quỹ, bất động sản đều đạt kết quả khả quan.

Trong cơ cấu lợi nhuận đóng góp lớn nhất là từ lĩnh vực bảo hiểm: lĩnh vực kinh doanh

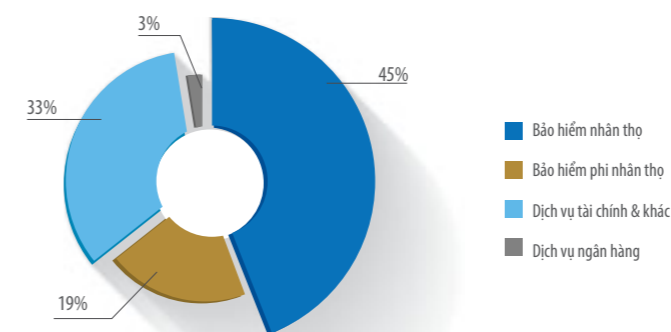
Tổng doanh thu hợp nhất



Lợi nhuận sau thuế hợp nhất



Cơ cấu lợi nhuận sau thuế hợp nhất



bảo hiểm nhân thọ chiếm 45%; lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ chiếm 19%; lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng & khác là 36%.

Tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 47.568 tỷ đồng, cơ cấu tài sản đảm bảo ổn định, chất lượng tài sản được nâng cao

Thực hiện chủ trương tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước của Bộ Tài chính, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại Ngân hàng Bảo Việt đã giảm từ 52% xuống 49,52% vào ngày 24/9/2014. Theo đó, kể từ ngày 24/9/2014, Ngân hàng Bảo Việt không hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tập đoàn, khiến tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn Bảo Việt năm 2014 giảm 8.097 tỷ đồng so với năm 2013. Mặc dù tổng tài sản giảm về mặt quy mô, nhưng chất lượng và độ minh bạch của tài sản được nâng lên đáng kể.

Năm 2014, tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 47.568 tỷ đồng, giảm 14,5% so với năm 2013. Trong đó: cho vay khách hàng giảm 7.886 tỷ đồng; đầu tư trái phiếu giảm 3.300 tỷ đồng (phần tại Ngân hàng Bảo Việt). Khoản mục tiền và tương đương tiền giảm 5.893 tỷ đồng (giảm 80,5%), ngoài việc do không hợp nhất tiền tại Ngân hàng Bảo Việt, còn do việc chuyển dịch cơ cấu từ tiền gửi ngắn hạn sang tiền gửi dài hạn để tận dụng lãi suất cao. Đây cũng là lý do góp phần khiến đầu tư tiền gửi tăng mạnh. Đầu tư trái phiếu giảm 1.700 tỷ đồng, tập trung chủ yếu tại Công ty Chứng khoán Bảo Việt (tất toán được trái phiếu NBB), BVF1 (đóng quỹ), và tại Ngân hàng Bảo Việt.

Nếu loại trừ tài sản của Ngân hàng Bảo Việt ra khỏi tài sản hợp nhất năm 2013, tổng tài sản hợp nhất năm 2014 vẫn đạt được mức tăng trưởng 10% so với năm 2013.

Tổng tài sản Tập đoàn giảm song chất lượng tài sản được nâng cao, trước hết, đó là việc tăng cường chuyển dịch cơ cấu từ tiền gửi ngắn hạn sang tiền gửi dài hạn để tận dụng lãi suất cao hơn, tiếp đến là việc thu hồi được các khoản nợ xấu trái phiếu, việc tái cơ cấu một số khoản đầu tư dàn trải. Động thái này thể hiện sự nhạy bén của Tập đoàn trước những thay đổi của thị trường, đồng thời tạo dựng một nền tảng vững chắc cho những bước phát triển sau này.

19.050
Tỷ đồng

Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn

10.765
Tỷ đồng

Tổng doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

6.510
Tỷ đồng

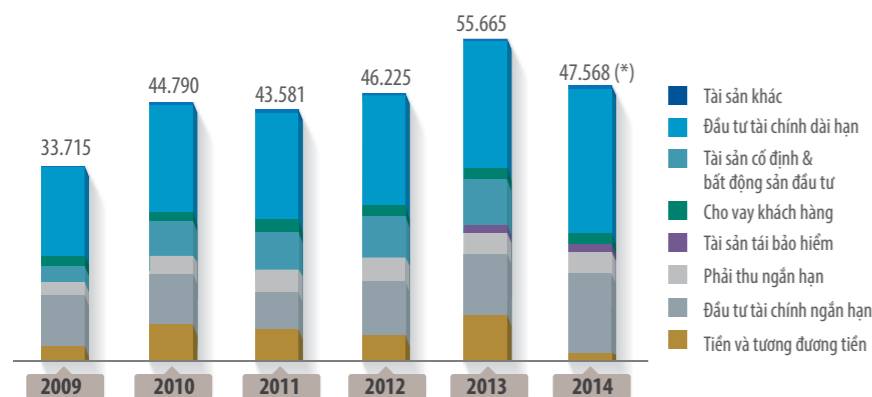
Tổng doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ

Quy mô tài sản hợp nhất:

ĐVT: Tỷ đồng

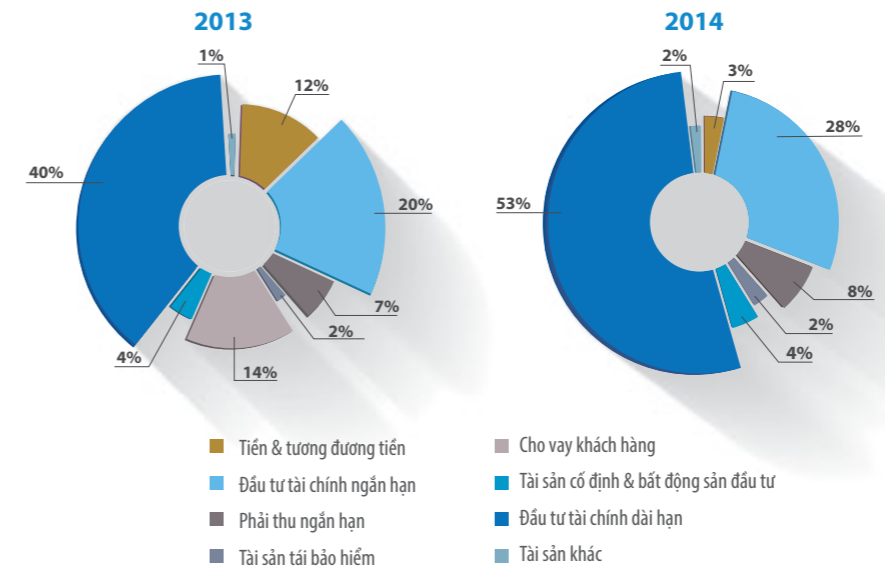
STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	Thay đổi	
				+/-	%
1	Tiền và tương đương tiền	7.318	1.425	(5.893)	-80,5%
2	Tiền gửi	10.624	15.969	5.345	50,3%
	<i>Dự phòng tiền gửi</i>	<i>(739)</i>	<i>(803)</i>	<i>(64)</i>	<i>8,6%</i>
3	Cổ phiếu	1.642	1.689	46	2,8%
	<i>Dự phòng giảm giá CK</i>	<i>(639)</i>	<i>(497)</i>	<i>142</i>	<i>-22,2%</i>
4	Trái phiếu	19.807	18.107	(1.700)	-8,6%
	<i>Dự phòng TP</i>	<i>(140)</i>	<i>(189)</i>	<i>(49)</i>	<i>35,0%</i>
5	Cho vay ủy thác / giải ước	670	712	43	6,4%
	<i>Dự phòng cho vay UT</i>	<i>(48)</i>	<i>(49)</i>	<i>(0)</i>	<i>0,9%</i>
6	Tài sản tái bảo hiểm	1.284	1.173	(112)	-8,7%
7	Cho vay Khách hàng	7.886	-	(7.886)	-100,0%
8	Tài sản khác	4.093	4.418	325	7,9%
9	Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	368	2.132	1.763	478,5%
10	Tài sản cố định (vô hình và hữu hình)	1.972	1.944	(27)	-1,4%
	Tổng tài sản	55.665	47.568	(8.097)	-14,5%

Tổng tài sản hợp nhất



(*) : Tổng tài sản toàn Tập đoàn năm 2014 giảm do không hợp nhất tài sản của Ngân hàng Bảo Việt vào tài sản toàn Tập đoàn sau khi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại Ngân hàng Bảo Việt giảm xuống 49,52% sau đợt phát hành tăng vốn của Ngân hàng Bảo Việt vào ngày 24/9/2014.

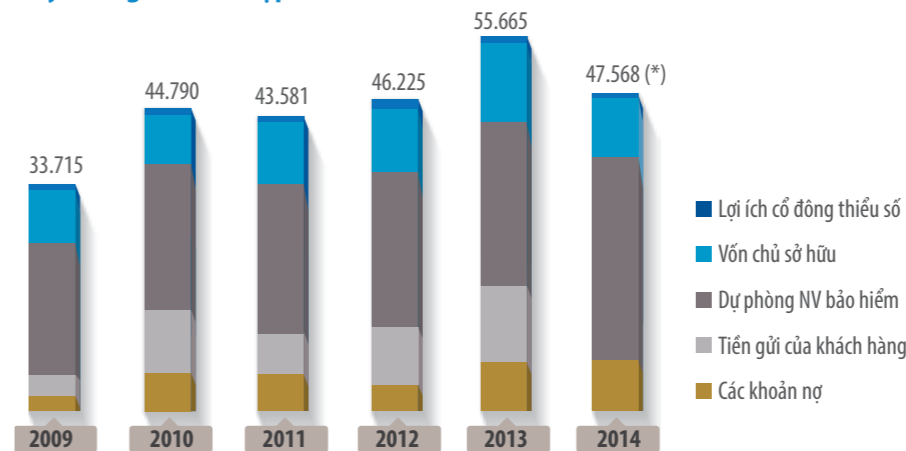
Cơ cấu tài sản hợp nhất



Cơ cấu tài sản hợp nhất

Năm 2014, cơ cấu tài sản có một số thay đổi đáng kể so với năm 2013. Do Ngân hàng Bảo Việt không còn là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt, tài sản hợp nhất không còn khoản mục cho vay khách hàng, điều này khiến tỷ trọng của các tài sản còn lại được nâng cao, tuy nhiên, vẫn đảm bảo cơ cấu: các khoản đầu tư tài chính dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất (53%), tiếp đến là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (28%). Tiền và các khoản tương đương tiền có sự thay đổi tỷ trọng từ 12% (năm 2013) xuống 3% (năm 2014) là do sự chuyển dịch sang tiền gửi dài hạn đã đề cập ở trên. Nhìn chung, ngoại trừ sự biến động của khoản mục cho vay khách hàng, các khoản mục khác tương đối ổn định, không có sự dịch chuyển trọng yếu.

Quy mô nguồn vốn hợp nhất



(*) : Tổng nguồn vốn toàn Tập đoàn năm 2014 giảm do không hợp nhất nguồn vốn của Ngân hàng Bảo Việt vào nguồn vốn toàn Tập đoàn sau khi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại Ngân hàng Bảo Việt giảm xuống 49,52% sau đợt phát hành tăng vốn của Ngân hàng Bảo Việt vào ngày 24/9/2014.

Cơ cấu nguồn vốn hợp nhất

Tổng nguồn vốn năm 2014 đạt 47.568 tỷ đồng, giảm 8.097 tỷ đồng so với năm 2013 do ảnh hưởng của việc giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại Ngân hàng Bảo Việt, dẫn đến thay đổi trong cách ghi nhận kết quả hoạt động của Ngân hàng Bảo Việt. Theo đó, tiền gửi của khách hàng không còn được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn, đồng thời, lợi ích cổ đông thiểu số cũng sụt giảm, chỉ còn 573 tỷ đồng, giảm 1.517 tỷ đồng so với năm 2013. Các khoản mục còn lại trong cơ cấu nguồn vốn như các khoản nợ, vốn chủ sở hữu đều không có biến động đáng kể.

So sánh nguồn vốn hợp nhất tại 31/12/2013 và 31/12/2014

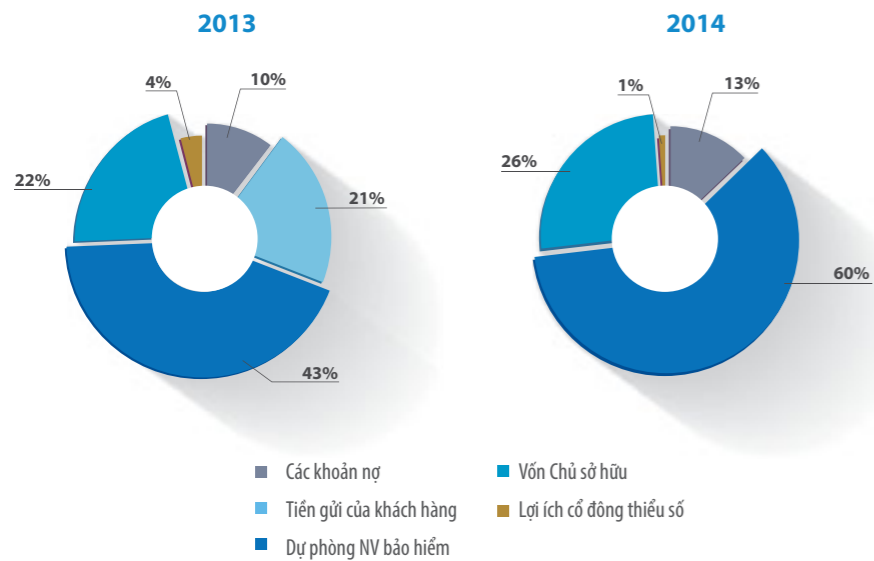
ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2013	2014	Thay đổi	
				+/-	%+/-
1	Các khoản nợ	5.706	6.141	435	8%
2	Tiền gửi của khách hàng	11.552	-	(11.552)	-100%
3	Dự phòng NV bảo hiểm	24.192	28.611	4.419	18%
4	Vốn chủ sở hữu	12.125	12.243	118	1%
5	Lợi ích cổ đông thiểu số	2.090	573	(1.517)	-73%
	Tổng nguồn vốn	55.665	47.568	(8.097)	-15%

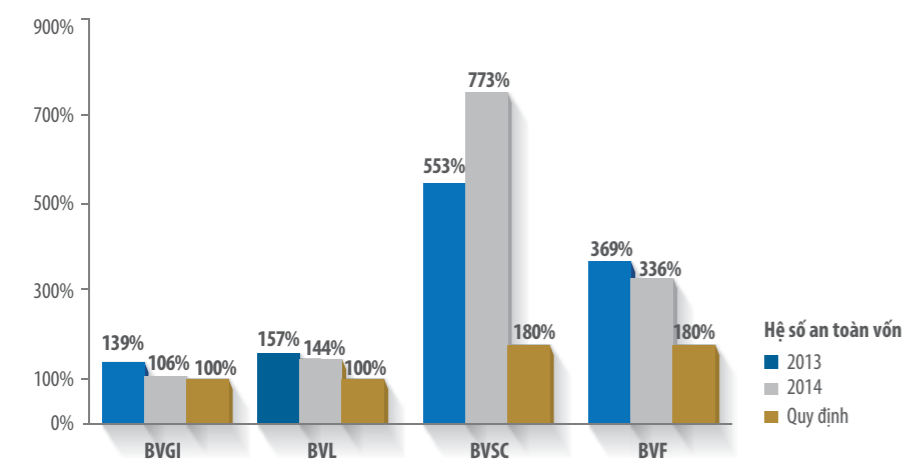
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm năm 2014 là 28.611 tỷ đồng, tăng 4.419 tỷ đồng so với năm 2013 chủ yếu là từ việc dự phòng toán học tại Bảo Việt Nhân thọ tăng 4.078 tỷ đồng. Với nguồn dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm lớn nhất trên thị trường, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên cam kết đảm bảo quyền lợi ổn định, lâu dài cho khách hàng.

Cơ cấu nguồn vốn năm 2014 ghi nhận sự thay đổi về khoản mục tiền gửi của khách hàng do ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Ngân hàng Bảo Việt như đã đề cập. Tiếp theo là sự tăng trưởng của khoản mục chiếm tỷ trọng

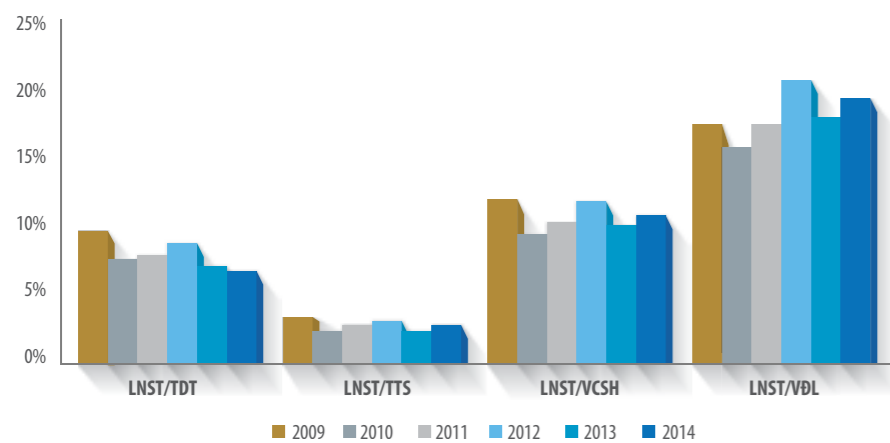
Cơ cấu nguồn vốn hợp nhất



Hệ số an toàn vốn hợp nhất



Khả năng sinh lời hợp nhất



LNST/TDT: Lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu
LNST/TTS: Lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản
LNST/VCSH: Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu
LNST/VĐL: Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ

cao nhất - Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm - năm 2014 là 60% so với 43% của năm 2013 để nhằm đảm bảo quyền lợi ổn định và vững chắc cho khách hàng. Vốn chủ sở hữu tăng nhẹ từ 22% năm 2013 lên 26% năm 2014. Tổng nguồn vốn năm 2014 giảm do Ngân hàng Bảo Việt không được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tập đoàn khiến tỷ trọng các khoản nợ tăng từ 10% lên 13% năm 2014. Tập đoàn Bảo Việt không có nợ xấu, nợ lâu ngày và đặc biệt là không có nợ vay.

Khả năng thanh toán của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn luôn đảm bảo

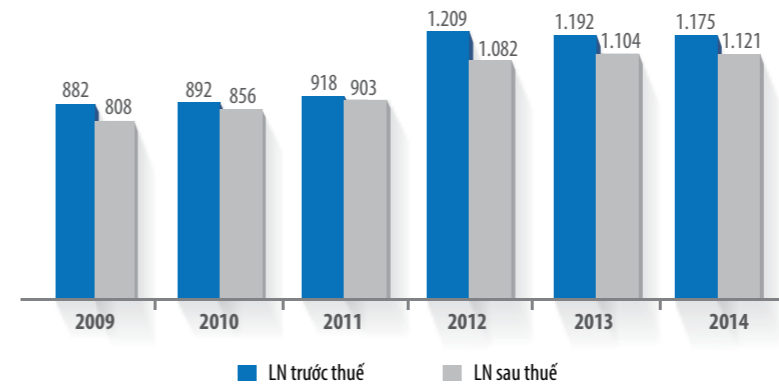
Hệ số thanh toán hiện thời và hệ số thanh toán nhanh tại thời điểm 31/12/2014 của các đơn vị thuộc Tập đoàn đều được duy trì ở mức khả quan và an toàn. Khả năng thanh toán của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được cải thiện, từ mức 1 lần lên 2,73 lần, đáp ứng vượt mức yêu cầu của Bộ Tài chính và nâng cao năng lực cạnh tranh – khai thác bảo hiểm. Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ vẫn giữ mức hệ số thanh toán >1 lần theo đúng ngưỡng an toàn mà Bộ Tài chính quy định.

Hệ số an toàn vốn/ tỷ lệ an toàn tài chính của các thành viên trong Tập đoàn luôn tuân thủ quy định của Bộ Tài chính, trong đó Công ty Chứng khoán Bảo Việt và Quản lý Quỹ Bảo Việt có hệ số an toàn vốn/ tỷ lệ an toàn tài chính vượt xa so với quy định.

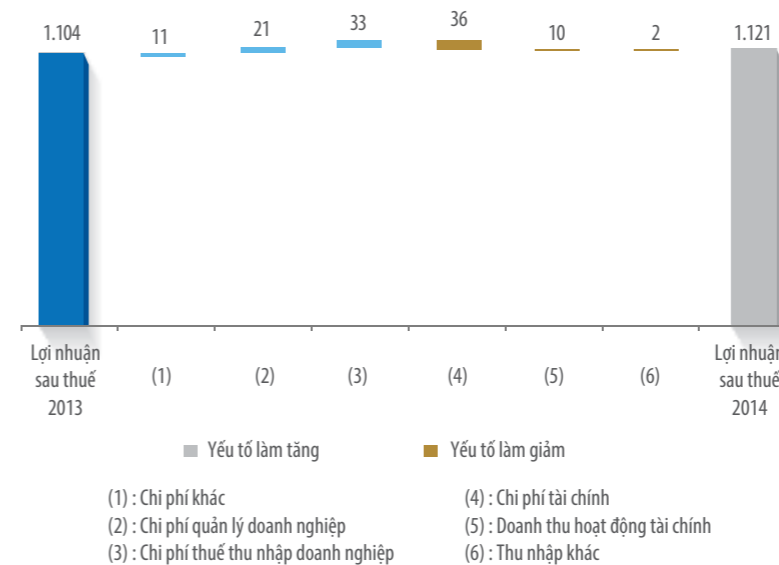
Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều thách thức, khả năng sinh lời vẫn duy trì ở mức khả quan

Với bối cảnh nền kinh tế hiện nay còn nhiều khó khăn và chưa có dấu hiệu phục hồi vững chắc, các tỷ suất lợi nhuận của Tập đoàn vẫn duy trì ổn định, có tăng trưởng nhẹ so với năm 2013 cho thấy nỗ lực rất lớn từ Tập đoàn Bảo Việt: LNST/TTS tăng 0,6% ; LNST/VCSH tăng 0,7% và LNST/VĐL tăng 1,4% so với năm 2013. Trong đó LNST/VCSH và LNST/VĐL tăng trưởng cho thấy kết quả hoạt động kinh doanh đáng khích lệ. Tỷ suất LNST/ TDT có sự sụt giảm nhẹ, năm 2014 đạt 7,0% do mức tăng trưởng của lợi nhuận không cao bằng mức tăng trưởng của doanh thu.

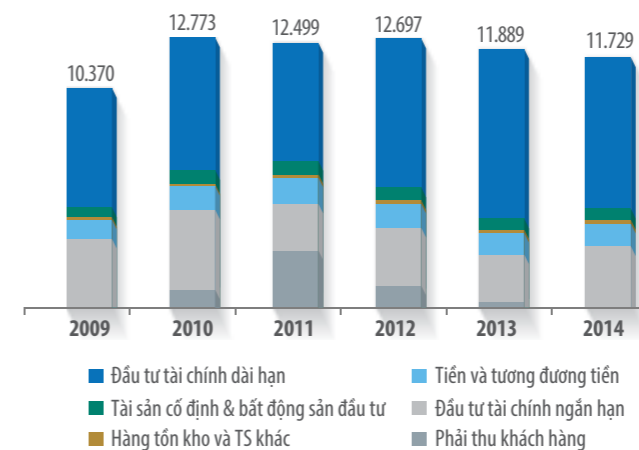
Lợi nhuận Công ty Mẹ



Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận Công ty Mẹ



Tổng tài sản Công ty Mẹ



CÔNG TY MẸ

Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ tiếp tục tăng trưởng

Lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 1.175 tỷ đồng; bằng 103,6% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.121 tỷ đồng; bằng 100,1% kế hoạch, tăng trưởng 1,5% so với năm 2013. Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 16,5%.

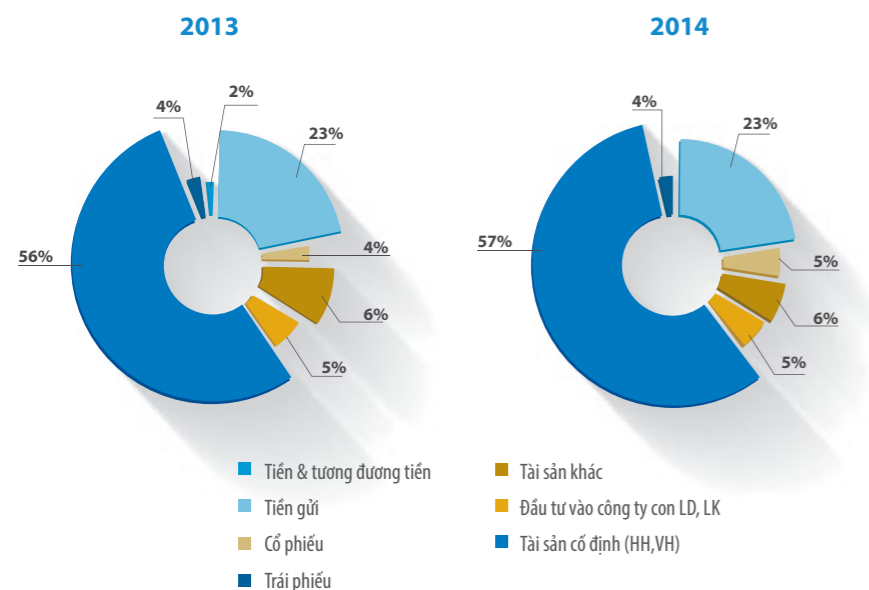
Đóng góp vào phần tăng thêm lợi nhuận sau thuế phải kể đến việc Công ty Mẹ tăng cường tiết giảm các khoản chi, đặc biệt là chi quản lý. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giảm do doanh thu không chịu thuế (cổ tức và lãi được chia) tăng.

Trong các yếu tố làm giảm, doanh thu hoạt động tài chính năm 2014 thấp hơn cùng kỳ khoảng 10 tỷ đồng chủ yếu do lãi suất tiền gửi tiếp tục giảm trong khi nguồn vốn không tăng ảnh hưởng tới doanh thu từ danh mục lãi suất cố định. Chi phí tài chính tăng chủ yếu do dự phòng đầu tư: so với cùng kỳ, trích lập dự phòng tăng 22 tỷ trong khi hoàn nhập thấp hơn gần 10 tỷ. Doanh thu cho thuê nhà 2014 vẫn tương đương mức cùng kỳ.

Quy mô tài sản của Công ty Mẹ duy trì ổn định. Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn, tập trung chủ yếu là các khoản đầu tư có tính chất bền vững và tính thanh khoản cao

Tổng tài sản năm 2014 đạt 11.729 tỷ đồng, giảm 160 tỷ đồng (1,3%) so với năm 2013 chủ yếu do giảm tài sản hình thành từ hoạt động repo trái phiếu tại thời điểm cuối năm (giảm về 0 từ mức 194 tỷ đồng vào cuối năm 2013). Tài sản ngắn hạn của Công ty Mẹ là 3.635 tỷ đồng, chiếm 31% tổng tài sản; tài sản dài hạn là 8.093 tỷ đồng, chiếm 69% tổng tài sản.

Cơ cấu tài sản Công ty Mẹ



Cơ cấu tài sản Công ty Mẹ dịch chuyển nhẹ theo hướng tăng tài sản ngắn hạn

Cơ cấu tài sản có sự chuyển dịch từ tài sản dài hạn sang tài sản ngắn hạn (tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng từ 27% vào năm 2013 lên 31% vào năm 2014), chủ yếu do một số hợp đồng tiền gửi dài hạn trước đây (trị giá khoảng 200 tỷ đồng) chuẩn bị đến kỳ đáo hạn, đồng thời Tập đoàn Bảo Việt cũng thoái vốn tại một số khoản đầu tư dài hạn như BVF1 (46 tỷ), Bảo hiểm Bảo Long (63 tỷ) để tìm kiếm những khoản đầu tư hiệu quả hơn.

Về cơ cấu đầu tư, ngoài các khoản đầu tư vào Công ty Con, liên doanh, liên kết luôn chiếm tỷ trọng lớn (56% -57%), tiền gửi là mảng đầu tư có tính thanh khoản cao cũng được duy trì ở mức 23%.

Vốn chủ sở hữu ổn định, đảm bảo phát triển bền vững

Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã duy trì nguồn vốn chủ sở hữu ổn định trong nhiều năm qua. Tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn tăng dần qua các năm, chiếm 98,4% tổng nguồn vốn vào năm 2014.

Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn của Công ty Mẹ luôn ở mức thấp và tiếp tục giảm trong năm 2014 xuống mức 1,6%. Đặc biệt kể từ năm 2012 Công ty Mẹ không còn các khoản nợ dài hạn.

Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt không có các khoản nợ ngân hàng và các tổ chức tín dụng bên ngoài.

Khả năng thanh toán luôn ở mức cao

Các chỉ tiêu thanh toán của Công ty Mẹ luôn duy trì ở mức cao và ngày càng được nâng cao.

Chỉ tiêu thanh toán của Công ty Mẹ tại thời điểm 31/12/2014 tăng mạnh so với năm 2013, đạt 19,1 lần, do tại thời điểm 31/12/2014 không còn khoản phải trả hợp đồng repo với ngân hàng thương mại mà Công ty cam kết mua lại trong thời gian dưới 1 năm (trị giá 194 tỷ), khiến cho tổng nợ ngắn hạn giảm mạnh so với năm 2013, bằng 48% so với năm 2013, trong khi tổng tài sản ngắn hạn tăng 11%.

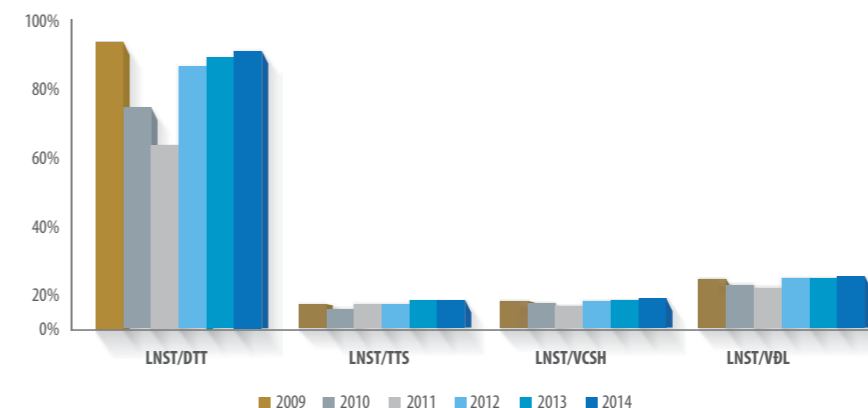
Cơ cấu nguồn vốn Công ty Mẹ

TT	Cơ cấu nguồn vốn	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	18,6%	17,7%	10,2%	9,7%	3,3%	1,6%
1.1	Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	18,4%	17,5%	10,0%	9,7%	3,3%	1,6%
1.2	Nợ dài hạn/Tổng nguồn vốn	0,2%	0,2%	0,2%	0,0%	0,0%	0,0%
2	Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	81,4%	82,3%	89,8%	90,3%	96,7%	98,4%

Khả năng thanh toán Công ty Mẹ

TT	Khả năng thanh toán	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1	Khả năng thanh toán hiện hành	2,2	2,6	4,9	4	8,3	19,1
2	Khả năng thanh toán nhanh	2,2	2,6	4,9	4	8,3	19,1

Khả năng sinh lời Công ty Mẹ



LNST/DTT: Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần
LNST/TTS: Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản
LNST/VCSH: Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu
LNST/VDL: Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ

Khả năng sinh lời giữ mức tăng trưởng ổn định

Năm 2010, Tập đoàn tăng vốn điều lệ khiến chỉ tiêu về khả năng sinh lời có giảm so với năm 2009. Năm 2011, Tập đoàn tiếp tục tăng vốn điều lệ lên đến 6.804,7 tỷ đồng.

Từ năm 2011 đến nay, khả năng sinh lời có xu hướng tăng dần qua các năm, do lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng, mặc dù nền kinh tế còn nhiều khó khăn. Hiệu quả hoạt động luôn ở mức cao trong nhiều năm liền, tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu thuần đạt 89% trong năm 2014.

Năm 2014, đứng trước thách thức chung của nền kinh tế thị trường, Bảo Việt đã không ngừng phấn đấu, nỗ lực trong hoạt động kinh doanh và công tác quản trị nhằm tối đa hóa lợi nhuận trong khi vẫn quản lý an toàn nguồn vốn của doanh nghiệp, giữ mức sinh lời ổn định, một số chỉ tiêu tăng nhẹ so với năm 2013 như: tỷ suất LNST/VDL và LNST/TTS tăng 0,3%; LNST/DTT tăng 1,9%.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 2014

Năm 2014, mặc dù chịu ảnh hưởng từ những khó khăn chung của thị trường (thị trường tiền tệ duy trì mặt bằng lãi suất giảm, thị trường bảo hiểm, chứng khoán đối mặt với nhiều biến động khó lường...), tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo sát sao của Ban Lãnh đạo và những nỗ lực không ngừng của hoạt động đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt vẫn hoàn thành các mục tiêu đặt ra từ đầu năm.

Cơ cấu danh mục đầu tư của toàn Tập đoàn tại 31/12/2014

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2014		Tại 31/12/2013		So sánh 2014/2013
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
I. Đầu tư lãi suất cố định	35.603	87%	37.791	92%	-6%
1. Tiền gửi	17.308	42%	17.844	43%	-3%
2. Trái phiếu	18.295	45%	19.946	49%	-8%
II. Đầu tư cổ phiếu, góp vốn	4.298	11%	2.631	6%	63%
III. Đầu tư tài chính khác	780	2%	737	2%	6%
Tổng cộng	40.681	100%	41.159	100%	-1%

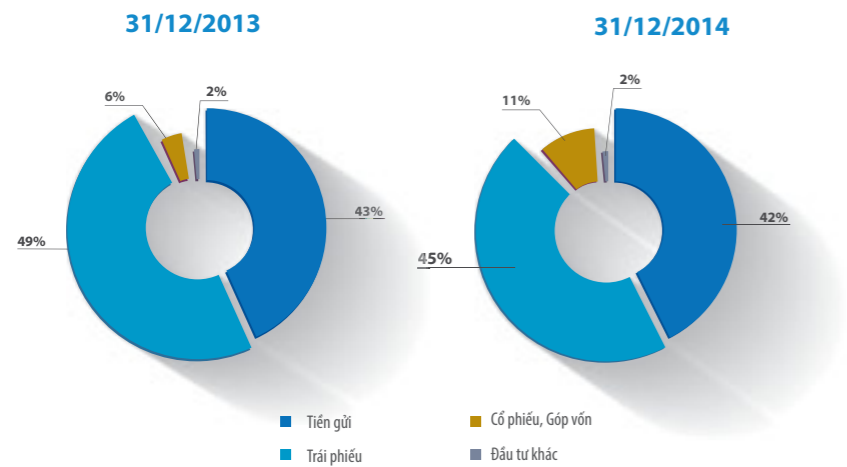
Ghi chú:
- Số liệu dựa trên BCTC hợp nhất kiểm toán 2014
- Tại 31/12/2014, Tập đoàn hợp nhất khoản đầu tư vào BVB theo phương pháp vốn chủ sở hữu, do đó tổng danh mục đầu tư CP, góp vốn tăng mạnh 63% so với 31/12/2013.

Tình hình đầu tư toàn Tập đoàn 2014

Tại 31/12/2014, tổng nguồn vốn đầu tư của toàn Tập đoàn đạt 40.681 tỷ đồng, giảm nhẹ 1% so với thời điểm 31/12/2013. Trong đó, đầu tư lãi suất cố định (tiền gửi, trái phiếu) đạt 35.603 tỷ đồng, chiếm 87% tổng nguồn vốn đầu tư. Doanh thu hoạt động tài chính năm 2014 đạt 3.686 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2013 - trong đó, doanh thu danh mục đầu tư lãi suất cố định chiếm 90% tổng doanh thu. Lợi nhuận hoạt động tài chính đạt 2.865 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2013.

Trong năm 2014, dự báo xu hướng lãi suất có thể tiếp tục giảm trong thời gian tới nên Bảo Việt đã tiếp tục tập trung đầu tư lãi suất cố định (tiền gửi, trái phiếu)

Cơ cấu danh mục đầu tư toàn Tập đoàn



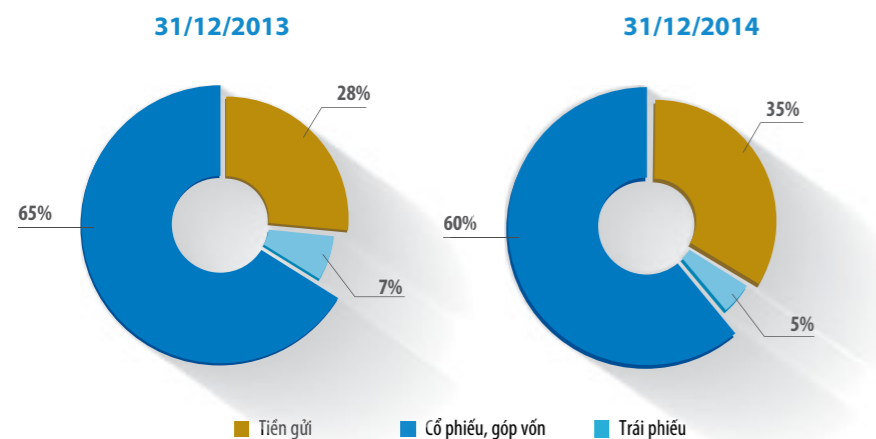
Danh mục đầu tư Công ty Mẹ

DVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Tại 31/12/2014		Tại 31/12/2013		So sánh 2014/2013
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
I	Đầu tư lãi suất cố định	3.754	33%	3.950	34%	-5%
1	Tiền gửi	2.950	26%	3.140	27%	-6%
2	Trái phiếu	804	7%	810	7%	-1%
II	Đầu tư cổ phiếu, góp vốn	7.478	67%	7.558	66%	-1%
III	Tổng cộng	11.233	100%	11.509	100%	-2%

Ghi chú: Số liệu dựa trên BCTC riêng kiểm toán 2014

Cơ cấu danh mục đầu tư Công ty Mẹ



với kỳ hạn dài (chủ yếu là trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 - 10 năm) nhằm tận dụng mức lãi suất cao hơn. Tỷ trọng đầu tư lãi suất cố định thường xuyên chiếm xấp xỉ 90% tổng nguồn vốn đầu tư nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả nguồn vốn đầu tư, cân đối dòng tiền với các nghĩa vụ nợ của đơn vị. Để đảm bảo an toàn cho danh mục đầu tư lãi suất cố định của toàn Tập đoàn, Tập đoàn Bảo Việt với vai trò là Công ty Mẹ đã phát huy vai trò quản lý thông qua các chính sách quản lý rủi ro, xây dựng và triển khai mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng để xác định hạn mức đầu tư tại các định chế tài chính mà Bảo Việt được phép đầu tư. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Nhờ vậy mà hoạt động đầu tư của toàn Tập đoàn đảm bảo an toàn, tăng trưởng qua các năm, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh chung của toàn Tập đoàn và của từng đơn vị.

Tình hình đầu tư Công ty Mẹ 2014

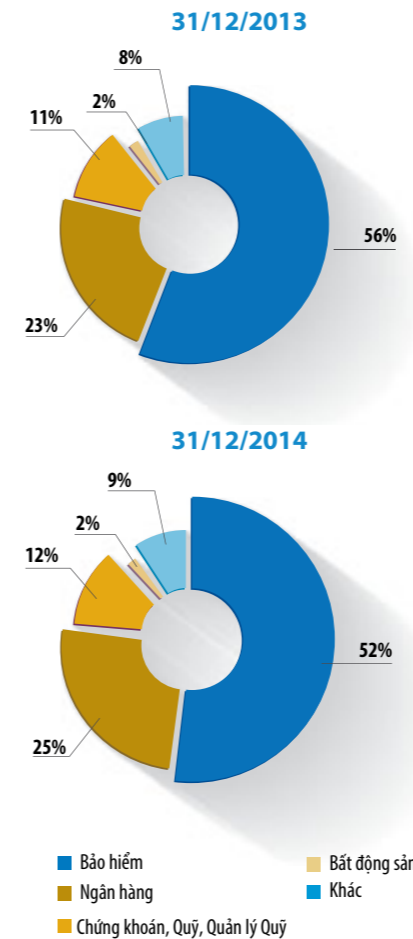
Hoạt động đầu tư của Công ty Mẹ vượt kế hoạch

Tại 31/12/2014, tổng nguồn vốn đầu tư của Công ty Mẹ đạt 11.233 tỷ đồng, giảm nhẹ 2% so với 31/12/2013 do tại thời điểm cuối năm Tập đoàn không phát sinh các hợp đồng repo như cùng kỳ năm 2013. Tổng doanh thu hoạt động đầu tư năm 2014 đạt 1.261 tỷ đồng, xấp xỉ bằng cùng kỳ năm trước, lợi nhuận hoạt động đầu tư đạt 1.312 tỷ đồng, bằng 97% so với cùng kỳ.

Hoạt động đầu tư lãi suất cố định

- Tập đoàn đã bám sát diễn biến lãi suất thị trường và kế hoạch dòng tiền để thực hiện tái đầu tư các khoản tiền nhàn rỗi với kỳ hạn phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Đẩy mạnh Repo trái phiếu nhằm gia tăng hiệu suất danh mục trái phiếu.
- Doanh thu đầu tư lãi suất cố định 2014 hoàn thành vượt kế hoạch: doanh thu lãi suất cố định cả năm 2014 đạt 318 tỷ đồng, vượt 19% kế hoạch năm.

Cơ cấu danh mục cổ phiếu, góp vốn phân theo ngành nghề



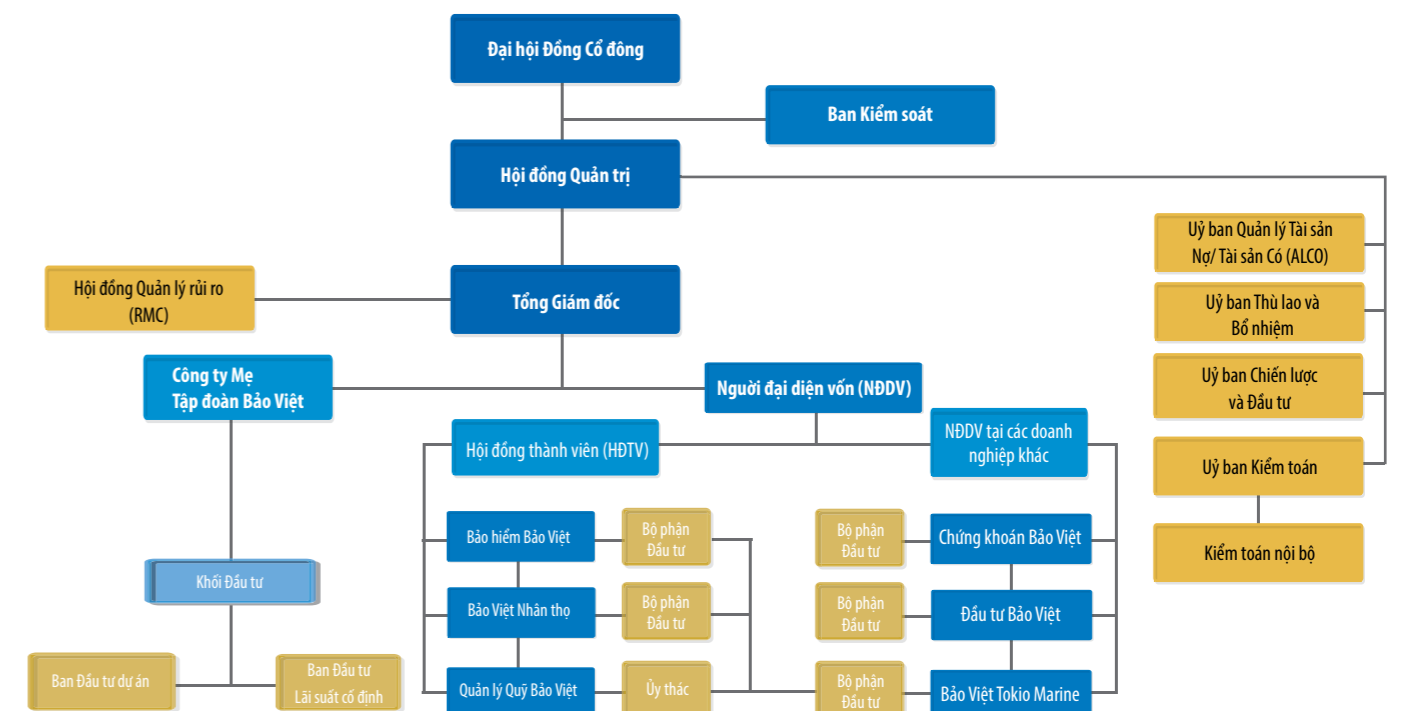
Hoạt động đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các doanh nghiệp

- Doanh thu từ hoạt động đầu tư cổ phiếu, góp vốn đạt 943 tỷ đồng, bằng 104% kế hoạch năm và tăng 11% so với 2013. Trong đó, doanh thu đầu tư từ các công ty con Tập đoàn sở hữu 100% chiếm 89% doanh thu đầu tư danh mục đầu tư cổ phiếu, góp vốn và 66% tổng doanh thu đầu tư 2014.
- Cơ cấu danh mục đầu tư: Tại 31/12/2014, khoảng 90% tỷ trọng danh mục đầu tư cổ phiếu, góp vốn tập trung vào các ngành bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính - đây là những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn Bảo Việt. Cụ thể:

Lĩnh vực bảo hiểm: Bảo hiểm là ngành nghề kinh doanh thế mạnh của Tập đoàn, vốn đầu tư vào lĩnh vực này chiếm tới trên 50% tổng nguồn vốn đầu tư của Công ty mẹ. Trong giai đoạn vừa qua, các dự án trong danh mục bảo hiểm đang phát huy hiệu quả tốt với tỷ suất lợi nhuận bình quân hàng năm cao (Bảo hiểm Bảo Việt, Bảo Việt Nhân thọ, Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine, Tổng công ty Tài bảo hiểm Quốc gia Việt Nam đều có tỷ suất LNST/VĐT bình quân từ 15% trở lên). Năm 2014, doanh thu từ hoạt động đầu tư vào lĩnh vực cốt lõi này chiếm tới trên 90% tổng doanh thu đầu tư của Công ty mẹ.

Lĩnh vực đầu tư: Đối với một tập đoàn tài chính-bảo hiểm thì đầu tư là lĩnh vực không thể thiếu, được ví như hoạt động xương sống Bảo Việt. Hiện tại, chúng tôi đã thiết lập được một hệ thống các bộ phận đầu tư tại mỗi đơn vị. Các bộ phận này duy trì hoạt động một cách độc lập tùy vào nhu cầu, đặc điểm kinh doanh của mỗi đơn vị nhưng cũng tạo thành một chỉnh thể xuyên suốt, có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ tích cực cho nhau trong hoạt động đầu tư toàn Tập đoàn.

Mô hình hoạt động đầu tư tại Bảo Việt



(*): Tỷ lệ sở hữu tại BVI: Tập đoàn Bảo hiểm Việt 55%, Bảo hiểm Bảo Việt 20%, Bảo Việt Nhân thọ 20%

Lĩnh vực dịch vụ tài chính: Với mục tiêu xây dựng mô hình siêu thị tài chính, tại Bảo Việt chúng tôi còn chú trọng tới việc đầu tư phát triển các dịch vụ tài chính: chứng khoán, quản lý quỹ, ngân hàng...

Năm 2014, tình hình thị trường chứng khoán có nhiều biến động nên ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình kinh doanh của các công ty chứng khoán, quản lý quỹ, ngân hàng. Tuy nhiên, các công ty thuộc danh mục đầu tư chiến lược của Tập đoàn trong lĩnh vực này đều đạt kết quả kinh doanh khả quan:

Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF) là công ty quản lý quỹ quản lý tổng nguồn vốn đầu tư lớn thứ hai thị trường, chủ yếu quản lý nguồn vốn cho Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh của các đơn vị. Trong năm, BVF đã triển khai quỹ mở có tên gọi BVFED, thu hút tới trên 100 nhà đầu tư tham gia.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đã có một năm thành công cả về thị phần môi giới và hiệu quả hoạt động. Về mặt thị phần môi giới, BVSC đã lọt vào TOP 10 thị phần trên cả 2 sàn HNX và HSX. Xét về hiệu quả, lợi nhuận sau thuế năm 2014 của BVSC đạt 131 tỷ đồng - tăng 53% so với cùng kỳ năm trước và vượt 46% kế hoạch năm. Dự kiến Công ty sẽ hết lỗ lũy kế trong quý I/2015.

Mặc dù là một ngân hàng mới thành lập và phải đối mặt với nhiều khó khăn nhưng trong năm 2014, Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt (BVBank) đã đạt được những kết quả kinh doanh đáng khích lệ: Tổng doanh thu tăng trưởng 11%, LNST tăng trưởng 56%. Cũng trong năm 2014, BVBank đã tăng vốn điều lệ thành công lên mức 3.150 tỷ đồng – theo đó tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Ngân hàng giảm tương ứng từ 52,00%/VĐL xuống còn 49,52%/VĐL. Điều này phù hợp với lộ trình tái cơ cấu khoản đầu tư tại BVBank của Tập đoàn.

Đầu tư mới và tái cơ cấu danh mục đầu tư

Năm 2014, định hướng đầu tư của Bảo Việt là tập trung nguồn lực để đảm bảo năng lực tài chính cho các đơn vị kinh doanh cốt lõi. Bên cạnh đó, Tập đoàn đã từng bước thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp với tình hình biến động của thị trường để nâng cao hiệu quả đầu tư, đồng thời xây dựng chiến lược đầu tư trung và dài hạn, đón đầu những cơ hội trên thị trường để thực hiện đầu tư mang lại lợi nhuận tốt cho doanh nghiệp, đẩy mạnh các dịch vụ đầu tư, tư vấn tài chính. Tháng 12/2014, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn tất việc thoái toàn bộ phần vốn góp trị giá 63,7 tỷ đồng tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



Danh mục các dự án góp vốn của Công ty Mẹ tại 31/12/2014

STT	Tên dự án	Năm bắt đầu góp vốn	Vốn góp (tỷ đồng)		Tỷ lệ vốn góp/Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp/DM CP, góp vốn
			31/12/2014	31/12/2013		
1	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	2004	2.000	2.000	100,00%	26,75%
2	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	2005	2.000	2.000	100,00%	26,75%
3	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	2006	50	50	100,00%	0,67%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	1999	695	695	59,92%	9,29%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	2009	110	110	55,00%	1,47%
6	Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc	2009	36	36	60,00%	0,48%
7	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt	2008	1.560	1.560	49,52%	20,86%
8	Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine	1996	153	153	51,00%	2,05%
9	Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	2006	9	9	15,00%	0,12%
10	Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế	2009	15	15	8,33%	0,20%
11	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam	2005	70	68	9,18%	0,94%
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	2007	144	144	5,04%	1,93%
13	Công ty Cổ phần Tập đoàn HiPT	2007	63	63	9,79%	0,84%
14	Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	1998	10	10	10,00%	0,13%
15	Các khoản đầu tư tài chính khác		563	582		7,53%
Tổng cộng			7.478	7.558		100%

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2014

Năm 2014, để hoàn thành mục tiêu kinh doanh đã đặt ra, Tập đoàn tập trung thực hiện chiến lược phát triển bền vững, nâng cao tính chuyên nghiệp và tăng cường hợp tác nội bộ, khẳng định thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu Việt Nam của Bảo Việt thông qua các nhóm giải pháp sau:

- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định trong nội bộ nhằm thống nhất cơ chế quản trị trong Tập đoàn, nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả quản lý trong toàn hệ thống;
- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng tập trung hóa; hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin; đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển thương hiệu gắn với các sản phẩm, dịch vụ của Bảo Việt;
- Tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của Tập đoàn, cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ tài chính trọn gói; phát triển các sản phẩm mới, trong đó ưu tiên phát triển các sản phẩm cá nhân (bảo hiểm sức khỏe, y tế, xe cơ giới); củng cố kênh đại lý; phát triển kênh bán hàng qua ngân hàng, bán hàng trực tuyến, đẩy mạnh triển khai trung tâm dịch vụ khách hàng; tập trung khai thác các thị trường trọng điểm tại các thành phố lớn, các khu vực đông dân cư, đồng thời thực hiện nghiên cứu các thị trường mới để tìm kiếm các cơ hội mở rộng, phát triển kinh doanh;
- Trong hoạt động đầu tư, dịch vụ tài chính: Tập đoàn đã từng bước thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư phù hợp với tình hình biến động của thị trường để nâng cao hiệu quả đầu tư, đồng thời xây dựng chiến lược đầu tư trung và dài hạn, đón đầu những cơ hội trên thị trường để thực hiện đầu tư mang lại lợi nhuận tốt cho doanh nghiệp, đẩy mạnh các dịch vụ đầu tư, tư vấn tài chính;
- Triển khai các nội dung của đề án tái cấu trúc Tập đoàn theo đúng lộ trình đã được Bộ tài chính phê duyệt;
- Chủ động liên kết, hợp tác và tận dụng kinh nghiệm của cổ đông chiến lược thông qua việc triển khai Thỏa thuận Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực trên các lĩnh vực hoạt động kinh doanh truyền thống của Bảo Việt và là thế mạnh của cổ đông chiến lược mới để nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Tập đoàn. Trong năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt và cổ đông chiến lược Sumitomo Life đã ký Thỏa thuận Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực (TSCTA) giai đoạn 2 và hiện đang triển khai các đầu mục công việc theo tiến độ;
- Triển khai các hoạt động Kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt và tổ chức thành công Đại lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt ngày 15/01/2015;
- Về công tác hợp tác, tham mưu chính sách cho các cơ quan, ban ngành Nhà nước: Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu thị trường bảo hiểm, tài chính để có tham mưu, đề xuất với Bộ Tài chính làm lành mạnh hóa thị trường bảo hiểm; tham mưu cho các cơ quan, ban ngành Nhà nước liên quan để triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới như: sản phẩm bảo hiểm y tế, bảo hiểm hưu trí tự nguyện...
- Tóm lại, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã nỗ lực triển khai thành công những giải pháp đã đề ra để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được giao. Những kết quả này khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, phù hợp, hiệu quả của các giải pháp đã được Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tập đoàn đặt ra, đồng thời thể hiện sự cố gắng, quyết tâm cao của các đơn vị thành viên, cán bộ lãnh đạo, nhân viên trong toàn Tập đoàn.

MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2015

Mục tiêu và định hướng kinh doanh toàn Tập đoàn năm 2015

Trong bối cảnh nền kinh tế năm 2015 dự báo còn nhiều khó khăn, năm 2015, toàn Tập đoàn đặt mục tiêu Doanh thu hợp nhất ước đạt 18.910 tỷ đồng, xấp xỉ kết quả thực hiện của năm 2014. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất ước đạt 1.140 tỷ đồng.

Tổng doanh thu Công ty Mẹ năm 2015 dự kiến đạt xấp xỉ 1.316 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế phần đầu đạt mức 980 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ Công ty Mẹ dự kiến đạt 14,4%. Với tỷ suất lợi nhuận này, Tập đoàn Bảo Việt luôn đảm bảo nâng cao nguồn vốn tích lũy cho các bước phát triển tiếp theo của Tập đoàn cũng như mang lại lợi ích lâu dài và bền vững cho các cổ đông.

Các giải pháp trọng tâm năm 2015

Trong năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt xác định cần tập trung hoàn thành kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng Cổ đông giao, đẩy mạnh việc thực hiện đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm Bảo Việt, trong đó cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Xây dựng kế hoạch chiến lược 2016 - 2020 bám sát với diễn biến thị trường và đề án tái cấu trúc đã được Bộ Tài chính phê duyệt;
- Hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị nội bộ xuyên suốt toàn Tập đoàn theo hướng tăng cường vai trò điều phối của Công ty Mẹ, tạo ra sự kết nối bền chặt và phát huy tối đa nguồn lực của các đơn vị trong Tập đoàn; tập trung triển khai nâng cao hiệu quả các hoạt động kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, tuân thủ trên toàn hệ thống;
- Tập trung, ưu tiên vốn và các nguồn lực khác để đáp ứng nhu cầu vốn và yêu cầu tăng trưởng của các công ty con;
- Công nghệ thông tin (CNTT): tiếp tục hoàn thiện mô hình CNTT theo hướng trung tâm hạch toán phụ thuộc Công ty Mẹ cung cấp dịch vụ cho toàn hệ thống, đăng ký thêm lĩnh vực ngành nghề CNTT cho Tập đoàn để thực hiện việc cung cấp dịch vụ CNTT;
- Tiếp tục triển khai các hoạt động nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt hướng tới khách hàng và cán bộ nhân viên trong Tập đoàn;
- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác với đối tác chiến lược Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (SML), đẩy mạnh triển khai giai đoạn 2 Dự án Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực (TSCTA) với đối tác chiến lược SML;
- Tập trung phát triển sản phẩm mới, đa dạng, phù hợp với từng đối tượng khách hàng, từng địa bàn; Tập trung phát triển thị trường và mạng lưới; Xây dựng cơ chế phối hợp, bán chéo giữa các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn;
- Tăng cường quản lý rủi ro đối với hoạt động đầu tư lãi suất cố định và rủi ro nợ phí bảo hiểm; đẩy mạnh hoạt động thu hồi nợ xấu, nợ phí; hoàn thiện khung quản lý rủi ro đối với toàn Tập đoàn
- Đối với hoạt động bảo hiểm nhân thọ: tiếp tục hoàn thiện quá trình chuyên môn hóa và quản lý tập trung; nâng cao năng suất, chất lượng của hệ thống phân phối; nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; đa dạng hóa kênh phân phối; triển khai sản phẩm liên kết chung dành cho trẻ em, sản phẩm hưu trí tự nguyện;
- Đối với hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ: đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang mô hình quản lý tập trung với việc áp dụng thành công hệ thống công nghệ thông tin; đẩy mạnh phát triển các sản phẩm bán lẻ; kiện toàn hệ thống phân phối đại lý chuyên nghiệp;
- Đối với các hoạt động dịch vụ tài chính khác: chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm; tiếp tục tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng hệ thống kênh phân phối nhằm phát huy tối đa thế mạnh Tập đoàn, tăng cường bán chéo sản phẩm giữa các đơn vị.

Năm 2015 đánh dấu chặng đường 50 năm xây dựng và phát triển của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, toàn Tập đoàn cần tập trung kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy, nhân sự, mô hình kinh doanh, cơ chế chính sách; tăng cường năng lực tài chính thông qua thực hiện thành công kế hoạch tăng vốn điều lệ; khơi thông các nguồn lực trong toàn hệ thống thông qua thúc đẩy hoạt động bán chéo sản phẩm giữa các đơn vị thành viên trong Tập đoàn; hoàn thành xây dựng kế hoạch chiến lược của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt giai đoạn 2016 - 2020.

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Trải qua chặng đường hơn 50 năm hình thành và phát triển, Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt tự hào là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ lâu đời nhất và có quy mô vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường Việt Nam.



1 Ông Sasagawa Muneo
Thành Viên HĐQT

2 Ông Đậu Minh Lâm
Thành viên HĐQT

3 Ông Phan Kim Bằng
Chủ tịch HĐQT
Người đại diện theo pháp luật

4 Ông Nguyễn Xuân Hòa
Thành viên HĐQT

5 Ông Quách Thành Nam
Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám đốc

6 Ông Nguyễn Quang Hưng
Phó Tổng Giám đốc

7 Ông Trịnh Tuấn Anh
Kiểm soát viên trưởng

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Năm 2014, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt gặp nhiều khó khăn, thách thức. Ban Lãnh đạo Tổng Công ty đã nỗ lực để duy trì hoạt động kinh doanh ổn định và hoàn thành kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận do Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt giao.

Năm 2015 với mục tiêu kinh doanh: An toàn – Hiệu quả – Tăng trưởng, Bảo hiểm Bảo Việt quyết tâm thực hiện đổi mới toàn diện trong quản trị doanh nghiệp với mô hình quản lý tập trung, dựa trên nền tảng áp dụng công nghệ thông tin và lấy khách hàng làm trung tâm của mọi hoạt động kinh doanh.

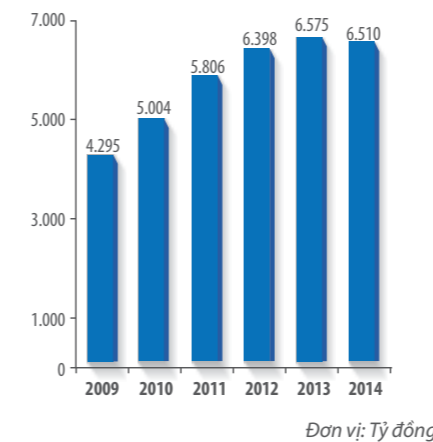
- Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đầu tiên có mặt trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.
- Dẫn đầu thị trường về thị phần doanh thu phí bảo hiểm giữ lại.
- Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có vốn điều lệ lớn nhất thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ với 2.000 tỷ đồng.
- 67 công ty thành viên và trên 300 phòng phục vụ khách hàng trên toàn quốc
- Hơn 3.000 cán bộ, nhân viên trên toàn quốc
- Danh mục sản phẩm đa dạng với 80 sản phẩm

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt là công ty thành viên được Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn, trong những năm vừa qua, Bảo hiểm Bảo Việt luôn nỗ lực không ngừng để thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của nhà bảo hiểm hàng đầu Việt Nam trong việc cung cấp sản phẩm bảo hiểm và tư vấn quản lý rủi ro cho khách hàng thuộc mọi đối tượng từ doanh nghiệp đến cá nhân, hộ gia đình. Với năng lực tài chính vững mạnh, chuyên môn nghiệp vụ cao và hợp tác chặt chẽ với các nhà tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm quốc tế hàng đầu, Bảo hiểm Bảo Việt có khả năng cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho mọi thành phần kinh tế, lĩnh vực hoạt động từ các công trình dự án quy mô lớn của Nhà nước đến các nhu cầu bảo hiểm của khách hàng cá nhân. Bên cạnh đó, Bảo hiểm Bảo Việt luôn chú trọng tới công tác hỗ trợ, giải quyết bồi thường cho khách hàng cũng như trong công tác an sinh xã hội, bảo đảm phát triển bền vững và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng.

Mục tiêu của Bảo hiểm Bảo Việt là giữ vững vị trí số 1 trong lĩnh vực bảo hiểm cá nhân và hộ gia đình, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, phát triển các sản phẩm bảo hiểm đa dạng ưu việt và phù hợp với nhu cầu của khách hàng cá nhân cũng như các doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, Bảo hiểm Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong việc triển khai mô hình kinh doanh theo định hướng quản lý tập trung, đa dạng hóa sản phẩm và kênh phân phối.



Tổng doanh thu



Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014

Kết quả kinh doanh năm 2014

Trong năm 2014, nhận định được các yếu tố không thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong những mảng kinh doanh chính của Bảo hiểm Bảo Việt, do đó, Tổng Công ty lựa chọn đặt trọng tâm vào quá trình chuyển đổi mô hình quản trị, tái cấu trúc, rà soát quy trình, quy chế quản trị nội bộ. Mặt khác, Tổng Công ty cũng chú trọng tới việc nâng cấp sản phẩm, không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ, tập trung cho công tác phát triển các sản phẩm bán lẻ và củng cố hệ thống đại lý, nhờ đó Tổng Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh khả quan và tăng trưởng nhất định:

Tổng doanh thu

Tổng doanh thu của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt năm 2014 đạt 6.510 tỷ đồng, xấp xỉ mức thực hiện năm 2013.

Tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 5.655 tỷ đồng, có mức tăng trưởng 0,94% so với năm 2013.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

Các nghiệp vụ của Bảo hiểm Bảo Việt hầu hết đều đạt tăng trưởng khả quan, Bảo hiểm Bảo Việt được khách hàng tin cậy nhờ hệ thống mạng lưới rộng lớn trên toàn quốc và dịch vụ hỗ trợ khách hàng, giải quyết bồi thường nhanh, chính xác, trong đó phải kể đến:

Bảo hiểm xe cơ giới năm 2014 đạt doanh thu 1.760 tỷ đồng chiếm thị phần 23%, dẫn đầu thị trường phi nhân thọ.

Bảo hiểm y tế và con người: doanh thu đạt 2.104 tỷ đồng, tăng trưởng 8,06%, hiện nay Bảo hiểm Bảo Việt là doanh nghiệp dẫn đầu thị trường về tổng doanh thu từ bảo hiểm y tế và sức khỏe. Dịch vụ chăm sóc khách hàng và bồi thường của Bảo hiểm Bảo Việt về mảng bảo hiểm y tế sức khỏe đã đảm bảo giải quyết thắc mắc quyền lợi cho khách hàng 24/7.

Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt đạt mức tăng trưởng doanh thu 13,3 % với doanh thu là 498 tỷ đồng.

Cơ cấu doanh thu theo khối khách hàng

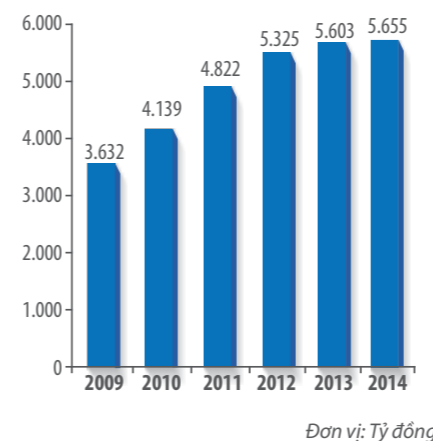
Doanh thu khối cá nhân vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, tăng trưởng 8,3% so với cùng kỳ 2013, đặc biệt là nhóm sản phẩm bảo hiểm Sức khỏe & Tai nạn có sự tăng trưởng tốt.

Lợi nhuận

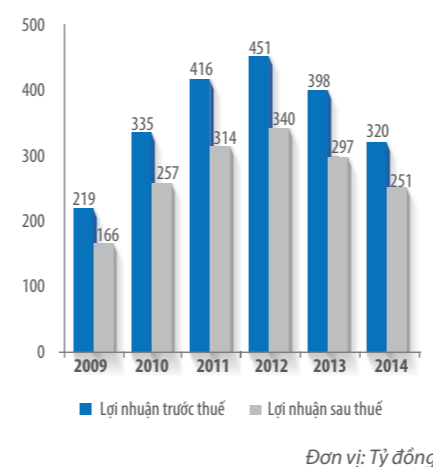
Cùng với doanh thu, lợi nhuận của Bảo hiểm Bảo Việt vẫn duy trì ở top đầu thị trường dù điều kiện kinh doanh khá khó khăn. Trong năm 2014, lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 320 và 251 tỷ đồng; đóng góp một phần không nhỏ vào bức tranh chung của lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt.

Để tăng cường hiệu quả kinh doanh, Bảo hiểm Bảo Việt đã áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro, đặc biệt đối với các sản phẩm bảo hiểm chi phí y tế và kênh môi giới. Do đó, năm 2014, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục kiểm soát được tỷ lệ bồi thường, kinh doanh có hiệu quả. Bên cạnh đó, với mục tiêu kinh doanh phát triển bền vững, năm 2014 Bảo hiểm Bảo Việt đã trích lập rông bổ sung quỹ dự phòng dao động lớn số tiền 90 tỷ đồng.

Tổng doanh thu phí BH gốc



Lợi nhuận



8.346

Tỷ đồng

Tổng tài sản tại 31/12/2014



7,8%

106%

Biên khả năng thanh toán tại 31/12/2014

1

Thị phần và doanh thu các sản phẩm bán lẻ trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2014

Quy mô và cơ cấu tài sản

Tổng tài sản của Bảo hiểm Bảo Việt tại thời điểm 31/12/2014 là 8.346 tỷ đồng, tăng 602 tỷ so với năm 2013. Trong đó tài sản ngắn hạn là 5.071 tỷ đồng, tài sản dài hạn là 3.275 tỷ đồng.

Trong bối cảnh lãi suất biến động giảm mạnh, cơ cấu tài sản của Bảo hiểm Bảo Việt vẫn giữ được độ ổn định qua các năm. Với mục tiêu ổn định, bền vững, Bảo hiểm Bảo Việt lựa chọn đầu tư vào tài sản có tính an toàn và thanh khoản cao, tuân thủ chặt chẽ các quy định của Tập đoàn và nhà nước về hoạt động đầu tư cho các doanh nghiệp bảo hiểm.

Nguồn lực tài chính

Thực hiện chủ trương và các quy định của Bộ Tài chính, Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện trích lập các quỹ dự phòng nghiệp vụ đầy đủ. Hiện nay Bảo hiểm Bảo Việt đang là doanh nghiệp phi nhân thọ có vốn điều lệ và quỹ dự phòng lớn nhất trong số các doanh nghiệp bảo hiểm, vốn điều lệ hiện tại của Bảo hiểm Bảo Việt là 2.000 tỷ đồng. Nguồn vốn chủ sở hữu thể hiện đầy đủ năng lực tài chính vững mạnh của Tổng Công ty.

Tại ngày 31/12/2014, biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt đạt 106%, đáp ứng các nghĩa vụ trong ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp bảo hiểm.

Tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2014

Giữ vững vị trí số 1 trên thị trường ở các mảng nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân

Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục duy trì vị thế vững mạnh, hàng đầu về thị phần và doanh thu ở các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân như bảo hiểm y tế và tai nạn con người, bảo hiểm xe cơ giới. Chất lượng dịch vụ, khâu giải quyết bồi thường chặt chẽ nhưng luôn đảm bảo nhanh chóng và triệt để, phù hợp là một trong những ưu điểm của các sản phẩm cá nhân của Bảo hiểm Bảo Việt.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của nhà bảo hiểm, đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm

Trong năm 2014, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng trước, trong và sau bán hàng, tận tình hỗ trợ khách hàng từ khâu tư vấn sản phẩm cho đến khâu giải quyết, chi trả bồi thường.

Đồng thời, Bảo hiểm Bảo Việt luôn quan tâm thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của nhà bảo hiểm hàng đầu Việt Nam khi nhanh chóng hỗ trợ, giải quyết và chi trả tiền bồi thường cho các nạn nhân và doanh nghiệp trong các vụ tai nạn lớn (như vụ tai nạn xe tại Sa Pa – Lào Cai, các doanh nghiệp FDI bị thiệt hại tại tỉnh Đồng Nai, Bình Dương...); qua đó thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm đối với cộng đồng và góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp ổn định, phát triển sản xuất – kinh doanh.

Đồng hành cùng ngư dân trong Chương trình Bảo hiểm khai thác thủy sản theo Nghị định số 67 của Chính phủ, góp phần phát triển ngành thủy sản của đất nước

Là một trong bốn doanh nghiệp bảo hiểm được Bộ Tài chính tin tưởng lựa chọn, Bảo hiểm Bảo Việt luôn ý thức và nỗ lực để thực hiện tốt nhất vai trò tiên phong và trách nhiệm của mình trong việc triển khai bảo hiểm khai thác thủy sản, góp phần hỗ trợ ngư dân và chủ tàu ổn định cuộc sống, yên tâm bám biển và phát triển hoạt động khai thác thủy sản xa bờ. Bảo hiểm Bảo Việt đã và đang tích cực triển khai kế hoạch tập huấn, đào tạo về sản phẩm cho các công ty thành viên tham gia chương trình này.

Hợp tác với các bệnh viện tại các thành phố lớn cung cấp dịch vụ bảo lãnh chi phí y tế cao cấp với khả năng thanh toán lên đến 1 tỷ đồng/năm

Với nhiều quyền lợi khám chữa bệnh ngoại trú và nội trú vượt trội, các gói sản phẩm đa dạng, chi phí hợp lý và phù hợp với nhu cầu sử dụng của khách hàng, Bảo hiểm Bảo Việt mong muốn đem lại cho khách hàng dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, theo tiêu chuẩn quốc tế, giúp giảm nhẹ gánh nặng tài chính và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng.

Đẩy mạnh triển khai mô hình kinh doanh theo định hướng Quản lý tập trung dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, tối ưu

Là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm đi tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ công tác quản lý tập trung và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Năm 2014, Bảo hiểm Bảo Việt đã xây dựng và nâng cấp thành công phiên bản mới cho các phần mềm Quản lý nghiệp vụ, Quản lý hồ sơ hình ảnh, Quản lý đại lý, phần mềm Kế toán... Bảo hiểm Bảo Việt hiện đang tích cực nghiên cứu triển khai các kênh phân phối mới và phần mềm quản lý tập trung tại 67 tỉnh thành trên toàn quốc.

Định hướng kinh doanh 2015

Năm 2015, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ được dự báo tiếp tục đà tăng trưởng ổn định, Bảo hiểm Bảo Việt đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, với châm ngôn kinh doanh: AN TOÀN – HIỆU QUẢ - TĂNG TRƯỞNG, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu đạt 6.768 tỷ đồng; tăng trưởng 4% so với năm 2014.
- Tổng doanh thu bảo hiểm đạt 6.417 tỷ đồng, tăng trưởng 5% so với năm 2014
- Tổng doanh thu bảo hiểm gốc đạt 5.848 tỷ đồng, tăng trưởng 3,4% so với năm 2014
- Lợi nhuận trước thuế đạt 331 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 258 tỷ đồng.

Để đạt được những mục tiêu tài chính cụ thể trên, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ chú trọng thực hiện những nhóm giải pháp trọng tâm sau:

Định vị chiến lược, giữ vững vị thế trên thị trường bảo hiểm

Năm 2015, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục thực hiện định vị chiến lược là doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu thị trường phi nhân thọ, giữ vững vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực bảo hiểm cá nhân và hộ gia đình.

Mô hình kinh doanh hiệu quả bằng việc áp dụng mô hình tập trung hóa

Thành công trong những năm gần đây của mô hình tập trung hóa đã phần nào khẳng định được định hướng đúng đắn và hiệu quả của mô hình đó. Do đó năm 2015, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ tiếp tục đẩy nhanh việc chuyển đổi mô hình kinh doanh và áp dụng công nghệ thông tin để tăng cường củng cố mô hình quản lý tập trung, xuyên suốt cho toàn bộ hệ thống Tổng Công ty và các 67 đơn vị công ty thành viên.

6.768

Tỷ đồng

Tổng doanh thu năm 2015



3,9%

331

Tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế năm 2015



3,5%

Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng

Chất lượng sản phẩm và dịch vụ là yếu tố sống còn của doanh nghiệp. Năm 2015, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục rà soát và nâng cao hiệu quả của sản phẩm. Triển khai khảo sát để đánh giá chính xác sự hài lòng của khách hàng. Tập trung chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng từ khai thác đến các dịch vụ sau bán hàng, đặc biệt là hoạt động giải quyết bồi thường cho khách hàng cá nhân được nhanh chóng, hiệu quả và đảm bảo được độ chặt chẽ, chính xác trên góc độ quản lý.

Tính tuân thủ nâng cao nhằm hướng đến mục tiêu kinh doanh an toàn

Rủi ro tuân thủ là một khái niệm khá mới trên thị trường Việt Nam, tuy nhiên với sự hỗ trợ của đối tác chiến lược Sumitomo Life cùng với sự quyết tâm của Hội đồng thành viên cũng như Ban Giám đốc Tổng Công ty, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ tăng cường củng cố và nâng cao việc đào tạo nhân lực, tăng cường nhận thức về rủi ro tuân thủ trong hệ thống đối với đội ngũ cán bộ nhân viên, tư vấn viên trên toàn hệ thống.

Tăng cường quản lý rủi ro

Bảo hiểm Bảo Việt hiện nay đang áp dụng trong việc kiểm soát rủi ro và cấp đơn bảo hiểm nhằm giảm tỷ lệ bồi thường và trực lợi bảo hiểm. Ngoài ra, việc quản lý các rủi ro đầu tư, rủi ro hoạt động của doanh nghiệp, rủi ro thông tin cũng sẽ được đẩy mạnh hơn nữa trong năm 2015.

6.417

Tỷ đồng

Tổng doanh thu bảo hiểm năm 2015



5%



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	5.071	5.373
Tiền	150	175
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.244	2.592
Các khoản phải thu	1.156	1.272
Hàng tồn kho	15	14
Tài sản ngắn hạn khác	333	36
Tài sản tái bảo hiểm	1.173	1.284
TÀI SẢN DÀI HẠN	3.275	2.371
Các khoản phải thu dài hạn	23	24
Tài sản cố định	800	770
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.402	1.526
Tài sản dài hạn khác	50	51
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	8.346	7.744
NỢ PHẢI TRẢ	6.256	5.666
Nợ ngắn hạn	1.807	1.470
Nợ dài hạn	37	23
Dự phòng nghiệp vụ	4.412	4.173
VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.090	2.078
Vốn đầu tư của công ty mẹ	2.000	2.000
Quý dự trữ bắt buộc	90	78
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	8.346	7.744

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2014	2013
Tổng doanh thu	6.510	6.575
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	6.111	6.171
Doanh thu hoạt động tài chính	390	400
Doanh thu khác	9	5
Phí tái bảo hiểm và các khoản giảm trừ	(1.263)	(1.525)
Doanh thu thuần	5.247	5.050
Tổng chi phí	(4.927)	(4.652)
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(4.277)	(4.107)
Chi phí hoạt động tài chính	(83)	(66)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(565)	(476)
Chi phí khác	(3)	(3)
Lợi nhuận trước thuế	320	398
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(69)	(101)
Lợi nhuận sau thuế	251	297

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Với vai trò là Doanh nghiệp tiên phong khai mở thị trường bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam, Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ đã mang tới những giải pháp tài chính an toàn cho các gia đình Việt Nam trong suốt gần 19 năm qua. Năm 2014, nhờ phát huy sức mạnh tổng thể trong lĩnh vực kinh doanh, Bảo Việt Nhân thọ đã có bước phát triển vượt bậc về tất cả các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh, hoàn thành xuất sắc kế hoạch tổng doanh thu, doanh thu khai thác mới và lợi nhuận với mức tăng trưởng cao.



Ông Nguyễn Thanh Hải
Thành viên HĐQT

Ông Trịnh Minh Hoàng
Thành viên HĐQT

Bà Thân Hiến Anh
Chủ tịch HĐQT
Người đại diện theo pháp luật

Ông Yukihira Yoshiharu
Thành viên HĐQT

Ông Phạm Ngọc Sơn
Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám đốc

Ông James Richardson Hay-
Giám đốc Actuary

Bà Nguyễn Thị Lâm Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Tâm
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Quang
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thăng
Kiểm soát viên trưởng

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Năm 2014, nhờ phát huy sức mạnh tổng thể trong lĩnh vực kinh doanh, Bảo Việt Nhân thọ đã có bước phát triển vượt bậc về tất cả các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh, hoàn thành xuất sắc kế hoạch tổng doanh thu, doanh thu khai thác mới và lợi nhuận với mức tăng trưởng cao.

Bảo Việt Nhân thọ khẳng định cam kết mang đến cho khách hàng tại Việt Nam những sản phẩm, dịch vụ tài chính với chất lượng tốt nhất. Năm 2015, mục tiêu chính của Bảo Việt Nhân thọ là tăng trưởng, hiệu quả và bền vững, nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Bảo Việt Nhân thọ, tiếp tục nghiên cứu đưa ra thị trường các giải pháp bảo hiểm mới tiên tiến đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, đa dạng hóa kênh phân phối, chuẩn bị nền tảng xây dựng kế hoạch chiến lược cho giai đoạn 2016-2020.

Doanh nghiệp tiên phong khai mở thị trường bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam.

Đứng đầu thị trường về năng suất khai thác mới của Tư vấn viên.

Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có quy mô vốn điều lệ lớn nhất thị trường: 2.000 tỷ đồng.

60 Công ty thành viên và 300 phòng khu vực trên toàn quốc

1.627 cán bộ

51.780 tư vấn viên

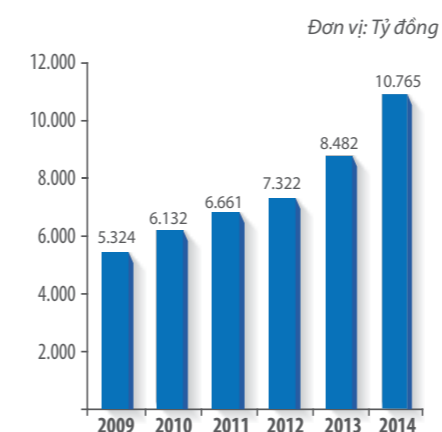
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là Công ty thành viên 100% vốn của Tập đoàn Bảo Việt, Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam. Tự hào là doanh nghiệp tiên phong khai mở thị trường, trong suốt gần 19 năm hình thành và phát triển, Bảo Việt Nhân thọ liên tục khẳng định là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực Bảo hiểm nhân thọ. Kết quả trên thật tự hào hơn nữa khi Bảo Việt Nhân thọ là doanh nghiệp Việt Nam duy nhất tham gia vào thị trường cùng 16 doanh nghiệp Bảo hiểm nhân thọ nước ngoài. Trong năm 2014, Bảo Việt Nhân thọ đạt doanh thu 10.765 tỷ đồng với xấp xỉ 2.100 tỷ doanh thu khai thác mới, đạt mức tăng trưởng 31% cao hơn mức tăng trưởng chung của thị trường là 26,3%.

Kết quả trên đã minh chứng cho sự tin tưởng ngày càng cao của Quý khách hàng đối với Bảo Việt Nhân thọ. Năm 2014 vừa qua cũng là năm Bảo Việt Nhân thọ được các cơ quan chính phủ ghi nhận là doanh nghiệp bảo hiểm đứng đầu thị trường về đóng góp thuế thu nhập doanh nghiệp cho ngân sách quốc gia, doanh nghiệp đạt giải Thương hiệu mạnh và là một trong 30 doanh nghiệp tiêu biểu được Lãnh đạo Nhà nước vinh danh vì có những đóng góp tích cực cho các hoạt động cộng đồng vì trẻ em năm 2014.

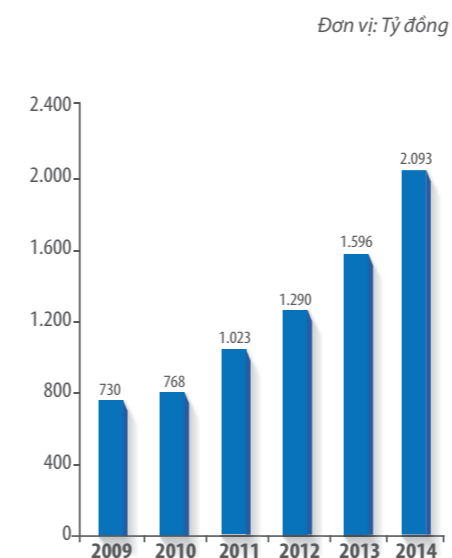
Trong 19 năm qua (1996-2015), Bảo Việt Nhân thọ tự hào đã hoạch định kế hoạch tài chính và bảo vệ cho trên 5 triệu khách hàng, chi trả quyền lợi bảo hiểm và đáo hạn cho khách hàng với tổng giá trị gần 30.000 tỷ đồng. Hiện tại, giỏ sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ cung cấp cho khách hàng lựa chọn phong phú với gần 50 sản phẩm các loại, đặc biệt dòng sản phẩm liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ liên tục qua nhiều năm liền giữ vững vị trí là dòng sản phẩm hấp dẫn nhất trên thị trường với tỷ lệ lãi suất cam kết cao và quyền lợi đảm bảo linh hoạt. Các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ đạt tiêu chuẩn quốc tế và được địa phương hóa trên cơ sở am hiểu sâu sắc những nhu cầu của người dân Việt Nam nhằm mang lại những giá trị cao nhất cho Khách hàng.



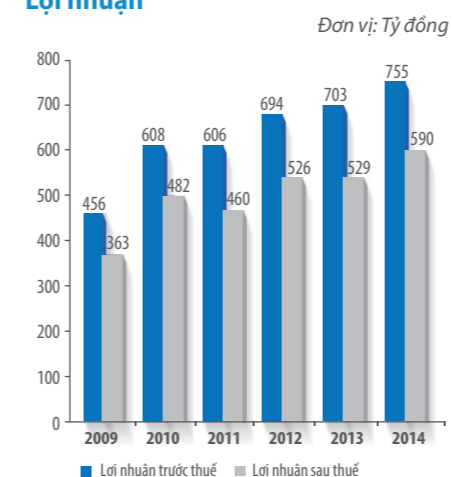
Tổng doanh thu



Doanh thu khai thác mới



Lợi nhuận



Kết quả hoạt động kinh doanh 2014

Kết quả kinh doanh năm 2014

Năm 2014, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh, với mức tăng trưởng cao về doanh thu, lợi nhuận so với năm 2013 nhờ phát huy sức mạnh tổng thể trong lĩnh vực kinh doanh, tăng cường tập trung hóa các mặt hoạt động, nâng cao năng suất lao động, tập trung đầu tư và phát triển đội ngũ cán bộ đồng thời nâng cao chất lượng của tư vấn viên.

Tổng doanh thu

Tổng doanh thu của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ năm 2014 đạt 10.765 tỷ đồng, hoàn thành 117% kế hoạch năm 2014, tăng 26,9% so với năm 2013, trong đó:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 7.959 tỷ đồng, hoàn thành 114,7% kế hoạch năm 2014, tăng trưởng 26,2% so với năm 2013. Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục là doanh nghiệp chiếm thị phần tổng doanh thu dẫn đầu trên thị trường.

Doanh thu tài chính đạt 2.801 tỷ đồng, hoàn thành 124,5% kế hoạch năm 2014, tăng trưởng 29,1% so với năm 2013. Hoạt động đầu tư an toàn, hiệu quả, chất lượng tài sản đầu tư ngày càng được nâng cao.

Doanh thu khai thác mới

Doanh thu khai thác mới quy năm là 2.093 tỷ đồng, tăng trưởng là 31% so với năm 2013, mức tăng trưởng trên cao hơn mức tăng của toàn thị trường là 26,3%. Con số tăng trưởng kể trên được tiếp nối đà tăng trưởng từ những năm trước đây (2012, 2013) với doanh thu khai thác mới luôn tăng trưởng trên 24%.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung và sản phẩm truyền thống là các dòng sản phẩm đóng góp chính cho tổng doanh thu phí. Đặc biệt sản phẩm bảo hiểm liên kết chung là dòng sản phẩm đáp ứng đa dạng các nhu cầu của khách hàng, đảm bảo đồng thời 3 yếu tố tiết kiệm, bảo vệ và đầu tư, có sức hấp dẫn lớn đối với khách hàng. Đây cũng là dòng sản phẩm hấp dẫn nhất trên thị trường với tỷ lệ lãi suất cam kết cao và quyền lợi đảm bảo linh hoạt. Dòng sản phẩm hỗn hợp đã phát triển và triển khai lâu năm nên vẫn luôn chiếm tỷ trọng khá lớn. Các dòng sản phẩm khác tiếp tục đóng góp vào tăng trưởng doanh thu của Bảo Việt Nhân thọ.

Lực lượng tư vấn viên

Tổng số tư vấn viên trong toàn hệ thống tiếp tục tăng theo các tháng và đạt 51.780 người tại thời điểm 31/12/2014, tăng 53% so với thời điểm cuối năm 2013 (33.852 người)

Lợi nhuận

Cùng với doanh thu, lợi nhuận của Bảo Việt Nhân thọ cũng tăng trưởng ổn định qua các năm và đến năm 2014 lợi nhuận trước thuế đạt 755 tỷ đồng, hoàn thành 102% kế hoạch năm 2014, tăng trưởng 7,4% so với năm 2013, tiếp tục đóng góp lớn vào lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ năm 2014 là 29,5%. Năm 2013 tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ là 26,5%.

29,5%



3%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ năm 2014

30.628



15%

Tỷ đồng

Tổng nguồn vốn năm 2014

144%

Biên khả năng thanh toán tại 31/12/2014

Quy mô và cơ cấu tài sản

Tổng tài sản của Bảo Việt Nhân thọ tăng ổn định qua các năm. Đến cuối năm 2014, tổng tài sản là 30.628 tỷ đồng, tăng 3.980 tỷ đồng (15%) so với năm 2013. Trong đó, tài sản ngắn hạn là 6.414 tỷ đồng, tăng 1.637 tỷ đồng (34%); tài sản dài hạn là 24.214 tỷ đồng, tăng 2.344 tỷ đồng (11%).

Cơ cấu tài sản của Bảo Việt Nhân thọ luôn ổn định qua các năm. Năm 2014, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản là các khoản đầu tư tài chính dài hạn (77%), tiếp đến là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (13%), phải thu khách hàng (5%); tiền và các khoản tương đương tiền (3%). Bảo Việt Nhân thọ chủ yếu đầu tư vào tài sản dài hạn, có tính an toàn cao, cụ thể là trái phiếu và tiền gửi dài hạn theo đúng các yêu cầu của Bộ Tài chính đối với lĩnh vực hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ. Tổng số tiền Bảo Việt Nhân thọ đầu tư trở lại nền kinh tế chiếm tỷ trọng cao trong tổng vốn đầu tư toàn ngành bảo hiểm nhân thọ.

Nguồn lực tài chính

Tổng nguồn vốn có xu hướng tăng qua các năm, Bảo Việt Nhân thọ trích lập dự phòng nghiệp vụ đầy đủ, đúng theo luật định.

Tại ngày 31/12/2014, Biên khả năng thanh toán của Bảo Việt nhân thọ đạt 144%. Biên khả năng thanh toán theo đúng các quy định của Bộ Tài chính và đạt mức trên 100% khẳng định Bảo Việt nhân thọ đáp ứng tốt các nghĩa vụ trong cả ngắn hạn và dài hạn của mình.

Tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2014

Chú trọng công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới

Nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, trong năm 2014 Bảo Việt Nhân thọ đã triển khai Gói sản phẩm An Tâm Miễn Phí - sản phẩm bổ trợ quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng nhằm hỗ trợ tài chính toàn diện nhất cho khách hàng trong trường hợp không may xảy ra rủi ro. Bên cạnh đó, Bảo Việt Nhân thọ cũng đang triển khai thiết kế sản phẩm bảo hiểm hưu trí với mong muốn mang tới cho các Doanh nghiệp tổ chức và người lao động một giải pháp tài chính hiệu quả, linh hoạt và phù hợp nhất với người dân Việt Nam.

Hiện tại, giỏ sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ cung cấp cho khách hàng lựa chọn phong phú với gần 50 sản phẩm các loại.

Chất lượng dịch vụ khách hàng được nâng cao

Chất lượng dịch vụ khách hàng được nâng cao và có sự tiến bộ vượt bậc so với năm 2013, được thể hiện rõ thông qua các chỉ tiêu: tỷ lệ thu phí, tỷ lệ tái tục hợp đồng ...

Bên cạnh đó, Bảo Việt Nhân thọ cũng chú trọng hoàn thiện các quy trình và các chương trình quản lý để đảm bảo việc cung cấp các dịch vụ tới khách hàng được nhanh chóng, chính xác và thuận tiện, chủ động truyền thông tới khách hàng về công tác dịch vụ khách hàng để khách hàng thật sự hiểu và nắm rõ các quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tham gia bảo hiểm.

50

Sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ

51.780



53%

Tư vấn viên

Số lượng tư vấn viên tại 31/12/2014

11.198



4%

Tỷ đồng

Tổng doanh thu năm 2015

Xây dựng đội ngũ cán bộ, tư vấn viên chuyên nghiệp, hiện đại

Với tư tưởng “con người là nòng cốt”, công tác tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện đội ngũ cán bộ, tư vấn viên luôn được quan tâm sâu sát. Các chương trình đào tạo liên tục được cập nhật, đổi mới, quy trình, chính sách được rà soát thường xuyên đóng góp đáng kể trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, tư vấn viên chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn tốt, mang tới cho khách hàng chất lượng phục vụ ngày càng cao.

Mô hình quản trị tập trung ngày càng phát huy hiệu quả

Mô hình quản lý tập trung sau 6 năm triển khai và áp dụng thành công trong toàn hệ thống đã góp phần nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ trên tất cả các phương diện: phát triển kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, chất lượng sản phẩm và dịch vụ chăm sóc khách hàng.v.v. Công tác quản trị rủi ro, quản lý tài sản được chú trọng thực hiện. Đến nay, Bảo Việt Nhân thọ có thể điều động và sử dụng sức mạnh toàn hệ thống phục vụ cho mục tiêu chung một cách hiệu quả, phát huy điểm mạnh của mạng lưới rộng khắp.

Tổ chức thành công các Hội nghị tri ân khách hàng trên tại 60 Công ty thành viên trên toàn quốc

Nhân dịp 18 năm khai mở thị trường bảo hiểm nhân thọ và 50 năm thành lập Bảo Việt, Bảo Việt Nhân thọ đã tổ chức chuỗi Chương trình khuyến mại tri ân khách hàng “Quà tặng mừng, mừng sinh nhật”, “Vui xuân sang, đón lộc vàng” trên toàn quốc. Các chương trình đã tạo ấn tượng tốt trong tất cả các khách hàng đến tham dự về hình ảnh, uy tín và niềm tin dành cho thương hiệu, qua đó góp phần nâng cao doanh thu khai thác mới trên toàn hệ thống.

Định hướng kinh doanh 2015

Với tiềm lực tài chính ổn định và vững chắc, trên nền tảng kết quả kinh doanh liên tục tăng trưởng cao trong những năm qua, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục hướng tới mục tiêu tăng trưởng doanh thu và chất lượng hoạt động trong năm 2015, cụ thể với các mục tiêu sau:

- Tổng doanh thu đạt 11.198 tỷ đồng, tăng trưởng 4% so với năm 2014.
- Doanh thu khai thác mới đạt 2.334 tỷ đồng, tăng trưởng 11,5% so với năm 2014.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 811 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 630 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt là 7,4% và 6,9% so với năm 2014.

Để đạt được các mục tiêu tiếp tục tăng trưởng và phát triển, chiến lược kinh doanh trong năm 2015 sẽ tập trung vào định hướng phát triển hệ thống phân phối đa kênh, phủ kín địa bàn trên 60 tỉnh thành cả nước.

Đẩy mạnh tuyển dụng, phát triển mạng lưới đại lý

Với kế hoạch tuyển mới đại lý đông về lượng và mạnh về chất trong năm 2015, lực lượng đại lý sẽ được gia tăng, đáp ứng nhu cầu mang sản phẩm bảo hiểm tới mọi đối tượng khách hàng trên toàn quốc. Công tác giám sát chất lượng tuyển dụng, đào tạo và hỗ trợ các đại lý cũng sẽ được tăng cường để thúc đẩy chất lượng tư vấn của các đại lý.

2.334

Tỷ đồng

Tổng doanh thu khai thác mới năm 2015



11,5%

811

Tỷ đồng

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2015



7,4%

28.000

Tư vấn viên

Số lượng tư vấn viên tuyển mới năm 2015



Phát triển kênh phân phối mới, tăng cường hợp tác

Bên cạnh kênh phân phối truyền thống, Bảo Việt Nhân thọ cũng tiếp tục đẩy mạnh triển khai hai kênh phân phối bancassurance và telasales, đa dạng hóa hình thức bán hàng cũng như tăng cường tư vấn cho các khách hàng về các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ. Định hướng triển khai hợp tác với các ngân hàng uy tín hàng đầu trên thị trường hứa hẹn sẽ mang tới nhiều sản phẩm phù hợp và chất lượng dịch vụ cao cho phân khúc khách hàng có thu nhập cao ở các thành phố lớn.

Tiếp tục kiện toàn mô hình quản trị

Theo hướng tập trung hóa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, công tác quản trị rủi ro, quản lý tài sản... được chú trọng thực hiện nhằm đảm bảo tính ổn định về tiềm năng tài chính, đảm bảo quyền lợi cho các khách hàng và các cổ đông.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Tận dụng tối đa ứng dụng công nghệ thông tin để đa dạng hóa các hình thức chăm sóc khách hàng, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người dân. Sau hơn 1 năm triển khai call center, bước sang năm 2015 các dịch vụ giải đáp, tư vấn mới sẽ được triển khai, đáp ứng tối đa và kịp thời các nhu cầu về tư vấn cho các khách hàng.

Phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường

Chiến lược sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ là phát triển các sản phẩm bảo hiểm phù hợp với nhu cầu và đem lại giá trị cao cho khách hàng, tạo ra sự phát triển bền vững và lợi nhuận cho doanh nghiệp đồng thời phát huy thế mạnh của Tập đoàn Bảo Việt, tạo sự khác biệt và nâng cao vị thế của doanh nghiệp trên thị trường. Năm 2015, Bảo Việt Nhân thọ sẽ triển khai bán sản phẩm bảo hiểm Hưu trí tự nguyện, là một sản phẩm mang tính chiến lược lâu dài, phù hợp với định hướng chiến lược chung của Chính phủ và các Bộ tài chính trong việc phát triển một hệ thống hưu trí đa trụ cột tại Việt Nam. Bên cạnh đó, các sản phẩm bảo hiểm truyền thống, các sản phẩm có tính bảo vệ cao (như bảo hiểm tai nạn, nằm viện, phẫu thuật, bệnh lý nghiêm trọng...) và các sản phẩm bán cho nhóm sẽ được tăng cường.

Tăng cường giao lưu và hợp tác quốc tế

Trong năm 2015, thỏa thuận chuyển giao năng lực kỹ thuật với Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo, Nhật Bản tiếp tục được thực hiện. Việc học tập những kinh nghiệm quý báu trong các lĩnh vực phát triển các sản phẩm nhân thọ mới, triển khai các sản phẩm qua các loại hình kênh phân phối đa dạng, chiến lược quản lý tài sản, quản trị doanh nghiệp tiên tiến, công nghệ thông tin, đào tạo, quản lý rủi ro, quản lý tài sản... cũng đã và sẽ góp phần thúc đẩy quá trình tăng trưởng, phát triển và chiếm lĩnh thị trường trong nước.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	6.414	4.778
Tiền và các khoản tương đương tiền	858	742
Các khoản đầu tư ngắn hạn	3.995	2.604
Các khoản phải thu	1.510	1.389
Hàng tồn kho	15	16
Tài sản ngắn hạn khác	36	27
TÀI SẢN DÀI HẠN	24.214	21.870
Tài sản cố định	598	551
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	23.562	21.239
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	33	50
Tài sản dài hạn khác	21	30
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	30.628	26.648
NỢ PHẢI TRẢ	28.260	24.436
Nợ ngắn hạn	3.950	4.332
Nợ dài hạn	111	85
Dự phòng nghiệp vụ	24.199	20.019
VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.368	2.212
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.000	2.000
Lợi nhuận để lại và các quỹ	368	212
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	30.628	26.648

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2014	Năm 2013
Tổng doanh thu	10.765	8.482
Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm	7.959	6.306
Doanh thu từ hoạt động tài chính	2.801	2.170
Doanh thu từ hoạt động khác	5	6
Tổng chi phí	(10.010)	(7.779)
Chi phí từ hoạt động bảo hiểm	(8.297)	(6.385)
Chi phí từ hoạt động tài chính	(784)	(630)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(929)	(764)
Chi phí khác	(0,1)	(0,1)
Lợi nhuận trước thuế	755	703
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(158)	(167)
Quỹ dự phòng bảo đảm cân đối	(8)	(7)
Lợi nhuận sau thuế	590	529

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT



ÔNG ĐẶNG MINH LÂM
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Năm 2014 được coi là năm bản lề cho sự phát triển mạnh mẽ của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt. Với kết quả kinh doanh khả quan, cùng chất lượng hoạt động đầu tư ngày càng được nâng cao, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã, đang và sẽ đảm nhiệm tốt vai trò là một trong ba trụ cột kinh doanh chính của Tập đoàn Bảo Việt, đồng thời đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng.

Hướng tới năm 2015, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư, quy trình rủi ro, đồng thời tập trung nghiên cứu và triển khai các tài sản đầu tư, sản phẩm tài chính mới để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và phát huy sức mạnh tổng hợp của Tập đoàn.

Thành lập tháng 11/2005, đến nay sau gần một thập kỷ hoạt động trên thị trường tài chính – bảo hiểm, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt (Baoviet Fund) đã và đang khẳng định được vị thế là một trong những nhà đầu tư tài chính chuyên nghiệp hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam với quy mô tổng tài sản quản lý lên tới hơn 20.000 tỷ đồng. Lĩnh vực hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt bao gồm dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán. Với kinh nghiệm quản lý nguồn vốn lớn và dài hạn, cùng khả năng cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng, trọn gói theo chuẩn mực quốc tế, Công ty Quản lý Quỹ cam kết mang đến lợi ích cao nhất cho các Nhà đầu tư và khách hàng.

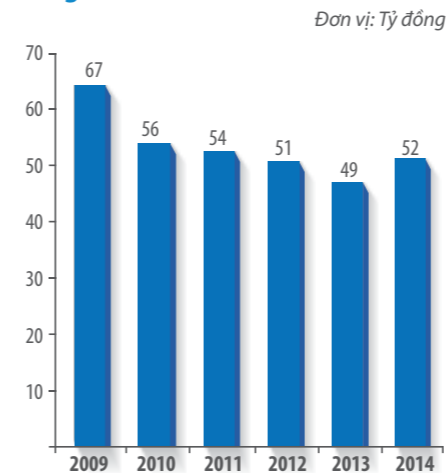
Tổng tài sản quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 20.691 tỷ đồng, nằm trong top 2 công ty quản lý quỹ có tài sản quản lý lớn nhất tại Việt Nam.

Hiện nay, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đang quản lý 5 danh mục và 1 quỹ mở.

Quỹ đầu tư Cổ phiếu năng động Bảo Việt (BVFED) là quỹ mở đầu tiên trên thị trường triển khai hình thức giao dịch điện tử, tạo sự thuận lợi tối đa cho khách hàng tham gia đầu tư.



Tổng doanh thu



Kết quả hoạt động kinh doanh 2014

Kết quả kinh doanh năm 2014

Trước điều kiện thị trường còn nhiều biến động và những khó khăn chung của ngành quản lý quỹ, năm 2014 Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt vẫn đạt được kết quả kinh doanh ổn định và khả quan, cụ thể như sau:

Tổng tài sản quản lý

Tại thời điểm 31/12/2014 tổng tài sản quản lý của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt là 20.691 tỷ đồng, tăng 2,2% so với năm 2013, giúp công ty trở thành một trong hai công ty có tài sản quản lý lớn nhất thị trường.

Tổng doanh thu

Tổng doanh thu của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đạt 51,6 tỷ đồng, vượt 25,2% so với kế hoạch công ty đề ra cho năm 2014.

Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đạt 12,4 tỷ đồng vượt 76% so với kế hoạch công ty đề ra cho năm 2014.

Chỉ tiêu tài chính

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 24,8%, đây là chỉ tiêu khá cao khi so sánh chung với mặt bằng thị trường.

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại thời điểm 31/12/2014 đạt 336%, gấp đôi chỉ tiêu do Bộ Tài chính quy định.

Tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2014

Hoạt động đầu tư được triển khai hiệu quả, đáp ứng kỳ vọng của khách hàng

Hoạt động đầu tư cho các danh mục của khách hàng năm 2014 được Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt triển khai trên nguyên tắc cẩn trọng, linh hoạt. Song song với việc kiểm soát tốt các rủi ro đầu tư, công ty liên tục tìm kiếm và chủ động đề xuất các cơ hội đầu tư mới, thời điểm thay đổi cơ cấu danh mục để mang đến hiệu quả đầu tư tốt nhất cho danh mục. Tăng trưởng NAV của danh mục cổ phiếu do công ty quản lý có mức tăng trưởng cao hơn so với thị trường. Đối với hoạt động đầu tư lãi suất cố định, bằng việc sử dụng nghiệp vụ tái cơ cấu kỳ hạn danh mục và thực hiện các nghiệp vụ gia tăng giá trị danh mục, công ty đã mang lại hiệu quả cao cho danh mục trái phiếu của khách hàng.

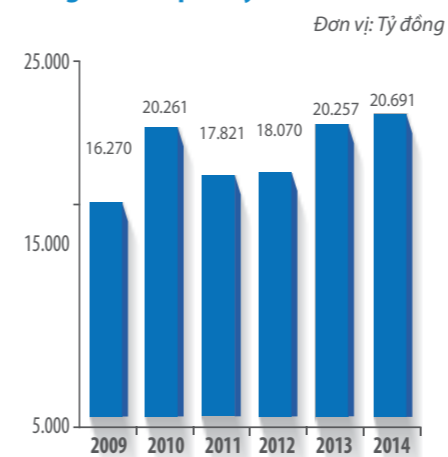
Triển khai và hoàn thiện hoạt động của Quỹ BVFED, bước đầu xây dựng hệ thống kênh phân phối rộng khắp

Trong năm 2014, công ty đã tập trung hoàn thiện các quy trình hoạt động của Quỹ BVFED, đồng thời đẩy mạnh hoạt động phân phối để tăng quy mô quỹ. Ngoài ra, công tác phát triển kênh phân phối, dịch vụ trực tuyến cho Quỹ BVFED đã được định hình và sẽ được triển khai mạnh mẽ hơn trong năm 2015.

Công tác chăm sóc khách hàng ngày càng được hoàn thiện, nhận được sự hài lòng của khách hàng

Song song với kết quả đầu tư tốt, chất lượng dịch vụ khách hàng của công ty ngày càng được nâng cao. Bên cạnh hệ thống các báo cáo được cập nhật đầy đủ và thường xuyên, công ty còn chủ động khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng, đưa ra các cấp độ thông tin thị trường và danh mục để gửi tới khách hàng.

Tổng tài sản quản lý



336%

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng năm 2014

Duy trì đội ngũ nhân sự chất lượng cao, chuyên nghiệp

Công tác tuyển dụng, đào tạo cán bộ luôn được quan tâm sâu sát. Các chương trình đào tạo kỹ năng nghiệp vụ được công ty triển khai xuyên suốt trong năm. Cùng với đó, Công ty cũng đã bước đầu xây dựng được cơ chế lương, thưởng phù hợp

Định hướng kinh doanh 2015

Trong bối cảnh các chỉ số vĩ mô ổn định cùng dự báo khả quan về tình hình thị trường cổ phiếu là những yếu tố hỗ trợ giúp cho hoạt động đầu tư của các công ty quản lý quỹ trong năm 2015 đạt kết quả tốt, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đặt ra mục tiêu kinh doanh cho năm 2015 cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu đạt 49 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 44,7 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 15 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 12 tỷ đồng
- Tăng tổng tài sản quản lý năm 2015 từ 8% đến 10% so với năm 2014.

Dựa trên mục tiêu kinh doanh, cùng những đánh giá thị trường, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã đặt ra nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2015 như sau:

Nâng cao chất lượng hoạt động đầu tư, đạt kết quả đầu tư vượt kỳ vọng của khách hàng

Trong điều kiện thị trường còn nhiều biến động, công ty sẽ tập trung cải thiện công tác dự báo thông qua việc nâng cao năng lực cán bộ, thực hiện các phân tích chuyên sâu và dự báo mang tính dài hạn hơn. Tích cực thực hiện các biện pháp hoán đổi dòng tiền để tăng hiệu quả đầu tư cho danh mục khách hàng, bám sát lợi nhuận kế hoạch và mức chuẩn thị trường. Tăng cường công tác quản lý rủi ro và đánh giá hiệu quả hoạt động theo các tiêu chuẩn quốc tế. Nghiên cứu triển khai tài sản đầu tư mới, phát triển các sản phẩm tài chính mới để bắt nhịp với xu hướng thị trường và nhu cầu của khách hàng

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và triển khai các tiện ích về công nghệ dành cho khách hàng

Trong năm 2015, công ty sẽ tận dụng tối đa ứng dụng công nghệ thông tin để tạo tiện ích và sự thuận lợi cho khách hàng khi sử dụng các dịch vụ của công ty. Hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ điện tử đầu tiên trên thị trường BVFonline sẽ được nâng cấp thường xuyên để giúp khách hàng dễ dàng hơn khi giao dịch mua bán và quản lý tài khoản.

Tập trung đầu tư và công nghệ và nguồn nhân lực

Nâng cao sức cạnh tranh, kinh nghiệm đầu tư, nâng cao uy tín thương hiệu bằng cách tiếp tục đầu tư nền tảng để phát triển lâu dài: hệ thống công nghệ thông tin, phát triển nguồn nhân lực cạnh tranh. Hoàn thành việc triển khai dự án đầu tư phần mềm quản lý quỹ (IMS) theo đúng tiến độ.

49

Tỷ đồng

Tổng doanh thu năm 2015

8-10%



Tăng trưởng tổng tài sản quản lý

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	63	35
Tiền và các khoản tương đương tiền	0,5	0,5
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	55	27
Các khoản phải thu ngắn hạn	8	6
Tài sản lưu động khác	0,5	0,5
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	1,4	28
Tài sản cố định	1,4	0,2
Đầu tư dài hạn	-	28
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	65	63
NỢ PHẢI TRẢ	12	8
Nợ ngắn hạn	12	8
VỐN CHỦ SỞ HỮU	53	55
Vốn điều lệ	50	50
Các quỹ	1	-
Lợi nhuận chưa phân phối	2	5
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	65	63

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014

CHỈ TIÊU	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	46	42
Chi phí hoạt động kinh doanh	(0,02)	(0,06)
Doanh thu hoạt động tài chính	5	6
Chi phí tài chính	(0,37)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(36)	(32)
Lợi nhuận trước thuế	15	16
Lợi nhuận sau thuế	12	13

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT



ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

Năm 2014, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận, chủ động nắm bắt cơ hội nỗ lực thực hiện đồng bộ các giải pháp kinh doanh để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận theo mục tiêu đề ra.

Bước sang năm 2015, thị trường chứng khoán Việt Nam được dự báo sẽ có triển vọng tăng trưởng với các định hướng và các giải pháp của Chính phủ trong việc tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng tiếp tục tái cơ cấu nền kinh tế, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp. Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) sẽ tập trung mở rộng mạng lưới kinh doanh, đầu tư và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tiếp tục tạo niềm tin cho khách hàng, cổ đông, đối tác và người lao động của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) là công ty chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài. Được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn tài chính bảo hiểm hùng mạnh.

Trải qua 15 năm hình thành và phát triển, với vai trò Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập và tiên phong trên thị trường chứng khoán, BVSC đã liên tục nâng cao năng lực tài chính, củng cố hoạt động, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng dịch vụ và trở thành công ty chứng khoán uy tín trên thị trường. BVSC liên tiếp được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá của các tổ chức lớn có uy tín trong và ngoài nước. Về lĩnh vực tư vấn, BVSC đã được vinh danh với giải thưởng "Công ty tư vấn tốt nhất" do tạp chí Finance Asia bình chọn, giải thưởng "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất 2009 - 2013" và "Tổ chức tư vấn Cổ phần hóa tiêu biểu nhất 2014" tại diễn đàn thường niên do báo Đầu tư Chứng khoán và Bộ Kế hoạch Đầu tư tổ chức. Các thương vụ M&A do BVSC tư vấn cũng được bình chọn là những thương vụ tiêu biểu nhất trên thị trường. Về lĩnh vực môi giới, BVSC luôn giữ vững vị trí trong TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần giao dịch lớn nhất trên 2 sàn HSX và HNX. Đặc biệt, BVSC cũng liên tục được vinh danh nằm trong TOP các Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất và thành viên tiêu biểu nhất của HNX trong nhiều năm liên tiếp.

Lĩnh vực tư vấn

- Công ty tư vấn tốt nhất - tạp chí Finance Asia bình chọn năm 2008
- Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 - 2013
- Tổ chức tư vấn cổ phần hóa tiêu biểu nhất 2014

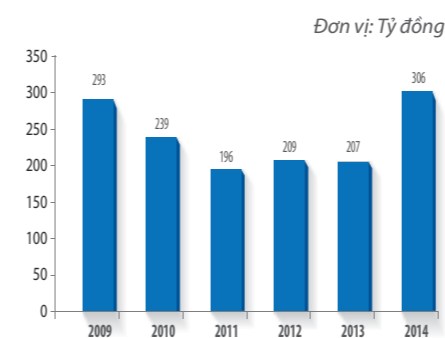
Lĩnh vực môi giới

- TOP 10 - công ty chứng khoán có thị phần giao dịch lớn nhất trên 2 sàn HSX và HNX.
- TOP 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất thị trường
- TOP 6 thành viên tiêu biểu HNX 2013 - 2014

Lĩnh vực khác

- TOP 10 Báo cáo thường niên tốt nhất 2014
- Thương hiệu mạnh Việt Nam 2013-2014
- TOP 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất trên HNX 2013-2014

Tổng doanh thu



Kết quả kinh doanh 2014

Kết quả kinh doanh năm 2014

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2014 có diễn biến rất khả quan xét về các phương diện tốc độ tăng chỉ số, mức độ ổn định, khối lượng giao dịch và phản ánh khá rõ nét những chuyển biến tích cực trong nền kinh tế, BVSC đã nắm bắt cơ hội nỗ lực thực hiện đồng bộ các giải pháp kinh doanh để hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, các mảng nghiệp vụ mang lại hiệu quả cao nhất là doanh thu từ các dịch vụ lãi suất cố định, doanh thu trên vốn, môi giới, tự doanh.

Doanh thu, lợi nhuận đều vượt kế hoạch: Tổng doanh thu và thu nhập khác trong năm đạt 305,8 tỷ đồng, tăng 47,5% so với năm 2013 và 54,5% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận đạt 131,6 tỷ đồng, tăng 53,4% so với cùng kỳ năm trước và tăng 46,3% so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

Tài sản và nguồn vốn tăng so với 2013: Tổng tài sản của BVSC tại thời điểm 31/12/2014 là 1.883,7 tỷ tương ứng mức tăng 5,1% so với ngày 31/12/2013. Nguồn vốn chủ sở hữu tăng 129,2 tỷ đồng chủ yếu tăng từ khoản lợi nhuận đạt được năm 2014.

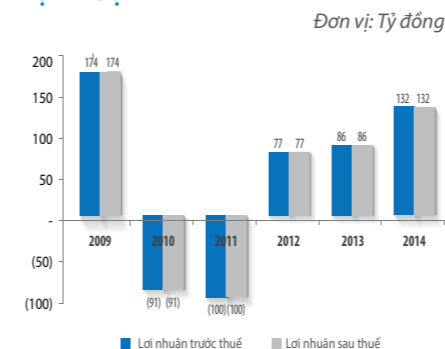
Chỉ tiêu an toàn tài chính luôn đạt mức rất cao và tăng trưởng so với năm trước:

Tại thời điểm 31/12/2014, hệ số an toàn vốn khả dụng của BVSC đạt 773% cao gấp hơn 4 lần so với chỉ tiêu vốn khả dụng quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC của Bộ tài chính là 180%.

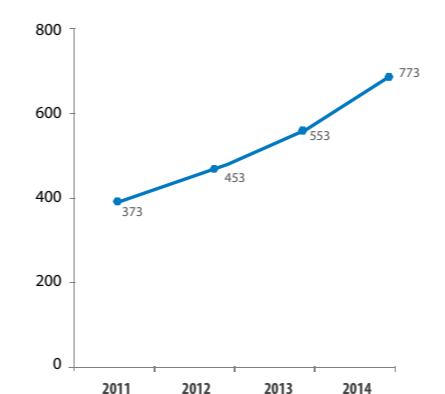
Thị phần giao dịch luôn nằm trong TOP 10 công ty có thị phần giao dịch cổ phiếu và chứng chỉ quỹ (CP&CCQ) lớn nhất trên cả 2 sàn HSX và HNX; đồng thời giữ vững vị trí số 1 về thị phần giao dịch trái phiếu tại HSX năm 2014.

Bên cạnh việc tập trung cho hoạt động môi giới, công ty vẫn duy trì và phát triển ổn định các hoạt động kinh doanh khác như hoạt động tự doanh, tư vấn.

Lợi nhuận



Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng



Tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2014

Kết quả hoạt động kinh doanh tăng trưởng vượt bậc

Năm 2014, BVSC đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ giao tại phiên họp thường niên năm 2014. Tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế của BVSC đạt lần lượt là 305,8 tỷ và 131,6 tỷ đồng, lần lượt vượt kế hoạch 54,5% và 46,3%. Các mảng nghiệp vụ chiếm tỷ trọng doanh thu cao trong cơ cấu doanh thu của Công ty là hoạt động kinh doanh trên vốn, môi giới, tự doanh.

Tái lập vị thế - Gia tăng thị phần môi giới

Năm 2014 là năm thành công vượt bậc của BVSC trong lĩnh vực môi giới. Tính chung cả 3 sàn HNX, HSX và Upcom, thị phần môi giới cổ phiếu của BVSC đạt 4,19%, tăng 35,6% so với 2013. BVSC liên tục giữ vững vị thế trong TOP 10 Công ty có thị phần CP&CCQ lớn nhất tại HNX và HSX.

Được tôn vinh qua nhiều giải thưởng uy tín

Với những thành tích tiêu biểu trong hoạt động kinh doanh và những đóng góp cho sự phát triển của TTCK, năm 2014 BVSC được tôn vinh qua rất nhiều giải thưởng uy tín từ các cơ quan quản lý và các cơ quan truyền thông:

- Top 10 Công ty thành viên có đóng góp tích cực nhất cho thị trường trái phiếu chính phủ giai đoạn 2009 - 2014
- Top 9 thành viên HNX tiêu biểu giai đoạn 2009 - 2014
- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất 2014

Top 10

Thị phần giao dịch cổ phiếu và chứng chỉ quỹ

299

Tỷ đồng

Tổng doanh thu năm 2015

120

Tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế năm 2015

- Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất HNX năm 2014;
- “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2014” theo bình chọn của Thời Báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến Thương mại – Bộ Công thương;
- “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu” và “Tổ chức tư vấn cổ phần hóa tiêu biểu nhất”.

Định hướng kinh doanh 2015

Năm 2015, tăng trưởng GDP được dự báo sẽ khởi sắc hơn nhưng tốc độ cải thiện nhiều khả năng sẽ chỉ ở mức trung bình và chưa có nhiều đột phá, định hướng và lộ trình gia nhập các hiệp định thương mại tự do như hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), ASEAN +6 và VN-EU FTA giúp tạo động lực tái cơ cấu nền kinh tế, mang lại các điều kiện thuận lợi cho các Doanh nghiệp. Thị trường chứng khoán Việt Nam dự báo có nhiều cơ hội tăng trưởng nhờ nền kinh tế tiếp tục hồi phục, mặt bằng lãi suất dự báo duy trì ở mức thấp, cam kết mở cửa hội nhập theo TPP, AEC...

Với những triển vọng tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam, BVSC đặt mục tiêu tổng doanh thu đạt 299 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 120 tỷ đồng.

Để thực hiện được kế hoạch này, BVSC sẽ triển khai các giải pháp như:

- **Mở rộng mạng lưới hoạt động**

Trong năm 2015 Công ty cũng dự kiến xúc tiến thành lập thêm các phòng mới cũng trên địa bàn Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh nhằm mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ của BVSC theo định hướng đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ

Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Triển khai hệ thống Front Office và giao dịch trực tuyến mới, bổ sung thêm kênh dịch vụ mới trên các thiết bị mobile, thay thế hoàn toàn giao diện dịch vụ hiện tại với khách hàng trên web. Đồng thời hoàn tất thực hiện tích hợp với mạng lưới tài chính mới và hỗ trợ khai thác các kênh tích hợp đã triển khai. Tích hợp chuyển tiền tự động với các Ngân hàng nhằm tăng cường chất lượng dịch vụ môi giới.

Năm 2015, Công ty tiếp tục nghiên cứu để ban hành các sản phẩm tư vấn đầu tư, các dịch vụ tiện ích giao dịch nhằm thu hút khách hàng giao dịch. Liên tục cập nhật chính sách lãi suất, chính sách phí... trên thị trường để điều chỉnh các chính sách dịch vụ có tính cạnh tranh cao dành cho khách hàng. Đảm bảo nguồn vốn ổn định phục vụ nhu cầu đầu tư của khách hàng.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	1.688	1.645
Tiền và các khoản tương đương tiền	711	535
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	333	662
Các khoản phải thu ngắn hạn	640	443
Tài sản ngắn hạn khác	4	5
TÀI SẢN DÀI HẠN	195	148
Tài sản cố định	5	8
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	169	119
Tài sản dài hạn khác	22	20
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.884	1.793
NỢ PHẢI TRẢ	543	581
Nợ ngắn hạn	543	581
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.341	1.212
Vốn điều lệ đã góp	722	722
Thặng dư vốn cổ phần	610	610
Lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ	(9)	(121)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.884	1.793

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu	305	207
Chi phí hoạt động kinh doanh	(114)	(71)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(59)	(50)
Thu nhập khác	0,5	0,03
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	132	86
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	132	86

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẢO VIỆT



ÔNG NGUYỄN THANH SƠN
Tổng Giám đốc

Quản lý vận hành hiệu quả các tòa nhà, trụ sở văn phòng của Tập đoàn và các đơn vị thành viên với tổng giá trị các hợp đồng trên 30 tỷ đồng.

Nhận ủy thác quản lý cho thuê Trung tâm tài chính Bảo Việt tại 233 Đồng Khởi, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị trên 40 tỷ đồng.

Thi công xây lắp, cải tạo trụ sở làm việc của Tập đoàn và các đơn vị thành viên với tổng giá trị hơn 70 tỷ đồng.

2014 là năm bản lề của Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt trong kế hoạch 5 năm 2009-2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt. Hội đồng Quản trị, Ban điều hành cùng tập thể cán bộ, nhân viên Công ty đã phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, góp phần vào thành công chung của Tập đoàn trong năm đánh dấu cột mốc 50 năm Bảo Việt.

Bước sang năm 2015, Công ty đặt mục tiêu tiếp tục khai thác và mang lại hiệu quả tối đa nguồn lực là các trụ sở làm việc, các Bất động sản là tài sản của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.

Được thành lập vào tháng 01/2009, Công ty cổ phần Đầu tư Bảo Việt là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt.

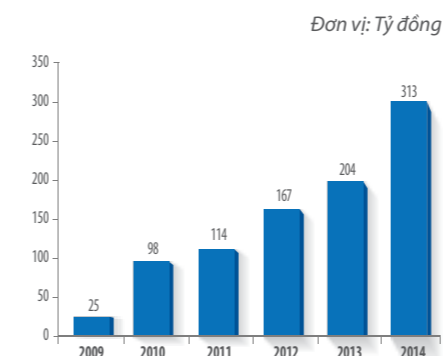
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt được thành lập trên cơ sở hợp lực các nguồn lực tài chính, con người, chức năng, nhiệm vụ và những thành tựu trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng của Bảo Việt trong hơn 50 năm qua.

Với mục tiêu chuyên nghiệp hóa hoạt động đầu tư, cung cấp các dịch vụ liên quan đến bất động sản, ngày càng phát huy hơn nữa vị thế, vai trò của Tập đoàn Bảo Việt.

Sau 5 năm thành lập và phát triển, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt đã mở rộng phạm vi hoạt động, cung cấp dịch vụ quản lý, thi công xây lắp bất động sản cho các công trình do Tập đoàn và các đơn vị thành viên làm chủ đầu tư, đồng thời từng bước vững chắc tiến ra thị trường bên ngoài.



Tổng doanh thu



Kết quả hoạt động kinh doanh 2014

Kết quả kinh doanh năm 2014

Được sự định hướng của Hội đồng Quản trị và sự chỉ đạo sát sao của Ban điều hành Công ty, năm 2014 là năm Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế đặt ra, cụ thể như sau:

Tổng doanh thu đạt 313,2 tỷ đồng, tăng hơn 37% so với kế hoạch. Trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh Bất động sản đạt 45,7 tỷ đồng, vượt 82% so với kế hoạch; Doanh thu từ hoạt động quản lý tòa nhà đạt 99,3 tỷ đồng, vượt 115% kế hoạch đặt ra.

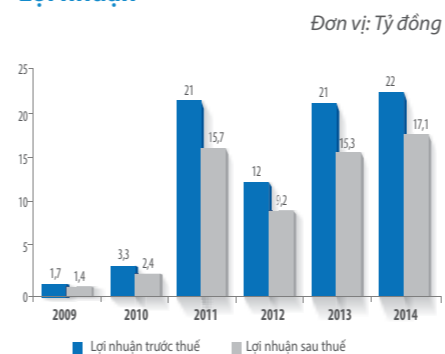
Lợi nhuận trước thuế đạt 22 tỷ đồng. Cùng với doanh thu, lợi nhuận của Đầu tư Bảo Việt cũng tăng trưởng ổn định qua các năm dù điều kiện kinh doanh gặp nhiều khó khăn, qua đó đóng góp vào sự tăng trưởng của lợi nhuận hợp nhất toàn Tập đoàn.

Quy mô và cơ cấu tài sản

Tổng tài sản của Đầu tư Bảo Việt tăng 22% so với năm 2013, đạt 461,5 tỷ đồng.

Trong bối cảnh thị trường bất động sản phục hồi với tốc độ chậm, cơ cấu tài sản của Đầu tư Bảo Việt vẫn giữ được độ ổn định qua các năm. Với mục tiêu phát triển ổn định và bền vững, Đầu tư Bảo Việt định hướng sẽ chú trọng đến chất lượng dịch vụ trong lĩnh vực quản lý tòa nhà và xây lắp, thi công công trình.

Lợi nhuận



Tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2014

Khai thác, vận hành hiệu quả trong lĩnh vực Quản lý tòa nhà:

Khai thác, vận hành hiệu quả các Tòa nhà thuộc Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên trên cả nước như: Tòa nhà Bảo Việt số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội; tòa nhà Bảo Việt số 71 Ngô Sĩ Liên, Hà Nội; Trung tâm tài chính Bảo Việt số 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Tòa nhà Bảo Việt Thái Nguyên, Bắc Giang, Long An... Bên cạnh đó, BVI đã phát triển cung cấp dịch vụ cho các đối tác bên ngoài như Quản lý tòa nhà Bảo Long, TP. Hồ Chí Minh.

Nâng cao chất lượng dịch vụ xây lắp, thi công công trình cho trụ sở của các đơn vị thuộc Tập đoàn

Trong năm 2014, Đầu tư Bảo Việt đã cung cấp dịch vụ thi công xây lắp cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Bảo Việt như xây dựng trụ sở Bảo Việt tại Phú Thọ, Đắk Lak, An Giang; Cải tạo sửa chữa trụ sở Bảo Việt Nhân thọ Hà Nội...

Định hướng kinh doanh 2015

Bước sang năm 2015, cùng với định hướng chung của Tập đoàn về việc cung cấp chéo các sản phẩm của các đơn vị thành viên, BVI tập trung nghiên cứu, tham mưu cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên các giải pháp quản lý tài sản là Bất động sản, trụ sở, văn phòng làm việc tại các tỉnh thành trên cả nước. Đồng thời, BVI sẽ tiếp tục tư vấn đầu tư, tham gia đầu tư cùng Tập đoàn và các đơn vị thành viên tại các dự án trọng điểm như dự án Thanh Trì, Hà Đông...

Với định hướng chiến lược dài hạn như vậy, BVI đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, với các chỉ tiêu tài chính như sau:

- Tổng doanh thu đạt 288 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 22,6 tỷ đồng tăng 2,5% so với thực hiện năm 2014.

462

Tỷ đồng

Tổng tài sản tại 31/12/2014



22%

288

Tỷ đóng

Tổng doanh thu năm 2015

22,6

Tỷ đóng

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2015



2,5%

Để đạt được những mục tiêu tài chính cụ thể trên, Đầu tư Bảo Việt sẽ chú trọng thực hiện những nhóm giải pháp trọng tâm sau:

Tập trung vào khách hàng trọng tâm là Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên của Bảo Việt

Tiếp tục thực hiện cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác vận hành các Tòa nhà Bảo Việt trên toàn quốc; Thực hiện thi công xây lắp, cải tạo sửa chữa các công trình của Bảo Việt; Thực hiện đầu tư tạo lập, khai thác các Tòa nhà văn phòng, siêu thị tài chính bảo hiểm tại các địa bàn trọng điểm;

Đối với khách hàng bên ngoài Tập đoàn Bảo Việt: Tìm kiếm, cung cấp dịch vụ quản lý tòa nhà; thi công xây lắp công trình có quy mô và yêu cầu công nghệ phù hợp với năng lực; Tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án BĐS tiềm năng. Chủ động mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác tiềm năng trong các lĩnh vực thi công xây lắp, quản lý tòa nhà, kinh doanh thiết bị...; Nghiên cứu tham gia một số dự án có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài...nhằm mở rộng thị trường và phát triển thương hiệu...

Giải pháp tài chính

Xây dựng kế hoạch vốn định kỳ hàng Quý, hàng năm nhằm quản lý & sử dụng hiệu quả và linh hoạt các nguồn vốn để thực hiện dự án; Hợp tác với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn để tận dụng nguồn lực, nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn của toàn Tập đoàn; Thực hiện tăng vốn điều lệ theo hướng phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu hoặc cổ đông bên ngoài.

Giải pháp về cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động; Xây dựng và áp dụng hệ thống Quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001; Nâng cao hiệu quả quản lý trên cơ sở phân cấp, phân quyền hợp lý, tạo điều kiện để cán bộ, nhân viên phát huy tối đa năng lực; Tăng cường tính chủ động, sự Liên kết giữa các bộ phận, đơn vị Trong Công ty; Xây dựng chiến lược nhân sự Dài hạn, thu hút và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty;



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	460	373
Tiền và các khoản tương đương tiền	77	33
Các khoản phải thu ngắn hạn	155	207
Hàng tồn kho	145	132
Tài sản ngắn hạn khác	83	0,5
TÀI SẢN DÀI HẠN	1,8	5
Tài sản cố định	1,3	4
Tài sản dài hạn khác	0,5	1
TỔNG TÀI SẢN	462	378
NỢ PHẢI TRẢ	220	152
Nợ ngắn hạn	220	152
Nợ dài hạn	0,03	0,03
VỐN CHỦ SỞ HỮU	242	226
Vốn điều lệ đã góp	200	200
Lợi nhuận chưa phân phối và các Quỹ	42	26
TỔNG NGUỒN VỐN	462	378

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014

CHỈ TIÊU	2014	2013
Doanh thu bán hàng	307	194
Giá vốn hàng bán	(279)	(173)
Doanh thu hoạt động tài chính	4	9
Chi phí tài chính	(0,5)	(0,2)
Chi phí bán hàng	(0,9)	(0,8)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(9)	(8)
Thu nhập khác	2	1
Chi phí khác	(1,8)	(1,5)
Lợi nhuận trước thuế	22	21
Lợi nhuận sau thuế	17	15



04

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG THỂ



TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO CỦA CÁC ỦY BAN - HỘI ĐỒNG

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

QUẢN TRỊ RỦI RO

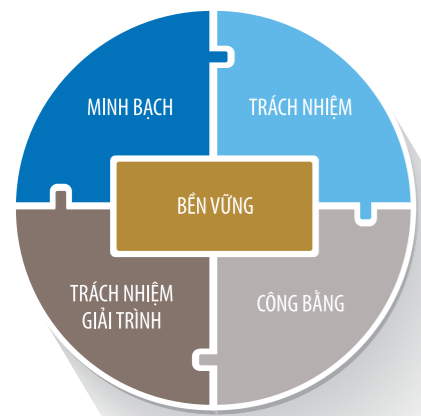
KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Nâng cao chất lượng quản trị công ty là một nội dung quan trọng trong định hướng chiến lược của Bảo Việt nhằm xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnh trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất, kết hợp với sức mạnh tổng thể của các nguồn lực trong toàn hệ thống để kiểm soát, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp một cách có trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả.



TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tại Tập đoàn Bảo Việt, Quản trị Công ty được xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn. Bên cạnh việc xây dựng một cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam kết hợp với việc vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị công ty, Tập đoàn Bảo Việt đã ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa, với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Giá trị cốt lõi đảm bảo phát triển bền vững

Mô hình quản trị doanh nghiệp của Bảo Việt được thực hiện dựa trên 5 giá trị cốt lõi sau:

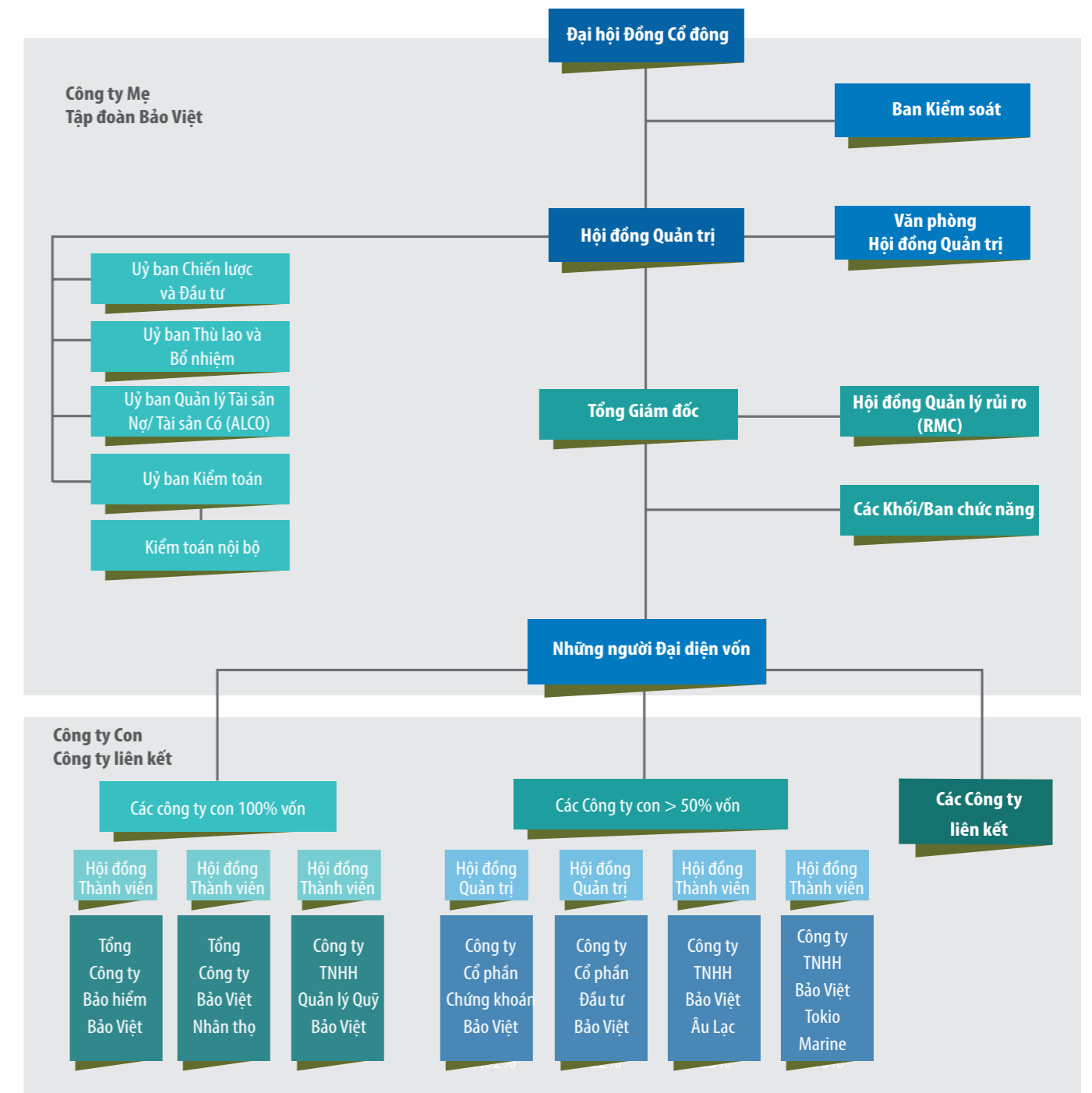
Minh bạch	Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề quan trọng liên quan tới doanh nghiệp bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, quyền sở hữu, và các cơ cấu kiểm soát luôn được thực hiện một cách kịp thời và chính xác.
Trách nhiệm	Công nhận quyền lợi của các bên có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa các công ty/đơn vị thành viên và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, công ăn việc làm và đảm bảo tính bền vững về mặt tài chính của Bảo Việt.
Công bằng	Bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông nhỏ lẻ và các cổ đông nước ngoài.
Trách nhiệm giải trình	Đảm bảo việc cung cấp định hướng chiến lược cho công ty, đảm bảo việc giám sát có hiệu lực từ HĐQT, đảm bảo việc giải trình của HĐQT trước công ty và các cổ đông.
Bền vững	Đảm bảo mang lại lợi ích lâu dài và bền vững cho cổ đông và đảm bảo hài hòa các yếu tố quản trị liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

GIỚI THIỆU MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Sau hơn 7 năm thực hiện cổ phần hóa thành công, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã đổi mới toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến áp dụng theo thông lệ quốc tế.

Mô hình quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt được xây dựng dựa trên những thông lệ và chuẩn mực quốc tế tốt nhất, đảm bảo đầy đủ các chủ thể quản trị của công ty niêm yết, bao gồm ĐHCĐ, HĐQT (các Ủy ban/Hội đồng giúp việc cho HĐQT và thư ký công ty), Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Khối chức năng và Những người đại diện quản lý phần vốn góp của Tập đoàn Bảo Việt tại các đơn vị Tập đoàn góp vốn.

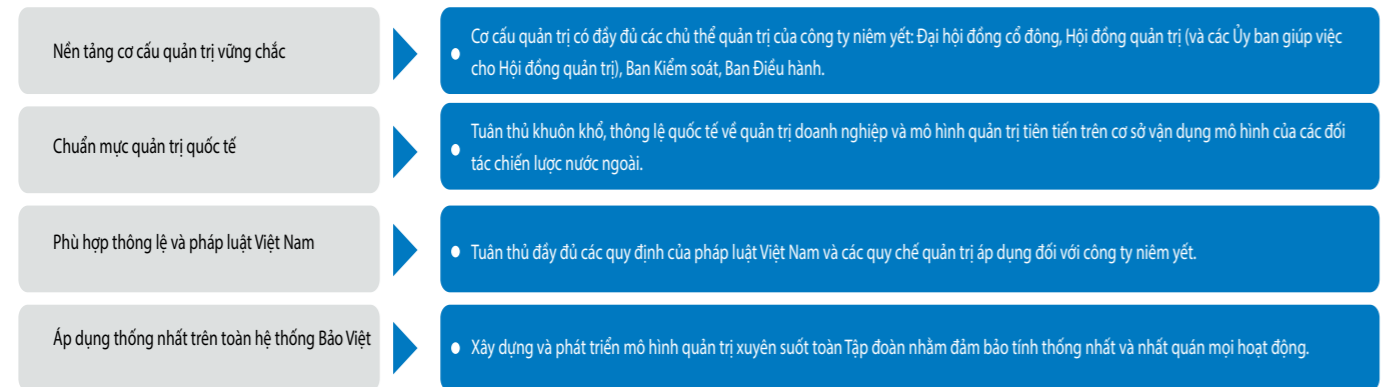
Mô hình quản trị Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt (tại thời điểm 31/03/2015)



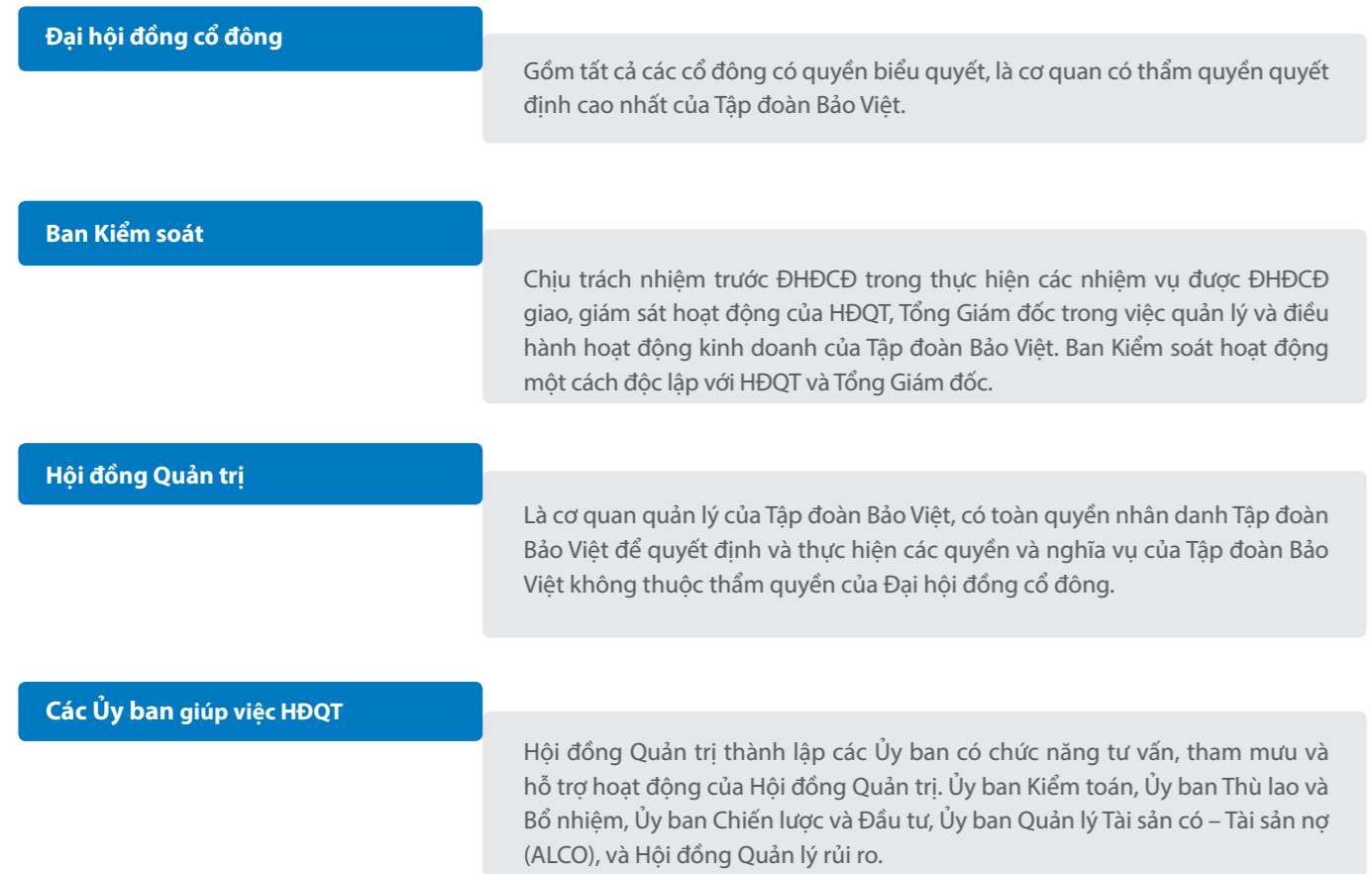
Mô hình quản trị doanh nghiệp này được triển khai áp dụng lần đầu tiên tại Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt từ ngày 01/7/2008, và từng bước được đưa vào áp dụng tại các công ty con Tập đoàn đầu tư 100% vốn. Trong quá trình triển khai áp dụng mô hình quản trị doanh nghiệp mới, Tập đoàn Bảo Việt đã thường xuyên rà soát tính hiệu quả trong việc vận hành mô hình quản trị doanh nghiệp nhằm đưa ra những điều chỉnh phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.

Nhìn chung, cơ cấu quản trị doanh nghiệp hiện tại đã nêu rõ chức năng, hướng tới các thông lệ tốt nhất trong quản lý kinh doanh, xác định rõ nhiệm vụ và mối quan hệ giữa Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.

Những điểm nổi bật trong mô hình quản trị doanh nghiệp của Bảo Việt



CƠ CẤU QUẢN TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



Thư ký Công ty

Có chức năng hỗ trợ cho hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả; có nhiệm vụ tổ chức các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông; Đảm bảo việc xây dựng, tuân thủ và định kỳ rà soát những chính sách và thông lệ quản trị; Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát; Đảm bảo công bố thông tin trọng yếu một cách kịp thời, chính xác và minh bạch và thực hiện các nhiệm vụ khác theo các quy định của pháp luật, Quy chế quản trị nội bộ và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt.

Tổng Giám đốc

Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn thông qua việc phân cấp, phân quyền đối với các Lãnh đạo Khối chức năng để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của các Khối Chức năng.

Những người đại diện vốn

Là những người quản lý phần vốn góp của Tập đoàn Bảo Việt tại các đơn vị Tập đoàn góp vốn, thay mặt Tập đoàn thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn với tư cách là chủ sở hữu, thành viên góp vốn, hoặc cổ đông tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn trên nguyên tắc nỗ lực bảo toàn, phát triển giá trị vốn đầu tư nhằm mang lại các giá trị bền vững và lợi ích lâu dài cho Tập đoàn Bảo Việt và doanh nghiệp được góp vốn.

Trong 7 năm thực hiện theo mô hình quản trị Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn Bảo Việt đã liên tục rà soát, hoàn thiện mô hình quản trị chuẩn hóa theo thông lệ quốc tế, phân tách rõ trách nhiệm giữa Công ty mẹ và các Đơn vị thành viên nhằm tạo sự chủ động cho các Đơn vị trong tổ chức hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo cơ chế quản trị xuyên suốt trong toàn Tập đoàn nhằm tăng cường hiệu quả quản trị doanh nghiệp, nâng cao tính chuyên nghiệp, năng suất lao động từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Mối quan hệ giữa Công ty Mẹ (Tập đoàn Bảo Việt) với các công ty con, và các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty

Quan hệ giữa Công ty Mẹ (Tập đoàn Bảo Việt) với các công ty con, các công ty Liên kết được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Quy chế Quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, các quy định khác của Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật có liên quan. Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với Công ty con theo quy định tương ứng của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.

Đối với Công ty con do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 100% vốn Điều lệ

- Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quyền Chủ sở hữu theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Điều lệ Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, và các quy định khác có liên quan và thông qua Người đại diện vốn để thực hiện các quyền Chủ sở hữu của Tập đoàn.
- Các công ty con tổ chức thực hiện các quyết định của Tập đoàn Bảo Việt và quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Tập đoàn Bảo Việt; thực hiện việc báo cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu, quy định của Tập đoàn Bảo Việt; đồng thời Công ty con có trách nhiệm trình Tập đoàn Bảo Việt xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Tập đoàn Bảo Việt với tư cách Chủ sở hữu.

Đối với các doanh nghiệp có vốn góp khác

Tùy theo tỷ lệ vốn góp tại doanh nghiệp, Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quyền cổ đông, thành viên góp vốn thông qua Người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp đó và các quy định khác có liên quan.

Cơ chế phối hợp hoạt động giữa Công ty Mẹ và các Công ty con

Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trên nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận giữa các đơn vị độc lập về tư cách pháp nhân vì lợi ích của đơn vị và lợi ích chung của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.

Tập đoàn quy định chính sách, định hướng phối hợp các lĩnh vực hoạt động trong phạm vi toàn Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực, thế mạnh, nâng cao tính chuyên nghiệp và chuyên môn hóa của các đơn vị thành viên nhằm phát huy hiệu quả hoạt động chung toàn Tập đoàn.

Các doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn được ưu tiên sử dụng các dịch vụ trong nội bộ Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt như: dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng, dịch vụ thanh toán, hỗ trợ bán chéo sản phẩm, hoạt động đầu tư, dịch vụ quản lý và kinh doanh bất động sản, dịch vụ đào tạo, cho thuê tài chính và các dịch vụ khác trên cơ sở các hợp đồng, thỏa thuận sử dụng dịch vụ nội bộ.

Nhìn chung, mô hình quản trị của Tập đoàn Bảo Việt đã được xây dựng và tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Việc cơ cấu lại mô hình quản trị đã góp phần tăng cường hiệu quả quản lý, quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị của HĐQT đối với bộ máy điều hành; thực hiện chức năng quản trị vốn đầu tư của chủ sở hữu là Tập đoàn Bảo Việt tại các công ty con thông qua hệ thống các quy chế quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn về chiến lược, đầu tư, quản lý rủi ro, kiểm tra kiểm soát và cơ chế bổ nhiệm và báo cáo của người đại diện vốn của Tập đoàn tại các công ty con do Tập đoàn đầu tư vốn. Công ty Mẹ đã thực hiện quyền chủ sở hữu của Công ty Mẹ tại các công ty con qua hoạt động của Những người đại diện vốn nhằm chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, phối hợp hoạt động kinh doanh, chuyên môn hóa trong toàn Tập đoàn.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã phát huy vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2014 với trọng tâm là thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững, đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp, tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của toàn Tập đoàn.

QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị, trong năm 2014, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt đã giám sát, chỉ đạo các công việc thuộc thẩm quyền trong các lĩnh vực, cụ thể:

- Quản trị doanh nghiệp và công tác nhân sự cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt;
- Chỉ đạo công tác xây dựng, phê duyệt kế hoạch kinh doanh và chiến lược kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt;
- Công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn Bảo Việt;
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) và báo cáo xin ý kiến ĐHĐCĐ về các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ;
- Chỉ đạo giải quyết các sự vụ cụ thể thuộc thẩm quyền theo tờ trình của Tổng Giám đốc Tập đoàn để kịp thời triển khai các hoạt động kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp;
- Giám sát Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2014, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đã duy trì hoạt động theo quy định tại Điều lệ của Tập đoàn và Quy chế hoạt động của HĐQT với số lượng thành viên HĐQT là 09 (chín) thành viên.

Danh sách Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2012 – 2017 (tại thời điểm 31/12/2014)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách
2	Ông Nguyễn Quang Phi	Thành viên HĐQT	Điều hành
3	Ông Phan Kim Bằng	Thành viên HĐQT	Không điều hành
4	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	Chuyên trách
5	Bà Thân Hiến Anh	Thành viên HĐQT	Không điều hành
6	Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT	Điều hành
7	Ông Yukihira Yoshiharu	Thành viên HĐQT	Không điều hành
8	Ông Kono Shinzo	Thành viên HĐQT	Không điều hành
9	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	Độc lập

Thay đổi nhân sự trong Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2014

Ngày 29/3/2014, Cổ đông Tổ chức là Bộ Tài chính có Công văn về việc rút Ông Trần Trọng Phúc ra khỏi Những Người đại diện vốn của Bộ Tài chính tại Tập đoàn Bảo Việt. Theo Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt, Ông Trần Trọng Phúc không còn là Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tập đoàn Bảo Việt kể từ ngày 29/3/2014.

Ngày 25/6/2014, HĐQT ra Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Phi – Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt – là thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.

Ngày 23/12/2014, Tập đoàn Bảo Việt nhận được công văn của Cổ đông Tổ chức - Bộ Tài chính liên quan đến công tác cử Người đại diện vốn của Bộ Tài chính tại Tập đoàn Bảo Việt. Căn cứ vào quyết định của Bộ Tài chính, Ông Lê Quang Bình, Ông Nguyễn Ngọc Anh, Ông Dương Đức Chuyển, Ông Lê Hải Phong không còn là Người đại diện vốn Nhà nước tại Tập đoàn Bảo Việt. Theo quy định của Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, 4 cá nhân trên không còn là Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt kể từ ngày 23/12/2014.

Cùng ngày 23/12/2014, để phục vụ công tác quản lý và điều hành kinh doanh, theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt đã quyết định bổ nhiệm 4 cá nhân gồm: Ông Đào Đình Thi, Ông Phan Kim Bằng, Ông Đậu Minh Lâm, Bà Thân Hiến Anh tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế các chỗ trống phát sinh. Ông Đào Đình Thi - Thành viên HĐQT - được HĐQT bầu làm Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.

Theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan, các thành viên HĐQT được HĐQT Tập đoàn bổ nhiệm trong năm 2014 sẽ được HĐQT trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2015 của Tập đoàn Bảo Việt chấp thuận theo hình thức bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

HĐQT họp định kỳ nhằm đánh giá tình hình hoạt động và đưa ra các định hướng phát triển của Tập đoàn Bảo Việt:

Thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2014, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. HĐQT đã tổ chức 10 (mười) cuộc họp trong đó có 04 (bốn) cuộc họp định kỳ hàng quý và 06 (sáu) cuộc họp bất thường. Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT đảm bảo được thực hiện theo đúng những quy định của Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT hoặc ủy quyền cho các thành viên HĐQT dự họp và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỉ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đào Đình Thi (*)	Chủ tịch HĐQT	2/2	100%	
2	Ông Phan Kim Bằng(*)	Thành viên HĐQT	2/2	100%	
3	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	10/10	100%	
4	Ông Đậu Minh Lâm(*)	Thành viên HĐQT	2/2	100%	
5	Bà Thân Hiến Anh(*)	Thành viên HĐQT	2/2	100%	
6	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	10/10 (9 buổi tham dự trực tiếp, 1 buổi tham dự thông qua ủy quyền)	100%	1 buổi tham dự thông qua ủy quyền do bạn công tác và đã ủy quyền cho ông Lê Quang Bình dự họp
7	Ông Nguyễn Quang Phi (**)	Thành viên HĐQT	6/6	100%	
8	Ông Yukihira Yoshiharu	Thành viên HĐQT	10/10	100%	
9	Ông Kono Shinzo	Thành viên HĐQT	10/10 (3 buổi tham dự trực tiếp, 7 buổi tham dự thông qua ủy quyền)	100%	7 buổi tham dự thông qua ủy quyền do ông Kono không thể sắp xếp thời gian sang Việt Nam công tác và đã ủy quyền cho ông Yukihira dự họp
10	Ông Lê Quang Bình (***)	Chủ tịch HĐQT	7/7	100%	
11	Ông Nguyễn Ngọc Anh (***)	Phó Chủ tịch HĐQT		100%	
12	Ông Dương Đức Chuyển (***)	Thành viên HĐQT	7/7	100%	
13	Ông Lê Hải Phong (***)	Thành viên HĐQT	7/7	100%	
14	Ông Trần Trọng Phúc (****)	Thành viên HĐQT	1/1	100%	

Ghi chú:

(*): Ông Đào Đình Thi, ông Phan Kim Bằng, ông Đậu Minh Lâm và bà Thân Hiến Anh được bầu là Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt từ ngày 23/12/2014.

(**): Ông Nguyễn Quang Phi được bầu là thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt từ ngày 25/6/2014.

(***): Từ ngày 23/12/2014, Ông Lê Quang Bình được thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt, ông Nguyễn Ngọc Anh được thôi giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt, ông Dương Đức Chuyển và ông Lê Hải Phong được thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.

(****): Ông Trần Trọng Phúc thôi là thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt từ ngày 29/3/2014.

Các cuộc họp HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2014, rà soát thực hiện chiến lược 2011 – 2015 và chỉ đạo triển khai xây dựng chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020; chỉ đạo tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2014 theo đúng thời hạn và trình tự quy định; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2014; kiện toàn nhân sự lãnh đạo cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt; triển khai các hoạt động chào mừng 50 năm thành lập Tập đoàn; chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt,... Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Tập đoàn hiệu quả.

Các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2014

Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
01/2014/NQ-HĐQT	24/01/2014	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thiện đánh giá kết quả kinh doanh năm 2013 và xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2014.
02/2014/NQ-HĐQT	31/3/2014	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi nhân sự giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt và các công việc có liên quan
03/2014/NQ-HĐQT	31/3/2014	<ul style="list-style-type: none"> Ông Trần Trọng Phúc được thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt
04/2014/NQ-HĐQT	31/3/2014	<ul style="list-style-type: none"> Tạm thời bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt
05/2014/NQ-HĐQT	11/4/2014	<ul style="list-style-type: none"> Thống nhất với báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013 của Tập đoàn Bảo Việt; Thống nhất kế hoạch kinh doanh năm 2014 của Công ty Mẹ; Thống nhất phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2013 và kế hoạch sử dụng LNST năm 2014 của Công ty Mẹ; Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2014 của Tập đoàn.
06/2014/NQ-HĐQT	11/4/2014	<ul style="list-style-type: none"> Thống nhất kết quả kinh doanh năm 2013 và kế hoạch kinh doanh năm 2014 của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty thành viên Tập đoàn đầu tư 100% vốn và nắm giữ cổ phần chi phối; Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2014 của Tập đoàn; Thống nhất với báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ Quý I/2014 và kế hoạch kiểm toán nội bộ Quý II/2014.
07/2014/NQ-HĐQT	23/5/2014	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi Người Đại diện vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt
08/2014/NQ-HĐQT	23/6/2014	<ul style="list-style-type: none"> Chi trả cổ tức năm 2013 của Tập đoàn Bảo Việt
09/2014/NQ-HĐQT	24/6/2014	<ul style="list-style-type: none"> Thanh toán cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
10/2014/NQ-HĐQT	25/6/2014	<ul style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Phi làm thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt
11/2014/NQ-HĐQT	25/6/2014	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi nhân sự giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt
12/2014/NQ-HĐQT	04/8/2014	<ul style="list-style-type: none"> Rà soát và ban hành các quy chế quản trị nội bộ của Tập đoàn; Đẩy nhanh tiến độ triển khai Kế hoạch tăng vốn điều lệ của Tập đoàn; Triển khai Chương trình Kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt; Xây dựng Chiến lược kinh doanh đến năm 2020; Ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 và thông qua kế hoạch kinh doanh Quý III/2014 của Tập đoàn; Thống nhất với Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ 6 tháng đầu năm 2014 và kế hoạch kiểm toán nội bộ Quý III/2014.

Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
13/2014/NQ-HĐQT	03/11/2014	<ul style="list-style-type: none"> Ghi nhận kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2014, ước thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2014 và định hướng kế hoạch kinh doanh năm 2015 của toàn Tập đoàn; Thông nhất với Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ 9 tháng đầu năm 2014 và kế hoạch kiểm toán nội bộ Quý IV/2014.
14/2014/NQ-HĐQT	05/11/2014	<ul style="list-style-type: none"> Phương án đối với quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
15/2014/NQ-HĐQT	23/12/2014	<ul style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm ông Đào Đình Thi làm Thành viên HĐQT Tập đoàn
16/2014/NQ-HĐQT	23/12/2014	<ul style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm ông Đậu Minh Lâm làm Thành viên HĐQT Tập đoàn
17/2014/NQ-HĐQT	23/12/2014	<ul style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm ông Phan Kim Bằng làm Thành viên HĐQT Tập đoàn
18/2014/NQ-HĐQT	23/12/2014	<ul style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm bà Thân Hiến Anh làm Thành viên HĐQT Tập đoàn
19/2014/NQ-HĐQT	23/12/2014	<ul style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm ông Đào Đình Thi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Tập đoàn
20/2014/NQ-HĐQT	25/12/2014	<ul style="list-style-type: none"> Kiện toàn nhân sự cấp cao tại Tập đoàn Bảo Việt.

Chỉ đạo công tác Quản trị doanh nghiệp và nhân sự cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt

Trong năm 2014, HĐQT đã kiện toàn nhân sự cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt bao gồm các chức danh Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng của Tập đoàn Bảo Việt; đồng thời kiện toàn nhân sự lãnh đạo tại các công ty con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ. Bên cạnh đó, HĐQT chỉ đạo tiếp tục rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định trong nội bộ nhằm thống nhất cơ chế quản trị trong Tập đoàn, nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả quản lý trong toàn hệ thống. Trong năm 2014, HĐQT đã ban hành Quy chế quản trị sửa đổi của Tập đoàn Bảo Việt.

Chỉ đạo công tác xây dựng, phê duyệt kế hoạch kinh doanh và chiến lược kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt

Trên cơ sở phân tích, dự báo tình hình kinh tế và đánh giá thực trạng các ngành bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán trong năm 2014, HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban Điều hành xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2014 trong đó tiếp tục tập trung thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững, cụ thể là: đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp, tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của toàn Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hướng tới cộng đồng, khẳng định vị thế của một Tập đoàn tài chính - bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam.

HĐQT cũng chỉ đạo rà soát việc thực hiện chiến lược giai đoạn 2011 – 2015, và xây dựng chiến lược kinh doanh năm 2016 – 2020 với tầm nhìn đến năm 2025 là **Giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng hiệu quả và bền vững.**

Công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn Bảo Việt

Thực hiện Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 24/4/2014 của ĐHCĐ thường niên năm 2014 liên quan đến việc phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một đơn vị kiểm toán theo danh sách đã được ĐHCĐ phê duyệt để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2015, 2016, và 2017 của Tập đoàn Bảo Việt, căn cứ đề xuất của Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt, HĐQT đã xem xét và ra quyết định lựa chọn Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2015, 2016 và 2017 của Tập đoàn Bảo Việt. HĐQT cũng chỉ đạo tiếp tục triển khai thực hiện lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), đồng thời công bố các báo cáo tài chính theo đúng thời hạn, đảm bảo minh bạch thông tin đối với các cổ đông và đối tác.

Tổ chức họp ĐHCĐ và báo cáo xin ý kiến ĐHCĐ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ

Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức họp ĐHCĐ thường niên và thực hiện báo cáo, xin ý kiến ĐHCĐ về các vấn đề theo quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể:

- Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2013 và kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2014;
- Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2013 và Kế hoạch kinh doanh năm 2014;
- Báo cáo chi trả thù lao năm 2013 và dự kiến mức thù lao năm 2014 cho HĐQT và BKS.
- Xin ý kiến ĐHCĐ về việc phân phối lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2013; Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2014.
- Xin ý kiến ĐHCĐ về việc tăng vốn điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt.
- Xin ý kiến ĐHCĐ về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2015, 2016, 2017.

Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2014, HĐQT đã triển khai thực hiện các vấn đề được ĐHCĐ thông qua.

Chỉ đạo giải quyết các công việc và đưa ra các quyết định quan trọng thuộc thẩm quyền theo tờ trình của Tổng Giám đốc Tập đoàn để kịp thời triển khai các hoạt động kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp

Ngoài các phiên họp trực tiếp của HĐQT, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các sự vụ cụ thể thuộc thẩm quyền của HĐQT theo tờ trình của Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Ủy ban thuộc HĐQT. Trong năm 2014, HĐQT đã giải quyết hơn 80 vấn đề có liên quan đến các định hướng lớn về quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện và ban hành các quy chế quản trị nội bộ, triển khai giai đoạn 2 Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực (TSCTA) với Sumitomo Life, đầu tư phát triển nguồn nhân lực, kiện toàn bộ máy lãnh đạo, thực hiện các hoạt động đầu tư v.v...; chỉ đạo điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản trị, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được ban hành dựa trên tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên Hội đồng Quản trị vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

HĐQT thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn

Trong năm 2014, HĐQT tiếp tục thực hiện chức năng quản lý Tập đoàn thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và thực hiện điều hành Tập đoàn thông qua Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành của Tổng Giám đốc. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc đều phù hợp với phạm vi quyền và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và quy định của pháp luật. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý được mời tham dự và báo cáo tại các cuộc họp của HĐQT, đồng thời được thông báo đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của HĐQT để đảm bảo Ban Điều hành thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, quyền hạn được giao và các chỉ đạo của HĐQT trong từng thời điểm. Nhìn chung, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Ban Điều hành đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT

Trong năm 2014, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, cụ thể:

- Cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2014 đã được ĐHCĐ và HĐQT phê duyệt;
- Triển khai thực hiện các Dự án thành phần thuộc Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt;
- Tiếp tục củng cố các nền tảng phát triển bền vững theo định hướng chiến lược kinh doanh 2011 – 2015; rà soát kế hoạch chiến lược giai đoạn 2011 – 2015 và triển khai xây dựng kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016 - 2020 của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt;
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của HĐQT;
- Triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt.

Trong năm 2014, HĐQT đã chỉ đạo và theo sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, thông báo của HĐQT Tập đoàn Bảo Việt. Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, thực hành tiết kiệm, quyết tâm thực hiện các mục tiêu kinh doanh đã đề ra. Trong quá trình điều hành, Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế Quản trị, các quy chế nội bộ của Tập đoàn cũng như các Nghị quyết, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2015

Năm 2015 là năm đánh dấu những sự kiện quan trọng của Bảo Việt như kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Bảo Việt, là năm cuối thực hiện chiến lược kinh doanh giai đoạn 2011 - 2015 của toàn Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, và cũng là năm bản lề để xây dựng kế hoạch chiến lược cho giai đoạn 2016 - 2020.

Trên tinh thần quyết tâm vượt qua những khó khăn chung của nền kinh tế để hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh, HĐQT định hướng các nhiệm vụ trọng tâm Ban Điều hành cần tích cực triển khai thực hiện trong năm 2015 như sau:

Hoàn thành đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt và xây dựng kế hoạch chiến lược 2016 - 2020

Hoàn thành đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, trong đó trọng tâm là: Kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy, nhân sự, mô hình kinh doanh, cơ chế chính sách; Tăng cường năng lực tài chính thông qua thực hiện thành công kế hoạch tăng vốn điều lệ; Xây dựng kế hoạch chiến lược 2016 - 2020 bám sát với diễn biến thị trường và đề án tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt đã được Bộ Tài chính phê duyệt.

Hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị nội bộ

Hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị nội bộ xuyên suốt toàn Tập đoàn theo hướng tăng cường vai trò điều phối của Công ty Mẹ, tạo ra sự kết nối bền chặt và phát huy tối đa nguồn lực của các đơn vị trong Tập đoàn; tập trung triển khai nâng cao hiệu quả các hoạt động kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, tuân thủ trên toàn hệ thống.

Tăng cường năng lực cạnh tranh, khơi thông các nguồn lực trong toàn hệ thống

Nâng cao vai trò của Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt trong việc điều phối, kết nối các đơn vị thành viên trong Tập đoàn nhằm tăng cường sức cạnh tranh của các đơn vị thành viên, khơi thông các nguồn lực trong toàn hệ thống thông qua thúc đẩy hoạt động bán chéo sản phẩm giữa các đơn vị thành viên trong Tập đoàn; phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới trong lĩnh vực bảo hiểm y tế, giáo dục, hưu trí và mở rộng thị trường khu vực.

Triển khai các hoạt động và các chương trình thi đua, tạo hiệu ứng lan tỏa trong toàn hệ thống và hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2015

Tiếp nối thành công và dư âm của các sự kiện kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt, năm 2015 Bảo Việt sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động chào mừng 50 năm ngày thành lập Bảo Việt, tạo hiệu ứng lan tỏa trong toàn hệ thống, đẩy mạnh truyền thông và nâng cao tính chuyên nghiệp và hiện đại về hình ảnh thương hiệu Bảo Việt.

Tăng cường hợp tác với cổ đông chiến lược nước ngoài

Chủ động liên kết, hợp tác và tận dụng kinh nghiệm của cổ đông chiến lược Sumitomo Life qua việc triển khai Thỏa thuận Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực để nâng cao hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của Tập đoàn.

Bên cạnh đó, trong năm 2015, HĐQT tiếp tục quan tâm, chỉ đạo Ban Điều hành chú trọng triển khai các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng và thực hiện xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo các giá trị thương hiệu, thực hiện chủ trương chung của Đảng và Chính phủ.

Nhìn lại một năm qua, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc chỉ đạo thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt, xây dựng và củng cố những nền tảng quan trọng để hoàn thành các mục tiêu chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011 – 2015 của Tập đoàn Bảo Việt, tạo đà phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn 2016 – 2020.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2014 Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt đã nghiên cứu, trao đổi để tìm ra phương thức hoạt động, giám sát có hiệu quả trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Tập đoàn nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp, tối đa của Tập đoàn và cổ đông.

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (BKS) là một bộ phận trong mô hình quản trị doanh nghiệp, được Đại hội cổ đông Tập đoàn Bảo Việt bầu ra. Hoạt động của BKS tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp số: 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005 và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật có liên quan.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt, BKS có các quyền và nhiệm vụ chính như sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) trong thực hiện các nhiệm vụ được giao nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Tập đoàn và cổ đông.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính (BCTC) hàng năm và bán niên của Tập đoàn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Trình báo cáo thẩm định BCTC, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Tập đoàn và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHCĐ thường niên.
- Đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan; Thảo luận với Kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT

Tại ĐHCĐ thường niên năm 2014, BKS có 05 thành viên. Trong năm 2014 Tập đoàn Bảo Việt và BKS đã nhận được đơn của ông Phan Kim Bằng - Nguyên Trưởng BKS xin từ nhiệm chức vụ Trưởng BKS và thành viên BKS để nhận nhiệm vụ mới do Bộ Tài chính giao. Theo quy định, BKS đã họp và bầu ông Nguyễn Ngọc Thụy - Thành viên BKS làm Trưởng BKS. Sau khi bầu Trưởng BKS, Ban Kiểm soát đã trao đổi và phân công lại nhiệm vụ cho các thành viên BKS theo hướng phân công nhiệm vụ cụ thể, tăng cường xác định rõ trách nhiệm của Trưởng Ban và các thành viên.

Hiện tại, BKS có 04 thành viên. Các thành viên BKS đều đáp ứng đủ tư cách và có đủ năng lực để thực thi nhiệm vụ của mình. Thành viên BKS tại các thời điểm trong năm 2014 và đến nay cụ thể như sau:

STT	Họ và Tên	Vị trí	Ngày được bầu / Ngày từ nhiệm
1	Phan Kim Bằng	Trưởng Ban Kiểm soát	Được bầu ngày 29/11/2012 Từ nhiệm ngày 22/12/2014
2	Nguyễn Ngọc Thụy	Trưởng Ban Kiểm soát	Được bầu làm thành viên Ban kiểm soát ngày 29/11/2012; Được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát ngày 25/12/2014
3	Đặng Thái Quý	Thành viên	Được bầu ngày 29/11/2012
4	Ông Tiến Hùng	Thành viên	Được bầu ngày 29/11/2012
5	Nobuyuki Yagi	Thành viên	Được bầu ngày 24/04/2013

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2014

Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ đã được quy định, BKS đã phát huy tốt chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong việc quản trị và điều hành Tập đoàn, kiểm tra, thẩm định, đề xuất, cho ý kiến đối với các báo cáo theo đúng thẩm quyền góp phần nâng cao năng lực quản trị, và mang lại quyền lợi hợp pháp, tối đa cho Tập đoàn và cổ đông. Hoạt động của BKS trong năm 2014 đã đạt được một số nội dung cơ bản như sau:

Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2014

Chi trả cổ tức: Từ ngày 30/06/2014 đến ngày 03/07/2014, Tập đoàn đã hoàn thành việc chi trả cổ tức (15%) của năm tài chính 2013 cho các cổ đông theo đúng nghị quyết

Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2014: So với các chỉ tiêu kinh doanh đã được ĐHCĐ thường niên năm 2014 thông qua, năm 2014 Công ty Mẹ Tập đoàn đã thực hiện như sau: Doanh thu 1.340,16 tỷ đồng đạt 94,68% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế 1.121,35 tỷ đồng đạt 100,15% kế hoạch, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ 16,48% đạt 100,18% kế hoạch.

Quyết định lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2015, 2016, 2017: Tập đoàn đã quyết định chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY Việt Nam) là 1 trong 5 Công ty kiểm toán được ĐHCĐ thường niên 2014 thông qua để kiểm toán và soát xét các BCTC năm tài chính 2015, 2016, 2017 theo đề xuất của BKS.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 và 2014

- Thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2012 về kiểm toán, soát xét BCTC năm 2014: Để thực hiện tốt việc kiểm toán, soát xét các BCTC 2014 và công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, BKS đã phối hợp với Ban điều hành, cổ đông chiến lược Sumitomo Life rà soát, thảo luận thống nhất nội dung, tiến độ, mức phí kiểm toán BCTC năm 2014 để ký hợp đồng kiểm toán.
- Thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2014: BKS đã chủ trì và phối hợp với Công ty Mẹ, cổ đông chiến lược Sumitomo Life và các Công ty con, Đơn vị đồng kiểm soát lựa chọn, đề xuất với HĐQT (được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền) để quyết định lựa chọn EY Việt Nam để thực hiện việc kiểm toán và soát xét các BCTC năm tài chính 2015, 2016, 2017 của Tập đoàn Bảo Việt, các Công ty con, Đơn vị đồng kiểm soát.

Thẩm định báo cáo tài chính báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh

- BKS đã làm việc với kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán và các vấn đề phát sinh liên quan đến kiểm toán BCTC. Giám sát nội dung, phạm vi, tiến độ soát xét, kiểm toán BCTC bán niên và BCTC năm 2014 theo Hợp đồng Cung cấp Dịch vụ Kiểm toán đã được ký kết với EY Việt Nam.
- Tổ chức xem xét, thẩm tra các BCTC Riêng và Hợp nhất bán niên và BCTC Riêng và Hợp nhất năm 2014 của Tập đoàn đã được soát xét, kiểm toán. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ và cuối kỳ kiểm toán viên độc lập muốn trao đổi.
- Trao đổi và thảo luận với Ủy ban Kiểm toán về các nội dung liên quan đến báo cáo tài chính năm 2014.

Qua thẩm tra BCTC năm 2014, BKS thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong BCTC Riêng và Hợp nhất năm 2014 của Tập đoàn đã được EY Việt Nam kiểm toán.

Giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2014

Qua quá trình giám sát, BKS thấy rằng các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã cố gắng, nỗ lực lớn trong việc Lãnh đạo Tập đoàn thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2014, các nghị quyết, quyết định trong quản trị, điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng các quy định, các quyền lợi hợp pháp của cổ đông đã được thực hiện đúng và đầy đủ. Thông qua công tác giám sát, BKS đã có những kiến nghị, đề xuất với HĐQT để đưa ra các quyết sách kịp thời nhằm tăng cường công tác quản lý, phát triển và ổn định kinh doanh.

Đổi mới phương thức hoạt động của BKS

Năm 2014 BKS đã nghiên cứu, trao đổi để tìm ra phương thức hoạt động, giám sát có hiệu quả trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Tập đoàn nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp, tối đa của Tập đoàn và cổ đông. Ngoài việc tổ chức họp trực tiếp, để nhanh chóng thông qua các quyết định, BKS đã tổ chức họp bằng hình thức Video conference, lấy ý kiến các thành viên BKS qua thư điện tử. Giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 - 2015, BKS đã tiến hành 05 cuộc họp (Trong đó có 02 cuộc họp BKS mở rộng, 01 cuộc họp bằng hình thức Video conference) để thảo luận và thông qua các quyết định của mình với các nội dung cụ thể như sau:

- Thẩm tra và nhận xét, đánh giá việc lập, kiểm toán BCTC riêng và BCTC hợp nhất

bán niên 2014 của Tập đoàn Bảo Việt gửi HĐQT.

- Phối hợp với Đại diện của Công ty Mẹ, cổ đông chiến lược Sumitomo Life, các Công ty con thống nhất bằng tiêu chuẩn, thang điểm để đánh giá xét chọn Công ty kiểm toán; chấm điểm, đánh giá, xét chọn và đề xuất với HĐQT để quyết định lựa chọn EY Việt Nam để thực hiện việc kiểm toán và soát xét các BCTC năm tài chính 2015, 2016, 2017 của Tập đoàn Bảo Việt, các Công ty con, Đơn vị đồng kiểm soát.
- Bầu Trưởng BKS và phân công lại nhiệm vụ cụ thể cho các Thành viên BKS nhiệm kỳ 2012 - 2017.
- Thẩm tra, nhận xét, đánh giá và thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trên các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2014 của TĐBV theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam được kiểm toán bởi EY Việt Nam.
- Thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHCĐ 2014 - 2015 trình ĐHCĐ thường niên năm 2015 và chương trình hoạt động của BKS giữa hai kỳ ĐHCĐ thường niên 2015 - 2016.

Sự phối hợp của Ban Kiểm soát với các bên liên quan

Giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tập đoàn và cổ đông, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và quy định nội bộ. Để thực hiện tốt nhiệm vụ, BKS thường xuyên trao đổi với các bộ phận chức năng: Văn phòng HĐQT, Ủy ban Kiểm toán, Khối Quản lý Tài chính và Khối Hoạt động để nắm bắt kịp thời các thông tin về việc quản trị, điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

Để hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, góp phần nâng cao năng lực và mức cần trọng trong quản trị, điều hành, nâng cao tính minh bạch và trung thực để mang lại quyền lợi hợp pháp, tối đa cho Tập đoàn và cổ đông, năm 2015 BKS sẽ tập trung thực hiện các nội dung sau:

Tiếp tục kiện toàn nhân sự và nghiên cứu, thảo luận để đổi mới phương thức hoạt động, tăng cường giám sát hoạt động quản trị, điều hành và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro.

Sửa đổi Quy chế hoạt động của BKS để phù hợp với Luật doanh nghiệp nghiệp số: 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/07/2015 và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt sửa đổi bổ sung.

Nghiên cứu và tham gia ý kiến vào các quy chế, quy định nội bộ của Tập đoàn để đảm bảo tính thống nhất và góp phần nâng cao năng lực trong quản trị và điều hành.

Với trọng trách được cổ đông giao phó, với đội ngũ Lãnh đạo cấp cao trẻ, có trình độ, năng lực trong quản trị, điều hành và năng động, sáng tạo trong công việc, BKS tin tưởng rằng, năm 2015 HĐQT và Ban điều hành Tập đoàn Bảo Việt sẽ thực hiện tốt các mục tiêu, kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đã thông qua.

BÁO CÁO CỦA CÁC ỦY BAN - HỘI ĐỒNG

Trong năm 2014 các Ủy ban, Hội Đồng đã hoạt động hiệu quả và trợ giúp đắc lực cho Hội đồng quản trị để nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo chiến lược, kiểm toán, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự cao cấp và đầu tư nhằm tăng cường năng lực quản trị công ty theo chuẩn mực quốc tế.

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Kiểm toán (UBKT) là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do Hội đồng Quản trị quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban Kiểm toán bao gồm:

- Tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc đảm bảo có được hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật một cách hiệu quả;
- Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về báo cáo tài chính ra bên ngoài gồm các yêu cầu áp dụng cho việc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn;
- Nhiệm vụ chính của Ủy ban Kiểm toán:
 - Đảm bảo hoạt động Kiểm toán nội bộ: Kiểm tra, giám sát kế hoạch kiểm toán nội bộ, tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ;
 - Xem xét tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, việc tuân thủ các quy định của Tập đoàn và các quy định pháp luật;
 - Đánh giá việc tuân thủ các quy định về trình bày báo cáo tài chính và công bố thông tin của các báo cáo tài chính.

Thành phần Ủy ban Kiểm toán

Trong năm 2014, Ủy ban Kiểm toán tiếp tục hoạt động với thành phần bao gồm 01 Chủ nhiệm và 03 Ủy viên Ủy ban. Trong đó, Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên HĐQT độc lập – đại diện của Cổ đông SCIC, 01 Ủy viên là đại diện của Cổ đông chiến lược Sumitomo Life, và các Ủy viên với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính.

Thành viên Ủy ban Kiểm toán tại thời điểm 31/03/2015



Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán năm 2014

Năm 2014, UBKT đã thực hiện các công việc chính theo chức năng và quyền hạn của mình như sau:

- Đánh giá các báo cáo tài chính, bao gồm các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và các báo cáo theo Chuẩn mực kế toán Quốc tế (IFRS) trong việc tuân thủ quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán, tuân thủ các quy định về thuyết minh và công bố thông tin báo cáo tài chính của công ty niêm yết.



- Đảm bảo nguồn lực cho hoạt động kiểm toán nội bộ, chỉ đạo Kiểm toán nội bộ Tập đoàn thực hiện 29 cuộc kiểm toán nội bộ tại các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ và 5 cuộc kiểm toán tại các đơn vị: Tập đoàn Bảo Việt, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, Trụ sở chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ. Các cuộc kiểm toán nội bộ đã phát hiện kịp thời những điểm yếu trong việc thực hiện các quy định của Tập đoàn; quy chế, quy trình nghiệp vụ của các Tổng Công ty/Công ty, đưa ra các khuyến nghị thuyết phục, khả thi giúp các đơn vị được kiểm toán tăng cường tính tuân thủ, nâng cao hiệu quả quản lý.
- Tham gia Dự án hợp tác chuyển giao kỹ thuật giữa Tập đoàn Bảo Việt và SML cấu phần Kiểm toán nội bộ: Tích cực phối hợp với đối tác chiến lược Sumitomo Life trao đổi kinh nghiệm của Nhật Bản và quốc tế, triển khai dự án; Chú trọng về xây dựng mô hình phù hợp, tăng cường mối liên hệ giữa các bộ phận trong hệ thống kiểm soát nhằm nâng cao năng lực, tăng cường hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao vị thế của hoạt động kiểm toán nội bộ.

Định hướng hoạt động năm 2015

Năm 2015, với nền tảng kinh nghiệm trong nước và quốc tế về kiểm toán và kiểm toán nội bộ, Ủy ban Kiểm toán tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tư vấn đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả; Chỉ đạo sát sao hoạt động kiểm toán nội bộ theo hướng tăng cường kiểm toán Trụ sở chính các Công ty thành viên; hoàn thành kế hoạch phù hợp với Chiến lược kiểm toán của Tập đoàn; đảm bảo tính hiệu quả, ngăn ngừa rủi ro trong các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Năm 2015 tiếp tục là năm tăng cường hợp tác với đối tác chiến lược Sumitomo Life trong việc trao đổi các kinh nghiệm về tổ chức, triển khai hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và Kiểm toán nội bộ nhằm khẳng định vai trò của Ủy ban Kiểm toán và Kiểm toán Nội bộ trong quản trị doanh nghiệp, mang lại các giá trị thiết thực cho Tập đoàn.

ỦY BAN THÙ LAO VÀ BỔ NHIỆM

Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là:

Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt;

Kiến nghị Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt những vấn đề cơ bản về:

- Mô hình tổ chức bộ máy và mô hình quản trị doanh nghiệp;
- Chính sách quản lý lao động và tiền lương của Tập đoàn;
- Chính sách quản lý cán bộ của Tập đoàn.

Thành phần Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm

Năm 2014, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục được kiện toàn về nhân sự. Ủy ban hoạt động với 01 Chủ nhiệm và 02 Ủy viên Ủy ban. Trong đó Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên HĐQT, 02 Ủy viên Ủy ban là Lãnh đạo các Khối/Ban chức năng của Tập đoàn với năng lực, kinh nghiệm và hiểu biết sâu sắc về quản trị nguồn nhân lực và công tác thù lao, lương thưởng. Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm có vai trò tư vấn, giúp việc cho HĐQT trong việc đưa ra các chiến lược phát triển nguồn nhân lực cũng như các chính sách nhân sự, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Thành viên Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tại ngày 31/03/2015



Hoạt động của Ủy ban năm 2014

Trong năm 2014, Ủy ban đã tiến hành nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các đề xuất của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ để Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt/quyết định những vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân sự cơ bản sau đây:

Quy hoạch

Tập đoàn Bảo Việt: tổng số cán bộ được quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp Khối và tương đương trở lên là 12 cán bộ.

- Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt: tổng số cán bộ được quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo Tổng công ty là 11 cán bộ.
- Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ: tổng số cán bộ được quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo Tổng công ty là 17 cán bộ.
- Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt: tổng số cán bộ được quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo Công ty là 05 cán bộ.

Bổ nhiệm

- Tập đoàn Bảo Việt: bổ nhiệm 5 cán bộ lãnh đạo Tập đoàn và 2 cán bộ lãnh đạo cấp Khối.
- Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ: bổ nhiệm 07 cán bộ lãnh đạo cấp Khối và 01 Kế toán trưởng Tổng công ty.
- Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt: bổ nhiệm 01 cán bộ giữ chức vụ Giám đốc Khối.

Quỹ lương bao gồm quỹ lương tại Công ty Mẹ và các công ty con.

Thù lao bao gồm thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Hội đồng thành viên, kiểm soát viên của Tập đoàn và các công ty con.

Định hướng hoạt động 2015

Năm 2015, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt, tư vấn tham mưu cho Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt/quyết định các chính sách phát triển và hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy, mô hình quản trị doanh nghiệp và các chính sách về quản trị nhân sự trong phạm vi toàn Tập đoàn theo Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Bảo Việt đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đồng thời, trong năm 2015, Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm tiếp tục tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc quyết định các chính sách chế độ, quy trình, quy định liên quan đến công tác nhân sự đang áp dụng tại Công ty Mẹ và các đơn vị.

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư là một bộ phận chức năng trực thuộc Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn thông qua việc tư vấn và tham mưu về các nội dung liên quan đến lĩnh vực chiến lược và đầu tư.

Thành viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư

Trong năm 2014, để nâng cao hiệu quả hoạt động, HĐQT đã tiếp tục tiến hành kiện toàn đội ngũ bộ máy nhân sự các Ủy ban thuộc HĐQT, trong đó có Ủy ban Chiến lược và Đầu tư. Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trong năm 2014 hoạt động với 01 Chủ nhiệm và 03 Ủy viên là các Thành viên HĐQT và Lãnh đạo các Ban thuộc Khối Chiến lược và Quản lý rủi ro, Khối Đầu tư Tập đoàn. Với kinh nghiệm chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực xây dựng chiến lược và thực hiện các dự án đầu tư, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư đã từng bước nâng cao vai trò tham mưu, đề xuất HĐQT trong các quyết định xây dựng chiến lược phát triển và các hoạt động đầu tư của Tập đoàn.

Thành viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư tại ngày 31/03/2015



Hoạt động của Ủy ban năm 2014

Trong năm 2014, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư đã tích cực tham gia cho ý kiến thẩm định, tư vấn HĐQT về việc triển khai Đề án tái cơ cấu của Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, trong đó có Dự án tăng vốn điều lệ, Dự án rà soát điều chỉnh Kế hoạch chiến lược 2011 - 2015 và đưa ra các ý kiến thẩm định, tư vấn trong lĩnh vực đầu tư liên quan tới các khoản đầu tư chiến lược, đầu tư tài chính và các dự án đầu tư khác của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên theo phương châm an toàn, hiệu quả, phát triển bền vững.

Định hướng hoạt động 2015

Năm 2015 là năm bản lề trong việc thực hiện Kế hoạch Chiến lược giai đoạn 2011-2015, hoàn thành Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt và triển khai xây dựng chiến lược giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Bảo Việt.

Tháng 02 năm 2015, nhằm kiện toàn nhân sự của Ủy ban Chiến lược và Đầu tư phục vụ cho các mục tiêu chiến lược năm 2015 và giai đoạn tới, HĐQT đã bổ nhiệm Bà Thân Hiền Anh – Thành viên HĐQT – là Chủ nhiệm Ủy ban Chiến lược và Đầu tư thay Ông Nguyễn Đức Tuấn. Với kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng và quản trị chiến lược, Bà Thân Hiền Anh sẽ đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trong việc tham mưu, tư vấn HĐQT về đánh giá triển khai Kế hoạch chiến lược 2011 – 2015 và xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020; triển khai kiện toàn hoạt động quản lý đầu tư toàn hệ thống; tập trung thực hiện dự án tăng vốn điều lệ nhằm nâng cao sức mạnh tài chính và phát triển hoạt động kinh doanh cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Trong năm 2015, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư sẽ tập trung rà soát chức năng, nhiệm vụ và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên của Ủy ban để nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy tốt hơn nữa chức năng tham mưu và tư vấn cho HĐQT trong lĩnh vực hoạch định chiến lược kinh doanh, chiến lược đầu tư và định hướng phát triển bền vững của Tập đoàn Bảo Việt.

ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ (ALCO)

Chức năng và nhiệm vụ

Nhiệm vụ chính của Ủy ban ALCO:

- Giám sát và xem xét các nội dung liên quan tới quản lý và bảo đảm sự cân đối giữa tài sản có và tài sản nợ trên bảng tổng kết tài sản của toàn Tập đoàn, đảm bảo tính thanh khoản;
- Đánh giá các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và Bảng Cân đối Kế toán của Tập đoàn Bảo Việt cũng như tại các đơn vị thành viên nhằm đưa ra các khuyến nghị về chính sách, chiến lược, kế hoạch quản lý tài sản, quản lý rủi ro, nhằm đảm bảo cơ cấu và hiệu quả quản lý tài sản với mục đích tối ưu hóa lợi nhuận và cân đối rủi ro cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Thành phần Ủy ban ALCO

Ủy ban ALCO gồm 17 thành viên, trong đó: Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt là Chủ nhiệm Ủy ban, Giám đốc Khối Quản lý Tài chính là Thành viên Thường trực, ba (3) thành viên làm Thư ký Ủy Ban, mười hai (12) thành viên còn lại từ các Khối Ban của Tập đoàn và đại diện của các đơn vị thành viên.

Hoạt động của Ủy ban năm 2014

Tại các cuộc họp định kỳ Ủy ban tiến hành đánh giá các tác động ảnh hưởng đến lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, rà soát danh mục đầu tư, đánh giá rủi ro liên quan tới các biến động trên Tài sản nợ và Tài sản có, đưa ra giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản cho toàn Tập đoàn. Những bước tiến cơ bản trong hoạt động của Ủy ban ALCO.

- Chất lượng các cuộc họp ALCO được nâng cao và hoàn thiện, tập trung vào những vấn đề cần lưu ý và cần ưu tiên tại các đơn vị thành viên;
- Có mối liên hệ chặt chẽ giữa việc phân tích khác biệt số liệu giữa Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) từ đó đem lại các góc nhìn tổng thể và đa chiều về các Tài sản Nợ - Tài sản Có;
- Có mối quan hệ chặt chẽ trong trao đổi thông tin và chia sẻ ý kiến giữa Ủy ban ALCO và các Ủy ban, bộ phận khác như: Quản lý Rủi ro (RMC), Xây dựng chiến lược, Đầu tư, Actuary, Kiểm toán nội bộ... Tạo sự liên kết và trao đổi thông tin giữa Ủy Ban của Tập đoàn và các đơn vị thành viên góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

Một số khuyến nghị của Ủy ban ALCO trong năm 2014

STT	Nội dung khuyến khích	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Theo sát tình hình nợ xấu, nợ phí, tình hình trích lập và khả năng thu hồi nợ xấu, nợ phí tại Công ty Mẹ và các ĐVTV và đề xuất phương án giải quyết; đơn đốc thu hồi nợ xấu, nợ phí; xây dựng phương án trích lập dự phòng đối với các khoản nợ xấu;	Tập đoàn Bảo Việt và các ĐVTV	Năm 2014
2	Tăng cường quản lý rủi ro tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, đặc biệt chú ý giám sát hạn mức tiền gửi	Tập đoàn Bảo Việt và các ĐVTV	Năm 2014
3	Đánh giá ảnh hưởng của việc giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Ngân hàng Bảo Việt lên tổng tài sản, doanh thu, lợi nhuận hợp nhất	Tập đoàn Bảo Việt và các ĐVTV	Năm 2014
4	Đối với danh mục đầu tư dự án: rà soát hiệu quả, đánh giá thoái vốn hoặc tăng vốn đối với từng dự án, ưu tiên đầu tư vào nhóm ngành nghề có liên kết dọc/liên kết ngang, xem xét thoái vốn tại các dự án kém hiệu quả	Tập đoàn Bảo Việt và các ĐVTV	Năm 2014
5	Phân tích đánh giá sâu về cơ cấu kỳ hạn của danh mục đầu tư tiền gửi nhằm gia tăng hiệu quả của hoạt động đầu tư lãi suất cố định	Tập đoàn Bảo Việt và các ĐVTV	Năm 2014
6	Rà soát và đánh giá lại việc đầu tư tiền gửi với tất cả các ngân hàng để hỗ trợ hoạt động bancassurance của ĐVTV	Tập đoàn Bảo Việt và các ĐVTV	Năm 2014

Định hướng hoạt động 2015

Năm 2015, Ủy ban ALCO tiếp tục định hướng nâng cao hơn nữa chất lượng của các cuộc họp nhằm cung cấp các thông tin quản trị một cách kịp thời và hiệu quả, cụ thể:

- Đưa ra khuyến nghị về chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ, Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên cho từng thời kỳ khác nhau; Xem xét, đánh giá và khuyến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu Tài sản Nợ, Tài sản Có, cân đối tốc độ tăng trưởng của tài sản trên Bảng Cân đối Kế toán với kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh, với quy mô vốn chủ sở hữu;
- Đánh giá, khuyến nghị các giải pháp quản lý rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh, tài sản trên Bảng Cân đối Kế toán của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ RỦI RO

Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt.

- Tham mưu cho Tổng giám đốc Tập đoàn Bảo Việt trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách và các quy định về quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt;
- Đảm bảo các đơn vị chú trọng áp dụng các phương pháp phù hợp để hạn chế các rủi ro quan trọng, đồng thời bảo đảm nguyên tắc quản lý rủi ro là một quá trình liên tục và thống nhất trong Tập đoàn;
- Rà soát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn nhằm giảm thiểu rủi ro;
- Xây dựng biểu hạn mức các loại rủi ro, tuyên bố khẩu vị rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt, trình Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt ban hành;
- Thông qua và giám sát các hạn mức rủi ro đã quy định; Rà soát và đánh giá các tổn thất, xác định các rủi ro cụ thể để chú trọng xử lý các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao;
- Rà soát và chú trọng các vấn đề trong Báo cáo tài chính, Báo cáo Actuary;
- Cập nhật các rủi ro hiện tại, các rủi ro tiềm tàng và rủi ro trọng yếu, đề xuất với Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt biện pháp xử lý phù hợp;
- Lập báo cáo về quản lý rủi ro trình HĐQT Tập đoàn Bảo Việt theo yêu cầu;
- Tham gia ý kiến trong việc bổ nhiệm các vị trí điều hành then chốt trong lĩnh vực quản lý rủi ro của các đơn vị thành viên;
- Truyền thông nhận thức về rủi ro trong đó có việc đào tạo về quản lý rủi ro trong toàn Tập đoàn;
- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Tổng giám đốc Tập đoàn Bảo Việt giao.

Hoạt động của Hội đồng năm 2014

Năm 2014, Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con hướng tới thống lệ và chuẩn mực quốc tế, đồng thời phối hợp và giám sát hoạt động quản lý rủi ro tại các Công ty con nhằm đáp ứng hiệu quả yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã tổ chức họp định kỳ để rà soát các loại rủi ro và đề xuất những biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp. Thông qua những cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro, các loại rủi ro được nhận dạng, phân tích, đánh giá và thực hiện các biện pháp kiểm soát phù hợp. Hoạt động kiểm soát rủi ro cũng được phối hợp chặt chẽ giữa các Ủy ban/Hội đồng với các Khối, Ban chức năng tại Tập đoàn Bảo Việt cũng như giữa Tập đoàn Bảo Việt với các Công ty con.

Định hướng hoạt động năm 2015

Năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục chú trọng việc đánh giá và xử lý các loại rủi ro, hoàn thiện các văn bản có liên quan điều chỉnh hoạt động quản lý rủi ro toàn Tập đoàn; tiếp tục nghiên cứu, phân tích, đánh giá các tổ chức tín dụng theo mô hình nội bộ nhằm để xuất hạn mức tín dụng phù hợp; đẩy mạnh việc nghiên cứu phương pháp đo lường rủi ro thị trường cho các tài sản đầu tư khác; tiếp nhận các kinh nghiệm, kỹ năng quản lý rủi ro được cổ đông chiến lược nước ngoài chuyển giao theo Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật TSCTA nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro và góp phần hoàn thành kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt đã tập trung rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định trong nội bộ nhằm thống nhất cơ chế quản trị trong Tập đoàn; nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả quản lý trong toàn hệ thống kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động.

Tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị công ty

Năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt đã ban hành Quy chế quản trị sửa đổi, hướng tới mục tiêu tuân thủ các quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, đồng thời phù hợp với hoạt động thực tiễn tại Tập đoàn Bảo Việt. Tập đoàn Bảo Việt cũng đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty theo Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012, và các quy định về công bố thông tin theo Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Các thông tin liên quan đến hình hình quản trị, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, và các thông tin bất thường đều được Tập đoàn Bảo Việt công bố thông tin theo đúng thời hạn quy định, đảm bảo tính minh bạch với tất cả các cổ đông và nhà đầu tư.

Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất

Trong nội bộ doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt nhận thức và đánh giá cao vai trò của quản trị công ty trong quá trình đổi mới và phát triển doanh nghiệp. Chính vì vậy, trong Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, Tập đoàn Bảo Việt đã đưa dự án Tái cơ cấu quản trị là một trong những dự án thành phần có vai trò quan trọng nhằm nâng cao năng lực quản trị, năng lực cạnh tranh hướng tới phát triển bền vững.

Trên tinh thần đó, trong năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt đã tập trung rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định trong nội bộ nhằm thống nhất cơ chế quản trị trong Tập đoàn; nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả quản lý trong toàn hệ thống trong các lĩnh vực: quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính, đầu tư, quản lý nguồn nhân lực, quản lý rủi ro, quản trị thương hiệu, công nghệ thông tin, quản lý tài sản, và các quy chế liên quan tới hoạt động kiểm soát và kiểm toán nội bộ; kiện toàn mô hình tổ chức bộ máy nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành doanh nghiệp, Tập đoàn Bảo Việt đã kiện toàn bộ máy lãnh đạo cấp cao tại Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ, kiện toàn nhân sự và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT, Hội đồng Quản lý Rủi ro và Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt nhằm hỗ trợ cho hoạt động quản trị của HĐQT. Các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt đương nhiệm người Việt Nam và Thư ký Công ty đã tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty và có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán tổ chức, đồng thời tham dự nhiều hội thảo lớn trong và ngoài nước về quản trị công ty và phát triển bền vững.

Với cam kết thực hiện quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất, Tập đoàn Bảo Việt thường xuyên cập nhật các kiến thức, thông lệ quốc tế về quản trị công ty trong và ngoài nước

Tăng cường minh bạch thông tin

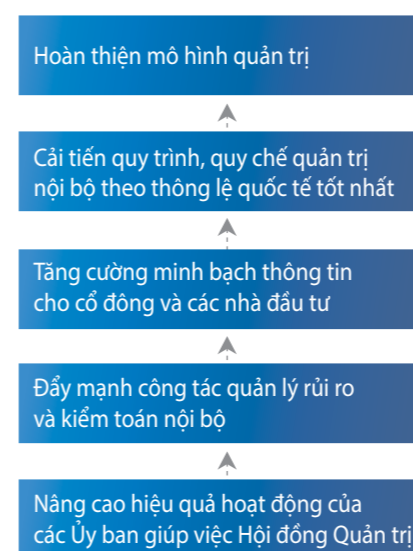
Tập đoàn Bảo Việt cũng tự hào là một trong số ít doanh nghiệp thực hiện tốt việc minh bạch hóa thông tin cho các cổ đông và nhà đầu tư. Bên cạnh việc thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định đối với công ty niêm yết, Bảo Việt còn thực hiện lập Báo cáo tài chính theo hai chuẩn mực kế toán: chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Đây là nỗ lực của Bảo Việt nhằm hướng tới mục tiêu cung cấp thông tin không chỉ cho các nhà đầu tư trong nước mà còn hướng tới các nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt cũng cập nhật các thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp đầy đủ và thường xuyên trên website của Bảo Việt và các phương tiện thông tin đại chúng để các khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông dễ dàng tiếp cận quản trị công ty trong và ngoài nước, đồng thời chủ động chia sẻ các thông tin liên quan đến quản trị doanh nghiệp và mô hình tổ chức bộ máy với đối tác chiến lược nước ngoài Sumitomo Life để tận dụng kinh nghiệm của Sumitomo Life trong việc phát triển mô hình quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quản trị quốc tế.

Nâng cao chất lượng quản trị công ty hướng đến phát triển bền vững

Nhằm nâng cao chất lượng quản trị công ty hướng đến phát triển bền vững, thực hiện tốt các cam kết với cổ đông, khách hàng và người lao động, Tập đoàn Bảo Việt đã đặt ra các mục tiêu cần tiếp tục tập trung triển khai và hoàn thiện trong giai đoạn tiếp theo như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình và cơ chế quản trị nội bộ nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Tập đoàn với các đơn vị thành viên, giữa các đơn vị thành viên với nhau trên cơ sở xây dựng các quy chế, quy định đảm bảo sự thống nhất, tăng cường tính tuân thủ trên toàn hệ thống. Theo đó mục tiêu trong năm 2015 sẽ hoàn thiện Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn – Tài chính Bảo hiểm Bảo Việt, trong đó tập trung hoàn thành cơ chế quản trị nội bộ xuyên suốt từ Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt đến các đơn vị thành viên;
- Thường xuyên cập nhật các kiến thức, thông lệ quốc tế về quản trị công ty trong và ngoài nước, chia sẻ những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị doanh nghiệp và kinh nghiệm trong quản trị công ty với đối tác chiến lược nước ngoài Sumitomo Life để vận dụng vào thực tiễn hoạt động của Bảo Việt;
- Tăng cường minh bạch hóa thông tin cho cổ đông và các nhà đầu tư;
- Đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ để cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp;
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hội đồng/Ủy ban giúp việc của Hội đồng Quản trị.

Quy trình tăng cường năng lực quản trị công ty



THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

VỀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỜNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Ngoài chế độ thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không chuyên trách, các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát cũng nhận được quỹ tiền thưởng được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2013 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

VỀ CÁC CHẾ ĐỘ ĐÃ NGỘ KHÁC ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Chế độ sử dụng ô tô của Tập đoàn: Chế độ ô tô đưa đón hàng ngày được áp dụng đối với Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Tập đoàn. Ngoài ra, các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát được sử dụng ô tô của Tập đoàn để thực hiện công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên tương ứng.

Chế độ sử dụng điện thoại: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Trưởng Ban Kiểm soát được Tập đoàn trang bị 01 số máy điện thoại di động và 01 số máy điện thoại cố định tại nhà riêng và được chi trả theo chi phí thực tế phát sinh (bao gồm chi phí lắp đặt, bảo dưỡng và hoạt động của các số điện thoại này).

Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác:

- Các Thành viên HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Thành viên Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách: được thực hiện chế độ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế áp dụng theo hệ thống thang, bảng lương của công ty mẹ trong Tập đoàn kinh tế do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo Nghị định 141/2007/NĐ-CP ngày 5 tháng 9 năm 2007.
- Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Thành viên Ban Kiểm soát được tham gia bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế.

Chế độ Khám sức khỏe định kỳ: Các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Thành viên Ban Kiểm soát được khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại bệnh viện y tế chất lượng cao tại Việt Nam và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế.

Chế độ công tác phí áp dụng cho các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Thành viên Ban Kiểm soát:

- Chi phí đi lại: vé hạng thương gia, áp dụng đối với tất cả các phương tiện đường không, đường sắt, đường thủy và đường bộ và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế.
- Chi phí thuê phòng nghỉ khách sạn (trong và ngoài nước): khách sạn 4 hoặc 5 sao, theo chi phí phát sinh thực tế.
- Công tác phí khoán: Ngoài các khoản chi phí nêu trên, các Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Thành viên Ban Kiểm soát đi công tác được hưởng công tác phí khoán để bù đắp chi phí khác phát sinh theo các mức như sau:

Ở Việt Nam:

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát: 500.000 đồng/người/ngày;
- Thành viên Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ kiêm nhiệm: 250.000 đồng/người/ngày.

Ở nước ngoài:

- Áp dụng mức chi phí gấp 2 lần so với quy định hiện hành của Bộ Tài chính tùy thuộc vào quốc gia đến.

Tổng Quỹ thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát được phê duyệt trong năm 2014

Tổng Quỹ thù lao của Thành viên HĐQT và Thành viên Ban Kiểm soát của Tập đoàn Bảo Việt được phê năm 2014 do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Tập đoàn phê duyệt theo tỷ lệ phần trăm (%) trên Lợi nhuận sau thuế thực hiện của Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể như sau:

- Thù lao đối với Thành viên HĐQT: 0,15% lợi nhuận sau thuế thực hiện.
- Thù lao đối với Ban Kiểm soát: 0,04% lợi nhuận sau thuế thực hiện.

Nguyên tắc chi trả

Việc chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên tuân thủ theo định mức quy định tại Quyết định của HĐQT về việc Ban hành Quy định về chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động đối với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt.

Tại thời điểm 31/12/2014 Tập đoàn Bảo Việt có 09 thành viên HĐQT trong đó chuyên trách 02 người; không chuyên trách 07 người và Ban Kiểm soát có 04 thành viên, trong đó chuyên trách: 01 người, không chuyên trách: 03 người.

Thù lao chi trả trong năm 2014

Căn cứ vào định mức thù lao nêu trên và dựa vào số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát thực tế tại từng thời điểm trong năm 2014, tình hình chi trả thù lao đối với các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2014 cụ thể như sau

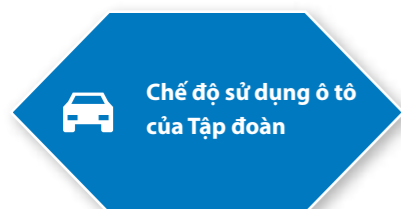
Bảng chi trả thù lao đối với các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2014

STT	Nội dung	Tỷ lệ thù lao /LNST (%)	LNST thực hiện năm 2014 (Tỷ đồng)	Kế hoạch LNST do ĐHĐCĐ thông qua (Tỷ đồng)	Quý Thù lao HĐQT và BKS năm 2014		
					Thực hiện năm 2014 (đồng)	Đã chi trả (bao gồm thuế TNCN) (đồng)	Chưa sử dụng (đồng)
1	Thù lao HĐQT	0,15	1.121,350	1.120	1.682.025.749	864.177.211	817.848.538
2	Thù lao của BKS	0,04	1.121,350	1.120	448.540.200	281.086.956	167.453.244
	Cộng	0,19			2.130.565.949	1.145.264.167	985.301.782

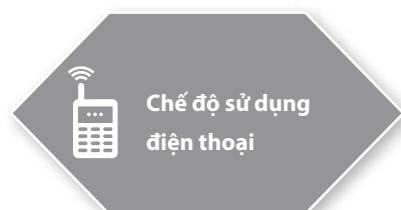
Phần thù lao chưa sử dụng 985.301.782 đồng được để lại để bổ sung vào lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm tài chính 2014 của Tập đoàn Bảo Việt.

Mức chi trả Thù lao đối với các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2014

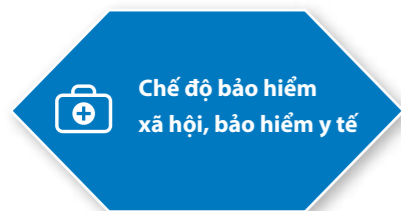
STT	Họ và tên	Chuyên trách	Kiểm điều hành	Nhiệm kỳ	Ngày bổ nhiệm/ Thời gian giữ chức vụ	Mức thù lao theo tháng (sau thuế)
1	Đào Đình Thi	x		Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Bổ nhiệm ngày 23/12/2014	Hưởng lương
2	Nguyễn Quang Phi		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Bổ nhiệm ngày 25/6/2014	10.000.000
3	Thân Hiến Anh		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Bổ nhiệm ngày 23/12/2014	10.000.000
4	Phan Kim Bằng		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Bổ nhiệm ngày 23/12/2014	10.000.000
5	Đậu Minh Lâm		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Bổ nhiệm ngày 23/12/2014	10.000.000
6	Lê Quang Bình	x		Nhiệm kỳ 2007- 2012, 2012 - 2017	Thời gian giữ chức vụ ngày 23/12/2014	Hưởng lương
7	Nguyễn Ngọc Anh	x		Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Thời gian giữ chức vụ ngày 23/12/2014	Hưởng lương
8	Dương Đức Chuyển		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Thời gian giữ chức vụ ngày 23/12/2014	10.000.000



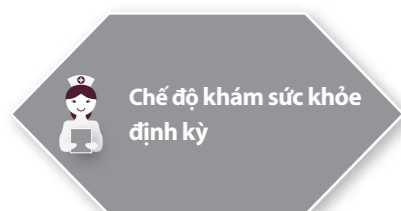
Chế độ sử dụng ô tô của Tập đoàn



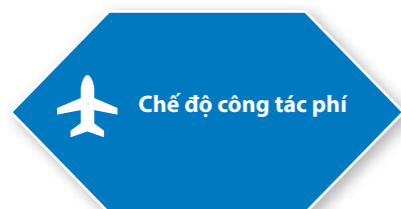
Chế độ sử dụng điện thoại



Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế



Chế độ khám sức khỏe định kỳ



Chế độ công tác phí

Mức chi trả Thù lao đối với các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2014 (tiếp theo)

STT	Họ và Tên	Chuyên trách	Kiểm điều hành	Nhiệm kỳ	Ngày bổ nhiệm/ Thôi giữ chức vụ	Mức thù lao theo tháng (sau thuế)
9	Lê Hải Phong		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Thôi giữ chức vụ ngày 23/12/2014	10.000.000
10	Trần Trọng Phúc		x	Nhiệm kỳ 2007- 2012, 2012 - 2017	Thôi giữ chức vụ ngày 31/03/2014	10.000.000
11	Nguyễn Đức Tuấn		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Thôi kiểm điều hành từ 25/12/2014	10.000.000
		x	Chuyên trách từ ngày 26/12/2014		Hưởng lương	
12	Nguyễn Quốc Huy		x	Nhiệm kỳ 2007- 2012, 2012 - 2017		10.000.000
13	Kono Shinzo		x	Nhiệm kỳ 2012 -2017		10.000.000
14	Yukihira Yoshiharu		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017		10.000.000

Mức chi trả thù lao đối với các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2014

STT	Họ và tên	Chuyên trách	Kiểm điều hành	Nhiệm kỳ	Ngày bổ nhiệm/ Thôi giữ chức vụ	Mức thù lao theo tháng (sau thuế)
1	Nguyễn Ngọc Thụy	x		Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Được bầu giữ chức vụ Trưởng ban từ ngày 25/12/2014	Hưởng lương
			x		Thành viên	5.000.000
2	Phan Kim Bằng	x		Nhiệm kỳ 2012 - 2017	Từ nhiệm từ ngày 22/12/2014	Hưởng lương
3	Yagi Nobuyuki		x	Nhiệm kỳ 2012 -2017		5.000.000
4	Ông Tiến Hùng		x	Nhiệm kỳ 2012 -2017		5.000.000
5	Đặng Thái Quý		x	Nhiệm kỳ 2012 - 2017		5.000.000

Bảng thống kê thù lao đã chi qua các năm từ năm 2009 đến năm 2014

STT	Nội dung	2014		2013		2012		2011		2010		2009	
		Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)
1	Thù lao HĐQT	864,2	0,077	957,3	0,087	1.130,6	0,104	979,9	0,108	816,7	0,096	390,6	0,048
2	Thù lao Ban Kiểm soát	281,1	0,025	296,6	0,027	294,3	0,027	275,0	0,030	275,0	0,032	110,0	0,014
	Cộng	1.145,2		1.253,9		1.424,9		1.254,9		1.091,7		500,6	

THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH**Thay đổi nhân sự trong HĐQT, Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời điểm được bổ nhiệm	Thời điểm được thôi giữ chức vụ	Ghi chú
1	Trần Trọng Phúc	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt	04/10/2007	29/3/2014	Ngày 29/3/2014, Bộ Tài chính có công văn số 169/BTC-TCCB với nội dung rút ông Trần Trọng Phúc ra khỏi những người đại diện vốn của Bộ Tài chính tại Tập đoàn Bảo Việt; theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, ông Trần Trọng Phúc đương nhiên mất tư cách là thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.
2	Nguyễn Quang Phi	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt	25/6/2014		Theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐQT ngày 25/06/2014 của HĐQT
3	Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt	04/10/2007	23/12/2014	Căn cứ công văn số 08-TB/BCSD ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, ông Lê Quang Bình thôi không làm đại diện vốn Nhà nước tại Tập đoàn Bảo Việt; theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, ông Lê Quang Bình đương nhiên mất tư cách là thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt và được thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.
4	Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt	29/11/2012	23/12/2014	Căn cứ công văn số 08-TB/BCSD ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, ông Nguyễn Ngọc Anh thôi không làm đại diện vốn Nhà nước tại Tập đoàn Bảo Việt; theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, ông Nguyễn Ngọc Anh đương nhiên mất tư cách là thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt và được thôi giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.
5	Dương Đức Chuyển	Thành viên HĐQT, Giám đốc Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt	19/4/2011	23/12/2014	Căn cứ công văn số 08-TB/BCSD ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, ông Dương Đức Chuyển thôi không làm đại diện vốn Nhà nước tại Tập đoàn Bảo Việt, theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, ông Dương Đức Chuyển đương nhiên mất tư cách là thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt.
6	Lê Hải Phong	Thành viên HĐQT, Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt	29/11/2012	23/12/2014	Căn cứ công văn số 08-TB/BCSD ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, ông Lê Hải Phong thôi không làm đại diện vốn Nhà nước tại Tập đoàn Bảo Việt, theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, ông Lê Hải Phong đương nhiên mất tư cách là thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt
7	Đào Đình Thi	Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt	23/12/2014		Theo Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐQT ngày 23/12/2014 của HĐQT
8	Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt	23/12/2014		Theo Nghị quyết số 16/2014/NQ-HĐQT ngày 23/12/2014 của HĐQT
9	Phan Kim Bằng	Trưởng BKS Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt	29/11/2012 23/12/2014	22/12/2014	Ngày 22/12/2014, Ông Phan Kim Bằng có Đơn từ nhiệm Trưởng Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát; theo quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, Ông Phan Kim Bằng không còn tư cách là thành viên Ban Kiểm soát và Trưởng ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt theo Nghị quyết số 17/2014/NQ-HĐQT ngày 23/12/2014 của HĐQT
10	Thân Hiến Anh	Thành viên HĐQT Giám đốc Khối Chiến lược & Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt	23/12/2014 26/8/2014		Theo Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐQT ngày 23/12/2014 của HĐQT
11	Nguyễn Ngọc Thụy	Trưởng BKS Tập đoàn Bảo Việt	29/11/2012		Ngày 29/11/2012, ông Nguyễn Ngọc Thụy được bầu là thành viên Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt. Từ ngày 25/12/2014, ông Nguyễn Ngọc Thụy được bầu là Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt.

Thay đổi nhân sự Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Ngày 31/3/2014, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt ra Nghị quyết định số 03/2014/NQ-HĐQT về việc được thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt đối với ông Trần Trọng Phúc; đồng thời, Hội đồng Quản trị ra Quyết định số 352/2014/QĐ-HĐQT tạm thời bổ nhiệm ông Dương Đức Chuyển – Thành viên HĐQT, Giám đốc Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt – giữ chức vụ Tổng Giám đốc tập đoàn Bảo Việt cho đến khi HĐQT ra quyết định mới.

Ngày 25/6/2014, Hội đồng Quản trị ra Quyết định số 695/2014/QĐ-HĐQT về việc ông Dương Đức Chuyển được thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt, đồng thời HĐQT ra quyết định số 696/2014/QĐ-HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Phi – Thành viên HĐQT – giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt với thời hạn 05 năm.

Thay đổi nhân sự Giám đốc Khối chức năng của Tập đoàn Bảo Việt

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời điểm được bổ nhiệm	Thời điểm được thôi giữ chức vụ Giám đốc Khối chức năng	Ghi chú
1	Thân Hiến Anh	Giám đốc Khối Chiến lược & Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt	26/8/2014	06/2/2015	Theo Quyết định số 178/2015/QĐ-HĐQT ngày 06/02/2015 của HĐQT
2	Đậu Minh Lâm	Giám đốc Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt	25/12/2015		Theo Quyết định số 1430/2014/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2014 của HĐQT
3	Hoàng Việt Hà	Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt	26/9/2011	25/12/2014	Theo Quyết định số 1429/2014/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2014 của HĐQT
4	Dương Đức Chuyển	Giám đốc Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt	22/4/2010	25/12/2014	Theo Quyết định số 1427/2014/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2014 của HĐQT
5	Lê Hải Phong	Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt	30/6/2008	25/12/2014	Theo Quyết định số 1428/2014/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2014 của HĐQT

GIAO DỊCH VÀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt không có các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ bao gồm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Ban Điều hành, Kế toán trưởng, người được ủy quyền công bố thông tin và những người có liên quan đến các đối tượng nêu trên.

Sự thay đổi số lượng cổ phiếu do các nhân sự chủ chốt của Tập đoàn Bảo Việt nắm giữ trong giai đoạn từ 31/01/2014 đến 31/12/2014 chủ yếu là do sự thay đổi người đại diện phần vốn của cổ đông nhà nước dẫn đến sự thay đổi số cổ phần đại diện sở hữu do các nhân sự chủ chốt này nắm giữ. Thông tin về việc thay đổi nhân sự chủ chốt được trình bày tại mục "Thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt" tại Báo cáo này.

Sở hữu của cổ đông nội bộ

STT	Họ và tên	Số cổ phần nắm giữ		Tổng số cổ phần nắm giữ cuối kỳ (tại 31/12/2014)	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ
		Đại diện sở hữu	Sở hữu cá nhân		
Hội đồng Quản trị					
1	Đào Đình Thi Chủ tịch HĐQT	175.707.452 (Đại diện sở hữu phần vốn của Bộ Tài Chính)	0	175.707.452	25,82%
2	Nguyễn Quang Phi Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	111.410.384 (Đại diện sở hữu phần vốn của Bộ Tài Chính)	1.194	111.411.578	16,37%
3	Yukihira Yoshiharu Thành viên HĐQT	122.509.091 (Đại diện sở hữu phần vốn của Sumitomo Life)	0	122.509.091	18,00%
4	Kono Shinzo Thành viên HĐQT	0	0	0	0%
5	Nguyễn Đức Tuấn Thành viên HĐQT	48.848.000 (Đại diện sở hữu phần vốn của Bộ Tài Chính)	3.200	48.851.200	7,18%
6	Phan Kim Bằng Thành viên HĐQT	48.848.000 (Đại diện sở hữu phần vốn của Bộ Tài Chính)	500	48.848.500	7,18%
7	Đậu Minh Lâm Thành viên HĐQT / Giám đốc Khối Đầu tư	48.848.000 (Đại diện sở hữu phần vốn của Bộ Tài Chính)	0	48.848.000	7,18%
8	Nguyễn Quốc Huy Thành viên HĐQT	22.154.400 (Đại diện sở hữu phần vốn của SCIC)	0	22.154.400	3,26%
9	Thân Hiến Anh Thành viên HĐQT	48.848.000 (Đại diện sở hữu phần vốn của Bộ Tài Chính)	0	48.848.000	7,18%
Ban Điều hành					
1	Nguyễn Quang Phi Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	111.410.384 (Đại diện sở hữu phần vốn của Bộ Tài Chính)	1.194	111.411.578	16,37%
2	Đậu Minh Lâm Thành viên HĐQT/Giám đốc Khối Đầu tư	48.848.000 (Đại diện sở hữu phần vốn của Bộ Tài Chính)	0	48.848.000	7,18%
3	Phan Tiến Nguyên Giám đốc Khối Quản lý Nguồn Nhân Lực	0	0	0	0%
4	Nguyễn Thanh Sơn Giám đốc Khối Quản lý Bất động sản	0	0	0	0%

Sở hữu của cổ đông nội bộ (tiếp theo)

STT	Họ và tên	Tổng số cổ phần nắm giữ đầu kỳ (tại 31/01/2014)		Tổng số cổ phần nắm giữ cuối kỳ (tại 31/12/2014)		Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ
		Đại diện sở hữu	Sở hữu cá nhân			
Ban Kiểm soát						
1	Nguyễn Ngọc Thụy Trưởng Ban Kiểm soát	0	318	318	0,00005%	
2	Ông Tiến Hùng Thành viên Ban Kiểm soát	0	0	0	0%	
3	Đặng Thái Quý Thành viên Ban Kiểm soát	0	0	0	0%	
4	Ông Yagi Nobuyuki Thành viên Ban Kiểm soát	0	0	0	0%	
Người được Ủy quyền công bố thông tin, Kế toán trưởng						
1	Ông Lê Hải Phong Người được ủy quyền Công bố thông tin	0	1.194	1.194	0,00018 %	
2	Ông Nguyễn Thanh Hải Kế toán Trưởng	0	1.300	1.300	0,00019%	
TỔNG CỘNG		627.173.327	7.706	627.181.033	92,17%	



GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành giao dịch với các công ty có liên quan qua hoạt động đầu tư góp vốn. Các bên liên quan có giao dịch với Tập đoàn Bảo Việt trong năm tài chính 2014 cụ thể như sau:

Các bên liên quan	Giao dịch	Số tiền
Cổ đông sáng lập		
Bộ Tài chính	Cổ tức năm 2013 đã trả	723.764.700.000
Tổng Công ty Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Cổ tức năm 2013 đã trả	33.231.600.000
Cổ đông chiến lược		
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo	Cổ tức năm 2013 đã trả	183.763.636.500
Công ty Con		
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	Lợi nhuận chuyển về	593.897.447.590
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Lợi nhuận chuyển về	233.714.214.185
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	Lợi nhuận chuyển về	11.088.338.225
	Doanh thu cho thuê nhà	2.500.226.190
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Doanh thu cho thuê nhà	6.606.830.586
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	Chi phí quản lý tòa nhà	10.928.209.990
	Doanh thu cho thuê nhà	51.828.688.913
Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty TNHH Bảo Việt Tokio Marine	Cổ tức nhận được	29.210.056.957
Công ty Cổ phần Đầu tư SCIC Bảo Việt	Tặng vốn trong năm	30.000.000.000
Ngân hàng Bảo Việt (*)	Doanh thu cho thuê nhà	11.430.895.238
	Cổ tức nhận được	46.800.000.000

(*): Kể từ ngày 24/9/2014, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại Ngân hàng Bảo Việt giảm từ 52% xuống 49,52%. Theo đó, Ngân hàng Bảo Việt không còn là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt theo quy định pháp luật hiện hành.

QUẢN LÝ RỦI RO

Trước sự xuất hiện của các rủi ro ngày càng đa dạng, Tập đoàn Bảo Việt không ngừng nỗ lực xây dựng, hoàn thiện các biện pháp, thước đo, mô hình để đánh giá và giảm thiểu rủi ro. Qua đó, Tập đoàn và các Công ty con đã xác định, phân loại và đánh giá các rủi ro một cách hệ thống, đảm bảo tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả. Tập đoàn cũng tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng tuyên bố khẩu vị rủi ro, đánh giá hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn của Tập đoàn và các Công ty con, đảm bảo sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận.

Năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt đã tăng cường hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp cũng như cơ cấu quản trị rủi ro và các chính sách quản lý rủi ro tại Tập đoàn và các Công ty con. Thông qua bảng đánh giá rủi ro, Tập đoàn và các Công ty con đã xác định, phân loại và đánh giá các rủi ro một cách hệ thống, đảm bảo tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả. Tập đoàn tiếp tục nghiên cứu, xây dựng tuyên bố khẩu vị rủi ro, đánh giá hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn của Tập đoàn và các Công ty con, đảm bảo sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận.

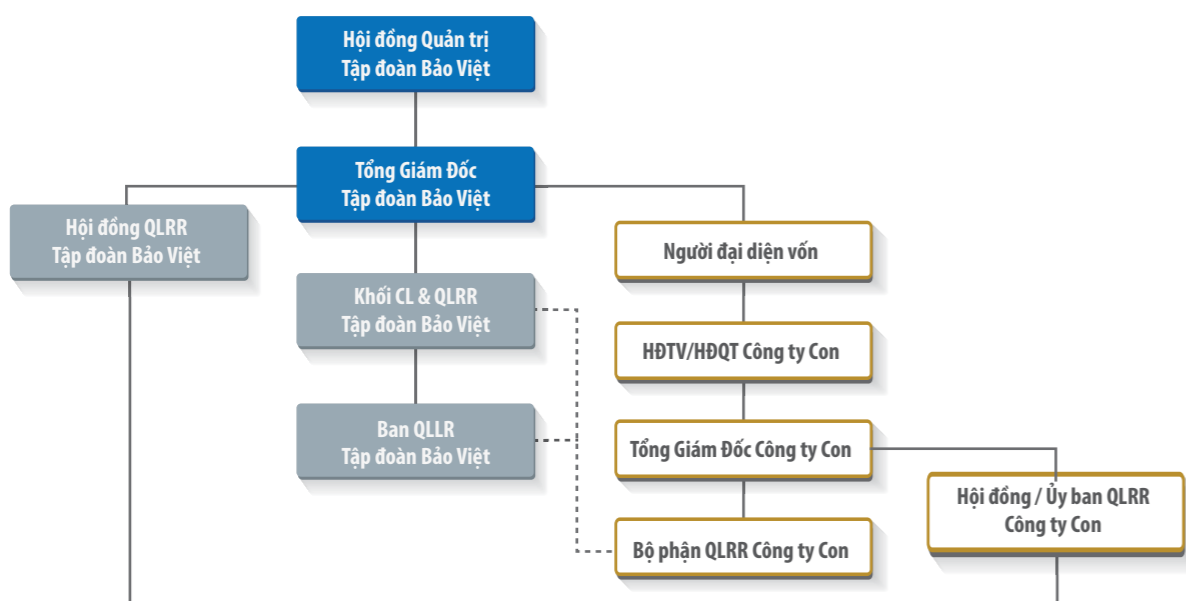
Tập đoàn Bảo Việt luôn đề cao vai trò quản lý rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững. Quản lý rủi ro được thực hiện thống nhất từ Tập đoàn Bảo Việt đến các Công ty con. Chúng tôi đã xây dựng và ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro; các quy định đánh giá rủi ro trên phạm vi toàn Tập đoàn và áp dụng những quy trình hoạt động chuyên nghiệp theo thông lệ quốc tế, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đạt hiệu quả cao nhất. Đồng thời, nâng cao nhận thức và hình thành văn hóa quản lý rủi ro, bảo đảm Ban Lãnh đạo, toàn thể cán bộ, nhân viên của Tập đoàn Bảo Việt và Công ty con luôn chủ động xem xét yếu tố rủi ro trong các quyết định kinh doanh và quản lý hàng ngày.

Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro

Tập đoàn Bảo Việt xây dựng chiến lược, chính sách và các quy định về quản lý rủi ro; tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về quản lý rủi ro cho toàn bộ hệ thống, phù hợp với chiến lược quản lý rủi ro của Tập đoàn.

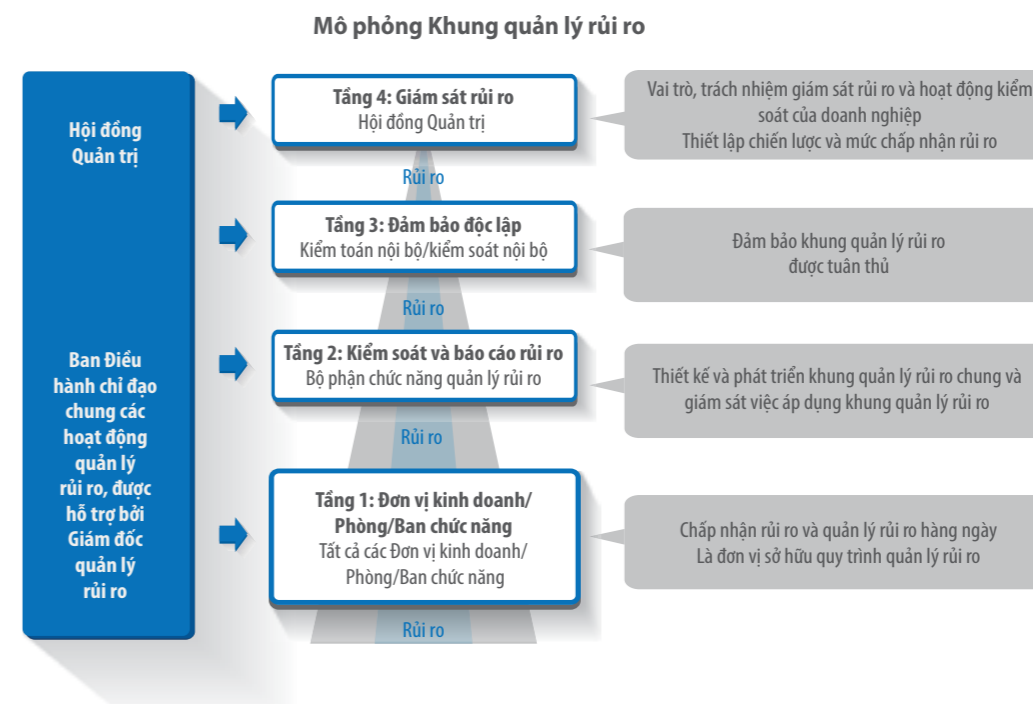
Các Công ty con thuộc Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quản lý rủi ro riêng thông qua việc xây dựng chiến lược, chính sách quản lý rủi ro của mình phù hợp với chiến lược, chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt.

Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro - Tập đoàn Bảo Việt



Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là RMC) là Hội đồng trực thuộc Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt, thực hiện chức năng tư vấn, giúp việc cho Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro.

Trong môi trường hội nhập của nền kinh tế, rủi ro cũng trở nên đa dạng hơn, Tập đoàn Bảo Việt luôn sẵn sàng đối mặt trước sự xuất hiện của các rủi ro và xây dựng, hoàn thiện các biện pháp, thước đo, mô hình đánh giá rủi ro. Tập đoàn Bảo Việt đang từng bước đánh giá toàn diện tất cả các loại rủi ro, bao gồm rủi ro mới phát sinh từ những thay đổi về môi trường, xã hội, đồng thời tăng cường các biện pháp quản lý rủi ro liên quan đến các yếu tố không chỉ về số lượng như thiệt hại kinh tế, mà còn tính đến cả các yếu tố định tính như rủi ro tính liên tục của hoạt động kinh doanh và rủi ro danh tiếng.



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN QUẢN LÝ RỦI RO TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT.

Để đạt được mục tiêu của Tập đoàn hướng tới các chuẩn mực quốc tế về khung Quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM), Tập đoàn Bảo Việt đã từng bước xây dựng và không ngừng cải thiện các công cụ quản lý rủi ro:

Quản trị rủi ro . Thành lập RMC & ALCO . Quy chế QLRR . Các chính sách, quy định về QLRR <hr/> Báo cáo rủi ro định kỳ . Thu thập thông tin . Xây dựng biểu mẫu . Tính toán và đưa ra một số chỉ tiêu cơ bản <hr/> Đào tạo và phát triển . Xây dựng nguồn lực về QLRR . Đào tạo các kỹ năng tính toán cơ bản cho rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường	Rủi ro thị trường . Var, Beta, SD, Stress test . PV01, Duration, YTM, độ nhạy lãi suất	Rủi ro tín dụng . Xây dựng mô hình phân loại TCTD nội bộ và hạn mức tín dụng . Triển khai quy trình, thường xuyên cập nhật, rà soát mô hình, hạn mức tín dụng
	Rủi ro hoạt động . Xây dựng danh mục rủi ro hoạt động . Truyền thông và Kiểm soát Bảo mật thông tin	Rủi ro bảo hiểm . Giám sát và đánh giá việc thực hiện rủi ro bảo hiểm qua các cuộc họp RMC . Hỗ trợ mô hình CAT, đánh giá tín nhiệm
	Đào tạo và phát triển . Tăng cường đào tạo các kỹ năng về quản lý rủi ro và kiến thức thực tế về các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn . Tổ chức đào tạo chuyên sâu về ALM, quản lý rủi ro, mô hình định lượng, xếp hạng tín nhiệm...	
	Xây dựng nền tảng	

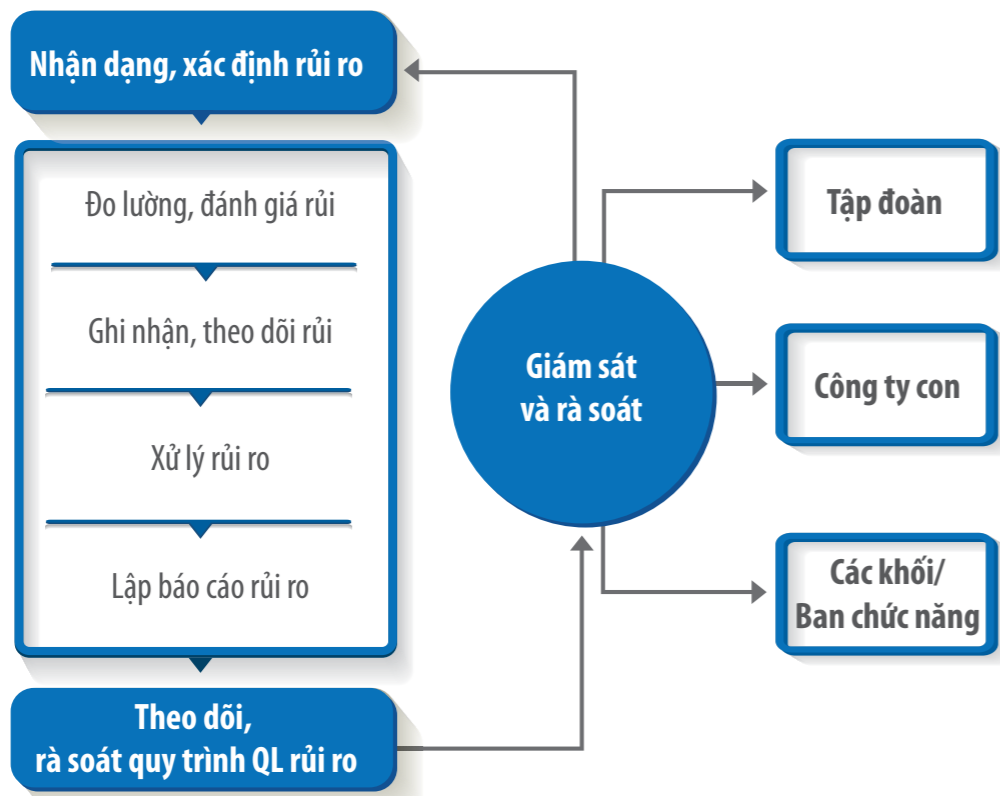
Các biện pháp quản lý rủi ro chủ yếu

Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục tăng cường hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và chuẩn hóa các quy trình quản lý rủi ro; sử dụng phương pháp định tính và định lượng để xác định, đánh giá nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao khả năng quản lý rủi ro tổng thể, hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính.

- Tập đoàn thiết lập các hạn mức rủi ro và chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động, tích hợp văn hóa quản lý rủi ro vào văn hóa doanh nghiệp. Đây là nền tảng tốt cho sự phát triển mạnh mẽ, ổn định trong hoạt động kinh doanh và phát triển bền vững của Tập đoàn;
- Tập đoàn tiếp tục nghiên cứu, xây dựng tuyên bố khẩu vị rủi ro phù hợp với chiến lược kinh doanh;
- Tập đoàn tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ, xây dựng các chính sách quản lý rủi ro, báo cáo rủi ro nhằm nâng cao năng lực quản lý rủi ro tổng thể trong hoạt động kinh doanh;
- Tập đoàn sử dụng các công cụ và phương pháp như bảng đánh giá rủi ro, phân tích kịch bản “stress-testing”, hạn mức rủi ro để quản lý các rủi ro trọng yếu;
- Tập đoàn thiết lập một cơ chế cảnh báo rủi ro hiệu quả, cung cấp thông tin cảnh báo kịp thời các rủi ro phát sinh trong từng lĩnh vực kinh doanh nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực và rủi ro tiềm ẩn;
- Tập đoàn quản lý rủi ro tại các Công ty con thông qua báo cáo hợp nhất, báo cáo của người đại diện vốn và tăng cường các công cụ kiểm soát rủi ro tại các Công ty con; tiếp tục hoàn thiện và tối ưu hóa các kỹ thuật, mô hình quản lý rủi ro.

Quy trình quản lý rủi ro

Quy trình quản lý rủi ro được thiết kế đồng bộ và có sự gắn kết với việc xây dựng và thực thi chiến lược kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt. Quy trình quản lý rủi ro bao gồm các giai đoạn hoặc các bước công việc cơ bản như sau:

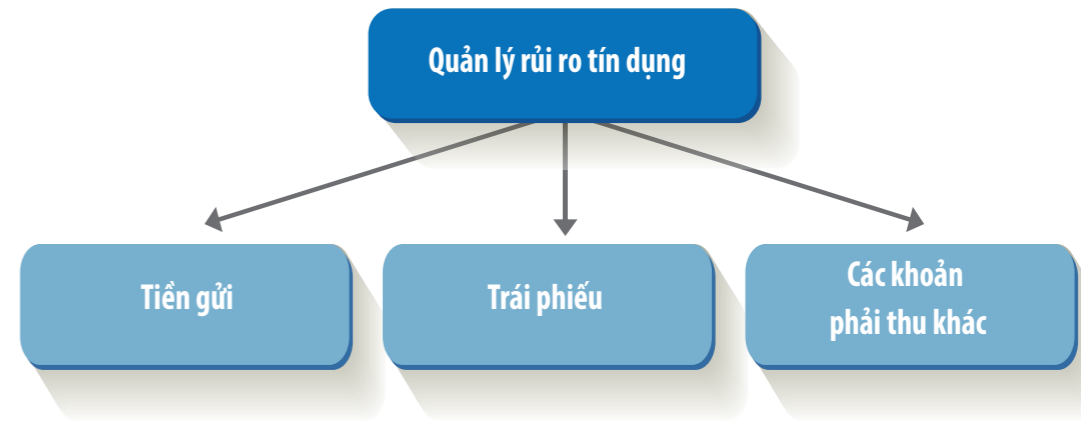


Trong số các rủi ro khác nhau, chúng tôi thấy rằng rủi ro đầu tư (bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản) và rủi ro bảo hiểm là các rủi ro trọng yếu cần được ưu tiên quản lý. Tập đoàn Bảo Việt cũng đang nỗ lực để giảm thiểu các rủi ro hoạt động và rủi ro khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

QUẢN LÝ RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khoản lỗ tiềm tàng do khả năng trả nợ theo hợp đồng của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn có thể phát sinh từ hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác), hoạt động tín dụng bảo hiểm (chủ yếu tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt) và hoạt động kinh doanh khác. Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã áp dụng đồng bộ các biện pháp để giảm thiểu rủi ro tín dụng.



Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tiền gửi

Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và triển khai việc đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên mô hình phân tích tín dụng nội bộ, làm căn cứ để RMC Tập đoàn Bảo Việt xác định hạn mức tín dụng đối với mỗi tổ chức tín dụng mà Tập đoàn và các Công ty con được phép gửi tiền, các hạn mức này được rà soát định kỳ. Mô hình phân tích tín dụng nội bộ không ngừng được hoàn thiện cho phù hợp với tình hình kinh tế, tài chính, chính sách vĩ mô và các quy định của pháp luật. Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con thiết lập các biện pháp giám sát nhằm hạn chế rủi ro tích tụ trong hoạt động đầu tư tiền gửi, đồng thời đưa ra hành động kịp thời khi phía đối tác xuất hiện các dấu hiệu suy giảm chất lượng tín dụng. Rủi ro tín dụng được theo dõi và đánh giá trong Báo cáo rủi ro hàng tháng.



Quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu

Trong hoạt động đầu tư trái phiếu, rủi ro tín dụng chủ yếu xuất phát từ danh mục trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu Chính phủ đang chiếm tỷ trọng lớn trong tổng danh mục đầu tư trái phiếu (83%) nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp.

Tập đoàn Bảo Việt xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản, xem xét thận trọng khi đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, tuân thủ quy trình thẩm định, phê duyệt các khoản đầu tư trái phiếu mới.

Quản lý rủi ro tín dụng bảo hiểm

Nợ phí bảo hiểm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty bảo hiểm, trong khi không thu được phí bảo hiểm, công ty bảo hiểm vẫn phải gánh chịu chi phí quản lý, chi phí bán hàng, chi phí tái bảo hiểm (trường hợp nghiệp vụ phải tái bảo hiểm). Đồng thời, khi có phát sinh bồi thường công ty bảo hiểm vẫn phải chi trả theo trách nhiệm cam kết của hợp đồng bảo hiểm. Đối với các hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực, nếu người tham gia bảo hiểm mất khả năng nộp phí bảo hiểm cũng phát sinh rủi ro tín dụng.

Năm 2014, Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) đã loại trừ rủi ro tín dụng trong việc đóng phí của khách hàng bằng những quy định chặt chẽ hơn về gia hạn đóng phí bảo hiểm và từ chối bảo hiểm, hoặc chấm dứt hiệu lực hợp đồng đối với những trường hợp không có khả năng đóng phí bảo hiểm đúng thời hạn.

Mặc dù điều kiện, điều khoản hợp đồng bảo hiểm luôn quy định nghĩa vụ và thời hạn đóng phí bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm nhưng trên thực tế, tình trạng người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm là không tránh khỏi. Để hạn chế tình trạng này, BHBV đã ban hành và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy trình đóng phí, gia hạn đóng phí bảo hiểm. Cụ thể: chỉ phân cấp cho các công ty thành viên được gia hạn đóng phí các khoản phí nhỏ (phù hợp với từng loại rủi ro bảo hiểm và xếp hạng của công ty thành viên). Đối với các khoản phí bảo hiểm lớn, chỉ Tổng Công ty được cho phép gia hạn. Những người tham gia bảo hiểm còn khả năng đóng phí hoặc có triển vọng là khách hàng chiến lược của BHBV mới được gia hạn đóng phí bảo hiểm. Những người tham gia bảo hiểm bị đánh giá tín dụng thấp, không có khả năng đóng phí sẽ bị chấm dứt hiệu lực hợp đồng và tiếp tục theo dõi công nợ để làm các thủ tục đòi hoặc xóa nợ sau này. Trong thời gian gia hạn, BHBV có thể áp dụng lãi phát sinh trên số phí bảo hiểm được gia hạn. Đối với các khoản phí bảo hiểm không đóng đúng thời hạn, BHBV theo dõi, phân loại tuổi nợ để trích lập dự phòng cũng như làm thủ tục xóa nợ nếu có đầy đủ cơ sở theo quy định.

Việc nhượng tái bảo hiểm chỉ được thực hiện đối với các nhà bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các nhà nhận tái bảo hiểm trong nước chưa được xếp hạng tín dụng, BHBV có những đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, các thỏa thuận tái bảo hiểm được xây dựng và thực hiện từ năm 2012 cho những hợp đồng có số tiền bảo hiểm lớn nhằm chấp nhận mức rủi ro cao hơn, đồng thời kiểm soát tốt các rủi ro này khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, đảm bảo khả năng tài chính của doanh nghiệp. Đồng thời, hợp tác tái bảo hiểm giúp Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ (BVNT) tiếp cận với tiêu chuẩn và kinh nghiệm quốc tế, qua đó giúp thiết lập và hoàn thiện các quy trình, quy định nội bộ, có thêm thông tin trong định phí và phát triển sản phẩm, xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh...

Năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 194/2014/TT-BTC, trong đó bổ sung quy định về điều kiện cho nợ phí. Với các quy định mới này, việc cho nợ phí sẽ được kiểm soát chặt chẽ hơn.

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động giao dịch ký quỹ

Trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đã thực hiện chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để quản lý rủi ro này, xây dựng tiêu chuẩn cho các cổ phiếu nằm trong danh mục cho vay ký quỹ, xác định tỷ lệ ký quỹ an toàn và đề ra các biện pháp thực hiện xử lý tài sản đảm bảo nhằm đảm bảo an toàn nguồn vốn phục vụ cho vay ký quỹ của BVSC.

QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM

Rủi ro bảo hiểm là rủi ro liên quan đến tổn thất mà công ty bảo hiểm có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các sự kiện được bảo hiểm.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được triển khai tại hai Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT).

Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ

Công tác quản lý rủi ro bảo hiểm luôn được chú trọng trong tất cả các khâu liên quan của quá trình hoạt động kinh doanh. Trước hết, rủi ro bảo hiểm được giám sát chặt chẽ thông qua việc xây dựng những giả định phù hợp về tổn thất dự kiến liên quan đến đối tượng được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

BVNT có thể chịu rủi ro về các khoản bồi thường chưa xác định rõ thời điểm, tần suất và mức độ bồi thường liên quan đến những tổn thất do tai nạn, sức khỏe, trực lợi hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện bảo hiểm. Do vậy, BVNT đã đưa ra và thực hiện quy định, quy trình chặt chẽ về thiết kế và quản lý sản phẩm, theo dõi kinh nghiệm triển khai thông qua việc đánh giá sản phẩm về lợi nhuận, doanh số, phân tích kịch bản; kịp thời hoàn thiện sản phẩm, định phí lại khi thấy thực tế khác với giả định, ban hành hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình/thủ tục phê duyệt những giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc giao dịch vượt hạn mức khai thác bảo hiểm, nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Quy trình xây dựng các giả định của BVNT nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai để tránh các biến động trong thực tiễn kinh doanh. Hoạt động kiểm tra, đánh giá được thực hiện định kỳ nhằm đảm bảo rằng số bồi thường thực tế phù hợp với giả định áp dụng, qua đó đảm bảo khả năng thanh toán quyền lợi bảo hiểm và đem lại giá trị cao nhất cho khách hàng đồng thời đáp ứng mục tiêu lợi nhuận của BVNT.

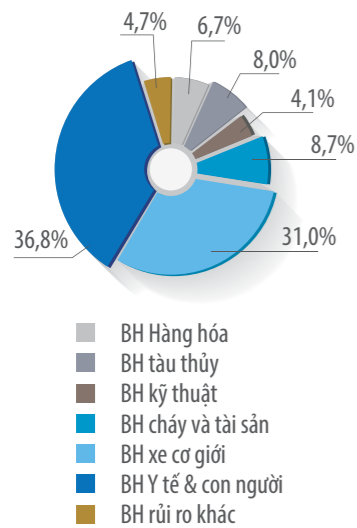
BVNT đã đưa ra các quy định chặt chẽ, đặc biệt là trong hoạt động thiết kế sản phẩm và các quy định loại trừ nhằm hạn chế tối đa rủi ro trực lợi bảo hiểm và lựa chọn đối nghịch. Đồng thời, đưa ra các quy định về triển khai sản phẩm như quy định đối tượng được chấp nhận bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối đa, sản phẩm được bảo hiểm, bệnh viện được chấp thuận thanh toán quyền lợi bảo hiểm... Thực hiện định phí bảo hiểm đầy đủ, đảm bảo lợi nhuận và khả năng thanh toán trong tình huống bồi thường thực tế khác với giả định trong một giới hạn nhất định. Các phương pháp, công cụ được BVNT sử dụng để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm như mô hình đo lường rủi ro, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phân tích kịch bản. Các phương pháp actuarial tiên tiến được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp. Hiện tại, rủi ro bảo hiểm của BVNT chủ yếu là tần suất xảy ra tổn thất bảo hiểm lớn hơn dự kiến. Theo bản chất, các tổn thất bảo hiểm xảy ra mang tính ngẫu nhiên và tổn thất thực tế của các sự kiện bảo hiểm có thể xảy ra bất kỳ thời điểm nào và có thể khác so với con số ước tính.

Công tác đánh giá rủi ro và chấp nhận bảo hiểm, giám định và giải quyết quyền lợi bảo hiểm đã được tăng cường thông qua việc hoàn thiện các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể; đào tạo cán bộ và xây dựng mối quan hệ hợp tác hiệu quả với các đối tác... Đặc biệt, các công việc này đã được thực hiện tập trung và được quản lý thống nhất trong toàn hệ thống.

BVNT cũng thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng tái bảo hiểm cố định (treaty) và hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời (facultative). Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính và mức độ rủi ro được bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro nhà nhận tái bảo hiểm không đảm bảo thanh toán trách nhiệm, BVNT chỉ thực hiện tái bảo hiểm với những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ

Tỷ trọng doanh thu theo sản phẩm bảo hiểm



Hoạt động quản lý rủi ro tại BHBV được thực hiện thông qua quá trình nhận diện, phân loại sự kiện rủi ro; đánh giá nguyên nhân, khả năng xảy ra rủi ro; đánh giá quy mô và mức độ tác động của rủi ro có thể gây ra; xác định các hạn mức rủi ro mà BHBV sẵn sàng chấp nhận và đề ra các giải pháp xử lý phù hợp. BHBV đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm thông qua phương pháp phân tích độ nhạy và phân tích kịch bản "stress-testing"; đánh giá tác động của các giả định tính toán bảo hiểm như tỷ lệ chiết khấu, lãi suất đầu tư, tỷ lệ thương tật, tỷ lệ chi trả và tỷ lệ chi phí, dự phòng bảo hiểm, khả năng thanh toán và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Năm 2014, BHBV đã tăng cường hoạt động đánh giá rủi ro cũng như rà soát điều kiện chấp nhận bảo hiểm đối với các sự kiện bảo hiểm có mức độ tác động nhỏ thông qua việc duy trì và phát triển kênh bán lẻ, kênh bancassurance, hướng đến khách hàng cá nhân cũng như duy trì mức trách nhiệm giữ lại tính trên từng rủi ro bảo hiểm; hạn chế các rủi ro thuộc nhóm có nguy cơ cao, tăng cường đánh giá rủi ro đối với các loại rủi ro bảo hiểm mới, phân loại đối tượng chuyển giao rủi ro bảo hiểm cũng như địa bàn của rủi ro bảo hiểm. Chia sẻ các rủi ro có mức độ tác động lớn thông qua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ.

Mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm của BHBV là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ các rủi ro bảo hiểm và đảm bảo rằng với mức chi phí quản lý, chi phí bán hàng, chi phí khác hợp lý, BHBV có lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm.

BHBV đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường. Các cơ chế và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm bao gồm:

- Thực hiện chính sách phát triển sản phẩm hiệu quả và xây dựng các điều kiện và điều khoản chặt chẽ cho các hợp đồng bảo hiểm để kiểm soát các rủi ro phát sinh trong hoạt động định giá sản phẩm;
- Thực hiện các chính sách, nguyên tắc quy trình bồi thường hiệu quả để kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trực lợi bảo hiểm hoặc gian lận;
- Thiết lập các tỷ lệ giữ lại khác nhau tùy thuộc vào rủi ro và chuyển giao các rủi ro lớn cho công ty tái bảo hiểm với mức xếp hạng tín dụng cao để hạn chế các khoản bồi thường lớn và bồi thường rủi ro thiên tai;
- Áp dụng mô hình tính toán và kỹ thuật thống kê để hỗ trợ việc tính toán phí và xác định giá trị dự phòng;
- Định kỳ cập nhật dữ liệu rủi ro chính xác và đáng tin cậy, tiến hành các bước kiểm định và nghiên cứu xu hướng rủi ro làm cơ sở cho việc điều chỉnh, định phí bảo hiểm và tính toán các giả định bảo hiểm.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, ngoài việc chủ động đa dạng hóa loại hình rủi ro bảo hiểm hướng tới khách hàng cá nhân và qua kênh bán lẻ, BHBV cũng giám sát chặt chẽ các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ bị trực lợi cao.

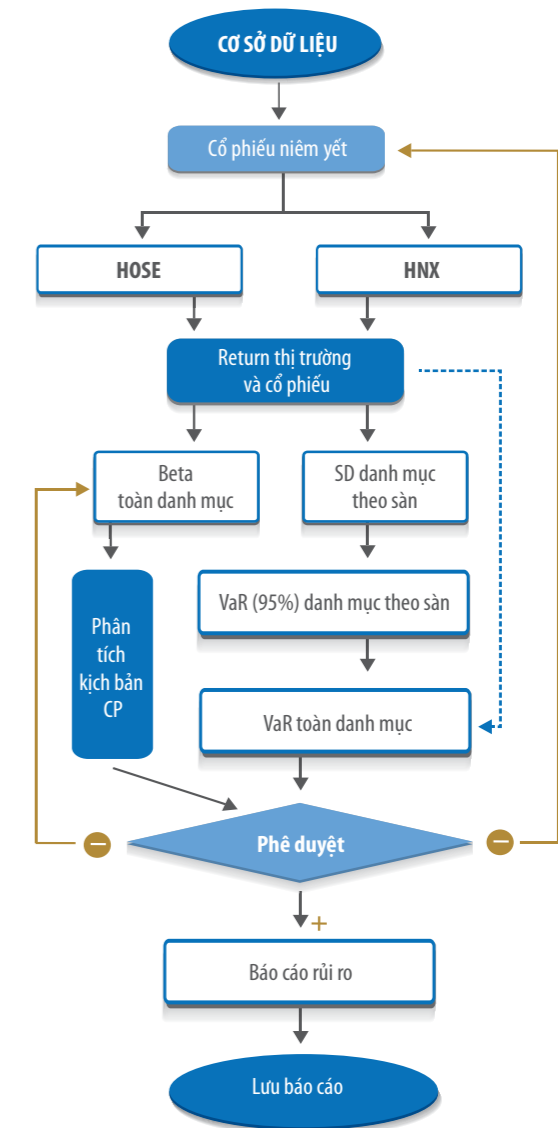
Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, BHBV xác định lại tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên thực tế tổn thất và dự báo xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật. Đối với các nhóm rủi ro có tỷ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, BHBV chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường. Đối với các nhóm rủi ro có tỷ lệ tổn thất vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, BHBV chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, gia tăng dòng tiền vào để sinh lợi từ hoạt động đầu tư tài chính.

BHBV cũng áp dụng triệt để các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác và với chính người tham gia bảo hiểm như đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, áp dụng miễn thường. Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm không trực tiếp mua tái bảo hiểm như bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm con người, BHBV mua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức bồi thường tối đa cho một sự kiện bảo hiểm. Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm còn lại, BHBV thu xếp tái bảo hiểm theo vụ trước khi cấp đơn bảo hiểm gốc cũng như mua các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường theo vụ và theo nghiệp vụ.

QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

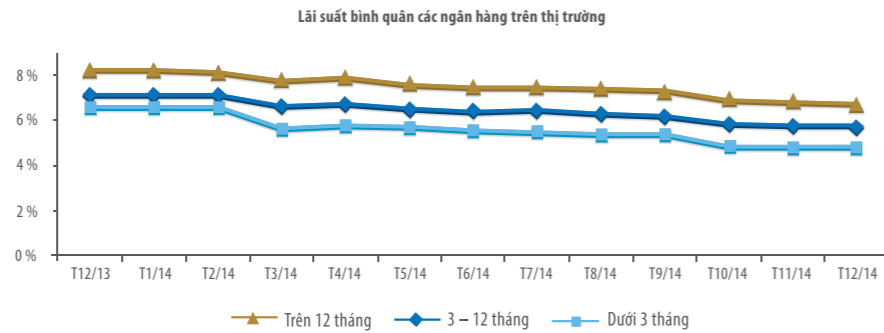
Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái hay giá cả hàng hóa.

Quy trình đo lường rủi ro thị trường (giá cổ phiếu)



Rủi ro lãi suất

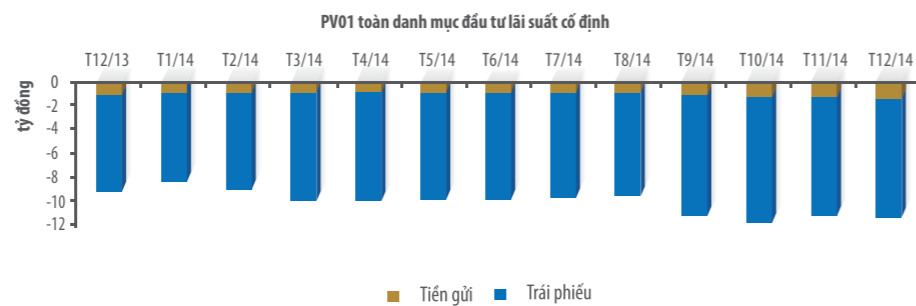
Danh mục tiền gửi và trái phiếu của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con chịu ảnh hưởng của biến động lãi suất. Trong năm 2014, lãi suất đã giảm đáng kể từ 8,3% xuống 6,8% đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm, và từ 7,7% xuống dưới 6,3% đối với các kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và từ 6,9% xuống 5,3% đối với các kỳ hạn dưới 6 tháng. Rủi ro biến động lãi suất giảm ảnh hưởng đến danh mục đầu tư lãi suất cố định của Tập đoàn Bảo Việt trên hai khía cạnh là ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của danh mục tiền gửi, trái phiếu và ảnh hưởng đến hoạt động tái đầu tư.



Ghi chú: (*) Bình quân lãi suất tiền gửi thị trường 1 của 22 ngân hàng Việt Nam được cung cấp trên Website của các Ngân hàng.

Với tỷ lệ lãi suất trên thị trường giảm sâu trong năm vừa qua, Tập đoàn thực hiện đánh giá mức độ ảnh hưởng của tỷ lệ lãi suất giảm tới hoạt động đầu tư, kinh doanh bảo hiểm để đưa ra các biện pháp phù hợp như: điều chỉnh chiến lược đầu tư, điều chỉnh tỷ lệ lãi suất của sản phẩm nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và quyền lợi của chủ hợp đồng, nhà đầu tư.

Với rủi ro lãi suất ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của danh mục tiền gửi và trái phiếu, Tập đoàn Bảo Việt sử dụng các thước đo Duration và PVO1 để đánh giá độ nhạy của danh mục tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu đối với lãi suất cũng như hỗ trợ để lựa chọn kỳ hạn tài sản phù hợp với trách nhiệm.

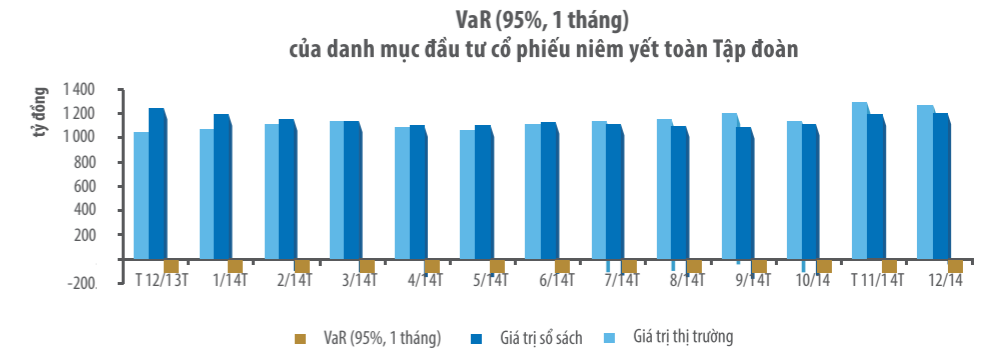


Tập đoàn Bảo Việt thường xuyên rà soát và lựa chọn kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận. Ngoài ra, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn lớn hơn một năm của Tập đoàn Bảo Việt chiếm tỷ trọng chủ yếu trong danh mục. Do đó, cũng giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất.

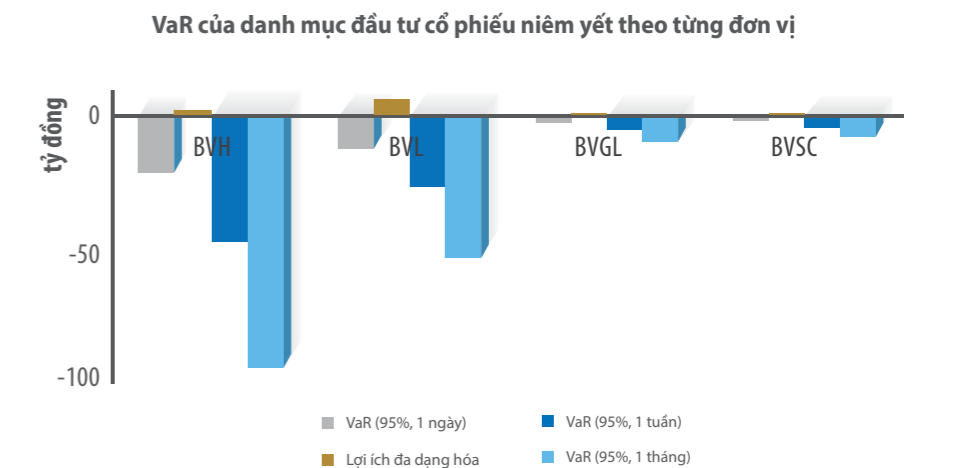
Đối với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các sản phẩm bảo hiểm truyền thống và có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Rủi ro giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu toàn Tập đoàn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết có thể có thay đổi bất lợi nếu điều kiện thị trường và tình hình tài chính của doanh nghiệp xấu đi. Danh mục cổ phiếu của Tập đoàn được đầu tư đa dạng hóa theo các ngành, lĩnh vực khác nhau và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu giữ ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư.



Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con sử dụng thước đo Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro cổ phiếu niêm yết. Thước đo VaR dùng để ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động bất lợi trong khoảng thời gian nhất định (1 ngày, 1 tuần, 1 tháng), với mức độ tin cậy cho trước (95%).



Ngoài ra, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con sử dụng phương pháp phân tích kịch bản “stress-testing” để đánh giá những ảnh hưởng đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Các kịch bản này được cập nhật và theo dõi hàng tháng thông qua Báo cáo rủi ro định kỳ.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là BHBV, tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Trong danh mục nợ của BHBV, một phần công nợ tái bảo hiểm được quy đổi và chốt theo đồng đô la Mỹ. Hình thức thanh toán được áp dụng chủ yếu là thanh toán bù trừ và chỉ thực chi phần chênh lệch. Năm 2014, tỷ giá giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam ổn định, nguồn thu ngoại tệ của BHBV cũng như trên thị trường đều dồi dào nên rủi ro tỷ giá ngoại tệ được đánh giá ở mức thấp.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và trách nhiệm trong ngắn hạn.

Mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con là đảm bảo cân đối các dòng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã xây dựng và áp dụng những biện pháp, cách thức phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản; duy trì mức thanh khoản hợp lý để bảo đảm có thể thực hiện được đầy đủ các cam kết tài chính của Tập đoàn trong điều kiện kinh doanh bình thường. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét và báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO). Ủy ban này sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp.



QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là khả năng xảy ra tổn thất do các nguyên nhân như con người, sự hạn chế hoặc vận hành không hiệu quả các quy trình, hệ thống, các sự kiện khách quan bên ngoài.

Các loại rủi ro hoạt động chủ yếu bao gồm: rủi ro liên quan đến Báo cáo và Kiểm soát tài chính; Pháp chế và Tuân thủ; Con người; Quy trình và Quy chế; Hệ thống và Thông tin; Tính liên tục của hoạt động kinh doanh. Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp tiếp cận định tính, định lượng hoặc kết hợp cả hai để đánh giá và xử lý các rủi ro hoạt động phát sinh.

Chính sách quản lý Rủi ro hoạt động được RMC Tập đoàn Bảo Việt phê duyệt và triển khai từ năm 2012 nhằm kiểm soát rủi ro hoạt động một cách hệ thống. Chính sách quản lý rủi ro hoạt động này đã được truyền thông đến các Công ty con.

Các rủi ro hoạt động được báo cáo trong bảng đánh giá rủi ro tại các cuộc họp RMC Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Mỗi loại rủi ro hoạt động chính đều có các tiêu chí nhận diện, đánh giá cụ thể. Các rủi ro trọng yếu trong kỳ được phân tích và đưa ra hành động cần thực hiện nhằm giảm thiểu tổn thất từ rủi ro này.



Năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con tiếp tục tăng cường quản lý tập trung về công nghệ thông tin, tăng cường các biện pháp an ninh bảo mật, đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Tập Đoàn Bảo Việt tiếp tục duy trì việc áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý an ninh thông tin (ISMS - Information Security Management System) theo Tiêu chuẩn ISO 27001:2005 tại Khối Công nghệ thông tin để giúp Ban Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt thực hiện việc giám sát, quản lý và tăng cường an ninh bảo mật, giảm thiểu rủi ro cho hệ thống thông tin, đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn. Thực hiện giám sát, đánh giá an toàn hệ thống CNTT định kỳ tại Tập đoàn, trụ sở chính BHBV và BVNT. Bước đầu triển khai Dự án chống thất thoát dữ liệu cho người dùng cuối tại Tập đoàn nhằm giảm thiểu các rủi ro liên quan tới tuân thủ và con người.

Tập Đoàn Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp hệ thống quy trình hoạt động cũng như các công cụ hỗ trợ cho các hoạt động nội bộ của hệ thống công nghệ thông tin; xây dựng các phương án sao lưu dự phòng cho các dịch vụ công nghệ thông tin, rà soát các kế hoạch đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh đối với một số hệ thống dịch vụ công nghệ thông tin thiết yếu (trung tâm dữ liệu, hệ thống email Lotus Notes); tiến hành thử nghiệm khả năng phối hợp và ứng phó nhằm giảm thiểu thiệt hại khi hệ thống website của Bảo Việt bị tấn công; xây dựng kế hoạch và hoàn thiện phương án dự phòng cho các dịch vụ quan trọng khác trong thời gian tới.

Năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục tăng cường kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro: hoàn thiện khung pháp lý quản lý rủi ro toàn Tập đoàn, thực hiện phân định trách nhiệm và phối hợp giữa các tầng phòng vệ trong hoạt động quản lý rủi ro; thiết lập và duy trì hoạt động hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm: quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ và kiểm toán nội bộ; kiểm soát hiệu quả quản lý rủi ro, đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn; nâng cao nhận thức về văn hóa quản lý rủi ro từ lãnh đạo Tập đoàn cho tới nhân viên theo cách tiếp cận từ trên xuống và từ dưới lên, tạo nền tảng vững chắc cho sự duy trì hiệu quả quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

QUẢN LÝ RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2014, Bảo Việt đã chú trọng thực hiện quản lý rủi ro phát triển bền vững trên ba góc độ:

Các rủi ro tác động đến sự phát triển bền vững trong hệ thống Bảo Việt

Các rủi ro của môi trường, xã hội tác động đến Bảo Việt

Các rủi ro từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt tác động đến môi trường, xã hội

Các rủi ro tác động đến sự phát triển bền vững trong hệ thống Bảo Việt

Chiến lược phát triển bền vững: Chúng tôi xây dựng và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững của Tập đoàn vào chiến lược kinh doanh, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, cổ tức cho các cổ đông và mục tiêu phát triển của Tập đoàn. Để đạt được các mục tiêu này, chúng tôi luôn chú trọng công tác quản lý rủi ro, nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng trưởng ổn định và tận dụng các cơ hội khác của thị trường.

Báo cáo tài chính và báo cáo quản trị: Chúng tôi xây dựng các cơ chế cung cấp thông tin phi tài chính, báo cáo tài chính nhằm tăng cường tính minh bạch của các thông tin cung cấp cho các bên liên quan, thiết lập hình ảnh tích cực về doanh nghiệp trong mắt các nhà đầu tư và công chúng. Ngoài ra về mặt quản trị công ty, thông tin phục vụ quản trị của các phòng ban được đảm bảo thông suốt; các thông tin hoạt động, thông tin tài chính được đảm bảo chính xác, kịp thời, đúng thời hạn báo cáo tới Lãnh đạo tập đoàn.

Tuân thủ và kiểm soát nội bộ: Chúng tôi đánh giá rủi ro về việc tuân thủ các quy định liên quan đến phát triển bền vững trong toàn hệ thống. Phạm vi đánh giá trong năm 2014 bao gồm rủi ro tuân thủ các quy định pháp luật, các quy định, quy trình nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt, các quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động của Tập đoàn như lương thưởng và các chính sách nhân sự. Cùng với hệ thống kiểm soát nội bộ, việc đánh giá các rủi ro tuân thủ sẽ giúp Bảo Việt đảm bảo chiến lược phát triển bền vững được thực hiện trong từng lĩnh vực kinh doanh của Bảo Việt và xuyên suốt trong toàn hệ thống.

Bảo mật thông tin: ý thức được tầm quan trọng của việc bảo mật thông tin cho Bảo Việt và khách hàng, chúng tôi đã áp dụng các biện pháp chống thất thoát dữ liệu và an toàn hệ thống nhằm hỗ trợ sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp. Từ năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt đã ban hành bổ sung các quy định về An toàn bảo mật hệ thống Công nghệ thông tin đồng thời triển khai dự án An ninh bảo mật tại Công ty mẹ và tiếp tục triển khai đồng bộ trong toàn hệ thống.

Các rủi ro của môi trường, xã hội tác động đến Bảo Việt

Bảo Việt là Tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Do vậy, các rủi ro từ môi trường xã hội có tác động trực tiếp đến các nghiệp vụ kinh doanh của Bảo Việt, đặc biệt là nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm. Mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm của Bảo Việt là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ các rủi ro bảo hiểm và đảm bảo rằng, với mức chi phí hợp lý, kết quả sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm.

Sự biến đổi khí hậu kèm theo hiện tượng ấm lên toàn cầu là một trong những nguyên nhân gây ra thiên tai, lũ lụt, ảnh hưởng trực tiếp lên tỷ lệ bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm. Bảo Việt sử dụng mô hình đánh giá rủi ro thiên tai (Catastrophe modeling - CAT modeling) nhằm quản lý hiệu quả những rủi ro không xảy ra thường xuyên nhưng có sức tàn phá mạnh do thiên tai. Mô hình này sử dụng các kiến thức khoa học về những hiểm họa để ước tính tổn thất tài chính do các sự kiện có thể xảy ra trong khu vực nghiên cứu. Kết quả này cho phép Bảo Việt xác định mức tái bảo hiểm cần mua phù hợp với mức độ tổn thất với xác suất nhất định.

Các rủi ro từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt tác động đến môi trường, xã hội

Mục tiêu quản lý rủi ro phát triển bền vững của Bảo Việt nhằm giảm thiểu tác động của Bảo Việt đến môi trường và xã hội. Việc xác định các tác động (trực tiếp và gián tiếp) từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đến môi trường, xã hội giúp Bảo Việt giảm thiểu được các rủi ro có thể phát sinh từ hai yếu tố này, từ đó góp phần hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững và đảm bảo lợi ích lâu dài cho nhà đầu tư, khách hàng, người lao động và cộng đồng. Là một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm, không tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất, chúng tôi đánh giá rủi ro từ hoạt động của Bảo Việt tác động xấu lên môi trường, xã hội là rất thấp, chủ yếu tập trung vào các tác động gián tiếp từ chuỗi giá trị của Bảo Việt (bao gồm các nhà cung cấp, cung ứng đầu vào và các dự án đầu tư của Bảo Việt).

Quản lý rủi ro trong chuỗi giá trị

Thực hiện đánh giá các rủi ro liên quan đến xã hội và môi trường với nhà cung cấp: Bảo Việt xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng nhà cung cấp dựa trên việc đánh giá các rủi ro có thể có liên quan đến vấn đề quản trị, xã hội và môi trường. Tùy thuộc vào loại hình dịch vụ hoặc sản phẩm của nhà cung cấp mà các yếu tố ESG được chúng tôi đánh giá theo tỷ trọng khác nhau. Mục tiêu của việc đánh giá này là giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hợp tác với các đơn vị cung ứng; đồng thời hạn chế các tác động gián tiếp của Bảo Việt lên môi trường, xã hội từ việc sử dụng các nguồn cung ứng đầu vào.

Thực hiện đánh giá các rủi ro trong các dự án đầu tư: Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính, việc đảm bảo tính bền vững trong các dự án đầu tư của Bảo Việt đóng vai trò rất quan trọng. Việc đánh giá và xử lý các rủi ro của dự án đầu tư giúp cho Bảo Việt nhìn nhận và giảm thiểu được những nguy cơ tiềm tàng có thể gây ảnh hưởng tiêu cực lên môi trường và xã hội. Chúng tôi không chỉ quan tâm đến các giá trị kinh tế của dự án, những lợi ích lâu dài mà dự án đem lại cho cộng đồng, khu vực dân cư cũng là tiêu chí quan trọng để đánh giá tổng thể hiệu quả mà dự án mang lại.

Thực hiện đánh giá các rủi ro đối với khách hàng bảo hiểm: Tập đoàn Bảo Việt chú trọng đánh giá tiêu chí bền vững khi cấp đơn bảo hiểm cho khách hàng doanh nghiệp. Với các khách hàng thuộc khối sản xuất và thương mại, Bảo Việt quan tâm tới khía cạnh hoạt động kinh doanh của khách hàng phải đảm bảo an toàn đối với môi trường, xã hội trong quá trình hoạt động. Các khía cạnh được cân nhắc bao gồm xả rác thải ra môi trường, làm ô nhiễm nguồn nước và xả lượng lớn khí carbon. Bảo Việt sẽ từ chối bảo hiểm cho những doanh nghiệp không đáp ứng được tiêu chí bảo vệ môi trường và khí hậu mà công ty đề ra.

Quản lý rủi ro trong hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt đối với môi trường và xã hội: Các rủi ro hoạt động dưới góc độ bền vững bao gồm các tác động từ hoạt động các trụ sở, văn phòng làm việc của Bảo Việt tới môi trường, xã hội thông qua việc theo dõi các rủi ro môi trường từ hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại các đơn vị; các rủi ro có thể có từ hoạt động của các đơn vị Bảo Việt đến cộng đồng dân cư xung quanh. Chúng tôi đặt mục tiêu giảm tác động tiêu cực đối với môi trường hàng năm qua các dự án truyền thông nội bộ như tiết kiệm điện, nước, tiết kiệm và tái sử dụng giấy, hạn chế sử dụng bao bì nilon và thay thế bằng các loại vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường và tiến tới sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng. Những dự án này không những nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống mà còn giảm thiểu đáng kể các tác động xấu đối với môi trường và xã hội, Tập đoàn Bảo Việt tiết kiệm được 450 tỷ đồng chi phí hoạt động trong vòng ba năm triển khai các dự án thực hành tiết kiệm và bảo vệ môi trường.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Thông qua việc cập nhật liên tục các chuẩn mực, thông lệ, kỹ thuật và xu hướng mới trong hoạt động Kiểm toán nội bộ quốc tế, Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã phát huy vai trò trong việc phát hiện các điểm yếu và các lỗ hổng của hệ thống cũng như cung cấp các khuyến nghị trọng yếu, góp phần tạo nên những bước tiến đáng kể trong công tác quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ tại Tập đoàn và các Đơn vị thành viên.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Hệ thống kiểm soát nội bộ Tập đoàn Bảo Việt bao gồm 05 cấu phần chính: Môi trường kiểm soát, Đánh giá rủi ro, Hoạt động kiểm soát, Thông tin và truyền thông, Giám sát.

Hệ thống kiểm soát nội bộ Tập đoàn Bảo Việt và các mục tiêu chính

Môi trường kiểm soát:

- Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Ban điều hành chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả xuyên suốt toàn Tập đoàn.
- Nhân viên, lãnh đạo tại tất cả các cấp bậc đều có trách nhiệm quản lý rủi ro và thực hiện kiểm soát đối với chính công việc của mình.

Đánh giá rủi ro:

- Tập đoàn thiết lập các mục tiêu chiến lược và mục tiêu hàng năm xuyên suốt từ Tập đoàn đến các đơn vị thành viên để đảm bảo hỗ trợ cho việc nhận diện các rủi ro.
- Quy chế quản lý rủi ro thống nhất và xuyên suốt toàn Tập đoàn đã được xây dựng và vận hành nhằm nhận diện, kiểm soát và báo cáo về các rủi ro chính, bao gồm rủi ro bảo hiểm, rủi ro đầu tư (rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản), rủi ro hoạt động, và các rủi ro khác.
- Quy chế quản lý rủi ro quy định rõ cơ cấu tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm quản lý rủi ro của các cấp (Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các bộ phận và từng cá nhân); cách thức nhận biết các rủi ro trọng yếu và các chuẩn mực quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con.
- Các vấn đề liên quan đến rủi ro (ví dụ: các yếu tố tác động từ môi trường bên ngoài như chính sách, cơ chế, chính trị...) được phản ánh trong các Báo cáo Ban điều hành đồng thời được phân tích, đánh giá và xử lý tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản lý rủi ro và ALCO.

Hoạt động kiểm soát:

- Các biện pháp kiểm soát được thiết kế và vận hành đối với mọi hoạt động của Tập đoàn tại tất cả các cấp (Công ty Mẹ, Tổng/Công ty thành viên, phòng ban, hoạt động...) và được lồng ghép trong tất cả các quy trình nghiệp vụ và các tác nghiệp hàng ngày để đảm bảo xử lý được các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu của các đơn vị.
- Các nguyên tắc kiểm soát cơ bản bao gồm:
 - Phân cấp ủy quyền rõ ràng, minh bạch, đảm bảo tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận; tránh các xung đột lợi ích và các hành vi gian lận, trục lợi.
 - Kiểm tra, giám sát chéo giữa các cá nhân, các bộ phận trong quá trình xử lý quy trình nghiệp vụ.
 - Phân tách trách nhiệm: mỗi một công việc được thực hiện và kiểm tra bởi ít nhất hai người. Không một cá nhân nào được phép thực hiện và quyết định một quy trình nghiệp vụ, một giao dịch cụ thể, ngoại trừ những giao dịch cho phép phù hợp với quy định của pháp luật (Nguyên tắc kiểm soát kép).
- Các loại hình kiểm soát chính bao gồm: Kiểm soát định hướng, Kiểm soát phòng ngừa, Kiểm soát phát hiện; Kiểm soát thủ công, Kiểm soát tự động; trong đó Kiểm soát tự động thông qua hệ thống công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng nhằm hạn chế sai sót và tác động của con người tới hiệu quả của kiểm soát.
- Các biện pháp kiểm soát chính bao gồm: rà soát kết quả hoạt động của Ban điều hành cấp cao, của từng phòng ban; thẩm định, phê duyệt; phân tích các chỉ số KPIs...

Thông tin và truyền thông:

- Ban điều hành Tập đoàn Bảo Việt duy trì một cơ chế trao đổi thông tin cởi mở, đảm bảo các thông tin cần thiết được truyền đạt một cách thông suốt, kịp thời và hiệu quả giữa các cấp, bộ phận và cá nhân có liên quan.
- Các thông tin do Tập đoàn Bảo Việt cung cấp ra bên ngoài cho khách hàng, đối tác, cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước được Ban điều hành ủy quyền cho Giám đốc Tài chính – Người được ủy quyền Công bố thông tin và Giám đốc Hoạt động – Người phát ngôn của Tập đoàn Bảo Việt.
- Các thông tin bên ngoài có liên quan hoặc ảnh hưởng đến Tập đoàn Bảo Việt được thường xuyên theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá và xử lý tại Ban Truyền thông – Thương hiệu.

Giám sát:

Tại Tập đoàn Bảo Việt, việc giám sát hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ được thực hiện thông qua:

- Giám sát thường xuyên: lãnh đạo các bộ phận kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động kiểm soát của cán bộ, nhân viên dưới quyền trong các tác nghiệp hàng ngày.
- Giám sát độc lập/định kỳ: Việc giám sát định kỳ được thực hiện thông qua Ủy ban Kiểm toán. Ủy ban Kiểm toán cung cấp cho Hội đồng quản trị các đánh giá về tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Kiểm toán nội bộ Tập đoàn, của bộ phận Kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các Tổng/ Công ty thành viên, và của Kiểm toán độc lập (đánh giá kiểm soát nội bộ đối với việc lập báo cáo tài chính), từ đó có các giải pháp chung để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

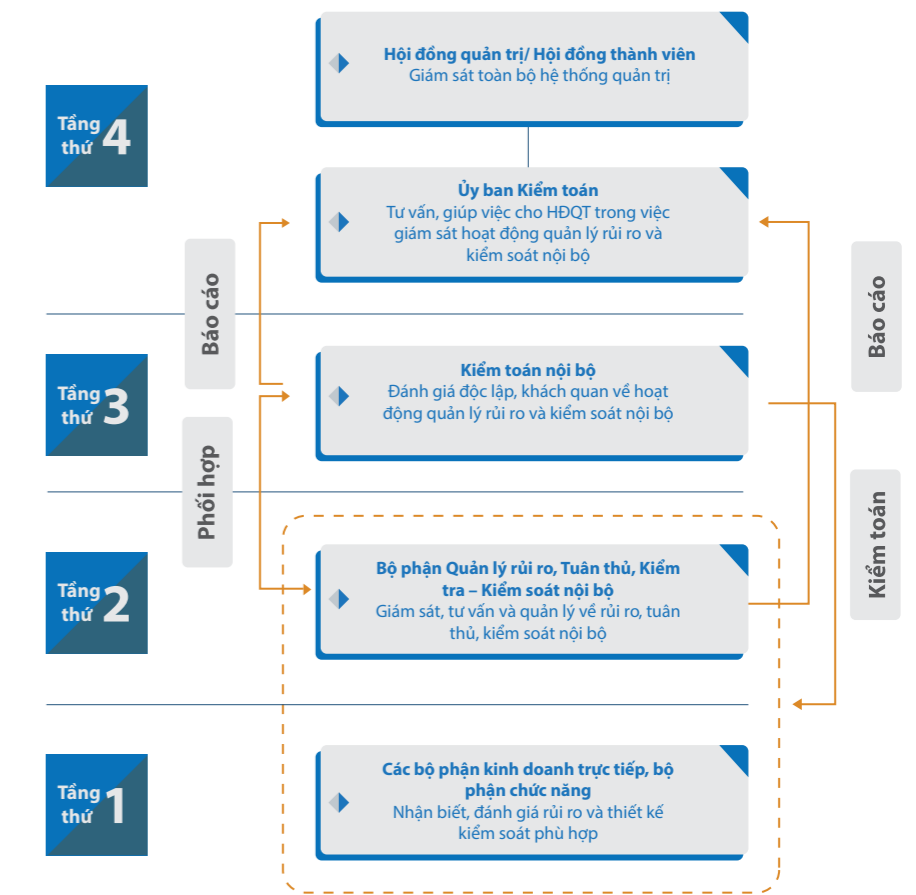
Mục tiêu - đảm bảo:

- Hoạt động kinh doanh, tài chính hiệu quả và tài sản được bảo vệ;
- Các báo cáo tài chính và phi tài chính cậy, kịp thời, minh bạch;
- Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.

Vị trí của Kiểm toán nội bộ trong hệ thống Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Bảo Việt

Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt được thiết kế gồm 04 tầng phòng vệ, trong đó, Kiểm toán nội bộ nằm ở tầng phòng vệ thứ ba, có trách nhiệm kiểm tra, phát hiện những yếu điểm trong tầng phòng vệ thứ nhất và tầng phòng vệ thứ hai, qua đó đưa ra các giải pháp nhằm củng cố 02 tầng phòng vệ này.

Mô hình 04 tầng phòng vệ tại Tập đoàn Bảo Việt



Ghi chú: Tầng phòng vệ thứ 1 và thứ 2 trực thuộc Ban Điều hành.

Đánh giá của Kiểm toán nội bộ về Hệ thống kiểm soát nội bộ Tập đoàn Bảo Việt

(Bảng dưới đây mô tả phương pháp đánh giá của Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt. Kết quả đánh giá chỉ có tính chất minh họa)

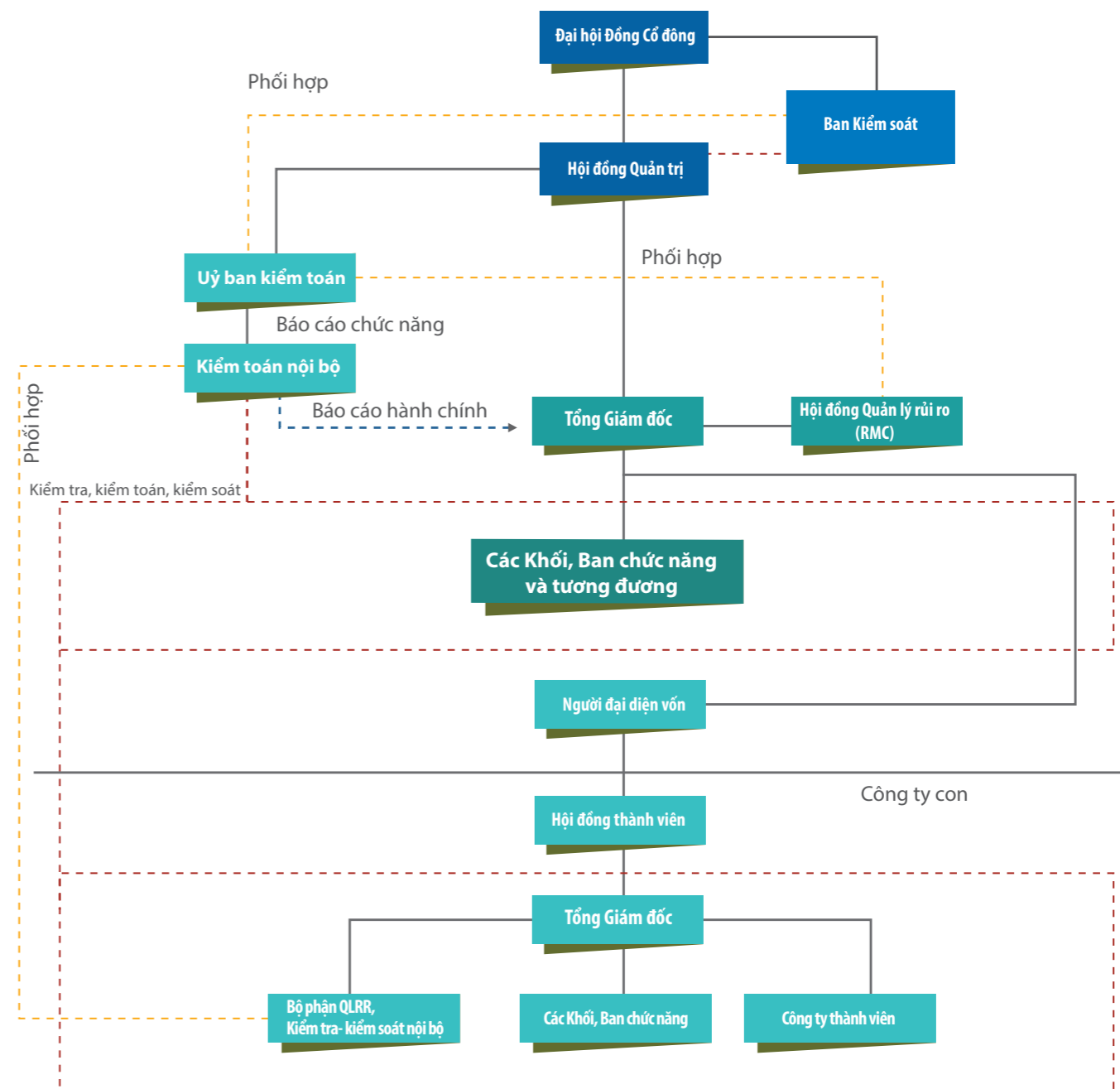
Môi trường kiểm soát	
◆	Tính chính trực và giá trị đạo đức
◆	Cam kết về năng lực chuyên môn
◆	Giám sát của Ban lãnh đạo và Ủy Ban kiểm toán
◆	Cơ cấu tổ chức
◆	Triết lý của Ban lãnh đạo và phong cách điều hành
◆	Quyền và trách nhiệm
◆	Chính sách và quy trình nhân sự
Đánh giá rủi ro	
◆	Mục tiêu doanh nghiệp
◆	Mục tiêu quy trình
◆	Nhận diện và đánh giá rủi ro
◆	Quản lý thay đổi
Hoạt động kiểm soát	
◆	Chính sách và quy trình
◆	Kiểm soát hệ thống thông tin
◆	Giám sát quy định
Thông tin và truyền thông	
◆	Chất lượng thông tin
◆	Tính hiệu quả truyền thông
Giám sát	
◆	Giám sát thường xuyên
◆	Giám sát độc lập
◆	Báo cáo thiếu sót

Ghi chú

- ◆ Không thỏa đáng
- ◆ Khu vực cải thiện tiềm năng
- ◆ Hiệu lực

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

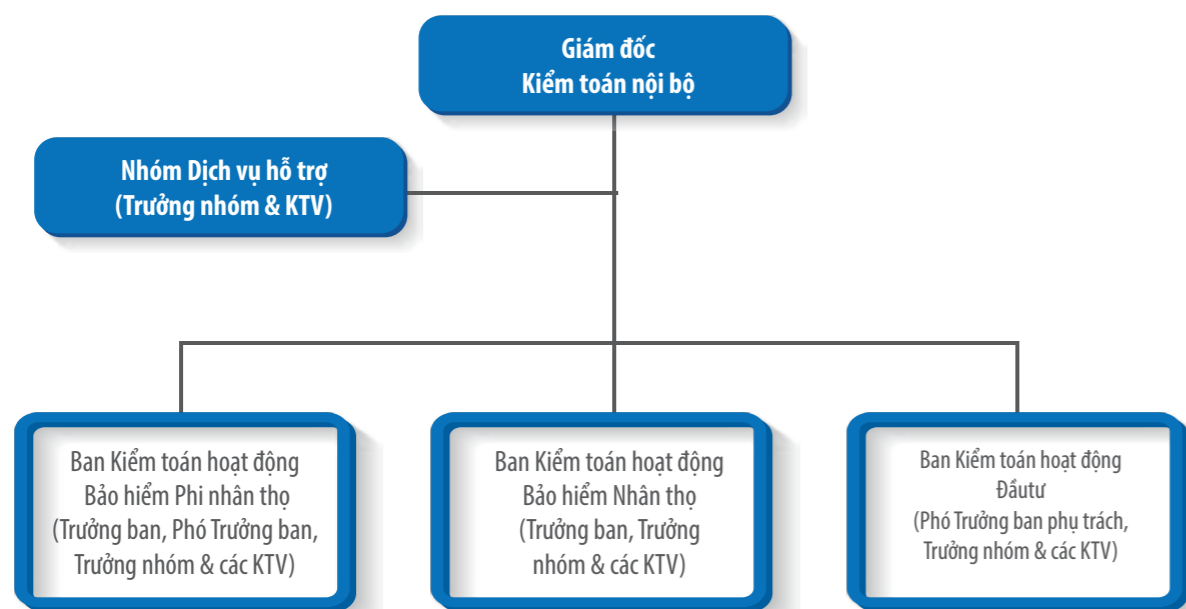
Kiểm toán nội bộ - vị trí và mối quan hệ với các bên liên quan trong mô hình quản trị của Tập đoàn Bảo Việt



Chức năng và nhiệm vụ

Cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn.

Cơ cấu tổ chức bộ máy Kiểm toán nội bộ



Phương pháp tiếp cận

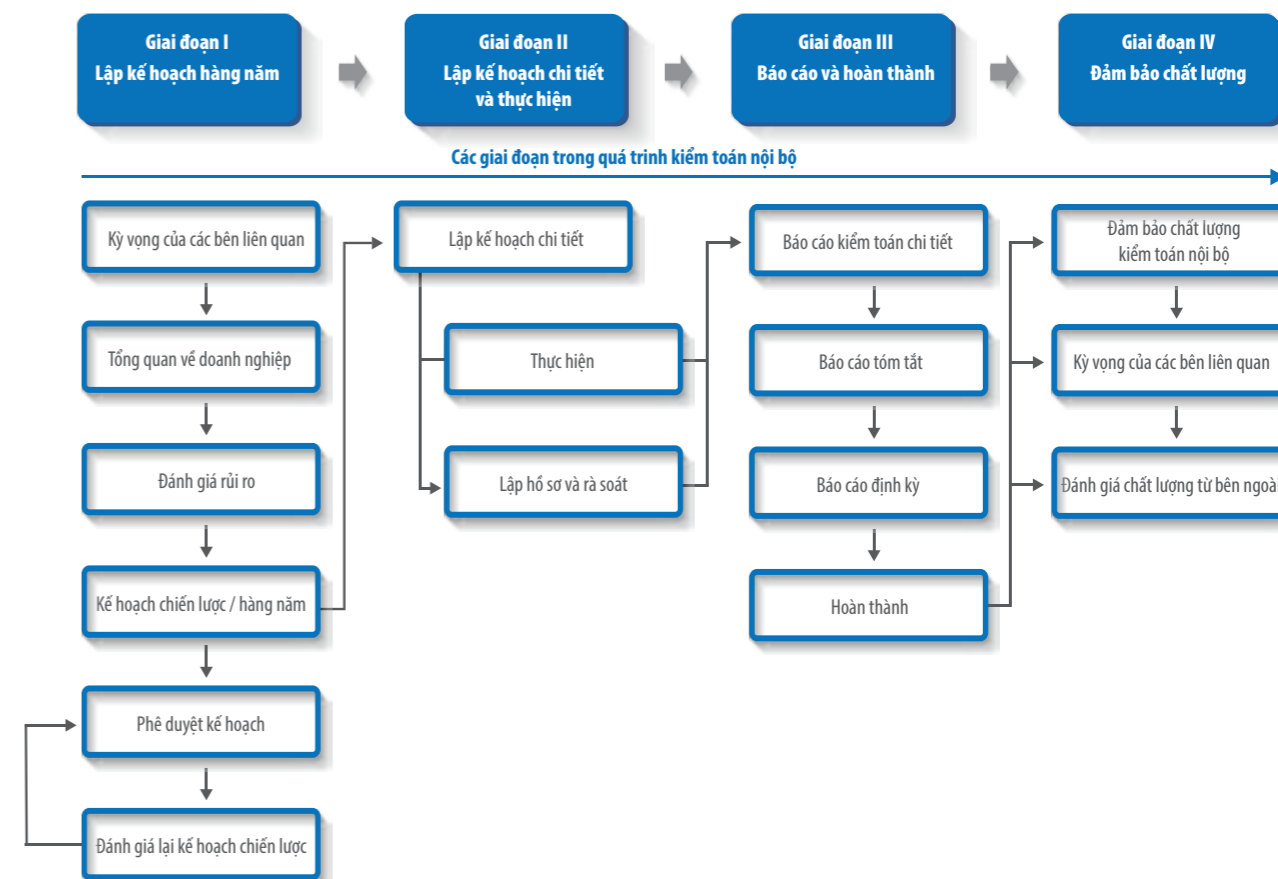
Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro để thực hiện các hoạt động kiểm toán của mình, theo đó Kiểm toán nội bộ căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro để xác định mục tiêu, đối tượng kiểm toán, phạm vi kiểm toán và cách thức thực hiện kiểm toán.

Kiểm toán nội bộ áp dụng phương pháp ORCA để đánh giá rủi ro. ORCA là chữ viết tắt của:

- **Objectives** – Các mục tiêu kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt
- **Risks** – Các rủi ro đe dọa việc đạt được các mục tiêu kinh doanh của Tập đoàn
- **Controls** – Các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro nói trên
- **Alignment** – Tính thống nhất giữa mục tiêu kinh doanh, rủi ro và các biện pháp kiểm soát

Quy trình Kiểm toán nội bộ

Quy trình Kiểm toán nội bộ tại Tập đoàn Bảo Việt



Công cụ hỗ trợ kiểm toán

Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt hiện đang sử dụng 02 công cụ sau để hỗ trợ hoạt động kiểm toán:

- Hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung online: quản lý tập trung toàn bộ văn bản, bao gồm các văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước, quy định/quy chế/quy trình nội bộ của Tập đoàn và các công ty thành viên cùng toàn bộ hồ sơ kiểm toán. Hệ thống giúp cho việc truy xuất, tìm kiếm văn bản, hồ sơ được nhanh chóng, đồng thời hỗ trợ bảo mật thông tin, đảm bảo thông tin không bị đánh cắp và sử dụng bởi những người không có thẩm quyền.
- Ngân hàng dữ liệu rủi ro, kiểm soát và khuyến nghị: tập hợp tất cả các rủi ro, các biện pháp kiểm soát và các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ theo từng lĩnh vực kiểm toán và theo từng mảng quy trình, hoạt động, nhằm hỗ trợ các Kiểm toán viên trong việc nhận diện và đánh giá rủi ro, xác định biện pháp kiểm soát và đưa ra các khuyến nghị phù hợp cho các đơn vị được kiểm toán.

Ngoài ra, Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã và đang tiếp cận các giải pháp phần mềm hàng đầu thế giới về quản trị, quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ nói chung và hoạt động kiểm toán nội bộ nói riêng như giải pháp RSA – Archer Audit Management của EMC hay Accelus Audit Management của Thomson Reuters ... nhằm đánh giá khả năng ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại này trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt.

Chuẩn mực hoạt động

Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt được tổ chức và hoạt động theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, phù hợp với Khung hành nghề quốc tế (International Professional Practices Framework – IPPF) của Viện Kiểm toán viên nội bộ Hoa Kỳ (The Institute of Internal Auditors – IIA).

Thực hiện một số Chuẩn mực thuộc Khung hành nghề IPPF của IIA của Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt

Số hiệu chuẩn mực	Tiêu đề chuẩn mực	Thực hiện chuẩn mực của Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
1000	Mục đích, quyền hạn, và trách nhiệm	Quy định về Chức năng, nhiệm vụ của Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã xác định các mục đích, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt phù hợp với Định nghĩa về Kiểm toán nội bộ, Chuẩn mực đạo đức và Chuẩn mực hành nghề trong khung IPPF của IIA.
1110	Tính độc lập về tổ chức	Tính độc lập của Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt được thể hiện qua vị trí của Kiểm toán nội bộ trong mô hình quản trị của Tập đoàn Bảo Việt: <ul style="list-style-type: none"> Giám đốc Kiểm toán nội bộ báo cáo chức năng tới cấp quản trị cao nhất của Tập đoàn - Hội đồng Quản trị. Kế hoạch kiểm toán chiến lược và kế hoạch kiểm toán thường niên của Kiểm toán nội bộ do Hội đồng Quản trị phê duyệt.
1210	Năng lực chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> Đã xây dựng và triển khai chương trình đào tạo cơ bản cho các Trợ lý Kiểm toán viên và Kiểm toán viên mới tuyển dụng; đào tạo thường xuyên trên công việc (on-the-job training) cho đội ngũ Kiểm toán viên. Đào tạo tập trung định kỳ hàng năm với các đối tác tư vấn uy tín thuộc Big4. Đào tạo thông qua các chứng chỉ nghề nghiệp (CIA, CFA, ACCA, CPA Việt Nam).
1300	Chương trình đảm bảo và cải tiến chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá nội bộ thường xuyên thông qua khảo sát mức độ hài lòng của đơn vị được kiểm toán sau mỗi cuộc kiểm toán. Đánh giá nội bộ định kỳ thông qua việc rà soát, báo cáo kết quả hoạt động hàng quý tới Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng Quản trị.
2010	Lập kế hoạch	Kế hoạch kiểm toán chiến lược, kế hoạch kiểm toán thường niên và kế hoạch kiểm toán chi tiết (cho từng cuộc kiểm toán) được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tổng thể và kết quả đánh giá rủi ro chi tiết đối với từng đơn vị được kiểm toán.
2060	Báo cáo Hội đồng quản trị và bộ phận quản lý cấp cao	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kiểm toán của từng cuộc kiểm toán được phát hành tới Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng giám đốc Tập đoàn. Giám đốc Kiểm toán nội bộ định kỳ hàng quý báo cáo tình hình hoạt động của Kiểm toán nội bộ cho Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng giám đốc Tập đoàn trong các phiên họp Hội đồng Quản trị. Các hạn chế về nguồn lực ảnh hưởng tới hoạt động Kiểm toán nội bộ được báo cáo tới Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng Quản trị.

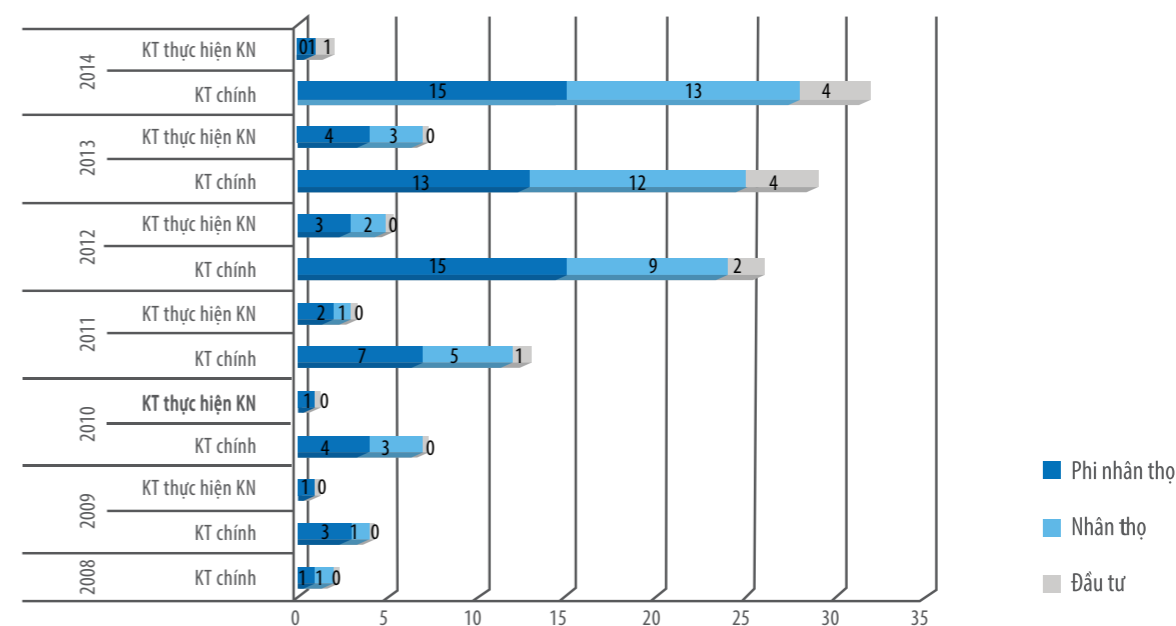
Kết quả hoạt động năm 2014

Hoàn thành kế hoạch kiểm toán điều chỉnh

Hoàn thành 34 cuộc kiểm toán, trong đó:

- 15 cuộc kiểm toán tại các công ty thành viên trực thuộc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- 14 cuộc kiểm toán tại các công ty thành viên trực thuộc Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- 03 cuộc kiểm toán tại Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- 01 cuộc kiểm toán tại Trụ sở chính Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- 01 cuộc kiểm toán tại Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt.

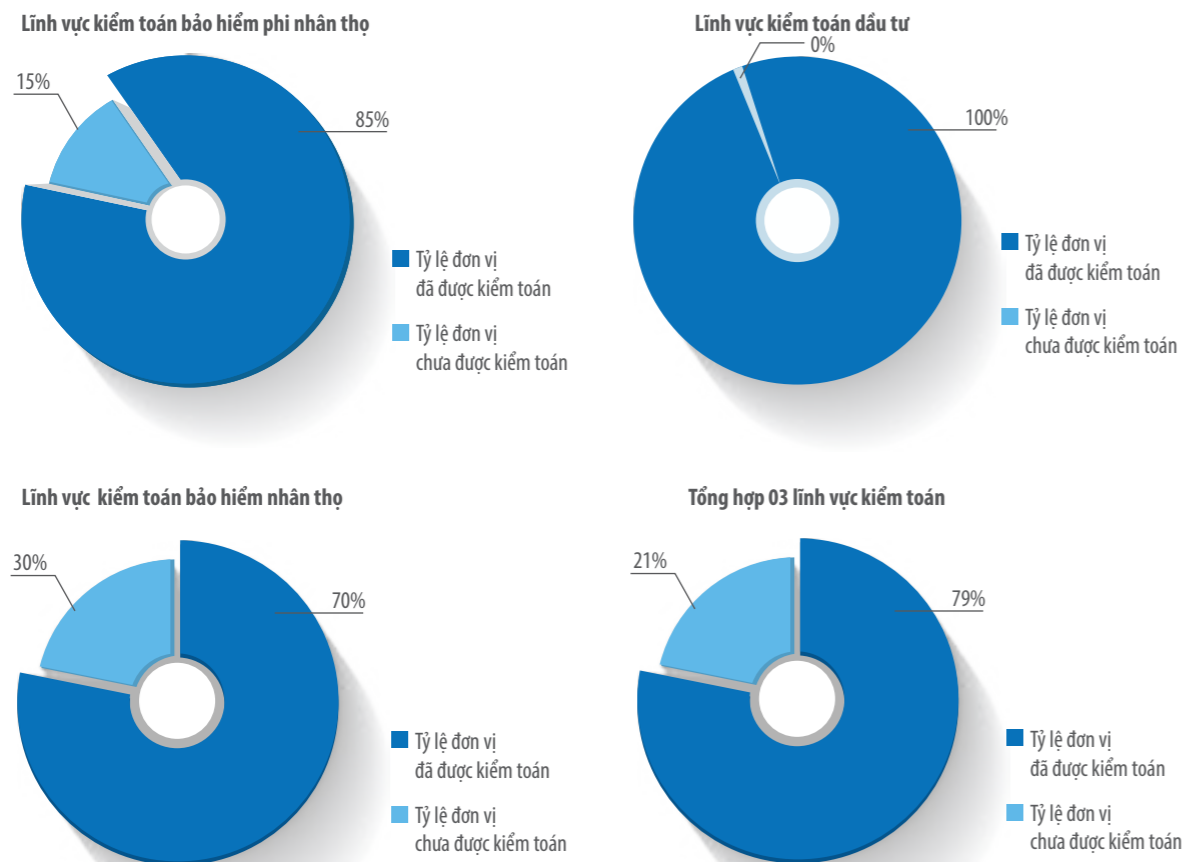
Số lượng cuộc kiểm toán thực hiện qua các năm



Ghi chú:

- KT chính (Kiểm toán chính):** là cuộc kiểm toán được lên kế hoạch và thực hiện căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro tổng thể và đánh giá rủi ro chi tiết. Mục đích: nhận diện những lỗ hổng trong hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và quản trị của các đơn vị, từ đó đưa ra những khuyến nghị phù hợp nhằm giúp các đơn vị khắc phục những lỗ hổng này.
- KT thực hiện KN (Kiểm toán thực hiện khuyến nghị):** là cuộc kiểm toán được thực hiện sau cuộc kiểm toán chính tại các đơn vị có tỷ lệ hoàn thành khuyến nghị thấp. Mục đích: đánh giá tình hình thực hiện khuyến nghị của đơn vị, từ đó có giải pháp kịp thời hỗ trợ đơn vị thực hiện đầy đủ các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ.

Tỷ lệ đơn vị đã được kiểm toán và chưa được kiểm toán



Nâng cao hiệu quả kiểm toán chuyên đề, tập trung vào các rủi ro trọng yếu nhất

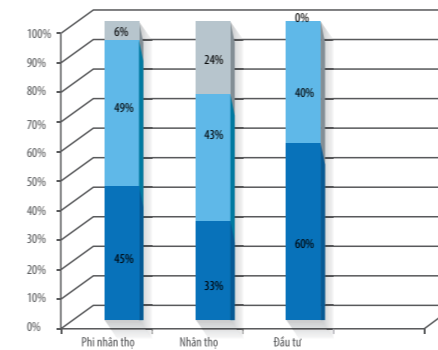
50% số cuộc kiểm toán được triển khai theo hướng chuyên đề, tập trung vào những vấn đề/rủi ro trọng yếu nhất trong quy trình/hoạt động, nhằm hỗ trợ tốt hơn cho các đơn vị được kiểm toán, đồng thời giúp Kiểm toán nội bộ rút ngắn thời gian kiểm toán, tiết kiệm nguồn lực (tài chính, nhân lực).

Các rủi ro và lỗ hổng kiểm soát tiếp tục được nhận diện

Các phát hiện và khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ trong năm 2014 chủ yếu tập trung vào một số nội dung sau:

- Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm Phi nhân thọ: Công tác quản lý tiền mặt; quản lý vốn tập trung; quản lý nợ phí bảo hiểm và các khoản nợ phải thu khác; công tác khai thác, giám định - bồi thường và ngăn ngừa trục lợi bảo hiểm.
- Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm Nhân thọ: Chất lượng đội ngũ đại lý tuyển mới; quản lý và sử dụng ấn chỉ thu tiền (hóa đơn thu phí định kỳ, giấy nộp phí, giấy nộp tiền); tiếp nhận, thu thập và kiểm tra thông tin ban đầu đối với hồ sơ yêu cầu của khách hàng...
- Lĩnh vực Đầu tư: Hoàn thiện quy trình liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính (quy trình giám sát ủy thác đầu tư và báo cáo hiệu quả đầu tư, quy trình kiểm soát đầu tư, ...); công bố thông tin về hoạt động đầu tư tài chính...

Tỷ lệ hoàn thành khuyến nghị KTNB theo lĩnh vực kiểm toán*

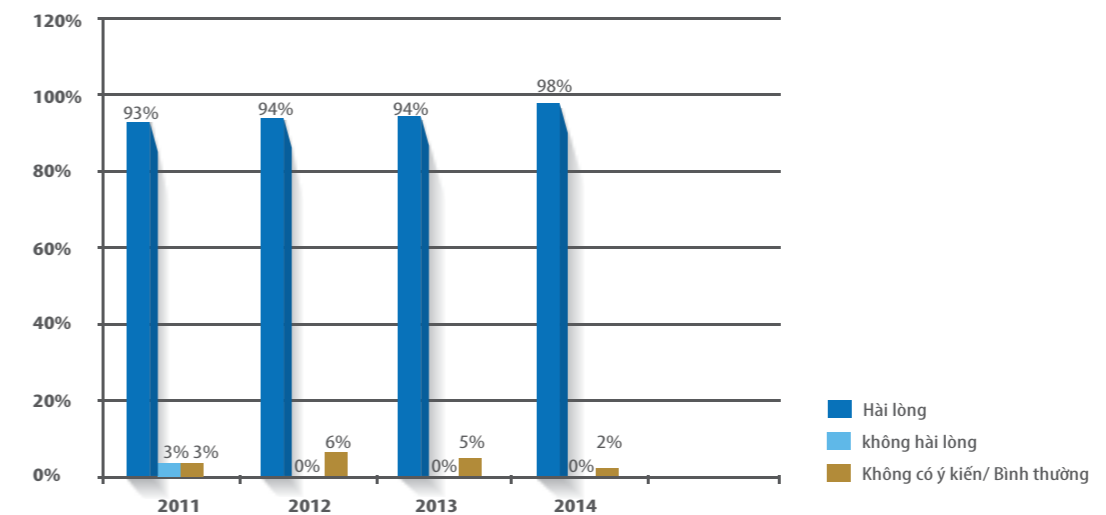


(* Số liệu tại thời điểm 31/12/2014 đối với các đơn vị đã đến thời hạn đánh giá và đã được Kiểm toán nội bộ đánh giá.

Các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ được thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn đã góp phần ngăn chặn/giảm thiểu kịp thời các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu của các đơn vị

Hầu hết các khuyến nghị trọng yếu (mức độ ưu tiên Cao và Trung bình) của KTNB đã được các đơn vị được kiểm toán hoàn thành trong khoảng thời gian quy định (theo chuẩn mực là 01 tháng đối với khuyến nghị Cao và 03 tháng đối với khuyến nghị Trung bình). Các khuyến nghị chưa được hoàn thành hoặc hoàn thành một phần chủ yếu là các khuyến nghị có mức độ ưu tiên Thấp (hoàn thành trong 06 tháng), không ảnh hưởng tới việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh và quản lý của đơn vị và đã được các đơn vị cam kết tập trung nguồn lực để thực hiện hành động khắc phục. Các khuyến nghị của Kiểm toán nội bộ được thực hiện đã góp phần cải thiện đáng kể hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và công tác quản lý, điều hành tại các đơn vị.

Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ giai đoạn 2011 - 2014*



*: Số liệu tổng hợp kết quả đánh giá chất lượng đoàn kiểm toán do các đơn vị đã được kiểm toán thực hiện và gửi về Ủy ban kiểm toán.

Cập nhật liên tục các chuẩn mực, thông lệ, kỹ thuật và xu hướng mới trong hoạt động Kiểm toán nội bộ quốc tế:

- Xu hướng tích hợp Quản trị - Quản lý rủi ro - Kiểm soát (Governance Risk Control - GRC);
- Khung năng lực kiểm toán toàn cầu (Internal Audit Competency Framework) của Viện Kiểm toán nội bộ (IIA);
- Xu hướng chuyển từ "kiểm toán theo chủ thể" (audit universe) sang "kiểm toán theo rủi ro" (risk universe)...

Định hướng hoạt động năm 2015

Năm 2015 là năm bản lề của Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt trong việc hoàn thành Kế hoạch kiểm toán chiến lược 2011-2015 và định hình chiến lược phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

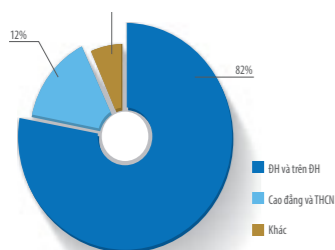
Mục tiêu chính

- Hoàn thành kế hoạch kiểm toán năm 2015 và kế hoạch kiểm toán chiến lược 2011-2015 đã được Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng Quản trị phê duyệt, với trọng tâm là đẩy mạnh hoạt động kiểm toán tại Trụ sở chính các Tổng công ty thành viên.
- Triển khai dự án Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực với đối tác chiến lược Sumitomo Life nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động và tạo ra nền tảng mới cho sự phát triển của Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt trong tương lai.
- Xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn tiếp theo phù hợp với chiến lược của Tập đoàn, kỳ vọng của Hội đồng Quản trị và xu hướng phát triển của Kiểm toán nội bộ trên thế giới.

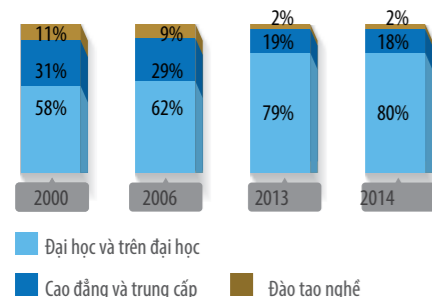
QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Với mong muốn xây dựng một môi trường làm việc hiệu quả để người lao động gắn bó lâu dài, tập trung phát triển sự nghiệp, nỗ lực sáng tạo, chia sẻ các giá trị mới, Bảo Việt luôn có các chính sách và tạo điều kiện về cơ hội, môi trường để nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực cá nhân trong một môi trường chuyên nghiệp, bình đẳng, thân thiện. Năm 2014, Bảo Việt tiếp tục duy trì chính sách đãi ngộ gắn liền với yêu cầu công việc, giá trị công việc, hiệu quả làm việc, đảm bảo công bằng trong nội bộ, cạnh tranh trên thị trường là điểm mấu chốt để thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ nhân sự, tạo động lực trong công việc.

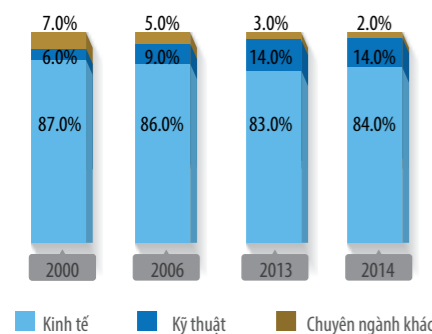
Cơ cấu lao động



Biến động lao động theo trình độ qua các năm



Cơ cấu chuyên môn đào tạo qua các năm



QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Năm 2014, nền kinh tế vĩ mô đã có dấu hiệu ổn định và tích cực hơn. Trong bối cảnh đó, đội ngũ cán bộ, nhân viên, tư vấn viên bảo hiểm và môi giới chứng khoán chuyên nghiệp của Bảo Việt tiếp tục đóng vai trò là nguồn lực quan trọng tạo ra những bước đột phá trong chiến lược phát triển của Bảo Việt.

Cơ cấu lao động

Ngày 24/9/2014, BaoViet Bank hoàn thành việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ đợt 1, tỉ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt đã giảm từ 52% xuống 49,5% theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Do ảnh hưởng của việc giảm tỉ lệ sở hữu tại BaoViet Bank, kể từ ngày 24/9/2014, BaoViet Bank trở thành công ty liên kết của Bảo Việt. Vì vậy, đến 31/12/2014, tổng số lao động của Bảo Việt giảm đáng kể so với năm 2013, xuống còn 5.364 cán bộ, nhân viên và 63.884 đại lý, tư vấn viên bảo hiểm và môi giới chứng khoán. Trong số đó, lao động có trình độ đại học và trên đại học có tỷ trọng cao (chiếm 82%), ngày càng được trẻ hóa, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tích lũy được nhiều kinh nghiệm, luôn cập nhật các kiến thức mới, tiên tiến là nền tảng vững chắc giúp Bảo Việt không ngừng tạo nên những giá trị gia tăng hiệu quả cho khách hàng.

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

"Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến, hoàn thành sứ mệnh và nâng cao giá trị của Bảo Việt. Đặc biệt, tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong một số lĩnh vực then chốt; nâng cao chất lượng đội ngũ tư vấn viên bảo hiểm, môi giới chứng khoán; phát huy tính chủ động sáng tạo và nhiệt tình của người lao động tạo môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp và thân thiện".

Chính sách và giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Xác định con người là nhân tố quan trọng nhất tạo nên sự phát triển bền vững, Bảo Việt đã chú trọng xây dựng và phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách và giải pháp chủ yếu sau đây:

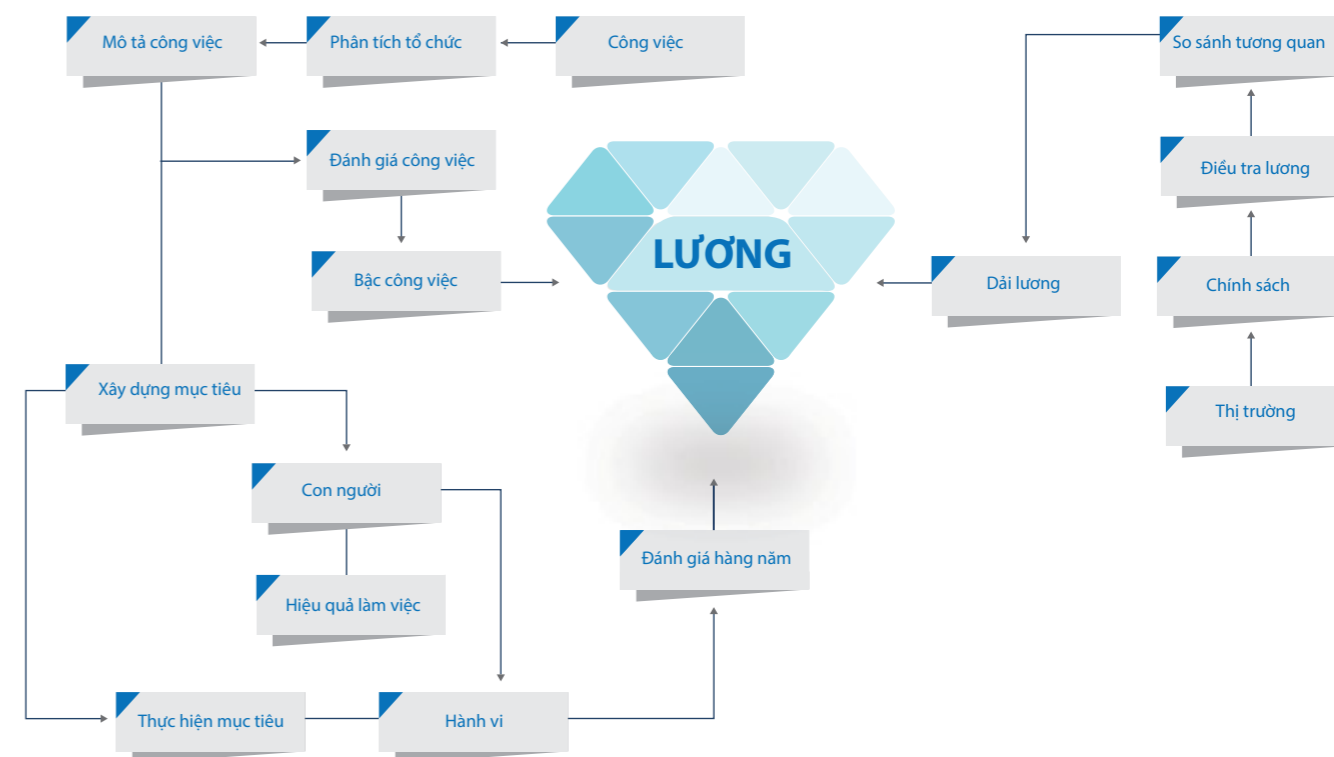
Chính sách lương thưởng

Từ sau cổ phần hóa, Bảo Việt đặc biệt quan tâm đến chính sách lương thưởng, quan tâm đến đời sống của cán bộ, nhân viên để nhân viên gắn bó lâu dài, tập trung phát triển sự nghiệp, luôn sáng tạo, nỗ lực tạo ra và chia sẻ những giá trị mới.

Năm 2014, Bảo Việt tiếp tục duy trì chính sách chi trả thu nhập gắn liền với yêu cầu công việc, giá trị công việc, hiệu quả làm việc, đảm bảo công bằng trong nội bộ, cạnh tranh trên thị trường là điểm mấu chốt để thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ nhân sự, tạo động lực trong công việc.

Ngoài lương, thưởng, phụ cấp, Bảo Việt tiếp tục duy trì các chế độ phúc lợi như bảo hiểm an nghiệp thành công, bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm kết hợp con người, bảo hiểm cho người thân, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, ngày hội doanh nghiệp... để chúc mừng, khuyến khích động viên, đáp ứng các nhu cầu đời sống tinh thần của người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe, tạo sự hứng thú, say mê trong công việc, tạo sự gắn kết, đồng lòng và xây dựng tinh thần gắn kết trong tổ chức.

Mô hình các nền tảng cơ bản hình thành chính sách tiền lương của bảo việt.

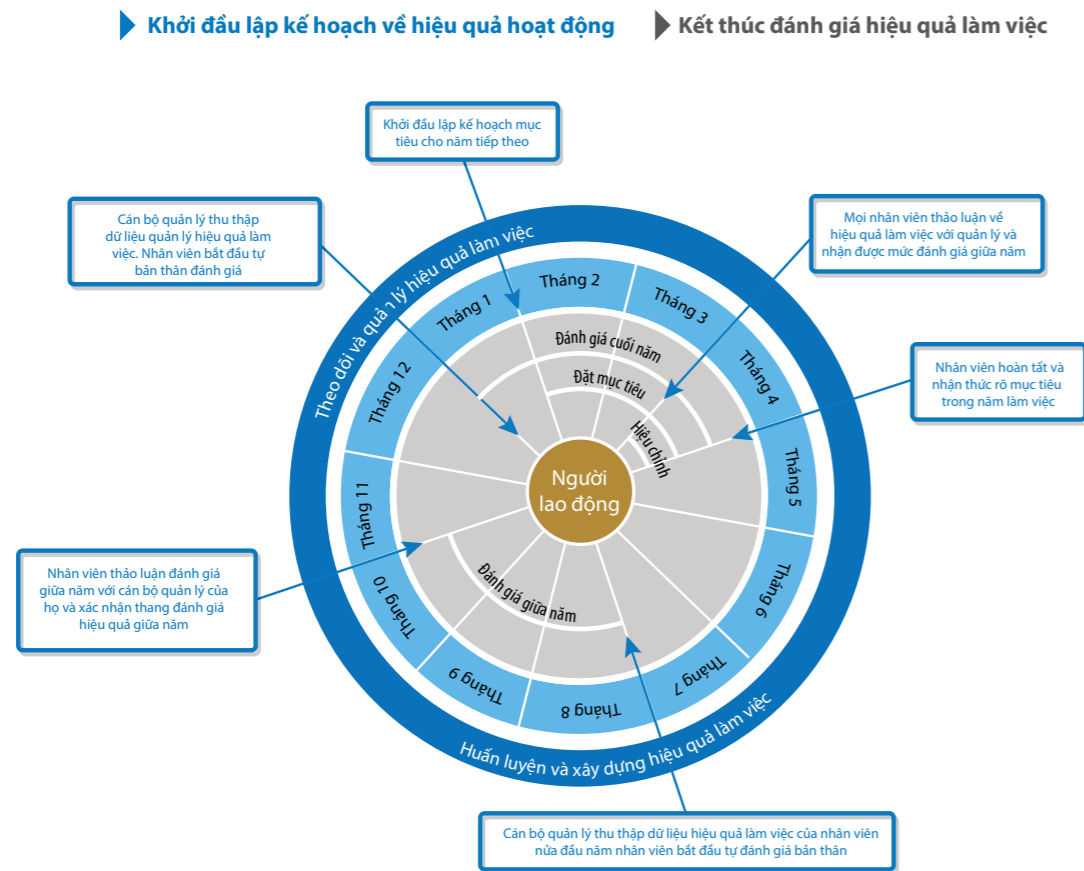


Chính sách thăng tiến

Bảo Việt luôn có các chính sách và tạo điều kiện về cơ hội, môi trường để nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực cá nhân trong một môi trường chuyên nghiệp, bình đẳng, thân thiện.

Bên cạnh đó, Bảo Việt rất quan tâm chú trọng công tác đánh giá, quy hoạch và bồi dưỡng cán bộ kế nhiệm các cấp, tạo nguồn cán bộ lâu dài, ổn định và chủ động bổ sung, tăng cường đội ngũ cán bộ lãnh đạo khi cần thiết.

Mô hình quy trình quản lý hiệu quả làm việc



Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Việc tuyển dụng tại Bảo Việt được thực hiện minh bạch, với các quy trình đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo sự công bằng, khách quan. Tất cả các ứng viên đều có cơ hội ngang nhau khi tham gia vào hoạt động tuyển dụng.

Bảo Việt luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí, bậc công việc thông qua các khóa đào tạo theo bản đồ học tập chung và Bản đồ học tập chuyên môn nghiệp vụ.

Kể từ năm 2010 đến nay, Bảo Việt đã tổ chức đào tạo cho trên 18.800 lượt cán bộ, nhân viên; bình quân 3.800 lượt người/năm. Số lao động được đào tạo bình quân hàng năm là 66% trên tổng số lao động.

Năm 2014, Bảo Việt đã tổ chức đào tạo được trên 5.000 lượt cán bộ, nhân viên, tập trung phát triển các kỹ năng chuyên môn sâu cho từng nhóm vị trí công việc như nhân sự, đầu tư, kiểm toán, kế toán, quản lý rủi ro, công nghệ thông tin, chiến lược và các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, giao tiếp, bán hàng, tư duy sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý dành cho các cán bộ quy hoạch giữ chức vụ quản lý...Được sự khuyến khích, hỗ trợ từ Bảo Việt, đội ngũ cán bộ, nhân viên luôn có ý thức không ngừng cập nhật, nâng cao kỹ năng chuyên môn để kịp thời đáp ứng một cách tốt nhất mọi tiêu chuẩn và yêu cầu từ hoạt động kinh doanh.

Mô hình Bản đồ học tập chung

<p>Hệ thống & Hoạt động (Bậc công việc 18-8)</p> <ul style="list-style-type: none"> Bảo Việt hội nhập Văn hóa tổ chức và đạo đức kinh doanh Cơ bản về quản lý hoạt động Quản lý thông tin Pháp luật trong ngành dịch vụ tài chính Cải tiến quy trình Thực hành quản lý hoạt động 	<p>Bán Bán hàng & Dịch vụ (Bậc công việc 18-8)</p> <ul style="list-style-type: none"> Cơ bản về DVKH Cơ bản về kỹ năng bán hàng Ngành dịch vụ tài chính Dịch vụ khách hàng nâng cao Xây dựng văn hóa dịch vụ khách hàng 	<p>Phát Phát triển cá nhân (Bậc công việc 18-8)</p> <ul style="list-style-type: none"> Quản lý lập KH và quản lý thời gian Kỹ năng giao tiếp hiệu quả Kỹ năng thuyết trình hiệu quả Sáng tạo và phương pháp luận sáng tạo Khám phá và lãnh đạo bản thân Kỹ năng giải quyết vấn đề Nhận thức về thay đổi Xây dựng và phát triển các mối quan hệ Giải quyết vấn đề và ra quyết định Quản lý stress Kỹ năng đàm phán hiệu quả 	<p>Lãnh đạo & quản lý (Bậc công việc 11-6)</p> <ul style="list-style-type: none"> Quản lý cuộc họp Nhà quản lý tiềm năng Quản lý dự án Huấn luyện và phát triển người khác Kỹ năng lãnh đạo Phát triển kỹ năng đào tạo Kỹ năng gây ảnh hưởng và thuyết phục Quản lý xung đột Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Tạo động lực làm việc Ủy thác Quản lý sự thay đổi Tư duy và lập kế hoạch chiến lược
--	---	--	--

Chính sách Quản lý thời gian làm việc

Để duy trì và thực hiện nghiêm túc kỷ luật lao động của doanh nghiệp, Bảo Việt tiếp tục duy trì chính sách quản lý thời gian làm việc của cán bộ nhân viên thông qua hình thức chấm công bằng vân tay. Phương pháp quản lý thời gian làm việc này đã đảm bảo sự công bằng, minh bạch trong quản lý thời gian làm việc của cán bộ, góp phần duy trì và xây dựng kỷ luật lao động, làm cơ sở để đánh giá cán bộ, khen thưởng, kỷ luật và trả lương cho cán bộ nhân viên đúng với thời giờ làm việc mà cán bộ đã cống hiến cho doanh nghiệp.



Hỗ trợ hoạt động của các đoàn thể xã hội và tăng cường các hoạt động cộng đồng

Nằm trong chuỗi hoạt động chào mừng kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt, năm 2014 các hoạt động thi đấu thể thao, hội diễn văn nghệ trên mọi miền đất nước là nguồn cổ vũ, khích lệ tinh thần to lớn về mặt tinh thần cho các cán bộ, nhân viên, qua đó Bảo Việt đã truyền tải các thông điệp nhằm cam kết luôn đồng hành và hỗ trợ khách hàng, cổ đồng, người lao động và cộng đồng vì niềm tin vào sự thành công, hạnh phúc và thịnh vượng.



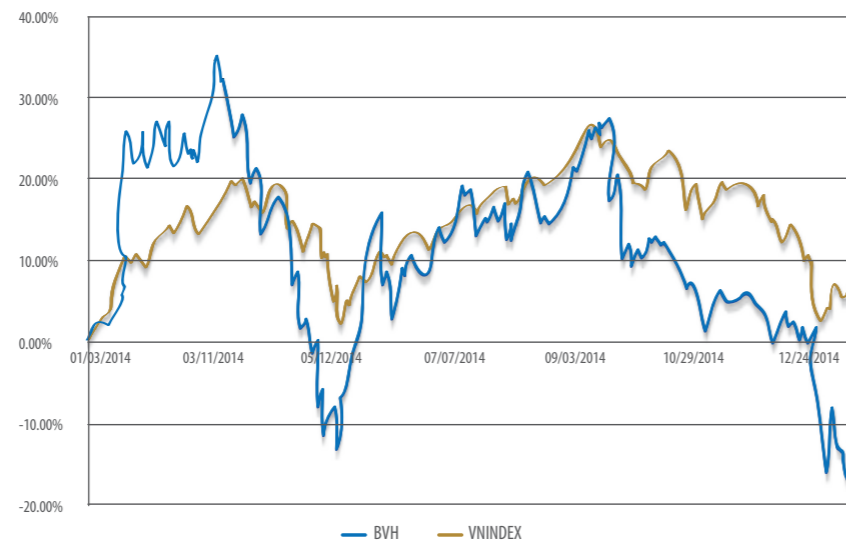
Bên cạnh các hoạt động chào mừng lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Tập đoàn, Bảo Việt luôn tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức chính trị xã hội như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ, Hội Cựu chiến binh...đẩy mạnh các hoạt động của mình thông qua các hoạt động từ thiện, hiến máu tình nguyện, Giải chạy Terry Fox xây dựng môi trường làm việc xanh sạch đẹp... bằng cách tạo điều kiện về thời gian, kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất. Hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội là nền tảng để nâng cao tính dân chủ, công khai trong doanh nghiệp, lôi cuốn mọi thế hệ, tầng lớp cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động chung, tạo không khí vui tươi phấn khởi, đoàn kết gắn bó trong nội bộ người lao động qua đó truyền thông các chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, các mục tiêu, kế hoạch và chính sách của doanh nghiệp để tạo sự đồng thuận, phát huy dân chủ và hướng hoạt động của người lao động vào việc hoàn thành mục tiêu, kế hoạch kinh doanh hàng năm của doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang màu sắc Bảo Việt.

DIỄN BIẾN CỔ PHIẾU BVH

DIỄN BIẾN CỦA CỔ PHIẾU BVH NĂM 2014

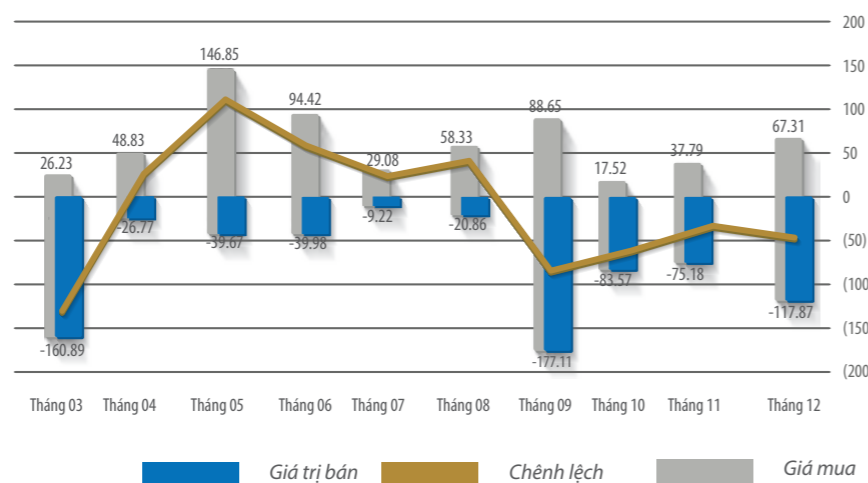
Trong những tháng đầu năm 2014, mặc dù không tạo được những nhịp tăng điểm mạnh song BVH duy trì diễn biến tích lũy đi ngang ổn định với mặt bằng thanh khoản được giữ ở mức khá tốt, đạt bình quân gần 500 nghìn đơn vị cổ phiếu khớp lệnh mỗi phiên.

Diễn biến của cổ phiếu BVH so với thị trường



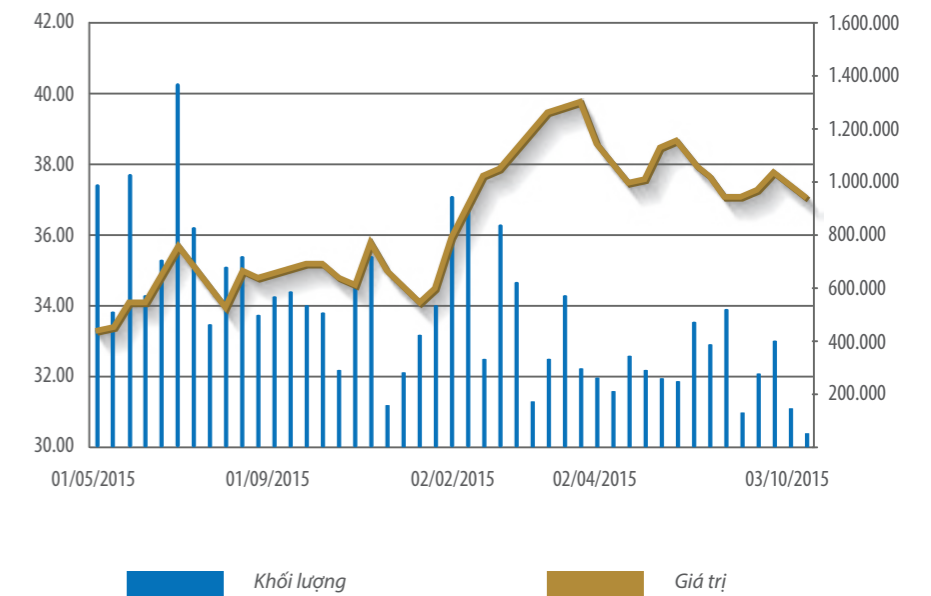
Từ giữa Quý II/2014, BVH có sự hồi phục mạnh mẽ và là một trong những bluechip có mức tăng điểm dẫn đầu thị trường. Cùng với thông tin chia cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 15%, kết quả kinh doanh quý II khởi sắc và sự hồi phục của thị trường chung sau một đợt giảm sâu đã tạo điểm tựa cho đà tăng điểm của BVH.

Thống kê giao dịch của Nhà đầu tư nước ngoài năm 2014



Trong giai đoạn Quý III/2014, cùng với lực mua ròng mạnh mẽ của khối ngoại và thành công trong nỗ lực tăng trưởng doanh thu khai thác mới của lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đi kèm với việc ra mắt một số sản phẩm mới mang thêm giá trị gia tăng cho khách hàng đã tạo sức hấp dẫn dòng tiền đầu tư cho BVH. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của 2 kỳ tái cơ cấu danh mục từ 2 quỹ ETFs vào cuối Quý III và Quý IV và áp lực sụt giảm của thị trường chung sau một đợt tăng trưởng nóng đã tác động đến giá cổ phiếu BVH, khiến giá cổ phiếu bước vào một giai đoạn điều chỉnh khá mạnh.

Đồ thị giá và khối lượng BVH từ đầu năm 2015 đến nay



Giai đoạn từ đầu năm 2015 đến nay, BVH có diễn biến hồi phục khá tích cực và được xem là một trong những cổ phiếu đóng vai trò dẫn dắt, giữ nhịp tăng trưởng cho thị trường chung.

Hiện nay, BVH là một trong 10 cổ phiếu có giá trị vốn hóa lớn nhất thị trường và là 1 trong 30 cổ phiếu hàng đầu niêm yết trên Sở GDCK TPHCM. Với kết quả kinh doanh ổn định, bền vững và duy trì tính thanh khoản tốt đã góp phần duy trì sức hấp dẫn của cổ phiếu BVH đối với quỹ đầu tư quốc tế, quỹ ETF tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Là một doanh nghiệp niêm yết với gần 7.000 cổ đông, Bảo Việt luôn xác định bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư là một trong những vấn đề cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp. Vì vậy, nâng cao chất lượng quan hệ nhà đầu tư là một phần quan trọng trong định hướng chiến lược của Bảo Việt nhằm xây dựng một hệ thống quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư của chúng tôi hướng tới việc bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông, tuân thủ các quy định pháp luật, đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông.

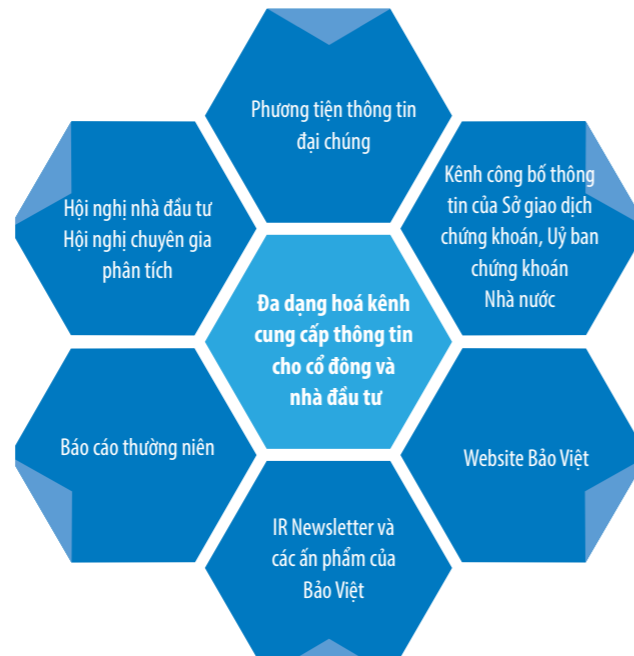
Nhận thức rõ vai trò của công tác quan hệ nhà đầu tư đặc biệt trong bối cảnh thị trường chứng khoán còn tiềm ẩn nhiều thách thức, Tập đoàn Bảo Việt luôn chú trọng nâng cao chất lượng công tác quan hệ nhà đầu tư, đặt lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư song hành với mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn.

Với mục tiêu hoàn thiện công tác quan hệ nhà đầu tư theo hướng ngày càng chuyên nghiệp, chuẩn mực, minh bạch và năng động, năm 2014 Bảo Việt hướng trọng tâm vào các mục tiêu: Nâng cao tính minh bạch và mức độ tin cậy của thông tin cung cấp; Nâng cao lợi ích cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư tiềm năng thông qua việc đa dạng hóa các kênh truyền thông; Đảm bảo quyền lợi và sự bình đẳng giữa các cổ đông.

Nâng cao lợi ích cho cổ đông, nhà đầu tư thông qua việc đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin

Thông tin là nền tảng của mọi quyết định đầu tư vì vậy Bảo Việt luôn nỗ lực đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các kênh cung cấp thông tin nhằm tạo điều kiện cho cổ đông và nhà đầu tư được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời về định hướng chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình quản trị doanh nghiệp.

Đa dạng hoá kênh cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư



Năm 2014, Bảo Việt đã chủ động truyền thông các thông tin tài chính và phi tài chính thông qua các bài viết truyền thông, phát hành thông cáo báo chí định kỳ tại các thời điểm công bố kết quả kinh doanh giúp nhà đầu tư nắm bắt kịp thời về tình hình kinh doanh và các yếu tố ảnh hưởng đến việc tăng giảm doanh thu, lợi nhuận trong kỳ.



Việc duy trì phát hành Bản tin Nhà đầu tư (IR Newsletter) song ngữ Việt – Anh với nhiều thông tin phân tích về các chỉ tiêu nghiệp vụ đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đã nhận được nhiều phản hồi tích cực từ nhà đầu tư và chuyên gia phân tích do cung cấp cái nhìn cận cảnh về hoạt động kinh doanh tại Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên.

Ngoài ra, nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, Bảo Việt đã tiến hành nâng cấp chuyên trang dành cho cổ đông song ngữ Anh/Việt trên website của Tập đoàn Bảo Việt với nhiều thông tin bổ ích và tăng tính tương tác nhằm hiệu quả hỗ trợ cổ đông.

Bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông

Việc thực thi các chính sách bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo sự bình đẳng giữa cổ đông lớn và cổ đông nhỏ luôn được Bảo Việt chú trọng để đảm bảo các cổ đông được cung cấp thông tin như nhau, bao gồm các thông tin về thời gian và tỷ lệ chi trả cổ tức, thông tin về đợt phát hành, thông tin mời họp ĐHCĐ thường niên và bất thường, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện quyền biểu quyết...

Bên cạnh đó, Bảo Việt luôn khuyến khích các cổ đông ý thức hơn về các quyền của mình bao gồm Quyền biểu quyết, quyền nhận cổ tức, quyền được đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, quyền thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyền tiếp cận các thông tin về hoạt động của Bảo Việt.

Bên cạnh việc chuẩn hóa quy trình về trình tự, thủ tục triệu tập họp và biểu quyết tại ĐHCĐ, Bảo Việt còn tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông thông qua việc bố trí thời gian và địa điểm họp ở trung tâm, thuận tiện cho giao thông (Khách sạn Melia); đăng thông báo thông báo mời họp trên 03 kỳ liên tiếp của một tờ báo có phạm vi phát hành toàn quốc và trên website, đồng thời công bố đầy đủ tài liệu họp theo quy định và hướng dẫn cổ đông truy cập các tài liệu làm cơ sở thảo luận và biểu quyết thông tại Đại hội.

Đảm bảo quyền được nhận cổ tức đầy đủ, đúng hạn cho cổ đông thông qua chính sách cổ tức ổn định: Sau 5 năm niêm yết, với chính sách cổ tức bằng tiền mặt ổn định, Bảo Việt mong muốn đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và đảm bảo thu nhập ổn định cho cổ đông. Năm 2014, với việc dành 1.021 tỷ đồng chi trả cổ tức đã nâng tổng số tiền cổ tức bằng tiền mặt lên 5.000 tỷ đồng sau 5 năm niêm yết. Ngoài ra, Bảo Việt còn sử dụng công ty chứng khoán chuyên nghiệp (Công ty Chứng khoán Bảo Việt - BVSC) để tạo điều kiện cho các cổ đông chưa lưu ký nhận tiền mặt trực tiếp hoặc nhận qua chuyển khoản với thủ tục đơn giản.



Nâng cao tính minh bạch và mức độ tin cậy của thông tin cung cấp

Với tư cách là công ty niêm yết được góp mặt đầy đủ trong các kỳ sàng lọc VN30, Bảo Việt luôn ý thức được trách nhiệm cần thực hiện tốt minh bạch thông tin tới nhà đầu tư. Nhằm nâng cao mức độ tin cậy của số liệu, Bảo Việt đã duy trì việc lập Báo cáo tài chính theo hai chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực lập và trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Bên cạnh việc tuân thủ quy định về việc lập và soát xét đối với Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm, Bảo Việt còn thực hiện soát xét đối với báo cáo quý để đảm bảo mức độ tin cậy của các số liệu cung cấp ra thị trường.

Ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC, Bảo Việt còn chủ động công bố kịp thời các thông tin được đánh giá là trọng yếu, có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư; Chủ động công bố thông tin về các sản phẩm dịch vụ mới, các bước tiến trong hợp tác với cổ đông chiến lược để nhà đầu tư có thể nắm bắt kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động của Bảo Việt.

Định hướng Hoạt động quan hệ nhà đầu tư 2015

Theo lộ trình đã đề ra trong Chiến lược quan hệ nhà đầu tư 5 năm (2011-2015), công tác Quan hệ Nhà đầu tư năm 2015 của Bảo Việt sẽ được hoàn thiện theo định hướng ngày càng chuyên nghiệp, năng động, chuẩn mực và minh bạch hơn.

Mục tiêu trọng tâm năm 2015 bao gồm:

- Tăng cường gặp gỡ, tìm hiểu nhu cầu của các nhà đầu tư, qua đó tìm kiếm các cơ hội hợp tác hiệu quả với nhà đầu tư tại Việt Nam và trên thế giới.
- Phát triển chuyên mục công bố thông tin tiếng Anh trên website Tập đoàn Bảo Việt, tiến tới công bố thông tin song ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh.
- Tăng cường số lượng và chất lượng các báo cáo phân tích về cổ phiếu BVH do tổ chức uy tín hàng đầu tại thị trường trong nước và khu vực.



Trên cơ sở đánh giá và hiểu được kỳ vọng của các đối tượng nhà đầu tư khác nhau, năm 2015 Bảo Việt sẽ tiếp tục triển khai các chương trình phù hợp nhằm tạo ra sự chuyển biến rõ rệt trong công tác quan hệ nhà đầu tư theo hướng minh bạch và linh hoạt hơn để nâng cao lợi ích cho nhà đầu tư.

Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư

Email: investorbvh@baoviet.com.vn

Điện thoại: 04 3928 9999

Website: www.baoviet.com.vn



2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TÍCH HỢP TRÊN NỀN TẢNG DI ĐỘNG



05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Niềm tin vững bền
Hướng tới tương lai



BẢO VIỆT – ĐỐI DIỆN THÁCH THỨC, NẮM BẮT CƠ HỘI TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

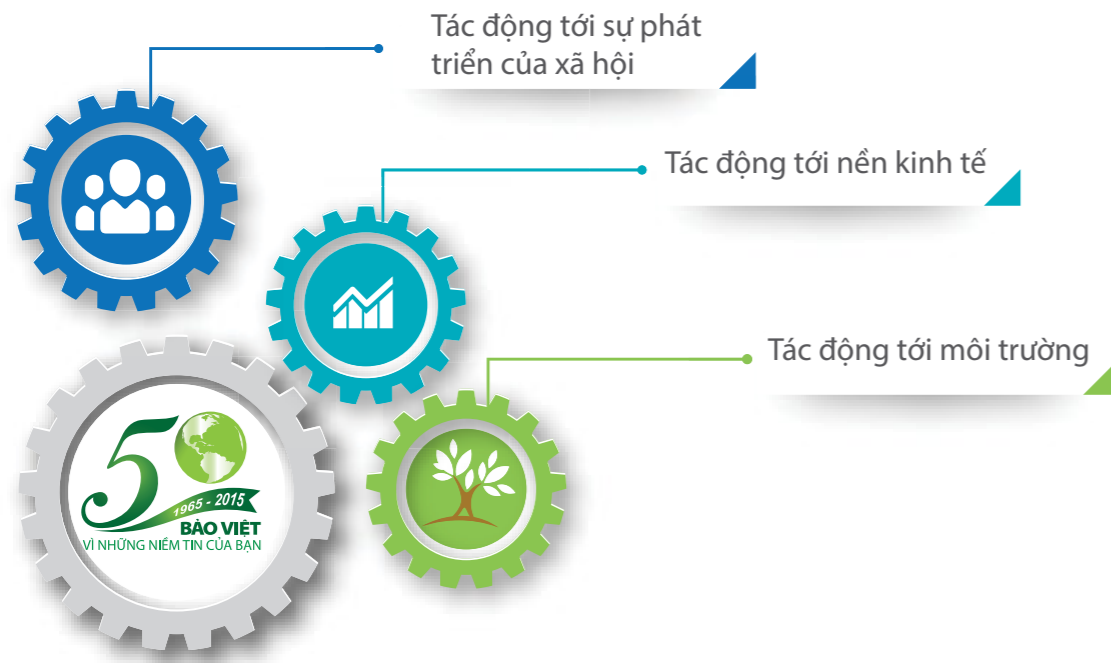
GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

CON SỐ VÀ SỰ KIỆN

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN

BẢO VIỆT - ĐỐI DIỆN THÁCH THỨC, NẮM BẮT CƠ HỘI TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một Tập đoàn tài chính – bảo hiểm, Bảo Việt xác định chiến lược phát triển bền vững chỉ có thể thực hiện được khi mục tiêu kinh tế được đảm bảo. Bởi vì chỉ khi xây dựng được nguồn lực vững chắc cho bản thân doanh nghiệp, Bảo Việt mới có thể đem lại lợi ích lâu bền cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.



PHÂN TÍCH CÁC TÁC ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Việc đánh giá các tác động từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt lên 3 yếu tố: Kinh tế - xã hội và môi trường giúp Bảo Việt nhìn nhận được trách nhiệm và vai trò tác động của mình đến sự phát triển bền vững chung của đất nước

Tác động đối với nền kinh tế

Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung: Là doanh nghiệp tiên phong khai mở thị trường trong các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, đến nay Bảo Việt trở thành tập đoàn bảo hiểm dẫn đầu các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác. Sự tăng trưởng của Bảo Việt có đóng góp quan trọng cho ngành tài chính – bảo hiểm nói riêng và nền kinh tế đất nước nói chung.

Góp phần phát triển kinh tế địa phương: Với 70.000 lao động hoạt động trên 168 chi nhánh và 700 phòng giao dịch của bảo hiểm tại 63 tỉnh thành, Bảo Việt cung cấp sản phẩm cho người dân cả nước, góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp cho sự tăng trưởng của các nhà cung cấp địa phương và đóng góp cho ngân sách địa phương.

Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước: Bảo Việt là mắt xích quan trọng và thành công điển hình trong tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đã gặt hái nhiều kết quả đổi mới toàn diện và đang tiếp tục đẩy mạnh bước tiếp theo của quá trình cổ phần hóa thông qua giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước, tìm kiếm cổ đông nước ngoài mới nhằm nâng cao hiệu quả Tập đoàn kinh tế Nhà nước.

Nắm giữ vị thế chính trị quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước, Bảo Việt luôn đi đầu trong các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội, chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm khai thác thủy sản...

17.000.000

Với cơ sở 17 triệu khách hàng, Bảo Việt cung cấp các sản phẩm bảo hiểm – tài chính đa dạng

120 tỷ đồng

Hơn 120 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội

33,2%

Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm bình quân 5%/năm (từ 38,2% năm 2013 xuống còn 33,2% năm 2014)

Tác động tới sự phát triển của xã hội

Tạo công ăn việc làm và thúc đẩy các chính sách phát triển bền vững trong hệ thống: Bảo Việt hiện có trên 6.000 cán bộ và gần 65.000 đại lý hoạt động trên khắp cả nước. Các hoạt động của Bảo Việt góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Đồng thời những định hướng phát triển bền vững của Bảo Việt khi được triển khai xuống các đơn vị và thực hiện bởi các cán bộ sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa trên khắp cộng đồng.

Chia sẻ gánh nặng trước những bất trắc liên quan đến sức khỏe, tài sản của khách hàng: Với cơ sở 17 triệu khách hàng, Bảo Việt cung cấp các sản phẩm bảo hiểm – tài chính đa dạng, đem lại sự an tâm cho khách hàng trước những rủi ro trong cuộc sống. Bên cạnh đó, các sản phẩm bảo hiểm vi mô vẫn được Bảo Việt triển khai hàng năm nhằm giúp khách hàng thu nhập thấp, ở các khu vực nông thôn có thể tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, nông nghiệp.

Chung tay vì một cộng đồng phát triển: Tính đến nay, Bảo Việt đầu tư 120 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội, tập trung cho công tác xóa đói giảm nghèo cho đồng bào tại địa bàn khó khăn; đầu tư xây dựng trường học, các chương trình học bổng dành cho trẻ em nghèo hiếu học. Tính đến cuối năm 2014, tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm từ 1,8-2%/năm (từ 7,8% xuống còn 5,8-6%); riêng tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm bình quân 5%/năm (từ 38,2% năm 2013 xuống còn 33,2% năm 2014)¹.

Tác động tới môi trường

Với 90% danh mục đầu tư cổ phần, vốn góp của Bảo Việt tập trung vào các ngành kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính – những ngành nghề hoàn toàn thân thiện với môi trường. Chính vì vậy, các tác động đến môi trường của Bảo Việt chủ yếu thông qua hoạt động xã thải và tiêu thụ năng lượng tại 168 chi nhánh và 700 điểm giao dịch bảo hiểm...

Nhằm giảm thiểu tác động này, Bảo Việt đã xây dựng đề án bảo vệ môi trường tại các trụ sở văn phòng của Bảo Việt. Năm 2014, đề án này đã được Sở Tài nguyên và môi trường phê duyệt. Đề án này bao gồm các phân tích nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường tại tòa nhà văn phòng làm việc của Bảo Việt và các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm.



¹ Nguồn: Trích từ "Thông tin báo chí: Thủ tướng chủ trì Hội nghị về công tác giảm nghèo bền vững" của Văn phòng chính phủ.

CÁC ẢNH HƯỞNG TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỚI BẢO VIỆT

Trong xu hướng phát triển bền vững, Bảo Việt nhìn nhận một số rủi ro và thách thức có thể tác động tới hoạt động của Bảo Việt. Các thách thức và rủi ro này được đánh giá theo mức độ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Bảo Việt và lợi ích của các bên liên quan.

Xu hướng mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và tái cơ cấu thị trường tài chính bảo hiểm tại Việt Nam: Bảo Việt nhìn nhận đây là thách thức nhưng cũng là cơ hội để thực hiện kiện toàn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động, xây dựng một Bảo Việt phát triển vững chắc. Các thách thức đặt ra cho chúng tôi bao gồm việc chuẩn hóa và tuân thủ các quy định quốc tế; sự gia tăng đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước; các rủi ro thị trường, rủi ro danh tiếng và các rủi ro mang tính hiện hữu (thiên tai, bệnh dịch) xảy ra ngày càng nhiều đặt ra yêu cầu cho Bảo Việt trong việc xây dựng hệ thống quản lý rủi ro toàn diện để chủ động ứng phó với môi trường kinh doanh nhiều biến động.

Ý thức về vai trò bảo hiểm của người dân ngày càng gia tăng: Với đời sống dân trí ngày càng được nâng cao thì nhận thức và hiểu biết của người dân về bảo hiểm và rủi ro ngày càng tăng, nhu cầu khách hàng ngày càng đa dạng, phong phú trong từng phân đoạn, đặc biệt là tầng lớp khách hàng trung lưu. Đây là phân khúc quan trọng nhất, đem lại cơ hội phát triển sản phẩm mới, mở rộng kinh doanh và cần tập trung nguồn lực khai thác tối đa nhóm khách hàng này.

Sức ép già hóa dân số đối với Quỹ bảo hiểm xã hội và ngân sách nhà nước: Cùng với số người cao tuổi tăng nhanh, chi phí chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi đòi hỏi cao hơn, già hóa dân số đang đặt ra những thách thức và sức ép lớn các vấn đề an sinh xã hội. Theo dự báo đến năm 2050 sẽ có 30% dân số Việt Nam trên 60 tuổi. Khi đó, nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để chi cho việc điều chỉnh lương hưu hàng năm trên 3.000 tỷ đồng và có xu hướng tiếp tục gia tăng trong những năm tới. Tuổi thọ gia tăng cũng tạo thêm gánh nặng ngày càng lớn đối với quỹ bảo hiểm xã hội, ngân sách nhà nước và toàn xã hội nói chung.

Vấn đề ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu: dẫn đến các rủi ro về thiên tai, bệnh tật cho người dân. Đây là những rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Bảo Việt, đặc biệt trong lĩnh vực bảo hiểm

Tại hầu hết các nước, các tòa nhà tiêu thụ ít nhất 40% nguồn năng lượng²: Cùng với tốc độ đô thị hóa, sự bùng nổ các tòa nhà văn phòng, nhà ở tại khu vực thành phố và trung tâm khiến nguồn năng lượng tiêu thụ từ các tòa nhà tăng lên cùng với việc gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường từ việc gia tăng cường độ phát thải khí nhà kính.

Thách thức về nhận thức của cộng đồng với phát triển bền vững: Phát triển bền vững là vấn đề được đề cập nhiều trên các phương tiện thông tin báo chí, nhưng để người dân thực sự hiểu, đặc biệt là 70.000 cán bộ, đại lý tư vấn viên của Bảo Việt hiểu và cùng chung tay vì một cộng đồng bền vững vẫn là thách thức không nhỏ cho Bảo Việt.

² Theo số liệu Báo cáo tóm tắt về sử dụng năng lượng hợp lý tại các tòa nhà của Hội doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững của thế giới (WBCSD)

NẮM BẮT CƠ HỘI TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chiến lược phát triển bền vững mà Bảo Việt đang quyết tâm triển khai thực hiện không chỉ giúp chúng tôi phân tích nhìn nhận những ảnh hưởng và tác động khách quan liên quan đến lợi ích của các bên, mà chính từ những phân tích này cũng giúp Bảo Việt nhận diện được cơ hội mà phát triển bền vững có thể đem lại.

Nâng cao vị thế và uy tín của Bảo Việt trên thị trường với trách nhiệm của doanh nghiệp vì sự phát triển chung của cộng đồng cũng như góp phần xây dựng thương hiệu của Bảo Việt trên thị trường đầu tư thông qua việc thực hiện Báo cáo phát triển bền vững

Cơ hội tiếp cận thị trường mới rộng lớn hơn, quy mô dân số lớn, các rào cản về kỹ thuật và pháp lý có thể được dỡ bỏ hoặc giảm thiểu ở mức tối đa; Phạm vi hoạt động không chỉ ở thị trường trong nước mà tiến tới hoạt động phạm vi khu vực.

Các yếu tố nhân khẩu học với dân số trẻ, lực lượng lao động lớn, cơ cấu dân số vàng, tỉ lệ đô thị hóa và tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh chóng, dự báo sẽ đem lại cơ hội rất lớn cho lĩnh vực dịch vụ tài chính bán lẻ, đặc biệt là ngành bảo hiểm. Trong khi đó, mật độ bảo hiểm cũng như tỉ lệ thâm nhập Bảo hiểm ở Việt Nam khá thấp so với mức

trung bình các nước trong khu vực. Đây sẽ là cơ hội dành cho các tổ chức tài chính quy mô lớn như Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt, với khả năng cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ tích hợp với nhau, sẽ có nhiều lợi thế trong khai thác tiềm năng thị trường, đặc biệt là thị trường bán lẻ.

Thay đổi hành vi tiêu dùng của khách hàng: Cùng với sự mở cửa nền kinh tế, sự hội nhập văn hóa cũng đang diễn ra trên diện rộng, người dân có nhiều cơ hội tiếp xúc với tư tưởng tiến bộ từ các nước phát triển. Điều này sự thay đổi trong hành vi tiêu dùng của khách hàng, họ ngày càng yêu cầu khắt khe, đa dạng hơn với sản phẩm dịch vụ. Đòi hỏi doanh nghiệp nghiên cứu kỹ thị trường, tạo ra các sản phẩm tích hợp để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của tầng lớp dân cư đặc biệt là tầng lớp trung lưu ngày một gia tăng nhanh chóng.

Nghiên cứu phát triển sản phẩm bảo hiểm hưu trí: Sức ép đặt ra với sự già hóa dân số cũng giúp Bảo Việt nhìn nhận vai trò và trách nhiệm trong việc chia sẻ sức ép này với chính phủ. Bảo Việt hiện đang nghiên cứu để ra mắt sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện nhằm cung cấp giải pháp tài chính giúp khách hàng bổ sung nguồn thu nhập để có thể ổn định và nâng cao mức sống khi đến tuổi nghỉ hưu.



GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bảo Việt xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp.

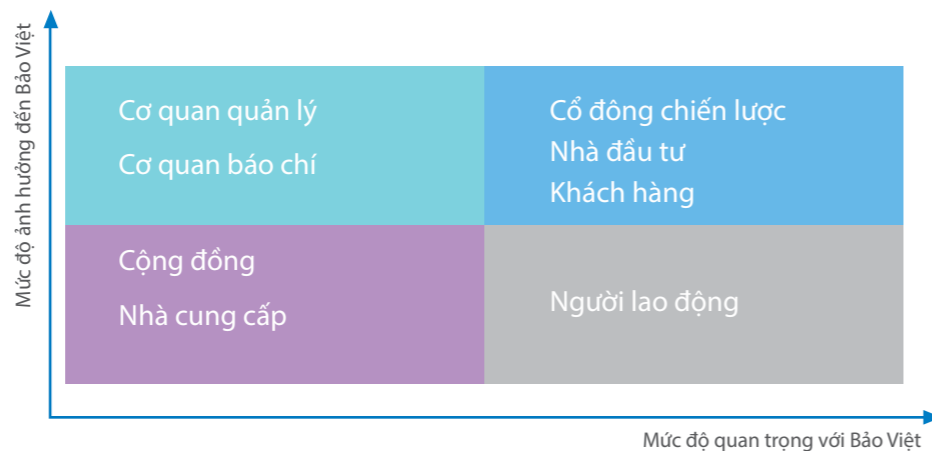
PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Việc đối thoại với các bên liên quan giúp nhận diện được các nguy cơ tiềm ẩn cũng như những bước phát triển phù hợp một cách chủ động hơn. Việc kết hợp giữa kinh nghiệm hoạt động của chúng tôi với sự am hiểu, tận tâm của các chuyên gia, các đối tác lâu năm sẽ giúp sức cho Bảo Việt trong việc xây dựng những bước đi vững chắc. Hơn thế nữa, thông qua việc kết hợp với các bên trong các lĩnh vực khác nhau bao gồm khu vực tư nhân, các tổ chức công, các đơn vị phi lợi nhuận hay người lao động, chúng tôi tin rằng Bảo Việt sẽ tạo dựng được những ảnh hưởng lớn hơn và bền vững hơn so với việc chúng tôi hoạt động độc lập.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bảo Việt xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Bảo Việt. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp.

Trong năm 2014, Bảo Việt đã củng cố mối quan hệ với các bên liên quan thông qua



việc tăng cường và chủ động tiếp xúc thông qua các kênh thông tin khác nhau. Vấn đề phát triển bền vững cũng được chúng tôi lồng ghép trong quá trình trao đổi với các bên nhằm tăng cường nhận thức về vấn đề này cũng như để lắng nghe ý kiến của các bên đối với hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường.

Thông qua các chương trình khảo sát và ghi nhận ý kiến từ các bên liên quan giúp Bảo Việt hiểu được mối quan tâm và kì vọng của họ. Với mỗi nhóm đối tượng, Bảo Việt sử dụng cách thức tiếp cận thông tin khác nhau. Phản hồi từ các bên được chúng tôi thận trọng xem xét, nghiên cứu và nỗ lực để đưa các phản hồi này vào các chính sách và các hoạt động của công ty.

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BÁO VIỆT



Minh họa hoạt động gắn kết của Bảo Việt với các bên liên quan của Báo Việt

Cổ đông và nhà đầu tư

Bảo Việt không ngừng tăng trưởng và tiếp tục phát triển các lĩnh vực kinh doanh nhằm đem lại lợi suất đầu tư cao nhất cho cổ đông

Vai trò

Với vai trò là người góp vốn cho doanh nghiệp, việc đem lại các giá trị gia tăng thông qua sự tăng trưởng và duy trì cổ tức ở mức cao qua các năm cho các cổ đông và nhà đầu tư là mục tiêu quan trọng của Báo Việt.

Mục tiêu

Bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông thông qua hoạt động kinh doanh bền vững, đem lại lợi ích lâu dài và ngày một gia tăng cho cổ đông; Đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư.

Gắn kết

Nâng cao chất lượng quan hệ nhà đầu tư là một phần quan trọng trong định hướng chiến lược của chúng tôi. Báo Việt tiếp xúc với nhà đầu tư tổ chức thông qua các buổi tiếp đón trực tiếp tại doanh nghiệp cũng như trao đổi trực tiếp tại các Hội thảo nhà đầu tư do các đơn vị tổ chức. Đối với nhà đầu tư cá nhân, bộ phận quan hệ cổ đông cũng nhận các ý kiến phản hồi thông qua số hotline và ý kiến phản hồi trên website. Bên cạnh đó, Đại hội đồng cổ đông diễn ra vào tháng 4 hàng năm cũng là cơ hội Lãnh đạo Báo Việt tiếp xúc và trả lời trực tiếp các chất vấn của cổ đông liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.



Năm 2014, Bảo Việt đã tiếp đón gần 150 lượt nhà đầu tư tổ chức; tham gia hàng chục Hội thảo nhà đầu tư trong nước và quốc tế và giải quyết trên 220 cuộc gọi từ nhà đầu tư cá nhân. Đại hội đồng cổ đông năm 2014 có sự tham gia của 43 cổ đông, đại diện cho 95,81% số cổ phần có quyền biểu quyết của Bảo Việt.

Khách hàng



Phục vụ khách hàng tốt nhất để phát triển là triết lý kinh doanh bền vững mà Bảo Việt luôn hướng tới.

Vai trò

Chúng tôi xác định khách hàng là trung tâm mọi hoạt động. Chính vì vậy việc nghiên cứu, tìm hiểu nhu cầu khách hàng là nội dung quan trọng trong hoạt động phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ và truyền thông thương hiệu của Bảo Việt. Những phản hồi của khách hàng thông qua các kênh khác nhau giúp cho Bảo Việt cải tiến chất lượng hoạt động, từ đó phục vụ khách hàng một cách tốt hơn, cũng như đem lại các giá trị gia tăng cho khách hàng.

Mục tiêu

Xây dựng các sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng khách hàng; bảo vệ khách hàng trước các rủi ro, đem đến cho khách hàng các cơ hội để hiện thực hóa ước mơ, đảm bảo sự bình an và thịnh vượng cho khách hàng.

Gắn kết

Thực hiện nghiên cứu thị trường thông qua chương trình khảo sát của Trung tâm dịch vụ khách hàng của Bảo Việt. Nội dung phỏng vấn bao gồm đánh giá của khách hàng đối với sản phẩm dịch vụ hiện đang sử dụng; đánh giá mức độ quan tâm của khách hàng đối với các hoạt động của Bảo Việt và mong muốn của khách hàng đối với sản phẩm dịch vụ cũng như các hoạt động của doanh nghiệp.

Người lao động



Phát huy tính chủ động, sáng tạo và nhiệt tình của người lao động, tạo môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp và thân thiện

Vai trò

Tại Bảo Việt, chúng tôi xác định nhân lực là yếu tố nền tảng, quyết định sự tăng trưởng và phát triển của doanh nghiệp. Nguồn nhân lực đủ về số lượng, được đào tạo và nâng cao về chất lượng là yếu tố then chốt để nâng cao sức cạnh tranh của Bảo Việt trên thị trường Việt Nam trong dài hạn và là nhân tố thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững.

Mục tiêu

Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của Bảo Việt.

Gắn kết

Bảo Việt tăng cường các hoạt động tương tác với cán bộ nhân viên thông qua các kênh truyền thông nội bộ bao gồm: Bản tin; Tạp chí nội bộ; các kênh website; Mạng nội bộ (Intranet Baoviet People); bản tin điện tử hàng tuần. Ngoài ra, Hội nghị người lao động thường niên tại từng đơn vị của Bảo Việt là cơ hội để Lãnh đạo và cán bộ nhân viên gặp gỡ, trao đổi trực tiếp về định hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh, các sự kiện nổi bật cũng như quyền lợi và các mối quan tâm khác của người lao động.



Cộng đồng

Sự phát triển của Bảo Việt luôn gắn liền với các hoạt động từ thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng

Vai trò

Với mạng lưới bao phủ khắp các tỉnh thành trên cả nước, hoạt động của Bảo Việt có tác động không nhỏ tới các cộng đồng sinh sống tại địa phương. Vì vậy, chúng tôi chú trọng đảm bảo cuộc sống cho người dân địa phương, vì khi dân cư ổn định và phát triển sẽ tạo ra cơ hội cho Bảo Việt khai thác các cơ hội kinh doanh, tạo công ăn việc làm và đóng góp cho kinh tế tại nơi đó.

Mục tiêu

Hỗ trợ cộng đồng thông qua đóng góp xây dựng các điều kiện sống căn bản, giúp người dân tập trung lao động sản xuất, đảm bảo kinh tế gia đình, qua đó thúc đẩy kinh tế địa phương, tạo ra các cơ hội phát triển kinh doanh cho Bảo Việt.

Gắn kết

Trọng tâm hoạt động cộng đồng bao gồm: Công tác xóa đói giảm nghèo; Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ; Hoạt động đền ơn đáp nghĩa; Khắc phục hậu quả thiên tai.

Chúng tôi thực hiện khảo sát từ đơn vị cơ sở đối với tình hình tại địa bàn hoạt động đồng thời đại diện đơn vị trao đổi trực tiếp với lãnh địa phương về các khó khăn chung để đánh giá tình hình thực tế cũng như thăm hỏi, tiếp xúc với bà con để từ đó có các hành động thích ứng.

Chính phủ và các cơ quan ban ngành

Bảo Việt mong muốn là một nhân tố tích cực trong việc phối hợp với cơ quan ban ngành thực thi các chính sách của chính phủ vì sự phát triển chung của đất nước

Vai trò

Là Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, hoạt động của Bảo Việt có vai trò quan trọng, đóng góp cho sự phát triển chung của thị trường. Vì vậy, chúng tôi xác định việc tuân thủ theo các quy định của Nhà nước, cơ quan ban ngành liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời xây dựng các cơ hội hợp tác giữa các ngành sẽ đóng góp cho sự thành công của Bảo Việt trong dài hạn.

Mục tiêu

Tiên phong đi đầu trong việc thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của Chính phủ; xây dựng các mối quan hệ bền vững với các cơ quan Ban ngành, đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung và của Bảo Việt nói riêng

Gắn kết

Bảo Việt cập nhật thông tin và đóng góp ý kiến qua thông qua các Hội thảo chuyên ngành về tài chính – bảo hiểm; các Hội thảo liên quan tới phổ biến những sửa đổi, bổ sung về chính sách, luật pháp của Nhà nước.



Báo chí và cơ quan truyền thông



Báo Việt luôn muốn đồng hành, chia sẻ và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí truyền thông để tăng cường nhận thức của cộng đồng về các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững

Vai trò

Cơ quan truyền thông đóng vai trò là cầu nối giữa Báo Việt tới các bên hữu quan khác, giúp hoạt động của Báo Việt gần gũi hơn, minh bạch hơn, và rõ ràng hơn đối với nhà đầu tư, khách hàng và các đối tượng quan tâm khác.

Mục tiêu

Kết nối chặt chẽ với cơ quan báo chí, đảm bảo tin tức hoạt động của Báo Việt được cập nhật kịp thời và phản ánh một cách chân thực, khách quan tới các bên liên quan.

Gắn kết

Báo Việt thường xuyên tiếp xúc với cơ quan báo chí trong các chương trình Họp báo, các Hội nghị của doanh nghiệp và Hội nghị chuyên ngành trong lĩnh vực tài chính – bảo hiểm. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng mời nhà báo đồng hành cùng Báo Việt trong một số hoạt động ví dụ các chương trình Hội thảo mà Báo Việt tham gia, đặc biệt là các hoạt động cộng đồng để nhà báo có thể hiểu rõ hơn cũng như khai thác thông tin theo chiều sâu với góc nhìn khách quan.

Năm 2014, Báo Việt đã tham gia trả lời 15 cuộc phỏng vấn trên truyền hình, 120 bài phỏng vấn trên báo chí cùng các cuộc tiếp xúc trực tiếp và gián tiếp với cơ quan báo chí.

Nhà cung cấp

Chúng tôi muốn cùng với nhà cung cấp, xây dựng chuỗi giá trị bền vững, tạo nên ảnh hưởng mang tính lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp

Vai trò

Là một nhân tố trong chuỗi giá trị, nhà cung cấp có vai trò nhất định trong hoạt động hướng tới phát triển bền vững của Báo Việt. Chúng tôi muốn xây dựng mạng lưới nhà cung cấp mạnh trên thị trường, đáp ứng các yêu cầu của Báo Việt không chỉ về chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp mà còn đáp ứng các yêu cầu liên quan vấn đề môi trường và xã hội.

Mục tiêu

Đối xử bình đẳng với các nhà cung cấp; Ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp có hoạt động không gây tổn hại đến môi trường và xã hội

Gắn kết

Trong quá trình tìm kiếm nhà cung ứng hoặc trong các quá trình đấu thầu, Báo Việt thường xuyên trao đổi trực tiếp với nhà cung ứng, ngoài việc tìm hiểu khả năng của nhà cung ứng, Báo Việt cũng xem xét đến khía cạnh xã hội, môi trường của đối tác liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh như một tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp.

XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Các bên liên quan được xem là các đối tác quan trọng, phản hồi từ các đối tác này là nguồn thông tin quý giá để chúng tôi tiếp tục phát triển và củng cố hoạt động của doanh nghiệp. Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, chúng tôi đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của Báo Việt.

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề, chúng tôi thực hiện đầu tư, phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Quy trình xác định vấn đề trọng yếu

Trong năm 2014, Báo Việt đã đưa ra một số cải tiến trong quy trình xác định các vấn đề trọng yếu bao gồm việc bổ sung thêm các tiêu chí đánh giá về “Xu thế phát triển”. Các tiêu chí này sẽ so sánh giữa vấn đề hiện tại với xu hướng phát triển chung trên thế giới và tại Việt Nam, qua đó giúp cho Báo Việt xác định và lựa chọn được các vấn đề cần được ưu tiên giải quyết liên quan đến đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

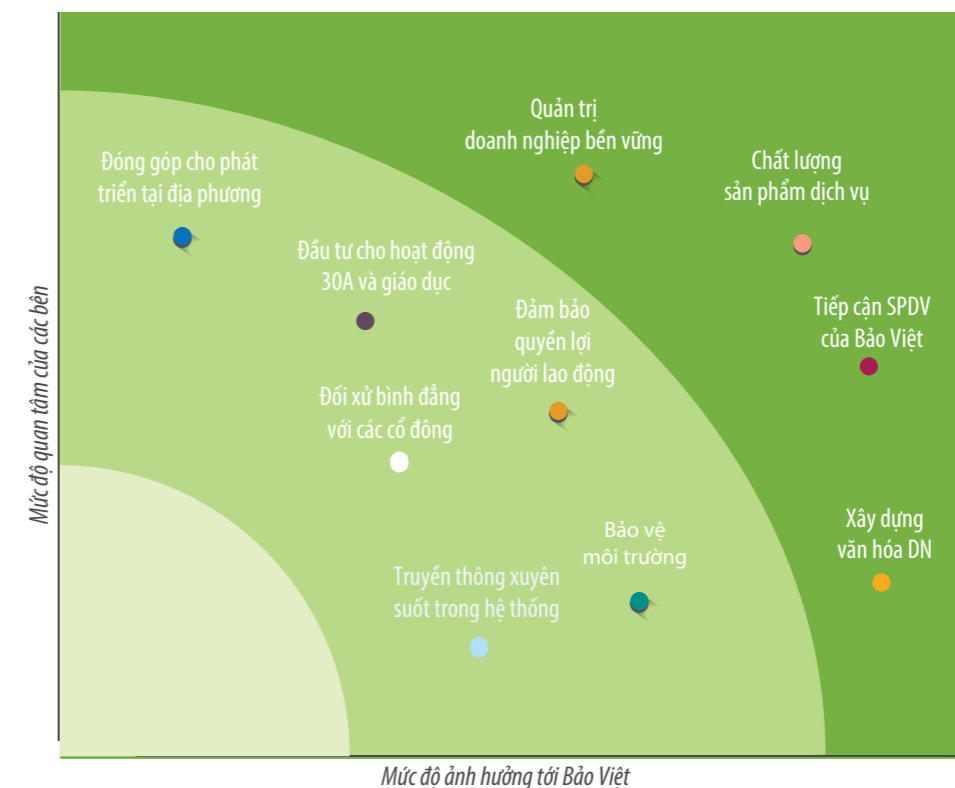
Quy trình đánh giá và lựa chọn các vấn đề trọng yếu:

1	2	3	4	5
Đánh giá xu hướng chung; Nghiên cứu hoạt động chung của ngành	Phân tích các vấn đề được các bên quan tâm	Đánh giá các vấn đề quan tâm của xã hội	Đánh giá các ảnh hưởng đến hoạt động và mức độ kiểm soát	Lựa chọn các vấn đề trọng yếu

Ma trận xác định các vấn đề trọng yếu

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, Báo Việt xây dựng “Ma trận các vấn đề trọng yếu” nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Ma trận các vấn đề trọng yếu được thể hiện theo mô hình dưới đây:



Phản hồi từ các bên liên quan là nguồn thông tin quý giá để chúng tôi tiếp tục phát triển và củng cố hoạt động của doanh nghiệp. Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, chúng tôi đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của Bảo Việt.

CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU	NỘI DUNG CHÍNH
Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững	Củng cố năng lực quản trị doanh nghiệp theo hướng bền vững
Đầu tư phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ	Đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng Ra mắt các sản phẩm hỗ trợ cho cộng đồng
Đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội	Phối hợp tham gia các chương trình xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ người dân các địa bàn khó khăn Tiếp tục các chương trình đầu tư cho giáo dục và trẻ em, đặc biệt là các đối tượng học sinh nghèo hiếu học
Gắn kết người lao động trong hoạt động của doanh nghiệp	Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp, gắn kết người lao động với các hoạt động của doanh nghiệp Tăng cường truyền thông xuyên suốt từ Tập đoàn tới đơn vị chi nhánh tại địa phương trên toàn hệ thống
Đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư	Đảm bảo minh bạch thông tin hoạt động của doanh nghiệp Đối xử công bằng với tất cả các nhà đầu tư
Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động	Chú trọng đến các tác động của Bảo Việt tới môi trường Tăng cường các hoạt động góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản trị công ty là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả và phát triển bền vững trong dài hạn, góp phần xây dựng và củng cố niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông dành cho doanh nghiệp

Tại Tập đoàn Bảo Việt, Quản trị doanh nghiệp được xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững. Bên cạnh việc xây dựng một cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam kết hợp với việc vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, Bảo Việt đã ban hành hệ thống các quy chế nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng trong dài hạn

CƠ CẤU QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

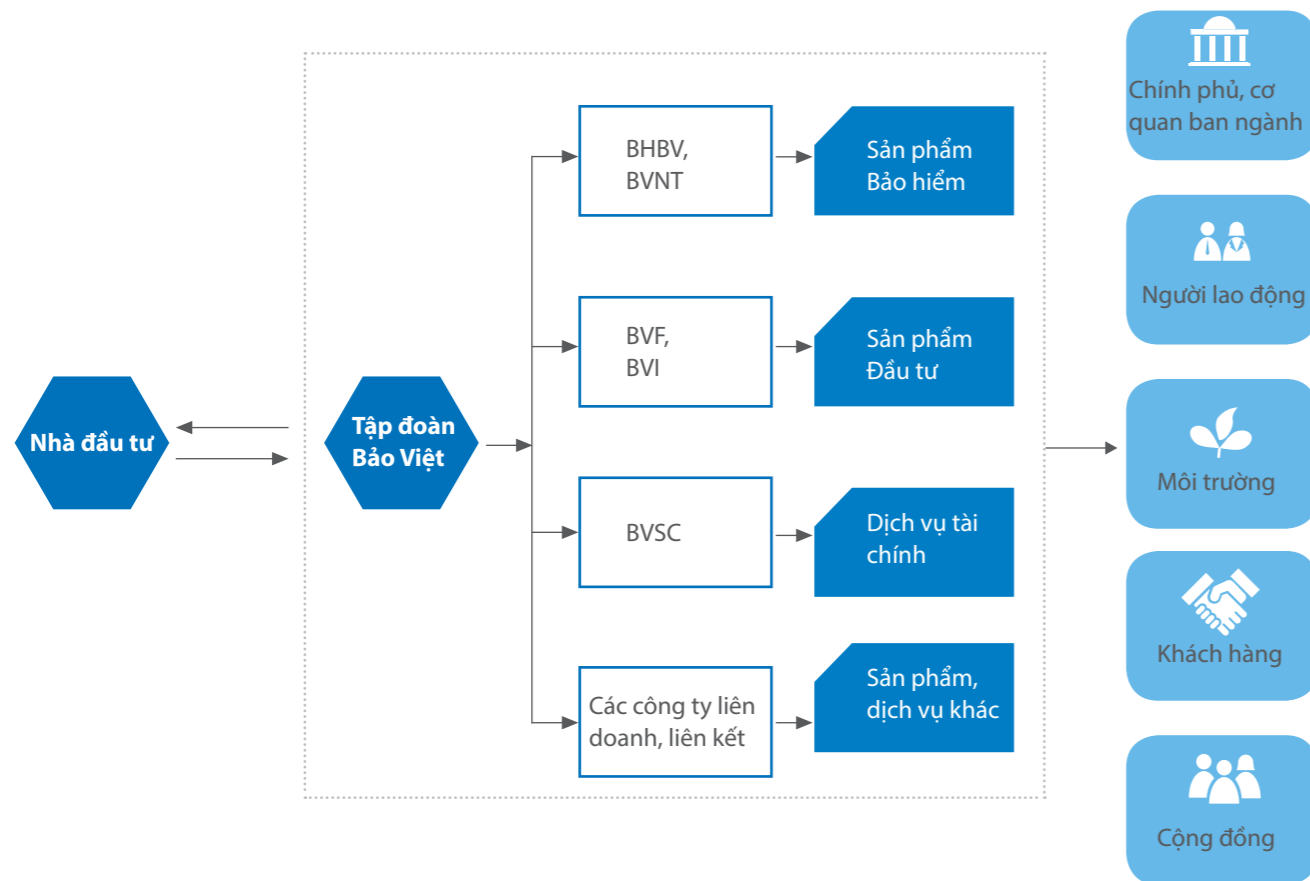
Vấn đề phát triển bền vững được thực hiện xuyên suốt toàn Tập đoàn, từ cấp độ Hội đồng Quản trị đến Ban điều hành; các đơn vị thành viên và phòng ban chức năng của Bảo Việt.

CẤP ĐỘ	TRÁCH NHIỆM CHÍNH
Cấp Hội đồng Quản trị và các Ủy ban/Hội đồng giúp việc cho Hội đồng Quản trị	
Hội đồng Quản trị	Ban hành các quy chế, chính sách và đưa ra chiến lược, định hướng phát triển bền vững triển khai trên toàn Tập đoàn
Ủy ban Chiến lược và Đầu tư	Chỉ đạo việc xây dựng chiến lược phát triển của Tập đoàn Bảo Việt bao gồm chiến lược phát triển bền vững
Ủy ban Kiểm toán	Xem xét tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, việc tuân thủ các quy định của Tập đoàn và các quy định pháp luật
Kiểm toán nội bộ	
Kiểm toán nội bộ	Đánh giá độc lập, khách quan hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho Hội đồng quản trị
Tổng Giám đốc và Ban Điều hành	
Tổng Giám đốc & Ban điều hành	Chịu trách nhiệm triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của doanh nghiệp thông qua xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng Khối/Ban chức năng và đơn vị thành viên; Giám sát kết quả thực hiện mục tiêu bền vững của các đơn vị thành viên, đảm bảo đạt cân bằng tương đối giữa 3 yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường.
Hội đồng Quản lý rủi ro	Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) định kỳ rà soát các rủi ro trên phạm vi toàn Tập đoàn và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro phù hợp. Thông qua việc rà soát và trao đổi tại cuộc họp Hội đồng quản lý rủi ro, các loại rủi ro được nhận dạng, phân tích, đánh giá và kiểm soát một cách có hệ thống theo quy trình chuẩn.
Đơn vị kinh doanh và các Khối/Ban chức năng	
Các Khối/Ban Công ty Mẹ	Triển khai vấn đề phát triển bền vững tại Công ty Mẹ và Giám sát kết quả thực hiện mục tiêu bền vững của các đơn vị thành viên, đảm bảo đạt cân bằng tương đối và hài hòa giữa 3 yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường.
Đại diện vốn của Tập đoàn Bảo Việt; Lãnh đạo đơn vị thành viên	Triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của đơn vị; xây dựng mục tiêu, triển khai, giám sát kết quả thực hiện của đơn vị và báo cáo để xuất với Công ty Mẹ
Phòng/Ban/Chi nhánh công ty thành viên	Triển khai theo các hoạt động hướng đến phát triển bền vững theo kế hoạch và chỉ tiêu từ đầu năm

GẮN KẾT VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI - QUẢN TRỊ (ESG) TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ CỦA BẢO VIỆT

Khi phát triển bền vững được cụ thể hóa trong mục tiêu của Bảo Việt thì các yếu tố bền vững luôn được lồng ghép trong tất cả các hoạt động của doanh nghiệp trong các chuỗi giá trị từ cung ứng đầu vào đến hoạt động kinh doanh và các yếu tố đầu ra đều được xem xét ở 3 khía cạnh: Kinh tế - xã hội - môi trường.

Với mô hình Tập đoàn tài chính bảo hiểm, hoạt động của Bảo Việt xét ở góc độ tổng thể tập đoàn tương đối phức tạp với sự tham gia của nhiều thành phần và quy trình hoạt động để ra sản phẩm dịch vụ cuối cùng. Tuy nhiên, ở đây chúng tôi đưa ra mô hình đơn giản hóa để hình dung các yếu tố đầu vào, đầu ra và các ảnh hưởng từ hoạt động của doanh nghiệp.



Thông qua vốn góp của các cổ đông tổ chức và cá nhân, Tập đoàn Bảo Việt đại diện cho vốn góp của cổ đông thực hiện đầu tư vào các công ty con (bao gồm công ty sở hữu 100% vốn, công ty cổ phần chiếm vốn ưu thế), công ty liên doanh.

Các công ty này thông qua các quy trình nghiệp vụ để cung cấp sản phẩm dịch vụ bảo hiểm, đầu tư, dịch vụ tài chính, cho khách hàng. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp sẽ tác động ít nhiều đến cộng đồng, môi trường.

Lợi nhuận thu được sẽ trả lại đầu tư (cổ tức) cho cổ đông, người lao động; thực hiện đầu tư ngược lại cho cộng đồng và môi trường. Phần lợi nhuận còn lại được dùng để tái đầu tư nhằm gia tăng vốn.

Lồng ghép tính bền vững trong chuỗi cung ứng

Với mạng lưới rộng khắp cả nước, Bảo Việt sử dụng sản phẩm dịch vụ của hàng trăm nhà cung cấp trong và ngoài nước. Đảm bảo sự bền vững là một trong những ưu tiên trong hoạt động quản trị chuỗi cung ứng của Bảo Việt.

Chúng tôi lựa chọn những nhà cung cấp có ý thức về bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, có đạo đức kinh doanh. Việc đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị trong chuỗi cung ứng không chỉ quan trọng với Bảo Việt mà còn với nhà đầu tư và khách hàng của chúng tôi.

Việc lồng ghép vấn đề bền vững trong các quyết định mua sắm giúp chúng tôi bám sát mục tiêu bền vững hơn, đặc biệt là đối với các vấn đề về môi trường.

Cải tiến quy trình lựa chọn nhà cung cấp

Năm 2014, chúng tôi thực hiện rà soát phương pháp lựa chọn nhà cung cấp nhằm đơn giản hóa quy trình đánh giá bao gồm các tiêu chí đánh giá, các tài liệu yêu cầu từ nhà cung cấp.

Bảo Việt thực hiện đánh giá các nhà cung cấp mới dựa trên các tiêu chuẩn trong Bộ tiêu chí lựa chọn nhà cung ứng. Bộ tiêu chí này bao gồm các đánh giá về khả năng cung ứng, chất lượng, các dịch vụ gia tăng, chi phí, các cải tiến và tính bền vững. Đối với các tiêu chuẩn về bền vững bao gồm các đánh giá về quản trị - xã hội - môi trường như các yêu cầu liên quan đến vấn đề lao động, nhân quyền, các ảnh hưởng về mặt xã hội, các đảm bảo về môi trường...

Các nhà cung ứng tiềm năng cũng được chúng tôi yêu cầu hoàn thiện bản "Tự đánh giá hoạt động của nhà cung cấp" bao gồm các vấn đề về tiêu chuẩn lao động, sức khỏe và an toàn người lao động, đạo đức doanh nghiệp và kiểm soát vấn đề môi trường.

Khi đã được lựa chọn, các cam kết của nhà cung cấp sẽ được đưa vào nội dung cụ thể của Thỏa thuận hợp tác giữa hai bên.

Triển khai các tiêu chí ESG trong hoạt động đầu tư

Tại Bảo Việt, phương châm hàng đầu trong chiến lược đầu tư của chúng tôi là đầu tư an toàn, hiệu quả trên cơ sở đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn, qua đó đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, khách hàng và người lao động.

Bảo Việt tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi - lĩnh vực dịch vụ tài chính với 90% danh mục đầu tư cổ phần, góp vốn của chúng tôi tập trung vào các ngành kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính - những ngành nghề thân thiện với môi trường. Trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục định hướng ưu tiên phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi - vừa để đảm bảo sự phát triển bền vững của Bảo Việt, vừa góp phần giảm thiểu những tác động gây hại tới môi trường.

Chúng tôi tin rằng các vấn đề về cơ chế quản trị công ty, môi trường và xã hội là một phần quan trọng để đánh giá các giá trị và hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn. Do đó, bên cạnh các chỉ tiêu hiệu quả, chúng tôi cũng luôn chú trọng tới các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình thẩm định, lựa chọn phương án đầu tư.

Áp dụng nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong quá trình đầu tư

Nếu như năm 2013, Bảo Việt đã bước đầu nghiên cứu các nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm của Liên Hợp quốc (UNPRI) với 5 nguyên tắc cơ bản thì bước sang năm 2014, Bảo Việt tập trung cho công tác nghiên cứu và đào tạo cán bộ cũng như các đối tác mà Bảo Việt đang góp vốn nhằm đảm bảo các bên nắm rõ được các tiêu chí ESG mà Bảo Việt đang triển khai, từ đó gắn kết trong hoạt động kinh doanh của các đơn vị. Bảo Việt cũng xây dựng khung đánh giá phù hợp với các hình thức đầu tư, nhằm tạo cơ sở cho việc thẩm định và đánh giá hiệu của dự án.

05 nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm mà Bảo Việt đang áp dụng cho các dự án đầu tư bao gồm:



Thang điểm đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư

Nhằm đảm bảo tính khách quan của việc lựa chọn các dự án đầu tư, đồng thời giúp Bảo Việt cân đối tỷ trọng giữa các tiêu chí ESG và các tiêu chí đánh giá hiệu quả dự án, chúng tôi đã xây dựng thang điểm đánh giá với các tiêu chí đánh giá bao gồm:

- **Năng lực vốn:** Đối tác phải là các chủ đầu tư có tiềm lực vốn tốt, không gặp khó khăn về tài chính;
- **Năng lực quản trị:** Đối tác cần có năng lực, bộ máy quản trị tốt, có kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư;
- **Hiệu quả tài chính tốt:** Bản thân dự án phải có hiệu quả tài chính tốt, hứa hẹn đem lại dòng thu nhập ổn định cho Tập đoàn;
- **Minh bạch thông tin:** Các đối tác cần tuân thủ các quy định về công bố thông tin, tuân thủ các quy định của pháp luật, tôn trọng quyền lợi của cổ đông cũng như người lao động; không phát sinh các vi phạm về nghĩa vụ thuế, môi trường...
- **Có uy tín trên thị trường:** Đối với Bảo Việt – uy tín và thương hiệu luôn được ưu tiên số một. Uy tín không chỉ được thể hiện qua bản thân thương hiệu Bảo Việt mà còn qua cách thức chúng tôi lựa chọn đối tác đầu tư.

Theo đó, nếu hai dự án có khả năng sinh lời như nhau nhưng dự án có nào tỷ trọng về ESG cao hơn sẽ được ưu tiên lựa chọn.

Mở rộng phạm vi áp dụng tiêu chí ESG tại các dự án đang đầu tư

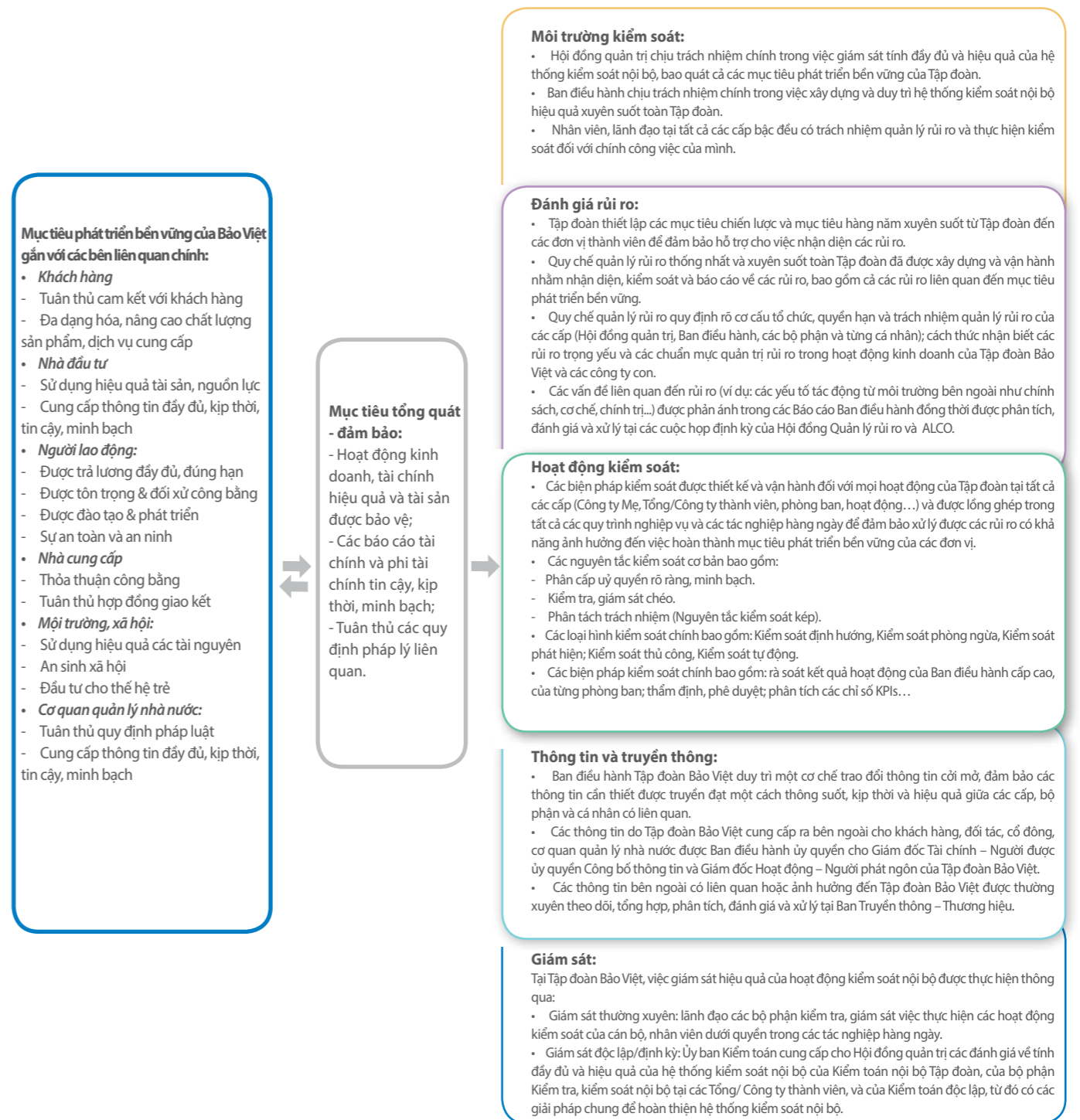
Năm 2014, Bảo Việt mở rộng đối tượng áp dụng tiêu chí ESG thêm 4 Công ty, nâng tổng số công ty thuộc phạm vi rà soát lên 15 đơn vị, gồm có:

1	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	9	Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt
2	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	10	Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế
3	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	11	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	12	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	13	Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
6	Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc	14	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
7	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt	15	Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long
8	Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine		

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Hệ thống kiểm soát nội bộ Tập đoàn Bảo Việt bao gồm 05 cấu phần chính: Môi trường kiểm soát, Đánh giá rủi ro, Hoạt động kiểm soát, Thông tin và truyền thông, Giám sát.

Hệ thống kiểm soát nội bộ Tập đoàn Bảo Việt và các mục tiêu Phát triển bền vững



Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt được thiết kế gồm 04 tầng phòng vệ, trong đó, **Kiểm toán nội bộ** nằm ở tầng phòng vệ thứ ba, có trách nhiệm kiểm tra, phát hiện những yếu điểm trong tầng phòng vệ thứ nhất và tầng phòng vệ thứ hai, qua đó đưa ra các giải pháp nhằm củng cố 02 tầng phòng vệ này.

Minh họa một số rủi ro đối với mục tiêu Phát triển bền vững dưới góc nhìn của Kiểm toán nội bộ

Rủi ro	Mô tả
Danh tiếng	<ul style="list-style-type: none"> Thương hiệu và danh tiếng của Tập đoàn có thể bị ảnh hưởng do: <ul style="list-style-type: none"> Kết quả kinh doanh chưa đạt mục tiêu đã đặt ra; Thiếu quan tâm tới các vấn đề xã hội. Vi phạm pháp luật hoặc vi phạm các nguyên tắc;
Tuân thủ	<ul style="list-style-type: none"> Tập đoàn có thể không đảm bảo sự tuân thủ các quy định pháp lý hoặc các ràng buộc liên quan do: <ul style="list-style-type: none"> Phạm vi, độ phức tạp và số lượng các quy định liên quan tới môi trường, sức khỏe và an toàn, thuê lao động, quản trị, đóng góp chính trị, xung đột lợi ích, gian lận... Các nghĩa vụ hợp đồng đối với các bên thứ ba (như khách hàng, các hiệp hội, người lao động); Các chuẩn mực tự nguyện áp dụng.
Hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> Chương trình phát triển bền vững được xây dựng chưa phù hợp với các mục tiêu kinh doanh/hoạt động hoặc chưa tích hợp đầy đủ trong chiến lược phát triển của Tập đoàn; Các chương trình phát triển bền vững có thể gặp rủi ro do: <ul style="list-style-type: none"> Không tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững vào các quy trình kinh doanh/hoạt động của Tập đoàn; Nhận thức của cán bộ nhân viên về phát triển bền vững chưa đầy đủ và chính xác Chưa xây dựng hoặc không thực hiện đầy đủ, chính xác các kiểm soát hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đối với các quy trình kinh doanh/hoạt động.
Chuỗi cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> Tập đoàn có thể bị ảnh hưởng do: <ul style="list-style-type: none"> Lựa chọn các nhà cung cấp, các đối tác kinh doanh, và các đại lý không phù hợp, không đảm bảo về đạo đức kinh doanh; Không có ràng buộc rõ ràng về các vấn đề phát triển bền vững trong hợp đồng; Các nhà cung cấp, các đối tác kinh doanh, các đại lý vi phạm các điều khoản liên quan tới vấn đề phát triển bền vững trong hợp đồng.
Thị trường chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> Tập đoàn có thể mất các nhà đầu tư, hoặc bị giới hạn về đối tượng tham gia đầu tư do không đáp ứng được các yêu cầu về đầu tư phát triển bền vững.
Nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên nghỉ việc hoặc không thu hút được các nhân tài do chưa đáp ứng được các mong muốn của họ về: Được tôn trọng; Văn hóa doanh nghiệp trung thực; Doanh nghiệp thực hiện cam kết đối với các vấn đề xã hội và cộng đồng.
Hoạt động Marketing	<ul style="list-style-type: none"> Bảo Việt có thể bỏ qua một thị phần các khách hàng quan tâm tới phát triển bền vững hoặc mất thị phần vào các doanh nghiệp quan tâm tới các hoạt động phát triển bền vững do không chủ động xây dựng, quảng bá chương trình phát triển bền vững của Tập đoàn.

Vai trò của Kiểm toán nội bộ đối với mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn Bảo Việt

Trong quá trình hoạt động thời gian qua, Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện rà soát, đánh giá một phần việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn Bảo Việt thông qua các hoạt động kiểm toán của mình, cụ thể:

- Đánh giá chất lượng các sản phẩm bảo hiểm cung cấp cho khách hàng và dịch vụ chăm sóc khách hàng; mức độ tuân thủ trong việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng theo đúng quy định pháp luật và điều khoản bảo hiểm đã cam kết với khách hàng...;
- Môi trường làm việc và chế độ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động; tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, bao gồm đào tạo nhận thức về phát triển bền vững...;
- Tính hiệu quả của việc sử dụng các tài sản của Tập đoàn trong việc tạo ra hiệu quả hoạt động kinh doanh cho nhà đầu tư/cổ đông;
- Đánh giá tính đầy đủ, tin cậy, kịp thời và minh bạch của các thông tin tài chính và phi tài chính nhằm hỗ trợ cho quá trình quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước và quá trình ra quyết định của các nhà đầu tư tiềm năng...
- Đánh giá việc gắn yếu tố xã hội môi trường vào bộ tiêu chí đánh giá nhà cung cấp
- Đánh giá tính đầy đủ, phù hợp/ cập nhật, tính tuân thủ với quy chế công bố thông tin, quy chế phòng chống tham nhũng của Tập đoàn
- Đánh giá tính hiệu quả của việc triển khai các hoạt động cộng đồng hướng tới mục tiêu giảm thiểu tác động của ô nhiễm và bảo vệ môi trường

Để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan, đồng thời để phù hợp với xu hướng phát triển của hoạt động Kiểm toán nội bộ trên thế giới, trong thời gian tới, Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục tăng cường các hoạt động đánh giá, tư vấn để hỗ trợ Tập đoàn đạt được các mục tiêu phát triển bền vững đã cam kết của mình.

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Với vai trò là doanh nghiệp bảo hiểm, Bảo Việt cần chia sẻ gánh nặng trước những bất trắc liên quan đến sức khỏe, tài sản của bản thân, gia đình và doanh nghiệp; với vai trò là doanh nghiệp tài chính, chúng tôi cần đảm bảo cho sự tăng trưởng nguồn vốn đầu tư của các khách hàng và cổ đông.

SẢN PHẨM TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2014



Triển khai BẢO HIỂM KHAI THÁC THỦY SẢN

Đồng hành cùng ngư dân bám biển và đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ

Tháng 11/2014, Bảo Việt đã chính thức trở thành một trong số ít doanh nghiệp được Chính phủ và Bộ Tài chính lựa chọn triển khai Bảo hiểm khai thác thủy sản.

Việc tham gia chương trình Bảo hiểm khai thác thủy sản theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính Phủ, Bảo Việt một mặt thể hiện vai trò đi đầu và vị thế chính trị quan trọng của Bảo Việt trong việc đồng hành triển khai chủ trương phát triển lĩnh vực thủy sản của đất nước, mặt khác cũng thể hiện trách nhiệm của Bảo Việt trong công tác an sinh xã hội, đặc biệt dành cho bà con ngư dân.

Nhằm hỗ trợ ngư dân yên tâm bám biển, phát triển hoạt động khai thác thủy sản, chính sách bảo hiểm khai thác thủy sản được thực hiện theo nguyên tắc bảo hiểm mọi rủi ro, với mức trách nhiệm bảo hiểm (mức chi bồi thường tối đa) cho các tổn thất về con người và tài sản phát sinh trong quá trình khai thác thủy sản cao hơn khá nhiều so với quy định liên quan trước đó (ngoại trừ những rủi ro mang tính chủ quan của người được bảo hiểm và các hành vi trục lợi bảo hiểm).



Sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ AN TÂM MIỄN PHÍ

Bảo hiểm miễn phí 45 bệnh bao gồm 08 bệnh lý ung thư phổ biến của phụ nữ

Tháng 3/2014, Bảo Việt đã giới thiệu sản phẩm hỗ trợ mới với tên gọi "An Tâm Miễn Phí". Sản phẩm được kết hợp với Hợp đồng chính để mang lại quyền lợi bảo hiểm miễn phí đặc biệt cho khách hàng khi không may mắc bệnh lý nghiêm trọng trong cuộc sống.

Khi tham gia An Tâm Miễn Phí, Hợp đồng chính của khách hàng sẽ được miễn phí ngay sau khi Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc bệnh lý nghiêm trọng, trong khi toàn bộ quyền lợi của khách hàng trong Hợp đồng chính vẫn được đảm bảo như trường hợp khách hàng tự đóng phí.

Như vậy, với sự kết hợp của An Tâm Miễn Phí, khách hàng sẽ được gia tăng quyền lợi bảo hiểm miễn phí với phạm vi rộng hơn, quyền lợi toàn diện hơn trước những điều bất chắc trong cuộc sống. Cụ thể: số bệnh lý nghiêm trọng được bảo hiểm "miễn phí" lên tới 45 bệnh (bao gồm 08 bệnh lý ung thư phổ biến của phụ nữ), đối tượng bảo hiểm được mở rộng cho cả người thân là vợ/chồng và tuổi tối đa kết thúc bảo hiểm lên đến 66 tuổi – đây được đánh giá là 03 điểm vượt trội của Bảo Việt so với các sản phẩm hiện có trên thị trường.

Trong quá trình tiếp nhận thông tin từ các bên, vấn đề phát triển sản phẩm có ưu thế nổi trội, cung cấp các sản phẩm đem lại lợi ích cho cộng đồng cùng với việc nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng là những nội dung được quan tâm nhiều nhất.

BẢO VỆ TOÀN DIỆN CHO KHÁCH HÀNG THÔNG QUA SẢN PHẨM DỊCH VỤ MỚI

Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, Bảo Việt xác định sự khác biệt của sản phẩm được tạo nên từ hai phần: đặc tính của sản phẩm và chất lượng dịch vụ đi kèm. Chính vì vậy, Bảo Việt luôn chú trọng đầu tư cho công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm đồng thời tập trung cải tiến quy trình, nâng cao chất lượng phục vụ nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn các nhu cầu của khách hàng.

Trong năm 2014, Bảo Việt tiếp tục đầu tư nghiên cứu phát triển các sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của khách hàng. Đối với sản phẩm bảo hiểm, chúng tôi đã giới thiệu trên thị trường nhiều sản phẩm mới với sự mở rộng về phạm vi đối tượng được bảo hiểm và các rủi ro bảo hiểm nhằm bảo vệ khách hàng một cách toàn diện cho bản thân và gia đình.

Với các sản phẩm đầu tư và dịch vụ tài chính, Bảo Việt cũng mở rộng tới các khách hàng cá nhân với sản phẩm Quỹ mở với hình thức đầu tư linh hoạt; đẩy mạnh các chương trình ưu đãi về lãi suất cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.

Bảo vệ toàn diện cho khách hàng thông qua sản phẩm dịch vụ mới

SẢN PHẨM/DỊCH VỤ MỚI	MÔ TẢ/ĐẶC ĐIỂM NỔI TRỘI
Chương trình Bảo hiểm khai thác thủy sản Hỗ trợ tối đa cho chủ tàu và ngư dân tham gia bảo hiểm tai nạn thuyền viên với phạm vi bảo hiểm rộng.	Mức trách nhiệm bảo hiểm lên tới 70.000.000 đồng/1 người/1 vụ tai nạn (gấp hơn 230 lần mức phí bảo hiểm). Tỷ lệ phí bảo hiểm thân tàu trung bình là 1,165% - thấp hơn mức phí mà doanh nghiệp bảo hiểm hiện nay đang thực hiện.
Chương trình Thẻ hội viện Vinmec Health Cung cấp dịch vụ y tế cao cấp với khả năng thanh toán lên đến 1 tỷ đồng/năm	Đây là chương trình hợp tác của Bảo hiểm Bảo Việt với Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec. Chương trình cung cấp các quyền lợi khám chữa bệnh ngoại trú và nội trú vượt trội, các gói sản phẩm đa dạng, chi phí hợp lý và phù hợp với nhu cầu sử dụng của khách hàng.
An Tâm Miễn Phí Sản phẩm hỗ trợ được kết hợp với hợp đồng chính để mang lại quyền lợi bảo hiểm miễn phí đặc biệt cho khách hàng khi không may mắc bệnh lý nghiêm trọng	Tham gia sản phẩm này, hợp đồng chính của khách hàng sẽ được miễn phí ngay sau khi người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc 45 bệnh lý nghiêm trọng (bao gồm 8 bệnh ung thư phổ biến của phụ nữ), trong khi toàn bộ quyền lợi của khách hàng trong hợp đồng chính vẫn được đảm bảo như trường hợp khách hàng tự đóng phí.
Hệ thống giao dịch điện tử dành cho sản phẩm BVFED Đây là quỹ mở đầu tiên trên thị trường Việt Nam triển khai hình thức giao dịch điện tử, giúp khách hàng thuận tiện hơn khi tham gia đầu tư.	Với giao diện hiện đại và các tính năng tiện dụng, hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ điện tử với tên gọi BVFonline cho phép khách hàng đặt lệnh mua, bán, theo dõi diễn biến NAV và tra cứu thông tin giao dịch thông qua trình duyệt web.
Sản phẩm "Gom lộc phát tài" Sản phẩm tiết kiệm dưới hình thức tài khoản gửi góp	Với sản phẩm này Khách hàng có thể gửi tiền vào một tài khoản với số tiền tối thiểu chỉ 300 nghìn VND/tháng theo các thời hạn gửi linh hoạt ở các kỳ hạn: 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, 12 tháng, 18 tháng, 24 tháng và 36 tháng.
Phát hành thẻ tín dụng Visa Hạng chuẩn (hạn mức thanh toán là 30 triệu đồng/ngày) và hạng vàng (hạn mức thanh toán là 60 triệu đồng/ngày)	Khách hàng được ứng trước một khoản tiền với hạn mức tối đa lên tới 800 triệu đồng để thực hiện kế hoạch chi tiêu ngay tức thì và được miễn lãi trong vòng tối đa 45 ngày. Số tiền thanh toán tối thiểu hàng tháng của khách hàng bằng 5% tổng dư nợ trong kỳ sao kê.

Tiếp tục đầu tư phát triển các sản phẩm bảo hiểm phục vụ cộng đồng

Những sản phẩm bảo hiểm vi mô bao gồm các sản phẩm với mức phí đóng thấp dành cho số đông người dân. Mức đóng góp doanh thu từ các nghiệp vụ bảo hiểm này chỉ chiếm tỷ lệ thấp trong tổng doanh thu phí bảo hiểm nhưng Bảo Việt vẫn duy trì

qua các năm với mục đích bảo vệ, hỗ trợ cuộc sống của những gia đình nghèo và cận nghèo ở khu vực nông thôn cũng như khu vực thành thị.

Hỗ trợ công tác khuyến học thông qua bảo hiểm học sinh

Tỷ lệ bồi thường cho sản phẩm bảo hiểm học sinh khá cao so với tổng thu phí bảo hiểm do các em học sinh đang ở độ tuổi khá hiếu động và thích khám phá dẫn đến những rủi ro liên quan đến tai nạn học đường của các em học sinh. Tuy nhiên vẫn Bảo Việt vẫn tích cực đẩy mạnh sản phẩm bảo hiểm học sinh tại các trường học trên cả nước với mục đích nhân văn và hỗ trợ cho công tác khuyến học, khuyến tài tại địa phương.

Năm học vừa qua, Bảo Việt đã giải quyết, chi trả bồi thường cho 270.000 vụ tai nạn của học sinh, giáo viên với số tiền bồi thường là 207 tỷ đồng. Ngoài ra, Bảo Việt thực hiện bảo hiểm miễn phí cho toàn bộ học sinh, sinh viên là con em đối tượng chính sách, thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ; giảm 50% phí bảo hiểm cho học sinh tàn tật, mồ côi, không nơi nương tựa và học sinh nghèo. Việc áp dụng miễn, giảm phí được thực hiện như một chính sách xã hội, góp phần tích cực vào phát triển sự nghiệp giáo dục.

Giảm thiểu các rủi ro của người dân khi tham gia giao thông với bảo hiểm xe cơ giới

Số vụ tai nạn giao thông tại Việt Nam đang ngày một gia tăng với mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn. Việc nâng cao ý thức của người tham gia giao thông và giảm thiểu những thiệt hại vật chất khi tai nạn xảy ra là vấn đề được Bảo Việt xem xét khi cung cấp sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới.

Hiện tại, Bảo Việt bảo hiểm cho gần 3 triệu xe máy và ô tô trên toàn quốc với phạm vi bảo hiểm liên quan tới cháy nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe và bảo hiểm tai nạn người ngồi trên xe.

Nhằm giảm thiểu các rủi ro trong quá trình lưu thông trên đường, chúng tôi tích cực truyền thông nâng cao ý thức của người tham gia giao thông dưới nhiều hình thức khác nhau: Truyền thông trên bảng biển ngoài trời, trên các trục đường chính, các tuyến đường trọng yếu; Lắp đặt các gương phản chiếu trên đoạn đường cua nguy hiểm, đặc biệt là tại các địa hình đồi núi hiểm trở...

Đồng hành cùng nông dân thực hiện sản xuất an toàn, bền vững với bảo hiểm nông nghiệp

Là một nước nông nghiệp, nhưng hàng năm thiên tai, dịch bệnh đã cướp trắng của nông dân Việt Nam khối tài sản ước tính 1,5% GDP (giá trị tương đương khoảng 10 tỷ đô la). Người dân cần một sự bảo đảm cho thành quả và công sức lao động của họ và sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp được xây dựng để thực hiện cho sự bảo đảm này.

Bảo Việt đã phối hợp với các cấp chính quyền, các bộ, ban ngành triển khai thí điểm trên phạm vi rộng nhằm đưa bảo hiểm nông nghiệp trở thành chỗ dựa vững chắc của người nông dân. Các sản phẩm nông nghiệp Bảo Việt hiện đang cung cấp bao gồm: Bảo hiểm Cây lúa; Bảo hiểm Vật nuôi và Bảo hiểm Tôm/Cá;

Với mong muốn nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của Bảo hiểm Nông nghiệp, chúng tôi cũng hỗ trợ 100% phí bảo hiểm cho hộ nông dân, cá nhân nghèo; 80% phí bảo hiểm cho hộ nông dân, cá nhân cận nghèo; hỗ trợ 20% phí bảo hiểm cho tổ chức sản xuất nông nghiệp.

Song song với việc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp, Bảo Việt cũng phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện sản xuất nông nghiệp bền vững: không sử dụng thuốc trừ sâu cho lúa, không dùng các chất kích thích tăng trưởng cho vật nuôi và cây giống; thực hiện vệ sinh vườn-ao-chuồng phòng tránh dịch bệnh cho vật nuôi... Những biện pháp này, một mặt hạn chế các rủi ro, đảm bảo cho hoạt động sản xuất của nông dân, mặt khác hạn chế các tác động ảnh hưởng lên môi trường do sử dụng các chất hóa học làm suy giảm chất lượng nguồn đất, nguồn nước của địa phương.

50%

Giảm 50% phí bảo hiểm cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn

3.000.000

Bảo hiểm cho gần 3 triệu xe máy và ô tô trên toàn quốc với phạm vi bảo hiểm

100%

Hỗ trợ 100% phí bảo hiểm cho hộ nông dân, cá nhân nghèo

Nghiên cứu phát triển sản phẩm bảo hiểm hưu trí - chia sẻ sức ép trước thách thức già hóa dân số

Cùng với số người cao tuổi tăng nhanh, chi phí chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi đòi hỏi cao hơn, già hóa dân số đang đặt ra những thách thức và sức ép lớn các vấn đề an sinh xã hội. Qua phân tích nhu cầu tài chính và tình hình thu nhập trong giai đoạn nghỉ hưu, chúng tôi nhận thấy thách thức lớn nhất đối với người lao động về hưu là thu nhập không đủ đáp ứng nhu cầu tài chính cho cuộc sống.

Trong khi đó, Việt Nam hiện đang có cơ cấu dân số vàng nhưng cơ cấu này chỉ duy trì được khoảng 30 năm, sau đó là đến thời kỳ dân số già. Theo dự báo đến năm 2050 sẽ có 30% dân số Việt Nam trên 60 tuổi. Khi đó, nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để chi cho việc điều chỉnh lương hưu hàng năm trên 3.000 tỷ đồng và có xu hướng tiếp tục gia tăng trong những năm tới. Tuổi thọ gia tăng cũng tạo thêm gánh nặng ngày càng lớn đối với quỹ bảo hiểm xã hội, ngân sách nhà nước và toàn xã hội nói chung.

Bảo Việt đã ra mắt thị trường sản phẩm bảo hiểm nhân thọ "An hưởng điển viên" nhằm cung cấp giải pháp tài chính hoàn hảo giúp khách hàng bổ sung nguồn thu nhập để có thể ổn định và nâng cao mức sống khi đến tuổi nghỉ hưu thông qua việc nhận các khoản niên kim cho đến hết cuộc đời. Dự kiến Quý II năm 2015 Bảo Việt sẽ ra mắt sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện với các tính năng ưu việt nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của người dân khi hết tuổi lao động.

Chủ động thực hiện các trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm trước những rủi ro của khách hàng

Là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, Bảo Việt có trách nhiệm chia sẻ với khách hàng những tổn thất rủi ro liên quan đến vật chất và con người. Chính vì vậy, Bảo Việt luôn chủ động phối hợp thực hiện các trách nhiệm của nhà cung cấp bảo hiểm trước những thiệt hại của khách hàng.

Phối hợp giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng trong vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng tại Sa Pa, Lào Cai

Ngày 1/9/2014, một vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng đã xảy ra trên tuyến đường từ Sa Pa về thành phố Lào Cai. Trước đó, xe bị nạn đã mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự của Bảo Việt. Ngay sau khi xác nhận thông tin về vụ tai nạn, đơn vị thành viên thuộc hệ thống Bảo hiểm Bảo Việt là Công ty Bảo Việt Lào Cai đã phối hợp cử đoàn đại diện đến thăm hỏi và nắm bắt tình hình để thực hiện tạm ứng chi trả bảo hiểm cho gia đình các nạn nhân gặp nạn.

Tiếp đó Bảo hiểm Bảo Việt đã chủ động phối hợp với cơ quan chức năng và hướng dẫn, hỗ trợ người được bảo hiểm nhanh chóng hoàn tất hồ sơ để có thể chi trả bảo hiểm đúng quy định, chính xác; giúp người được bảo hiểm giảm nhẹ một phần gánh nặng tài chính sau những tổn thất, mất mát.

Hỗ trợ nạn nhân vụ tai nạn xe khách trên đường Trường Sơn

Ngày 3/4/2014, trên đường Trường Sơn, tại địa phận Dốc Vông, quận Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng đã xảy ra vụ va chạm giao thông khiến 11 người bị thương, trong đó có 02 người bị thương nặng và 01 lái xe tử vong. Xe ô tô bị nạn đã tham gia bảo hiểm tại Bảo Việt Đà Nẵng với các loại hình bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ (TNDS) xe ô tô; Bảo hiểm vật chất thân vỏ xe; Bảo hiểm tai nạn lái - phụ xe.

Nắm bắt thông tin từ vụ tai nạn liên quan đến khách hàng của Bảo Việt, Công ty Bảo Việt Đà Nẵng – đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo đã cử ngay cán bộ có mặt tại hiện trường để phối hợp với cơ quan công an quận Cẩm Lệ cùng nắm bắt vụ việc và hướng dẫn cho chủ xe hướng giải quyết ban đầu - cấp cứu người bị nạn.

Công ty đã tổ chức đoàn cán bộ thăm hỏi, động viên và tiến hành chi tạm ứng bồi thường cho các nạn nhân đang được cấp cứu và điều trị thương tích tại bệnh viện Đà Nẵng. Đồng

thời, Công ty cũng tới chia buồn với gia đình lái xe bị tử vong trong vụ tai nạn trên và chi tạm ứng bồi thường, hỗ trợ gia đình nạn nhân xấu số trong việc mai táng với tổng số tiền chi tạm ứng bồi thường ban đầu là 60.000.000 đồng.

Nhanh chóng chi trả hơn 1 tỷ đồng bảo hiểm cho khách hàng mới

Chị Nguyễn Thị Kim Xuân, sinh năm 1972 tại huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, mới tham gia hợp đồng của Bảo Việt Nhân thọ được 11 ngày đã không may gặp tai nạn dẫn đến cụt mất một bàn chân trái. Ngay sau khi nhận được thông báo từ phía gia đình, Bảo Việt Nhân thọ đã kịp thời đến thăm hỏi tại nhà khách hàng và nhanh chóng



triển khai các quy trình nghiệp vụ để tiến hành chi trả cho gia đình chị Xuân với số tiền bảo hiểm 1.127.400.000 đồng (một tỷ một trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng) nhằm bù đắp những rủi ro và giúp gia đình chị sớm ổn định cuộc sống. Số tiền trên đã được đại diện Bảo Việt Nhân thọ trao tận tay chị Xuân tại Hội nghị khách hàng diễn ra vào ngày 8/4/2014 tại Bắc Giang.

Chị Xuân chia sẻ: "Biến cố này xảy ra rất bất ngờ cho gia đình chúng tôi, việc mất đi một phần cơ thể ảnh hưởng đến sinh

hoạt trong gia đình và xáo trộn công việc hiện tại. Giờ đây tôi phải đi trên đôi chân của nhiều người thay vì tự đứng trên đôi chân của mình. Tuy nhiên, tôi vẫn cảm thấy yên tâm tiếp tục vững bước trong cuộc sống vì tôi luôn nhận được sự quan tâm, động viên từ tình thân lẫn vật chất từ Công ty Bảo Việt Nhân thọ. Bảo hiểm nhân thọ quả thực là người bạn đồng hành trong cuộc đời, có gặp những biến cố lớn này mới hiểu hết được ý nghĩa nhân văn của bảo hiểm nhân thọ."

Nâng cao hiệu quả hoạt động và công tác chăm sóc khách hàng

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh

Ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại luôn được Bảo Việt chú trọng đầu tư. Với mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ, giảm thiểu thời gian chờ đợi của khách hàng, Bảo Việt đã triển khai mô hình tra cứu Hợp đồng điện tử. Theo đó, kho lưu trữ được sắp xếp một cách khoa học theo đúng tiêu chuẩn lưu trữ, giúp việc bảo quản tài liệu an toàn, khai thác tài liệu, tiêu hủy tài liệu hết giá trị được nhanh chóng.

Ngoài ra, mô hình này thúc đẩy chất lượng dịch vụ khách hàng và nâng cao năng suất lao động cho cán bộ nghiệp vụ. Khi khách hàng đến giao dịch, cán bộ chỉ cần tra cứu đối chiếu chữ ký trên bản mềm, rút ngắn thời gian chờ của khách hàng. Bên cạnh đó, khách hàng có thể giao dịch trên toàn quốc mà không cần phải đến đúng công ty phát hành hợp đồng. Từ đó, cho phép mở nhiều điểm phục vụ khách hàng mà không hạn chế tại Trụ sở công ty như hiện nay. Với những tiện ích này, cán bộ dịch vụ khách hàng sẽ được tập trung vào chuyên môn nghiệp vụ bảo hiểm

Bảo Việt cũng đã triển khai thành công sản phẩm Bảo hiểm Tàu cá trên nền hệ thống phần mềm quản lý nghiệp vụ InsureJ và cấu hình thành công phần mềm Bancassurance liên kết với HSBC - Smart App. Việc triển khai các ứng dụng công nghệ tiên tiến giúp Bảo Việt nâng cao năng suất lao động, giảm bớt các quy trình thủ tục, đảm bảo cho công tác quản lý và chăm sóc khách hàng được hiệu quả.

Năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục dẫn đầu về chỉ số sẵn sàng cho phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong số các Tập đoàn kinh tế và tổng công ty lớn. Đây là một trong những nỗ lực của chúng tôi nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn các yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Tập đoàn Bảo Việt: Tiếp tục dẫn đầu về mức độ sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin

Theo Báo cáo chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông Việt Nam (Vietnam ICT Index) năm 2014 do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố, ở bảng xếp hạng các tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục là đơn vị dẫn đầu cả nước về chỉ số sẵn sàng cho phát triển ứng dụng công nghệ thông tin. Năm 2014 là năm thứ chín xây dựng báo cáo này, và cũng là năm thứ ba Tập đoàn Bảo Việt dẫn đầu ở bảng xếp hạng các tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn (năm 2011, 2012, 2014).

Nâng cao hiệu quả hoạt động của dịch vụ chăm sóc khách hàng

Bảo Việt là doanh nghiệp tiên phong cung cấp dịch vụ chăm sóc khách hàng trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ thông qua hệ thống Call Center hoạt động 24/7. Với đầu số duy nhất 1900 55 88 99, hoạt động của Trung tâm dịch vụ khách hàng tương đối phong phú nhằm tạo điều kiện cho khách hàng liên hệ giải đáp thắc mắc, nâng cao chất lượng phục vụ và rút ngắn thời gian giải quyết khiếu nại.

Công tác đánh giá chất lượng sản phẩm dịch vụ và phục vụ khách hàng được Bảo Việt định kỳ thực hiện. Trong đó, kênh tương tác với Trung tâm dịch vụ khách hàng được chú trọng đầu tư nhằm ghi nhận các phản hồi của khách hàng và có hướng giải quyết kịp thời, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho khách hàng. Với tỷ lệ trả lời các thắc mắc của khách hàng là 100%, trong năm 2014, Trung tâm dịch vụ khách hàng đã thực hiện khảo sát hơn 70% số lượng giao dịch đến với Trung tâm.

Năm 2014, tỷ lệ khách hàng đáo hạn hợp đồng và tái tục hợp đồng bảo hiểm nhân thọ của Bảo Việt đạt gần 30% (kế hoạch đặt ra là 25%). Điều này thể hiện khách hàng ngày càng yên tâm & tin tưởng vào dịch vụ của Bảo Việt Nhân thọ nói riêng và Bảo Việt nói chung.

Những dữ liệu thu thập từ các phản hồi của khách hàng cũng đồng thời được Bảo Việt thu thập định kỳ theo Quý; thực hiện rà soát các ý kiến liên quan đến vấn đề phát triển bền vững; tổng hợp, phân tích và đưa vào báo cáo này.



ĐẦU TƯ CHO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA XÃ HỘI

Với Bảo Việt, thực hiện các hoạt động vì cộng đồng là đầu tư dài hạn cho doanh nghiệp. Chúng tôi thay mặt cho các cổ đông, thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, nhằm đem lại đem lại lợi ích cho cộng đồng và cho chính Bảo Việt thông qua việc tối đa hóa giá trị của các dự án cộng đồng mang lại cho người dân địa phương và mức độ ảnh hưởng của Bảo Việt tại địa phương đó.

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2014

Xóa đói giảm nghèo: Đầu tư nền tảng - Giảm nghèo bền vững



Pác Nặm và Quế Phong là 1 trong 62 tỉnh nghèo nhất cả nước với địa hình đồi núi phức tạp, thường xuyên chịu ảnh hưởng từ những trận sạt lở đất ảnh hưởng tới nhà cửa và giao thông của bà con. Cùng với xuất phát điểm thấp, dân trí thấp, sản xuất cơ bản là tự cung tự cấp khiến cho cuộc sống của bà con tương đối khó khăn.

Khi thực hiện đầu tư tại Pác Nặm và Quế Phong theo chủ trương chung của Chính phủ, Bảo Việt đã chọn giải pháp hỗ trợ đầu tư về cơ sở vật chất về y tế và giáo dục nhằm hỗ trợ điều kiện sống căn bản cho người dân. Với gần 44 tỷ đồng, Bảo Việt hỗ trợ thêm nguồn lực cho Pác Nặm xóa nhà dột nát cho hộ nghèo, xây dựng mới và cải tạo nâng cấp 20 công trình trường học, trạm y tế; 21 tỷ đồng đầu tư cho Quế Phong dành cho

việc cải tạo, xây mới và bàn giao cho huyện 09 công trình, trong đó có 03 trạm y tế xã; 01 trường PTTH nội trú của huyện; 01 trường tiểu học và nhà bán trú dân nuôi.

Các công trình xây dựng trạm y tế đã góp phần nâng cao năng lực khám chữa bệnh cho tuyến y tế cấp cơ sở, giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên, cũng như trực tiếp hỗ trợ nhiều chương trình y tế khám chữa bệnh cho người nghèo mang lại nhiều niềm vui cho nhân dân nghèo tại địa phương. Chương trình hỗ trợ giáo dục, đào tạo đã tài trợ xây dựng nhiều trường học, nhà bán trú dân nuôi cho các em học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số... góp phần tạo điều kiện tốt hơn cho học sinh tới trường.

Chỉ tính riêng trong năm 2014, Bảo Việt đã đầu tư hơn 12 tỷ đồng cho các hoạt động cộng đồng như xây dựng trường tiểu học xã Cao Tân, Pác Nặm, Bắc Kạn; bổ sung kinh phí san nền nhà thi đấu và xây dựng thêm điểm trường Nà Hoi, trường Tiểu học Bộc Bó, Pác Nặm, Bắc Kạn; xây dựng trường tiểu học thị trấn Kim Sơn, Quế Phong, Nghệ An; hỗ trợ Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, Đào Trường Sa và Đào Cô Tô...

Bảo Việt đồng hành cùng "Cuộc thi Giải toán qua Internet - ViOlympic"



Ngày 12/9/2014, Bảo Việt Nhân thọ chính thức tham gia tài trợ cho chương trình ViOlympic - Cuộc thi Giải toán qua Internet trong năm học 2014-2015. Đây là chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học FPT phối hợp với Sở giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.

"Cuộc thi Giải toán qua Internet - ViOlympic" dành cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 12 trên toàn quốc. Cuộc thi là sân chơi toán học bổ ích, khơi dậy niềm đam mê, yêu thích môn toán, giúp các em học sinh nâng cao kiến thức, phát triển tư duy và tiếp cận với tin học hiện đại.

Bên cạnh việc ôn luyện và thi trực tuyến, Ban tổ chức còn tổ chức chương trình đồng hành cũng như trại hè ViOlympic để giúp học sinh rèn luyện kỹ năng học toán, cũng như kỹ mềm để ứng dụng trong cuộc sống.

Tham gia cuộc thi, các em học sinh vừa có cơ hội trải nghiệm với những bài toán hấp dẫn, thú vị, sát với chương trình đào tạo, phù hợp với kiến thức từng khối lớp lại vừa được nhận các giải thưởng khích lệ từ Ban tổ chức. Đặc biệt với cấp thi quốc gia, nếu đoạt giải, học sinh còn nhận được huy chương và giấy chứng nhận của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tính đến nay, Bảo Việt đã đầu tư gần 120 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội, trong đó dành 44 tỷ đồng đầu tư cho huyện Pác Nặm và hơn 21 tỷ đồng cho huyện Quế Phong để cải thiện cơ sở hạ tầng.

Đầu tư cho hoạt động cộng đồng

Hoạt động đầu tư cộng đồng của Bảo Việt tuân thủ theo 3 nguyên tắc cơ bản sau:

- Thực hiện 4 nội dung: Xóa đói giảm nghèo; Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ; Tri ân gia đình có công với cách mạng, và Khắc phục hậu quả thiên tai.
- Dự án có mục tiêu cụ thể, có sự cam kết dài hạn với cộng đồng địa phương và hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Bảo Việt trong tương lai
- Dự án có sự đầu tư về nguồn vốn và con người: không chỉ đầu tư đơn thuần về vật chất, dự án cần gắn kết sự tham gia của cán bộ nhân viên Bảo Việt tại địa phương.

Năm 2014, Bảo Việt đã dành 18,7 tỷ đồng cho các hoạt động cộng đồng. Đặc biệt trong năm nay, chúng tôi đẩy mạnh chuỗi chương trình "Kết nối yêu thương", gắn kết các hoạt động của các đơn vị trong hệ thống, mang thương yêu đến người dân các vùng khó khăn.

Một số hoạt động cộng đồng khác trong năm



XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

- Đầu tư 11.792.690.000 đồng xây dựng hai trường Tiểu học xã Cao Tân (tỉnh Bắc Kạn) và Trường Tiểu học Kim Sơn (tỉnh Quế Phong)
- Hỗ trợ xây dựng điểm trường Nà Hoi; Trường Tiểu học Bộc Bó
- Tổ chức khám bệnh và phát miễn phí 500 số thuốc cho đồng bào dân tộc nghèo ở Hà Giang



TRI ÂN GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

- Xây dựng 2 nhà tình nghĩa cho đối tượng có công với Cách mạng ở Thừa Thiên Huế trị giá 100.000.000đ.
- Tổ chức phát động và gây Quỹ Niềm tin Việt vì biển đảo, huy động được toàn thể cán bộ trong hệ thống tham gia tổng số tiền huy động khoảng 600.000.000 đồng.



ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC VÀ THỂ HỆ TRẺ

- Tiếp tục đồng hành cùng Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam triển khai chương trình học bổng An Sinh Giáo Dục và trao quà cho trẻ em nghèo Việt Nam. Tổng số tiền tài trợ sau 10 năm thực hiện là: 15.000.000.000 đồng
- Tham gia tài trợ cho chương trình ViOlympic - Cuộc thi Giải toán qua Internet trong năm học 2014-2015 với mức tài trợ 800.000.000 đồng
- Bảo Việt quyên góp ủng hộ số tiền hơn 80.000.000 đồng để xây dựng một nhà nội trú bán kiên cố và mua sắm một số đồ dùng học tập, sinh hoạt cho học sinh tại điểm trường THCS Lố Sứ Thành - xã Dìn Chín - Huyện Mường Khương - Tỉnh Lào Cai



HOẠT ĐỘNG KHÁC

- Bảo Việt tiếp tục triển khai 02 đợt của chương trình "Mang hơi ấm tới vùng cao" năm 2014 tại Xã Hạnh Sơn (Yên Bái) và Xã Quài Càng (Điện Biên). Chương trình đã trao tặng gần 100.000.000đ tiền quà đồng thời triển khai khám và phát thuốc miễn phí cho hơn 750 lượt đồng bào có hoàn cảnh khó khăn.
- Triển khai chương trình "Suất cơm từ thiện" dành cho các bệnh nhi và người nhà bệnh nhân tại Viện huyết học và truyền máu TW trong suốt 4 quý của năm 2014; đồng thời bước đầu triển khai tại Bệnh viện Nhi đồng 1 - TP. Hồ Chí Minh. Tổng chi phí đã triển khai trong năm 2014 của chương trình là 78.000.000đ.

GẮN KẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Tại Bảo Việt, chúng tôi luôn đồng hành và giúp người lao động hiểu rõ mục đích công việc để có phương pháp làm việc đạt hiệu quả cao, phát huy được năng lực của bản thân, góp phần hoàn thành mục tiêu, chiến lược của Tập đoàn

HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2014

Đầu tư cho hoạt động cộng đồng

HÀNH TRÌNH 365 NGÀY VÌ NHỮNG NIỀM TIN CỦA BẠN

Gắn kết cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống thông qua chuỗi hoạt động chào mừng kỷ niệm 50 năm thành lập Bảo Việt

Chào mừng 50 năm thành lập Bảo Việt (15/1/1965-15/1/2015), Bảo Việt đã tổ chức chuỗi chương trình nội bộ nhằm tăng cường cơ hội giao lưu, thắt chặt tình đoàn kết giữa các cán bộ của Bảo Việt trên toàn hệ thống. Chương trình cũng nhằm gắn kết cán bộ trong hoạt động chung chào đón sự kiện 50 năm Bảo Việt.

HỘI THAO TOÀN QUỐC: Lan tỏa thông điệp VUI KHỎE ĐOÀN KẾT



Kéo dài từ tháng 10-11/2014, Hội thao Bảo Việt được tổ chức tại 5 khu vực bao gồm: Khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, khu vực Đông Nam Bộ mở rộng, khu vực các tỉnh miền núi Phía Bắc, khu vực các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên, khu vực đồng bằng sông Hồng và các tỉnh lân cận. Hội thao đã thu hút được sự tham gia của hàng nghìn cán bộ và cổ động viên thuộc các đơn vị của Bảo Việt. Hội thao đã mang lại không khí vui tươi, sôi nổi, thắm đẫm tình đoàn kết gắn bó, khơi dậy niềm tin, niềm tự hào trong mỗi cán bộ Bảo Việt.

LIÊN HOAN VĂN NGHỆ: Bữa tiệc âm nhạc của những nghệ sỹ không chuyên



Chương trình liên hoan văn nghệ chào mừng 50 năm thành lập Bảo Việt được tổ chức tại rạp Âu Cơ, Hà Nội với sự tham gia của hàng trăm nghệ sỹ không chuyên. Chương trình hội tụ những tiết mục ca nhạc đặc sắc của các đơn vị Bảo Việt đến từ Hà Nội, Thái Nguyên, Hải Phòng, Cao Bằng, Lào Cai. Bên cạnh mục đích giao lưu, kết nối đồng nghiệp, chương trình còn là sự khẳng định các cán bộ của Bảo Việt không chỉ giỏi chuyên môn mà còn có niềm đam mê nghệ thuật, sức sáng tạo và đời sống tinh thần phong phú.

TÌM HIỂU TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ: Khơi dậy niềm tự hào của mỗi cán bộ nhân viên



Nằm trong các chuỗi hoạt động 50 năm là các cuộc thi tìm hiểu về lịch sử của Bảo Việt trong nội bộ. Với truyền thống 50 năm xây dựng và phát triển, Bảo Việt đã trải qua nhiều bước ngoặt mang tính lịch sử.

Các thế hệ cán bộ nhân viên chính là nhân chứng lịch sử quan trọng – những người đã đồng hành và trải nghiệm những thay đổi này của Bảo Việt. Chính vì vậy, việc chia sẻ thông tin, các tài liệu quý báu liên quan đến quá trình hình thành và phát triển của Bảo Việt đã được thực hiện thông qua các dự án: Sử ký Bảo Việt 50 năm; Sách ảnh Bảo Việt; Bộ phim 50 năm Bảo Việt...

Thông qua dự án, Bảo Việt mong muốn tiếp tục duy trì ngọn lửa niềm tin nơi mỗi cán bộ nhân viên Bảo Việt. Niềm tin với sự phát triển đầy tự hào của Bảo Việt trong 50 năm qua, niềm tin về tương lai tươi sáng rực rỡ của Bảo Việt 50 năm tới.

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TỐT NHẤT, BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trải qua nửa thế kỷ phát triển, Bảo Việt đã khẳng định được vị trí hàng đầu trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam. Trên con đường thực hiện sứ mệnh mang lại sự bình an, thịnh vượng, các lợi ích bền vững cho khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng bằng việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, cung cấp sản phẩm đa dạng, Bảo Việt đã tạo dựng được một môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả đảm bảo người lao động gắn bó lâu dài, tập trung phát triển sự nghiệp, nỗ lực sáng tạo, chia sẻ các giá trị mới, đồng thời luôn sẵn sàng gánh vác, chia sẻ trách nhiệm với xã hội, vì một tương lai bền vững.

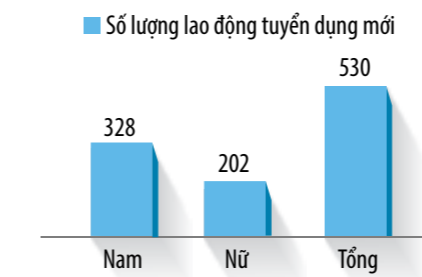
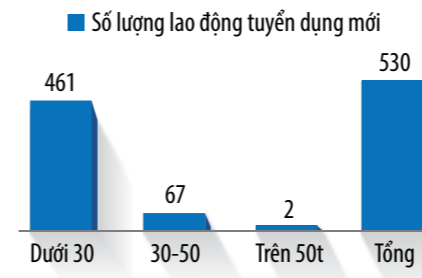
Dù thông qua bảng xếp hạng hàng năm hay dưới góc nhìn thực tế, Bảo Việt luôn tự hào trước những nỗ lực đóng góp cho cộng đồng, giáo dục, sức khỏe... thông qua các hoạt động thiện nguyện nhằm cải thiện điều kiện sống cho cộng đồng. Những việc làm thiết thực của Bảo Việt đã trở thành nét đẹp truyền thống, góp phần vào sự phát triển bền vững của Bảo Việt.

PHÁT HIỆN VÀ BỒI DƯỠNG NHÂN TÀI, TĂNG CƯỜNG SỰ GẮN KẾT CỦA CÁN BỘ

Tại Bảo Việt, việc tuyển dụng nhân sự được thực hiện minh bạch, với các quy trình đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo sự công bằng, khách quan, cơ hội thăng tiến được mở rộng cho tất cả mọi người.

Trong quá trình tuyển dụng, Bảo Việt chú trọng và luôn chào đón những ứng viên có kiến thức, kinh nghiệm, sẵn sàng đón nhận các thách thức trong công việc với một tinh thần trách nhiệm cao. Các ứng viên trúng tuyển sẽ trải qua quá trình làm quen với công việc, điều kiện và môi trường làm việc, được đào tạo hội nhập trước khi bước vào quá trình làm việc chính thức.

Với trình độ, kiến thức và mong muốn tự chủ ngày càng cao của người lao động trong công việc, Bảo Việt nhận thức rõ người lao động hiện nay hoàn toàn có khả năng kiểm soát những lợi ích mà họ được hưởng từ giá trị công việc đóng góp cho doanh nghiệp. Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện chính sách lương thưởng, phúc lợi cạnh tranh với thị trường nhằm đảm bảo các cuộc sống về vật chất, tăng cường mức độ gắn bó của nhân viên, Bảo Việt chú trọng đến mục tiêu xây dựng môi trường làm việc tốt nhất. Các hoạt động đối thoại, tiếp xúc với người lao động thông qua hội nghị người lao động, khảo sát nội bộ, phỏng vấn thăm dò... được thực hiện thường xuyên và định kỳ nhằm ghi nhận các phản hồi, tâm tư, nguyện vọng của người lao động để từ đó có định hướng điều chỉnh và xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định.



Dữ liệu thống kê		Độ tuổi			Giới tính	
		<30	30-50	>50	Nam	Nữ
Số lượng cán bộ tuyển dụng năm 2014	Số lượng (người)	461	67	2	328	202
	Tỷ lệ (%)	28%	2%	0,4%	11%	8%
Số lượng cán bộ nghỉ việc năm 2014	Số lượng (người)	120	172	14	158	151
	Tỷ lệ (%)	7%	5%	3%	5%	6%

Năm 2014, tỷ lệ thôi việc của toàn Tập đoàn là 5,7%, trong đó: tỷ lệ thôi việc của nam và nữ là tương đương nhau (5% và 6%); lao động trên 50 tuổi có xu hướng ổn định cao nhất nên tỷ lệ thôi việc chỉ là 3%, trong khi đó, lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ thôi việc cao nhất là 7%, lao động trong độ tuổi từ 30-50 tuổi có tỷ lệ thôi việc thấp hơn mức trung bình là 5%.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

Chính sách đào tạo của Bảo Việt luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi cá nhân tham gia đào tạo, phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm thông qua việc triển khai các hoạt động đào tạo theo bản đồ học tập chung và bản đồ học tập chuyên môn nghiệp vụ.

Số giờ và lượt đào tạo trung bình tại Công ty Mẹ và các Công ty thành viên của Bảo Việt.

	Theo giới tính		Theo chức danh	
	Nam	Nữ	Quản lý	Nhân viên
Số giờ đào tạo	61.217	51.632	24.003	88.846
- Theo bản đồ học tập	32.526	26.021	10.726	47.821
- Theo chuyên môn nghiệp vụ	28.691	25.611	13.277	41.025
Số lượt đào tạo	2.767	2.376	1.182	3.961
- Theo bản đồ học tập	1.765	1.500	686	2.579
- Theo chuyên môn nghiệp vụ	1.003	875	496	1.382

Đầu tư cho công tác đào tạo của đội ngũ bán hàng

Bảo Việt cũng đầu tư cho công tác đào tạo đội ngũ đại lý/ tư vấn viên bảo hiểm. Đặc biệt trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, với đặc thù sản phẩm tương đối phức tạp. Để tư vấn được cho khách hàng, lực lượng tư vấn viên cần hiểu rõ các dòng sản phẩm để tư vấn sản phẩm phù hợp nhất với nhu cầu và điều kiện tài chính của khách hàng, cũng như tăng cường năng lực nhận diện và đánh giá được rủi ro, xử lý tình huống khi có các khiếu kiện. Đạo đức nghề nghiệp cũng nằm trong phạm vi đào tạo nhằm giảm thiểu các nguy cơ từ trục lợi bảo hiểm. Năm 2014, Bảo Việt đã thực hiện 115.171 lượt đào tạo cho tư vấn viên bảo hiểm nhân thọ và 4.945 lượt đào tạo cho đại lý bảo hiểm phi nhân thọ.

Nâng cao năng lực của cán bộ nhân viên khối phát triển kinh doanh và khối dịch vụ khách hàng

Năm 2014, Bảo Việt thực hiện đào tạo kiến thức và huấn luyện kỹ năng của cán bộ nhân viên khối phát triển kinh doanh và khối dịch vụ khách hàng tại các đơn vị trên toàn hệ thống. Các chương trình đào tạo bao gồm: huấn luyện kỹ năng tổ chức công việc, kỹ năng họp 1:1, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình hội nghị, kỹ năng động viên, kỹ năng giảng các chương trình đào tạo cho tư vấn viên...

Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng đặc biệt quan tâm đào tạo và định hướng đối với các nhân viên mới tuyển ngay từ những ngày đầu gia nhập tổ chức thông qua chương trình “Bảo Việt hội nhập”. Hàng năm, Bảo Việt Nhân thọ tổ chức 02 chương trình huấn luyện tập trung và đi thực tế tại các công ty thành viên trong hệ thống cho các cán bộ tập sự phát triển kinh doanh với thời lượng gần 02 tháng.

Việc đối xử công bằng với người lao động có vai trò quan trọng trong việc hình thành một môi trường làm việc tốt, tạo động lực cho nhân viên, phát huy khả năng, gắn bó với Bảo Việt. Các hoạt động trong chính sách nhân sự của Bảo Việt đều hướng tới các mục tiêu chính:

- Không phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe hoặc vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của pháp luật lao động.
- Trả lương công bằng cho nhân viên theo hiệu quả làm việc của cá nhân và giá trị công việc đóng góp cho Bảo Việt.
- Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người lao động. Mọi nhân viên đều có quyền đóng góp ý kiến vào việc xây dựng và phát triển Bảo Việt
- Mọi nhân viên có cơ hội như nhau trong hoạt động tuyển dụng và thăng tiến.

Tại Bảo Việt, số lượng cán bộ nữ là 2.449 người, chiếm 46% lực lượng lao động. Để đảm bảo sự công bằng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cũng như tạo điều kiện để các cán bộ nữ được thực sự tham gia công tác chuyên môn, quy hoạch và bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, hoạt động của “Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ” luôn được duy trì thường xuyên.

Cùng với Công đoàn, “Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ” của Bảo Việt giữ vai trò quan trọng trong việc đưa vấn đề giới vào quá trình xây dựng, thực hiện chính sách trong doanh nghiệp; đảm bảo các cán bộ nữ được hưởng các chế độ chính sách của Nhà nước và chế độ phúc lợi như: nghỉ phép, nghỉ theo chế độ và tham gia mua bảo hiểm thân thể, bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ, tham gia sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp.

Bảo Việt khuyến khích các bộ nữ nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học; tạo điều kiện về thời gian, công việc, kinh phí để cán bộ nữ tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng, học hỏi trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước nhất là các khóa đào tạo theo Bản đồ học tập.

Trong bộ máy quản lý, điều hành từ Tập đoàn đến các Công ty thành viên đều có sự tham gia của nữ cán bộ.

Tỷ lệ cán bộ nữ tại Bảo Việt	46% (2.449 người)
Tỷ lệ nữ được tuyển dụng năm 2014	38% (202 người)
Tỷ lệ lao động nữ giữ chức vụ quản lý năm 2014	29% (452 người)
Tỷ lệ cán bộ nữ giữ chức vụ quản lý cấp cao so với tổng số cán bộ quản lý cấp cao của Tập đoàn	14%
Tỷ lệ cán bộ nữ giữ chức vụ quản lý cấp trung so với tổng số cán bộ quản lý cấp trung của Tập đoàn	29%

PHÁT HUY TÍNH DÂN CHỦ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhằm phát huy vai trò và trách nhiệm của người lao động đối với hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt đã đề ra nhiều biện pháp để phát huy tính dân chủ. Thông qua việc trao đổi trực tiếp và công khai tại các chương trình nội bộ, người lao động có quyền tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng các chính sách của doanh nghiệp.

Hội nghị người lao động của Bảo Việt được tổ chức thường niên (vào khoảng giữa năm) và triển khai tại tất cả các đơn vị kinh doanh trên toàn quốc. Hội nghị là diễn đàn chia sẻ giữa Lãnh đạo và cán bộ liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Lãnh đạo Bảo Việt có trách nhiệm chia sẻ thông tin định hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh, các sự kiện nổi bật đồng thời lắng nghe và phản hồi các ý kiến của người lao động tại Hội nghị. Người lao động được công khai thảo luận các điều khoản trong Thỏa ước lao động tập thể (bao gồm các vấn đề lợi ích của người lao động như sức khỏe, an toàn lao động, chế độ ngày nghỉ trong năm...) được nghe thông báo kết quả thực hiện Thỏa ước hàng năm và công bố công khai việc sử dụng Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp.

Các nội quy lao động cũng thuộc phạm vi trao đổi tại Hội nghị để người lao động có thể tham gia góp ý, xây dựng, biểu quyết các nội dung trong Nội quy lao động trước khi ban hành. Nội quy này thông báo công khai qua mạng nội bộ và niêm yết ở khu vực công cộng sau khi đăng ký và ban hành.

Tại Hội nghị tổng kết cuối năm, ngoài việc báo cáo kết quả kinh doanh, các tham luận của Khối/Ban được thực hiện nhằm chia sẻ sâu hơn về một số hoạt động trọng tâm trong năm. Tại đây, người lao động được tham gia góp ý, xây dựng các chỉ tiêu kinh doanh của doanh nghiệp hàng năm trước khi đưa vào kế hoạch chính thức để xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ HIỆU QUẢ LÀM VIỆC VÀ CHÍNH SÁCH TRẢ LƯƠNG THEO HIỆU QUẢ

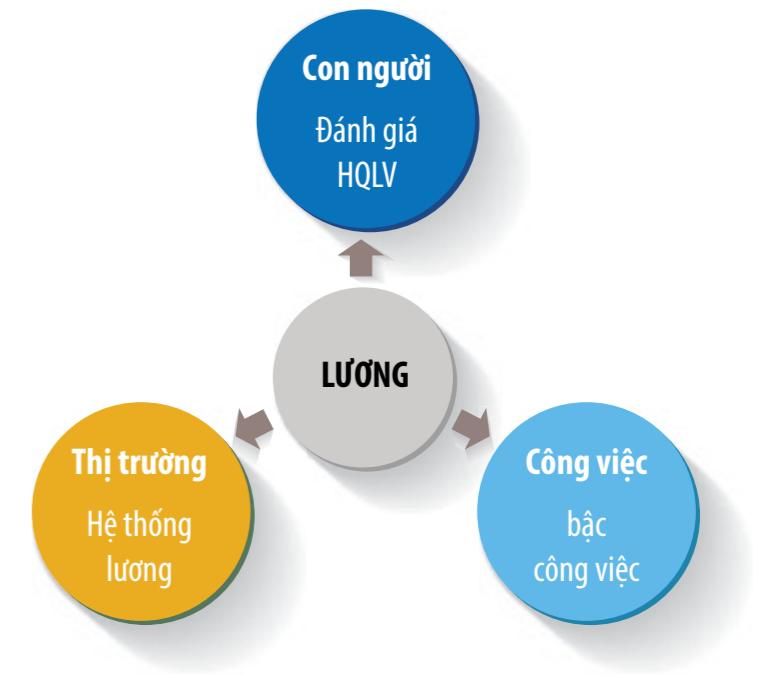
Hệ thống quản lý hiệu quả làm việc

Hệ thống quản lý hiệu quả làm việc vẫn tiếp tục được áp dụng và ngày càng hoàn thiện để nâng cao hiệu quả trong thực tiễn. Kể từ khi triển khai, hệ thống này giúp cho việc gắn kết giữa mục tiêu của Bảo Việt đến từng Khối/ban và cấp nhân viên, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, bằng cách trang bị cho mọi cá nhân trong tổ chức năng lực và các công cụ giúp nhận biết rõ ràng về các mong đợi của Bảo Việt, tạo điều kiện để các cá nhân có thể hoạt động hiệu quả, phát huy được mọi khả năng, tiềm năng của họ và đóng góp vào thành công của Bảo Việt.

Kết quả đánh giá hiệu quả làm việc hàng năm được Bảo Việt sử dụng làm cơ sở để điều chỉnh lương hàng năm và trả lương hiệu quả làm việc. Chính sách này đảm bảo người lao động được trả lương nhất quán, minh bạch rõ ràng, đúng với tính chất công việc,

Chính sách trả lương theo hiệu quả

Bảo Việt rất chú trọng đến việc xây dựng chính sách lương thưởng. Hàng năm, Bảo Việt tham gia các khảo sát khảo sát, điều tra tiền lương của Haygroup để xác định tính cạnh tranh trên thị trường lao động để xác định dải lương tương ứng với từng bậc công việc.



Ngoài tiền lương trả cho người lao động trong năm gồm có lương cơ bản, lương cố định hàng tháng, lương tháng thứ 13 và lương theo hiệu quả làm việc, Bảo Việt còn thực hiện các chế độ đãi ngộ khác đối với người lao động như thưởng từ nguồn lợi nhuận sau thuế (sau đại hội đồng cổ đông thường niên), thưởng nhân dịp ngày thành lập Bảo Việt, các ngày Lễ, Tết; chi trả các khoản trợ cấp điện thoại, công tác phí nội vùng, đồng phục, ăn ca, thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ, mua Bảo hiểm sức khỏe (Health Care), Bảo hiểm sinh mạng (An nghiệp thành công), Bảo hiểm hưu trí tự nguyện (An hưởng điển viên), đồng thời hỗ trợ thêm cán bộ qua gói bảo hiểm ưu đãi dành cho người thân.

CHĂM LO SỨC KHỎE CHO CÁN BỘ

Bên cạnh việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động theo quy định của pháp luật, Bảo Việt quan tâm đến bảo vệ sức khỏe cho người lao động thông qua việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ; mua Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm sinh mạng (An nghiệp thành công), Bảo hiểm hưu trí tự nguyện (An hưởng điển viên) cho cán bộ nhân viên.

Với thế mạnh về sản phẩm bảo vệ khách hàng trước các rủi ro về sức khỏe, Bảo Việt thường xuyên tổ chức các chương trình tư vấn với sự tham gia của các chuyên gia và bác sỹ dành cho khách hàng nội bộ và cán bộ nhân viên nhằm tăng cường các kiến thức bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là đối với chị em phụ nữ.

Bên cạnh đó, các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe của cán bộ được chúng tôi khuyến khích thông qua việc tổ chức các lớp học, các câu lạc bộ như lớp học Yoga, câu lạc bộ bóng bàn, giải thi đấu tennis, giải giao hữu bóng đá. Tại một số đơn vị của Bảo Việt đã xây dựng phòng tập thể dục tạo điều kiện cho cán bộ tập luyện ngoài giờ làm việc.

Đối với các cán bộ nghỉ hưu, ngoài việc tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp Quốc tế Người cao tuổi; Tết Âm lịch, ngày thành lập Bảo Việt vẫn duy trì mua bảo hiểm kết hợp con người hàng năm cho các cán bộ hưu trí với mức trách nhiệm bồi thường là 20.000.000 đồng/người.

GẮN KẾT MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG

Bảo Việt hiểu rằng nếu tiếp tục khai thác các tài nguyên thiên nhiên mà không cân nhắc đến việc duy trì lâu dài của các tài nguyên đó thì không một doanh nghiệp trong chúng ta sẽ có thể tăng trưởng và phát triển.

HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2014

XANH HÓA LỐI SỐNG VÀ THÚC ĐẨY TIÊU DÙNG BỀN VỮNG

Tích cực tuyên truyền sử dụng năng lượng hiệu quả

Nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, Bảo Việt đã đẩy mạnh truyền thông trong toàn hệ thống thông qua các kênh thông tin: poster, bản tin điện tử, bản tin nội bộ.

Với thông điệp **"Tạo thói quen nhỏ, cho hiệu quả lớn"**, Bảo Việt mong muốn thay đổi nhận thức và thói quen của cán bộ trong việc sử dụng các nguồn năng lượng hợp lý, góp phần hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững.



Chúng tôi cũng thực hiện gắn kết thông điệp về in giấy hợp lý "Tiết kiệm giấy in là bảo vệ môi trường" trong chữ ký điện tử của mỗi cán bộ cùng bài viết truyền tải thông điệp cụ thể về ý nghĩa của việc cập nhật thông tin chữ ký này tới các cán bộ nhân viên.



Bảo Việt cùng "Tắt đèn bật tương lai", hưởng ứng giờ Trái Đất

"Tắt đèn bật tương lai" là thông điệp được Bảo Việt sử dụng để truyền thông trong hệ thống nhằm hưởng ứng Chương trình giờ Trái Đất bởi chúng tôi hiểu rằng, bảo vệ môi trường cần sự chung tay của cả cộng đồng và phát triển bền vững là trách nhiệm của toàn xã hội chứ không của riêng một cá nhân hay tổ chức nào.

Nhằm góp phần hiện thực hóa Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh các chuỗi hoạt động Baoviet GoGreen, hướng đến một công sở xanh và góp phần xây dựng môi trường xanh.

XANH HÓA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mục tiêu môi trường cũng đã được Bảo Việt chú trọng lồng ghép trong hoạt động đánh giá chuỗi cung ứng; đầu tư dự án và đánh giá rủi ro hoạt động.

Chúng tôi tin rằng, mục tiêu môi trường của Bảo Việt sẽ trở nên dễ dàng hơn khi các bên liên quan, đặc biệt là các bên nằm trong chuỗi giá trị của Bảo Việt cùng tham gia thực hiện mục tiêu này. Chính vì vậy, bên cạnh các tiêu chí đánh giá về mặt Quản trị và Xã hội, tiêu chí về môi trường cũng được Bảo Việt chú trọng xem xét và rà soát nhằm mục tiêu giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường trong chuỗi giá trị của Bảo Việt.

Chi tiết các quy trình và nguyên tắc thực hiện đã được đề cập trong các phần trên của báo cáo. Hiện tại, chúng tôi chưa có số liệu thống kê toàn hệ thống về các đơn vị bên ngoài được đánh giá theo tiêu chí bền vững của Bảo Việt trong quá trình thẩm định và lựa chọn do việc triển khai đang áp dụng chủ yếu tại Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị trên địa bàn Hà Nội.

GIẢM CƯỜNG ĐỘ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Cam kết môi trường trong quản lý hoạt động tòa nhà

Năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành đánh giá các tác động tới môi trường từ hoạt động của các tòa nhà Bảo Việt trên địa bàn Hà Nội. Các đánh giá này bao gồm:

- Phân tích tình hình sử dụng nguyên nhiên liệu trong năm 2014. Theo đó, các nhu cầu sử dụng nguyên liệu sản xuất bao gồm: điện, nước, hóa chất (chủ yếu là xà phòng rửa tay, tẩy rửa nhà vệ sinh, nước lau sàn và rửa kính do các hoạt động vệ sinh của tòa nhà).

- Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian đã qua bao gồm biện pháp khống chế môi trường không khí, ô nhiễm môi trường nước, xử lý chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại; lực lượng và phương tiện PCCC tại chỗ.

Trên cơ sở đánh giá các tác động tới môi trường, Bảo Việt đã xây dựng Đề án bảo vệ môi trường và đã được Sở Tài nguyên và môi trường phê duyệt. Đề án này bao gồm các nội dung liên quan đến giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải thông qua việc bổ sung chế phẩm vi sinh, dọn dẹp hệ thống cống thoát nước để đảm bảo thông thoáng sạch sẽ; kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải tránh hiện tượng tắc nghẽn trên các dòng thải.

Nội dung tóm tắt các biện pháp xử lý đối với nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường trong Đề án của Bảo Việt như sau:

Nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường	Biện pháp xử lý kỹ thuật	Các giải pháp môi trường
<p>Nguồn chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động văn phòng của cán bộ nhân viên trong tòa nhà. Thành phần chất thải rắn bao gồm giấy in hỏng, bút hết mực, giấy bìa carton, vỏ hoa quả</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tại mỗi tầng của tòa nhà, Bảo Việt đều trang bị 01 thùng compsit lớn và 01 thùng đựng rác nhỏ ở cuối cầu thang để thu gom rác. - Hàng ngày, nhân viên vệ sinh tòa nhà dọn dẹp trong mỗi phòng của công ty thuê và quét dọn hành lang, khu vực xung quanh tòa nhà. - Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh của tòa nhà sẽ thu gom tất cả rác trong thùng rác ở các tầng ra điểm rác trước cửa tòa nhà. - Ký kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với Xi nghiệp môi trường đô thị số 2 để xử lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in. - Tái sử dụng các văn phòng phẩm bao gồm các loại bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa
<p>Nguồn chất thải khí Khí thải từ các phương tiện giao thông: - Từ các phương tiện giao thông của Tòa nhà (sử dụng xăng và dầu DO) ra vào Tòa nhà. - Từ các phương tiện của khách ra vào Tòa nhà. - Từ các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến phố Lê Thái Tổ</p> <p>Bụi và khí thải của các phương tiện giao thông trong dự án góp phần làm gia tăng mức độ môi trường không khí khu vực nếu không có biện pháp giảm thiểu.</p> <p>Sự gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí sẽ kéo theo các tác động với sức khỏe cộng đồng dân cư sinh sống trong đô thị và khu vực xung quanh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt các chậu cây cảnh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. - Yêu cầu các phương tiện giao thông đi vào tòa nhà tắt máy trước khi cổng tòa nhà. - Tổ chức sắp xếp, hướng dẫn chỗ để xe của khách đến làm việc tại tòa nhà. - Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ khu vực tòa nhà. - Bố trí quạt thông gió tại tầng hầm gửi xe của tòa nhà đảm bảo không khí thông thoáng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chương trình Trồng cây của thanh niên trong năm đầu tiên nhằm giảm bớt lượng cây xanh trong các khu vực mà Bảo Việt hoạt động - Tiếp tục đẩy mạnh chương trình 5S: xây dựng môi trường lao động xanh, sạch và khoa học.
<p>Chất thải nguy hại</p> <p>Chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang cháy khoảng 1 kg/tháng; mực in thải khoảng 1 kg/tháng; giẻ lau dính dầu khoảng 1 kg/tháng. Tổng khối lượng chất thải nguy hại khoảng 3 kg/tháng.</p>	<p>Do lượng chất thải này phát sinh rất ít, nhưng để đảm bảo vệ sinh môi trường và thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, các tòa nhà của Bảo Việt tiến hành lưu giữ, phân loại và thu gom theo đúng thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 4 năm 2011 về quản lý chất thải nguy hại. Theo đó, chất thải nguy hại được đựng trong thùng riêng biệt, có khu vực lưu giữ riêng và dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại.</p> <p>Tiếp đó, Bảo Việt ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại của Tòa nhà. Thời gian lưu trữ chất thải nguy hại tại tòa nhà không quá 1 năm theo đúng quy định 12/2011/TT_BTNMT</p>	



TẠO THÓI QUEN NHỎ CHỖ HIỆU QUẢ LỚN

Thay đổi một thói quen không phải là điều dễ dàng, nhưng nếu thực sự muốn chúng ta đều có thể làm được



TIẾT KIỆM NƯỚC, BẢO VỆ RỪNG

Sử dụng nguồn nước hợp lý là bạn đã và đang bảo vệ môi trường và góp phần hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt

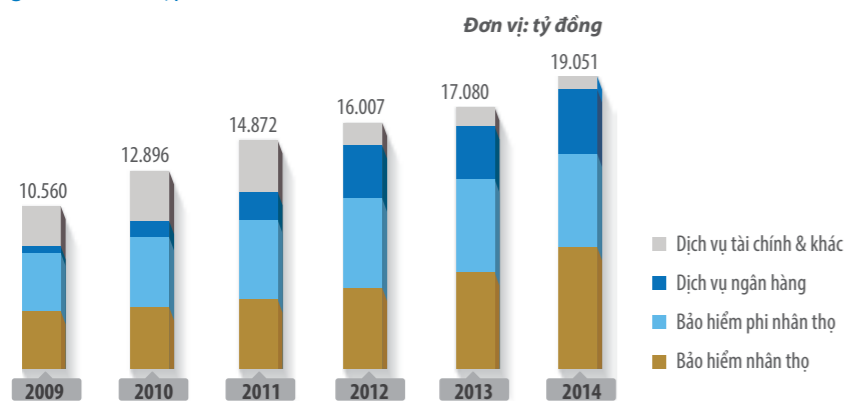


CON SỐ VÀ SỰ KIỆN

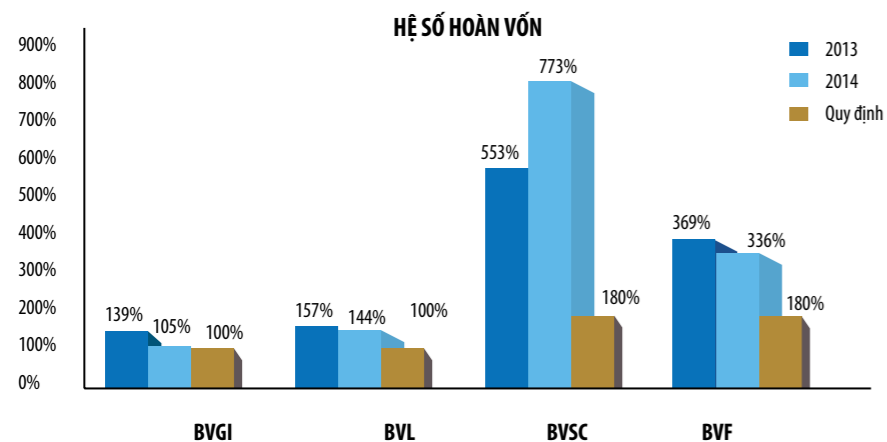
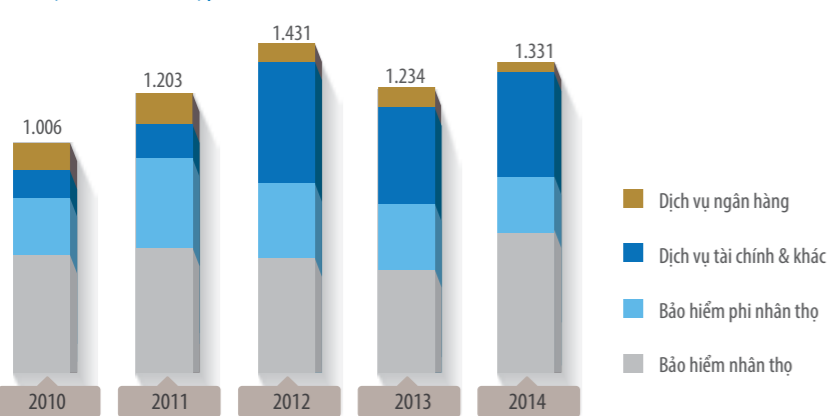
Định hướng chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt được hiện thực hóa thông qua việc xây dựng mục tiêu cụ thể. Các mục tiêu tiếp tục được lượng hóa theo chỉ tiêu đánh giá hiệu quả trong đó bao gồm các chỉ tiêu tài chính (kinh tế) và phi tài chính (môi trường và xã hội). Việc theo dõi các chỉ tiêu này giúp Bảo Việt đánh giá được tiến độ và hiệu quả triển khai, trên cơ sở đó để cân đối giữa các mục tiêu KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG.

TĂNG TRƯỞNG VỮNG CHẮC VỀ KINH TẾ

Tổng doanh thu hợp nhất



Lợi nhuận sau thuế hợp nhất



Doanh thu và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng vượt kế hoạch

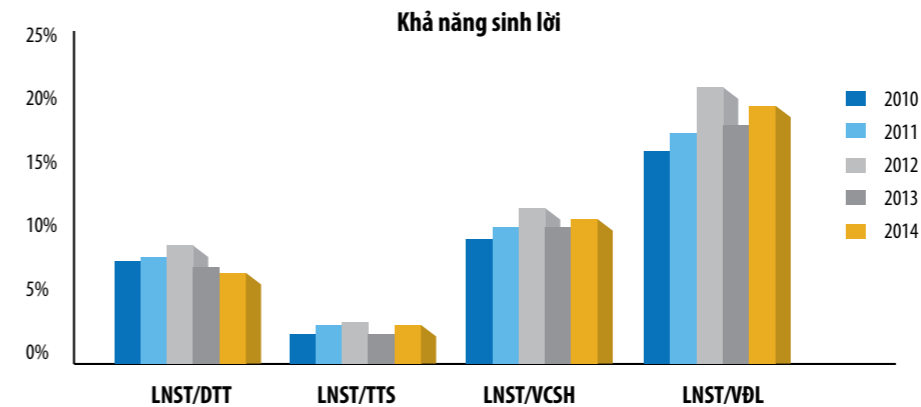
Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2014 đạt 19.050 tỷ đồng, vượt mức kế hoạch 9,9%; tăng 11,5% so với năm 2013, trong đó doanh thu bảo hiểm nhân thọ tăng trưởng mạnh. Tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu hợp nhất trong giai đoạn 2009-2014 đạt 12,5%.

Lợi nhuận sau thuế năm 2014 đạt 1.331 tỷ đồng, bằng 123,6% kế hoạch và tăng trưởng 7,9% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó lợi nhuận từ các mảng hoạt động kinh doanh đều hoàn thành kế hoạch đề ra.

Khả năng thanh toán các đơn vị thành viên trong Tập đoàn luôn đảm bảo

Hệ số thanh toán hiện thời và hệ số thanh toán nhanh thời điểm 31/12/2014 của các đơn vị thuộc Tập đoàn đều được duy trì ở mức khả quan và an toàn. Khả năng thanh toán của Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được cải thiện, từ mức 1 lần lên 2,73 lần, đáp ứng vượt mức yêu cầu của Bộ Tài chính và nâng cao năng lực cạnh tranh – khai thác bảo hiểm. Bảo Việt Nhân thọ vẫn giữ mức hệ số thanh toán >1 lần theo đúng ngưỡng an toàn mà Bộ Tài chính quy định.

Hệ số an toàn vốn/ tỷ lệ an toàn tài chính của các thành viên trong tập đoàn luôn tuân thủ quy định của Bộ Tài chính, trong đó Công ty Chứng khoán Bảo Việt và Quản lý Quỹ Bảo Việt có hệ số an toàn vốn/ tỷ lệ an toàn tài chính vượt xa so với quy định:



LNST/DTT: Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần

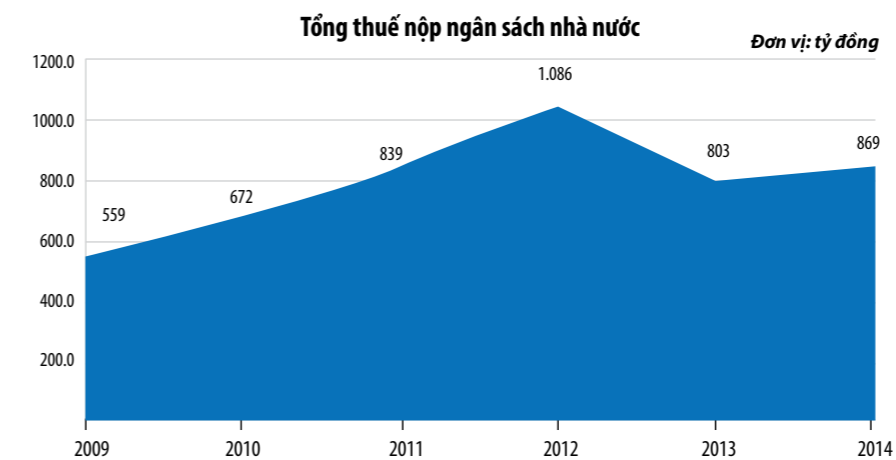
LNST/TTS: Lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản

LNST/VCSH: Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu

LNST/VĐL: Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ

CÁC ĐÓNG GÓP VỀ KINH TẾ

Đóng góp cho ngân sách nhà nước



Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều thách thức, khả năng sinh lời vẫn duy trì ở mức khả quan

Với bối cảnh nền kinh tế hiện nay còn nhiều khó khăn và chưa có dấu hiệu phục hồi vững chắc, các tỷ suất lợi nhuận của Tập đoàn vẫn duy trì ổn định, có tăng trưởng nhẹ so với năm 2013 cho thấy nỗ lực rất lớn từ Tập đoàn Bảo Việt: LNST/TTS tăng 0,6% ; LNST/VCSH tăng 0,7% và LNST/VĐL tăng 1,4% và so với năm 2013. Trong đó LNST/ROE và LNST/VĐL tăng trưởng cho thấy kết quả hoạt động kinh doanh đáng khích lệ. Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu giảm có sự sụt giảm nhẹ, năm 2014 đạt 7,0% do mức tăng trưởng của lợi nhuận không cao bằng mức tăng trưởng của doanh thu.

Bảo Việt thuộc Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2014

Trong bảng xếp hạng 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2014 (theo mã số thuế của doanh nghiệp), Tập đoàn Bảo Việt đứng vị trí thứ 120, Bảo hiểm Bảo Việt ở vị trí 115 và Bảo Việt Nhân thọ xếp hạng 60 – đứng đầu trong nhóm các Doanh nghiệp bảo hiểm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất trên thị trường. Đặc biệt, trong dịp này, Bảo Việt Nhân thọ đã được vinh dự nằm trong TOP 50 doanh nghiệp thành tựu xuất sắc

Bảo Việt thuộc Top 8 doanh nghiệp có hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư tốt nhất năm 2014

Theo kết quả công bố ngày 10/02/2015 của Vietstock, Tập đoàn Bảo Việt thuộc TOP 10 doanh nghiệp có hoạt động quan hệ nhà đầu tư tốt nhất năm 2014. Bảo Việt xếp vị trí thứ 8 trên tổng số 26 doanh nghiệp được lựa chọn.

Để được lựa chọn vào danh sách tham gia khảo sát, Tập đoàn Bảo Việt và các doanh nghiệp khác phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sàng lọc khắt khe. Các doanh nghiệp không chỉ được đánh giá dựa trên việc đáp ứng đầy đủ những quy định của Thông tư 52/2012/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán mà còn được đánh giá dựa trên các thông tin trọng yếu, ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư do doanh nghiệp chủ động công bố.

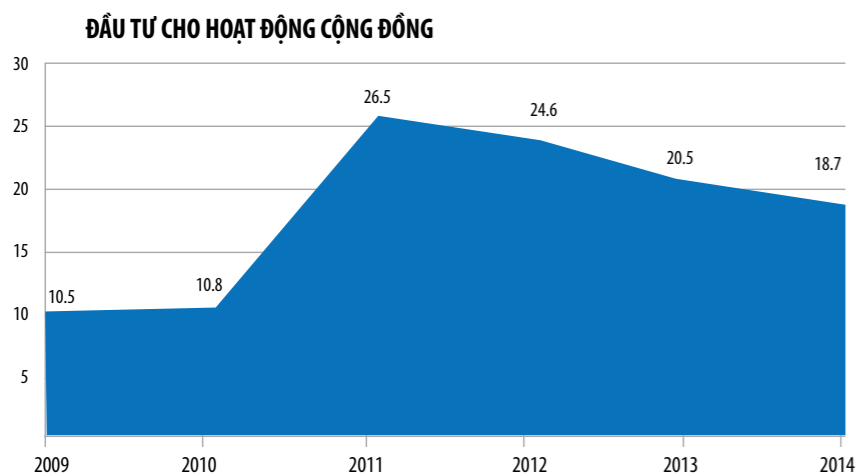
Bảo Việt thuộc Top 50 doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng

Ngày 15/1/2015, Bảo Việt cũng vinh dự nhận bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn và Nghệ An vì những đóng góp của Bảo Việt trong việc thực hiện Nghị quyết 30A của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 02 huyện nghèo là huyện Pác Nặm (tỉnh Bắc Kạn) và huyện Quế Phong (tỉnh Nghệ An). Kể từ khi thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo năm 2009, Bảo Việt đã đầu tư 73 tỷ đồng cho hai huyện, tập trung xây dựng và cải thiện các điều kiện sống cơ bản cho bà con nơi đây.

Cổ tức qua các năm	Tỷ lệ thực hiện	Thời gian thực hiện
2014	10% (1.000 đồng/01 cổ phần)	Quý II/2015 (dự kiến)
2013	15% (1.500 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 30/06/2014
2012	15% (1.500 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 17/07/2013
2011	12% (1.200 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 02/07/2012
2010	12% (1.200 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 04/07/2011
2009	11% (1.100 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 10/06/2010
2008	10% (1.000 đồng/01 cổ phần)	Bắt đầu từ ngày 20/05/2009

Tổng đầu tư cho hoạt động cộng đồng

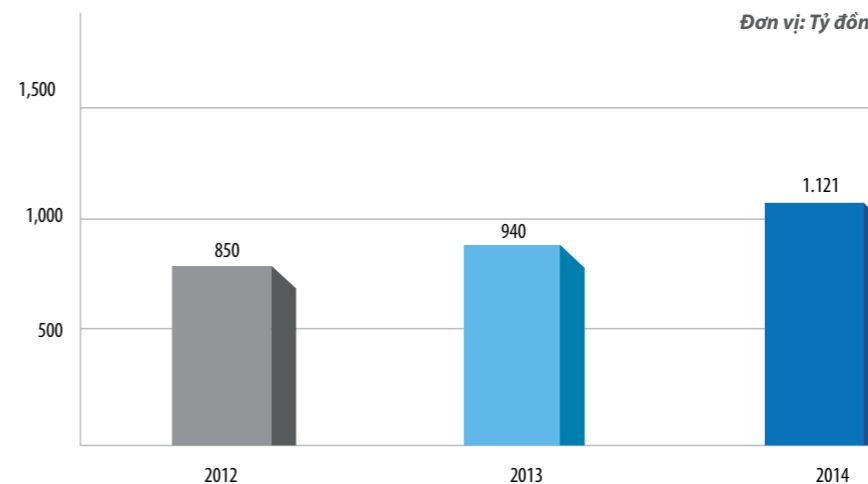
Đơn vị: tỷ đồng



ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Chi phí tiền lương cho cán bộ tăng bình quân 15% trong giai đoạn 2012-2014

Đơn vị: Tỷ đồng



Cơ cấu lao động theo các tiêu chí	Số lượng cán bộ	Tỷ lệ trên tổng số cán bộ Bảo Việt
Quốc gia:		
- Việt Nam	5.355	99,8%
- Nước ngoài	9	0,2%
Cơ cấu theo dân tộc:		
- Kinh	5.298	99%
- Dân tộc Thiểu số	66	1%
Giới tính:		
- Nam:	2.915	54%
- Nữ:	2.449	46%
Độ tuổi:		
- Dưới 30 tuổi	1.631	30%
- 30-50 tuổi	3.209	60%
- Trên 50 tuổi	524	10%
Trình độ đào tạo		
- ĐH và trên ĐH	4.398	82%
- Cao đẳng và trung học chuyên nghiệp	666	12%
- Khác	300	6%
Cấp quản lý:		
- Lãnh đạo cấp cao	43	1%
- Lãnh đạo cấp trung	1.521	28%
- Nhân viên	3.800	71%

Thực hiện trách nhiệm với người lao động

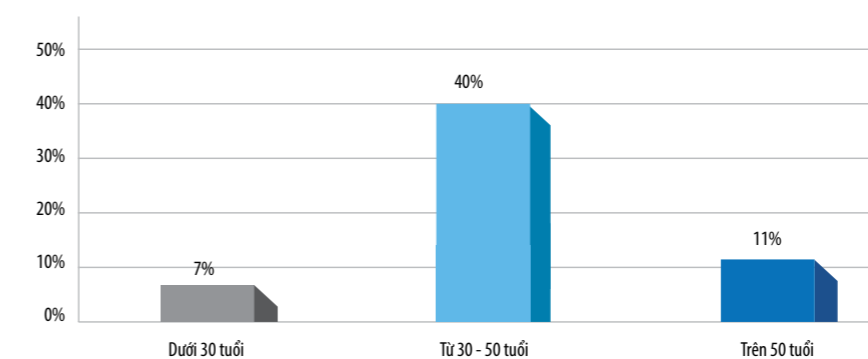
Ngoài tiền lương trả cho người lao động trong năm gồm có lương cơ bản, lương cố định hàng tháng, lương tháng thứ 13 và lương theo hiệu quả làm việc, Bảo Việt còn thực hiện các chế độ đãi ngộ khác đối với người lao động như thưởng từ nguồn lợi nhuận sau thuế (sau đại hội đồng cổ đông), thưởng nhân dịp ngày thành lập Bảo Việt, các ngày Lễ, Tết; chi trả các khoản trợ cấp điện thoại, công tác phí nội vùng, đồng phục, ăn ca, thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ, mua Bảo hiểm sức khỏe toàn diện (Health Care), Bảo hiểm sinh mạng (An nghiệp thành công), Bảo hiểm hưu trí tự nguyện (An hưởng điển viên), đồng thời hỗ trợ thêm cán bộ qua gói bảo hiểm ưu đãi dành cho người thân.

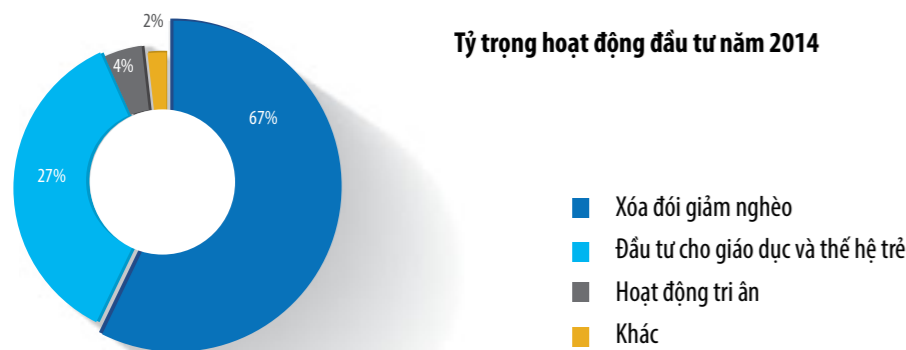
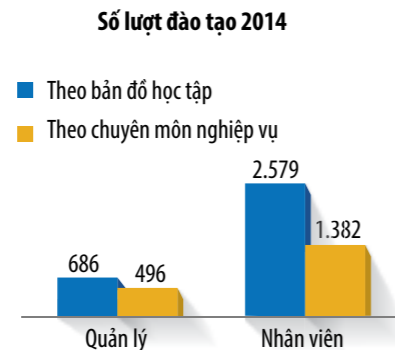
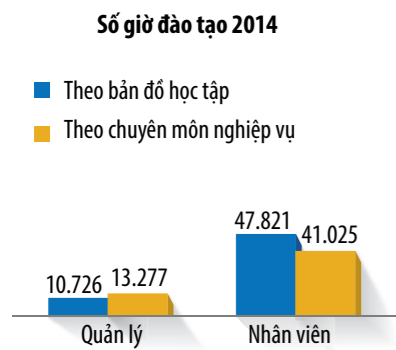
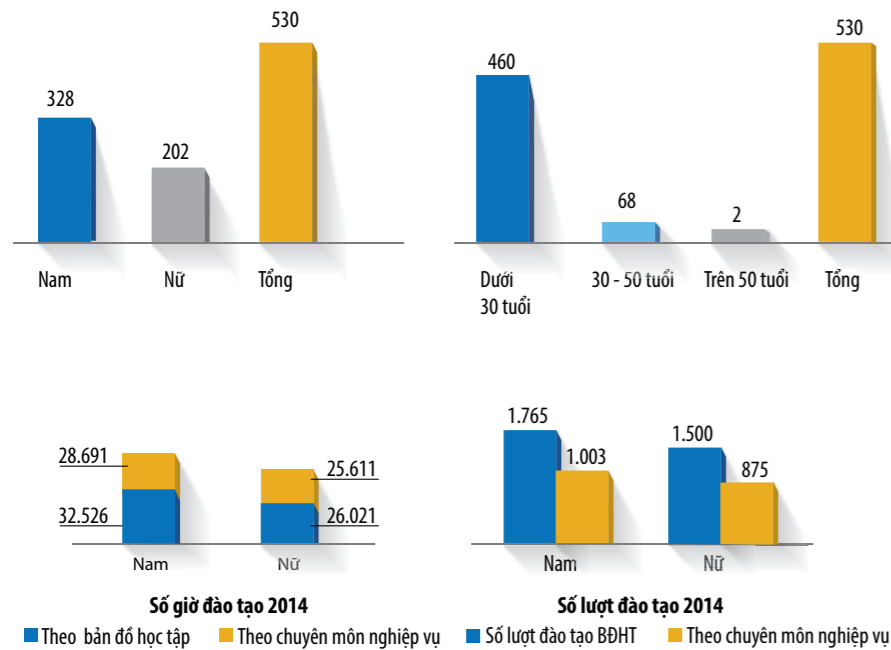
Đối xử công bằng với lao động nữ

Tại Bảo Việt, số lượng cán bộ nữ là 2.449 người, chiếm 46% lực lượng lao động. Trong đó, tỷ lệ cán bộ nữ giữ vị trí quản lý chiếm 29% và quản lý cấp cao chiếm 14%.

“Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ” của Bảo Việt luôn được duy trì thường xuyên nhằm đảm bảo sự công bằng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cũng như tạo điều kiện để các cán bộ nữ được thực sự tham gia công tác chuyên môn, quy hoạch và bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo.

Tỷ lệ lao động nữ giữ vị trí quản lý





Thu hút và bồi dưỡng nhân tài, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Năm 2014, Bảo Việt tuyển dụng mới 530 cán bộ trong đó số lượng cán bộ trẻ (dưới 30 tuổi) chiếm gần 87%.

Bảo Việt cũng chú trọng nâng cao chất lượng lao động thông qua công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và đào tạo các kỹ năng mềm theo Bản đồ học tập do Bảo Việt xây dựng riêng dành cho cán bộ theo các cấp bậc khác nhau.

Năm 2014, Bảo Việt đã dành 112.849 giờ với 5.143 lượt cán bộ tham gia đào tạo, trong đó đào tạo theo chuyên môn nghiệp vụ chiếm 48%;

Bảo Việt cũng đầu tư cho công tác đào tạo của đội ngũ đại lý/tư vấn viên bán bảo hiểm với 115.171 lượt đào tạo cho tư vấn viên bảo hiểm nhân thọ và 4.945 lượt đào tạo cho đại lý bảo hiểm phi nhân thọ đã được thực hiện trong năm 2014.

Đầu tư cho hoạt động cộng đồng

Bảo Việt chú trọng đầu tư cho công tác xóa đói giảm nghèo và đầu tư cho giáo dục, thể hệ trẻ. Năm 2014, tỷ trọng đầu tư cho 2 hoạt động này chiếm 94% tổng đầu tư của Bảo Việt tương đương với 17,6 tỷ đồng.

Ngày 09/7/2014, Bảo Việt đã phát động chương trình quyên góp “Bảo Việt: Niềm tin Việt - chung tay hướng về biển đảo quê hương” nhằm khơi dậy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, hướng về biển đảo thân yêu trong mỗi cán bộ Bảo Việt. Chương trình đã thu hút sự tham gia của hơn 300 cán bộ, đại diện cho hơn 60.000 cán bộ, tư vấn viên trên toàn hệ thống Bảo Việt bao gồm Công ty Mẹ và 6 đơn vị thành viên cùng những trái tim yêu nước khác, thu về gần 600.000.000 đồng để ủng hộ cho các hoạt động hướng về biển đảo quê hương.

Ngoài chương trình gây Quỹ, các hoạt động cộng đồng khác của Bảo Việt luôn nhận được sự ủng hộ và tham gia của đồng đảo cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống. Trong 2 năm 2013-2014, tổng số lượt cán bộ tham gia hoạt động cộng đồng của Bảo Việt là: 1.850 lượt tương ứng với 432.900 giờ lao động.

Đóng góp của cán bộ trong hoạt động cộng đồng	Năm 2013	Năm 2014
Số lượt cán bộ tham gia	1.000	850
Số giờ đóng góp	198.800	234.000

SỬ DỤNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN

Trong năm 2014, Bảo Việt đẩy mạnh các truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ đối với các tác động tới môi trường. Đồng thời áp dụng chỉ tiêu tiết giảm chi phí để hiện thực hóa các thông điệp truyền thông trong hành động của mỗi đơn vị và của từng cá nhân.

Việc sử dụng nguồn năng lượng hợp lý không chỉ giúp cho Bảo Việt giảm thiểu chi phí hoạt động, góp phần tăng lợi nhuận mà việc tăng dần các mục tiêu tiết giảm cũng giúp dần hình thành thói quen sử dụng năng lượng hợp lý của cán bộ trong môi trường làm việc và cuộc sống hàng ngày.

Nội dung	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	698	702	750
Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng	927	1.300	1.500
Tiết kiệm điện	Kw/h	27.505	35.000	38.000
Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)	1.490	2.500	2.500
Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	110.854	150.363	156.121
Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng	496	800	800

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Số lượng chi nhánh, văn phòng giao dịch	150	150	150
Tổng số lượng cán bộ nhân viên (người)	5.869	5,899	5,364
Tổng số lượng đại lý/tư vấn viên (người)	41.000	48.255	63.884
KINH TẾ			
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)	16.007	17,080	19,050
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	1.862	1.654	1.627
Tổng thuế nộp Ngân sách Nhà nước (tỷ đồng)	1.085	803	869
Chi trả cổ tức (tỷ đồng)*	817	1.020,6	680
Chi phí tiền lương cho cán bộ	850	940	1.121
ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG			
Xóa đói giảm nghèo	12,7	8,3	11,8
Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ	9,3	7,7	4,7
Tri ân các anh hùng liệt sỹ	3	4,1	1,2
Khắc phục thiên tai và hoạt động khác	1,2	1,7	1
MÔI TRƯỜNG			
Tiết kiệm nguyên, vật liệu (triệu đồng)	698	702	750
Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng (triệu đồng)	927	1.300	1.500
Tiết kiệm điện (Kw/h)	27.505	35.000	38.000
Tiết kiệm xăng, dầu (Tấn)	1.490	2.500	2.500

(*) Số liệu Công ty Mẹ

BẢNG TUÂN THỦ (TÓM TẮT)

Báo cáo này bao gồm các công bố thông tin dựa theo tiêu chuẩn Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững của GRI

GRI	Nội dung trong Báo cáo
CÁC NỘI DUNG TỔNG QUAN	
Chiến lược & phân tích	"Báo cáo trình bày các nội dung cụ thể liên quan đến tình hình tổng quan, những thách thức và cơ hội cho Bảo Việt (Bảo Việt – Đối diện thách thức, nắm bắt cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững, trang); Trên cơ sở Tầm nhìn 2050 và Action 2020 của thế giới liên quan đến xu hướng phát triển bền vững, Bảo Việt đã xây dựng định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, chú trọng đầu tư cho các hoạt động phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.
Phạm vi ranh giới Báo cáo	Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2014 và Quý I năm 2015 trong toàn hệ thống Bảo Việt. Báo cáo cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu của Bảo Việt trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Việc triển khai các hoạt động phát triển bền vững được kiểm soát theo hệ thống kiểm soát chung của Tập đoàn.
Các nội dung trọng yếu trong báo cáo	"Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt xây dựng "Ma trận các vấn đề trọng yếu" nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Các vấn đề trọng yếu trong năm 2014 được chúng tôi báo cáo bao gồm: vấn đề về quản trị doanh nghiệp; chất lượng sản phẩm dịch vụ phục vụ khách hàng; đối xử với người lao động; các đóng góp cho cộng đồng và môi trường.
Sự tham gia của các bên liên quan	Trong năm 2014, Bảo Việt đã tăng cường và chủ động xây dựng các mối quan hệ sâu và bền vững với khách hàng, cổ đông nhà đầu tư, cán bộ nhân viên... Vấn đề phát triển bền vững cũng được chúng tôi lồng ghép trong quá trình trao đổi tiếp xúc với các bên nhằm tăng cường nhận thức về vấn đề này cũng như để lắng nghe ý kiến của các bên đối với hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường.

GRI	Nội dung trong Báo cáo
Vai trò của HĐQT trong việc thiết lập mục tiêu, giá trị và chiến lược phát triển bền vững	Vấn đề phát triển bền vững được thực hiện xuyên suốt toàn Tập đoàn, từ cấp độ Hội đồng Quản trị đến Ban điều hành; các đơn vị thành viên và phòng ban chức năng của Bảo Việt. HĐQT có các vai trò: - Hoạch định mục tiêu chiến lược và định hướng phát triển bền vững - Đánh giá năng lực và cách thức triển khai liên quan đến vấn đề phát triển bền vững thông qua xây dựng chỉ tiêu đánh giá hiệu quả; Theo dõi, nắm bắt và chỉ đạo các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững; Chỉ đạo thực hiện Báo cáo phát triển bền vững Xem Quản trị Công ty hướng tới phát triển bền vững, trang
MỤC TIÊU KINH TẾ	Bảo Việt luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Bảo Việt vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.
Hiệu quả kinh tế	Bảo Việt đạt tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững và ổn định qua các năm. Trong giai đoạn 2009-2014, tốc độ tăng trưởng bình quân của doanh thu hợp nhất đạt 12,8%, của tài sản hợp nhất đạt 13,1%. Riêng năm 2014, Bảo Việt đóng góp 18,7 tỷ đồng cho hoạt động An sinh xã hội, chi trả gần 885 tỷ đồng cổ tức cho cổ đông và đóng góp 869 tỷ đồng vào Ngân sách nhà nước.
Các ảnh hưởng kinh tế gián tiếp	Thông qua việc đầu tư cơ sở hạ tầng cho đồng bào các tỉnh khó khăn, Bảo Việt muốn hỗ trợ người dân nơi đây yên tâm lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình họ. Năm 2014, Bảo Việt đã đầu tư hơn 12,8 tỷ đồng cho hoạt động xóa đói giảm nghèo, tập trung cho 2 huyện Quế Phong (Nghệ An) và Pác Nặm (Bắc Kạn); góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo cho 2 huyện từ trên 50% (năm 2009) xuống còn 28,7% (năm 2014) tại huyện Pác Nặm; tại huyện Quế Phong, tỷ lệ giảm nghèo bình quân là 4%/năm
MỤC TIÊU XÃ HỘI	Bảo Việt ưu tiên thực hiện mục tiêu đầu tư cho cộng đồng vì một cộng đồng phát triển an toàn và thịnh vượng là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính như Bảo Việt có thể tiếp tục tăng trưởng và phục vụ lâu dài..
Trách nhiệm với người lao động	Tại Bảo Việt, chúng tôi luôn coi trọng mục tiêu cá nhân và khuyến khích người lao động phấn đấu hoàn thành mục tiêu của họ, đảm bảo hài hòa với mục tiêu của tổ chức. Bảo Việt tăng cường mức độ gắn bó của cán bộ thông qua chính sách lương và phúc lợi, thăng tiến, đào tạo bồi dưỡng, môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp.
Đào tạo và giáo dục	Bảo Việt đã đào tạo được gần 7.909 lượt cán bộ, từng bước trang bị các kỹ năng và nâng cao những năng lực cơ bản và cốt lõi mang tính nền tảng cho đội ngũ cán bộ, nhân viên. Đồng thời, Bảo Việt đã cử cán bộ tham gia các chương trình Hội thảo ở nước ngoài, hướng đến mục tiêu hội nhập và tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế
Đa dạng và công bằng trong nắm bắt cơ hội; Khen thưởng công bằng không phân biệt giới tính	Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Bảo Việt tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực then chốt, xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp và thân thiện. Bảo Việt thực hiện quản lý và đánh giá người lao động theo năng suất và hiệu quả công việc, đem lại cơ hội công bằng cho tất cả các cán bộ trong quá trình làm việc, công bằng và tạo điều kiện để họ phát huy năng lực tối đa.
Trách nhiệm với xã hội	
Cộng đồng địa phương	Năm 2014, Bảo Việt đã dành gần 18,7 tỷ đồng cho các hoạt động cộng đồng. Đặc biệt, chúng tôi đẩy mạnh chuỗi chương trình "Kết nối yêu thương", gắn kết các hoạt động của các đơn vị trong hệ thống, mang thương yêu đến người dân các vùng khó khăn. Năm 2014, chúng tôi có tổng cộng 850 lượt cán bộ tham gia các dự án cộng đồng, giá trị tương đương 198.900 giờ đóng góp và khoảng 1.460.000.000 đồng.
Đánh giá hiệu quả	Hiệu quả các dự án cộng đồng được đánh giá dựa trên Bảng đánh giá hiệu quả dự án cộng đồng (Score Matrix). Bảng đánh giá để cập sâu hơn với các nội dung lượng hóa cụ thể để đánh giá rõ ràng hơn về hiệu quả của dự án đầu tư cộng đồng của Bảo Việt.
Trách nhiệm với khách hàng	
Vì sức khỏe và an toàn của khách hàng	Là doanh nghiệp bảo hiểm và tài chính, các sản phẩm Bảo Việt đem lại sự an tâm cho khách hàng trước những rủi ro trong cuộc sống, chúng tôi mong muốn chia sẻ gánh nặng trước những bất trắc liên quan đến sức khỏe, tài sản của bản thân, gia đình và doanh nghiệp.
Truyền thông tiếp thị	Khi nhận thức về các sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chính tại thị trường Việt Nam vẫn chưa cao thì việc thông tin đầy đủ tới khách hàng về sản phẩm, giúp khách hàng hiểu rõ các quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia sản phẩm là trách nhiệm bắt buộc của Bảo Việt. Một trong nguyên tắc quan trọng được quy định trong đạo đức nghề nghiệp của cán bộ bán hàng Bảo Việt đó là tư vấn đầy đủ, rõ ràng, và có trách nhiệm các nội dung trong Hợp đồng ký kết, không vì các lợi ích trước mắt mà gây ảnh hưởng đến quyền lợi cho khách hàng và doanh nghiệp.
MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG	Thực hiện theo Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh các chuỗi hoạt động Baoviet GoGreen, hướng đến một công sở xanh và góp phần xây dựng môi trường xanh thông qua các hoạt động: - Xanh hóa hoạt động kinh doanh: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên - Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững thông qua gắn kết trực tiếp cán bộ, khách hàng, đối tác trong các hành động cụ thể vì môi trường - Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy việc sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo: Hạn chế giấy văn phòng, tái sử dụng giấy;



2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TÍCH HỢP TRÊN NỀN TẢNG DI ĐỘNG



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

GIỮ VỮNG NIỀM TIN
BẰNG SỰ MINH BẠCH



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin chung

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNG TIN CHUNG

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh đã được đăng ký thay đổi 7 lần, lần thứ 7 vào ngày 02 tháng 07 năm 2014.

Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 02 tháng 07 năm 2014 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các Công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; và hoạt động kinh doanh bất động sản
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có các Công ty con sau:

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	35 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	Tầng 37 Keangnam Hà Nội Landmark Tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới và lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngõ Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	95%

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

Tập đoàn có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư xây dựng cơ bản Bảo Việt	71 Ngõ Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày lập báo cáo này, Tập đoàn có các sự kiện quan trọng sau:

- Ngày 24 tháng 04 năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức thành công Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2014 và thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm tài chính 2013 là 15% (1.500 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam tương đương với số tiền 1.020.707.151.000 đồng.
- Ngày 19 tháng 07 năm 2014, Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt ("BVF1") đã hoàn thành việc giải thể quỹ và đã chuyển trả toàn bộ phần vốn góp còn lại cho các nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ nắm giữ ban đầu theo Nghị quyết Đại hội đồng Thành viên của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt số 02.2012/BVF1-HĐTV ngày 18 tháng 10 năm 2012 và Công văn chấp thuận số 17/UBCKQLQ ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Theo lộ trình đã đặt ra trong đề án thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt ("BaovietBank") đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tập đoàn Bảo Việt sẽ giảm dần tỷ lệ sở hữu tại BaovietBank để tuân thủ theo các quy định của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010. Ngày 24 tháng 09 năm 2014, với việc BaovietBank hoàn thành việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Đợt 1 từ 3.000 tỷ đồng lên 3.150 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt đã giảm từ 52% xuống 49,52% và sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới khi BaovietBank tiếp tục tăng vốn điều lệ theo lộ trình tăng vốn. Do ảnh hưởng của việc giảm tỷ lệ sở hữu tại BaovietBank, kể từ ngày 24 tháng 09 năm 2014, báo cáo tài chính của BaovietBank đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tập đoàn Bảo Việt theo phương pháp vốn chủ sở hữu áp dụng cho công ty liên kết.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch	Ngày 23 tháng 12 năm 2014	
Ông Nguyễn Quang Phi	Thành viên	Ngày 25 tháng 06 năm 2014	
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	Ngày 04 tháng 10 năm 2007	
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên	Ngày 23 tháng 09 năm 2009	
Ông Yukihira Yoshiharu	Thành viên	Ngày 24 tháng 04 năm 2013	
Ông Kono Shinzo	Thành viên	Ngày 24 tháng 04 năm 2013	
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên	Ngày 23 tháng 12 năm 2014	
Ông Phan Kim Bằng	Thành viên	Ngày 23 tháng 12 năm 2014	

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Thân Hiền Anh	Thành viên	Ngày 23 tháng 12 năm 2014	
Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch	Ngày 04 tháng 10 năm 2007	Ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch	Ngày 29 tháng 11 năm 2012	Ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Trần Trọng Phúc	Thành viên	Ngày 04 tháng 10 năm 2007	Ngày 31 tháng 03 năm 2014
Ông Dương Đức Chuyển	Thành viên	Ngày 19 tháng 04 năm 2011	Ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Lê Hải Phong	Thành viên	Ngày 29 tháng 11 năm 2011	Ngày 23 tháng 12 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên	Ngày 25 tháng 12 năm 2014 Ngày 04 tháng 10 năm 2007	
Ông Phan Kim Bằng	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngày 29 tháng 11 năm 2012	Ngày 22 tháng 12 năm 2014
Ông Đặng Thái Quý	Thành viên	Ngày 29 tháng 11 năm 2012	
Ông Ông Tiến Hùng	Thành viên	Ngày 29 tháng 11 năm 2012	
Ông Yagi Nobuyuki	Thành viên	Ngày 24 tháng 04 năm 2013	

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Phi	Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 06 năm 2014	
Ông Dương Đức Chuyển	Tổng Giám đốc Giám đốc Đầu tư	Ngày 31 tháng 03 năm 2014 Ngày 22 tháng 04 năm 2010	Ngày 25 tháng 06 năm 2014 Ngày 25 tháng 12 năm 2014
Ông Trần Trọng Phúc	Tổng Giám đốc	Ngày 24 tháng 04 năm 2013	Ngày 31 tháng 03 năm 2014
Ông Đậu Minh Lâm	Giám đốc Đầu tư	Ngày 25 tháng 12 năm 2014	
Ông Lê Hải Phong	Giám đốc Tài chính	Ngày 30 tháng 06 năm 2008	Ngày 25 tháng 12 năm 2014
Ông Phan Tiến Nguyên	Giám đốc Nguồn Nhân lực	Ngày 30 tháng 06 năm 2008	
Ông Hoàng Việt Hà	Giám đốc Hoạt động	Ngày 26 tháng 09 năm 2011	Ngày 25 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Giám đốc Bất động sản	Ngày 11 tháng 07 năm 2012	
Bà Thân Hiền Anh	Giám đốc Chiến lược và Quản lý rủi ro	Ngày 26 tháng 08 năm 2014	Ngày 06 tháng 02 năm 2015

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Phi, chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Tập đoàn (“Ban Điều hành”) chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông Đào Đình Thi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2015



Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 4 3831 5100
Fax: +84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60780870/17122728-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Tập đoàn Bảo Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2015 và được trình bày từ trang 273 đến trang 365, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1

Lê Đức Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 1672-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại (**))
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		20.408.869.016.006	23.581.548.684.869
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.424.818.218.079	7.318.047.598.296
111	1. Tiền		888.582.238.243	836.894.089.325
112	2. Các khoản tương đương tiền		536.235.979.836	6.481.153.508.971
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	14.1	13.518.031.045.507	10.995.898.404.043
121	1. Đầu tư ngắn hạn		15.010.454.563.443	12.514.663.014.621
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.492.423.517.936)	(1.518.764.610.578)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	3.678.082.466.500	3.685.469.879.317
131	1. Phải thu về hoạt động bảo hiểm		1.024.350.822.043	1.111.497.827.645
132	2. Trả trước cho người bán		38.232.919.846	88.996.179.443
133	3. Tạm ứng		40.094.558.276	41.980.266.141
137	4. Phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính		2.579.403.322.877	2.494.816.116.126
138	5. Các khoản phải thu khác		237.648.214.856	129.887.859.063
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(241.647.371.398)	(181.708.369.101)
140	IV. Hàng tồn kho	7	175.834.608.041	162.995.465.855
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		439.410.855.488	134.752.672.700
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	355.830.387.676	68.513.237.801
151.1	1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	8.1	294.424.717.991	-
151.2	1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.2	61.405.669.685	68.513.237.801
155	2. Tài sản thiếu chờ xử lý		212.964.968	147.390.507
152	3. Thuế GTGT được khấu trừ		292.081.594	751.544.721
156	4. Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn		32.000.000	30.000.000
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	83.043.421.250	65.310.499.671
190	VI. Tài sản tái bảo hiểm (*)		1.172.691.822.391	1.284.384.664.658
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	22.1	551.077.133.757	693.775.574.975
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	22.2	621.614.688.634	590.609.089.683
160	B. CHO VAY KHÁCH HÀNG (**)		-	7.886.252.689.174
161	1. Cho vay khách hàng		-	7.985.891.545.791
169	2. Dự phòng rủi ro tín dụng		-	(99.638.856.617)

(*) Số liệu so sánh đầu năm tương ứng đã được phân loại và điều chỉnh lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính năm nay theo Thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

(**) Do ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại BaoViet Bank trong năm 2014, các khoản mục tài sản và nguồn vốn của BaoViet Bank không còn được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại (*))
200	C. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.159.596.525.966	24.197.199.460.622
220	I. Tài sản cố định		1.920.882.590.331	1.948.142.084.366
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	828.237.324.885	906.048.201.009
222	Nguyên giá		1.675.503.708.489	1.689.832.873.731
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(847.266.383.604)	(783.784.672.722)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	785.143.844.467	755.237.331.779
228	Nguyên giá		1.002.787.585.824	992.696.305.284
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(217.643.741.357)	(237.458.973.505)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	307.501.420.979	286.856.551.578
240	II. Bất động sản đầu tư	13	23.448.947.000	23.448.947.000
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14.2	25.090.572.182.729	22.115.641.028.608
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát		2.131.508.558.580	368.451.544.686
258	2. Đầu tư dài hạn khác		23.003.684.478.040	21.794.588.483.922
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(44.620.853.891)	(47.399.000.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		124.692.805.906	109.967.400.648
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	42.072.590.174	62.857.060.931
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18.2	21.056.965.443	10.751.442.075
267	3. Tài sản ký quỹ dài hạn		38.315.757.679	28.902.340.251
268	4. Tài sản dài hạn khác		23.247.492.610	7.456.557.391
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		47.568.465.541.972	55.665.000.834.665

(*) Số liệu so sánh đầu năm tương ứng đã được phân loại và điều chỉnh lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính năm nay theo Thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại (*))
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		34.751.644.468.959	41.449.532.122.871
310	I. Nợ ngắn hạn		6.079.889.996.571	5.656.589.949.016
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	3.517.524.546	265.151.573.583
312	2. Phải trả thương mại	17.1	4.747.075.045.036	4.428.574.733.900
313	3. Người mua trả tiền trước	17.2	10.223.801.033	3.632.865.493
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	90.998.179.270	134.655.736.018
315	5. Phải trả người lao động		465.165.061.497	320.061.539.134
316	6. Chi phí phải trả		47.777.057.235	25.050.208.098
317	7. Doanh thu chưa thực hiện		63.016.058.656	57.765.890.568
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	19	434.663.782.012	317.366.391.693
319.1	9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	20	88.354.037.365	-
323	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	129.099.449.921	104.331.010.529
320	II. Tiền gửi của khách hàng (**)		-	11.551.571.033.756
321	1. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng		-	4.517.816.221.382
322	2. Tiền gửi của khách hàng		-	7.033.754.812.374
330	III. Nợ dài hạn		60.748.933.283	49.051.501.927
333	1. Kỳ quỹ, ký cược dài hạn		60.748.933.283	48.257.468.453
335	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18.2	-	794.033.474
340	IV. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	22	28.611.005.539.105	24.192.319.638.172
341	1. Dự phòng phí chưa được hưởng (*)		3.052.932.046.850	3.010.220.306.049
342	2. Dự phòng toán học		22.751.838.888.341	18.673.827.677.728
343	3. Dự phòng bồi thường		1.354.340.693.437	1.229.492.036.892
344	4. Dự phòng dao động lớn		103.589.577.559	5.668.068.505
345	5. Dự phòng chia lãi		1.298.094.354.302	1.230.452.168.754
346	6. Dự phòng đảm bảo cân đối		50.209.978.616	42.659.380.244
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.243.492.774.486	12.125.472.235.060
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	12.243.492.774.486	12.125.472.235.060
411	1. Vốn chủ sở hữu		6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
415	3. Quỹ chênh lệch tỷ giá		16.075.608.000	16.075.608.000
416	4. Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm		246.015.752.941	204.006.060.361
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		10.532.317.597	23.128.503.219
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		11.180.185.968	35.756.438.161
419	7. Quỹ khác		103.568.802.818	103.568.802.818
420	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.867.073.385.965	1.753.890.101.304
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	24	573.328.298.527	2.089.996.476.734
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		47.568.465.541.972	55.665.000.834.665

(*) Số liệu so sánh đầu năm tương ứng đã được phân loại và điều chỉnh lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính năm nay theo Thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

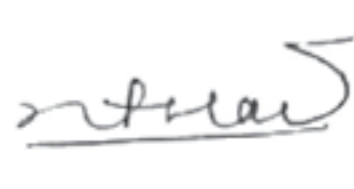
(**) Do ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại BaoViet Bank trong năm 2014, các khoản mục tài sản và nguồn vốn của BaoViet Bank không còn được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm (VNĐ)	376.382.411.665	352.068.456.420
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	6.269.014.133	5.455.412.081
3. Ngoại tệ (USD)	1.888.204	2.701.376
4. Chứng khoán lưu ký (VNĐ)	18.372.529.824.985	16.546.388.370.000
5. Chứng khoán chưa lưu ký (VNĐ)	2.032.524.010.000	2.733.484.330.000
6. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (VNĐ)	9.494.077.757	6.673.212
7. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (VNĐ)	38.192.477.002	17.916.407.002
8. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác (VNĐ)	3.037.987.853	3.021.304.520


Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốcHà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2015**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại (*))
01	Doanh thu phí bảo hiểm (01=02+03+04)	25	13.908.570.112.354	11.937.604.871.653
02	Phí bảo hiểm gốc	25.1	13.613.450.590.452	11.908.378.734.983
03	Phí nhận tái bảo hiểm	25.2	337.831.262.703	329.868.031.467
04	(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(42.711.740.801)	(300.641.894.797)
05	Phí nhượng tái bảo hiểm (05=06+07)		(1.244.455.862.694)	(1.280.406.696.661)
06	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	26	(1.101.757.421.476)	(1.308.653.689.794)
07	Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		(142.698.441.218)	28.246.993.133
08	Doanh thu phí bảo hiểm thuần (08 = 01 + 05)		12.664.114.249.660	10.657.198.174.992
09	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (09=10+11)		118.491.032.024	238.402.263.235
10	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		103.710.467.297	229.353.990.840
11	Thu nhập khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (11 = 12 + 13 + 14)		14.780.564.727	9.048.272.395
12	Thu khác nhận tái bảo hiểm		2.253.353.476	3.103.652.066
13	Thu khác nhượng tái bảo hiểm		629.605.515	1.530.344.400
14	Thu hoạt động khác		11.897.605.736	4.414.275.929
15	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (15 = 08 + 09)		12.782.605.281.684	10.895.600.438.227
16	Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	27.1	(5.857.997.058.548)	(5.883.774.672.138)
17	Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	27.2	(191.531.688.856)	(433.296.203.260)
18	Các khoản giảm trừ chi phí (18=19+20)		3.753.347.011	13.680.194.674
19	Thu đòi người thứ ba		2.352.658.590	10.079.533.624
20	Thu xử lý hàng bồi thường 100%		1.400.688.421	3.600.661.050
21	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	27.3	590.688.073.583	1.107.727.646.001
22	(Tăng)/giảm dự phòng toán học		(4.078.011.210.613)	(2.529.270.317.981)
23	(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(124.848.656.545)	328.606.878.182
24	Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		31.005.598.951	(402.294.877.625)
25	Tổng chi bồi thường bảo hiểm (25 = 16 + 17 + 18 + 21 + 22 + 23 + 24)		(9.626.941.595.017)	(7.798.621.352.147)
26	Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn		-	228.000.000.000

(*) Số liệu so sánh đầu năm tương ứng đã được phân loại và điều chỉnh lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính năm nay theo Thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại (**))
27	Trích dự phòng dao động lớn		(97.921.509.054)	(92.940.765.694)
28	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (28=29+35+36)		(2.825.099.283.182)	(2.772.348.333.334)
29	Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc (29 = 30 + 31 + 32 + 33 + 34)		(2.806.420.005.492)	(2.767.181.763.765)
30	Chi hoa hồng	8.1	(1.180.412.549.080)	(1.323.139.523.629)
31	Chi để phòng hạn chế tổn thất		(75.881.635.697)	(78.352.943.499)
32	Chi giám định, chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm, chi khác		(168.267.739.689)	(78.492.404.427)
33	Chi phí bán hàng		(512.755.070.237)	(372.533.232.026)
34	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41.8	(869.103.010.789)	(914.663.660.184)
35	Chi nhận tái bảo hiểm khác		(4.091.689.038)	(2.482.893.622)
36	Chi nhượng tái bảo hiểm khác		(14.587.588.652)	(2.683.675.947)
37	Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (37 = 25 + 26 + 27 + 28)		(12.549.962.387.253)	(10.435.910.451.175)
38	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (38 = 15 + 37)		232.642.894.431	459.689.987.052
39.1	Thu nhập từ hoạt động ngân hàng (**)		756.312.526.915	1.213.034.837.755
39.2	Chi phí của hoạt động ngân hàng (**)		(556.841.581.888)	(699.633.866.134)
39	Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng (**)	28	199.470.945.027	513.400.971.621
40.1	Doanh thu hoạt động khác		381.022.877.626	214.777.973.512
40.2	Chi phí hoạt động khác		(313.054.604.311)	(202.191.253.806)
40	Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	29	67.968.273.315	12.586.719.706
41	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(1.887.130.943.926)	(1.766.491.036.169)
41.1	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		(1.473.465.751.814)	(1.216.430.899.431)
41.2	Chi phí quản lý liên quan trực tiếp đến hoạt động ngân hàng (**)		(120.204.588.097)	(253.450.157.503)
41.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		(293.460.604.015)	(296.609.979.235)
42.1	Lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (42.1 = 38 + 41.1)		(1.240.822.857.383)	(756.740.912.379)
	Trong đó:			
	- Lỗ thuần từ hoạt động bảo hiểm nhân thọ		(1.257.924.310.120)	(832.065.837.088)
	- Lãi thuần từ hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ		17.101.452.737	75.324.924.709

(*) Số liệu so sánh đầu năm tương ứng đã được phân loại và điều chỉnh lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính năm nay theo Thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

(**) Trong năm 2014, do ảnh hưởng của thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại BVB, kết quả kinh doanh của BVB được hợp nhất theo từng khoản mục cho giai đoạn trước khi thay đổi tỷ lệ sở hữu. Cho giai đoạn sau khi thay đổi tỷ lệ sở hữu, BVB được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu áp dụng cho công ty liên kết.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
42.2	Lợi nhuận thuần hoạt động ngân hàng (42.2 = 39 + 41.2) (**)		79.266.356.930	259.950.814.118
42.3	Lỗ thuần từ các hoạt động khác (42.3 = 40 + 41.3)		(225.492.330.700)	(284.023.259.529)
43	Doanh thu hoạt động tài chính	31.1	3.679.557.715.587	3.129.407.493.920
44	Chi phí hoạt động tài chính	31.2	(823.337.077.107)	(734.501.891.093)
45	Lợi nhuận hoạt động tài chính (45 = 43 + 44)		2.856.220.638.480	2.394.905.602.827
46	Thu nhập hoạt động khác		15.348.571.228	14.343.064.061
47	Chi phí hoạt động khác		(5.475.388.777)	(5.926.302.074)
48	Lợi nhuận từ hoạt động khác (48 = 46+47)	32	9.873.182.451	8.416.761.987
49	Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát (**)		148.260.435.519	31.557.789.847
50	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (50 = 42.1+42.2+42.3+45+48+49)		1.627.305.425.297	1.654.066.796.871
51	Dự phòng bảo đảm cân đối		(7.550.598.372)	(7.031.133.756)
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.1	(299.585.828.339)	(385.445.670.590)
53	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	18.2	11.099.556.842	(27.615.548.015)
54	LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (54 = 50 + 51 + 52 + 53)		1.331.268.555.428	1.233.974.444.510
55	Phân chia lợi ích cổ đông thiểu số		72.711.673.813	96.443.745.088
56	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CHỦ SỞ HỮU TẬP ĐOÀN (56 = 54 - 55)		1.258.556.881.615	1.137.530.699.422
57	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	1.850	1.672

(**) Trong năm 2014, do ảnh hưởng của thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại BVB, kết quả kinh doanh của BVB được hợp nhất theo từng khoản mục cho giai đoạn trước khi thay đổi tỷ lệ sở hữu. Cho giai đoạn sau khi thay đổi tỷ lệ sở hữu, BVB được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu áp dụng cho công ty liên kết.

Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu phí bảo hiểm và thu lãi		14.689.967.839.777	11.854.672.626.869
02	2. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ		(9.993.747.601.888)	(8.517.277.203.934)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.230.833.323.160)	(1.153.866.184.663)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(540.675.477)	(1.602.304.145)
05	5. Tiền đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(359.348.577.046)	(345.166.145.838)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		20.144.187.493.214	2.233.909.172.785
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.029.143.979.389)	(2.513.713.720.257)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.220.541.176.031	1.556.956.240.817
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(112.563.644.344)	(76.760.319.326)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		4.212.495.450	2.770.185.088
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(18.312.427.024.359)	(11.968.982.554.833)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác		14.131.798.756.079	14.315.909.713.046
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(74.237.901.515)	(879.172.180.950)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		313.897.951.355	992.284.832.781
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		664.286.552.445	411.742.414.400
29	8. Giảm do thay đổi phương pháp hợp nhất Baoviet Bank		(7.670.212.570.700)	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(11.055.245.385.589)	2.797.792.090.206

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	1. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(39.013.395.859)	(35.763.844.591)
33	2. Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn		509.179.625.306	52.043.573.583
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(508.515.674.343)	(74.650.225.393)
36	4. Tiền chi trả cổ tức		(1.019.959.934.400)	(1.056.846.370.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.058.309.379.296)	(1.115.216.866.751)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.893.013.588.854)	3.239.531.464.272
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	5	7.318.047.598.296	4.077.977.824.233
61	Ảnh hưởng của biến động tỷ giá		(215.791.363)	538.309.791
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	1.424.818.218.079	7.318.047.598.296

Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán

Ông Nguyễn Mạnh Hải
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốcHà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh được đăng ký thay đổi 7 lần, lần 7 vào ngày 02 tháng 07 năm 2014.

Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần 7 ngày 02 tháng 07 năm 2014 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các Công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; và hoạt động kinh doanh bất động sản
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Cổ đồng sáng lập:	Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Quang Phi Chức danh: Tổng Giám đốc

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Cổ đồng	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Bộ Tài chính	482.509.800	70,91
Sumitomo Life	122.509.091	18,00
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	22.154.400	3,26
Các cổ đồng khác	53.298.143	7,83
Tổng cộng	680.471.434	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Chi tiết của các Công ty con, các đơn vị hạch toán phụ thuộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày dưới đây:

Các công ty con

Các công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	35 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	Tầng 37 Keangnam Hà Nội Landmark Tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn và lưu ký chứng khoán	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVIInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	95%

- Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập ngày 21 tháng 06 năm 2004 theo Quyết định số 1296/QĐ/BTC của Bộ Tài chính và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp cùng ngày. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 45GP/KDBH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt là 2.000 tỷ VNĐ.
- Bảo Việt Nhân thọ được thành lập ngày 04 tháng 12 năm 2003 theo Quyết định số 3668/QĐ/BTC của Bộ Tài chính. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ dưới hình thức chuyển đổi từ Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 46/GP/KDBH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Bảo hiểm Nhân thọ là 2.000 tỷ VNĐ.
- BVF được thành lập vào ngày 22 tháng 08 năm 2005 theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HDQT-BV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Kinh doanh số 0104000256 ban hành ngày 22 tháng 08 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và giấy phép điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của BVF là 50.000.000.000 VNĐ.
- BVSC được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mức vốn điều lệ là 43.000.000.000 đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của BVSC là 722.339.370.000 VNĐ.
- Bảo Việt - Âu Lạc được thành lập vào ngày 18 tháng 02 năm 2009 theo Quyết định số 2300373648 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Bảo Việt - Âu Lạc là 60.660.000.000 VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con (tiếp theo)

- BVInvest được thành lập vào ngày 09 tháng 01 năm 2009 theo Giấy phép Kinh doanh số 0103034168 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của BVInvest là 200 tỷ VNĐ.

Trong đó, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVInvest như sau:

	Số vốn góp cam kết VNĐ	% trên vốn điều lệ	Số vốn đã góp VNĐ
Đầu tư trực tiếp của Công ty Mẹ	165.000.000.000	55	110.000.000.000
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con	120.000.000.000	40	80.000.000.000
- Bảo Việt Nhân thọ	60.000.000.000	20	40.000.000.000
- Bảo hiểm Bảo Việt	60.000.000.000	20	40.000.000.000
	285.000.000.000	95	190.000.000.000

Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Baoviet Bank)

Baoviet Bank được thành lập vào ngày 11 tháng 12 năm 2008 theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 328/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103126572 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 12 năm 2012. Trong năm 2014, BaovietBank đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Đợt 1 từ 3.000 tỷ đồng lên 3.150 tỷ đồng. Do ảnh hưởng của việc giảm tỷ lệ sở hữu tại BaovietBank, kể từ ngày 24 tháng 09 năm 2014, Bảo Việt Bank không còn là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt, do vậy báo cáo tài chính của BaovietBank đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tập đoàn Bảo Việt theo phương pháp vốn chủ sở hữu áp dụng cho công ty liên kết.

Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt ("BVF1")

BVF1 được thành lập tại Việt Nam ngày 19 tháng 07 năm 2006 dưới hình thức quỹ đóng theo giấy phép số 05/UBCK-TLQTV do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Thời gian hoạt động ban đầu của Quỹ là 5 năm kể từ ngày được cấp giấy phép và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép gia hạn thời gian hoạt động của Quỹ đến ngày 19 tháng 07 năm 2014.

Quỹ có Vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 50.000.000 (năm mươi triệu) đơn vị quỹ cho cổ đông với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ và được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng Việt Nam theo công văn số 98/TB-UBCK ngày 04 tháng 03 năm 2008 của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp tương đương với 100.000.000 (một trăm triệu) đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ.

Quỹ được quản lý bởi BVF là Công ty con của Tập đoàn. Ngân hàng giám sát của Quỹ BVF1 là Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Thành viên của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt số 02.2012/BVF1-HDTV ngày 18 tháng 10 năm 2012 và Công văn chấp thuận số 17/UBCKQLQ ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Quỹ BVF1 bắt đầu tiến hành giải thể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, thời gian thực hiện giải thể Quỹ là từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 19 tháng 07 năm 2014.

Ngày 19 tháng 07 năm 2014, BVF1 đã hoàn thành việc giải thể và đã chuyển trả toàn bộ phần vốn góp còn lại cho các nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ nắm giữ ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Cơ bản Bảo Việt	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Mẹ Tập đoàn và các Công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Mẹ Tập đoàn là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính và lập báo cáo tài chính theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp. Tuy nhiên, do Công ty Mẹ Tập đoàn và các Công ty con có các hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và có tham khảo đến các nội dung hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ban hành kèm theo Quyết định số 1296 TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ Tài chính và Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm và Thông tư số 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012 - Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

2.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ Tập đoàn, các công ty con và BVF1 (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty Mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty Mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty Mẹ Tập đoàn có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Tập đoàn thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”).

2.5 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Ngoài ra, Tập đoàn còn lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng quý

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.6.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Thay đổi trong chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2013, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến một số nghiệp vụ thuộc lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ như sau:

Thông tư số 232/2012/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC hướng dẫn về kế toán đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (“Thông tư 232”). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thay thế các nội dung hướng dẫn kế toán của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ban hành theo Quyết định 1296/TC/QĐ/CDKT ngày 31 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296/TC/QĐ/CDKT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Thay đổi trong chính sách kế toán (tiếp theo)

Thông tư số 232/2012/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (tiếp theo)

Theo quy định trong Thông tư 232/2012/TT-BTC, nguyên tắc, phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ có thay đổi trọng yếu như sau:

(i) Hoa hồng bảo hiểm

- Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ phải theo dõi chi tiết các khoản doanh thu, chi phí hoa hồng bảo hiểm thực tế đã phát sinh chưa phân bổ trong kỳ cho từng loại hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, nhận và nhượng tái bảo hiểm. Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải xác định khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu hoặc chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm và chi phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.
- Khoản chi phí hoa hồng bảo hiểm phải trả thực tế đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí kinh doanh bảo hiểm của kỳ phát sinh được theo dõi trên tiểu mục “Chi phí hoa hồng chưa phân bổ” trong khoản mục “Chi phí trả trước ngắn hạn”. Khoản doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm thực tế đã phát sinh nhưng chưa được ghi nhận vào doanh thu của kỳ phát sinh được theo dõi trên khoản mục “Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng”. Đồng thời phải thuyết minh cơ sở và định lượng của số trích lập bổ sung hoặc hoàn nhập các khoản dự phòng này nếu xác định được.
- Những thay đổi liên quan đến việc ghi nhận doanh thu/chi phí hoa hồng chưa được hưởng/chưa phân bổ được áp dụng trên cơ sở phi hồi tố từ năm 2014. Chi tiết ảnh hưởng của việc thay đổi này được trình bày ở Thuyết minh số 8 và số 20.

(ii) Dự phòng nghiệp vụ

- Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iii) Ghi nhận chi phí kinh doanh bảo hiểm

- Chi phí kinh doanh bảo hiểm bao gồm toàn bộ các chi phí thực tế liên quan đến việc thực hiện các hoạt động kinh doanh bảo hiểm như chi thiết kế, xây dựng, giới thiệu sản phẩm bảo hiểm, chi giám định tổn thất, điều tra, thu thập thông tin liên quan đến sự kiện bảo hiểm, chi bồi thường, trích lập dự phòng, chi xử lý hàng tổn thất đã được giải quyết bồi thường 100%, chi đòi người thứ ba bồi hoàn, chi đánh giá, giám định rủi ro đối tượng bảo hiểm, chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác bảo hiểm (như hoa hồng bảo hiểm, chi phí liên quan hoạt động bán bảo hiểm, chi quản lý đại lý bảo hiểm, chi tuyển dụng, đào tạo, chi khen thưởng cho đại lý bảo hiểm,...) và các khoản chi khác như chi nộp quỹ bảo vệ người được bảo hiểm, chi nộp các quỹ khác theo quy định của chế độ tài chính.
- Khi phát sinh những chi phí quản lý chung không xác định được cụ thể, rõ ràng cho hoạt động khai thác bảo hiểm và quản lý doanh nghiệp thì kế toán doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ phản ánh vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ. Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ phải tiến hành tính toán, phân bổ phần chi phí quản lý chung theo tiêu thức phù hợp và đảm bảo nhất quán. Thực hiện thuyết minh tiêu thức phân bổ các khoản chi phí này trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

(iv) Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả hoa hồng tái bảo hiểm

- Khi doanh nghiệp phát sinh các giao dịch tái bảo hiểm, các khoản phải thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm sẽ được hạch toán đối trừ với các khoản phải trả về phí nhượng tái; các khoản phải trả về hoa hồng nhận tái bảo hiểm được đối trừ với và phải thu về phí nhận tái bảo hiểm trên bảng cân đối tài khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Thay đổi trong chính sách kế toán (tiếp theo)

Ngoài ra, do sự thay đổi về việc trình bày các khoản mục trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, Tập đoàn cũng đã điều chỉnh, trình bày lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính kỳ trước để phù hợp với quy định tại Thông tư 232. Số dư và biến động dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường được trình bày riêng rẽ giữa nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chi tiết về những thay đổi được trình bày ở Thuyết minh số 41.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Tập đoàn chủ yếu bao gồm đất đai, chi phí phát triển đất, nhà ở và căn hộ liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng của BVIInvest và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần thể hiện giá bán ước tính trừ các chi phí dự tính để có thể hoàn thành, chi phí marketing và chi phí bán hàng ước tính sau khi đã lập dự phòng (nếu có).

BVIInvest áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Đối với hàng tồn kho là đất đai, chi phí phát triển đất, nhà ở và căn hộ, giá trị hàng tồn kho được xác định như sau:

- Quyền sử dụng đất, phí sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng, các chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp tới các hoạt động phát triển nhà đất;
- Các chi phí liên quan tới việc xây dựng khu căn hộ và nhà ở.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của BVIInvest dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty Mẹ Tập đoàn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 08 năm
Trang thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 năm
Phần mềm tin học	03 - 05 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn hạn theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Nhà cửa	06 - 50 năm
Tài sản khác	05 - 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể mà không phải dưới hình thức công ty con hay đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Khoản cổ tức/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết phải được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Tập đoàn thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Danh sách các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 14.2.1

4.11 Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu bao gồm việc ghi nhận phần sở hữu Tập đoàn trong lãi hoặc lỗ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trên tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của quỹ dự trữ sau khi mua được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức được nhận từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được căn trừ vào khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

4.12 Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc tại ngày giao dịch và sau đó luôn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng (nếu có).

- Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản cho vay, cho vay ủy thác, tiền gửi ngân hàng và các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao khác có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời hạn gốc trên 03 tháng và thời gian đáo hạn dưới một năm.
- Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản cho vay, cho vay ủy thác, tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng có thời gian đầu tư dự kiến trên một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư số 228/2009/TT-BTC (“Thông tư 89”), Thông tư số 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (“Thông tư 146”) và các quy định khác có liên quan. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại ngày lập báo cáo tài chính	x	Giá chứng khoán hạch toán trên sổ sách	-	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính
--	---	---	---	--	---	--

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và chứng khoán đăng ký giao dịch tại UpCom, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.
Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên hoặc các chứng khoán OTC đã được lập dự phòng năm trước nhưng năm nay không thu thập đủ 03 báo giá, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, do Vinashin đang gặp khó khăn về tình hình tài chính và căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi của các trái phiếu này, Tập đoàn đã dừng dự thu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và trích lập dự phòng 100% đối với các khoản lãi trái phiếu đã dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đối với các khoản đầu tư tiền gửi tại Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu thủy Vinashin (VFC) và Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn II (ALCII), cũng do đánh giá tình hình thực tế tại ALCII và VFC, Tập đoàn đã trích lập dự phòng 100% đối với phần lãi dự thu trong hạn theo hợp đồng và đồng thời dừng ghi nhận và trích lập dự phòng đối với phần lãi phạt quá hạn.

Đầu tư góp vốn vào các tổ chức kinh tế

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật và các khoản đầu tư dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89.

Mức trích cho mỗi khoản đầu tư tài chính không vượt quá số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được nêu trong Thông tư 89 như sau:

Mức trích dự phòng cho mỗi khoản đầu tư tài chính	=	Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế	-	Vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế	x	$\frac{\text{Số vốn đầu tư của Tập đoàn}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$
---	---	--	---	--	---	---

Căn cứ để lập dự phòng là khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Tạm ứng từ giá trị giải ước

Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị giải ước có quyền được yêu cầu tạm ứng từ giá trị giải ước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị giải ước và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Tạm ứng từ giá trị giải ước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc và được trình bày trong mục “Các khoản đầu tư tài chính dài hạn” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Bảo Việt Nhân Thọ thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng tạm ứng này được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất trong kỳ.

4.14 Chứng khoán mua lại và bán lại theo hợp đồng có kỳ hạn (“hợp đồng repo”)

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào chi phí trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được phân bổ vào doanh thu trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại theo phương pháp đường thẳng.

4.15 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.16 Lợi ích nhân viên

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí cho các nhân viên của Tập đoàn sau khi nghỉ hưu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi trả. Theo quy định, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, hàng tháng Tập đoàn sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo mức 18% trên mức lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

- Trợ cấp thôi việc tự nguyện:** theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán;
- Trợ cấp mất việc:** theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Lợi ích nhân viên (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc (tiếp theo)

Theo Quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Tập đoàn không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, theo quy định mới của Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện việc thu, chi, quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.17 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư số 125/2012/TT-BTC (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 07 năm 2012. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tập đoàn bao gồm:

Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ	Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ
Dự phòng toán học	Dự phòng phí chưa được hưởng
Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường
Dự phòng bồi thường	Dự phòng dao động lớn
Dự phòng chia lãi	
Dự phòng đảm bảo cân đối	

Chi tiết về các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ được trình bày dưới đây:

4.17.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ

- Dự phòng toán học* là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho các đơn bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính. Dự phòng toán học cho những sản phẩm của bảo hiểm liên kết chung được Bảo Việt Nhân thọ tính toán theo các quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 96/2007/QĐ-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 và theo Thông tư 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 và theo các nguyên tắc và công thức tính toán được chấp nhận rộng rãi trên toàn thế giới. Phương pháp và cơ sở để xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đối với sản phẩm liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt.
- Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng* là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.17.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ (tiếp theo)

- Dự phòng bồi thường* bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo.
 - Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết: được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
 - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống.
- Dự phòng chia lãi* là khoản dự phòng cho phần lãi tích lũy chưa trả đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi. Dự phòng chia lãi được tính trên phần chênh lệch giữa tỷ lệ lãi suất đầu tư thực hiện đã thông báo cho các hợp đồng được chia lãi và lãi suất kỹ thuật của hợp đồng đó.
- Dự phòng đảm bảo cân đối* được trích lập bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Bảo Việt Nhân thọ.

4.17.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 25% trên tổng phí.
- Đối với các loại hình bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của doanh nghiệp bảo hiểm phân bố đều giữa các tháng trong quý, hay nói một cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng	=	Phí bảo hiểm	x	Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng
Dự phòng phí chưa được hưởng	=	$\frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm}}$		

- Các khoản dự phòng phí chưa được hưởng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.17.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm: dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) xác định theo quy định tại Thông tư 125/2012/TT-BTC, theo đó:

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại của năm tài chính	=	Tổng số tiền BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT của 3 năm TC trước liên tiếp	x	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	x	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm TC hiện tại	x	Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC hiện tại
		Tổng số tiền BT phát sinh của 3 năm TC trước liên tiếp		Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC trước		Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC trước		

- Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

- Dự phòng dao động lớn được trích mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại và dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ của Ban Tổng Giám đốc Bảo hiểm Bảo Việt. Bảo hiểm Bảo Việt sử dụng dự phòng dao động lớn để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất lớn xảy ra mà tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phần trách nhiệm giữ lại Bảo hiểm Bảo Việt.

4.17.3 Quy định về trích lập dự phòng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam – Chuẩn mực về hợp đồng bảo hiểm (VAS 19)

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại ngày kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 03 năm 2007 về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn và Bảo Việt Nhân thọ trích lập dự phòng đảm bảo cân đối trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Tỷ lệ trích lập dự phòng dao động lớn của Bảo hiểm Bảo Việt hiện tại là 2% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm theo Thông tư 125 và tỷ lệ trích lập dự phòng đảm bảo cân đối của Bảo Việt Nhân thọ là 1% lợi nhuận trước thuế hàng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Quỹ dự trữ bắt buộc

Các quỹ dự trữ bắt buộc dưới đây được trích lập phù hợp với các quy định hiện hành mà Tập đoàn và các Công ty con đang hoạt động trong từng lĩnh vực cụ thể:

Hoạt động bảo hiểm

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế mỗi kỳ kế toán và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 03 năm 2007. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt đã trích 5% lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự trữ bảo hiểm bắt buộc.

Hoạt động chứng khoán, quản lý quỹ

BVSC và BVF là Công ty con của Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và quản lý quỹ sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

4.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với Thông tư 125. Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi bên mua bảo hiểm đã chấp nhận và đóng phí bảo hiểm. Phí bảo hiểm đóng một lần được ghi nhận là doanh thu kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến thời điểm hiệu lực tại ngày cuối niên độ kế toán được ghi nhận ở phần "Người mua trả tiền trước" và được thể hiện ở mục "Các khoản phải trả, phải nộp khác" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tổng phí thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận là doanh thu. Giá trị quỹ liên kết chung được các Chuyên gia định phí của Bảo Việt Nhân thọ tính toán và được ghi nhận thông qua "Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Bảo hiểm phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 125. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

- hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm; và
- bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối niên độ kế toán được ghi nhận ở phần "Phí bảo hiểm trả trước" và được thể hiện ở mục "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Lãi

Doanh thu được ghi nhận là lãi dự thu có tính đến lãi đầu tư thực tế đạt được của tài sản trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Tiền lãi trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của trái phiếu khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi Tập đoàn mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu, Tập đoàn phân bổ vào cả các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Thu nhập lãi từ hoạt động ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dự thu sử dụng lãi suất danh nghĩa. Baoviet Bank ghi nhận thu nhập lãi theo phương pháp dự thu đối với lãi của dư nợ được phân loại vào Nhóm 1. Lãi chưa thu phát sinh từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Baovietbank thực thu lãi.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí lưu ký, phí thường hoạt động, phí môi giới, bảo lãnh phát hành, v.v... được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được tính từ phần chênh lệch giữa giá bán và giá gốc bình quân của chứng khoán.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC, Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức được trả bằng cổ phiếu và cổ phiếu thường mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo đối ngoại bằng.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.20 Ghi nhận chi phí

Chi bồi thường và chi trả đáo hạn

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi bồi thường và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán đối với chủ hợp đồng theo điều khoản hợp đồng được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Ghi nhận chi phí (tiếp theo)

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Chi hoa hồng

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 07 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về Luật Kinh doanh Bảo hiểm ("Thông tư 124").

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, Tập đoàn tính toán hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phù hợp với các tỷ lệ quy định tại Thông tư 124 và chỉ ghi nhận vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong kỳ theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các kỳ tiếp theo.

Chi phí lãi từ hoạt động ngân hàng

Chi phí lãi từ hoạt động ngân hàng được ghi nhận theo nguyên tắc dự chi.

Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Giá vốn đất đã chuyển nhượng bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất hoặc các chi phí có thể phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Toàn bộ các chi phí về đất và phát triển đất
- Các chi phí bắt buộc, không thu hồi được khác phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản liên quan đến các hoạt động phát triển đất hiện tại và trong tương lai của dự án.

Tài sản đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.21 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (tiếp theo)

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

- Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Bảo hiểm Bảo Việt.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bản kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

4.22 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ hoàn thành bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được phân chia theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

4.25 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN số 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đã áp dụng nhất quán trong năm trước và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.26 Cấn trừ

Tài sản và công nợ được cấn trừ và thể hiện giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Tập đoàn dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị thuần, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4.27 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này chủ yếu được dựa trên định tính và rủi ro chưa xác định nên kết quả thực tế có thể sẽ rất khác dẫn tới việc dự phòng có thể phải sửa đổi.

4.28 Các khoản mục ngoại bảng

Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, các hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực.

Ngoài ra, Tập đoàn hoạt động trên các lĩnh vực: chứng khoán, quản lý quỹ do vậy trên một số thông tin liên quan đến các khoản mục như là chứng khoán lưu ký và chưa lưu ký, cam kết ngoại bảng, danh mục ủy thác đầu tư... cũng được trình bày ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các yêu cầu luật định áp dụng cho các doanh nghiệp này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Tiền mặt tại quỹ	48.684.110.623	163.702.785.205
Tiền gửi ngân hàng	796.336.061.071	611.436.426.741
Tiền đang chuyển	43.562.066.549	61.754.877.379
Các khoản tương đương tiền (*)	536.235.979.836	6.481.153.508.971
Tổng	1.424.818.218.079	7.318.047.598.296

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tài chính có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm		
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	636.731.557.905	654.265.073.991
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	83.065.288.237	110.035.112.979
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	197.641.327.159	213.665.326.421
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm	1.426.402.171	4.648.374.969
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	105.486.246.571	128.883.939.285
	1.024.350.822.043	1.111.497.827.645
Trả trước cho người bán	38.232.919.846	88.996.179.443
Tạm ứng	40.094.558.276	41.980.266.141
Phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính		
Phải thu cổ tức	49.389.300	13.338.723.300
Lãi tiền gửi ngân hàng	744.661.666.428	735.337.401.252
Phải thu từ hợp đồng repo	-	50.011.258.889
Phải thu lãi trái phiếu	946.686.405.057	925.056.205.875
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	622.405.195.723	358.381.076.838
Tạm ứng phí tự động	56.875.491.528	53.515.659.326
Phải thu lãi cho vay khách hàng	5.861.648.874	147.218.892.470
Tạm ứng từ giá trị giải ước theo hợp đồng	193.328.667.003	206.074.679.854
Phải thu đầu tư khác	9.534.858.964	5.882.218.322
	2.579.403.322.877	2.494.816.116.126
Các khoản phải thu khác	237.648.214.856	129.887.859.063
Tổng cộng các khoản phải thu	3.919.729.837.898	3.867.178.248.418
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(241.647.371.398)	(181.708.369.101)
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	3.678.082.466.500	3.685.469.879.317

7. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Ấn chỉ	16.656.290.361	17.976.480.753
Vật liệu, văn phòng phẩm	12.776.107.303	9.945.682.754
Thiết bị, dụng cụ	952.042.872	2.514.154.178
Chi phí sản xuất dở dang (*)	145.450.167.505	132.559.148.170
Tổng cộng hàng tồn kho	175.834.608.041	162.995.465.855
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	175.834.608.041	162.995.465.855

(*) Đây là chi phí xây dựng dở dang của các bất động sản đầu tư của BVInvest. Các khoản này đang được ghi nhận là hàng tồn kho cho đến khi hoàn thành sẽ chuyển vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	8.1	294.424.717.991	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.2	61.405.669.685	68.513.237.801
		355.830.387.676	68.513.237.801

8.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

	Bảo hiểm nhân thọ VNĐ	Bảo hiểm phi nhân thọ (*) VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu năm	-	-	-
Phát sinh trong năm	765.623.715.612	709.213.551.459	1.474.837.267.071
Phân bổ vào chi phí trong năm	(765.623.715.612)	(414.788.833.468)	(1.180.412.549.080)
Số dư cuối năm	-	294.424.717.991	294.424.717.991

(*) Theo các quy định của Thông tư 232 đối với hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ, từ năm 2014, Tập đoàn bắt đầu ghi nhận khoản "chi phí hoa hồng chưa phân bổ". Việc ghi nhận này được áp dụng trên cơ sở phi hồi tố.

8.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Số dư đầu năm	68.513.237.801	78.219.073.858
Số tăng trong năm	111.923.162.062	118.247.015.991
Số phân bổ vào chi phí trong năm	(119.030.730.178)	(127.952.852.048)
Số dư cuối năm	61.405.669.685	68.513.237.801

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Bao gồm các khoản đặt cọc liên quan đến hoạt động kinh doanh của BVInvest.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VNĐ	Trang thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2014	975.398.209.169	82.876.202.360	389.148.618.274	240.380.593.297	2.029.250.631	1.689.832.873.731
Tăng trong năm	29.273.205.249	2.576.443.167	19.368.790.000	28.700.897.083	38.000.000	79.957.335.499
- Mua sắm	214.041.489	2.471.809.760	18.670.790.000	25.932.773.627	38.000.000	47.327.414.876
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	29.059.163.760	14.313.407	698.000.000	1.753.295.511	-	31.524.772.678
- Khác	-	90.320.000	-	1.014.827.945	-	1.105.147.945
Giảm trong năm	(5.638.249.485)	(36.490.406.726)	(34.057.403.274)	(18.079.957.301)	(20.483.955)	(94.286.500.741)
- Thanh lý, nhượng bán	(603.161.526)	(3.620.858.227)	(4.657.948.369)	(2.149.011.436)	-	(11.030.979.558)
- Điều chỉnh do thay đổi phương pháp hợp nhất Baoviet Bank	-	(32.844.149.409)	(29.399.454.905)	(15.212.933.616)	-	(77.456.537.930)
- Khác	(5.035.087.959)	(25.399.090)	-	(718.012.249)	(20.483.955)	(5.798.983.253)
Tại ngày 31/12/2014	999.033.164.933	48.962.238.801	374.460.005.000	251.001.533.079	2.046.766.676	1.675.503.708.489
Hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2014	303.877.733.598	52.860.739.190	244.965.730.570	181.250.395.611	830.073.753	783.784.672.722
Tăng trong năm	39.319.871.680	6.276.267.913	42.531.094.398	33.435.889.719	260.330.231	121.823.453.941
- Khấu hao trong năm	39.319.778.092	6.258.341.938	42.531.094.398	29.547.121.998	260.330.231	117.916.666.657
- Khác	93.588	17.925.975	-	3.888.767.721	-	3.906.787.284
Giảm trong năm	(4.485.826.297)	(20.916.360.635)	(17.409.991.025)	(15.527.650.698)	(1.914.404)	(58.341.743.059)
- Thanh lý, nhượng bán	(603.161.526)	(2.263.033.199)	(4.507.948.369)	(2.143.296.364)	-	(9.517.439.458)
- Điều chỉnh do thay đổi phương pháp hợp nhất Baoviet Bank	-	(18.653.327.436)	(12.902.042.656)	(12.755.275.419)	-	(44.310.645.511)
- Khác	(3.882.664.771)	-	-	(629.078.915)	(1.914.404)	(4.513.658.090)
Tại ngày 31/12/2014	338.711.778.981	38.220.646.468	270.086.833.943	199.158.634.632	1.088.489.580	847.266.383.604
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2014	671.520.475.571	30.015.463.170	144.182.887.704	59.130.197.686	1.199.176.878	906.048.201.009
Tại ngày 31/12/2014	660.321.385.952	10.741.592.333	104.373.171.057	51.842.898.447	958.277.096	828.237.324.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2014	703.004.035.171	285.698.715.574	3.993.554.539	992.696.305.284
Tăng trong năm	67.680.716.263	3.903.195.400	-	71.583.911.663
- Mua trong năm	9.900.000.000	3.903.195.400	-	13.803.195.400
- Tăng khác	57.780.716.263	-	-	57.780.716.263
Giảm trong năm	(1.093.950.000)	(60.332.044.323)	(66.636.800)	(61.492.631.123)
- Điều chỉnh do thay đổi phương pháp hợp nhất Baoviet Bank	-	(60.272.044.323)	(66.636.800)	(60.338.681.123)
- Giảm khác	(1.093.950.000)	(60.000.000)	-	(1.153.950.000)
Tại ngày 31/12/2014	769.590.801.434	229.269.866.651	3.926.917.739	1.002.787.585.824
Khấu hao lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2014	45.794.064.716	188.743.047.076	2.921.861.713	237.458.973.505
Tăng trong năm	7.565.033.526	22.651.260.733	426.465.525	30.642.759.784
- Khấu hao trong năm	7.565.033.526	22.651.260.733	426.465.525	30.642.759.784
Giảm trong năm	-	(50.686.497.554)	228.505.622	(50.457.991.932)
- Điều chỉnh do thay đổi phương pháp hợp nhất Baoviet Bank	-	(50.349.507.098)	(48.484.834)	(50.397.991.932)
- Giảm khác	-	(336.990.456)	276.990.456	(60.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	53.359.098.242	160.707.810.255	3.576.832.860	217.643.741.357
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2014	657.209.970.455	96.955.668.498	1.071.692.826	755.237.331.779
Tại ngày 31/12/2014	716.231.703.192	68.562.056.396	350.084.879	785.143.844.467

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỪ DANG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Mua sắm tài sản cố định	102.454.542.156	99.740.828.103
Xây dựng cơ bản dở dang	203.935.911.436	186.250.720.282
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.110.967.387	865.003.193
	307.501.420.979	286.856.551.578

Xây dựng cơ bản dở dang gồm các tòa nhà, văn phòng làm việc đang trong quá trình xây dựng. Sửa chữa lớn tài sản cố định gồm việc cải tạo, nâng cấp các tòa nhà, văn phòng hiện hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Là khoản đầu tư vào Dự án khu biệt thự nhà vườn Quang Minh tại khu vực Đồng Địa, Cửa Cuồng, Mã Vàng thuộc thôn Gia Tân - Xã Quang Minh - huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các dự án này vẫn đang được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc bán dự án.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014			Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
		Giá gốc VNĐ	Dự phòng giảm giá VNĐ	Giá trị thuần VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng giảm giá VNĐ	Giá trị thuần VNĐ
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	14.1	15.010.454.563.443	(1.492.423.517.936)	13.518.031.045.507	12.514.663.014.621	(1.518.764.610.578)	10.995.898.404.043
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14.2	25.135.193.036.620	(44.620.853.891)	25.090.572.182.729	22.163.040.028.608	(47.399.000.000)	22.115.641.028.608
		40.145.647.600.063	(1.537.044.371.827)	38.608.603.228.236	34.677.703.043.229	(1.566.163.610.578)	33.111.539.432.651

14.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	14.1.1	13.033.802.811.170	9.841.532.847.572
Trái phiếu	14.1.2	449.814.703.179	1.113.827.448.268
Cổ phiếu niêm yết	14.1.3	1.198.681.173.986	1.238.522.465.618
Cổ phiếu chưa niêm yết		262.889.680.594	255.886.469.844
Cho vay và cho vay ủy thác	14.1.4	46.186.101.962	45.750.405.092
Đầu tư ngắn hạn khác		19.080.092.552	19.143.378.227
		15.010.454.563.443	12.514.663.014.621
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	14.1.5	(1.492.423.517.936)	(1.518.764.610.578)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư ngắn hạn		13.518.031.045.507	10.995.898.404.043

14.1.1 Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	13.033.802.811.170	9.841.532.847.572
	13.033.802.811.170	9.841.532.847.572

Các hợp đồng tiền gửi có thời gian đáo hạn trong vòng một năm và có lãi suất dao động từ 5%/năm đến 17,8%/năm đối với đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**14.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)****14.1.2 Trái phiếu**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Trái phiếu doanh nghiệp	444.814.703.179	1.009.328.918.268
Trái phiếu Chính phủ	5.000.000.000	104.498.530.000
	449.814.703.179	1.113.827.448.268

Các khoản đầu tư ngắn hạn vào trái phiếu của Tập đoàn là các khoản trái phiếu có thời hạn còn lại dưới một năm.

14.1.3 Cổ phiếu niêm yết

Tập đoàn hiện đang nắm giữ các cổ phiếu của các công ty niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Tập đoàn không nắm giữ các cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường quốc tế.

14.1.4 Cho vay và cho vay ủy thác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã thực hiện trích lập dự phòng 100% cho toàn bộ số dư 46.186.101.962 đồng Việt Nam của các khoản cho vay và cho vay ủy thác do các khoản mục này đã bị phân nhóm là nợ có khả năng mất vốn theo quy định.

14.1.5 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	802.517.724.833	738.754.530.128
Trái phiếu (*)	188.722.863.705	139.838.022.519
Cổ phiếu niêm yết	316.100.259.584	468.347.654.037
Cổ phiếu chưa niêm yết	117.293.569.781	104.421.666.417
Cho vay và cho vay ủy thác	46.186.101.962	45.750.405.092
Đầu tư ngắn hạn khác	21.602.998.071	21.652.332.385
	1.492.423.517.936	1.518.764.610.578

(*) Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, do Vinashin đang gặp khó khăn về tình hình tài chính và căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi của các trái phiếu này, Tập đoàn đã dùng ghi nhận lãi dự thu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và trích lập dự phòng 100% đối với các khoản lãi trái phiếu đã dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Khoản dự thu lãi tức của trái phiếu Vinashin kể từ thời điểm dùng dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 289.371.800.000 đồng được Tập đoàn theo dõi ngoại bảng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**14.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	14.2.1	2.131.508.558.580	368.451.544.686
Đầu tư dài hạn khác		23.003.684.478.040	21.794.588.483.922
Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD	14.2.2	3.738.076.354.841	1.521.500.000.000
Trái phiếu	14.2.3	17.845.425.096.531	18.832.601.419.030
Tạm ứng từ giá trị giải ước	14.2.4	714.879.345.444	672.270.142.547
Đầu tư dài hạn khác	14.2.5	705.303.681.224	768.216.922.345
Tổng các khoản đầu tư tài chính dài hạn		25.135.193.036.620	22.163.040.028.608
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	14.2.6	(44.620.853.891)	(47.399.000.000)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư dài hạn		25.090.572.182.729	22.115.641.028.608

14.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị các khoản đầu tư của Tập đoàn vào các công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát doanh bao gồm:

Thuyết minh	Đơn vị được đầu tư	Ngày 31 tháng 12 năm 2014			Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
		Vốn điều lệ VNĐ	Vốn Tập đoàn đã góp (theo giá gốc) VNĐ	Tỷ lệ %		
14.2.1.a	Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (Baoviet Resort)	60.000.000.000	21.000.000.000	35	21.000.000.000	21.000.000.000
14.2.1.b	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A (VIGEB A)	180.000.000.000	54.000.000.000	30	132.632.058.179	54.952.041.210
14.2.1.c	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Long Việt và Dự án Quang Minh	65.043.200.000	29.269.440.000	45	32.112.305.216	32.021.463.044
14.2.1.d	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine (Bảo Việt Tokio Marine)	300.000.000.000	153.000.000.000	51	218.003.519.508	219.281.231.963
14.2.1.e	Công ty TNHH Bảo Việt - SCIC (Bảo Việt SCIC)	140.000.000.000	70.000.000.000	50	72.274.341.819	41.196.808.469
14.2.1.f	Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BaovietBank)	3.150.000.000.000	1.560.000.000.000	49,5	1.655.486.333.858	-
		1.887.269.440.000	2.131.508.558.580		2.131.508.558.580	368.451.544.686

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**14.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****14.2.1.a Đầu tư vào Baoviet Resort**

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	21.000.000.000
Cổ tức được chia	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	21.000.000.000

14.2.1.b Đầu tư vào VIGEB A

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	54.952.041.210
Lợi nhuận trong năm thuộc về Tập đoàn	78.087.983.354
Giảm khác	(407.966.385)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	132.632.058.179

14.2.1.c Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Việt và Dự án Quang Minh

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	32.021.463.044
Lãi trong năm thuộc về Tập đoàn	132.821.102
Giảm khác	(41.978.930)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	32.112.305.216

14.2.1.d Đầu tư vào Bảo Việt Tokio Marine

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	219.281.231.963
Cổ tức đã nhận	(29.210.056.956)
Lãi trong năm thuộc về Tập đoàn	27.932.344.501
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	218.003.519.508

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**14.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****14.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)****14.2.1.e Đầu tư vào Bảo Việt SCIC**

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	41.196.808.469
Tăng vốn trong năm	30.000.000.000
Lợi nhuận trong năm thuộc về Tập đoàn	1.241.977.540
Giảm khác	(164.444.190)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	72.274.341.819

14.2.1.f Đầu tư vào BaovietBank

	VND
Giá trị ghi sổ tại ngày bắt đầu ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	1.617.352.076.081
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu	(2.731.051.242)
Lợi nhuận trong năm thuộc về Tập đoàn	40.865.309.019
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.655.486.333.858

14.2.2 Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam	3.738.076.354.841	1.521.500.000.000
	3.738.076.354.841	1.521.500.000.000

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn từ trên 1 năm đến 15 năm với mức lãi suất từ 4,9%/năm đến 12%/năm.

14.2.3 Trái phiếu

Loại trái phiếu	Loại tiền tệ	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất (%/năm)	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND
Trái phiếu Doanh nghiệp	VND	3 - 20	8,0 - 12,0	2.695.613.329.140
Trái phiếu Chính phủ	VND	5 - 15	7,0 - 15,0	15.149.811.767.391
				17.845.425.096.531

14.2.4 Tạm ứng từ giá trị giải ước

Tạm ứng từ giá trị giải ước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc.

Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị giải ước có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị giải ước và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**14.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)****14.2.5 Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản mục đầu tư này bao gồm đầu tư góp vốn mua cổ phần của các công ty khác nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu đến các công ty đó. Vì vậy, các khoản đầu tư này không phải là các khoản đầu tư dưới dạng cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát hoặc hoạt động liên kết.

Chi tiết các khoản đầu tư này theo nguồn như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Công ty Mẹ Tập đoàn	299.375.420.000	363.058.140.000
Bảo hiểm Bảo Việt	155.355.808.767	154.586.329.888
Bảo Việt Nhân thọ	162.796.479.457	162.796.479.457
BVSC	87.775.973.000	87.775.973.000
	705.303.681.224	768.216.922.345

14.2.6 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	3.616.200.000	3.087.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	41.004.653.891	44.312.000.000
	44.620.853.891	47.399.000.000

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Số dư đầu năm	62.857.060.931	40.935.483.284
Số tăng trong năm	54.002.073.372	72.432.177.062
Số giảm trong năm	(74.786.544.129)	(50.510.599.415)
Số dư cuối năm	42.072.590.174	62.857.060.931

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Bằng VNĐ	3.517.524.546	202.043.573.583
Bằng ngoại tệ	-	63.108.000.000
	3.517.524.546	265.151.573.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ**17.1 Phải trả thương mại**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại) VNĐ
Phải trả hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	265.935.049.962	186.597.108.350
Phải trả bồi thường bảo hiểm nhân thọ	59.859.031.990	40.492.610.450
Phải trả hoa hồng bảo hiểm nhân thọ	196.689.012.642	140.015.839.700
Lãi phải trả cho chủ hợp đồng	9.387.005.330	6.088.658.200
Bảo hiểm phi nhân thọ	612.979.225.390	626.824.674.419
Phải trả hoa hồng	62.745.736.184	70.834.434.893
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc phi nhân thọ	141.070.178.213	64.457.854.786
Phải trả nhận tái bảo hiểm phi nhân thọ	57.127.490.515	103.787.723.617
Phải trả nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	280.191.881.227	304.229.297.351
Phải trả đồng bảo hiểm	71.843.939.251	83.515.363.772
	878.914.275.352	813.421.782.769
Phải trả hoạt động tài chính		
Lãi trái phiếu nhận trước	7.252.841.100	23.105.550.685
Lãi tiền gửi nhận trước	4.009.354.690	4.067.688.019
Lãi tiền gửi phải trả khách hàng	-	133.489.636.492
Phải trả khác hoạt động tài chính	3.573.695.068	4.691.800.437
	14.835.890.858	165.354.675.633
Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ		
Phải trả nhà cung cấp	85.535.037.779	80.593.006.430
Phải trả cho công ty phát hành chứng khoán	3.169.007.665	1.939.916.665
Phải trả các hợp đồng repo trái phiếu	3.764.120.833.382	3.355.317.995.652
Phải trả khác	500.000.000	11.947.356.751
	3.853.324.878.826	3.449.798.275.498
	4.747.075.045.036	4.428.574.733.900

17.2 Người mua trả tiền trước

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Tạm ứng từ khách hàng để giao dịch chứng khoán	2.029.550.000	1.819.300.000
Phí bảo hiểm tạm thu	8.194.251.033	1.813.565.493
	10.223.801.033	3.632.865.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 01 tháng 01 năm 2014	Tăng trong năm	Nộp ngân sách trong năm	Điều chỉnh do thay đổi phương pháp hợp nhất BaovietBank	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế phải nộp Nhà nước					
Thuế GTGT hàng bán nội địa	25.244.807.941	400.636.979.139	(402.778.653.423)	1.940.029.168	25.043.162.825
Thuế thu nhập doanh nghiệp	94.319.438.760	299.585.828.339	(359.348.577.046)	123.781.206	34.680.471.259
Thuế thu nhập cá nhân	6.631.199.737	114.796.707.009	(105.057.920.962)	(261.850.148)	16.108.135.636
Tiền thuế đất	(353.173.368)	3.820.726.101	(3.781.626.845)	-	(314.074.112)
Các loại thuế khác	8.813.462.948	50.582.261.867	(43.915.241.153)	-	15.480.483.662
	134.655.736.018	869.422.502.455	(914.882.019.429)	1.801.960.226	90.998.179.270

18.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Trong năm 2014, ngoại trừ trường hợp của BVF và Bảo Việt - Âu Lạc, Công ty Mẹ Tập đoàn và các Công ty con có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 22% lợi nhuận thu được.

Đối với dịch vụ đào tạo của Bảo Việt - Âu Lạc mức thuế TNDN áp dụng là 10%. BVF có trách nhiệm nộp thuế TNDN với thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh và với thuế suất 22% trong các năm tiếp theo, được miễn trừ thuế TNDN trong hai (02) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong ba (03) năm tiếp theo. Theo đó, từ năm 2008 đến năm 2010, BVF có nghĩa vụ nộp thuế 10%. Từ năm 2011, BVF có nghĩa vụ nộp thuế 20%.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn và các Công ty con chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)**18.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.627.305.425.297	1.654.066.796.871
Điều chỉnh lợi nhuận chịu thuế		
- Chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế	11.419.380.967	49.603.932.282
- Thu nhập không chịu thuế từ cổ tức, lợi nhuận được chia	(69.337.340.534)	(78.602.211.561)
- Các khoản thu nhập không chịu thuế khác	(9.012.930.341)	(4.477.078.125)
Các khoản không chịu thuế phát sinh từ các bút toán điều chỉnh hợp nhất	(32.327.204.018)	152.240.097.116
Chuyển lỗ từ năm trước	(159.268.458.037)	(221.090.340.189)
Tổng điều chỉnh đối với lợi nhuận trước thuế	(258.526.551.963)	(102.325.600.477)
Dự phòng đảm bảo cân đối	(7.550.598.372)	(7.031.133.756)
Thu nhập chịu thuế ("TNCT") ước tính	1.361.228.274.962	1.544.710.062.638
Trong đó:		
- TNCT chịu thuế suất 25%	-	1.528.236.484.865
- TNCT chịu thuế suất 22%	1.346.166.817.950	-
- TNCT chịu thuế suất ưu đãi 20%	15.061.457.012	16.473.577.773
Thuế TNDN hiện hành ước tính	299.168.991.351	385.353.836.772
Điều chỉnh theo quyết định của cơ quan thuế	416.836.988	91.833.818
Thuế TNDN ước tính trong năm	299.585.828.339	385.445.670.590
Thuế TNDN phải trả đầu năm	94.319.438.760	54.039.914.008
Thuế TNDN đã trả trong năm	(359.348.577.046)	(345.166.145.838)
Điều chỉnh do thay đổi phương pháp hợp nhất Baoviet Bank	123.781.206	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	34.680.471.259	94.319.438.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)**18.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi tiết các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Tập đoàn năm nay và năm trước được trình bày dưới đây:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.056.965.443	10.751.442.075	10.305.523.368	(26.821.514.541)
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(794.033.474)	794.033.474	(794.033.474)
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			11.099.556.842	(27.615.548.015)

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	12.053.180	289.846.606
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	2.910.895.373	3.603.818.765
Phải trả các tổ chức theo nghiệp vụ chứng khoán	11.502.904.720	21.284.810.873
Phải trả cổ tức	73.881.550.723	53.001.550.723
Tạm ứng từ đối tác liên quan đến các hợp đồng hợp tác kinh doanh	130.831.097.670	83.342.866.603
Phải trả khác	215.525.280.346	155.843.498.123
	434.663.782.012	317.366.391.693

20. DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

	Bảo hiểm nhân thọ VND	Bảo hiểm phi nhân thọ (*) VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	-	-	-
Phát sinh trong năm	672.344.278	191.392.160.384	192.064.504.662
Phân bổ vào doanh thu trong năm	(672.344.278)	(103.038.123.019)	(103.710.467.297)
Số dư cuối năm	-	88.354.037.365	88.354.037.365

(*) Theo các quy định của Thông tư 232 đối với hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ, từ năm 2014, Tập đoàn bắt đầu ghi nhận khoản "doanh thu hoa hồng chưa được hưởng". Việc ghi nhận này được áp dụng trên cơ sở phi hồi tố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Số dư đầu năm	104.331.010.529	75.310.793.458
Tăng trong năm	153.159.186.974	82.625.297.952
Sử dụng trong năm	(128.390.747.582)	(53.605.080.881)
Số dư cuối năm	129.099.449.921	104.331.010.529

22. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

	Dự phòng phí chưa được hưởng VND	Dự phòng toán học VND	Dự phòng bồi thường VND	Dự phòng dao động lớn VND	Dự phòng chia lãi VND	Dự phòng đảm bảo cân đối VND	Tổng cộng VND
Bảo hiểm nhân thọ							
Tại ngày 01/01/2014	56.777.318.500	18.673.827.677.728	15.114.739.198	-	1.230.452.168.754	42.659.380.244	20.018.831.284.424
Thay đổi trong năm	19.849.324.327	4.078.011.210.613	6.623.055.643	-	67.642.185.548	7.550.598.372	4.179.676.374.503
Tại ngày 31/12/2014	76.626.642.827	22.751.838.888.341	21.737.794.841	-	1.298.094.354.302	50.209.978.616	24.198.507.658.927
Bảo hiểm phi nhân thọ							
Tại ngày 01/01/2014 (trình bày lại)	2.953.442.987.549	-	1.214.377.297.694	5.668.068.505	-	-	4.173.488.353.748
Thay đổi trong năm	22.862.416.474	-	118.225.600.902	97.921.509.054	-	-	239.009.526.430
Tại ngày 31/12/2014	2.976.305.404.023	-	1.332.602.898.596	103.589.577.559	-	-	4.412.497.880.178
Tổng cộng tại ngày 01/01/2014 (trình bày lại)	3.010.220.306.049	18.673.827.677.728	1.229.492.036.892	5.668.068.505	1.230.452.168.754	42.659.380.244	24.192.319.638.172
Tổng cộng tại ngày 31/12/2014	3.052.932.046.850	22.751.838.888.341	1.354.340.693.437	103.589.577.559	1.298.094.354.302	50.209.978.616	28.611.005.539.105

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM (tiếp theo)

Chi tiết thay đổi dự phòng nghiệp vụ hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ như sau:

22.1 Dự phòng phí chưa được hưởng – Bảo hiểm phi nhân thọ

	Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Các nghĩa vụ hợp đồng tái bảo hiểm (tài sản tái bảo hiểm) VND	Các nghĩa vụ thuần VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	2.953.442.987.549	(693.775.574.975)	2.259.667.412.574
Phí bảo hiểm phát sinh trong năm	5.993.299.673.981	(1.097.506.186.497)	4.895.793.487.484
Phí bảo hiểm được hưởng trong năm	(5.970.437.257.507)	1.240.204.627.715	(4.730.232.629.792)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.976.305.404.023	(551.077.133.757)	2.425.228.270.266

22.2 Dự phòng bồi thường – Bảo hiểm phi nhân thọ

	Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND	Các nghĩa vụ hợp đồng tái bảo hiểm (tài sản tái bảo hiểm) VND	Các nghĩa vụ thuần VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	1.214.377.297.694	(590.609.089.683)	623.768.208.011
Các khoản bồi thường phát sinh trong năm	3.288.755.963.031	(621.693.672.534)	2.667.062.290.497
Các khoản bồi thường đã thanh toán trong năm	(3.170.530.362.129)	590.688.073.583	(2.579.842.288.546)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.332.602.898.596	(621.614.688.634)	710.988.209.962

22.3 Dự phòng dao động lớn – Bảo hiểm phi nhân thọ

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	5.668.068.505
Trích lập trong năm	97.921.509.054
Sử dụng trong năm	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	103.589.577.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ chênh lệch tỷ giá (*) VND	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác (**) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	16.075.608.000	204.006.060.361	23.128.503.219	35.756.438.161	103.568.802.818	1.753.890.101.304	12.125.472.235.060
Chia cổ tức cho năm 2013	-	-	-	-	-	-	-	(1.020.707.151.000)	(1.020.707.151.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(98.082.362.830)	(98.082.362.830)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Tập đoàn và các Công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(3.373.190.815)	(3.373.190.815)
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội (***)	-	-	-	-	-	-	-	(11.043.076.006)	(11.043.076.006)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.258.556.881.615	1.258.556.881.615
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	-	42.009.692.580	620.537.044	1.348.562.854	-	(43.978.792.478)	-
Điều chỉnh do thay đổi phương pháp hợp nhất Baoviet Bank	-	-	-	-	(13.216.722.666)	(25.924.815.047)	-	32.419.498.237	(6.722.039.476)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(608.522.062)	(608.522.062)
Tại ngày 31/12/2014	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	16.075.608.000	246.015.752.941	10.532.317.597	11.180.185.968	103.568.802.818	1.867.073.385.965	12.243.492.774.486

(*) Số dư 16.075.608.000 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt – Tokio Marine từ đô la Mỹ sang VND từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

(**) Số dư 103.568.802.818 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện phần lợi ích còn lại của Tập đoàn trong thặng dư vốn cổ phần của BVSC phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014, Tập đoàn được trích 1% lợi nhuận sau thuế năm 2013 tương đương với số tiền 11.043.076.006 đồng VND cho quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội.

23.2 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014			Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
	Tổng số VND	Cổ phiếu thường VND	Cổ phiếu ưu đãi VND	Tổng số VND	Cổ phiếu thường VND	Cổ phiếu ưu đãi VND
Số vốn góp của cổ đông	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	-	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	-	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	-
TỔNG CỘNG	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197	-	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197	-

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Không có giao dịch về vốn nào với chủ sở hữu được thực hiện năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**23.4 Cổ tức**

Ngày 24 tháng 04 năm 2014, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt đã thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2013 để chi trả cổ tức cho năm 2013 với tỷ lệ 15% (1.500 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam, tương đương với số tiền 1.020.707.151.000 đồng Việt Nam. Tập đoàn đã tiến hành xong việc chi trả cổ tức cho các cổ đông từ ngày 30 tháng 06 năm 2014 đến ngày 03 tháng 07 năm 2014.

24. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	VNĐ
Ngày 01 tháng 01 năm 2014	2.089.996.476.734
Lợi nhuận tăng trong năm	72.711.673.813
Giảm vốn trong năm	(41.834.180.494)
Chia cổ tức trong năm	(43.200.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	(2.975.691.839)
Trích lập các quỹ khác	(6.204.959.517)
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm	(600.240.000)
Giảm do thay đổi phương pháp hợp nhất Baoviet Bank	(1.492.940.377.921)
Giảm khác	(1.624.402.249)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	573.328.298.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**25.1 Phí bảo hiểm gốc**

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	3.477.936.078.660	3.317.080.447.986
Bảo hiểm liên kết chung	4.132.470.704.798	2.712.970.520.972
Bảo hiểm tử kỳ	3.215.530.000	8.375.136.342
Bảo hiểm trọn đời	5.571.924.200	6.378.529.800
Niên kim nhân thọ	86.917.313.111	76.892.934.300
Điều khoản riêng	263.474.290.762	194.018.135.483
Bảo hiểm liên kết ngân hàng	802.632.199	478.025.564
Các khoản giảm trừ	(12.406.294.556)	(10.500.472.739)
Tổng doanh thu bảo hiểm nhân thọ	7.957.982.179.174	6.305.693.257.708
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	384.271.151.934	390.742.965.126
Bảo hiểm Tàu thủy	454.566.044.057	451.176.266.214
Bảo hiểm Dầu khí	838.674.148	-
Bảo hiểm Hàng không	138.083.433.310	200.729.765.887
Bảo hiểm Kỹ thuật	246.602.671.827	331.739.888.013
Bảo hiểm Hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt	498.367.931.958	439.883.515.598
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	96.447.673.576	89.550.306.944
Bảo hiểm Nông nghiệp	9.184.201.875	111.558.208.826
Bảo hiểm Xe cơ giới	1.765.692.698.608	1.710.816.320.281
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	2.103.931.837.406	1.946.954.167.881
Các khoản giảm trừ	(42.517.907.421)	(70.465.927.495)
Bảo hiểm phi nhân thọ	5.655.468.411.278	5.602.685.477.275
Tổng doanh thu bảo hiểm	13.613.450.590.452	11.908.378.734.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM (tiếp theo)**25.2 Phí nhận tái bảo hiểm**

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	13.428.462.415	12.562.652.180
Bảo hiểm Tàu thủy	35.054.661.738	39.690.115.693
Bảo hiểm Dầu khí	12.755.263.143	11.766.189.589
Bảo hiểm Hàng không	7.534.718.565	6.140.280.290
Bảo hiểm Kỹ thuật	34.686.159.759	27.517.223.145
Bảo hiểm Hòa hoạn và các rủi ro đặc biệt	221.547.845.366	218.005.657.437
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	12.824.151.717	14.185.913.133
	337.831.262.703	329.868.031.467

26. TỔNG PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm nhân thọ	4.251.234.979	2.850.917.992
Bảo hiểm hỗn hợp	331.561.442	218.093.102
Bảo hiểm liên kết chung	2.751.697.433	1.845.558.657
Bảo hiểm tử kỳ	18.299.090	2.778.824
Bảo hiểm trọn đời	13.047.003	13.445.122
Niên kim nhân thọ	2.444.476	2.419.242
Điều khoản riêng	1.134.185.535	768.623.045
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	1.097.506.186.497	1.305.802.771.802
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	52.606.078.140	54.317.052.797
Bảo hiểm Tàu thủy	255.536.994.978	304.923.588.523
Bảo hiểm Dầu khí	1.160.481.029	4.297.743.404
Bảo hiểm Hàng không	134.083.127.087	181.084.250.315
Bảo hiểm Kỹ thuật	108.463.881.619	211.991.090.692
Bảo hiểm Hòa hoạn, các rủi ro đặc biệt và bảo hiểm Trách nhiệm chung	455.821.763.139	391.512.117.927
Bảo hiểm Nông nghiệp	1.426.364.914	96.365.851.912
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	88.407.495.591	61.311.076.232
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1.101.757.421.476	1.308.653.689.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**27.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn**

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Bảo hiểm nhân thọ		
Chi trả đáo hạn	1.369.200.876.930	1.532.394.660.800
Chi giá trị giải ước	429.387.040.500	459.876.949.539
Chi bồi thường	1.076.657.120.834	815.675.686.080
	2.875.245.038.264	2.807.947.296.419
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	122.827.895.320	153.271.496.722
Bảo hiểm Tàu thủy	375.699.286.832	376.280.129.909
Bảo hiểm Hàng không	22.226.506.117	28.614.626.751
Bảo hiểm Kỹ thuật	43.568.832.117	90.049.686.301
Bảo hiểm Hòa hoạn và các rủi ro đặc biệt	262.705.055.174	222.117.727.304
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	5.701.862.448	7.403.860.950
Bảo hiểm Nông nghiệp	48.090.825.729	282.978.478.906
Bảo hiểm Xe cơ giới	939.535.994.416	882.665.959.510
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	1.162.395.762.131	1.032.445.409.366
	2.982.752.020.284	3.075.827.375.719
	5.857.997.058.548	5.883.774.672.138

27.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	1.030.798.185	3.328.910.834
Bảo hiểm Tàu thủy	38.942.047.495	171.412.185.099
Bảo hiểm Dầu khí	9.413.243.029	225.035.321
Bảo hiểm Hàng không	4.203.132.391	9.180.774.149
Bảo hiểm Kỹ thuật	25.241.625.985	35.564.154.634
Bảo hiểm Hòa hoạn và các rủi ro đặc biệt	102.833.070.506	195.609.926.767
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	9.867.771.265	17.975.216.456
	191.531.688.856	433.296.203.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM (tiếp theo)**27.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Bảo hiểm nhân thọ		
Thu từ nhượng tái bảo hiểm	-	3.388.104.402
	-	3.388.104.402
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	16.877.234.246	35.448.248.177
Bảo hiểm Tàu thủy	234.487.417.259	358.130.934.624
Bảo hiểm Dầu khí	723.631.184	78.811.818
Bảo hiểm Hàng không	23.017.617.806	29.442.645.234
Bảo hiểm Kỹ thuật	40.788.921.067	102.751.844.107
Bảo hiểm Hỏa hoạn, các rủi ro đặc biệt	251.454.817.976	281.486.877.709
Bảo hiểm Nông nghiệp	(3.060.558.149)	265.285.807.842
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	26.398.992.194	31.714.372.088
	590.688.073.583	1.104.339.541.599
	590.688.073.583	1.107.727.646.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (*) VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự		
Thu nhập lãi tiền gửi	106.445.406.768	90.463.453.859
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	523.869.872.335	887.640.999.179
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	84.377.440.814	193.321.608.360
	714.692.719.917	1.171.426.061.398
Thu nhập hoạt động ngân hàng khác		
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ ngân hàng	8.833.617.695	8.046.353.793
Lãi hoạt động kinh doanh ngoại hối	22.940.969.609	5.943.263.397
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	9.845.219.694	27.619.159.167
	41.619.806.998	41.608.776.357
Tổng thu nhập từ hoạt động ngân hàng	756.312.526.915	1.213.034.837.755
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự		
Trả lãi tiền gửi	(360.057.980.464)	(511.024.130.557)
Trả lãi tiền vay	(1.888.318.216)	(47.141.521.807)
Chi phí hoạt động tín dụng khác	(149.294.122.054)	(9.002.858.435)
	(511.240.420.734)	(567.168.510.799)
Chi phí ngân hàng khác		
Chi về hoạt động dịch vụ ngân hàng	(1.721.355.385)	(3.857.242.015)
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(7.621.641.164)	(4.554.312.975)
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	(406.315.219)	(7.382.427.722)
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(35.851.849.386)	(116.671.372.623)
	(45.601.161.154)	132.465.356.335
Tổng chi phí hoạt động ngân hàng	(556.841.581.888)	(699.633.866.134)
Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng	199.470.945.027	513.400.971.621

(*) Trong năm 2014, do ảnh hưởng của thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại BVB, kết quả kinh doanh của BVB được hợp nhất theo từng khoản mục cho giai đoạn trước khi thay đổi tỷ lệ sở hữu. Cho giai đoạn sau khi thay đổi tỷ lệ sở hữu, BVB được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu áp dụng cho công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THU NHẬP THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Thu nhập từ các hoạt động khác		
Hoạt động môi giới chứng khoán	100.379.084.045	38.985.824.124
Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán	77.928.484	1.742.284.007
Dịch vụ tư vấn đầu tư	5.537.945.455	6.180.753.634
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	2.553.141.085	2.212.661.896
Quản lý danh mục đầu tư	814.526.896	303.519.237
Quản lý bất động sản	9.919.770.383	4.103.852.358
Dịch vụ đào tạo	14.172.155.472	12.966.982.762
Hoạt động xây lắp và kinh doanh thiết bị vật liệu xây dựng	181.403.868.323	93.590.209.537
Doanh thu cho thuê nhà	52.304.920.565	24.931.899.952
Các dịch vụ khác	13.859.536.918	29.759.986.005
	381.022.877.626	214.777.973.512
Chi phí từ các hoạt động khác		
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	(75.384.894.666)	(34.352.451.571)
Chi phí bảo lãnh, phát hành chứng khoán	(51.873.271)	(77.291.272)
Dịch vụ tư vấn đầu tư	(5.723.060.572)	(5.604.134.438)
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	(7.886.168.091)	(7.808.478.678)
Quản lý danh mục đầu tư	(22.934.284)	(57.630.486)
Quản lý bất động sản	(40.682.908.874)	(39.548.279.890)
Hoạt động xây lắp và kinh doanh thiết bị vật liệu xây dựng	(161.058.298.934)	(93.120.821.045)
Các dịch vụ khác	(22.244.465.619)	(21.622.166.426)
	(313.054.604.311)	(202.191.253.806)
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	67.968.273.315	12.586.719.706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại) VNĐ
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		
Chi phí nhân công	791.443.155.331	541.835.961.612
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.568.203.908	57.707.212.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.356.674.277	60.619.154.693
Thuế và chi phí lệ phí	5.209.130.931	7.969.639.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.133.546.136	232.493.314.695
Chi phí dự phòng	60.804.491.431	35.717.002.650
Chi phí khác	230.950.549.800	280.088.613.598
	1.473.465.751.814	1.216.430.899.431
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động ngân hàng		
Chi phí nhân công	54.726.532.633	105.234.436.092
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.990.641.396	4.270.378.651
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.769.523.582	26.431.972.948
Thuế và chi phí lệ phí	320.831.808	856.598.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.367.427.850	80.501.922.511
Chi phí khác	8.029.630.828	36.154.849.183
	120.204.588.097	253.450.157.503
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		
Chi phí nhân công	145.834.304.668	127.447.549.718
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.027.317.501	3.073.013.074
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.930.352.040	35.985.355.680
Thuế và chi phí lệ phí	10.503.580.129	25.638.419.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.587.369.908	64.071.797.430
Chi phí dự phòng	611.452.143	6.130.861.916
Chi phí khác	34.966.227.626	34.262.982.393
	293.460.604.015	296.609.979.235
	1.887.130.943.926	1.766.491.036.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**31.1 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Lãi tiền gửi	1.274.065.776.604	1.311.450.144.086
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	2.044.951.941.617	1.576.646.137.186
Thu nhập từ tạm ứng giá trị giải ước	107.028.212.828	112.538.093.149
Cổ tức được chia	69.336.829.973	78.598.865.342
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.464.787.525	11.068.222.649
Lãi đầu tư chứng khoán	107.088.120.680	5.700.133.398
Doanh thu hoạt động tài chính khác	66.622.046.360	33.405.898.110
	3.679.557.715.587	3.129.407.493.920

31.2 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Dự phòng chia lãi	67.642.185.548	107.434.125.300
Chênh lệch tỷ giá	7.856.076.774	9.116.234.825
Chi phí repo và lãi vay	232.387.192.602	169.030.298.487
Trả lãi cho chủ hợp đồng	309.012.611.600	286.406.519.890
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	109.916.832.565	166.077.444.940
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	(29.119.238.751)	(74.177.454.747)
Các chi phí khác	125.641.416.769	70.614.722.398
	823.337.077.107	734.501.891.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	4.621.154.542	2.070.020.570
Thu nhập khác	10.727.416.686	12.273.043.491
	15.348.571.228	14.343.064.061
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản	(1.163.168.709)	(96.219.828)
Chi phí khác	(4.312.220.068)	(5.830.082.246)
	(5.475.388.777)	(5.926.302.074)
Lợi nhuận thuần hoạt động khác	9.873.182.451	8.416.761.987

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tập đoàn đã tiến hành các giao dịch với các công ty có liên quan qua hoạt động đầu tư góp vốn. Như trình bày dưới đây, giao dịch giữa Tập đoàn và các công ty có liên quan thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung.

Các bên liên quan với Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bao gồm:

Các bên liên quan	Quan hệ
Bộ Tài chính	Cổ đồng sáng lập
SCIC	Cổ đồng sáng lập
Sumitomo Life	Cổ đồng chiến lược
Bảo Việt Tokio Marine	Đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát
BaovietBank	Công ty liên kết
Bảo Việt SCIC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt	Công ty liên kết
Baoviet Resort	Công ty liên kết
VIGIBA	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch quan trọng với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

Các bên liên quan	Giao dịch	Số tiền VND
Cổ đông sáng lập		
Bộ Tài chính	Cổ tức năm 2013 đã trả	723.764.700.000
SCIC	Cổ tức năm 2013 đã trả	33.231.600.000
Cổ đông chiến lược		
Sumitomo Life	Cổ tức năm 2013 đã trả	183.763.636.500
	Chi phí dự án Hỗ trợ và Chuyển giao Năng lực Kỹ thuật	8.497.753.058
Đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát		
Bảo Việt Tokio Marine	Cổ tức được chia	29.210.056.957
Công ty liên kết		
Bảo Việt SCIC	Tăng vốn trong năm	30.000.000.000
Baoviet Bank	Cổ tức được chia	46.800.000.000

Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn	2.700.000.000	2.700.000.000
	2.700.000.000	2.700.000.000

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.258.556.881.615	1.137.530.699.422
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	680.471.434	680.471.434
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.850	1.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Trong năm 2014 và đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính Tập đoàn không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông xảy ra trong khoảng thời gian này có thể làm pha loãng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 Tập đoàn Bảo Việt đã thông qua kế hoạch Tăng vốn điều lệ thông qua thực hiện phát hành riêng lẻ cổ phần khoảng 40 triệu đến 61,5 triệu cổ phần phổ thông. Thời điểm hoàn thành phát hành dự kiến trước ngày 31/03/2015. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này kế hoạch trên vẫn chưa hoàn thành do vậy không có sự pha loãng lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Ban Điều hành theo dõi kết quả hoạt động của từng đơn vị kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho quá trình ra quyết định về việc phân bổ nguồn lực và đánh giá hoạt động.

Nhằm mục đích quản trị, Tập đoàn được tổ chức theo từng đơn vị kinh doanh dựa trên sản phẩm và dịch vụ mà các đơn vị này cung cấp. Tập đoàn có thể báo cáo theo 5 bộ phận hoạt động như sau:

- Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm trọn đời; bảo hiểm sinh kỳ; bảo hiểm tử kỳ; bảo hiểm hỗn hợp; bảo hiểm liên kết ngân hàng, bảo hiểm trả tiền định kỳ; bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người hỗ trợ cho bảo hiểm nhân thọ và các loại hình bảo hiểm nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người.
- Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người; bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm chung; bảo hiểm hàng không; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm nông nghiệp và các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Dịch vụ tài chính bao gồm các dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư, môi giới và kinh doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, v.v... Dịch vụ quản lý đầu tư cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư cho chủ hợp đồng bảo hiểm thông qua các dịch vụ do BVF cung cấp. BVSC cung cấp các dịch vụ môi giới, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và kinh doanh chứng khoán.
- Dịch vụ ngân hàng bao gồm nhận các khoản tiền gửi của cá nhân, công ty và các tổ chức tín dụng, đồng thời cung cấp dịch vụ cho vay khách hàng, dịch vụ thấu chi, các dịch vụ liên quan đến thẻ tín dụng và chuyển khoản thông qua Baoviet Bank.
- Các hoạt động về bất động sản và các hoạt động khác bao gồm các dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan đối với tòa nhà Bảo Việt tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội, tòa nhà 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và một số khu vực khác. Ngoài ra, Tập đoàn đang tiến hành xây dựng các dự án bất động sản như xây dựng tòa nhà Bảo hiểm Nhân thọ ở Hà Nội, dự án ở thành phố Hồ Chí Minh và các dự án bất động sản khác trong nước.

Giá chuyển nhượng giữa các bộ phận kinh doanh được quyết định dựa trên giá thị trường tương tự như giao dịch với bên thứ ba khác. Doanh thu bộ phận, chi phí bộ phận và kết quả kinh doanh bộ phận bao gồm doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động chuyển giao giữa các bộ phận với nhau. Các giao dịch chuyển giao này được loại bỏ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**Theo khu vực địa lý**

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì phạm vi hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lời.

Theo lĩnh vực kinh doanh

Các bảng biểu sau trình bày thông tin về tình hình tài chính và về doanh thu và lợi nhuận liên quan đến các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, cụ thể như sau:

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Doanh thu phí bảo hiểm	7.938.133	5.970.437	-	-	-	-	13.908.570
Phí nhượng tái bảo hiểm	(4.251)	(1.240.205)	-	-	-	-	(1.244.456)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	672	117.819	-	-	-	-	118.491
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	7.934.554	4.848.051	-	-	-	-	12.782.605
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(2.875.245)	(2.982.752)	-	-	-	-	(5.857.997)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(191.532)	-	-	-	-	(191.532)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	-	3.753	-	-	-	-	3.753
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	590.688	-	-	-	-	590.688
(Tăng)/giảm dự phòng toán học	(4.078.011)	-	-	-	-	-	(4.078.011)
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(6.623)	(118.226)	-	-	-	-	(124.849)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	31.006	-	-	-	-	31.006
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	-	-	-	-	-	-
Trích dự phòng dao động lớn	-	(97.922)	-	-	-	-	(97.922)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.313.237)	(1.511.863)	-	-	-	-	(2.825.100)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(8.273.116)	(4.276.848)	-	-	-	-	(12.549.964)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(338.562)	571.203	-	-	-	-	232.641
Thu nhập thuần từ các hoạt động ngân hàng	-	-	-	175.691	-	23.780	199.471
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	136.955	-	28.339	(97.325)	67.969
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(929.040)	(565.025)	(300.139)	(131.515)	(10.199)	48.785	(1.887.133)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	2.017.072	307.602	1.530.379	-	3.747	(1.002.580)	2.856.220
Lợi nhuận khác	5.591	5.757	1.342	86	405	(3.303)	9.878
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát	-	-	-	-	-	148.260	148.260
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	755.061	319.537	1.368.537	44.262	22.292	(882.383)	1.627.306

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: triệu đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Thu phí bảo hiểm gốc	6.316.194	5.673.151	-	-	-	-	11.989.345
Thu phí nhận tái bảo hiểm	-	329.868	-	-	-	-	329.868
Các khoản giảm trừ	(13.351)	(1.376.269)	-	-	-	-	(1.389.620)
(Tăng)/giảm dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học	(2.582.475)	(219.191)	-	-	-	-	(2.801.666)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	392	228.962	-	-	-	-	229.354
Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	-	9.048	-	-	-	-	9.048
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	3.720.760	4.645.569	-	-	-	-	8.366.329
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(2.807.947)	(3.075.827)	-	-	-	-	(5.883.774)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(433.296)	-	-	-	-	(433.296)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	3.388	1.118.020	-	-	-	-	1.121.408
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	228.000	-	-	-	-	228.000
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường	70	(73.758)	-	-	-	-	(73.688)
Trích dự phòng dao động lớn	-	(92.941)	-	-	-	-	(92.941)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(623.043)	(862.109)	-	-	-	-	(1.485.152)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(3.427.532)	(3.191.911)	-	-	-	-	(6.619.443)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	293.228	1.453.658	-	-	-	-	1.746.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**Theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Thu nhập thuần từ các hoạt động ngân hàng	-	-	-	413.322	-	100.078	513.400
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	89.754	-	22.174	(99.341)	12.587
Chi phí bán hàng	(372.533)	-	-	-	-	-	(372.533)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(763.632)	(1.390.235)	308.757	(277.407)	(9.278)	68.155	(2.681.154)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	1.540.326	333.503	1.619.386	-	8.503	(1.106.812)	2.394.906
Lợi nhuận khác	5.725	1.435	752	5.597	(585)	(4.507)	8.417
Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	31.558	31.558
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	703.114	398.361	1.401.135	141.512	20.814	(1.010.869)	1.654.067

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo bộ phận (*) của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: triệu đồng

31 tháng 12 năm 2014	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Tài sản						
Tiền và các khoản tương đương tiền	857.662	149.723	762.224	79.720	(424.511)	1.424.818
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	-	83.065	-	-	-	83.065
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	20.602	920.684	-	-	-	941.286
Tài sản tái bảo hiểm	-	1.172.692	-	-	-	1.172.692
Các khoản phải thu khác	1.475.262	168.359	920.856	152.190	(62.934)	2.653.733
Đầu tư tài chính	27.557.026	4.646.335	11.179.856	-	(4.774.614)	38.608.603
Tài sản cố định hữu hình	256.591	-	322.014	26.834	9.378	614.817
Tài sản cố định vô hình	341.043	-	53.908	14.640	-	409.591
Các tài sản khác	120.163	1.205.534	435.021	251.174	(352.031)	1.659.861
Tổng tài sản	30.628.349	8.346.392	13.673.879	524.558	(5.604.712)	47.568.466
Nợ phải trả						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**Theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

31 tháng 12 năm 2014	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Nợ phải trả ngắn hạn	4.001.833	1.842.298	740.765	222.770	(727.774)	6.079.892
Nợ dài hạn	59.323	1.396	-	29	-	60.748
Quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	24.198.508	4.412.498	-	-	-	28.611.006
Tổng nợ phải trả	28.259.664	6.256.192	740.765	222.799	(727.774)	34.751.646
Nguồn vốn chủ sở hữu	2.368.685	2.090.200	12.933.114	301.759	(5.450.266)	12.243.492
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	573.328	573.328
Tổng nguồn vốn	30.628.349	8.346.392	13.673.879	524.558	(5.604.712)	47.568.466

Đơn vị: triệu đồng

(*) Do ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại Baoviet Bank, các khoản mục tài sản và nguồn vốn của Baoviet Bank không được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo bộ phận của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: triệu đồng

31 tháng 12 năm 2013	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Tài sản							
Tiền và các khoản tương đương tiền	742.033	127.194	764.894	5.189.606	32.910	46.1.410	7.318.047
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	-	140.560	-	-	-	-	140.560
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	-	895.664	-	-	-	-	895.664
Các khoản phải thu khác	1.362.887	40.516	1.016.939	268.736	123.815	(238.923)	2.573.970
Đầu tư tài chính	23.843.351	3.990.531	11.939.757	3.309.829	91.500	(10.063.427)	33.111.541
Tài sản cố định hữu hình	261.079	214.246	358.934	33.146	29.264	9.378	906.047
Tài sản cố định vô hình	289.679	380.271	60.707	9.941	14.640	-	755.238
Cho vay khách hàng	-	-	-	7.886.253	-	-	7.886.253
Các tài sản khác	149.098	1.044.561	75.009	90.886	148.006	(1.745)	1.505.815
Tổng tài sản	26.648.127	6.833.543	14.216.240	16.788.397	440.135	(9.833.307)	55.093.135
Nợ phải trả							
Nợ phải trả ngắn hạn	4.370.742	1.274.945	984.650	484.158	154.231	(1.490.224)	5.778.502

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

31 tháng 12 năm 2013	Bảo hiểm nhân thọ	Bảo hiểm phi nhân thọ	Hoạt động tài chính	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Các bút toán điều chỉnh	Tổng
Tiền gửi khách hàng	-	-	-	13.120.122	-	(1.568.551)	11.551.571
Nợ dài hạn	47.011	1.216	-	-	30	794	49.051
Quý dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	20.018.831	3.479.712	-	-	-	-	23.498.543
Tổng nợ phải trả	24.436.584	4.755.873	984.650	13.604.280	154.261	(3.057.981)	40.877.667
Nguồn vốn chủ sở hữu	2.211.543	2.077.670	13.231.590	3.184.117	285.874	(8.865.322)	12.125.472
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	2.089.996	2.089.996
Tổng nguồn vốn	26.648.127	6.833.543	14.216.240	16.788.397	440.135	(9.833.307)	55.093.135

36. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động bao gồm các tài sản là văn phòng, trụ sở làm việc không hủy ngang như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Tổng số tiền thuê theo các hợp đồng không hủy ngang sẽ đến hạn trong vòng:		
- Dưới 1 năm	81.204.372.796	85.570.537.267
- Từ 1 đến 5 năm	212.185.593.891	289.295.839.122
- Trên 5 năm	15.801.166.941	8.740.666.850
	309.191.133.628	383.607.043.239

37. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản tranh chấp, kiện tụng

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Bảo hiểm Bảo Việt hiện đang có các vụ tranh chấp, kiện tụng với khách hàng liên quan đến các khoản yêu cầu bồi thường từ phía khách hàng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt không chấp nhận toàn phần, hoặc chỉ chấp nhận một phần trách nhiệm bảo hiểm. Tổng số yêu cầu bồi thường từ phía khách hàng liên quan đến các vụ việc nêu trên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 95.502.850.879 đồng Việt Nam, trong đó phần ước tính thuộc trách nhiệm của Bảo hiểm Bảo Việt là 8.488.308.535 đồng Việt Nam. Ảnh hưởng cuối cùng của các vụ tranh chấp, kiện tụng nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên kết quả cuối cùng của các Ủy ban hòa giải hay của Tòa án và do đó, Bảo hiểm Bảo Việt hiện chưa trích lập dự phòng nợ phải trả cho các yêu cầu bồi thường này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Bảo lãnh thanh toán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, BVSC hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, có thực hiện các nghiệp vụ hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán với các ngân hàng thương mại. Theo đó, BVSC sẽ thay mặt ngân hàng để quản lý tài sản đảm bảo là số dư tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư mở tại các ngân hàng và số dư chứng khoán được chấp thuận bởi BVSC trong tài khoản của nhà đầu tư đó tại BVSC, khi các nhà đầu tư vay vốn tại ngân hàng để thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh. BVSC được hưởng phí từ việc quản lý và toàn quyền xử lý tài sản đảm bảo của khách hàng. Trong trường hợp nhà đầu tư không trả được nợ gốc và lãi khi đến hạn thì Ngân hàng có quyền yêu cầu BVSC trích tiền trong tài khoản của BVSC mở cho nhà đầu tư tại ngân hàng để thanh toán nợ.

Chi tiết dư nợ của các nhà đầu tư tại các ngân hàng mà BVSC đang thực hiện quản lý tài sản đảm bảo và cam kết thanh toán nợ thay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Ngân hàng TMCP Quân đội	328.021.930.523	111.790.408.519
Tổng giá trị	328.021.930.523	111.790.408.519

38. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

Mục tiêu của hoạt động Quản lý rủi ro (QLRR) tại Tập đoàn và các Công ty con nhằm phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra để góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả; góp phần tạo ra môi trường quản lý minh bạch; bảo vệ tài sản và uy tín của Tập đoàn và các Công ty con.

Hoạt động QLRR được thực hiện thống nhất từ Ban Lãnh đạo Tập đoàn đến từng bộ phận chức năng, cán bộ tại Tập đoàn và các Công ty con theo một nguyên tắc chung nhằm chủ động phát hiện, đánh giá và kiểm soát tác động của các loại rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn (HĐQT) chịu trách nhiệm quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản lý rủi ro Tập đoàn ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro Tập đoàn và thực hiện giám sát hoạt động QLRR toàn Tập đoàn.

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn quản lý rủi ro nội bộ, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro đã được HĐQT phê duyệt. Các chính sách và hệ thống QLRR được rà soát định kỳ nhằm phản ánh kịp thời những biến động của thị trường và các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn (HĐQLRR) là cơ quan giúp việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro. Các cuộc họp của HĐQLRR được tổ chức định kỳ nhằm đánh giá mức độ rủi ro tập trung toàn Tập đoàn, đánh giá nhận dạng các rủi ro mới và biện pháp phòng ngừa; phê duyệt mô hình, công cụ đo lường, hạn mức các loại rủi ro; giám sát việc thực hiện các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt.

Tại thuyết minh này, Tập đoàn trình bày cách thức cơ bản về hoạt động QLRR nói chung và các mục tiêu, chính sách, quy trình, phương pháp quản lý, đo lường các loại rủi ro cụ thể liên quan tới việc sử dụng các công cụ tài chính nói riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

Quản lý vốn

Mục tiêu ưu tiên của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về khả năng thanh toán theo luật định. Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con nhận thức được những tác động của mức độ vốn đã góp đối với lợi nhuận của cổ đông và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng. Tập đoàn và các Công ty con đều đáp ứng tất cả các yêu cầu về vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các cơ quan quản lý chủ yếu quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của chủ hợp đồng bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả vì lợi ích của các chủ hợp đồng này. Các cơ quan quản lý đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự kiến do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ:

	Biên khả năng thanh toán triệu VND	Biên khả năng thanh toán tối thiểu triệu VND	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Bảo hiểm Bảo Việt			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.376.165	1.223.948	106%
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	1.606.203	1.156.688	139%
Bảo Việt Nhân thọ			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.831.231	1.268.882	144%
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	1.575.441	1.004.841	157%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của các Công ty con kinh doanh bảo hiểm là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính toán theo các hướng dẫn tại Thông tư số 125 của Bộ Tài chính.

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:

- Rủi ro bảo hiểm
- Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu trong các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Để đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa thiệt hại do rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Điều hành Tập đoàn liên tục theo dõi hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn để bảo đảm sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận. Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm là rủi ro liên quan đến tổn thất mà công ty bảo hiểm có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các quyền lợi bảo hiểm. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện bởi hai Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) và Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ).

39.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu quản lý rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt là kiểm soát phạm vi và mức độ tổn thất phát sinh nằm trong giới hạn rủi ro đã thiết lập.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ

Bảo Việt Nhân thọ quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm đối với các loại rủi ro cụ thể và rủi ro chung. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp phân tích kịch bản "stress testing". Các lý thuyết xác suất được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp.

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được đảm bảo thông qua việc áp dụng giả định thận trọng để tránh các biến động lớn trong thực tiễn. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn bao gồm:

(i) Bảng tỷ lệ tử vong

Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bảo Việt Nhân thọ đang sử dụng Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980.

(ii) Bảng phân loại bệnh tật

Tỷ lệ xảy ra bệnh tật trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật chủ yếu bao gồm các căn bệnh nguy hiểm và thương tật được tính toán từ thống kê về thanh toán quyền lợi được chi trả và phí bảo hiểm bình quân năm.

(iii) Lãi suất

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng tỷ lệ lãi suất cho nhóm sản phẩm bảo hiểm truyền thống, cụ thể là 4,25% đối với sản phẩm tham gia chia lãi và 4,5 % với sản phẩm không chia lãi.

Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm cố định. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính, mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, bên nhận tái bảo hiểm có trách nhiệm chi trả số tiền tương ứng đã nhận tái bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

39.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt

Để đạt mục tiêu của hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt đã thiết lập và áp dụng đầy đủ các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, ngoài việc chủ động đa dạng hóa loại hình rủi ro bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt cũng áp dụng các tiêu chí lựa chọn rủi ro. Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng quản lý các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao. Bảo hiểm Bảo Việt cũng tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ và đưa ra các quy định về chấp nhận bảo hiểm đối với các nghiệp vụ khác nhau, các địa phương khác nhau để phân tán rủi ro, tránh tích tụ rủi ro ở cấp độ toàn Bảo hiểm Bảo Việt.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Bảo hiểm Bảo Việt đã xác định lại tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên kinh nghiệm tổn thất và dự báo, xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật.

Bảo hiểm Bảo Việt cũng áp dụng các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác và với chính người tham gia bảo hiểm như đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, áp dụng miễn thường.

Việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã được thực hiện theo hai cấp. Những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại Hội sở Bảo hiểm Bảo Việt. Bảo hiểm Bảo Việt đã bước đầu triển khai phần mềm InsureJ và xây dựng mô hình Trung tâm cấp đơn và giám định bồi thường để đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường tập trung tới cấp công ty thành viên.

39.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ là đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm chính của Bảo Việt Nhân thọ và cách thức Bảo Việt Nhân thọ quản lý các rủi ro liên quan.

Các đặc tính sản phẩm - Đặc điểm cơ bản của hoạt động bảo hiểm truyền thống dài hạn là cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong được đảm bảo được xác định từ thời điểm phát hành hợp đồng. Các sản phẩm bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm đều được đảm bảo quyền lợi đáo hạn và quyền lợi nhận giá trị giải ước. Đối với một số sản phẩm (sản phẩm dành cho trẻ em), người tham gia bảo hiểm sẽ được hưởng quyền lợi miễn nộp phí bảo hiểm khi người tham gia bảo hiểm chết hoặc trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc khi người được bảo hiểm trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn. . Đối với sản phẩm dành cho trẻ em quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn cũng được chi trả trong trường hợp người được bảo hiểm bị lâm vào tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn.

Các sản phẩm nhân thọ truyền thống với cấu phần không đảm bảo cho phép người tham gia bảo hiểm được tham gia chia lãi đối với quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ. Các quỹ này đưa ra mức chia lãi hàng năm tùy chọn dưới dạng tiền mặt tích lũy vào cuối năm tài chính và dưới dạng phải trả các chủ hợp đồng bảo hiểm tại ngày kỷ niệm hợp đồng cho mỗi giai đoạn năm (05) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

39.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Các nguyên tắc phân chia lợi nhuận giữa các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ:

- (i) Phản ánh tình hình tài chính của Bảo Việt Nhân thọ;
- (ii) Xem xét kỳ vọng thích đáng của các chủ hợp đồng bảo hiểm; và
- (iii) Cân bằng lợi ích giữa chủ hợp đồng bảo hiểm và chủ sở hữu.

Bảo Việt Nhân thọ được toàn quyền quyết định mức chia lãi công bố theo hợp đồng. Trên thực tế, Bảo Việt Nhân thọ sẽ xem xét các kỳ vọng thích đáng khi đặt ra mức chia lãi. Mục đích của Bảo Việt Nhân thọ là duy trì tỷ lệ lãi chia đều đặn dựa trên tỷ suất lợi tức dài hạn. Công việc soát xét hàng năm sẽ được thực hiện để đảm bảo tỷ lệ lãi chia là hợp lý khi xem xét kinh nghiệm tổng thể về các khoản đầu tư, bồi thường, chi phí hoạt động và chi phí hủy hợp đồng.

Rủi ro đầu tư được quản lý thông qua việc cân đối giữa tài sản và các khoản công nợ. Các chiến lược đầu tư được xây dựng nhằm đáp ứng hợp lý mức lợi suất đầu tư kỳ vọng của các chủ hợp đồng bảo hiểm. Rủi ro tử vong được quản lý thông qua việc thực hiện đúng quy trình phát hành/cấp đơn bảo hiểm.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Các đặc tính sản phẩm – Bảo Việt Nhân thọ hiện đang cung cấp các sản phẩm bảo hiểm liên kết chung với cả hai yếu tố bảo vệ và đầu tư trong quỹ liên kết chung bao gồm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung hỗn hợp có thời hạn bảo hiểm 15, 20 hoặc 25 năm và sản phẩm bảo hiểm liên kết chung trọn đời.

Bên mua bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung có thể lựa chọn quyền lợi bảo hiểm tử vong là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm gia tăng hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm gia tăng và quyền lợi đáo hạn là giá trị tài khoản của người tham gia hợp đồng bảo hiểm. Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu cho sản phẩm này là 5%, trong trường hợp người tham gia bảo hiểm tử vong, yêu cầu giải ước và khi hợp đồng đáo hạn.

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ sau khi trừ đi các loại phí phân bổ. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản quỹ.

Các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

Đối với các sản phẩm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt quy định trong Hợp đồng bảo hiểm bên tham gia bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm ngay sau khi hợp đồng bảo hiểm được ký kết. Trong một số trường hợp, Bảo hiểm Bảo Việt có thể gia hạn đóng phí bảo hiểm. Năm 2014, Bảo hiểm Bảo Việt đã giảm thiểu rủi ro tín dụng trong việc đóng phí của khách hàng bằng những quy định chặt chẽ hơn về gia hạn đóng phí bảo hiểm và từ chối bảo hiểm hoặc chấm dứt hiệu lực hợp đồng đối với những trường hợp không có khả năng đóng phí bảo hiểm đúng thời hạn.

Đối với dòng tiền ra phát sinh khi thực hiện thanh toán bồi thường, thời gian và giá trị không được dự báo trước trong điều kiện và điều khoản của hợp đồng. Tuy vậy, hầu hết các hợp đồng bảo hiểm quy định mức bồi thường tối đa. Trong trường hợp rủi ro tích tụ và rủi ro thảm họa, sau khi mua các hợp đồng tái bảo hiểm vượt mức bồi thường và các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ, mức trách nhiệm tối đa của Bảo hiểm Bảo Việt cũng được xác định. Mặt khác, với quy định về giới hạn thời gian khai báo tai nạn khi tổn thất xảy ra cũng như quy định thời gian giải quyết bồi thường, Bảo hiểm Bảo Việt đảm bảo chủ động nhất định trước các nhu cầu về nguồn tiền thanh toán bồi thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39. Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

39.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm

Ảnh hưởng đến lợi nhuận báo cáo và vốn chủ sở hữu

Trong cơ cấu tổng lợi nhuận của Bảo hiểm Bảo Việt, kết quả kinh doanh của hoạt động bảo hiểm đóng góp tỷ trọng nhỏ trong tổng lợi nhuận nhưng kết quả kinh doanh bảo hiểm thường có biên độ biến động lớn nên trong trường hợp lợi nhuận hoạt động bảo hiểm có thay đổi, tổng lợi nhuận của Bảo hiểm Bảo Việt sẽ bị tác động đáng kể. Trong khi các chi phí ngoài chi phí bồi thường có độ ổn định và gần như không có biến động bất thường, tỷ lệ tổn thất là chỉ số khó dự báo trước và có tác động trực tiếp và ngay lập tức đến lợi nhuận hoạt động bảo hiểm. Cơ chế quản lý rủi ro hiện tại của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm các quy trình kiểm soát chặt chẽ như đánh giá rủi ro khi nhận bảo hiểm, tái bảo hiểm, giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã đảm bảo kiểm soát được tỷ lệ tổn thất trong mức độ chấp nhận được.

Đối với Bảo Việt Nhân thọ, lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm phụ thuộc rất lớn vào các rủi ro như lãi suất chiết khấu, tỷ lệ tử vong. Bảo Việt Nhân thọ đã thực hiện thử nghiệm các mô hình định giá dựa trên các giả định khác nhau. Việc phân tích độ nhạy với từng tình huống cho thấy cái nhìn rõ hơn với các rủi ro chính mà Bảo Việt Nhân thọ có thể gặp phải.

Bảng trình bày dưới đây chỉ ra độ nhạy của các ước tính nghĩa vụ bảo hiểm đối với từng thay đổi cụ thể trong các giả định sử dụng trong quá trình ước tính. Một số biến nhất định dự kiến sẽ ảnh hưởng đến các nghĩa vụ bảo hiểm hơn các biến khác, và vì vậy dự kiến sẽ có độ nhạy lớn hơn đối với các biến này.

Ảnh hưởng tới lợi nhuận báo cáo do ảnh hưởng của các biến số chính như sau:

	Thay đổi biến %	Thay đổi nghĩa vụ được bảo hiểm (triệu VND)	Ảnh hưởng đến nguồn vốn chủ sở hữu (triệu VND)
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Tỷ lệ chiết khấu	+0.25	(151.005)	116.606
Tỷ lệ chiết khấu	-0.25	172.106	(132.900)
Tỷ lệ tử vong	+10	(1.934)	1.493
Tỷ lệ tử vong	-10	2.673	(2.064)
Tỷ lệ tử vong	+20	(3.161)	2.441
Tỷ lệ tử vong	-20	6.164	(4.760)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Tỷ lệ chiết khấu	+0.25	(244.194)	181.314
Tỷ lệ chiết khấu	-0.25	287.450	(213.432)
Tỷ lệ tử vong	+10	6.997	(5.195)
Tỷ lệ tử vong	-10	(6.150)	4.566
Tỷ lệ tử vong	+20	14.682	(10.901)
Tỷ lệ tử vong	-20	(11.441)	8.495

Phân tích trên được lập với giả định các giả định khác không đổi khi thay đổi biến số và bỏ qua thay đổi về giá trị của các tài sản liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

39.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Rủi ro tích tụ

Rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm hầu hết các loại rủi ro bảo hiểm phi nhân thọ như rủi ro hàng hóa vận chuyển, rủi ro tàu thủy, rủi ro hàng không, rủi ro dầu khí, rủi ro tài sản, rủi ro con người, rủi ro kỹ thuật,... Do vậy ngoài rủi ro tích tụ cùng loại rủi ro, Bảo hiểm Bảo Việt còn đối mặt với rủi ro tích tụ các loại rủi ro liên quan, chẳng hạn như bảo hiểm đồng thời tàu và hàng, bảo hiểm đồng thời tài sản và con người,... Bảo hiểm Bảo Việt đã có quy định về quản lý rủi ro tích tụ và mua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm khi xảy ra sự kiện rủi ro tích tụ hoặc thảm họa.

Những rủi ro chính đối với Bảo Việt Nhân thọ như rủi ro tử vong, rủi ro bệnh tật, rủi ro tuổi thọ, rủi ro từ hoạt động đầu tư, rủi ro chi phí, rủi ro từ việc ra quyết định của người được bảo hiểm không có khác biệt lớn giữa các vùng miền, theo loại hình được bảo hiểm hay theo ngành.

Chiến lược khai thác bảo hiểm nhân thọ của Bảo Việt Nhân thọ được thiết kế nhằm đảm bảo những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và mức độ của các quyền lợi bảo hiểm. Điều này phần lớn đạt được thông qua việc khai thác bảo hiểm trên tất cả ngành, vùng lãnh thổ địa lý, sử dụng các chương trình y tế để đảm bảo việc định giá sản phẩm đã tính đến các điều kiện sức khỏe hiện tại và tiền sử sức khỏe của gia đình, đặc thù nghề nghiệp những người làm việc trong từng ngành, rà soát thường xuyên các vụ bồi thường thực tế và quy trình định giá các sản phẩm cũng như quy trình giải quyết bồi thường. Các hạn mức khai thác được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp. Ví dụ, Bảo Việt Nhân thọ có quyền không tái tục các hợp đồng riêng lẻ, có thể áp dụng các mức khấu trừ và có quyền từ chối thanh toán các khiếu nại gian lận. Hợp đồng bảo hiểm cũng cho phép Bảo Việt Nhân thọ quyền thu đòi các bên thứ ba một phần hoặc toàn bộ các chi phí. Bảo Việt Nhân thọ củng cố chính sách chủ động quản lý và thu đòi bồi thường để giảm các rủi ro không dự đoán trước được trong tương lai có thể ảnh hưởng không tốt trực tiếp đến Bảo Việt Nhân thọ.

Ước tính quyền lợi bảo hiểm

Bảng dưới đây thể hiện mức độ tập trung của các khoản phải trả hợp đồng bảo hiểm nhân thọ theo loại hình hợp đồng:

	Nghĩa vụ các hợp đồng bảo hiểm và đầu tư có cấu phần không đảm bảo VND	Nghĩa vụ các hợp đồng bảo hiểm không có cấu phần không đảm bảo VND	Tổng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Điều khoản riêng	3.329.894.166	116.727.947.447	120.057.841.613
Trộn đời	82.267.897.985	-	82.267.897.985
Tử kỳ	-	5.092.202.103	5.092.202.103
Hỗn hợp	8.343.993.227.286	9.554.264.213.609	17.898.257.440.895
Liên kết chung	-	5.694.808.598.261	5.694.808.598.261
Niên kim	347.471.930.152	-	347.471.930.152
Khác	341.769.302	-	341.769.302
Tổng	8.777.404.718.891	15.370.892.961.420	24.148.297.680.311

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

39.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

	Nghĩa vụ các hợp đồng bảo hiểm và đầu tư có cấu phần không đảm bảo VNĐ	Nghĩa vụ các hợp đồng bảo hiểm không có cấu phần không đảm bảo VNĐ	Tổng VNĐ
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Điều khoản riêng	3.555.354.199	74.898.778.820	78.454.133.019
Trộn đời	74.828.975.891	-	74.828.975.891
Tử kỳ	-	5.423.976.157	5.423.976.157
Hỗn hợp	8.007.319.535.475	8.198.327.234.588	16.205.646.770.063
Liên kết chung	-	3.290.244.075.456	3.290.244.075.456
Niên kim	321.573.973.596	-	321.573.973.596
Tổng	8.407.277.839.161	11.568.894.065.021	19.976.171.904.182

Ước tính bồi thường

Để quản lý hiệu quả rủi ro bảo hiểm, quy trình tiếp nhận thông tin tổn thất, ước tính, thống kê và quản lý dữ liệu bồi thường là một công tác được Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện thêm quy trình thống kê và quản lý bồi thường để ước tính và trích vào chi phí đúng kỳ các khoản chi trả bồi thường có thể phát sinh. Quy trình này đã được Bảo hiểm Bảo Việt thực hiện từ nhiều năm và ước tính bồi thường ngày càng sát với các khoản chi trả thực tế. Quy trình thống kê bồi thường của Bảo hiểm Bảo Việt là một quy trình đầy đủ và chi tiết từ tiếp nhận khai báo tổn thất đến giải quyết bồi thường, được áp dụng cho từng loại rủi ro bảo hiểm. Khi có thông tin về tổn thất, những thông tin ban đầu của vụ tổn thất cũng như ước tính số tiền phải bồi thường được ghi nhận vào bảng thống kê tổn thất. Khi có thêm thông tin có thể làm thay đổi số ước bồi thường, số tiền phải bồi thường ước tính sẽ được cập nhật. Khi thực hiện tạm ứng hoặc chi trả bồi thường, thông tin về ngày tháng và số tiền tạm ứng, chi trả được cập nhật vào bảng thống kê bồi thường để làm giảm số ước còn phải bồi thường. Khi đã thanh toán bồi thường đầy đủ, hồ sơ vụ tổn thất sẽ được đóng lại.

Dự phòng tổn thất chưa giải quyết của Bảo Việt Nhân thọ được trích lập cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết. Thông tin tổn thất sẽ được cập nhật vào hệ thống quản lý nghiệp vụ khi Bảo Việt Nhân thọ nhận được thông báo tổn thất từ phía khách hàng. Số tiền ước tính thường không chênh lệch lớn so với chi phí bồi thường thực trả do tổn thất ước tính được xác định dựa trên thông tin tổn thất và tỷ lệ bồi thường quy định theo từng loại sản phẩm bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.2 Quản lý rủi ro tài chính

Các giao dịch công cụ tài chính có thể mang rủi ro tài chính cho Tập đoàn và các Công ty con. Những rủi ro này bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Điều hành Tập đoàn xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

39.2.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được định nghĩa là khoản lỗ tiềm tàng - do khả năng hoặc thiện chí trả nợ theo hợp đồng của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn có thể phát sinh từ hoạt động tín dụng bảo hiểm (chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt), hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác), và hoạt động kinh doanh khác.

Tín dụng bảo hiểm

Rủi ro tín dụng bảo hiểm là nguy cơ người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm theo các điều kiện và điều khoản được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Rủi ro này phát sinh chủ yếu tại Bảo hiểm Bảo Việt, trong khi Bảo hiểm Bảo Việt chưa thu được phí bảo hiểm nhưng do hợp đồng bảo hiểm đã phát sinh hiệu lực nên Bảo hiểm Bảo Việt vẫn phải nộp thuế GTGT, phát sinh chi phí phát hành và quản lý hợp đồng, chuyển phí nhượng tái bảo hiểm và nếu tổn thất phát sinh Bảo hiểm Bảo Việt vẫn phải thanh toán bồi thường.

Để làm giảm thiểu rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy trình đóng phí, gia hạn đóng phí bảo hiểm. Theo đó, chỉ phân cấp cho các công ty thành viên được gia hạn đóng phí các khoản phí nhỏ (phù hợp với từng loại rủi ro bảo hiểm và xếp hạng của công ty thành viên). Các khoản phí bảo hiểm lớn, chỉ Hội sở chính Bảo hiểm Bảo Việt được cho gia hạn. Chỉ những người tham gia bảo hiểm còn khả năng đóng phí hoặc có triển vọng là khách hàng chiến lược mới được gia hạn đóng phí bảo hiểm. Những người tham gia bảo hiểm bị đánh giá tín dụng thấp, không có khả năng đóng phí sẽ bị chấm dứt hiệu lực hợp đồng và tiếp tục theo dõi công nợ để làm các thủ tục đòi hoặc xóa nợ sau này. Trong quá trình phí bảo hiểm được gia hạn, Bảo hiểm Bảo Việt có thể áp dụng lãi phát sinh trên số phí gia hạn. Đối với các khoản phí bảo hiểm không đóng đúng thời hạn, Bảo hiểm Bảo Việt theo dõi trích lập dự phòng như quy định của nhà nước đối với nợ quá hạn và làm thủ tục xóa nợ nếu có đầy đủ cơ sở.

Năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 194/2014/TT-BTC, trong đó bổ sung quy định về điều kiện cho nợ phí. Với các quy định mới này, việc cho nợ phí sẽ được kiểm soát chặt chẽ hơn.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm đối với tổn thất cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt cũng phải đối mặt với rủi ro tín dụng khi các nhà nhận tái bảo hiểm này không thanh toán được phần trách nhiệm của họ cho Bảo hiểm Bảo Việt. Bảo hiểm Bảo Việt đã rất chú trọng việc kiểm soát rủi ro này khi chỉ nhượng tái bảo hiểm cho các nhà bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các nhà nhận tái bảo hiểm trong nước không được xếp hạng tín dụng, Bảo hiểm Bảo Việt cũng có những đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Các khoản đầu tư tiền gửi

Rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi được hiểu là nguy cơ không thu hồi được cả gốc và lãi theo thời hạn đã ấn định trong hợp đồng xảy ra do tổ chức tín dụng phá sản, bị tụt hạng tín dụng hoặc mất khả năng thanh khoản.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính, Tập đoàn đã xây dựng và triển khai mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên mô hình phân tích tín dụng nội bộ. Hội đồng QLRR Tập đoàn Bảo Việt xác định hạn mức tín dụng tại các ngân hàng mà Tập đoàn được phép gửi tiền và các hạn mức này được rà soát định kỳ. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Hội đồng QLRR Tập đoàn rà soát mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****39.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)****Đầu tư trái phiếu**

Rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư trái phiếu là nguy cơ không thu hồi được nợ của bên phát hành trái phiếu khi đến hạn thanh toán. Để quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu, Tập đoàn xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản; thận trọng khi đầu tư thêm trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2014; tuân thủ quy trình thẩm định, phê duyệt các khoản đầu tư.

Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con sẽ tiến hành xử lý tài sản đảm bảo. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn trái phiếu doanh nghiệp và đang chiếm tỷ trọng lớn tổng danh mục đầu tư trái phiếu nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp.

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Rủi ro tín dụng trong hoạt động giao dịch ký quỹ xảy ra khi khách hàng không thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của số tiền vay dù đã bán hết chứng khoán là tài sản đảm bảo. BVSC thực hiện chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để quản lý rủi ro này. Các khách hàng đều được đánh giá trước khi đàm phán về điều kiện xếp loại và hạn mức vay ký quỹ tương ứng. Ngoài ra rủi ro tín dụng còn được quản trị thông qua các biện pháp như xây dựng tiêu chuẩn cho các cổ phiếu nằm trong danh mục cho vay ký quỹ, xây dựng tỷ lệ ký quỹ an toàn, để ra các biện pháp thực hiện xử lý tài sản đảm bảo nhằm đảm bảo an toàn nguồn vốn phục vụ cho vay ký quỹ của BVSC.

Rủi ro tín dụng của hoạt động giao dịch ký quỹ năm 2014 ở mức thấp khi các khoản vay giao dịch ký quỹ được thanh toán đúng hạn, tỷ lệ tài sản đảm bảo được duy trì ở mức an toàn.

Phải thu khách hàng khác

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Do các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến các khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định. Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng dựa trên tổn thất ước tính khi có bằng chứng các khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****39.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng:

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị VNĐ	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt VNĐ	Bị giảm giá trị riêng biệt VNĐ	Tổng VNĐ
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.424.818.218.079	-	-	1.424.818.218.079
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	400.178.346.908	98.675.729.173	58.914.689.421	557.768.765.502
Phải thu tái bảo hiểm	280.706.615.396	-	-	280.706.615.396
Tài sản tái bảo hiểm	1.172.691.822.391	-	-	1.172.691.822.391
Các khoản phải thu khác	39.061.146.979	-	-	39.061.146.979
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	39.011.757.679	-	-	39.011.757.679
- Phải thu cổ tức	49.389.300	-	-	49.389.300
Các khoản đầu tư tài chính	35.200.435.620.454	-	554.752.316.504	35.755.187.936.958
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	16.709.237.436.988	-	-	16.709.237.436.988
- Trái phiếu	18.491.198.183.466	-	554.752.316.504	19.045.950.499.970
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.651.618.668.572	-	-	1.651.618.668.572
Các tài sản khác	375.817.688.914	2.092.668.166	888.135.183	378.798.492.263
TỔNG CỘNG	40.545.328.127.693	100.768.397.339	614.555.141.108	41.260.651.666.140
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.318.047.598.296	-	-	7.318.047.598.296
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	451.764.368.026	106.231.924.867	76.563.813.422	634.560.106.315
Phải thu tái bảo hiểm	1.036.224.090.116	-	-	1.036.224.090.116
Các khoản phải thu khác	42.271.063.551	-	-	42.271.063.551
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	28.932.340.251	-	-	28.932.340.251
- Phải thu cổ tức	13.338.723.300	-	-	13.338.723.300
Các khoản đầu tư tài chính	31.344.888.071.265	-	698.073.839.390	32.042.961.910.655
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	11.332.620.410.682	-	1.800.000.008	11.334.420.410.690
- Trái phiếu	20.012.267.660.583	-	696.273.839.382	20.708.541.499.965
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	8.073.140.117.539	284.174.125.004	1.126.879.553.465	9.484.193.796.008
Các tài sản khác	336.150.349.655	3.637.931.518	2.131.607.978	341.919.889.151
TỔNG CỘNG	48.602.485.658.448	394.043.981.389	1.903.648.814.255	50.900.178.454.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****39.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)***Phải thu khách hàng khác (tiếp theo)*

Các tài sản của Tập đoàn chưa quá hạn và không giảm giá trị bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác chưa quá hạn và không giảm giá trị theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

Trong đó:

- **Chưa quá hạn và không giảm giá trị:** các tài sản hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.
- **Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt:** các tài sản với lãi suất và nợ gốc đã quá hạn nhưng Tập đoàn tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.
- **Bị giảm giá trị riêng biệt:** các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà Tập đoàn cho rằng không thể thu hồi đầy đủ lãi và nợ gốc theo các điều khoản của hợp đồng.

Tập đoàn trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản phải thu theo Thông tư 228 và Thông tư 89. Trong tổng tài sản quá hạn, có những khoản nợ Tập đoàn đang làm thủ tục xóa nợ vì không thu được trong khi đã đủ cơ sở xóa nợ. Có những khoản nợ không thu được nhưng chưa đủ cơ sở xóa nợ, Tập đoàn đang làm các thủ tục khởi kiện. Có những khoản nợ mà bên nợ vẫn có khả năng trả nợ, Tập đoàn đã làm các thủ tục xác nhận nợ và xúc tiến việc thu nợ.

39.2.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và nợ phải trả trong ngắn hạn.

Mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt là đảm bảo cân đối các luồng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn tiếp tục tiến hành phân tích thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính và thông tin về luồng tiền ước tính. Phân tích các nhu cầu thanh khoản trong quá khứ để thấy những biến động về nhu cầu này và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét và báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO). Ủy ban sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****39.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: triệu đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Quá hạn	Không kỳ hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	1.424.818	-	-	1.424.818
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	557.769	-	-	557.769
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	280.707	-	-	280.707
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	1.172.692	-	-	1.172.692
Các khoản phải thu khác	-	-	39.061	-	-	39.061
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	39.012	-	-	39.012
- Phải thu cổ tức	-	-	49	-	-	49
Các khoản đầu tư tài chính	80.000	1.571.475	15.499.596	13.885.043	19.386.714	50.422.828
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-	-	13.571.190	3.588.730	752.601	17.912.521
- Trái phiếu	80.000	-	1.928.406	10.296.313	18.634.113	30.938.832
- Cổ phiếu	-	1.506.475	-	-	-	1.506.475
- Đầu tư tài chính khác	-	65.000	-	-	-	65.000
Cho vay khách hàng	-	-	1.651.619	-	-	1.651.619
Các tài sản khác	-	-	378.798	-	-	378.798
TỔNG CỘNG	80.000	1.571.475	21.005.060	13.885.043	19.386.714	55.928.292

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu và thời gian ước tính của các luồng tiền phát sinh từ các nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm vào ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: triệu đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Quá hạn	Không kỳ hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	352	-	(796.428)	(1.698.165)	47.371.260	44.877.019
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi của ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	-	-	-	-	-	-
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	549.789	-	-	549.789
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	337.319	-	-	337.319
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	3.971.037	-	-	3.971.037
- Nhận ký quỹ	-	-	60.749	-	-	60.749
- Khác	-	-	3.910.288	-	-	3.910.288
TỔNG CỘNG	352	-	4.061.717	(1.698.165)	47.371.260	49.735.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****39.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu và thời gian ước tính của các luồng tiền phát sinh từ các nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm vào ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: triệu đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Quá hạn	Không kỳ hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	7.318.048	-	-	7.318.048
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	634.560	-	-	634.560
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	1.036.224	-	-	1.036.224
Các khoản phải thu khác	-	-	42.271	-	-	42.271
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	28.932	-	-	28.932
- Phải thu cổ tức	-	-	13.339	-	-	13.339
Các khoản đầu tư tài chính	151.800	1.466.290	12.789.174	13.373.748	18.783.021	46.564.033
- Hợp đồng tiền gửi	1.800	-	10.462.116	1.029.591	820.993	12.314.500
- Trái phiếu	150.000	-	2.327.058	12.344.157	17.962.028	32.783.243
- Cổ phiếu	-	1.466.290	-	-	-	1.466.290
Cho vay khách hàng	431.563	-	4.099.821	1.328.106	3.736.445	9.595.935
Các tài sản khác	-	-	341.920	-	-	341.920
TỔNG CỘNG	583.363	1.466.290	26.262.018	14.701.854	22.519.466	65.532.991

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu và thời gian ước tính của các luồng tiền phát sinh từ các nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm vào ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: triệu đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Quá hạn	Không kỳ hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	-	-	(127.750)	(2.389)	41.370.035	41.239.896
Tiền gửi của khách hàng	-	-	8.545.017	57.214	75	8.602.306
Tiền gửi của ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	-	-	4.780.924	-	-	4.780.924
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	323.703	-	-	323.703
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	529.932	-	-	529.932
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	3.549.082	-	-	3.549.082
- Nhận ký quỹ	-	-	48.257	-	-	48.257
- Khác	-	-	3.500.825	-	-	3.500.825
TỔNG CỘNG	-	-	17.600.908	54.825	41.370.110	59.025.843

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****39.2.3 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái.

Mục tiêu của Tập đoàn là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với chiến lược đầu tư của Tập đoàn.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Trong danh mục nợ của Bảo hiểm Bảo Việt, một phần công nợ tái bảo hiểm được quy đổi và chốt theo đồng đô la Mỹ. Hình thức thanh toán được áp dụng chủ yếu là thanh toán bù trừ và chỉ thực chi phần chênh lệch. Năm 2014, tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ diễn biến ổn định, nguồn ngoại tệ từ nguồn thu của Bảo hiểm Bảo Việt cũng như trên thị trường đều đối đảo nên rủi ro tỷ giá đối với Tập đoàn là thấp. Năm 2015, dự báo rủi ro này sẽ tiếp tục ở mức thấp.

Bảng sau minh họa ảnh hưởng của biến động tỷ giá ngoại tệ giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với giả định là các yếu tố khác không đổi:

Biến động	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế VNĐ
31 tháng 12 năm 2014	
+5%	6.538.036.181
- 5%	(6.538.036.181)
31 tháng 12 năm 2013	
+5%	18.063.543.087
- 5%	(18.063.543.087)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư trái phiếu và tiền gửi có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp để đáp ứng các khoản phải trả trong tương lai. Nếu xét mức độ ảnh hưởng của biến động lãi suất lên thu nhập lãi thì chỉ danh mục các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi có ảnh hưởng trực tiếp lên thu nhập lãi, tuy nhiên, Tập đoàn đánh giá rủi ro này ở mức thấp do các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi chiếm tỷ trọng nhỏ trong toàn bộ danh mục đầu tư.

Ngoài ra, biến động giảm lãi suất cũng tác động đến các dòng tiền đáo hạn để tái đầu tư vào danh mục tiền gửi và trái phiếu. Tập đoàn thường xuyên rà soát và lựa chọn kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất lên các khoản tái đầu tư trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận. Với chính sách quản lý rủi ro nhất quán, Tập đoàn đánh giá mức độ rủi ro tái đầu tư do lãi suất biến động đối với danh mục đầu tư của Tập đoàn ở mức trung bình.

Đối với các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

39.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là nguy cơ xảy ra giá cổ phiếu niêm yết, giá cổ phiếu OTC biến động mạnh trên thị trường chứng khoán. Rủi ro giá cổ phiếu có nguy cơ khi đầu tư quá nhiều vào một ngành, một công ty hoặc một nhóm công ty có chung chủ sở hữu. Tập đoàn quản lý rủi ro này bằng việc đánh giá, lựa chọn một cách thận trọng các ngành nghề và công ty để đầu tư; quy định hạn mức vào một ngành hoặc một công ty hoặc nhóm công ty; phân tích rủi ro hệ thống đến danh mục khi có biến động lớn của thị trường. Nhằm giảm thiểu các tác động do thay đổi bất lợi của thị trường và lĩnh vực đầu tư, danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn được đa dạng hóa và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu được duy trì ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư.

Tập đoàn sử dụng công cụ Giá trị rủi ro (“VaR”) để giám sát và giới hạn rủi ro giá cổ phiếu niêm yết. VaR là phương pháp ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động của thị trường và giá trong khoảng thời gian nhất định, với mức độ tin cậy cho trước.

Đơn vị: VND

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	1.079.157.551.726	129.048.522.260	1.208.206.073.986
Giá trị thị trường	866.885.438.535	484.596.624.388	1.351.482.062.923
VaR (95%, 1 ngày)	(14.311.778.708)	(19.187.487.846)	(33.499.266.554)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	12.576.393.174	6.542.678.535	19.119.071.709
VaR (95%, 1 tuần)	(32.002.110.069)	(42.904.527.140)	(74.906.637.209)
VaR (95%, 1 tháng)	(67.128.192.402)	(89.997.295.383)	(157.125.487.785)
VaR (95%, 1 năm)	(227.192.443.678)	(304.591.926.743)	(531.784.370.421)
Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	1.000.450.528.062	247.596.842.856	1.248.047.370.918
Giá trị thị trường	615.160.450.500	431.917.727.100	1.047.078.177.600
VaR (95%, 1 ngày)	(11.503.913.562)	(14.366.851.113)	(25.870.764.675)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	9.047.220.522	6.807.652.090	15.854.872.612
VaR (95%, 1 tuần)	N/A	N/A	(57.848.788.442)
VaR (95%, 1 tháng)	N/A	N/A	(115.697.576.884)
VaR (95%, 1 năm)	N/A	N/A	(410.685.657.334)

Giá trị rủi ro VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 33,5 tỷ, nghĩa là với xác suất 95%, mức tổn thất tối đa của danh mục cổ phiếu niêm yết trong một ngày là 33,5 tỷ đồng.

VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lớn hơn VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013; tỷ lệ phần trăm của VaR so với giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (2,5%) tương đương tỷ lệ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (2,5%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

39.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

39.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Tập đoàn còn sử dụng phương pháp phân tích kịch bản “stress testing” để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy, khi có sự biến động của chỉ số thị trường (chỉ số VN-Index hoặc HNX Index), các yếu tố còn lại không đổi, lợi nhuận trước thuế sẽ bị ảnh hưởng. Mối tương quan của các biến số cũng tác động đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro về giá:

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của danh mục cổ phiếu niêm yết (*) VND
31 tháng 12 năm 2014		
Kịch bản 1	+10%	22.053.696.122
Kịch bản 2	-10%	(33.739.644.735)
31 tháng 12 năm 2013		
Kịch bản 1	+10%	20.422.718.291
Kịch bản 2	-10%	(34.482.596.910)

(*) Lưu ý: Số liệu được tính toán áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89 do đó ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của việc biến động giá cổ phiếu chỉ tính tới các cổ phiếu niêm yết mà giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính giảm xuống dưới giá gốc.

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Tập đoàn vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các công cụ kỳ hạn cố định, công cụ vốn niêm yết và không niêm yết, các khoản cho vay và phải thu khách hàng, và các khoản phải thu tài chính khác. Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

- **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;

(ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

(iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc

c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay. Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

(i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;

(ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

(iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá trị VND	Tổng VND	Giá trị hợp lý VND
31 tháng 12 năm 2014				
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư kỳ hạn cố định	36.746.428.525.493	(991.240.588.535)	35.755.187.936.958	38.166.982.821.275
- Sản sàng để bán - Chứng khoán Nợ	15.965.289.819.416	-	15.965.289.819.416	18.627.542.155.069
- Cho vay và phải thu - Chứng khoán Nợ	3.269.383.544.257	(188.722.863.705)	3.080.660.680.552	2.594.767.768.632
- Cho vay và phải thu - Hợp đồng tiền gửi	17.511.755.161.820	(802.517.724.830)	16.709.237.436.990	16.944.672.897.574
Đầu tư vốn	1.982.937.174.347	(476.462.549.554)	1.506.474.624.793	1.938.953.995.399
- Sản sàng để bán	1.780.063.515.053	(454.028.492.525)	1.326.035.022.528	1.738.441.905.996
- Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	202.873.659.294	(22.434.057.029)	180.439.602.265	200.512.089.403
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	693.228.952.974	(85.483.187.749)	607.745.765.225	607.745.765.225
Tạm ứng từ giá trị giải ước	965.083.503.975	-	965.083.503.975	965.083.503.975
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	743.644.206.647	(185.875.441.145)	557.768.765.502	522.726.132.013
Phải thu tái bảo hiểm	280.706.615.396	-	280.706.615.396	280.706.615.396
Tài sản tái bảo hiểm	1.172.691.822.391	-	1.172.691.822.391	1.172.691.822.391
Phải thu khác	457.489.615.481	(39.629.976.242)	417.859.639.239	416.306.139.239
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	39.011.757.679	-	39.011.757.679	39.011.757.679
- Phải thu cổ tức	49.389.300	-	49.389.300	49.389.300
- Khác	418.428.468.502	(39.629.976.242)	378.798.492.260	377.244.992.260
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.424.818.218.079	-	1.424.818.218.079	1.424.818.218.079
TỔNG CỘNG	44.467.028.634.783	(1.778.691.743.225)	42.688.336.891.558	45.496.015.012.992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá trị VND	Tổng VND	Giá trị hợp lý VND
31 tháng 12 năm 2013				
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư kỳ hạn cố định	32.921.554.463.304	(878.592.552.650)	32.042.961.910.654	32.321.986.173.303
- Sản sàng để bán - Chứng khoán nợ	16.977.745.295.803	-	16.977.745.295.803	17.448.650.461.619
- Cho vay và phải thu - Chứng khoán nợ	3.870.634.226.681	(139.838.022.519)	3.730.796.204.162	3.241.851.442.549
- Cho vay và phải thu - Hợp đồng tiền gửi	12.073.174.940.820	(738.754.530.131)	11.334.420.410.689	11.631.484.269.135
Đầu tư vốn	2.086.457.975.229	(620.168.320.456)	1.466.289.654.773	1.667.464.294.635
- Sản sàng để bán	1.781.783.725.732	(561.976.914.611)	1.219.806.811.121	1.409.603.275.968
- Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	304.674.249.497	(58.191.405.845)	246.482.843.652	257.861.018.667
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	8.606.092.550.507	(184.735.681.810)	8.421.356.868.697	8.421.356.868.697
Tạm ứng từ giá trị giải ước	931.860.481.727	-	931.860.481.727	931.860.481.727
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	787.797.388.245	(153.237.281.930)	634.560.106.315	534.973.812.898
Phải thu tái bảo hiểm	1.036.224.090.116	-	1.036.224.090.116	1.036.224.090.116
Phải thu khác	383.464.965.360	(10.776.999.455)	372.687.965.905	372.687.965.905
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	28.932.340.251	-	28.932.340.251	28.932.340.251
- Phải thu cổ tức	13.338.723.300	-	13.338.723.300	13.338.723.300
- Khác	341.193.901.809	(10.776.999.455)	330.416.902.354	330.416.902.354
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.318.047.598.296	-	7.318.047.598.296	7.318.047.598.296
TỔNG CỘNG	54.071.499.512.784	(1.847.510.836.301)	52.223.988.676.483	52.604.601.285.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
31 tháng 12 năm 2014		
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	25.507.863.513.639	25.507.863.513.639
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	549.789.154.643	549.789.154.643
Phải trả tái bảo hiểm	337.319.371.742	337.319.371.742
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	3.971.036.679.190	3.971.036.679.190
- <i>Nhận ký quỹ</i>	60.748.933.283	60.748.933.283
- <i>Khác</i>	3.910.287.745.907	3.910.287.745.907
Tổng cộng	30.366.008.719.214	30.366.008.719.214
31 tháng 12 năm 2013		
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	21.139.439.951.879	21.139.439.951.879
Tiền gửi của khách hàng	7.167.244.448.866	7.167.244.448.866
Tiền gửi của ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	4.782.967.794.965	4.782.967.794.965
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	323.702.963.522	323.702.963.522
Phải trả tái bảo hiểm	529.931.582.001	529.931.582.001
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	3.549.082.563.359	3.549.082.563.359
- <i>Nhận ký quỹ</i>	48.257.468.453	48.257.468.453
- <i>Khác</i>	3.500.825.094.906	3.500.825.094.906
Tổng cộng	37.492.369.304.592	37.492.369.304.592

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư kỳ hạn cố định có lãi suất cố định hay thả nổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, độ rủi ro của dự án được tài trợ và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Tập đoàn ước tính giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai bằng cách chiết khấu theo lãi suất thị trường.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá công bố, nếu có, tại ngày lập báo cáo.
- Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp. Các phương pháp này bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, giá trị tài sản ròng và các mô hình định giá liên quan.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị của từng tài sản tài chính riêng biệt trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ đó là đáng kể, hoặc đánh giá chung các tài sản tài chính trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ không đáng kể.
- Đối với các tài sản bị giảm giá trị riêng lẻ, lỗ do suy giảm giá trị được xác định là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính trong tương lai chiết khấu theo lãi suất thực tế ban đầu.
- Đối với đánh giá chung, các tài sản được phân nhóm dựa trên đặc tính rủi ro tín dụng. Lỗ do giảm giá trị được đánh giá tổng thể dựa trên kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính tương tự.
- Đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU SO SÁNH

Trong năm 2014, do ảnh hưởng của việc thay đổi trong yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ theo Thông tư 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh, phân loại và trình bày lại một số số liệu so sánh đầu kỳ để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết số liệu điều chỉnh được trình bày như dưới đây:

Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 232	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.009.687.670.927	571.861.013.942	23.581.548.684.869
I. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.397.993.530.033	(712.523.650.716)	3.685.469.879.317
1. Phải thu về hoạt động bảo hiểm	41.1	1.824.021.478.361	(712.523.650.716)	1.111.497.827.645
II. Tài sản tái bảo hiểm		-	1.284.384.664.658	1.284.384.664.658
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	41.4	-	693.775.574.975	693.775.574.975
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		-	590.609.089.683	590.609.089.683
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		55.093.139.820.723	571.861.013.942	55.665.000.834.665

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 232	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ		40.877.671.108.929	571.861.013.942	41.449.532.122.871
I. Nợ ngắn hạn		5.778.504.510.049	(121.914.561.033)	5.656.589.949.016
2. Phải trả thương mại	41.2	4.466.973.931.161	(38.399.197.261)	4.428.574.733.900
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.3	400.881.755.465	(83.515.363.772)	317.366.391.693
II. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm		23.498.544.063.197	693.775.574.975	24.192.319.638.172
1. Dự phòng phí chưa được hưởng	41.4	2.316.444.731.074	693.775.574.975	3.010.220.306.049
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		55.093.139.820.723	571.861.013.942	55.665.000.834.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh như sau:

41.1 Phải thu về hoạt động bảo hiểm

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 232	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	653.946.733.564	318.340.427	654.265.073.991
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	140.559.652.420	(30.524.539.441)	110.035.112.979
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	895.664.437.696	(681.999.111.275)	213.665.326.421
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm	4.890.277.796	(241.902.827)	4.648.374.969
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	128.960.376.885	(76.437.600)	128.883.939.285
Phải thu về hoạt động bảo hiểm	1.824.021.478.361	(712.523.650.716)	1.111.497.827.645

41.2 Phải trả thương mại

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 232	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)
Bảo hiểm phi nhân thọ	665.223.871.680	(38.399.197.261)	626.824.674.419
Phải trả nhận tái bảo hiểm phi nhân thọ	134.312.263.058	(30.524.539.441)	103.787.723.617
Phải trả nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	395.619.318.943	(91.390.021.592)	304.229.297.351
Phải trả đồng bảo hiểm	-	83.515.363.772	83.515.363.772
Phải trả thương mại	4.466.973.931.161	(38.399.197.261)	4.428.574.733.900

41.3 Các khoản phải trả, phải nộp khác

Đơn vị: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 232	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)
Phải trả đồng bảo hiểm	83.515.363.772	(83.515.363.772)	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	400.881.755.465	(83.515.363.772)	317.366.391.693

41.4 Dự phòng phí chưa được hưởng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 232	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)
Bảo hiểm phi nhân thọ	2.259.667.412.574	693.775.574.975	2.953.442.987.549
Dự phòng phí chưa được hưởng	2.316.444.731.074	693.775.574.975	3.010.220.306.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 (số liệu đã trình bày)	Phân loại lại theo Thông tư 232	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 (trình bày lại)
Doanh thu phí bảo hiểm (**)		-	11.937.604.871.653	11.937.604.871.653
Phí bảo hiểm gốc (**)	41.5	11.989.345.135.217	(80.966.400.234)	11.908.378.734.983
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (**)	41.6	-	(300.641.894.797)	(300.641.894.797)
Phí nhượng tái bảo hiểm (**)			(1.280.406.696.661)	(1.280.406.696.661)
Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (**)	41.6	-	28.246.993.133	28.246.993.133
Giảm phí bảo hiểm (*)	41.5	(15.946.757.921)	15.946.757.921	-
Hoàn phí bảo hiểm (*)	41.5	(65.019.642.313)	65.019.642.313	-
Tăng/(giảm) dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học (*)	41.6	(2.801.665.219.645)	2.801.665.219.645	-
Doanh thu phí bảo hiểm thuần (**)		-	10.657.198.174.992	10.657.198.174.992
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (**)		-	238.402.263.235	238.402.263.235
Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (*)		(5.195.663.034.723)	5.195.663.034.723	-
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (**)		8.366.330.120.246	2.529.270.317.981	10.895.600.438.227
(Tăng)/giảm dự phòng toán học (**)	41.6	-	(2.529.270.317.981)	(2.529.270.317.981)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (**)	41.7	-	328.606.878.182	328.606.878.182
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (*)	41.7	-	(402.294.877.625)	(402.294.877.625)
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường (*)	41.7	(73.687.999.443)	73.687.999.443	-
Tổng chi bồi thường bảo hiểm (**)		-	(7.798.621.352.147)	(7.798.621.352.147)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (**)	41.7	(1.485.151.441.124)	(1.287.196.892.210)	(2.772.348.333.334)
Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (**)		(6.619.443.240.984)	(3.816.467.210.191)	(10.435.910.451.175)
Chi phí bán hàng (*)	41.8	(372.533.232.026)	372.533.232.026	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp		(2.681.154.696.353)	914.663.660.184	(1.766.491.036.169)
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm	41.9	(2.131.094.559.615)	914.663.660.184	(1.216.430.899.431)

(*) Số liệu đã được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và không trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo quy định của Thông tư 232

(**) Số liệu được trình bày lại theo Thông tư 232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Chi tiết diễn giải số liệu so sánh đầu năm được phân loại lại trên báo cáo kết quả kinh doanh như sau:

41.5. Phí bảo hiểm gốc theo Thông tư 232 bao gồm các khoản giảm phí, hoàn phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm

	VND
Phí bảo hiểm gốc	11.989.345.135.217
Các khoản hoàn phí/giảm phí	(80.966.400.234)
- Giảm phí bảo hiểm	(15.946.757.921)
- Hoàn phí bảo hiểm	(65.019.642.313)
Phí bảo hiểm gốc (trình bày lại)	11.908.378.734.983

41.6 Tăng giảm dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học được phân loại lại như sau

	VND
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	300.641.894.797
Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(28.246.993.133)
(Tăng)/giảm dự phòng toán học	2.529.270.317.981
(Tăng)/giảm dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng toán học	2.801.665.219.645

41.7 Tăng giảm dự phòng bồi thường được phân loại lại như sau

	VND
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	328.606.878.182
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(402.294.877.625)
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường	(73.687.999.443)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Chi tiết diễn giải số liệu so sánh đầu năm được phân loại lại trên báo cáo kết quả kinh doanh như sau (tiếp theo):

41.8 Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm được phân loại lại như sau

Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Số điều chỉnh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
	(số liệu đã trình bày) VNĐ	VNĐ	(trình bày lại) VNĐ
Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc	1.423.213.313.473	1.343.968.450.292	2.767.181.763.765
Chi hoa hồng	1.266.367.965.547	56.771.558.082	1.323.139.523.629
Chi để phòng hạn chế tổn thất	78.352.943.499	-	78.352.943.499
Chi giám định, chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm, chi khác	78.492.404.427	-	78.492.404.427
Chi phí bán hàng	-	372.533.232.026	372.533.232.026
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ phân bổ từ chi quản lý	-	914.663.660.184	914.663.660.184
Chi nhận tái bảo hiểm khác	59.254.451.704	(56.771.558.082)	2.482.893.622
Chi nhượng tái bảo hiểm khác	2.683.675.947	-	2.683.675.947
	1.485.151.441.124	1.287.196.892.210	2.772.348.333.334

41.9 Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm được phân bổ sang chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm như sau

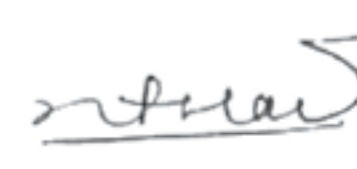
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013	Số phân bổ sang chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
	(số liệu đã trình bày) VNĐ	VNĐ	(số liệu đã trình bày) VNĐ
Chi phí nhân công	900.308.414.642	(358.472.453.030)	541.835.961.612
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.517.140.867	(44.809.928.334)	57.707.212.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.649.395.820	(25.030.241.127)	60.619.154.693
Thuế và chi phí lệ phí	16.715.919.148	(8.746.279.498)	7.969.639.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	353.347.778.783	(120.854.464.088)	232.493.314.695
Chi phí dự phòng	35.717.002.650	-	35.717.002.650
Chi phí khác	636.838.907.705	(356.750.294.107)	280.088.613.598
	2.131.094.559.615	(914.663.660.184)	1.216.430.899.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngoài những thông tin đã công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.


Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốcHà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2015

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

GIỮ VỮNG NIỀM TIN
BẰNG SỰ MINH BẠCH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin chung

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán riêng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

THÔNG TIN CHUNG

TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh đã được đăng ký thay đổi 7 lần, lần 7 vào ngày 02 tháng 07 năm 2014.

Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 02 tháng 07 năm 2014 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; và hoạt động kinh doanh bất động sản
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có các Công ty con sau:

Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (“Bảo hiểm Bảo Việt”)	35 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (“Bảo Việt Nhân thọ”)	Tầng 37 Keangnam Hà Nội Landmark Tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (“BVF”)	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”)	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới và lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc (“Bảo Việt - Âu Lạc”)	Hà Liễu, Phường Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt (“BVInvest”)	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	55%

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

Tập đoàn có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư xây dựng cơ bản Bảo Việt (“PMU”)	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày lập báo cáo này, Tập đoàn có các sự kiện quan trọng sau:

- Ngày 24 tháng 04 năm 2014, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức thành công Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2014 và thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm tài chính 2013 là 15% (1.500 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam tương đương với số tiền 1.020.707.151.000 đồng.
- Ngày 19 tháng 07 năm 2014, Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (“BVF1”) đã hoàn thành việc giải thể quỹ và đã chuyển trả toàn bộ phần vốn góp còn lại cho các nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ nắm giữ ban đầu theo Nghị quyết Đại hội đồng Thành viên của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt số 02.2012/BVF1-HĐTV ngày 18 tháng 10 năm 2012 và Công văn chấp thuận số 17/UBCKQLQ ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Theo lộ trình đã đặt ra trong đề án thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt (“BaovietBank”) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tập đoàn Bảo Việt sẽ giảm dần tỷ lệ sở hữu tại BaovietBank để tuân thủ theo các quy định của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010. Ngày 24 tháng 09 năm 2014, với việc BaovietBank đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Đợt 1 từ 3.000 tỷ đồng lên 3.150 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt đã giảm từ 52% xuống 49,52% và sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới khi BaovietBank tiếp tục tăng vốn điều lệ theo lộ trình tăng vốn. Do ảnh hưởng của việc giảm tỷ lệ sở hữu tại BaovietBank, kể từ ngày 24 tháng 09 năm 2014, khoản đầu tư vào Baoviet Bank đã được phản ánh trên báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Bảo Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch	Ngày 23 tháng 12 năm 2014	
Ông Nguyễn Quang Phi	Thành viên	Ngày 25 tháng 06 năm 2014	
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	Ngày 04 tháng 10 năm 2007	
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên	Ngày 23 tháng 09 năm 2009	
Ông Yukihira Yoshiharu	Thành viên	Ngày 24 tháng 04 năm 2013	
Ông Kono Shinzo	Thành viên	Ngày 24 tháng 04 năm 2013	
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên	Ngày 23 tháng 12 năm 2014	
Ông Phan Kim Bằng	Thành viên	Ngày 23 tháng 12 năm 2014	

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Thân Hiền Anh	Thành viên	Ngày 23 tháng 12 năm 2014	
Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch	Ngày 04 tháng 10 năm 2007	Ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch	Ngày 29 tháng 11 năm 2012	Ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Trần Trọng Phúc	Thành viên	Ngày 04 tháng 10 năm 2007	Ngày 31 tháng 03 năm 2014
Ông Dương Đức Chuyển	Thành viên	Ngày 19 tháng 04 năm 2011	Ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Lê Hải Phong	Thành viên	Ngày 29 tháng 11 năm 2011	Ngày 23 tháng 12 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên	Ngày 25 tháng 12 năm 2014 Ngày 04 tháng 10 năm 2007	
Ông Phan Kim Bằng	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngày 29 tháng 11 năm 2012	Ngày 22 tháng 12 năm 2014
Ông Đặng Thái Quý	Thành viên	Ngày 29 tháng 11 năm 2012	
Ông Ông Tiến Hùng	Thành viên	Ngày 29 tháng 11 năm 2012	
Ông Yagi Nobuyuki	Thành viên	Ngày 24 tháng 04 năm 2013	

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Phi	Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 06 năm 2014	
Ông Dương Đức Chuyển	Tổng Giám đốc Giám đốc Đầu tư	Ngày 31 tháng 03 năm 2014 Ngày 22 tháng 04 năm 2010	Ngày 25 tháng 06 năm 2014 Ngày 25 tháng 12 năm 2014
Ông Trần Trọng Phúc	Tổng Giám đốc	Ngày 24 tháng 04 năm 2013	Ngày 31 tháng 03 năm 2014
Ông Đậu Minh Lâm	Giám đốc Đầu tư	Ngày 25 tháng 12 năm 2014	
Ông Lê Hải Phong	Giám đốc Tài chính	Ngày 30 tháng 06 năm 2008	Ngày 25 tháng 12 năm 2014
Ông Phan Tiến Nguyên	Giám đốc Nguồn Nhân lực	Ngày 30 tháng 06 năm 2008	
Ông Hoàng Việt Hà	Giám đốc Hoạt động	Ngày 26 tháng 09 năm 2011	Ngày 25 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Giám đốc Bất động sản	Ngày 11 tháng 07 năm 2012	
Bà Thân Hiền Anh	Giám đốc Chiến lược và Quản lý rủi ro	Ngày 26 tháng 08 năm 2014	Ngày 06 tháng 02 năm 2015

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Phi, chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH TẬP ĐOÀN ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt (“Ban Điều hành”) chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty mẹ Tập đoàn. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty mẹ tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty mẹ Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty mẹ Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Đào Đình Thi
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2015



Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 4 3831 5100
Fax: +84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60780870/17122773

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Tập đoàn Bảo Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt (“Tập đoàn”) được lập ngày 25 tháng 03 năm 2015 và được trình bày từ trang 375 đến trang 414, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 3 của báo cáo tài chính riêng. Tập đoàn đã lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 31 tháng 03 năm 2015 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1

Lê Đức Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1672-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.635.482.877.622	3.269.152.947.328
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	51.106.195.242	227.414.382.562
111	1. Tiền		51.106.195.242	53.414.382.562
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	174.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	2.944.834.147.111	2.498.816.794.255
121	1. Đầu tư ngắn hạn		3.553.548.034.039	3.091.113.948.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(608.713.886.928)	(592.297.153.745)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		635.156.251.197	538.408.053.204
131	1. Phải thu khách hàng	7	274.051.211.629	287.890.678.363
133	2. Phải thu từ các bên liên quan	8	359.383.615.828	248.865.261.546
135	3. Các khoản phải thu khác		1.721.423.740	1.652.113.295
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.386.284.072	4.513.717.307
151	1. Chi phí trả trước chờ phân bổ		3.072.863.661	3.717.503.658
158	2. Tạm ứng cho nhân viên		1.313.420.411	796.213.649

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.093.150.749.401	8.619.866.064.677
220	I. Tài sản cố định		415.086.749.613	453.972.630.071
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	317.040.135.814	352.894.077.464
222	Nguyên giá		566.602.478.900	552.147.734.547
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(249.562.343.086)	(199.253.657.083)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	53.361.025.115	58.127.611.405
228	Nguyên giá		126.392.449.456	122.489.254.056
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(73.031.424.341)	(64.361.642.651)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	44.685.588.684	42.950.941.202
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	7.678.063.999.788	8.163.413.416.487
251	1. Đầu tư vào công ty con và Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	12.1	4.891.291.148.720	6.498.116.592.172
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát	12.2	1.737.000.000.000	177.000.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	12.3	1.050.866.732.657	1.568.309.660.459
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12.4	(1.093.881.589)	(80.012.836.144)
260	III. Tài sản dài hạn khác		-	2.480.018.119
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.2	-	1.036.200.000
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	1.443.818.119
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.728.633.627.023	11.889.019.012.005

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

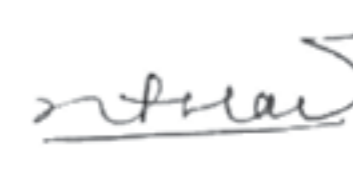
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		190.000.425.470	394.668.514.511
310	I. Nợ ngắn hạn		190.000.425.470	394.668.514.511
312	1. Phải trả người bán		3.873.215.117	4.402.212.301
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	10.078.250.244	27.941.066.919
315	3. Phải trả người lao động	14	23.262.504.338	19.708.010.099
317	4. Phải trả các bên liên quan	15	75.961.535.022	56.567.655.088
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	47.067.547.352	51.740.948.611
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	28.707.373.340	38.863.823.433
327	7. Phải trả giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	18	-	194.336.464.676
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		1.050.000.057	1.108.333.384
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.538.633.201.553	11.494.350.497.494
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	11.538.633.201.553	11.494.350.497.494
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.549.586.480.356	1.505.303.776.297
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.728.633.627.023	11.889.019.012.005

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
1. Đô la Mỹ (USD)	2.500,57	2.509,96


Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

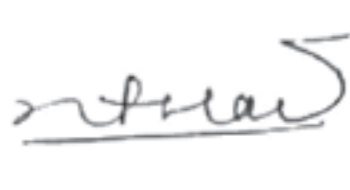
Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốcHà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
21	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	20	1.261.601.791.414	1.271.386.829.175
22	2. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	51.187.207.994	86.888.357.584
24	3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		1.312.788.999.408	1.358.275.186.759
25	4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(204.959.548.654)	(226.286.706.729)
30	5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.107.829.450.754	1.131.988.480.030
31	6. Thu nhập khác	23	78.553.488.718	80.993.123.463
32	7. Chi phí khác	23	(10.928.209.990)	(21.452.331.214)
40	8. Lợi nhuận khác	23	67.625.278.728	59.540.792.249
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.175.454.729.482	1.191.529.272.279
51	10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	(53.068.030.227)	(76.810.371.701)
52	11. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24.2	(1.036.200.000)	(10.411.300.000)
60	12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.121.350.499.255	1.104.307.600.578

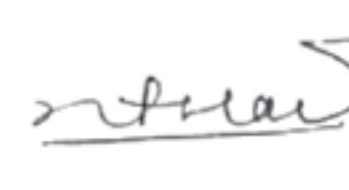

Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốcHà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2014**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		717.823.492.290	738.954.040.996
03	2. Tiền chi trả cho người lao động		(79.571.443.920)	(82.502.738.557)
05	3. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(81.488.273.444)	(43.810.158.116)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		221.529.803.065	175.225.471.992
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(205.261.787.111)	(245.022.593.313)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		573.031.790.880	542.844.023.002
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(19.779.781.655)	(21.663.946.076)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	16.652.200
23	3. Tiền chi mua các khoản đầu tư của các đơn vị khác		(2.880.069.193.587)	(2.046.146.383.951)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các khoản đầu tư của đơn vị khác		3.170.468.420.881	2.454.406.447.766
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	(700.000.000.000)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		270.619.445.639	(313.387.230.061)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.019.959.934.400)	(1.020.096.370.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.019.959.934.400)	(1.020.096.370.350)
50	IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(176.308.697.881)	(790.639.577.409)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		227.414.382.562	1.018.050.613.752
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		510.561	3.346.219
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	51.106.195.242	227.414.382.562


Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốcHà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") trước đây là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh được đăng ký thay đổi 7 lần, lần 7 vào ngày 02 tháng 07 năm 2014.

Tập đoàn niêm yết toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Một số thông tin về Tập đoàn theo đăng ký thay đổi lần 7 ngày 02 tháng 07 năm 2014 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các Công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; và hoạt động kinh doanh bất động sản
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Quang Phi Chức danh: Tổng Giám đốc

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Bộ Tài chính	482.509.800	70,91%
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (Sumitomo Life)	122.509.091	18,00%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	22.154.400	3,26%
Các cổ đông khác	53.298.143	7,83%
Tổng cộng	680.471.434	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Tập đoàn có các công ty con và đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Các công ty con

Các công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	35 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ ("Bảo Việt Nhân thọ")	Tầng 37 Keangnam Hà Nội Landmark Tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("BVF")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("BVSC")	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn và lưu ký chứng khoán	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc ("Bảo Việt - Âu Lạc")	Hà Liễu, Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt ("BVInvest")	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	55%

- Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập ngày 21 tháng 06 năm 2004 theo Quyết định số 1296/QĐ/BTC của Bộ Tài chính và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp cùng ngày. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 45GP/KDBH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt là 2.000 tỷ VNĐ.
- Bảo Việt Nhân thọ được thành lập ngày 04 tháng 12 năm 2003 theo Quyết định số 3668/QĐ/BTC của Bộ Tài chính. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ dưới hình thức chuyển đổi từ Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 46/GP/KDBH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Bảo hiểm Nhân thọ là 2.000 tỷ VNĐ.
- BVF được thành lập vào ngày 22 tháng 08 năm 2005 theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HDQT-BV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Kinh doanh số 0104000256 ban hành ngày 22 tháng 08 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và giấy phép điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐCQLQ ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của BVF là 50.000.000.000 VNĐ.
- BVSC được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mức vốn điều lệ là 43.000.000.000 đồng Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của BVSC là 722.339.370.000 VNĐ.
- Bảo Việt - Âu Lạc được thành lập vào ngày 18 tháng 02 năm 2009 theo Quyết định số 2300373648 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Bảo Việt - Âu Lạc là 60.660.000.000 VNĐ.
- BVInvest được thành lập vào ngày 09 tháng 01 năm 2009 theo Giấy phép Kinh doanh số 0103034168 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của BVInvest tăng lên là 200 tỷ VNĐ.

Trong đó, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVInvest như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con (tiếp theo)

	Số vốn góp cam kết VNĐ	% trên vốn điều lệ	Số vốn đã góp VNĐ
Đầu tư trực tiếp của Công ty Mẹ	165.000.000.000	55	110.000.000.000
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con	120.000.000.000	40	80.000.000.000
- Bảo Việt Nhân thọ	60.000.000.000	20	40.000.000.000
- Bảo hiểm Bảo Việt	60.000.000.000	20	40.000.000.000
	285.000.000.000	95	190.000.000.000

Đơn vị hạch toán phụ thuộc	Địa chỉ
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Cơ bản Bảo Việt ("PMU")	71 Ngõ Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Đồng tiền kế toán

Đơn vị tiền tệ được Tập đoàn sử dụng trong việc hạch toán sổ sách kế toán là đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Ngoài ra, hàng quý, Tập đoàn còn lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt cam kết đã lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng phản ánh các hoạt động của riêng Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị phụ thuộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ Tập đoàn và các công ty con được lập riêng và độc lập với báo cáo tài chính riêng này. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty mẹ Tập đoàn và các công ty con.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi thanh toán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các Công ty con

Khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tập đoàn nắm quyền kiểm soát được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được chia trên lợi nhuận lũy kế của các Công ty con kể từ ngày đầu tư sẽ được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các thu nhập từ các nguồn khác ngoài khoản lợi nhuận nêu trên được coi là các khoản hoàn lại đầu tư và được ghi giảm vào giá gốc của các khoản đầu tư.

Danh sách các Công ty con của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 12.1.1.

Đầu tư vào các công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trong báo cáo tài chính riêng. Các khoản lợi tức được chia trên lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát kể từ ngày đầu tư sẽ được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các thu nhập từ các nguồn khác ngoài khoản lợi nhuận nêu trên được coi là các khoản hoàn lại đầu tư và được ghi giảm vào giá gốc của các khoản đầu tư.

Danh sách các khoản đầu tư vào công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 12.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc tại ngày giao dịch và sau đó luôn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng (nếu có).

- Các khoản đầu tư ngắn hạn phản ánh giá trị tất cả các khoản đầu tư ngắn hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn, các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại chứng khoán có thời gian đáo hạn không quá một năm.
- Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các khoản đầu tư góp vốn, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn có thời gian đáo hạn trên một năm.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ("Thông tư 89"). Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

Đối với chứng khoán niêm yết

Đối với chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, nếu xét thấy có bằng chứng khách quan về việc giảm giá thị trường so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán thì phần giảm giá được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng theo công thức quy định trong Thông tư 228 như sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá thời điểm lập báo cáo tài chính riêng} \times \left[\text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ sách} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán} \right]$$

Giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán là giá đóng cửa tại các sàn giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, những phương pháp dưới đây được sử dụng để tính giá trị hợp lý phục vụ cho việc so sánh với giá trị ghi sổ nhằm xác định mức tổn thất dự phòng:

- Đối với chứng khoán đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, giá thị trường là giá trị giao dịch trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Giá thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết khác là giá bình quân tính trên các báo giá của ba công ty chứng khoán độc lập hoạt động tại Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Đối với các chứng khoán không xác định được giá thị trường thì Tập đoàn không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, do Vinashin đang gặp khó khăn về tình hình tài chính và căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi của các trái phiếu này, Tập đoàn đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản lãi trái phiếu đã dự thu và dừng ghi nhận doanh thu lãi trái phiếu, thực hiện theo dõi ngoại bảng đối với các khoản dự thu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác (tiếp theo)

Đối với các khoản đầu tư tiền gửi vào Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu thủy Vinashin ("VFC") và Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn II ("ALCII"), cũng do đánh giá tình hình thực tế tại ALCII và VFC, Tập đoàn đã trích lập dự phòng 100% đối với phần lãi dự thu trong hạn theo hợp đồng đồng thời dừng ghi nhận và trích lập dự phòng đối với phần lãi phạt quá hạn.

Đầu tư góp vốn vào các tổ chức kinh tế

Đối với các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế và các khoản đầu tư dài hạn khác, phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89.

Mức trích cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được quy định trong Thông tư 89 như sau:

$$\text{Mức trích dự phòng cho mỗi khoản đầu tư tài chính} = \left[\text{Tổng vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} - \text{Vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của Tập đoàn}}{\text{Tổng vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Căn cứ để lập dự phòng là tổng số vốn đầu tư thực tế của chủ sở hữu cao hơn tổng giá trị vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế được đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo. Dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi được trình bày trên một tài khoản riêng.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ. Đối với các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết, mức trích lập dự phòng được ước tính trên cơ sở dự kiến tổn thất có thể xảy ra. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Trên ba năm	100%

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

4.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn.

4.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

N hà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 08 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Phần mềm tin học	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	04 năm

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất dài hạn theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, hợp đồng đã ký kết, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Chứng khoán mua lại và bán lại theo hợp đồng có kỳ hạn (“hợp đồng repo”)

Theo quy định tại Thông tư số 206/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2009, những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào chi phí trong kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính riêng. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được phân bổ vào doanh thu trong kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Lợi ích nhân viên

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí cho các nhân viên của Tập đoàn sau khi nghỉ hưu do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chi trả. Theo quy định, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, hàng tháng Tập đoàn sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo mức 18% trên mức lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

- Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán;
- Trợ cấp mất việc:* theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

Theo quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Tập đoàn không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Lợi ích nhân viên (tiếp theo)

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, theo quy định mới của luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện việc thu, chi, quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Lãi

Doanh thu được ghi nhận là lãi dự thu có tính đến lãi đầu tư thực tế đạt được của tài sản trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Tiền lãi trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của nó khi đáo hạn. Khi lãi dồn tích trước khi mua khoản trái phiếu đó đã được dự thu thì khi thu được tiền lãi của khoản đầu tư trái phiếu đó, Tập đoàn sẽ phân bổ vào cả kỳ trước và sau khi mua trái phiếu. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thường mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.12 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán riêng khi và chỉ khi Công ty mẹ Tập đoàn có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Công ty mẹ Tập đoàn dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị thuần, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm của Công ty mẹ Tập đoàn được phân chia theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

4.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN số 10”) và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	1.854.064.780	126.854.403
Tiền gửi ngân hàng	49.252.130.462	53.287.528.159
Tiền gửi ngân hàng (VNĐ)	49.199.003.352	53.234.767.978
Tiền gửi ngân hàng đô la Mỹ (USD) quy VNĐ	53.127.110	52.760.181
Các khoản tương đương tiền (*)	-	174.000.000.000
	51.106.195.242	227.414.382.562

(*) Các khoản tương đương tiền là các hợp đồng tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng (TCTD) có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Tiền gửi		
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (*)	2.793.000.000.000	2.511.000.000.000
	2.793.000.000.000	2.511.000.000.000
Trái phiếu		
Trái phiếu ngắn hạn	210.000.000.000	60.000.000.000
	210.000.000.000	60.000.000.000
Cổ phiếu		
Cổ phiếu niêm yết	452.298.034.039	421.863.948.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	98.250.000.000	98.250.000.000
	550.548.034.039	520.113.948.000
Tổng cộng đầu tư ngắn hạn	3.553.548.034.039	3.091.113.948.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (**)	(608.713.886.928)	(592.297.153.745)
Tổng đầu tư ngắn hạn	2.944.834.147.111	2.498.816.794.255

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các TCTD có thời hạn gốc trên ba (03) tháng và thời gian đáo hạn không quá một (01) năm.

(**) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn bao gồm dự phòng giảm giá cổ phiếu, dự phòng cho các khoản tiền gửi đã quá hạn gốc và lãi và khoản gốc và lãi quá hạn của trái phiếu Vinashin. Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, do Vinashin đang gặp khó khăn về tình hình tài chính và căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi của các trái phiếu này, Tập đoàn đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản lãi trái phiếu đã dự thu, đồng thời dừng ghi nhận doanh thu lãi trái phiếu và thực hiện theo dõi ngoại bảng đối với khoản dự thu này với số tiền đến 31 tháng 12 năm 2014 là 55.573.492.500 VNĐ.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu của khách hàng là các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư của Tập đoàn:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Phải thu từ:		
- Dự thu lãi tiền gửi	208.601.060.845	219.285.924.705
- Dự thu lãi trái phiếu	65.450.150.784	55.630.190.458
- Dự thu cổ tức	-	12.974.563.200
	274.051.211.629	287.890.678.363

8. PHẢI THU TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Phải thu:		
- Bảo Việt Nhân thọ	208.635.694.157	100.479.734.828
- Bảo hiểm Bảo Việt	135.899.350.385	134.097.132.738
- Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	1.996.467.307	6.428.954.902
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	1.978.905.280	6.096.569.243
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	1.688.906.107	1.762.869.835
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	9.184.292.592	-
	359.383.615.828	248.865.261.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VNĐ	Dụng cụ quản lý VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2014	331.822.256.058	11.294.299.639	147.466.692.902	60.165.820.071	1.398.665.877	552.147.734.547
Tăng trong năm	-	728.317.260	-	13.726.427.093	-	14.454.744.353
Tại ngày 31/12/2014	331.822.256.058	12.022.616.899	147.466.692.902	73.892.247.164	1.398.665.877	566.602.478.900
Hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2014	53.515.878.031	7.883.216.647	97.332.571.293	40.262.564.404	259.426.708	199.253.657.083
Khấu hao trong năm	13.122.403.255	1.740.155.213	22.370.493.034	12.839.366.522	236.267.979	50.308.686.003
Tại ngày 31/12/2014	66.638.281.286	9.623.371.860	119.703.064.327	53.101.930.926	495.694.687	249.562.343.086
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2014	278.306.378.027	3.411.082.992	50.134.121.609	19.903.255.667	1.139.239.169	352.894.077.464
Tại ngày 31/12/2014	265.183.974.772	2.399.245.039	27.763.628.575	20.790.316.238	902.971.190	317.040.135.814

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2014	63.135.267.200	59.353.986.856	122.489.254.056
Tăng trong năm	-	3.903.195.400	3.903.195.400
Tại ngày 31/12/2014	63.135.267.200	63.257.182.256	126.392.449.456
Hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2014	17.304.969.833	47.056.672.818	64.361.642.651
Khấu hao trong năm	1.708.119.864	6.961.661.826	8.669.781.690
Tại ngày 31/12/2014	19.013.089.697	54.018.334.644	73.031.424.341
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2014	45.830.297.367	12.297.314.038	58.127.611.405
Tại ngày 31/12/2014	44.122.177.503	9.238.847.612	53.361.025.115

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỪNG DANG

	VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	42.950.941.202
Chi phí phát sinh trong năm	18.097.648.482
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(16.363.001.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	44.685.588.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Đầu tư vào các Công ty con và BVF1	12.1	4.891.291.148.720	6.498.116.592.172
- Đầu tư vào các Công ty con	12.1.1	4.891.291.148.720	6.451.291.148.720
- Đầu tư vào BVF1	12.1.2	-	46.825.443.452
Đầu tư vào công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát	12.2	1.737.000.000.000	177.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	12.3	1.050.866.732.657	1.568.309.660.459
- Trái phiếu	12.3.1	594.491.312.657	750.251.520.459
- Tiền gửi có kỳ hạn	12.3.2	157.000.000.000	455.000.000.000
- Đầu tư góp vốn dài hạn khác	12.3.3	299.375.420.000	363.058.140.000
		7.679.157.881.377	8.243.426.252.631
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	12.4	(1.093.881.589)	(80.012.836.144)
		7.678.063.999.788	8.163.413.416.487

12.1 Đầu tư vào các Công ty con và BVF1**12.1.1 Đầu tư vào các công ty con**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Bảo Việt Nhân thọ	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Bảo hiểm Bảo Việt	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
BVF	50.000.000.000	50.000.000.000
BVSC	694.895.148.720	694.895.148.720
Baoviet Bank	-	1.560.000.000.000
BVInvest	110.000.000.000	110.000.000.000
Bảo Việt – Âu Lạc	36.396.000.000	36.396.000.000
	4.891.291.148.720	6.451.291.148.720

12.1.2 Đầu tư vào BVF1

BVF1 được thành lập tại Việt Nam ngày 19 tháng 07 năm 2006 dưới hình thức quỹ đóng theo giấy phép số 05/UBCK-TLQTV do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Thời gian hoạt động ban đầu của Quỹ là 5 năm kể từ ngày được cấp giấy phép và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép gia hạn thời gian hoạt động của Quỹ đến ngày 19 tháng 07 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**12.1.2 Đầu tư vào BVF1 (tiếp theo)**

Quý có Vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 50.000.000 (năm mươi triệu) đơn vị quỹ cho cổ đông với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ và được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng Việt Nam theo công văn số 98/TB-UBCK ngày 04 tháng 03 năm 2008 của Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp tương đương với 100.000.000 (một trăm triệu) đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ.

Quý được quản lý bởi BVF là Công ty con của Tập đoàn. Ngân hàng giám sát của Quý BVF1 là Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Thành viên của Quý Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt số 02.2012/BVF1-HĐTV ngày 18 tháng 10 năm 2012 và Công văn chấp thuận số 17/UBCKQLQ ngày 19 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Quý BVF1 bắt đầu tiến hành giải thể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, thời gian thực hiện giải thể Quý là từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 19 tháng 07 năm 2014.

Ngày 19 tháng 07 năm 2014, BVF1 đã hoàn thành việc giải thể và đã chuyển trả toàn bộ phần vốn góp còn lại cho các nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ nắm giữ ban đầu.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	1.560.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (Baoviet Resort)	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine (Bảo Việt Tokio Marine)	153.000.000.000	153.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế (VIGEBEA)	15.000.000.000	15.000.000.000
	1.737.000.000.000	177.000.000.000

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát của Tập đoàn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Công ty được đầu tư	Vốn điều lệ VNĐ	Vốn Tập đoàn đã góp VNĐ	Tỷ lệ %
Công ty liên kết			
Baoviet Resort	60.000.000.000	21.000.000.000	35
- Vốn góp của Công ty mẹ Tập đoàn		9.000.000.000	
- Vốn góp của Bảo Việt Nhân Thọ		12.000.000.000	
VIGEBEA	180.000.000.000	54.000.000.000	30
- Vốn góp của Công ty mẹ Tập đoàn		15.000.000.000	
- Vốn góp của Bảo Việt Nhân Thọ		39.000.000.000	
Baoviet Bank	3.150.000.000.000	1.560.000.000.000	49,52
- Vốn góp của Công ty mẹ Tập đoàn		1.560.000.000.000	
Đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát			
Bảo Việt Tokio Marine	300.000.000.000	153.000.000.000	51
		1.788.000.000.000	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn không có cam kết góp thêm vốn vào các công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**12.3 Đầu tư dài hạn khác****12.3.1 Trái phiếu**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Trái phiếu doanh nghiệp	341.190.704.016	485.966.258.263
Trái phiếu chính phủ	253.300.608.641	264.285.262.196
	594.491.312.657	750.251.520.459

Các trái phiếu doanh nghiệp mà Tập đoàn đầu tư có lãi suất từ 9,4%/năm đến 10,5%/năm.

Các trái phiếu chính phủ mà Tập đoàn đầu tư có lãi suất từ 9,1%/năm đến 9,3%/năm.

12.3.2 Tiền gửi có kỳ hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Tiền gửi dài hạn tại các tổ chức tín dụng	157.000.000.000	455.000.000.000
	157.000.000.000	455.000.000.000

Các khoản tiền gửi này có thời gian đáo hạn còn lại từ trên 1 năm với mức lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,1%/năm.

12.3.3 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn của Tập đoàn vào các đơn vị không phải là công ty con, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát hay công ty liên kết của Công ty mẹ Tập đoàn.

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Cổ phiếu chưa niêm yết	274.375.420.000	338.058.140.000
Đầu tư khác	25.000.000.000	25.000.000.000
	299.375.420.000	363.058.140.000

12.4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn và chứng chỉ quỹ mà tổng số vốn đầu tư thực tế của Tập đoàn cao hơn tổng giá trị vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế được đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn	496.381.589	72.872.214.463
Dự phòng giảm giá tài sản ròng của chứng chỉ quỹ	597.500.000	7.140.621.681
	1.093.881.589	80.012.836.144

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 01 tháng 01 năm 2014 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND
Thuế và lệ phí				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.286.829.964	12.530.008.796	(12.120.247.597)	4.696.591.163
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.380.565.186	53.068.030.227	(81.488.273.444)	(6.039.678.031)
Thuế thu nhập cá nhân	869.538.196	6.738.930.265	(6.752.847.495)	855.620.966
Các loại thuế khác	404.133.573	11.394.523.077	(1.232.940.504)	10.565.716.146
	27.941.066.919	83.731.492.365	(101.594.309.040)	10.078.250.244

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh 24.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Quỹ tiền lương còn phải trả	23.262.504.338	19.708.010.099
	23.262.504.338	19.708.010.099

15. PHẢI TRẢ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Bảo Việt Nhân thọ	723.348.247	723.348.247
Bảo hiểm Bảo Việt	1.356.636.052	1.356.636.052
BVInvest	-	1.486.120.066
VIGEBA	73.881.550.723	53.001.550.723
	75.961.535.022	56.567.655.088

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Kinh phí công đoàn	115.014.643	259.287.182
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	235.302.060	274.936.481
Bảo hiểm thất nghiệp	63.506.633	66.146.638
Kinh phí cho các chương trình An sinh xã hội chờ giải ngân (*)	35.234.433.387	39.824.837.694
Phải trả tiền đặt cọc của các đơn vị thuê trụ sở làm việc	9.760.513.442	9.438.091.461
Phải trả phải nộp khác	1.658.777.187	1.877.649.155
	47.067.547.352	51.740.948.611

(*) Chi phí chương trình 30A của Chính phủ và các chương trình An sinh xã hội đang chờ giải ngân theo tiến độ các công trình tài trợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Quỹ khen thưởng	18.912.392.237	18.151.015.238
Quỹ phúc lợi	9.794.981.103	20.712.808.195
	28.707.373.340	38.863.823.433

18. PHẢI TRẢ GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Phải trả hợp đồng repo (*)	-	194.336.464.676
	-	194.336.464.676

(*) Bao gồm khoản phải trả hợp đồng repo với ngân hàng thương mại mà Tập đoàn cam kết sẽ mua lại trong thời gian dưới một năm.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	1.505.303.776.297	11.494.350.497.494
Chia cổ tức cho năm 2013	-	-	(1.020.707.151.000)	(1.020.707.151.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(44.172.304.023)	(44.172.304.023)
Chi thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(1.145.264.167)	(1.145.264.167)
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội (*)	-	-	(11.043.076.006)	(11.043.076.006)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	1.121.350.499.255	1.121.350.499.255
Số dư tại ngày 31/12/2014	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	1.549.586.480.356	11.538.633.201.553

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014, Tập đoàn được trích 1% lợi nhuận sau thuế năm 2013 tương đương với số tiền 11.043.076.006 VND cho quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội và 4% lợi nhuận sau thuế năm 2013 tương đương với số tiền 44.172.304.023 VND cho quỹ khen thưởng phúc lợi.

19.2 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014			Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
	Tổng số VND	Cổ phiếu thường VND	Cổ phiếu ưu đãi VND	Tổng số VND	Cổ phiếu thường VND	Cổ phiếu ưu đãi VND
Số vốn góp của cổ đồng	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	-	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	-	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	-
TỔNG CỘNG	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197	-	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

Không có giao dịch về vốn nào với chủ sở hữu được thực hiện trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

19.4 Cổ tức

Ngày 24 tháng 04 năm 2014, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt đã thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2013 để chi trả cổ tức cho năm 2013 với tỷ lệ 15% (1.500 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 đồng Việt Nam, tương đương với số tiền 1.020.707.151.000 đồng Việt Nam. Tập đoàn đã tiến hành xong việc chi trả cổ tức cho các cổ đông từ ngày 30 tháng 06 năm 2014 đến ngày 03 tháng 07 năm 2014.

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	810.457.277	1.382.121.468
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	256.424.422.284	369.756.569.847
Lãi trái phiếu	61.302.822.469	52.453.986.848
Cổ tức và lợi nhuận được chia	936.304.566.157	846.751.406.556
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	510.561	3.346.219
Các khoản thu nhập khác	6.759.012.666	1.039.398.237
	1.261.601.791.414	1.271.386.829.175

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(62.502.221.372)	(93.631.251.180)
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	37.915.880
Chi phí tài chính khác	11.315.013.378	6.704.977.716
	(51.187.207.994)	(86.888.357.584)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Chi phí nhân viên	88.628.012.951	85.465.551.633
Chi phí vật liệu quản lý	694.529.765	852.965.300
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.111.965.743	3.439.912.855
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.076.435.206	30.870.606.365
Thuế, phí, lệ phí	87.390.786	329.290.788
Tiền thuê đất	10.291.966.100	25.151.555.974
Chi phí tư vấn	4.409.559.000	9.324.988.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.513.044.858	43.050.753.862
Chi phí quản lý khác	30.146.644.245	27.801.081.890
	204.959.548.654	226.286.706.729

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Thu nhập khác		
Cho thuê văn phòng	77.536.522.765	79.743.285.874
Các khoản thu nhập khác	1.016.965.953	1.249.837.589
	78.553.488.718	80.993.123.463
Chi phí khác		
Chi phí quản lý tòa nhà	(10.928.209.990)	(21.382.412.824)
Các khoản chi phí khác	-	(69.918.390)
	(10.928.209.990)	(21.452.331.214)
Lợi nhuận khác	67.625.278.728	59.540.792.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty mẹ Tập đoàn là 22% cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

24.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.175.454.729.482	1.191.529.272.279
Các khoản điều chỉnh giảm:		
- Thu nhập không chịu thuế từ cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(936.305.076.718)	(846.754.752.775)
- Hoàn nhập chi phí đã không tính vào chi phí được khấu trừ của năm trước	-	(45.790.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Chi phí không được khấu trừ thuế	2.068.666.449	8.256.967.301
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	241.218.319.213	307.241.486.805
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm	53.068.030.227	76.810.371.701
Thuế TNDN phải trả đầu năm	22.380.565.186	(10.619.648.399)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(81.488.273.444)	(43.810.158.116)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	(6.039.678.031)	22.380.565.186

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chính có các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	1.036.200.000	(1.036.200.000)	(10.411.300.000)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			(1.036.200.000)	(10.411.300.000)

25. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tập đoàn đã tiến hành các giao dịch với các công ty có liên quan qua hoạt động đầu tư góp vốn. Như trình bày dưới đây, giao dịch giữa Tập đoàn và các công ty có liên quan thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó là thành viên của cùng một tập đoàn.

Các bên liên quan của Công ty mẹ Tập đoàn có giao dịch với Công ty mẹ Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

Các bên liên quan	Quan hệ
Bộ Tài chính	Cổ đồng sáng lập
SCIC	Cổ đồng sáng lập
Sumitomo Life	Cổ đồng chiến lược
Bảo hiểm Bảo Việt	Công ty con
Bảo Việt Nhân thọ	Công ty con
BVF	Công ty con
BVSC	Công ty con
BVInvest	Công ty con
Baoviet Resort	Công ty liên kết
VIGIBA	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long Việt	Công ty liên kết
Baoviet Bank	Công ty liên kết
Bảo Việt Tokio Marine	Đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch quan trọng với các bên liên quan trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

Các bên liên quan	Giao dịch	Số tiền VNĐ
Cổ đông sáng lập		
Bộ Tài chính	Cổ tức năm 2013 đã trả	723.764.700.000
SCIC	Cổ tức năm 2013 đã trả	33.231.600.000
Cổ đông chiến lược		
Sumitomo Life	Cổ tức năm 2013 đã trả	183.763.636.500
Công ty liên kết và đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát		
Bảo Việt Tokio Marine	Cổ tức nhận được	29.210.056.957
Baoviet Bank	Doanh thu cho thuê nhà	11.430.895.238
	Cổ tức nhận được	46.800.000.000
Công ty con		
Bảo Việt Nhân thọ	Lợi nhuận chuyển về	593.897.447.590
Bảo hiểm Bảo Việt	Lợi nhuận chuyển về	233.714.214.185
BVF	Lợi nhuận chuyển về	11.088.338.225
	Doanh thu cho thuê nhà	2.500.226.190
BVSC	Doanh thu cho thuê nhà	6.606.830.586
BVInvest	Chi phí quản lý tòa nhà	10.928.209.990
	Doanh thu cho thuê nhà	51.828.688.913

Số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan được trình bày tại các Thuyết minh số 8 và 15 trong báo cáo tài chính riêng này.

Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 VNĐ
Lương cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	2.700.000.000	2.700.000.000
	2.700.000.000	2.700.000.000

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

26.1 Cơ chế quản lý rủi ro

Mục tiêu của hoạt động Quản lý rủi ro (QLRR) tại Tập đoàn Bảo Việt nhằm phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra để góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả; góp phần tạo ra môi trường quản lý minh bạch; bảo vệ tài sản và uy tín của Tập đoàn.

Hoạt động quản lý rủi ro được thực hiện thống nhất từ Ban Lãnh đạo Tập đoàn đến từng bộ phận chức năng, cán bộ tại Tập đoàn theo một nguyên tắc chung nhằm chủ động phát hiện, đánh giá và kiểm soát tác động của các loại rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

26.1 Cơ chế quản lý rủi ro (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (HĐQT) chịu trách nhiệm quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt; ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt và thực hiện giám sát hoạt động quản lý rủi ro toàn Tập đoàn.

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn quản lý rủi ro nội bộ, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro đã được HĐQT phê duyệt. Các chính sách và hệ thống QLRR được rà soát định kỳ nhằm phản ánh kịp thời những biến động của thị trường và các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Hội đồng Quản lý rủi ro (HĐQLRR) Tập đoàn Bảo Việt là cơ quan giúp việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro. Các cuộc họp của HĐQLRR được tổ chức định kỳ nhằm đánh giá mức độ rủi ro tập trung toàn Tập đoàn, đánh giá nhận dạng các rủi ro mới và biện pháp phòng ngừa; phê duyệt mô hình, công cụ đo lường, hạn mức các loại rủi ro; giám sát việc thực hiện các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt.

Tại thuyết minh này, Tập đoàn Bảo Việt trình bày cách thức cơ bản về hoạt động QLRR nói chung và các mục tiêu, chính sách, quy trình, phương pháp quản lý, đo lường các loại rủi ro cụ thể liên quan tới việc sử dụng các công cụ tài chính nói riêng.

26.2 Quản lý rủi ro tài chính

Quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu trong các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Để đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa thiệt hại do rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt liên tục theo dõi hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn bảo đảm sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận.

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt chịu tác động bởi rủi ro tài chính như rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

26.2.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được định nghĩa là khoản lỗ tiềm tàng do khả năng hoặc thiện chí trả nợ theo hợp đồng của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi.

Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính, bao gồm tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác. Ban Điều hành đã ban hành một khung quản lý rủi ro tín dụng để quản lý chất lượng tín dụng và rủi ro tập trung.

- Các khoản đầu tư tiền gửi

Rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi được hiểu là nguy cơ không thu hồi được cả gốc và lãi theo thời hạn đã ấn định trong hợp đồng xây ra do tổ chức tín dụng phá sản, bị tụt hạng tín dụng hoặc mất khả năng thanh khoản.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tiền gửi, Tập đoàn đã xây dựng và triển khai mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên mô hình phân tích tín dụng nội bộ. HĐQLRR Tập đoàn xác định hạn mức tín dụng đối với mỗi tổ chức tín dụng mà Bảo Việt được phép gửi tiền và các hạn mức này được rà soát định kỳ. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đưa ra hành động kịp thời khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. HĐQLRR Tập đoàn rà soát mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp.

- Đầu tư trái phiếu

Rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư trái phiếu là nguy cơ không thu hồi được nợ của bên phát hành trái phiếu khi đến hạn thanh toán. Để quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu, Tập đoàn xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản; xem xét thận trọng khi đầu tư trái phiếu doanh nghiệp; tuân thủ quy trình thẩm định, phê duyệt các khoản đầu tư mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

26.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

26.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

- Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ và Ban Điều hành đánh giá mức độ rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu này ở mức thấp.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt	Bị giảm giá trị riêng biệt	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2014:				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.106.195.242	-	-	51.106.195.242
Các khoản đầu tư tài chính	3.553.854.364.984	-	124.709.500.000	3.678.563.864.984
- Hợp đồng tiền gửi	2.875.066.461.054	-	-	2.875.066.461.054
- Trái phiếu	678.787.903.930	-	124.709.500.000	803.497.403.930
Phải thu từ các bên liên quan	359.883.615.828	-	-	359.883.615.828
Các khoản phải thu	1.721.423.740	-	-	1.721.423.740
- Phải thu khác	1.721.423.740	-	-	1.721.423.740
Tổng	3.966.565.599.794	-	124.709.500.000	4.091.275.099.794

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt	Bị giảm giá trị riêng biệt	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2013:				
Tiền và các khoản tương đương tiền	227.414.382.562	-	-	227.414.382.562
Các khoản đầu tư tài chính	3.600.330.831.928	-	150.000.000.000	3.750.330.831.928
- Hợp đồng tiền gửi	2.920.893.180.522	-	-	2.920.893.180.522
- Trái phiếu	679.437.651.406	-	150.000.000.000	829.437.651.406
Phải thu từ các bên liên quan	248.865.261.546	-	-	248.865.261.546
Các khoản phải thu	16.078.556.811	-	-	16.078.556.811
- Phải thu cổ tức	12.974.563.200	-	-	12.974.563.200
- Phải thu khác	3.103.993.611	-	-	3.103.993.611
Tổng	4.092.689.032.847	-	150.000.000.000	4.242.689.032.847

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

26.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

26.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tập đoàn đã trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản phải thu theo Thông tư 228 và Thông tư 89. Trong đó:

- Chưa quá hạn và không giảm giá trị:** các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.
- Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt:** tài sản tài chính với lãi suất và nợ gốc đã quá hạn nhưng Tập đoàn tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.
- Bị giảm giá trị riêng biệt:** các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà Tập đoàn cho rằng không thể thu hồi lãi và nợ gốc một phần hoặc toàn bộ theo các điều khoản của hợp đồng.

Các tài sản bị đánh giá là giảm giá trị riêng biệt bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin, đầu tư tiền gửi vào VFC và ALC II và đang được phản ánh theo giá trị thuần sau khi đã trích lập dự phòng.

26.2.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và nợ phải trả trong ngắn hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn liên tục tiến hành phân tích thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính và thông tin về luồng tiền ước tính. Phân tích các nhu cầu thanh khoản trong quá khứ để thấy những biến động về nhu cầu này và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO), Ủy ban sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp.

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Đơn vị: triệu đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	51.106	-	-	-	-	51.106
Các khoản đầu tư tài chính	30.000	590.138	3.026.049	462.284	101.850	333.600	-	4.543.921
- Hợp đồng tiền gửi	-	-	2.815.824	168.084	-	-	-	2.983.908
- Trái phiếu	30.000	-	210.225	294.200	101.850	333.600	-	969.875
- Cổ phiếu	-	565.138	-	-	-	-	-	565.138
- Đầu tư tài chính khác	-	25.000	-	-	-	-	-	25.000
Phải thu từ các bên liên quan	-	-	359.384	-	-	-	-	359.384
Các khoản phải thu	-	-	1.721	-	-	-	-	1.721
- Phải thu khác	-	-	1.721	-	-	-	-	1.721
Tổng	30.000	590.138	3.438.260	462.284	101.850	333.600	-	4.956.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

26.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

26.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH								
Phải trả các bên liên quan	-	-	75.962	-	-	-	-	75.962
Phải trả về hoạt động đầu tư tài chính	-	-	9.761	-	-	-	-	9.761
Phải trả thương mại	-	-	3.873	-	-	-	-	3.873
Phải trả thương mại khác	-	-	36.893	-	-	-	-	36.893
Tổng	-	-	126.489	-	-	-	-	126.489

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: triệu đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Quá hạn	Không xác định kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	227.414	-	-	-	-	227.414
Các khoản đầu tư tài chính	60.000	564.948	2.734.918	646.323	361.500	357.200	-	4.724.889
- Hợp đồng tiền gửi	-	-	2.673.643	388.098	-	-	-	3.061.741
- Trái phiếu	60.000	-	61.275	258.225	361.500	357.200	-	1.098.200
- Cổ phiếu	-	564.948	-	-	-	-	-	564.948
Phải thu từ các bên liên quan	-	-	248.865	-	-	-	-	248.865
Các khoản phải thu	-	-	16.079	-	-	-	-	16.079
- Phải thu cổ tức	-	-	12.975	-	-	-	-	12.975
- Phải thu khác	-	-	3.104	-	-	-	-	3.104
Tổng	60.000	564.948	3.227.276	646.323	361.500	357.200	-	5.217.247
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH								
Phải trả các bên liên quan	-	-	56.568	-	-	-	-	56.568
Phải trả về hoạt động đầu tư tài chính	-	-	9.438	-	-	-	-	9.438
Phải trả thương mại	-	-	198.739	-	-	-	-	198.739
Phải trả thương mại khác	-	-	41.702	-	-	-	-	41.702
Tổng	-	-	306.447	-	-	-	-	306.447

Không có sự khác biệt trọng yếu giữa giá trị kỳ vọng của tài sản và công nợ theo thời gian đáo hạn của hợp đồng như đã trình bày ở trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

26.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

26.2.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái.

Mục tiêu của Tập đoàn là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với chiến lược đầu tư.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động của lãi suất thị trường.

Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư trái phiếu và tiền gửi có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp để đáp ứng các khoản phải trả trong tương lai. Nếu xét mức độ ảnh hưởng của biến động lãi suất lên thu nhập lãi thì chỉ danh mục các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi có ảnh hưởng trực tiếp lên thu nhập lãi, tuy nhiên, Tập đoàn đánh giá rủi ro này ở mức thấp do các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu có lãi suất thả nổi chiếm tỷ trọng nhỏ trong toàn bộ danh mục đầu tư.

Ngoài ra, biến động giảm lãi suất cũng tác động đến các dòng tiền đáo hạn để tái đầu tư vào danh mục tiền gửi và trái phiếu. Tập đoàn thường xuyên rà soát và lựa chọn kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất lên các khoản tái đầu tư trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận.

- Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Tuy nhiên, rủi ro này của Tập đoàn không đáng kể do hầu hết các giao dịch tài sản và công nợ của Tập đoàn đều bằng đồng Việt Nam.

- Rủi ro giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Danh mục các cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết có thể có xu hướng bất lợi nếu điều kiện thị trường xấu đi.

Tình hình tài chính của các công ty mà Tập đoàn đầu tư và điều kiện thị trường có ảnh hưởng đến kết quả danh mục đầu tư. Tập đoàn Bảo Việt quản lý rủi ro này bằng việc đánh giá, lựa chọn một cách thận trọng các ngành nghề và công ty để đầu tư. Nhằm giảm thiểu các tác động do thay đổi bất lợi của thị trường và lĩnh vực đầu tư, danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn được đa dạng hóa và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu được duy trì ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

26.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

26.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng thước đo Giá trị rủi ro (“VaR”) để giám sát và giới hạn rủi ro giá cổ phiếu niêm yết. Thước đo VaR là dùng để ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động bất lợi trong khoảng thời gian nhất định (1 ngày, 1 tuần, 1 tháng, 1 năm), với mức độ tin cậy cho trước (95%):

Đơn vị: VND

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	382.396.474.039	69.901.560.000	452.298.034.039
Giá trị thị trường	176.768.931.100	304.278.546.000	481.047.477.100
VaR (95%, 1 ngày)	(3.547.956.636)	(17.437.328.076)	(20.985.284.712)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	2.597.674.961	-	2.597.674.961
VaR (95%, 1 tuần)	(7.933.472.220)	(38.991.050.924)	(46.924.523.144)
VaR (95%, 1 tháng)	(16.641.391.722)	(81.788.318.418)	(98.429.710.140)
VaR (95%, 1 năm)	(56.322.065.532)	(276.809.001.715)	(333.131.067.247)

Đơn vị: VND

Giá trị rủi ro của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	HOSE	HNX	Tổng
Giá trị sổ sách	353.937.948.000	67.926.000.000	421.863.948.000
Giá trị thị trường	113.553.788.500	208.702.080.000	322.255.868.500
VaR (95%, 1 ngày)	(2.770.071.327)	(11.825.270.709)	(14.595.342.036)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	1.395.192.187	-	1.395.192.187
VaR (95%, 1 tuần)	N/A	N/A	(32.636.176.947)
VaR (95%, 1 tháng)	N/A	N/A	(65.272.353.894)
VaR (95%, 1 năm)	N/A	N/A	(231.693.871.958)

Giá trị rủi ro VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 21 tỷ đồng, nghĩa là với xác suất 95%, mức tổn thất tối đa của danh mục cổ phiếu niêm yết trong một ngày là khoảng 21 tỷ đồng. VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lớn hơn VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tỷ lệ phần trăm của VaR so với giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (4,4%) cao hơn tỷ lệ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (4%).

Tập đoàn Bảo Việt còn sử dụng phương pháp phân tích kịch bản “stress testing” để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy, khi có sự biến động của chỉ số thị trường (chỉ số VN-Index hoặc HNX Index), các yếu tố còn lại không đổi, lợi nhuận trước thuế sẽ bị ảnh hưởng. Mối tương quan của các biến số cũng tác động đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro về giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

26.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

26.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

	Biến động của chỉ số thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của danh mục cổ phiếu niêm yết (*) (VND)
31 tháng 12 năm 2014		
Kịch bản 1	+10%	9.441.105.134
Kịch bản 2	-10%	(10.592.246.299)
31 tháng 12 năm 2013		
Kịch bản 1	+10%	7.367.826.109
Kịch bản 2	-10%	(7.641.684.308)

(*) Lưu ý: Số liệu được tính toán áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89 do đó ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của việc biến động giá cổ phiếu chỉ tính tới các cổ phiếu niêm yết có giá thị trường giảm xuống dưới giá gốc.

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Tập đoàn vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư kỳ hạn cố định, công cụ vốn niêm yết và không niêm yết, các khoản cho vay và phải thu khách hàng, và các khoản phải thu tài chính khác. Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**
Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - a) Được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**
Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:
 - a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
 - c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.
 - **Các khoản cho vay và phải thu:**
Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:
 - a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
 - c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.
 - **Tài sản sẵn sàng để bán:**
Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:
 - a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
 - b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
 - c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay. Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**
Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**
Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý VND
	Nguyên giá VND	Dự phòng giảm giá trị VND	Tổng VND	
Tài sản tài chính				
Đầu tư kỳ hạn cố định	4.027.492.524.210	(348.928.659.226)	3.678.563.864.984	3.614.863.511.819
- Sẵn sàng để bán – Chứng khoán nợ	274.489.610.063	-	274.489.610.063	306.614.749.654
- Cho vay và phải thu – Chứng khoán nợ	595.451.853.378	(66.444.059.511)	529.007.793.867	418.272.866.866
- Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi	3.157.551.060.769	(282.484.599.715)	2.875.066.461.054	2.889.975.895.299
Đầu tư vốn	849.923.454.039	(260.382.727.700)	589.540.726.339	724.820.472.064
- Sẵn sàng để bán	849.923.454.039	(260.382.727.700)	589.540.726.339	724.820.472.064
Phải thu từ các bên liên quan	359.383.615.828	-	359.383.615.828	359.383.615.828
Tài sản tài chính khác	1.721.423.740	-	1.721.423.740	1.721.423.740
- Phải thu khác	1.721.423.740	-	1.721.423.740	1.721.423.740
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.106.195.242	-	51.106.195.242	51.106.195.242
TỔNG CỘNG	5.289.627.213.059	(609.311.386.926)	4.680.315.826.133	4.751.895.218.693

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý VND
	Nguyên giá VND	Dự phòng giảm giá trị VND	Tổng VND	
Tài sản tài chính				
Đầu tư kỳ hạn cố định	4.049.403.635.571	(299.072.803.643)	3.750.330.831.928	3.690.762.626.008
- <i>Sẵn sàng để bán – Chứng khoán nợ</i>	275.217.043.019	-	275.217.043.019	266.867.393.491
- <i>Cho vay và phải thu – Chứng khoán nợ</i>	590.664.667.898	(36.444.059.511)	554.220.608.387	427.337.819.483
- <i>Cho vay và phải thu – Hợp đồng tiền gửi</i>	3.183.521.924.654	(262.628.744.132)	2.920.893.180.522	2.996.557.413.034
Đầu tư vốn	858.172.088.000	(293.224.350.100)	564.947.737.900	558.334.502.429
- <i>Sẵn sàng để bán</i>	858.172.088.000	(293.224.350.100)	564.947.737.900	558.334.502.429
Phải thu từ các bên liên quan	248.865.261.546	-	248.865.261.546	248.865.261.546
Tài sản tài chính khác	16.078.556.811	-	16.078.556.811	16.078.556.811
- <i>Phải thu cổ tức</i>	12.974.563.200	-	12.974.563.200	12.974.563.200
- <i>Phải thu khác</i>	3.103.993.611	-	3.103.993.611	3.103.993.611
Tiền và các khoản tương đương tiền	227.414.382.562	-	227.414.382.562	227.414.382.562
TỔNG CỘNG	5.399.933.924.490	(592.297.153.743)	4.807.636.770.747	4.741.455.329.356

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
31 tháng 12 năm 2014		
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả các bên liên quan	75.961.535.022	75.961.535.022
Phải trả tiền đặt cọc	9.760.513.442	9.760.513.442
Phải trả thương mại	3.873.215.117	3.873.215.117
Phải trả thương mại khác	36.893.210.574	36.893.210.574
Tổng cộng	126.488.474.155	126.488.474.155

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 210 (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
31 tháng 12 năm 2013		
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả các bên liên quan	56.567.655.088	56.567.655.088
Phải trả tiền đặt cọc	9.438.091.461	9.438.091.461
Phải trả thương mại	198.738.676.977	198.738.676.977
Phải trả thương mại khác	41.702.486.849	41.702.486.849
Tổng cộng	306.446.910.375	306.446.910.375

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư kỳ hạn cố định có lãi suất cố định hay thả nổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong phạm vi lãnh thổ, độ rủi ro của dự án được tài trợ và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Tập đoàn ước tính giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai bằng cách chiết khấu theo lãi suất thị trường.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá công bố, nếu có, tại ngày báo cáo.
- Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp. Các phương pháp này bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, giá trị tài sản ròng và các mô hình định giá liên quan.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Tại ngày báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị của từng tài sản tài chính riêng biệt trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ đó là đáng kể, hoặc đánh giá chung các tài sản tài chính trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ không đáng kể.
- Đối với các tài sản bị giảm giá trị riêng lẻ, lỗi do suy giảm giá trị được xác định là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính trong tương lai chiết khấu theo lãi suất thực tế ban đầu.
- Đối với đánh giá chung, các tài sản được phân nhóm dựa trên đặc tính rủi ro tín dụng. Lỗi do giảm giá trị được đánh giá tổng thể dựa trên kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính tương tự.
- Đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

28. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Ngoài những thông tin đã công bố trong báo cáo tài chính riêng này không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2014 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

29. MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	31,00	27,50
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	69,00	72,50
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng Nguồn vốn	%	1,62	3,32
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng Nguồn vốn	%	98,38	96,68
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	19,13	8,28
2.2 Khả năng thanh toán nhanh	Lần	19,13	8,28
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	%	93,17	93,72
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	88,88	86,86
3.2 Tỷ suất lợi nhuận/ tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	10,02	10,02
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	9,56	9,29
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	9,72	9,61

Ông Phạm Trung Thành
Trưởng Ban Kế toán

Ông Nguyễn Thanh Hải
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Quang Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 03 năm 2014

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH IFRS

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG
THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ



THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thông tin tài chính bổ sung này được trích dẫn từ Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con ("Tập đoàn") được lập theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế ("IFRS").

Ban Lãnh đạo Tập đoàn tin tưởng rằng việc thuyết minh các thông tin tài chính bổ sung sẽ giúp cho người sử dụng Báo cáo thường niên hiểu rõ hơn về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế được áp dụng rộng rãi trên thế giới.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu phí bảo hiểm	13.951.281.853.155	12.238.246.766.450
Trừ: Phí nhượng tái bảo hiểm	(1.101.757.421.476)	(1.308.653.689.794)
Thu ròng về phí bảo hiểm	12.849.524.431.679	10.929.593.076.656
Thay đổi quỹ dự phòng phí chưa được hưởng	(185.410.182.019)	(272.394.901.664)
Phí bảo hiểm ròng được hưởng	12.664.114.249.660	10.657.198.174.992
Hoa hồng từ hoạt động nhượng tái	103.710.467.297	229.353.990.840
Thu nhập khác từ hoạt động bảo hiểm	14.780.564.726	9.048.272.395
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	12.782.605.281.683	10.895.600.438.227
Thu nhập thuần từ hoạt động ngân hàng	169.641.889.545	3.567.471.364
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	3.502.015.520.754	3.109.149.983.696
Thu nhập hoạt động khác	396.371.448.854	229.121.037.573
Tổng doanh thu khác	4.068.028.859.153	3.341.838.492.633
TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG	16.850.634.140.836	14.237.438.930.860
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và các quyền lợi bảo hiểm	(6.163.256.323.137)	(6.156.500.997.354)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	(191.531.688.856)	(433.296.203.260)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	590.688.073.583	1.107.727.646.001
Thay đổi góp về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(4.492.454.138.314)	(2.280.244.640.889)
Thay đổi về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm đã nhượng cho công ty tái bảo hiểm	157.662.393.377	(471.162.519.602)
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	(10.098.891.683.347)	(8.233.476.715.104)

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo thu nhập tổng hợp hợp nhất
- Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất
- Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Những khác biệt chủ yếu về chính sách kế toán

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi hoa hồng và chi phí khai thác hoạt động bảo hiểm	(1.385.126.037.219)	(1.423.213.313.473)
Chi nhận tái bảo hiểm khác	(43.527.576.285)	(59.254.451.704)
Chi nhượng tái bảo hiểm khác	(14.587.588.653)	(2.683.675.946)
Chi phí bán hàng	(512.755.070.237)	(372.533.232.026)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.719.171.937.805)	(2.759.355.833.783)
Chi phí tài chính	(358.038.906.885)	(238.973.630.304)
Chi phí hoạt động khác	(318.529.993.088)	(208.117.555.881)
Tổng hoa hồng và chi phí	(5.351.737.110.172)	(5.064.131.693.117)
TỔNG CHI TRẢ ĐÁO HẠN, CHI BỒI THƯỜNG VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC	(15.450.628.793.519)	(13.297.608.408.221)
LỢI NHUẬN TRƯỚC PHẦN LỢI NHUẬN Ở CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH	1.400.005.347.317	939.830.522.639
Phân chia lợi nhuận từ công ty liên kết, liên doanh	148.260.435.519	31.557.789.847
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.548.265.782.836	971.388.312.486
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(269.727.291.313)	(330.665.618.176)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	1.278.538.491.523	640.722.694.310

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO THU NHẬP TỔNG HỢP HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	1.278.538.491.523	640.722.694.310
Thu nhập tổng hợp khác trong năm		
Tài sản đầu tư sẵn sàng để bán:		
Thay đổi ròng của quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán giá trị hợp lý	2.354.444.379.432	(194.839.258.276)
Thuế thu nhập liên quan đến các khoản thu nhập tổng hợp khác	(520.658.198.703)	79.176.165.339
Thu nhập tổng hợp khác đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp	1.833.786.180.729	(115.663.092.937)
Tổng thu nhập tổng hợp trong năm đã trừ thuế thu nhập doanh nghiệp	3.112.324.672.252	525.059.601.373
<i>Tổng thu nhập tổng hợp trong năm thuộc về:</i>		
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt	2.955.998.447.427	525.865.857.465
Lợi ích cổ đông thiểu số	156.326.224.825	(806.256.092)

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Tài sản		
Tài sản cố định hữu hình	1.005.336.185.214	1.060.387.298.367
Bất động sản đầu tư	23.448.947.000	23.448.947.000
Tài sản cố định vô hình	624.435.969.217	595.825.146.552
Chi phí hoãn lại	294.424.717.991	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.894.093.759.496	368.451.544.686
Các khoản đầu tư có kỳ hạn cố định		
- <i>Sẵn sàng để bán</i>	<i>18.627.542.155.069</i>	<i>17.448.650.461.619</i>
- <i>Cho vay và phải thu</i>	<i>19.278.590.256.469</i>	<i>14.797.212.729.069</i>
Đầu tư cổ phiếu		
- <i>Sẵn sàng để bán</i>	<i>1.738.441.905.996</i>	<i>1.417.618.024.144</i>
- <i>Phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi lỗ</i>	<i>200.512.089.403</i>	<i>257.861.001.149</i>
Các khoản cho vay khách hàng	-	7.727.523.261.735
Tạm ứng từ giá trị giải ước	965.083.503.977	931.860.481.727
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	207.806.151.641	251.121.527.552
Phải thu về hoạt động bảo hiểm	801.815.489.519	980.588.813.331
Tài sản tái bảo hiểm	1.619.664.691.853	1.604.700.739.695
Các khoản trả trước và tài sản khác	1.675.802.000.335	1.431.521.634.965
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.424.818.218.079	7.318.047.598.296
TỔNG TÀI SẢN	50.381.816.041.259	56.214.819.209.887

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Vốn chủ sở hữu		
Vốn điều lệ đã góp	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
Lợi nhuận chưa phân phối	499.725.125.765	557.928.916.468
Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán	2.625.626.608.382	756.797.967.206
Quỹ chênh lệch tỷ giá	16.075.608.000	16.075.608.000
Quỹ đầu tư phát triển	10.532.317.597	23.128.503.219
Quỹ dự phòng tài chính	11.180.185.968	35.756.438.161
Quỹ dự trữ bắt buộc	246.015.752.941	204.006.060.361
Quỹ khác	103.568.802.818	103.568.802.818
Tổng vốn chủ sở hữu	13.501.771.122.668	11.686.309.017.430
Lợi ích cổ đông thiểu số	572.642.210.495	2.005.695.837.690
TỔNG VỐN	14.074.413.333.163	13.692.004.855.120
Nợ phải trả		
Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	29.576.978.163.559	25.041.812.284.443
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	53.056.432.109	37.843.254.747
Doanh thu hoãn lại	88.354.037.365	-
Các khoản tiền gửi khách hàng	-	7.147.108.462.551
Các khoản phải trả các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	3.517.524.546	4.803.103.781.280
Người mua trả tiền trước	10.223.801.033	3.632.865.493
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	90.998.179.270	134.655.736.018
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	539.493.625.302	92.009.339.538
Phải trả hoạt động bảo hiểm	878.914.275.352	851.820.980.030
Phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	5.065.866.669.560	4.410.827.650.667
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	36.307.402.708.096	42.522.814.354.767
TỔNG VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ	50.381.816.041.259	56.214.819.209.887

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quý đánh giá lại tài sản sàng để bán VND	Quý chênh lệch tỷ giá VND	Quý đầu tư và phát triển VND	Quý dự phòng tài chính VND	Quý dự trữ bắt buộc VND	Quý khác VND	Tổng cộng VND	Lợi ích cổ đông thiểu số VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	1.079.327.575.879	885.480.177.557	16.075.608.000	20.372.157.338	29.808.118.286	162.698.505.129	103.568.802.818	12.286.377.666.204	2.078.442.362.608	14.364.820.028.812
Chi trả vốn góp cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(35.885.369.911)	(35.885.369.911)
Lợi nhuận trong năm	-	-	654.548.067.816	-	-	-	-	-	-	654.548.067.816	(13.825.373.506)	640.722.694.310
Trích lập các quỹ	-	-	(50.012.220.988)	-	-	2.756.345.881	5.948.319.875	41.307.555.232	-	-	-	-
Cổ tức trả cho cổ đông	-	-	(1.020.707.151.000)	-	-	-	-	-	-	(1.020.707.151.000)	(36.000.000.000)	(1.056.707.151.000)
Lợi nhuận phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(81.842.154.336)	-	-	-	-	-	-	(81.842.154.336)	-	(81.842.154.336)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(3.409.293.337)	-	-	-	-	-	-	(3.409.293.337)	(54.898.915)	(3.464.192.252)
Thay đổi giá trị hợp lý các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	(128.682.210.351)	-	-	-	-	-	(128.682.210.351)	13.019.117.414	(115.663.092.937)
Trích lập quỹ An sinh xã hội	-	-	(19.975.907.566)	-	-	-	-	-	-	(19.975.907.566)	-	(19.975.907.566)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	557.928.916.468	756.797.967.206	16.075.608.000	23.128.503.219	35.756.438.161	204.006.060.361	103.568.802.818	11.686.309.017.430	2.005.695.837.690	13.692.004.855.120
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	557.928.916.468	756.797.967.206	16.075.608.000	23.128.503.219	35.756.438.161	204.006.060.361	103.568.802.818	11.686.309.017.430	2.005.695.837.690	13.692.004.855.120
Điều chỉnh do thay đổi phương pháp hợp nhất với BaoViet Bank	-	-	32.419.498.237	-	-	(13.216.722.666)	(25.924.815.047)	-	-	(6.722.039.476)	(1.494.564.780.169)	(1.501.286.819.645)
Giảm vốn góp của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(41.834.180.494)	(41.834.180.494)
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.087.169.806.251	-	-	-	-	-	-	1.087.169.806.251	191.368.685.272	1.278.538.491.523
Trích lập cho các quỹ dự trữ	-	-	(43.978.792.478)	-	-	620.537.044	1.348.562.854	42.009.692.580	-	-	(6.204.959.518)	(6.204.959.518)
Cổ tức trả cho cổ đông	-	-	(1.020.707.151.000)	-	-	-	-	-	-	(1.020.707.151.000)	(43.200.000.000)	(1.063.907.151.000)
Trích lập quỹ An sinh xã hội	-	-	(11.043.076.006)	-	-	-	-	-	-	(11.043.076.006)	-	(11.043.076.006)
Lợi nhuận phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(98.082.362.830)	-	-	-	-	-	-	(98.082.362.830)	(2.975.691.839)	(101.058.054.669)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(3.373.190.815)	-	-	-	-	-	-	(3.373.190.815)	(600.240.000)	(3.973.430.815)
Thay đổi giá trị hợp lý các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	1.868.828.641.176	-	-	-	-	-	1.868.828.641.176	(35.042.460.447)	1.833.786.180.729
Tặng khác giảm khác	-	-	(608.522.062)	-	-	-	-	-	-	(608.522.062)	-	(608.522.062)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	499.725.125.765	2.625.626.608.382	16.075.608.000	10.532.317.597	11.180.185.968	246.015.752.941	103.568.802.818	13.501.771.122.668	572.642.210.495	14.074.413.333.163

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Tiền thu phí bảo hiểm và thu lãi	14.689.967.839.777	11.854.672.626.869
Tiền trả cho người bán, người cung cấp dịch vụ	(9.993.747.601.888)	(8.517.277.203.934)
Tiền chi trả cho người lao động	(1.230.833.323.160)	(1.153.866.184.663)
Tiền chi trả lãi vay	(540.675.477)	(1.602.304.145)
Tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(359.348.577.046)	(345.166.145.838)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	20.144.187.493.214	2.233.909.172.785
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(17.029.143.979.389)	(2.513.713.720.257)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	6.220.541.176.031	1.556.956.240.817
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(112.563.644.344)	(76.760.319.326)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.212.495.450	2.770.185.088
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	(18.312.427.024.359)	(11.968.982.554.833)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	14.131.798.756.079	14.315.909.713.046
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(74.237.901.515)	(879.172.180.950)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	313.897.951.355	992.284.832.781
Tiền thu lãi cho vay, trái tức và lợi nhuận được chia	664.286.552.445	411.742.414.400
Tiền và tương đương tiền do thay đổi phương pháp hợp nhất Ngân hàng Bảo Việt	(7.670.212.570.700)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(11.055.245.385.589)	2.797.792.090.206

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền chi trả cho cổ đông thiểu số	(39.013.395.859)	(35.763.844.591)
Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn	509.179.625.306	52.043.573.583
Tiền chi trả nợ gốc vay	(508.515.674.343)	(74.650.225.393)
Tiền chi trả cổ tức	(1.019.959.934.400)	(1.056.846.370.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.058.309.379.296)	(1.115.216.866.751)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(5.893.013.588.854)	3.239.531.464.272
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	7.318.047.598.296	4.077.977.824.233
Ảnh hưởng của biến động tỷ giá	(215.791.363)	538.309.791
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	29 1.424.818.218.079	7.318.047.598.296

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐÔI CHIẾU NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN GIỮA CÁC CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS) VÀ CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS)

(i) Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn Bảo Việt

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Theo VAS	1.627.305.425.297	1.654.066.796.871
1. Tài sản tài chính		
Định giá cổ phiếu	47.374.945.736	(19.550.069.805)
Đầu tư có kỳ hạn cố định	(123.927.166.767)	(51.078.076.060)
Tiền gửi có kỳ hạn	(106.558.963.722)	(63.671.915.969)
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	301.808.404.110	(294.774.723.629)
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(237.414.799.084)	-
2. Các khoản mục bảo hiểm		
Điều chỉnh dự phòng bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ	(95.295.291.184)	(41.014.717.767)
Hoàn nhập dự phòng dao động lớn	97.921.509.054	(135.059.234.306)
Dự phòng phải thu bảo hiểm	62.967.958.889	(98.971.820.607)
3. Các khoản mục khác		
Hàng tồn kho ghi nhận vào BCKQKD	51.877.149	(3.526.450.187)
Hợp đồng Repo	(10.297.514)	671.390.581
Chi phí TSCTA	(8.497.753.058)	24.625.009.201
Trợ cấp thất nghiệp	(15.213.177.362)	594.138.216
Điều chỉnh tài sản cố định vô hình	(2.274.822.180)	(950.734.384)
Điều chỉnh tài sản cố định hữu hình	27.933.472	28.720.330
Theo IFRS và được báo cáo trên Thông tin tài chính bổ sung này	1.548.265.782.836	971.388.312.485

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐÔI CHIẾU NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN GIỮA CÁC CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS) VÀ CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS) (tiếp theo)

(ii) Tài sản ròng của Tập đoàn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2013 VND
Theo VAS	12.816.821.073.013	14.215.468.711.794
1. Tài sản tài chính		
Định giá cổ phiếu	432.479.370.606	209.189.370.524
Đầu tư có kỳ hạn cố định	2.106.132.229.564	51.530.071.246
Tiền gửi có kỳ hạn	44.812.245.017	151.371.208.739
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	-	(301.808.404.110)
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(237.414.799.084)	-
2. Các khoản mục bảo hiểm		
Điều chỉnh dự phòng bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ	(672.799.311.167)	(577.504.019.983)
Hoàn nhập dự phòng dao động lớn	153.799.556.175	48.327.448.749
Dự phòng phải thu bảo hiểm	(36.345.331.553)	(99.313.290.443)
3. Các khoản mục khác		
Hàng tồn kho ghi nhận vào BCKQKD	(30.384.440.536)	(30.436.317.685)
Hợp đồng Repo	-	10.297.515
Chi phí TSCTA	(8.497.753.058)	-
Trợ cấp thất nghiệp	(53.056.432.109)	(37.843.254.746)
Điều chỉnh tài sản cố định vô hình	(88.388.634.601)	(86.113.812.421)
Điều chỉnh tài sản cố định hữu hình	-	(27.933.472)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(352.744.439.104)	149.154.779.413
Theo IFRS và được báo cáo trên Thông tin tài chính bổ sung này	14.074.413.333.163	13.692.004.855.120

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS

Khoản mục	VAS	IFRS
Tài sản tài chính	<p>Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo nguyên giá. Các khoản đầu tư ngắn hạn là các chứng khoán niêm yết và các chứng khoán thanh toán khác luôn sẵn sàng để bán và dự định nắm giữ ít hơn một năm.</p> <p>Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết ("OTC"), trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay và cho vay ủy thác, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, tất cả đều được dự định nắm giữ hơn một năm.</p> <p>Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như giá mua vượt quá giá thị trường tại thời điểm báo cáo.</p>	<p>i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh và các tài sản tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.</p> <p>ii) Các khoản đầu tư được dự định tiếp tục nắm giữ được phân loại là sẵn sàng để bán và được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý cộng với chi phí giao dịch trực tiếp hoặc chỉ phát sinh khi có giao dịch xảy ra. Tại mỗi lần khóa sổ, giá trị hợp lý được xác định lại, các khoản lãi lỗ sẽ được ghi nhận vào khoản mục Các thu nhập tổng hợp khác và lãi, lỗ lũy kế được trình bày riêng rẽ ở mục quỹ dự trữ hợp lý thuộc vốn chủ sở hữu cho đến khi khoản đầu tư được bán hoặc giảm giá trị. Khi các khoản đầu tư sẵn sàng để bán được bán, các thu nhập hoặc lỗ lũy kế đã được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trước đây sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.</p> <p>iii) Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản phải trả đã được xác định trước và không được báo giá trên thị trường tích cực. Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, và đây là giá trị hợp lý của giá trị trả ra để có được khoản đầu tư. Tất cả các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua cũng được cộng vào giá gốc của đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay và phải thu được xác định giá trị theo giá trị phân bổ, sử dụng phương pháp lãi suất thực tế. Lãi và lỗ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản đầu tư được dùng ghi nhận hoặc bị giảm giá trị, cũng như qua việc phân bổ giá trị.</p>

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS (tiếp theo)

Khoản mục	VAS	IFRS
Dự phòng giảm giá trị	Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như chi phí mua vượt quá giá thị trường tại ngày khóa sổ báo cáo.	<p>Dự phòng được ghi nhận đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán, đối với tài sản này thay đổi về giá trị hợp lý được ghi nhận vào Thu nhập tổng hợp khác.</p> <p>Lỗ dự phòng trước đây của các công cụ nợ Sẵn sàng để bán (tài sản tiền tệ) được ghi đảo vào thu nhập khi giá trị hợp lý tăng.</p> <p>Đối với các công cụ vốn Sẵn sàng để bán (các tài sản phi tiền tệ), các lỗ dự phòng trước đây được ghi đảo vào vốn chủ.</p>
Công ty liên kết	Các khoản đầu tư vào công ty liên kết không phải là đối tượng đánh giá tổn thất theo như chuẩn mực VAS 7.	Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi về giá trị sau này đối với phần sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên kết. Giá trị ghi nhận này sẽ bị ghi giảm khi có bằng chứng về tổn thất.
Các khoản phải thu	Các khoản phải thu phản ánh theo giá trị phải thu đến hạn từ khách hàng và các con nợ khác và trừ đi dự phòng nợ khó đòi. Nợ khó đòi là khoản thiệt hại ước tính phát sinh từ các khoản nợ không còn khả năng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo. Phần dự phòng này được tính theo tỷ lệ khác nhau dựa trên tuổi nợ của các khoản phải thu.	Các khoản phải thu được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi các dự phòng nợ khó đòi.
Nhà xưởng, trang thiết bị	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Định giá lại hoặc ghi giảm khi có tổn thất là không được phép, trừ phi có quyết định riêng từ Bộ Tài chính.	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất kỳ dự phòng giảm giá nào.
Các tài sản vô hình	Các tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Việc đánh giá lại hoặc ghi giảm do tổn thất là không được phép.	Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất cứ tổn thất lũy kế nào. Nếu tài sản vô hình có thời hạn sử dụng vô thời hạn thì IAS 38 yêu cầu không tiến hành trích khấu hao cho tài sản.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS (tiếp theo)

Khoản mục	VAS	IFRS
Dự phòng bảo hiểm nhân thọ	Dự phòng đảm bảo cân đối được trích dựa trên lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.	IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng đảm bảo cân đối).
Dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ	<p>Quý dự phòng tổn thất nhưng chưa báo cáo tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được tính theo công thức mà Bộ Tài Chính ban hành.</p> <p>Dự phòng dao động lớn được trích dựa trên phí giữ lại của năm tài chính.</p>	<p>Toàn bộ dự phòng được trích cho các ước tính về tổn thất đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết tại ngày khóa sổ và các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại.</p> <p>IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng giao động lớn).</p>
Thuế thu nhập	VAS 17 không quy định về các chênh lệch tạm thời và việc ghi nhận thuế hoãn lại liên quan đến hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại, các tài sản ghi nhận theo giá trị hợp lý và các khoản hỗ trợ từ chính phủ.	<p>Các tài sản và nghĩa vụ thuế hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch được khấu trừ hoặc chịu thuế là các chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nghĩa vụ vì mục đích báo cáo tài chính và mục đích tính thuế.</p> <p>Các tài sản thuế hoãn lại cũng phát sinh từ các khoản lỗ thuế chưa sử dụng hoặc các khoản khấu trừ chưa sử dụng của thuế, nếu có. Giá trị của khoản thuế hoãn lại được ghi nhận dựa trên dự kiến về cách thức thực hiện hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ, sử dụng các mức thuế đã ban hành hoặc có hiệu lực ban hành vào thời điểm khóa sổ.</p>

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

1	AFYP	Doanh thu khai thác mới quy năm
2	ALCO	Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có
3	AUM	Tổng tài sản quản lý
4	BANCASURANCE	Bán chéo các sản phẩm bảo hiểm qua hệ thống ngân hàng
5	BCTC	Báo cáo tài chính
6	BCTN	Báo cáo thường niên
7	BCPTBV	Báo cáo phát triển bền vững
8	BKS	Ban Kiểm soát
9	BH	Bảo hiểm
10	BHBV	Bảo hiểm Bảo Việt
11	BVB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt
12	BVINVEST	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt
13	BVF	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
14	BVFED	Quỹ đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt
15	BVF1	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt
16	BVH	Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt
17	BVNT	Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
18	BVSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
19	CAGR	Tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm
20	CAR	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
21	CAT	Mô hình đánh giá rủi ro thiên tai
22	CNTT	Công nghệ thông tin
23	COC	Mô hình kinh doanh tập trung
24	CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
25	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông

26	ĐVTV/CTTV	Đơn vị thành viên/ Công ty thành viên
27	EPS	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
28	E&Y	Công ty kiểm toán Ernst & Young
29	KPI	Chỉ tiêu hoạt động cơ bản
30	KTM	Khai thác mới
31	FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
32	FED	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
33	KLGD	Khối lượng giao dịch
34	KTNB	Kiểm toán nội bộ
35	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
36	HĐQT/HĐTV	Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên
37	HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
38	HOSE/HSX	Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
39	HSBC	HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited
40	IR	Quan hệ nhà đầu tư
41	M&A	Thâu tóm và sáp nhập
42	LACP	Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Hoa Kỳ
43	LN	Lợi nhuận
44	LNST	Lợi nhuận sau thuế
45	NPL	Tỷ lệ nợ xấu
46	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
47	NHNN	Ngân hàng nhà nước
48	NSNN	Ngân sách Nhà nước
49	ODA	Viện trợ phát triển chính thức
50	P/E	Hệ số giá trên thu nhập của cổ phiếu

51	QLGSBH	Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm
52	PVIF	Giá trị lợi nhuận trong tương lai của các hợp đồng đang có hiệu lực
53	QE3	Chương trình nới lỏng định lượng của Chính phủ Mỹ
54	QLRR	Quản lý rủi ro
55	ROA	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản
56	ROE	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
57	RMC	Hệ đồng Quản lý rủi ro
58	SCIC	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
59	SP	Sản phẩm
60	TCT	Tổng công ty
61	TNHH/CTCP	Trách nhiệm hữu hạn/ Công ty Cổ phần
62	TNDS	Trách nhiệm dân sự
63	TTCK	Thị trường chứng khoán
64	TTLK	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
65	TSCTA	Thoả thuận Hỗ trợ kỹ thuật và Chuyển giao năng lực
66	UBKT	Ủy ban Kiểm toán
67	UNCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
68	UPCOM	Thị trường giao dịch các cổ phiếu chưa niêm yết
69	VAS	Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam
70	VCSH	Vốn chủ sở hữu
71	VĐL	Vốn điều lệ
72	VN-INDEX	Chỉ số giá chứng khoán VN-Index
73	VPĐD	Văn phòng đại diện
74	WB	Ngân hàng Thế giới



BAO VIET

VÌ NHỮNG NIỀM TIN CỦA BẠN

BAOVIET  **Holdings**
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại (84-4) 3928 9898 / 3928 9999
Fax (84-4) 3928 9609 / 3928 9610
Website www.baoviet.com.vn

BAOVIET  **Insurance**
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Số 35 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại (84-4) 3826 2614/3826 2774
Fax (84-4) 3825 7188
Website www.baoviet.com.vn/baohiem

BAOVIET  **Life**
BẢO VIỆT NHÂN THỌ

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Trụ sở chính: Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại (84-4) 6251 7777
Fax (84-4) 3577 0958
Website www.baovietnhantho.com.vn

BAOVIET  **Fund**
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Bảo Việt
Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại (84-4) 3928 9589
Fax (84-4) 3928 9590
Website www.baoviet.com.vn/quanlyquy

BAOVIET  **Securities**
CHUNG KHOẢN BẢO VIỆT

CÔNG TY CHỨNG KHOẢN BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 2, Tòa nhà Bảo Việt
Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại (84-4) 3928 8080
Fax (84-4) 3928 9888
Website www.baoviet.com.vn/chungkhoan

BAOVIET  **Invest**
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Số 71 Ngõ Sĩ Liên
Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại (84-4) 3732 6868
Fax (84-4) 3732 5858
Website www.baoviet.com.vn/dautu